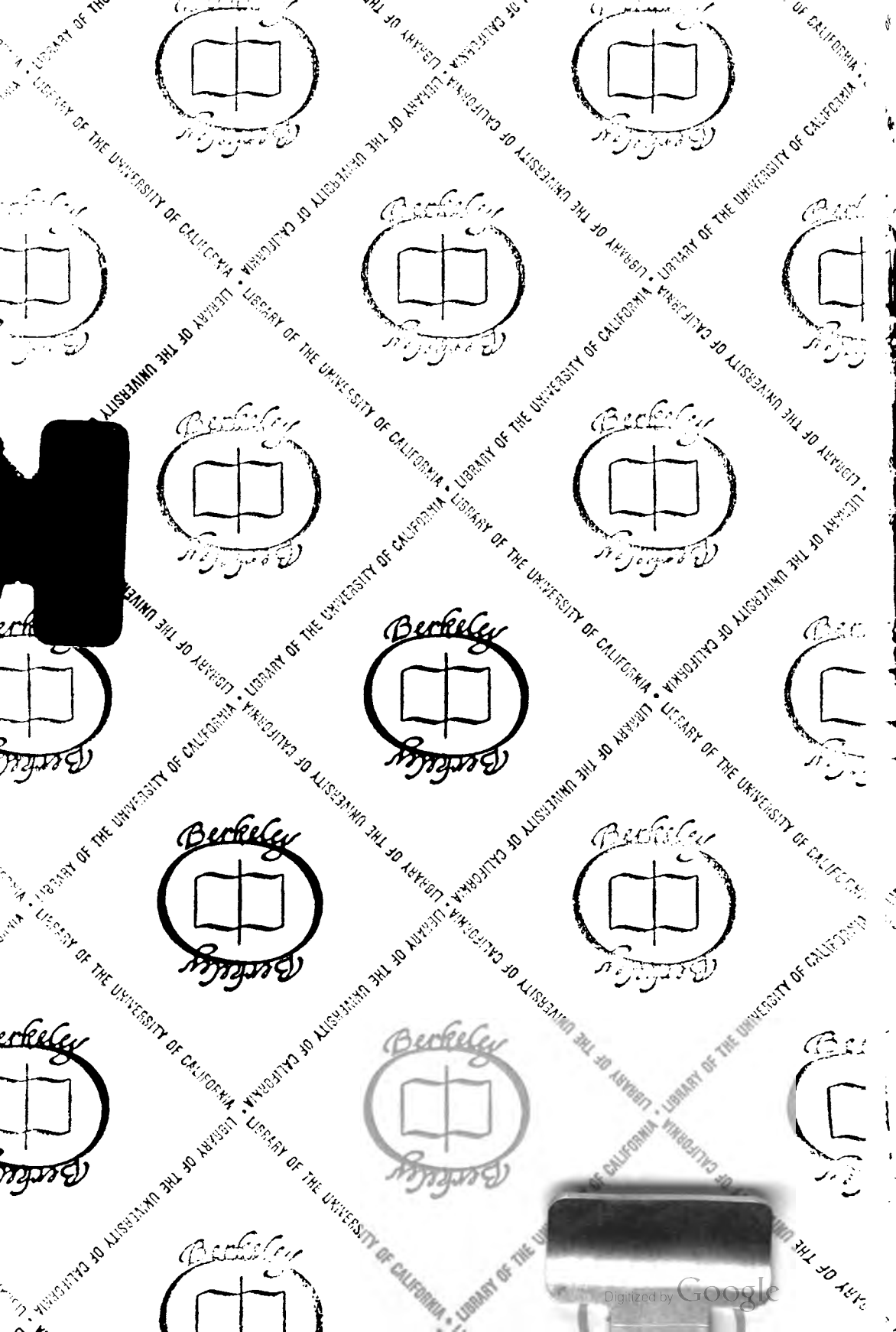
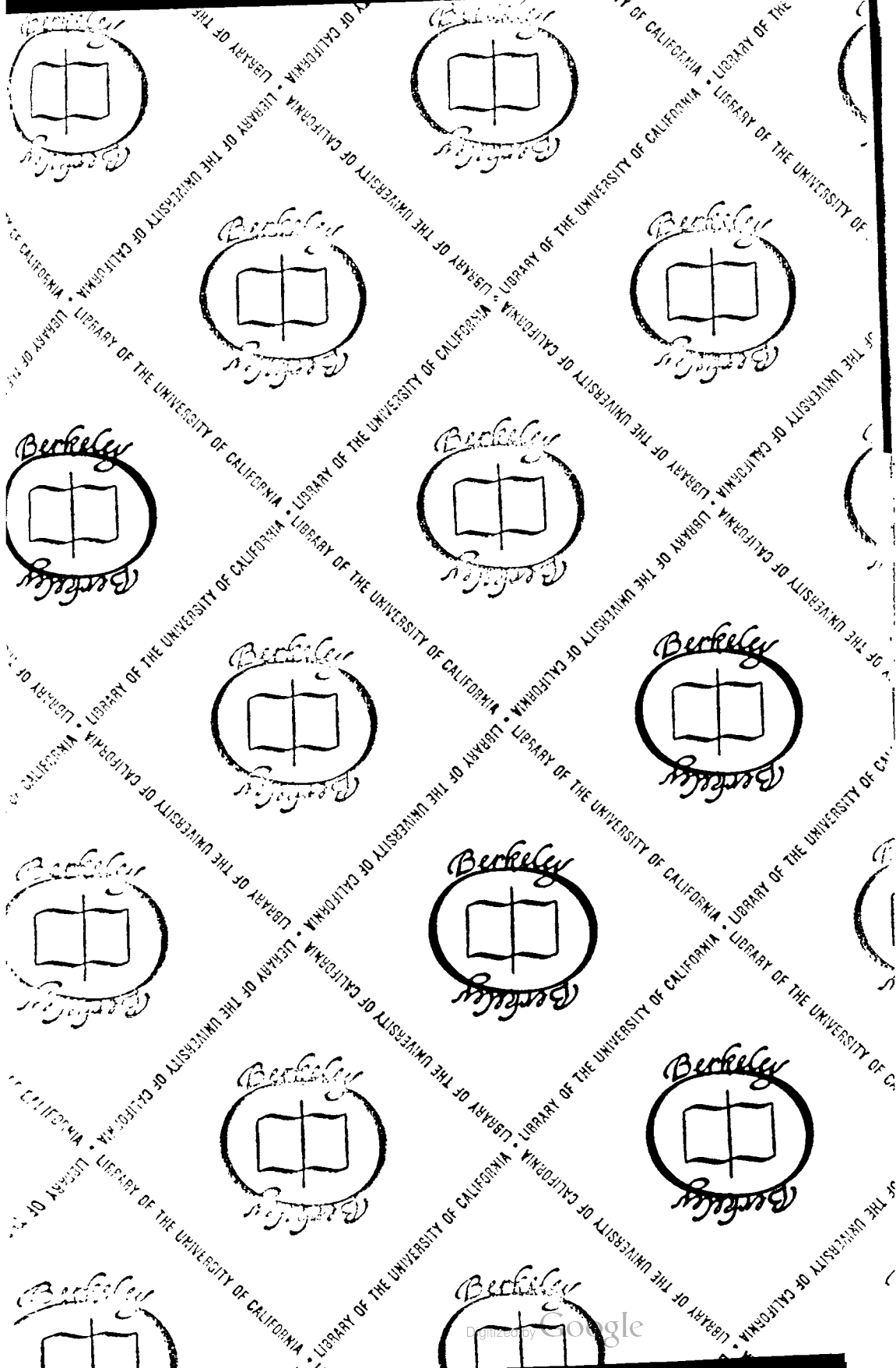




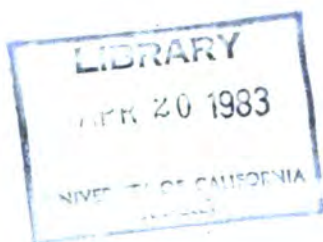


Tạp chí Cộng sản

1983:1-6

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



1

1.1983

MỤC LỤC

TẬP CHÍ CÔNG SẢN

NĂM 1982

BÀI	TÁC GIẢ	Số
I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG		
- Phân đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1982	<i>Xã luận</i>	1
- Nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên	<i>Xã luận</i>	2
- Nhân dân Việt-nam kiên quyết đánh bại mọi mưu mô xâm lược của chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc	<i>Trương-Chinh</i>	3
- Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân	<i>Xã luận</i>	4
- Dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại	<i>Xã luận</i>	5
- Bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh - nhiệm vụ cấp bách của tất cả các dân tộc	<i>Xã luận</i>	6
- Đưa phong trào phụ nữ vươn lên ngang tầm với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại của nhân dân ta	<i>Phạm-Văn-Đồng</i>	6
- Tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị về nghị quyết Đại hội V của Đảng	<i>Xã luận</i>	7
- Nâng cao chất lượng giáo dục	<i>Xã luận</i>	8
- Dựng nước và giữ nước	<i>Xã luận</i>	9
- Tiến lên hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược	<i>Tổ-Hữu</i>	9
- Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật	<i>Xã luận</i>	10

BÀI	TÁC GIẢ
- Xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh thành một thành phố xã hội chủ nghĩa giàu đẹp - Quyết tâm đánh thắng kiêu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh - Không ngừng củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	<i>Xả luận</i> <i>Chu-Huy-Mân</i> <i>Xả luận</i>
II - KINH TẾ	
- Kinh tế vườn - Trên mặt trận thuế và quản lý thị trường - Bàn về ba lợi ích kinh tế - Lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta - Vị trí và mối quan hệ giữa ba lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội - Khoán sản phẩm cho tập thể theo kết quả sản xuất cuối cùng - Vấn đề sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp ở nước ta - Đảng lãnh đạo kinh tế - Về việc kết hợp ba biện pháp trong quản lý kinh tế - Tạo một chuyển biến lớn về xuất khẩu - Nâng cao năng lực thông qua của khu đầu mối Hải-phòng - Về vấn đề sắp xếp lại nền kinh tế - Quán triệt đường lối kinh tế của Đảng trong chặng đường trước mắt, phát triển mạnh kinh tế địa phương - Đổi mới công tác kế hoạch hóa ở các cấp trung ương, địa phương, cơ sở - Củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, xây dựng quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp - Chống chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch - Đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa - Một số quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế - Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ - Về cuộc đấu tranh trên thị trường hiện nay - Kiên quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ - Phát triển mạnh mẽ và rộng rãi tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp - Tiết kiệm - một quốc sách lớn	<i>Nguyễn-Khắc-Trung</i> <i>Lê-Như-Bách</i> <i>Đào-Duy-Tùng</i> <i>Vũ-Hữu-Ngoan</i> <i>Xuân-Kiều</i> <i>Trịnh-Bình</i> <i>Phan-Xuân-Đợt</i> <i>Đồng-Thảo</i> <i>Nguyễn-Văn-Trần</i> <i>Lê-Khắc</i> <i>Phạm-Văn-Nghiên</i> <i>Nguyễn-Văn-Trần</i> <i>Nguyễn-Xuân-Hữu</i> <i>Chế-Việt-Tấn</i> <i>Võ-Tri-Cao</i> <i>Thiện-Nhân</i> <i>Đồng-Thảo</i> <i>Lê-Thanh-Nghị</i> <i>Nguyễn-Anh-Bác</i> <i>Lê-Tòng</i> ★ ★ ★ <i>Hát-Đang</i> ★ ☆ ★

BÀI	TÁC GIẢ	Số
III - CHÍNH TRỊ - TRIẾT HỌC - QUÂN SỰ		
- Xuất bản <i>Tuyên tập</i> C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, một sự kiện quan trọng trong sinh hoạt tinh thần của chúng ta	<i>Phúc-Khánh</i>	1
- Thấu suốt và chấp hành nghiêm túc Luật nghĩa vụ quân sự	<i>Dặng-Vũ-Hiệp</i>	2
- Khiếu nại, tố cáo - một quyền làm chủ tập thể quan trọng của nhân dân ta	<i>Nguyễn-Ngọc-Minh</i>	3
- Hoàn thiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	<i>Văn-Hiền</i>	7
- Vấn đề cá nhân và xã hội trong nhân sinh quan của người cộng sản	<i>Vũ-Khiếu</i>	7
- Thi hà nh nghiệm chỉnh Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép	<i>Phạm-Đình-Tân</i>	9
- Tổ chức tốt việc tổng kết cuộc chiến tranh yêu nước	<i>Chi-Kiên</i>	9
- Xây dựng và phát huy sức mạnh của hậu phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	<i>Hoàng-Văn-Thái</i>	12
- Cách đây 10 năm quân và dân ta đã đánh thắng cuộc tập kích bằng pháo đài bay B52 của đế quốc Mỹ	<i>Thành-Tin</i>	12
- Toàn dân là lính, cả nước chung sức đánh giặc	<i>Lê-Đình-Sỹ</i>	12
IV - VĂN HÓA - GIÁO DỤC		
- Vai trò Nguyễn-Huệ chống ngoại xâm ở cuối thế kỷ XVIII	<i>Nguyễn-Lương-Bích</i>	1
- Bước ngoặt lịch sử của văn học Việt-nam	<i>Phong-Châu</i>	1
- Lịch sử - gương soi.	<i>Lê-Xuân-Vũ</i>	2
- Thể nước	<i>Nhuận-Vũ</i>	3
- Quan hệ văn nghệ và chính trị	<i>Hà-Xuân-Trường</i>	6
- Người chiến sĩ yêu nước kiên cường của dân tộc ta ở cuối thế kỷ XIX	<i>Nguyễn-Tài-Thư</i>	6
- Căn quan tâm hơn nữa đến công tác dạy nghề	<i>Hồng-Long</i>	6
- Chống chiến tranh tâm lý của địch ở biên giới Việt - Trung	<i>Nông-Quốc-Chân</i>	6
- Về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa hiện nay	<i>Lê-Xuân-Vũ</i>	7
- «Cẩm nang của văn nghệ sĩ»	<i>Nhất-Văn</i>	7
- Xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục	<i>Nguyễn-Fhị-Bình</i>	8
- Sự bùng nổ số dân và sức ép của nó	<i>Lê-Ngọc-An</i>	8
- Có biết tư học mới nắm được kiến thức khoa học	<i>Đào-Văn-Tiên</i>	8

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
— Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên	<i>Trần-Đức-Giang,</i> <i>Tạ-Hoàng-Tĩnh</i>	9
— Suy nghĩ về mấy vấn đề văn học tại các tỉnh và thành phố miền Nam	<i>Trần-Trọng-Dăng-Dân</i>	9
— Phép nước triều Trần	<i>Chu-Mộng</i>	10
— Tinh dân tộc và tinh quốc tế của văn học ta	<i>Trần-Vân-Bình</i>	10
— Công tác giáo dục ở Gia-lai — Kon-tum	<i>Bích-Hoàng</i>	10
— Trao đổi ý kiến: Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam	<i>Nguyễn-Vĩnh,</i> <i>Lê Thi, Lê-Quý-Đức,</i> <i>Trương-Chính,</i> <i>Nguyễn-Văn-Hạnh,</i> <i>Nông-Quốc-Chất,</i> <i>Nhuận-Vũ, Nguyễn-Khánh-Toán, Phan-Huy-Lê, Nguyễn-Tát-Thư, Bùi-Văn-Nguyễn, Lê-Xuân-Vũ, Văn-Tạc.</i>	11 12
— Về công tác giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp trong chặng đường mười năm trước mắt	<i>Lê-Văn-Giang</i>	11
— « Con rồng An-nam » phun ra bản chất phân bội và tội ác tày trời của Bảo-Đại	<i>Phạm-Khắc-Hồc</i>	11
V — ĐẢNG — CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG		
— Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam — một cuốn sách quý	<i>Hồng-Quảng</i>	1
— Hồ Chủ tịch với cuộc đấu tranh chống bệnh quan liêu	<i>Thiện-Nhân</i>	1
— Công tác vận động thanh niên là một khoa học, một nghệ thuật	<i>Vũ-Công-Cần</i>	1
— Mấy ý kiến về cải tiến chế độ làm việc của cấp ủy Đảng	<i>Nguyễn-Khánh</i>	2
— Đổi mới công tác quản lý cán bộ	<i>Phạm-Quán</i>	2
— Từ Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng đến Đại hội thứ V của Đảng	<i>Nguyễn-Văn-Phùng</i>	2
— Từ bên Nhà Bổng đến hàng Pác-bó	<i>Tôn-Quang-Duyệt</i>	2
— Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với báo <i>Người cùng khổ</i> (Le Paria)	<i>Nguyễn-Thánh</i>	2
— Tình hình đất nước và nhiệm vụ của chúng ta	<i>Trần-Quốc-Tú</i>	5
— Chủ tịch Hồ-Chi-Minh, Người sáng lập Nhà nước kiểu mới ở Việt-nam.	<i>Nguyễn-Ngọc-Minh</i>	5

BÀI	TÁC GIẢ	Số
Góp phần tìm hiểu thêm về đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với việc thành lập Đảng ta	<i>Thế-Tập</i>	5
Người đảng viên cộng sản với sự phân phối công tác	<i>Phương-Son</i>	5
Đề mở ra một bước phát triển mới của phong trào phụ nữ nước ta	<i>Nguyễn-Thị-Như</i>	6
Phong cách lễ nín nít	<i>Trần-Ngọc-Thư</i>	6
Mấy vấn đề về giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ	<i>Nguyễn-Khánh-Toàn</i>	6
Vấn đề suy nghĩ về vấn đề đấu tranh chống quan liêu	<i>Trần-Hồng-Phong</i>	7
Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh để xây dựng Đảng vững mạnh	<i>Hải-Đàng</i>	8
Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với Hội nghị thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng	<i>Bùi-Lâm-kê, Thế-Tập ghi</i>	9
Làm tốt việc tổng kết công tác phát triển đảng viên	★ ★ ★	9
Tiến hành tốt Đại hội đợt hai đảng bộ các cấp	★ ★ ★	10
VI – SINH HOẠT CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG		
Lối sống của chúng ta	<i>Nguyễn-Trung-Thực</i>	2
Địa vị	<i>Nguyễn-Trung-Thực</i>	10
Tệ ăn cắp của công	<i>Trung-Thành</i>	12
VII – QUỐC TẾ		
Nhân dân Cam-pu-chia vững vàng bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng Tổ quốc	★ ★ ★	1
Về quan hệ hợp tác đặc biệt giữa ba dân tộc Đông-dương	<i>Hoàng-Văn-Thất</i>	1
Nhân dân Cu-ba nhất định thắng	<i>Lý-Văn-Sáu</i>	1
Cục diện thế giới hiện nay	★ ★ ★	1
Chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc	<i>Nguyễn-Đức-Thịệp</i>	2
Ba-lan: Cuộc tiến công có ý nghĩa quyết định vào các thế lực phản động	<i>Thành-Tín</i>	2
Liên-xô – trụ cột của hòa bình và chỗ dựa đáng tin cậy của cách mạng thế giới	★ ★ ★	3
Bắc triều và xu thế của nền kinh tế thế giới hiện nay	<i>Đào-Văn-Tập</i>	3
Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào thành công rực rỡ	★ ★ ★	5
Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta	<i>Vũ-Tiên</i>	5
Ghe-óc-ghi Đê-mi-tơ-rốp – người quốc tế chủ nghĩa vĩ đại	<i>Đê-mi-ta Nta-ni-sép</i>	6

BÀI	TÁC GIẢ	Số
— Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên	<i>Trần-Đức-Giang,</i> <i>Tạ-Hoàng-Tĩnh</i>	9
— Suy nghĩ về mấy vấn đề văn học tại các tỉnh và thành phố miền Nam	<i>Trần-Trọng-Dăng-Dần</i>	9
— Phép nước triều Trần	<i>Chu-Mộng</i>	10
— Tinh dân tộc và tinh quốc tế của văn học ta	<i>Trần-Vân-Bình</i>	10
— Công tác giáo dục ở Gia-lai — Kon-tum	<i>Bích-Hoàng</i>	10
— Trao đổi ý kiến: Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam	<i>Nguyễn-Vĩnh,</i> <i>Lê Thị, Lê-Quý-Đức,</i> <i>Trương-Chính,</i> <i>Nguyễn-Văn-Hạnh,</i> <i>Nông-Quốc-Chấn,</i> <i>Nhuận-Vũ, Nguyễn-Khánh-Toàn, Phan-Huy-Lê, Nguyễn-Tát-Thư, Bùi-Văn-Nguyễn, Lê-Xuân-Vũ, Văn-Tạc.</i>	11 12
— Về công tác giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp trong chặng đường mười năm trước mắt	<i>Lê-Văn-Giang</i>	11
— « Con rồng An-nam » phun ra bản chất phản bội và tội ác tày trời của Bảo-Đại	<i>Phạm-Khắc-Hồ</i>	11
V — ĐẢNG — CÁC TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG		
— Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam — một cuốn sách quý	<i>Hồng-Quảng</i>	1
— Hồ Chủ tịch với cuộc đấu tranh chống bệnh quan liêu	<i>Thiện-Nhân</i>	1
— Công tác vận động thanh niên là một khoa học, một nghệ thuật	<i>Vũ-Công-Cần</i>	1
— Mấy ý kiến về cải tiến chế độ làm việc của cấp ủy Đảng	<i>Nguyễn-Khánh</i>	2
— Đổi mới công tác quản lý cán bộ	<i>Phạm-Quán</i>	2
— Từ Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng đến Đại hội thứ V của Đảng	<i>Nguyễn-Văn-Phùng</i>	2
— Từ bên Nhà Rồng đến hang Pác-bô	<i>Tôn-Quang-Duyệt</i>	2
— Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với báo <i>Người cùng khổ</i> (Le Paria)	<i>Nguyễn-Thánh</i>	2
— Tình hình đất nước và nhiệm vụ của chúng ta	<i>Trần-Quốc-Tú</i>	5
— Chủ tịch Hồ-Chi-Minh, Người sáng lập Nhà nước kiểu mới ở Việt-nam.	<i>Nguyễn-Ngọc-Minh</i>	5

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

NĂM 1982

BÀI	TÁC GIẢ	Số
I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG		
- Phân đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1982	<i>Xã luận</i>	1
- Nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên	<i>Xã luận</i>	2
- Nhân dân Việt-nam kiên quyết đánh bại mọi mưu mô xâm lược của chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc	<i>Trương-Chinh</i>	3
- Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân	<i>Xã luận</i>	4
- Dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ-Chi-Minh vĩ đại	<i>Xã luận</i>	5
- Bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh - nhiệm vụ cấp bách của tất cả các dân tộc	<i>Xã luận</i>	6
- Đưa phong trào phụ nữ vươn lên ngang tầm với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại của nhân dân ta	<i>Phạm-Văn-Đồng</i>	6
- Tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị về nghị quyết Đại hội V của Đảng	<i>Xã luận</i>	7
- Nâng cao chất lượng giáo dục	<i>Xã luận</i>	8
- Dựng nước và giữ nước	<i>Xã luận</i>	9
- Tiến lên hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược	<i>Tổ-Hữu</i>	9
- Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật	<i>Xã luận</i>	10

BÀI	TÁC GIẢ	Số
- Xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh thành một thành phố xã hội chủ nghĩa giàu đẹp - Quyết tâm đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh - Không ngừng củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	<i>Xã luận</i> <i>Chu-Huy-Môn</i> <i>Xã luận</i>	1 1 1
II - KINH TẾ		
- Kinh tế vườn - Trên mặt trận thuế và quản lý thị trường - Bàn về ba lợi ích kinh tế - Lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta - Vị trí và mối quan hệ giữa ba lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội - Khoán sản phẩm cho tập thể theo kết quả sản xuất cuối cùng - Vấn đề sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp ở nước ta - Đảng lãnh đạo kinh tế - Về việc kết hợp ba biện pháp trong quản lý kinh tế - Tạo một chuyển biến lớn về xuất khẩu - Nâng cao năng lực thông qua của khu đầu mối Hải-phòng - Về vấn đề sắp xếp lại nền kinh tế - Quán triệt đường lối kinh tế của Đảng trong chặng đường trước mắt, phát triển mạnh kinh tế địa phương - Đổi mới công tác kế hoạch hóa ở các cấp trung ương, địa phương, cơ sở - Củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, xây dựng quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp - Chống chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch - Đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa - Một số quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế - Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ - Về cuộc đấu tranh trên thị trường hiện nay - Kiên quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ - Phát triển mạnh mẽ và rộng rãi tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp - Tiết kiệm - một quốc sách lớn	<i>Nguyễn-Khắc-Trung</i> <i>Lê-Như-Bách</i> <i>Đào-Duy-Tùng</i> <i>Vũ-Hữu-Ngoan</i> <i>Xuân-Kiều</i> <i>Trịnh-Bình</i> <i>Phan-Xuân-Đợt</i> <i>Đông-Thảo</i> <i>Nguyễn-Văn-Trần</i> <i>Lê-Khắc</i> <i>Phạm-Văn-Nghiên</i> <i>Nguyễn-Văn-Trần</i> <i>Nguyễn-Xuân-Hữu</i> <i>Chế-Viễn-Tấn</i> <i>Võ-Trí-Cao</i> <i>Thiện-Nhân</i> <i>Đông-Thảo</i> <i>Lê-Thanh-Nghị</i> <i>Nguyễn-Anh-Bắc</i> <i>Lê-Tòng</i> ★★★ <i>Hải-Đặng</i> ★★★	1 1 3 3 3 3 6 6 7 7 7 8 8 8 9 1 1 1 1 1 1

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

NĂM 1982

BÀI	TÁC GIẢ	Số
I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG		
- Phân đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1982	<i>Xã luận</i>	1
- Nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên	<i>Xã luận</i>	2
- Nhân dân Việt-nam kiên quyết đánh bại mọi mưu mô xâm lược của chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc	<i>Trương-Chinh</i>	3
- Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân	<i>Xã luận</i>	4
- Dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại	<i>Xã luận</i>	5
- Bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh — nhiệm vụ cấp bách của tất cả các dân tộc	<i>Xã luận</i>	6
- Đưa phong trào phụ nữ vươn lên ngang tầm với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại của nhân dân ta	<i>Phạm-Văn-Đồng</i>	6
- Tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị về nghị quyết Đại hội V của Đảng	<i>Xã luận</i>	7
- Nâng cao chất lượng giáo dục	<i>Xã luận</i>	8
- Dựng nước và giữ nước	<i>Xã luận</i>	9
- Tiến lên hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược	<i>Tổ-Hữu</i>	9
- Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật	<i>Xã luận</i>	10

BÀI	TÁC GIẢ	Số
- Xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh thành một thành phố xã hội chủ nghĩa giàu đẹp - Quyết tâm đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh - Không ngừng củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	<i>Xã luận</i> <i>Chu-Huy-Mân</i> <i>Xã luận</i>	1 11 12
II - KINH TẾ		
- Kinh tế vườn - Trên mặt trận thuế và quản lý thị trường - Bàn về ba lợi ích kinh tế - Lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta - Vị trí và mối quan hệ giữa ba lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội - Khoán sản phẩm cho tập thể theo kết quả sản xuất cuối cùng - Vấn đề sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp ở nước ta - Đảng lãnh đạo kinh tế - Về việc kết hợp ba biện pháp trong quản lý kinh tế - Tạo một chuyển biến lớn về xuất khẩu - Nâng cao năng lực thông qua của khu đầu mối Hải-phòng - Về vấn đề sắp xếp lại nền kinh tế - Quán triệt đường lối kinh tế của Đảng trong chặng đường trước mắt, phát triển mạnh kinh tế địa phương - Đổi mới công tác kế hoạch hóa ở các cấp trung ương, địa phương, cơ sở - Củng cố và phát triển hạch toán kinh tế, xây dựng quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp - Chống chiến tranh phá hoại về kinh tế của địch - Đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa - Một số quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý kinh tế - Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ - Về cuộc đấu tranh trên thị trường hiện nay - Kiên quyết điều chỉnh lại ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ - Phát triển mạnh mẽ và rộng rãi tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp - Tiết kiệm - một quốc sách lớn	<i>Nguyễn-Khắc-Trung</i> <i>Lê-Như-Bách</i> <i>Đào-Duy-Tùng</i> <i>Vũ-Hữu-Ngoan</i> <i>Xuân-Kiều</i> <i>Trịnh-Bình</i> <i>Phan-Xuân-Đợt</i> <i>Đổng-Thảo</i> <i>Nguyễn-Vân-Trần</i> <i>Lê-Khắc</i> <i>Phạm-Vân-Nghiên</i> <i>Nguyễn-Vân-Trần</i> <i>Nguyễn-Xuân-Hữu</i> <i>Chế-Viễn-Tân</i> <i>Võ-Trí-Cao</i> <i>Thiện-Nhân</i> <i>Đổng-Thảo</i> <i>Lê-Thanh-Nghị</i> <i>Nguyễn-Anh-Bắc</i> <i>Lê-Tòng</i> ★ ★ ★ <i>Hát-Đang</i> ★ ☆ ★	1 1 3 3 3 3 6 6 7 7 7 8 8 8 8 9 10 10 10 10 11

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC TRƯỜNG - CHINH

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

NĂM 1982, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã lập được những thành tích mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đáng phấn khởi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp cùng với những tiến bộ của các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở đã bước đầu tạo nên những chuyển biến rất có ý nghĩa trong nền kinh tế quốc dân, mở ra triển vọng đưa tình hình kinh tế nước ta vượt qua những khó khăn, từng bước ổn định và phát triển.

Tôi nhiệt liệt biểu dương tinh thần lao động cần cù, phấn đấu dũng cảm của anh chị em công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân, đồng bào các dân tộc, đặc biệt là những tập thể và cá nhân tiên tiến, đã lập được thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, củng cố quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Bước sang năm mới, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng, nhân dân ta hãy phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ra sức thi đua phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985 vừa được Quốc hội thông qua. Chúng ta hãy tập trung sức lực đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân; chấn chỉnh phân phối, lưu thông; xây dựng lối sống lành mạnh; đấu tranh có hiệu quả chống những biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, làm thất bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, bảo vệ Tổ quốc, giữ vững trật tự, an ninh.

Năm 1983 phải đạt được những chuyển biến mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho bước phát triển trong những năm sau.

Nhân dịp năm mới, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng, tôi thân ái gửi đến đồng bào cả nước, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, các thương binh và gia đình liệt sĩ, các cụ phụ lão, các cháu thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và kiều bào ở nước ngoài những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, tôi nhiệt liệt chúc mừng và cảm ơn nhân dân các nước anh em và bầu bạn trên toàn thế giới. Chúc cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội giành được nhiều thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

Xuân 1983

BÀI	TÁC GIẢ
- Chiến lược quân sự của chính quyền Ri-gân hay là: Cái thế mặc kệ về chiến lược của Hoa-kỳ - Sự phản bội không thể chối cãi - Sự kiện Man-vi-nát - Một số vấn đề về chiến lược quân sự Trung-quốc - Báo tập cách mạng sôi động ở vùng Trung Mỹ và Ca-ri-bê - Bản chất chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc không thay đổi - 65 năm phát triển khoa học và kỹ thuật của Liên-xô - Ngày hội lớn của cả loài người tiến bộ - Trong chùm sao của tinh anh em xô viết - Về chiến lược quân sự «đổi đầu trực tiếp» của chính quyền Ri-gân - Đài tưởng niệm chiến bại	<i>Thành-Tin</i> <i>Thưàh-Tin</i> <i>Vũ-Hiền</i> <i>Nhuận-Vũ</i> <i>Bùi-Ngọc-Hải</i> <i>Trần-Quốc-Tú</i> <i>Dặng-Hữu</i> ★ ★ ★ <i>G. Bù-dại</i> <i>Nhuận-Vũ</i> <i>Phương-Sơn</i>
VIII - ĐỌC SÁCH BÁO	
- Nhân đọc tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn «Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa» - «Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa» - Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh - Qua sách báo ngoại văn, giới thiệu đường lối mác xít - lê nin nit Việt-nam ra nước ngoài	<i>Phạm-Thành</i> <i>Xuân-Kiều</i> <i>Huy-Hùng</i> <i>Dịch-Vân</i>
IX - VĂN KIẾN - TƯ LIỆU	
- Diễn văn khai mạc của đồng chí Trường-Chinh tại Đại hội V của Đảng - Báo cáo chính trị do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội V - Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong năm năm 1981 - 1985 và những năm 80, do đồng chí Phạm-vân-Dũng trình bày tại Đại hội V - Diễn văn bế mạc của đồng chí Lê-Duẩn tại Đại hội V - Báo cáo về xây dựng Đảng, do đồng chí Lê-Dức-Thọ trình bày tại Đại hội V - Báo Hồ với Đại hội Tua - Đồng chí Trường-Chinh nói chuyện với đại biểu cử tri Hà-nội - Thư của G. Di-mi-tơ-rốp gửi Mác-Trạch-Đông - Thông báo của BCH TƯ ĐCSVN, HDNN, HDBT nước CHXHCN Việt-nam về việc đồng chí L. I. Brê-giơ-nép từ trần - Điều văn của BCH TƯ ĐCSVN, HDNN, HDBT và UBTƯ MTTC Việt-nam	<i>Nguyễn Thành</i>

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC TRƯỜNG - CHINH

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

NĂM 1982, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã lập được những thành tích mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đáng phần khởi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp cùng với những tiến bộ của các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở đã bước đầu tạo nên những chuyển biến rất có ý nghĩa trong nền kinh tế quốc dân, mở ra triển vọng đưa tình hình kinh tế nước ta vượt qua những khó khăn, từng bước ổn định và phát triển.

Tôi nhiệt liệt biểu dương tinh thần lao động cần cù, phấn đấu dũng cảm của anh chị em công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân, đồng bào các dân tộc, đặc biệt là những tập thể và cá nhân tiên tiến, đã lập được thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, củng cố quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Bước sang năm mới, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng, nhân dân ta hãy phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ra sức thi đua phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985 vừa được Quốc hội thông qua. Chúng ta hãy tập trung sức lực đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân; chấn chỉnh phân phối, lưu thông; xây dựng lối sống lành mạnh; đấu tranh có hiệu quả chống những biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, làm thất bại kế hoạch chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, bảo vệ Tổ quốc, giữ vững trật tự, an ninh.

Năm 1983 phải đạt được những chuyển biến mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho bước phát triển trong những năm sau.

Nhân dịp năm mới, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng, tôi thân ái gửi đến đồng bào cả nước, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, các thương binh và gia đình liệt sĩ, các cụ phụ lão, các cháu thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và kiều bào ở nước ngoài những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, tôi nhiệt liệt chúc mừng và cảm ơn nhân dân các nước anh em và bạn bè trên toàn thế giới. Chúc cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội giành được nhiều thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

Xuân 1983

Ra sức thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng



01 nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã có những quyết định quan trọng về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985.

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội thời gian qua Hội nghị khẳng định: « Hai năm qua, dưới ánh sáng của đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, căn cứ vào nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa IV), một số chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước được ban hành đã tạo nên nguồn sinh lực mới trong lao động sản xuất, đưa đến **những chuyển biến mới rất có ý nghĩa trong nền kinh tế quốc dân**. Những chuyển biến đó tuy mới là bước đầu nhưng rất quan trọng, mở ra triển vọng mới để ổn định và phát triển kinh tế xã hội ».

Hai năm qua, bằng lao động sáng tạo, với tinh thần tự lực vươn lên, nhân dân ta đã phấn đấu đạt được những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Sản xuất nông nghiệp thu được kết quả đáng phấn khởi, việc tự giải quyết lương thực bằng sản xuất và huy động trong nước đạt được bước tiến quan trọng. Sản xuất công nghiệp được duy trì và phát triển khá, nhất là công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Các ngành kinh tế khác cũng có những bước tiến đáng kể. Thu mua nông sản lương khá hơn so với các năm trước. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp về cơ bản đã hoàn thành ở các lĩnh vực V cũ, và có bước phát triển ở đồng bằng Nam-bộ.

Điều đáng phấn khởi là sự chuyển biến mới diễn ra khắp cả nước, các địa phương, các cơ sở ; trong đời sống kinh tế đã xuất hiện nhiều nhân tố tích cực « phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực vươn lên, mở ra cách làm ăn mới với những hình thức tổ chức quản lý năng động, có hiệu quả, nâng cao nhiệt tình lao động của quần chúng, khai thác được các khả năng và thuận lợi để vượt qua khó khăn ». Thực tế đó chỉ rõ việc cụ thể hóa đường lối của Đảng cũng như việc cải tiến công tác lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương trong hai năm qua đã có những tiến bộ rõ rệt, tạo ra những nhân tố mới tích cực làm tiền đề cho sự phát triển vào những năm sau.

Bên cạnh những mặt tiến bộ của nền kinh tế, Đảng ta đánh giá đúng và nghiêm túc những mặt khó khăn.

Hội nghị nhận định rằng những chuyển biến và tiến bộ nói trên chưa đều và chưa mạnh. Sản xuất nói chung chưa ổn định và còn đang ở tình trạng mất cân đối nghiêm trọng, nhất là về năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng, đất, rừng, biển, lao động v.v. Việc sử dụng các năng lực sản xuất hiện có còn ở mức thấp. Năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, xây dựng và vận tải còn kém, tình trạng lãng phí, tham ô trong quản lý vật tư và sản phẩm rất nghiêm trọng.

Trên mặt trận phân phối, lưu thông tuy có một số chuyển biến song vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp: giá cả luôn luôn biến động; thị trường chưa được quản lý tốt, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa vươn lên làm đúng chức năng về nắm và quản lý nguồn hàng, chưa chặn đứng nạn đầu cơ buôn lậu và buôn bán trái phép; việc quản lý tiền mặt và huy động vốn trong nhân dân chưa tốt; chế độ tiền lương chưa được cải tiến, đời sống những người làm công ăn lương mỗi lúc một khó khăn. Rõ ràng "phân phối, lưu thông là nơi biểu hiện tập trung cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đồng thời là lĩnh vực mà kẻ thù bên ngoài câu kết với bọn phản động bên trong xoáy vào để phá hoại ta. Sự yếu kém và sơ hở trong phân phối, lưu thông đang làm trầm trọng thêm những khó khăn của nền kinh tế".

Chúng ta thấy những khó khăn, thiếu sót trên đây có nguồn gốc sâu xa trong nền sản xuất nhỏ, nghèo nàn và lạc hậu, trải qua 30 năm chiến tranh, chưa thể một sớm một chiều khắc phục ngay được. Những hậu quả nặng nề do chiến tranh tàn phá, cũng như các biến động bất lợi của nền kinh tế thế giới trong những năm gần đây cũng với sự hoạt động phá hoại nhiều mặt của đế quốc Mỹ và bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã làm cho nền kinh tế nước ta vốn đã khó khăn lại càng khó khăn thêm.

Đó là những nguyên nhân khách quan. Về chủ quan, chúng ta có khuyết điểm trong việc chậm sửa chữa những khuyết điểm về quản lý kinh tế; cơ chế quản lý còn mang nặng tính chất hành chính, quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ đã kìm hãm sản xuất, kìm hãm việc phát huy tính chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ sở trong việc khai thác khả năng về nhiều mặt. Việc sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ quản lý liên hành chậm, không đồng bộ, thiếu ăn khớp, thậm chí có những thiếu sót và sơ hở lớn. Bộ máy Nhà nước cồng kềnh, lãnh đạo, điều hành chậm chạp, kém năng động, kém hiệu lực. Trong phân công, phân cấp vừa có hiện tượng lập trung gò bó, vừa có hiện tượng lũng lộn, vô lễ chức, cục bộ, chạy theo lợi ích riêng, thiếu sự hợp tác chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương và cơ sở.

Vấn đề sắp xếp lại sản xuất chưa được tiến hành khẩn trương. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Nam-bộ làm chậm; việc cải tạo công thương nghiệp và quản lý thị trường bị xem nhẹ.

Trên nhiều lĩnh vực quản lý các mặt đời sống xã hội, nhất là trên mặt trận phân phối, lưu thông, chúng ta mắc phải một khuyết điểm rất nghiêm trọng là **buông lỏng chuyên chính vô sản**.

Công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng và tổ chức chưa theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ, những biểu hiện tiêu cực, bảo thủ, trì trệ trong cán bộ, đảng

viên và nhân dân chậm được khắc phục đã tác động xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.



Từ sự đánh giá đúng mức những thành tựu đạt được trong hai năm qua (1981 - 1982) và những khó khăn, khuyết điểm như đã nói ở trên, Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng đã có những quyết định quan trọng về nhiệm vụ cấp bách nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội trong những năm 1983 - 1985 và những năm sau.

Trước hết, về **nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội** trong 3 năm 1983 - 1985, phải thực hiện bằng được những yêu cầu và mục tiêu mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra: « Phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân. Ba mặt đó kết hợp chặt chẽ với nhau, nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế và xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ những chỗ mất cân đối nghiêm trọng nhất của nền kinh tế, khắc phục một bước quan trọng tình trạng không bình thường về phân phối, lưu thông, tăng thêm tiền đề và điều kiện để tiến lên mạnh mẽ và vững chắc hơn trong những năm sau ». Đồng thời, cụ thể hóa việc thực hiện bốn mục tiêu: về đời sống, về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về quốc phòng và an ninh.

Nhằm những yêu cầu và mục tiêu nói trên, phải nắm chắc những chủ trương lớn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 1983 và hai năm sau. Phải đề cao tinh thần tự lực vươn lên, tinh thần làm chủ trong việc khai thác khả năng đề tự cân đối kế hoạch một cách tích cực; kiên quyết tập trung lực lượng để giải quyết những yêu cầu quan trọng nhất, những địa bàn và đơn vị trọng điểm; khẩn trương sắp xếp lại sản xuất và xây dựng; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối, lưu thông; khai thác tiềm năng khoa học kỹ thuật; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Trước mắt, phải tập trung cao độ lực lượng cho **sản xuất nông nghiệp**, yêu cầu số một là giải quyết lương thực và thực phẩm, tăng nhanh nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu bằng cách thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích cả lúa, màu và cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi. Ngoài lực lượng của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các tập đoàn sản xuất và nông dân, cần huy động các cấp, các ngành kinh tế, văn hóa, các cơ quan, xí nghiệp, các đơn vị quân đội, trường học phục vụ nông nghiệp và tham gia sản xuất lương thực. Đồng thời với đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, phải bằng mọi cách phát huy năng lực sẵn có và khai thác khả năng tiềm tàng của công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp để đẩy mạnh **sản xuất hàng tiêu dùng** nhằm bảo đảm nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân và tăng mặt hàng xuất khẩu. Đẩy mạnh xuất khẩu là nhiệm vụ hết sức quan trọng; một mặt, đó là do yêu cầu của sự phân công và hợp tác quốc tế, yêu cầu thanh toán quốc tế, mặt khác, có tăng cường xuất khẩu thì mới bảo đảm nhập khẩu những vật tư kỹ thuật và thiết bị cần thiết cho nền kinh tế quốc dân. Do đó phải « Tận lực đẩy mạnh **xuất khẩu**, phát huy những mặt hàng xuất khẩu là thế mạnh của cả nước và của từng địa phương ». Cùng với việc sắp xếp lại sản xuất các cơ sở công nghiệp nặng và xây dựng có trọng điểm các

công trình công nghiệp nặng quan trọng, phát khắc phục một bước tình trạng mất cân đối gay gắt về năng lượng và giao thông vận tải bằng cách đẩy mạnh khai thác và sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng và những phương tiện giao thông vận tải hiện có để phục vụ sản xuất và đời sống.

Đi đôi với việc tăng cường lực lượng sản xuất, cần đẩy mạnh công cuộc **cải tạo xã hội chủ nghĩa**. Ở Nam-bộ, đến năm 1985 hoàn thành cơ bản việc tổ chức nông dân vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, đưa một bộ phận sản xuất thủ công cá thể vào làm ăn tập thể bằng các hình thức thích hợp. Kiện toàn và nâng cao chất lượng kinh tế quốc doanh, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và thủ công nghiệp, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp.

Việc giải quyết những vấn đề cấp bách trên đây đòi hỏi phải tập trung vốn, nguyên liệu, vật tư... cho các địa bàn và các đơn vị trọng điểm, đặc biệt là các vùng sản xuất tập trung chuyên canh lúa, cây công nghiệp, thủ đô Hà-nội, thành phố Hồ-Chí-Minh, các khu công nghiệp tập trung, các tỉnh biên giới phía bắc v.v.

Hội nghị đã quyết định một số vấn đề về **phân phối, lưu thông**. Hội nghị nhận định rằng: **Vấn đề cấp bách nhất, nóng bỏng nhất hiện nay về phân phối, lưu thông là tìm mọi biện pháp thiết thực và có hiệu lực để nhanh chóng ổn định và từng bước cải thiện đời sống, trước hết là đời sống của công nhân, cán bộ, bộ đội, công an**. Đây là mục tiêu kinh tế — xã hội số một mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra và cũng là nguyện vọng thiết tha, là đòi hỏi cấp bách của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiện nay.

Để thời lập trật tự mới trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, trước mắt cần tập trung giải quyết cho được những vấn đề cấp bách sau đây:

Trước hết là việc nắm và tập trung nguồn hàng. Theo nguyên lý chung thì sản xuất bao giờ cũng quyết định phân phối — nhưng một sự phân phối theo kế hoạch tập trung thống nhất, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích mới thật sự là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất phát triển. Muốn thực hiện một sự phân phối thống nhất thì Nhà nước phải nắm và tập trung được nguồn hàng. Các xí nghiệp quốc doanh phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp sản phẩm theo quy định của Nhà nước, chấm dứt tình trạng bớt xén sản phẩm để tự tiêu thụ hoặc để thưởng bằng hiện vật. Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp, cần nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách, chế độ và thể lệ của Nhà nước về giao nộp sản phẩm, thu mua sản phẩm, giá công và hợp đồng hai chiều, thực hiện chỉ thị của Bộ chính trị về huy động lương thực năm 1983.

Quản lý chặt chẽ tài chính, tiền tệ và giá cả bằng mọi biện pháp để tăng thêm thu nhập và tiết kiệm chi.

Mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường, thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả và kinh doanh trái phép. Đây là khâu trung tâm của lĩnh vực **phân phối lưu thông**, vừa là mũi nhọn trong cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề « ai thắng ai » trên mặt trận kinh tế. Chúng ta phải có những biện pháp kiên quyết và kịp thời nhằm đẩy lùi tình trạng phát tư bản chủ nghĩa và giữ vững trận địa của chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực này.

Nhằm đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện tốt những mục tiêu kinh tế, xã hội, Trung ương Đảng đã quyết định nhiệm vụ **phân cấp quản lý kinh tế** trong những năm tới.

Nền kinh tế quốc dân là một thể thống nhất, không thể chia cắt, lấy kế hoạch Nhà nước làm công cụ quản lý trung tâm. Tất cả các ngành, các cấp phải tuyệt đối tôn trọng sự thống nhất đó.

Đề bảo đảm lãnh thống nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cần phải vận dụng đúng đắn nguyên tắc **lập trung dân chủ, kiên quyết đấu tranh khắc phục các khuynh hướng lập trung quan liêu và cực bộ địa phương.** Phải trên cơ sở bảo đảm quyền lãnh đạo lập trung thống nhất của trung ương về những vấn đề cơ bản của công tác quản lý kinh tế — xã hội mà mạnh dạn mở rộng quyền chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở, kiên quyết giao quyền chủ động về sản xuất kinh doanh và tài chính cho cơ sở trong khuôn khổ kế hoạch và chính sách của Nhà nước.

Muốn thực hiện chế độ làm chủ lập thể ở cơ sở, ở địa phương và trong cả nước, bảo đảm lãnh thống nhất của nền kinh tế quốc dân, cần thực hiện đúng chủ trương vừa **xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương** trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất và nguyên tắc **kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ**, coi trọng khuyến khích phát triển kinh tế địa phương, trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng cấp huyện.

Củng cố, tăng cường cấp huyện là một chủ trương lớn mà Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã đề ra. Để thực hiện chủ trương đó, Hội nghị của Trung ương lần này đã quyết định về xây dựng và tăng cường cấp huyện.

Trước hết, nắm vững nội dung chủ yếu của công tác xây dựng huyện, dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương và tỉnh, thành, **phát huy quyền chủ động sáng tạo của huyện và đơn vị cơ sở, tổ chức lại sản xuất, phân bổ lại lao động, xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp hoặc nông — lâm — công nghiệp, hoặc nông — ngư — công nghiệp huyện.**

Đi đôi với việc củng cố, tăng cường cấp huyện về mặt kinh tế, phải xây dựng huyện thành **pháo đài trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc**; phải có quy hoạch và kế hoạch xây dựng, hoàn chỉnh các mạng lưới trường học, các công trình văn hóa trên địa bàn huyện.

Công tác xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy quản lý ở cấp huyện và xã có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ nói trên, do đó phải gắn công tác này với yêu cầu xây dựng và tăng cường cấp huyện.



Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trên đây, cần cải tiến công tác tổ chức chỉ đạo, tăng cường và phát huy sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực điều hành của bộ máy Nhà nước, phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng, đẩy lên một khí thế thi đua sôi nổi trong cả nước.

Trước hết, phải có sự chuyển biến sâu sắc về công tác tổ chức và công tác cán bộ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước. Xây dựng các tổ chức Đảng vững mạnh, lãnh đạo có hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội ở các cấp, các ngành... Kiện toàn các cấp

Ủy Đảng thật sự có sức chiến đấu, có năng lực tổ chức, lãnh đạo, nhất là lãnh đạo kinh tế, cũng có tổ chức cơ sở Đảng về các mặt, bao gồm việc đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên và kết nạp vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào quần chúng. Gấp rút **chấn chỉnh tổ chức, soát xét lại bộ máy ở các cấp**, trước hết là ở cấp trung ương và cấp tỉnh nhằm bảo đảm chất lượng, giảm bớt cấp trung gian không cần thiết, tăng cường hiệu lực điều hành. Trong công tác cán bộ cần rà soát lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý ở các cấp, kiên quyết cho thôi việc những cán bộ không đủ sức hoàn thành nhiệm vụ, đưa nhiều cán bộ có năng lực quản lý, có quan điểm đúng đắn, hiểu biết về quản lý kỹ thuật và còn trẻ ở trung ương và ở tỉnh về tăng cường cho huyện và cơ sở. Đồng thời, trong năm 1983 các ngành, các địa phương phải thực hiện cho được một bước việc giảm biên chế quản lý hành chính, chuyển sang sản xuất. Đi đôi với việc kiện toàn bộ máy các cấp, phải hết sức coi trọng cải tiến sự chỉ đạo thực hiện.

Muốn nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng, khơi dậy lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân lao động, phải **cải tiến và tăng cường công tác tư tưởng**, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt sâu sắc đường lối chủ trương của Đảng, hiểu rõ những thuận lợi cơ bản và khó khăn của nền kinh tế hiện nay, đặc biệt là nhận rõ âm mưu phá hoại của kẻ thù, thấy hết tính chất phức tạp, quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, cũng cố lòng tin ở cách mạng, ở chế độ, kiên quyết đấu tranh chống **tư tưởng hoài nghi, bi quan, cá nhân chủ nghĩa, tề liệt cảnh giác cách mạng, thái độ bàng quan thiếu trách nhiệm** trước khó khăn chung của đất nước. Vấn đề quan trọng hiện nay là phải tăng cường lĩnh Đảng, lĩnh tổ chức, kỷ luật trong hoạt động kinh tế xã hội, giữ vững kỷ luật của Đảng, đề cao pháp luật, kỷ cương của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Kiên quyết khắc phục khuỷu lẹo tập trung quan liêu, khuyến khích các địa phương, cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo, đồng thời khắc phục và ngăn ngừa những biểu hiện tự do, vô tổ chức, vô kỷ luật.



Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) là một văn kiện hết sức quan trọng cụ thể hóa đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã đề ra. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ những vấn đề cơ bản quyết định sự chuyển biến của nền kinh tế nước ta trong chặng đường trước mắt. Đảng ủy các cấp, các ngành cần tổ chức tốt việc nghiên cứu Nghị quyết đó và tổ chức thực hiện cho kỹ được các nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra.

Nền kinh tế nước ta đang trên đà chuyển biến, chúng ta còn phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách. Song với Nghị quyết đúng đắn và sáng tạo của Trung ương Đảng, với sự đoàn kết nhất trí và quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng đã đề ra, tạo nên sự chuyển biến cơ bản về kinh tế - xã hội trên đất nước thân yêu của chúng ta.

ĐỒNG CHÍ LÊ-ĐỨC-THỌ

TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CỦA THÔNG TẤN XÃ APN (LIÊN-XÔ)

Câu hỏi 1: Những nguyên nhân đối ngoại và quân sự nào đã buộc Hoa-kỳ phải ký kết hiệp định Pa-ri?

Trả lời: Thắng lợi to lớn của quân và dân Việt-nam trên chiến trường là nhân tố cơ bản quyết định buộc Mỹ phải ký hiệp định Pa-ri, rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt-nam và chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc Việt-nam.

Mỹ đã đưa trên nửa triệu quân vào miền Nam, dựng lên một bộ máy chính quyền bù nhìn với một đội quân ngụy trên một triệu tên, dùng không quân, kể cả lực lượng không quân chiến lược, đánh phá miền Bắc Việt-nam, nhưng chúng đã không hề bẹp được ý chí đề kháng của nhân dân Việt-nam, đã không giành được thắng lợi nhanh chóng như chúng muốn, trái lại cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài hàng chục năm vô cùng anh dũng của quân dân Việt-nam với sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân Lào và Cam-pu-chia lại được sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, đã đánh bại hết chiến lược này đến chiến lược khác của Mỹ trên

chiến trường Việt-nam. Đồng thời, bản chất hiếu chiến, ngoan cố của Mỹ và những hành động man rợ của chúng ở Việt-nam lại bị nhân dân toàn thế giới vạch trần và lên án. Một phong trào rộng rãi của các dân tộc và nhân dân tiên bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ, đứng dậy chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam, nội bộ nước Mỹ bị phân hóa và chia rẽ sâu sắc, Mỹ hoàn toàn bị cô lập trên trường quốc tế.

Thất bại về quân sự lẫn chính trị, trong nước và trên thế giới, Mỹ buộc phải ký hiệp định Pa-ri, phải thừa nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam, phải rút toàn bộ quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt-nam, trái lại chúng không thể buộc một cách vô lý các lực lượng vũ trang miền Bắc rút khỏi miền Nam Việt-nam. Đây là thắng lợi vô cùng quan trọng của nhân dân Việt-nam, làm thay đổi cơ bản so sánh lực lượng trên chiến trường, tạo nên một bước ngoặt cho nhân dân Việt-nam tiến lên giành thắng lợi mùa Xuân 1975 sau khi Mỹ và ngụy quyền đã tự ý xé bỏ hiệp định Pa-ri và tiếp tục tiến hành Việt-nam hóa chiến tranh.

Chiến thắng vĩ đại của nhân dân Việt-nam có tính thời đại sâu sắc, nó đã ảnh hưởng rộng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Thất bại của Mỹ ở Việt-nam đã làm suy yếu vị trí của Mỹ, trên trường quốc tế và là thất bại lớn nhất, nhục nhã nhất trong lịch sử nước Mỹ từ trước tới nay và hậu quả của nó kéo dài nhiều năm, không lường hết được.

Câu hỏi 2: Điều gì đã giúp cho nhân dân Việt-nam đánh thắng bọn xâm-lược Mỹ và nguy quyền Sài-gòn?

Trả lời: Nhân dân Việt-nam đã đánh thắng Mỹ do nhiều nhân tố tổng hợp:

1—Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam là chính nghĩa, đế quốc Mỹ là xâm lược và phi nghĩa.

2—Đảng cộng sản Việt-nam được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có quyết tâm sắt đá, có đường lối đúng đắn, có kinh nghiệm và sáng tạo trong cuộc đấu tranh lâu dài chống chủ nghĩa đế quốc, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, động viên đến mức cao nhất lực lượng nhân dân cả nước tiến hành đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, kết hợp với ba dòng thác cách mạng của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn.

3—Nhân dân Việt-nam có truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất chống ngoại xâm, với tinh thần « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », « Thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ », nên trong chiến đấu đã tỏ rõ tài năng và đầy trí sáng tạo.

4—Sự đồng tình và giúp đỡ quốc tế hết sức quan trọng, trước hết là tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông-dương, sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên-xô và các nước xã

hội chủ nghĩa anh em; sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình và dân chủ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

Câu hỏi 3: Những hậu quả của cuộc xâm lược của Mỹ đối với Việt-nam?

Trả lời: Cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ đã để lại những hậu quả rất nặng nề, có ảnh hưởng lâu dài và trên nhiều mặt đối với đất nước và con người Việt-nam.

Kinh tế miền Nam Việt-nam dưới chế độ Mỹ — nguy là một nền kinh tế thực dân mới hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài, sống nhờ viện trợ Mỹ và phục vụ chủ yếu cho nửa triệu quân viễn chinh Mỹ và hơn triệu quân nguy, đã tạo ra một lối sống tiêu thụ trong khi sản xuất còn xa mới đáp ứng được yêu cầu. Đồng thời nhiều thành thị và nhiều vùng nông thôn rộng lớn ở cả hai miền Nam, Bắc đã bị tàn phá bằng bom đạn và chất độc hóa học, gây tác hại sâu rộng đến sinh thái và môi trường sống của con người Việt-nam, phải nhiều năm mới khác phục được.

Ngoài ra chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt-nam còn tàn phá cơ cấu gia đình và xã hội, để lại một nền văn hóa đồi trụy, vô văn tế nạn xã hội, một đội quân thất nghiệp to lớn trong đó có hàng triệu quân nguy giải ngũ và thương phế binh.

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhân dân Việt-nam đứng trước những hậu quả của chiến tranh vô cùng to lớn như vậy, cho nên muốn khôi phục và xây dựng một nền kinh tế và văn hóa lành mạnh, đáp ứng nhu cầu của nhân dân sau chiến tranh và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một việc rất khó khăn, gay gát và phải có thời gian.

Câu hỏi 4 : Nhân dân Việt-nam đã giành được những thắng lợi gì trong việc khôi phục kinh tế quốc dân và xây dựng hòa bình trong 10 năm qua ?

Trả lời : Sau khi ký kết hiệp định Pa-ri, Mỹ - ngụy đã không thi hành hiệp định mà còn tiếp tục tiến hành Việt-nam hóa chiến tranh. Phát huy thắng lợi đã giành được, nhân dân Việt-nam tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam vào năm 1975, đưa cách mạng cả nước chuyển sang một giai đoạn mới.

Thành công rực rỡ của nhân dân Việt-nam trong thời gian qua là nhanh chóng thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, xây dựng chuyên chính vô sản trong cả nước, thúc đẩy quá trình thống nhất về mọi mặt, phát huy sức mạnh to lớn của đất nước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở phía Bắc và phía Nam, làm thất bại bước đầu âm mưu thâm độc của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào, đề bảo vệ độc lập dân tộc và góp phần vào hòa bình ở Đông Nam Á.

Trên mặt trận kinh tế, nhân dân Việt-nam đã thu được những thành tựu đáng kể trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, đã khắc phục phần lớn hậu quả hết sức nặng nề do hơn 30 năm chiến tranh xâm lược và thiên tai liên tiếp gây ra, khôi phục gần hết những cơ sở nông nghiệp và công nghiệp bị giặc đánh phá, bước đầu phân bổ lại lực lượng lao động xã hội, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, bước đầu cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tăng cường và phát triển một số ngành kinh tế, vượt qua nạn đói ở những vùng bị thiên tai và cải thiện trên một số mặt mức sống của các tầng lớp nhân dân lao động.

Công tác quốc phòng và an ninh cũng đã được tăng cường mạnh mẽ để giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận văn hóa cũng đạt một số thành tựu: nạn mù chữ trong các vùng mới giải phóng được thanh toán về cơ bản; sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển; công cuộc xây dựng nền văn hóa mới được triển khai trong cả nước; công tác văn học nghệ thuật, y tế, thể dục, thể thao đạt được một số tiến bộ; các ngành khoa học - kỹ thuật đã đáp ứng tốt một số yêu cầu của kinh tế và quốc phòng.

Những thành tựu trên đây không tách rời sự hợp tác toàn diện và giúp đỡ tích cực của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Nhân dân Việt-nam biết ơn sâu sắc sự giúp đỡ toàn diện, to lớn và có hiệu quả của nhân dân Liên-xô vĩ đại và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Bên cạnh thắng lợi và thành tựu trên mặt trận kinh tế, văn hóa, nhân dân Việt-nam đang còn rất nhiều khó khăn do bản thân nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề và kẻ địch bao vây, thường xuyên phá hoại, mặt khác, do một số nhược điểm, sai lầm về quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đại hội V của Đảng cộng sản Việt-nam đã rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích, xác định đường lối đúng đắn và vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ để từng bước tiến lên công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam. Hiện nay nhân dân Việt-nam đang ra sức phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đại hội V và nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ ba về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985; công cuộc xây dựng kinh tế tuy còn nhiều khó khăn nhưng đang có chuyển biến bước đầu và đứng trước những triển vọng đáng phấn khởi.

Câu hỏi 5: Những cố gắng đối ngoại của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam nhằm củng cố hòa bình ở Đông Nam Á?

Trả lời: Nhân dân Việt-nam cần có hoàn cảnh quốc tế thuận lợi để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước mình. Do đó, mục tiêu phấn đấu của Việt-nam ở Đông Nam Á là làm dịu tình hình căng thẳng, củng cố hòa bình và ổn định ở khu vực, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Nhân dân Việt-nam kiên quyết bảo vệ độc lập chủ quyền của mình, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em kiên quyết làm thất bại chính sách bành trướng và thù địch của giới cầm quyền Bắc-kinh, đồng thời luôn luôn mong muốn khôi phục tình hữu nghị lâu đời với nhân dân Trung-quốc. Việt-nam đã đưa ra nhiều đề nghị hợp lý, hợp tình nhằm tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa hai Nhà nước Việt-nam và Trung-quốc, nhưng chưa được phía Trung-quốc đáp ứng.

Đối với các nước ASEAN, Việt-nam cùng với Lào và Cam-pu-chia đã đưa

ra nhiều sáng kiến xây dựng trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng tồn tại hòa bình. Thiện chí của các nước Đông-dương đã góp phần thúc đẩy xu thế đối ngoại trong khu vực, có lợi cho hòa bình ổn định ở Đông Nam Á cũng như trên thế giới.

Những cố gắng của chúng tôi đã được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân trên thế giới nhất là của Liên-xô. Đồng chí Bre-giơ-nép ngày 5-10-1982 đã nói: « Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ những sáng kiến xây dựng do Bộ trưởng ngoại giao ba nước Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia nêu lên mùa hè vừa qua. Cũng như các nước yêu chuộng hòa bình khác, Liên-xô chân thành chúc hàng triệu người sống ở Đông Nam châu Á một nền hòa bình bền vững và phồn vinh ».

Nhân dân Việt-nam chân thành cảm ơn Liên xô về sự ủng hộ quý báu đó. Cũng như Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc trên thế giới, chúng tôi tin tưởng rằng Đông Nam Á sẽ sống trong hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ ĐỐI VỚI XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

LÊ-THANH-NGHI

 Ở những đơn vị kinh tế thuộc sở hữu toàn dân và nắm những vị trí then chốt trong nền kinh tế, các xí nghiệp quốc doanh được trang bị kỹ thuật và có trình độ xã hội hóa sản xuất cao hơn các xí nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Song, hiện nay, các xí nghiệp quốc doanh, nhất là xí nghiệp công nghiệp lại gặp nhiều trở ngại, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Tình trạng đó do hai nguyên nhân chủ yếu:

Một là, điều kiện sản xuất không ổn định, trước hết là thiếu lương thực, năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng. Điều này bắt nguồn từ trình độ thấp kém và không cân đối của nền kinh tế đang trong tình trạng sản xuất nhỏ là phổ biến, lại phải gánh chịu hậu quả của chiến tranh lâu dài và chủ nghĩa thực dân mới. Mặt khác, những sai lầm, thiếu sót về kế hoạch phát triển kinh tế và về chỉ đạo thực hiện trong thời gian qua làm cho tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế chậm được khắc phục,

có mặt gay gắt thêm. Khi nguồn viện trợ từ bên ngoài giảm mạnh và mức xuất khẩu chưa phát triển kịp yêu cầu nhập khẩu, chúng ta không kịp thời sắp xếp lại nền kinh tế cho phù hợp với điều kiện thực tế. Nguồn năng lượng, vật tư, tiền vốn, ngoại tệ đã eo hẹp, lại bị sử dụng một cách phân tán, dàn đều, vừa kém hiệu quả, vừa gây ỷ lại, bị động cho các cơ sở kinh tế.

Hai là, cơ chế quản lý quan liêu bao cấp làm cho các xí nghiệp vừa bị trói buộc, vừa thiếu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh. Cách kế hoạch hóa áp đặt từ trên xuống với quá nhiều chỉ tiêu pháp lệnh, cùng với sự can thiệp theo lối bao biện, sự vụ của các cơ quan quản lý hành chính - kinh tế vào công việc sản xuất - kinh doanh đã gây trở ngại lớn cho việc phát huy tính chủ động, sáng tạo với ý thức tự chịu trách nhiệm của các xí nghiệp. Đồng thời, nhiều chính sách, chế độ quản lý theo lối bao cấp, hù dọa trần lan đã hạ thấp trách nhiệm của các xí nghiệp đối với kết quả sản xuất, kinh doanh, không ràng buộc

mọi đơn vị, mọi người phải sử dụng tốt và triệt để tiết kiệm lao động, đất đai, tài sản, tiền vốn. Hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn trong kinh tế quốc doanh đã thấp, lại đang giảm sút. Năng suất lao động của một số xí nghiệp quốc doanh không hơn các thành phần kinh tế khác, tuy được trang bị kỹ thuật khá hơn.

Từ sau hội nghị thứ 6 (năm 1979) của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV và sau Đại hội thứ V của Đảng, một số sửa đổi về chính sách, chế độ quản lý đã tạo điều kiện cho các đơn vị kinh tế cơ sở khai thác tốt hơn năng lực sản xuất của mình trong tình hình có nhiều khó khăn về điều kiện sản xuất. Tuy nhiên, để đổi mới quản lý một cách cơ bản và đồng bộ, còn nhiều việc phải làm. Cơ chế kế hoạch hóa phải tiếp tục đổi mới một cách đúng đắn và cụ thể, tránh sơ hở và buông lỏng. Các chính sách, chế độ quản lý khác, đặc biệt là về giá cả, tiền lương, quản lý lao động, vật tư, tài chính, tiền tệ, v.v. phải được cải tiến một cách đồng bộ, bảo đảm cho xí nghiệp thật sự hạch toán kinh tế, khắc phục các cách làm ăn không chính đáng, gây rối thị trường và giá cả.

Thực tiễn đã chỉ rõ: sắp xếp lại sản xuất đi đôi với tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý là những biện pháp quan trọng và cấp bách, mở lối cho các xí nghiệp quốc doanh thoát ra khỏi tình trạng trì trệ và chủ động khai thác mọi khả năng để phát triển sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của kế hoạch Nhà nước và đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả tốt hơn.

I — SẮP XẾP LẠI SẢN XUẤT

Vừa qua, Hội đồng bộ trưởng đã ra chỉ thị về sắp xếp lại các cơ sở sản xuất và xây dựng thuộc các thành phần kinh tế. Đối với các xí nghiệp quốc doanh, trước hết là xí

niệp công nghiệp, việc sắp xếp lại sản xuất phải đáp ứng mấy yêu cầu dưới đây:

1. *Xác định lại phương hướng và nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh cho sát hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế.*

Trong những năm trước mắt, nền kinh tế phải tập trung sức cho những mục tiêu có ý nghĩa then chốt để tạo ra thế cân đối mới như: lương thực và thực phẩm, một số loại hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng xuất khẩu, năng lượng và vận tải. Kế hoạch Nhà nước cần cụ thể hóa các mục tiêu đó, xác định rõ danh mục sản phẩm công trình xây dựng và lĩnh vực hoạt động cần tập trung sức giải quyết cho được để làm chuyển biến tình hình chung. Đó là căn cứ để phân phối theo thứ tự ưu tiên các phương tiện vật chất do Nhà nước quản lý. Một số chính sách kinh tế quan trọng như chính sách tích lũy và tiêu dùng, chính sách số dân và lao động, chính sách tiết kiệm, chính sách năng lượng, chính sách sử dụng một số loại vật tư chủ yếu v.v. cũng cần được bổ sung theo yêu cầu của tình hình mới và làm cơ sở cho việc sắp xếp lại nền kinh tế.

Dựa vào các điều kiện nêu trên, các cơ quan quản lý cấp trên (bộ, tổng cục, liên hiệp các xí nghiệp, ủy ban nhân dân) cùng với các xí nghiệp trực thuộc xem xét, xác định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất cho phù hợp.

Do Nhà nước cung ứng năng lượng, vật tư, thiết bị theo thứ tự ưu tiên cho những mục tiêu nhất định, cho nên mỗi xí nghiệp được Nhà nước cung ứng nhiều hay ít là tùy thuộc vào vị trí và trách nhiệm đối với việc thực hiện những mục tiêu đó. Đối với những cơ sở cùng sản xuất một loại sản phẩm, thì xí nghiệp nào có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn sẽ được ưu tiên hơn trong việc cung ứng vật tư. Như vậy, những xí nghiệp

quan trọng, có hiệu suất cao trong việc sản xuất những mặt hàng thiết yếu, được bảo đảm những điều kiện thuận lợi hơn để ổn định và phát triển sản xuất.

Đối với những mặt hàng mà Nhà nước không cung ứng hoặc chỉ cung ứng được một phần vật tư, xí nghiệp có trách nhiệm và được quyền tìm thêm vật tư một cách chính đáng từ các nguồn khác để tận dụng năng lực sản xuất của mình. Quy định trên đây áp dụng cho mọi xí nghiệp, bởi vì ngay những xí nghiệp được Nhà nước ưu tiên cung ứng vật tư chủ yếu cũng thường phải tự tìm thêm một số vật tư khác thì mới hoàn chỉnh được sản phẩm.

Nếu xí nghiệp không tìm được vật tư để bảo đảm nhiệm vụ sản xuất đã quy định, hoặc nếu việc thực hiện nhiệm vụ đó không đạt được hiệu quả cần thiết, thì xí nghiệp có thể chuyển hướng sản xuất toàn bộ hoặc từng phần để sử dụng hợp lý thiết bị và bảo đảm việc làm, đời sống cho cán bộ, công nhân. Trong trường hợp không còn cách nào tiếp tục sản xuất, hoặc bị thua lỗ kéo dài mà không có biện pháp khắc phục, thì xí nghiệp phải tạm ngừng sản xuất. Những trường hợp chuyển hướng hoặc tạm ngừng sản xuất phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định và phải có biện pháp bảo quản tốt nhà xưởng, thiết bị không dùng đến, duy trì đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật chủ chốt, giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra.

2. Xúc tiến việc liên hiệp sản xuất ở đơn vị kinh tế cơ sở.

Để sắp xếp hợp lý và sử dụng tốt hơn năng lực sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh, cần xúc tiến việc liên hiệp sản xuất giữa các cơ sở kinh tế. Ở đây, chúng ta chỉ đề cập đến hình thức tổ chức liên hiệp sản xuất trong khuôn khổ đơn vị kinh tế cơ sở; đó là các xí nghiệp liên hợp

(hoặc công ty mang tính chất xí nghiệp liên hợp) hạch toán độc lập và có tư cách pháp nhân, bao gồm một số đơn vị thành viên thực hiện hạch toán nội bộ, không có tư cách pháp nhân hoặc chỉ được ủy nhiệm tư cách pháp nhân về một vài mặt. Còn đối với các hình thức liên hiệp sản xuất trên cấp xí nghiệp (như liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty...), thì chúng ta sẽ nói đến khi nghiên cứu vấn đề tổ chức quản lý theo ngành kinh tế - kỹ thuật và theo địa phương, vùng lãnh thổ.

Các xí nghiệp quốc doanh của ta phần lớn quy mô còn nhỏ, thiếu điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh. Việc tập hợp những xí nghiệp có quan hệ kinh tế gắn bó với nhau thành xí nghiệp liên hợp là một biện pháp quan trọng và cần thiết để thực hiện sự phân công, hợp tác sản xuất, bổ sung và tận dụng năng lực sản xuất, đi lên sản xuất - kinh doanh lớn và đạt hiệu quả cao hơn. Biện pháp đó còn thúc đẩy việc giảm nhẹ các cơ quan quản lý hành chính - kinh tế trên cơ sở bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp liên hợp.

Xí nghiệp liên hợp được hình thành theo mấy dạng chủ yếu dưới đây:

- Tập hợp các xí nghiệp có quan hệ gắn bó với nhau trong quy trình công nghệ, thực hiện sự phân công chuyên môn hóa theo công đoạn sản xuất, theo chi tiết sản phẩm và sử dụng tổng hợp nguyên liệu ban đầu (thường gọi là liên hiệp sản xuất theo chiều dọc). Ở nước ta, hình thức này được áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực luyện kim, chế tạo máy (như máy khâu, xe đạp, đồ điện tử...) sản xuất đường - rượu - giấy, sợi - dệt - nhuộm v.v. và đối với một số ngành sản xuất đang chuẩn bị hoặc mới bắt đầu xây dựng như lọc dầu và hóa dầu, chế tạo máy kéo, đóng tàu...

- Tập hợp xí nghiệp chế biến nông sản và các nông trường sản xuất loại nông sản đó trong một khu vực thành xí nghiệp liên hợp để gắn chặt nguồn nguyên liệu với khâu chế biến. Xí nghiệp liên hợp này liên kết kinh doanh với các hợp tác xã nông nghiệp và các cơ sở khác sản xuất loại nông sản nguyên liệu đó trong phạm vi địa bàn được quy định. Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp cũng là một dạng liên hiệp sản xuất theo chiều dọc và có vai trò quan trọng trong việc phát triển các ngành chè, mía - đường, chế biến rau quả và hải sản xuất khẩu, lâm - sơn, cao su, v.v.

- Các xí nghiệp cùng sản xuất một loại sản phẩm liên hợp với nhau để tổ chức chung những khâu phục vụ sản xuất như cơ khí sản xuất phụ tùng và sửa chữa, cơ sở nghiên cứu áp dụng kỹ thuật mới, cơ sở làm bao bì, đơn vị vận tải chuyên dùng, v.v. (thường gọi là liên hiệp sản xuất theo chiều ngang). Hình thức này được sử dụng để liên hợp các mỏ than, các nhà máy điện, các xí nghiệp dệt, các nhà máy rượu, bia, các đơn vị xây lắp, các cơ sở vận tải...

Trong thực tế, có nhiều xí nghiệp liên hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ liên hiệp sản xuất theo chiều dọc và theo chiều ngang. Điều quan trọng là bảo đảm được hiệu quả kinh tế. Vì vậy, việc thành lập từng xí nghiệp liên hợp phải có phương án kinh tế - kỹ thuật, phương án tổ chức cán bộ bảo đảm cho hình thức tổ chức mới đem lại hiệu quả tốt ngay từ đầu. Phương án này có thể đề cập đến việc điều chỉnh sự phân công, phân cấp quản lý xí nghiệp giữa các ngành, giữa trung ương và địa phương để tạo điều kiện tốt cho sự hình thành và hoạt động của xí nghiệp liên hợp. Đối với các xí nghiệp liên hợp đã thành lập, cần tiếp tục hoàn thiện tổ chức sản xuất, kiện toàn bộ máy quản lý và sửa đổi cơ chế

quản lý nhằm phát huy tác dụng tích cực của nó.

3. Mở rộng sự liên kết kinh doanh giữa các đơn vị kinh tế và các thành phần kinh tế.

Đi đôi với việc tổ chức liên hiệp sản xuất giữa các xí nghiệp quốc doanh, cần mở rộng các hình thức liên kết kinh doanh giữa các cơ sở kinh tế thuộc các cơ quan quản lý khác nhau và các thành phần kinh tế khác nhau. Đó là yêu cầu khách quan, nhằm đáp ứng tính chất hết sức phong phú và linh hoạt của các mối liên hệ kinh tế và góp phần khắc phục tệ hành chính - quan liêu trong sản xuất, kinh doanh. Việc mở rộng liên kết kinh doanh còn giúp cho Nhà nước tập trung được lực lượng vào những mục tiêu, lĩnh vực quan trọng nhất và sử dụng đúng đắn lực lượng của các thành phần kinh tế khác để phát triển sản xuất theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Nhà nước.

Mọi hình thức liên kết kinh doanh, từ hợp đồng kinh tế tới nhóm sản phẩm, hợp tác, liên doanh..., đều phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và cùng có trách nhiệm thực hiện cam kết đối với các bên tham gia. Khi liên kết với các thành phần kinh tế khác, các xí nghiệp quốc doanh phải đảm đương vai trò nòng cốt, nhưng tránh tệ « cửa quyền » không bình đẳng. Các hình thức nhóm sản phẩm, liên doanh thường được tổ chức trên một địa bàn nhất định để bảo đảm sự thuận tiện trong quan hệ liên kết, nhưng cần tránh chia cắt một cách máy móc theo đơn vị hành chính.

II - ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Sắp xếp lại sản xuất phải đi liền với đổi mới cơ chế quản lý. Việc này tạo điều kiện và thúc đẩy việc kia.

Đổi mới cơ chế quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh là xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, thay thế bằng

một cơ chế tuân theo những nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch hóa làm công cụ chủ yếu, gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho xí nghiệp tự chủ về tài chính và làm chủ sản xuất — kinh doanh. Yêu cầu chủ yếu là: gần trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của xí nghiệp với kết quả sản xuất — kinh doanh, bảo đảm cho xí nghiệp phát huy quyền làm chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình, đồng thời cải tiến và nâng cao hiệu lực của kế hoạch Nhà nước và các chính sách, chế độ quản lý chung, tăng cường sự kiểm tra của các cơ quan quản lý cấp trên.

Căn cứ vào nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và kết luận của Bộ chính trị về vấn đề sửa đổi, bổ sung và tiếp tục thi hành quyết định số 25 — CP của Chính phủ nhằm phát huy quyền chủ động của các xí nghiệp quốc doanh, chúng ta phân tích mấy vấn đề chủ yếu về đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước đối với xí nghiệp, làm cơ sở cho việc cải tiến quản lý trong nội bộ xí nghiệp và phát triển quan hệ kinh tế giữa xí nghiệp với các tổ chức kinh tế khác.

1. Đổi mới kế hoạch hóa.

Trong quyền làm chủ của xí nghiệp, quan trọng nhất là làm chủ kế hoạch. Kết luận của Bộ chính trị về quyết định 25 — CP đã nêu rõ: « Mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và tự chủ về tài chính của xí nghiệp trên cơ sở lấy kế hoạch Nhà nước làm trung tâm, đặc biệt là khuyến khích và tạo điều kiện cho xí nghiệp tận dụng năng lực sản xuất, không bị động trông chờ vào Nhà nước... Với nguyên tắc xây dựng kế hoạch từ cơ sở, phải khẳng định toàn bộ kế hoạch của xí nghiệp xây dựng trên cơ sở vật tư do Nhà nước cung ứng và do xí nghiệp tìm kiếm thêm là một kế hoạch

thống nhất của xí nghiệp, được cấp trên duyệt. »

Theo tư tưởng chỉ đạo nêu trên, cơ chế kế hoạch hóa đối với xí nghiệp cần được đổi mới như sau :

— Trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất của xí nghiệp và căn cứ vào sự hướng dẫn của kế hoạch Nhà nước, cấp trên giao cho xí nghiệp số kiểm tra kế hoạch, quy định danh mục sản phẩm và thông báo những điều kiện vật chất mà Nhà nước có thể cung ứng. Nhà nước ban hành các quy định cụ thể cho phép các xí nghiệp quốc doanh được trao đổi vật tư với nhau để tận dụng vật tư ứ đọng; được mua thêm nguyên liệu, vật tư của các thành phần kinh tế khác theo giá thỏa thuận trong phạm vi chế độ quản lý giá của Nhà nước; được vay ngoại tệ để nhập vật tư cho sản xuất và có biện pháp quay vòng sản phẩm để thu lại ngoại tệ qua xuất khẩu, bảo đảm trả được vốn và lãi bằng ngoại tệ. Những quy định này phải hợp lý và chặt chẽ để ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực trong việc quản lý vật tư, khắc phục tình trạng tranh mua, kích giá trên thị trường.

Căn cứ vào số kiểm tra kế hoạch và các quy định nêu trên, xí nghiệp tìm biện pháp khai thác mọi khả năng tiềm tàng của mình và chủ động nghiên cứu thị trường, giao dịch, phát triển quan hệ hợp tác, liên doanh, ký hợp đồng cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, vận tải... với các tổ chức kinh tế khác. Trên cơ sở tích cực căn cứ các điều kiện thực hiện, bao gồm cả phần Nhà nước cung ứng và phần xí nghiệp tự tìm thêm (qua các nguồn : khai thác trong nội bộ xí nghiệp, trao đổi, hợp tác với các tổ chức kinh tế khác, xuất khẩu để nhập khẩu), xí nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính của mình thành một kế hoạch thống nhất. Nếu xí nghiệp xây dựng kế hoạch cao hơn số kiểm tra (thường gọi là kế

hoạch đăng ký cao), trong đó kế hoạch sản lượng cao hơn mức được Nhà nước cung ứng vật tư, và thực hiện được kế hoạch ấy thì được phân phối lợi nhuận cao hơn mức bình thường.

Kế hoạch do xí nghiệp xây dựng và bảo vệ trước cấp trên là một kế hoạch toàn diện, trong đó kế hoạch hiện vật thống nhất với giá trị, coi trọng các chỉ tiêu chất lượng, đặc biệt là năng suất lao động, tiêu hao vật tư, giá thành. Khi cấp trên duyệt và giao kế hoạch cho xí nghiệp, thì nên giảm bớt số lượng và cải tiến nội dung các chỉ tiêu pháp lệnh để nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của xí nghiệp trong sản xuất, kinh doanh. Nên giao kế hoạch pháp lệnh về mấy chỉ tiêu chính như

- Sản lượng sản phẩm chủ yếu và giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (ghi rõ phẩm cấp sản phẩm và sản phẩm xuất khẩu nếu có).

- Lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách.

- Quỹ tiền lương (tương ứng với sản lượng).

- Vốn đầu tư và thiết bị vật tư được Nhà nước phân phối (đây cũng là chỉ tiêu pháp lệnh đối với cơ quan cấp phát tài chính và cung ứng vật tư).

Nếu cấp trên muốn giao kế hoạch cao hơn mức xí nghiệp tự xây dựng, thì phải có biện pháp bảo đảm cân đối cho xí nghiệp. Trong quá trình thực hiện kế hoạch và trong thời hạn nhất định, xí nghiệp có thể bổ sung kế hoạch đăng ký cao. Để bảo đảm cách làm kế hoạch như trên, cấp trên phải giao cho xí nghiệp số kiểm tra kế hoạch hằng năm từ quý một năm trước và giao kế hoạch pháp lệnh một tháng trước khi bước vào năm kế hoạch. Khi kế hoạch 5 năm được xây dựng có chất lượng từ cơ sở lên, Nhà nước có thể giao trước một số chỉ tiêu pháp lệnh trong mấy

năm liền để xí nghiệp có điều kiện làm chủ kế hoạch với mức cao hơn.

Ngoài những sản phẩm được Nhà nước giao kế hoạch pháp lệnh, xí nghiệp được tận dụng phế liệu và năng lực sản xuất còn dư để làm thêm sản phẩm phụ, làm công việc gia công, dịch vụ. Cấp trên không giao chỉ tiêu về sản xuất phụ cho xí nghiệp, nhưng cần theo dõi, ngăn ngừa những việc làm có hại cho nền kinh tế. Có chính sách khuyến khích xí nghiệp phát triển sản xuất phụ đúng hướng, nhưng phải làm cho cơ sở và người lao động đạt được lợi ích lớn nhất trong việc thực hiện kế hoạch do Nhà nước giao cho, chứ không phải trong khi làm sản xuất phụ.

2. Hoàn thiện từng bước chế độ hạch toán kinh tế, bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của xí nghiệp.

Điều này đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề cụ thể theo hướng dưới đây:

- Gắn chặt trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của xí nghiệp trong việc quản lý, sử dụng vốn nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Muốn vậy, cần xúc tiến việc đánh giá lại tài sản cố định và xác định vốn lưu động; trên cơ sở đó, làm thử việc đánh thuế vào vốn sản xuất nhằm buộc xí nghiệp nâng cao hiệu quả của đồng vốn. Đi liền với việc đó, cần mở rộng một cách hợp lý quyền chủ động của xí nghiệp trong việc bố trí, sử dụng các loại vốn, tự lo bù đắp và bổ sung thêm vốn, xử lý các tài sản không cần dùng.

- Quy định hợp lý tỷ lệ phân phối lợi nhuận và cho xí nghiệp được quyền chủ động cao hơn trong việc phân bổ các quỹ xí nghiệp. Ví dụ: Nhà nước quy định tỷ lệ tối thiểu phải dành cho quỹ phát triển sản xuất và không chế quỹ khen thưởng một cách tương đối (nếu vượt quá một mức nào đó, thì phải điều tiết). Việc phân bổ lợi nhuận giữa quỹ khen thưởng và quỹ

phúc lợi có thể giao cho hội nghị công nhân viên chức của xí nghiệp thảo luận và quyết định. Nghiên cứu việc cho xí nghiệp được giữ lại một phần khấu hao cơ bản theo một tỷ lệ hợp lý, đáp ứng yêu cầu mở rộng quỹ phát triển sản xuất của xí nghiệp, đồng thời bảo đảm tập trung thích đáng nguồn vốn vào tay Nhà nước; tỷ lệ này cần phân biệt đối với từng loại xí nghiệp.

Cải tiến và mở rộng chế độ tín dụng đối với xí nghiệp quốc doanh. Có chính sách ưu đãi đối với xí nghiệp đạt hiệu quả tốt, đồng thời có biện pháp chặt chẽ về tín dụng và thanh toán đối với xí nghiệp làm ăn kém. Trên cơ sở bảo đảm cho xí nghiệp được rút tiền gửi dễ dàng, có đủ tiền mặt đáp ứng nhu cầu chi tiêu chính đáng, cần tăng cường kỷ luật quản lý tiền tệ.

Bằng các biện pháp nêu trên, xí nghiệp phải tự lo vốn cho sản xuất, cho việc đầu tư trang bị lại kỹ thuật, cải tiến và mở rộng sản xuất. Nhà nước chỉ đầu tư thêm khi mở rộng hoặc cải tạo xí nghiệp theo một quy mô mới, vượt quá khả năng của xí nghiệp.

- Xóa bỏ chế độ bù lỗ của Nhà nước trong khâu sản xuất; xí nghiệp phải lấy thu bù chi, làm tốt được hưởng, làm kém chịu thiệt. Đây là một yêu cầu cơ bản của chế độ hạch toán kinh tế, cần kiên quyết làm và hoàn thiện từng bước. Muốn vậy, cần tích cực xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật, trước hết là định mức vật tư, định mức lao động, gắn với tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Tiếp tục giải quyết hợp lý các mối quan hệ trong hệ thống giá, cải tiến chế độ tiền lương; trên cơ sở đó, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành một cách đầy đủ và đúng đắn, xác định hợp lý giá bán buôn xí nghiệp, tạo điều kiện cho các xí nghiệp hoạt

động bình thường, đạt năng suất trung bình trở lên thì đều có lãi, kể cả xí nghiệp công nghiệp nặng. Bằng các biện pháp đó, Nhà nước sẽ thối bù lỗ ở khâu sản xuất; xí nghiệp phải thật sự lấy thu bù chi, làm ăn có lãi. Trong trường hợp cần thiết còn phải bù lỗ, thì Nhà nước bù ở khâu lưu thông, chứ không bù ở khâu sản xuất. Trong tình hình kinh tế chưa ổn định, chưa tạo được điều kiện áp dụng cùng một lúc ở tất cả các xí nghiệp, thì chế độ này cần thực hiện ngay đối với sản phẩm nào, xí nghiệp nào đã được định lại giá bán buôn xí nghiệp tương đối hợp lý.

Đối với những xí nghiệp phải mua thêm nguyên liệu, vật tư theo giá cao để bảo đảm sản xuất, Nhà nước có chính sách điều chỉnh thu quốc doanh (hoặc điều chỉnh giá bán sản phẩm trong trường hợp cần thiết), bảo đảm cho xí nghiệp bù đắp đủ chi phí sản xuất hợp lý và có lãi thích đáng. Đối với những hiện tượng xí nghiệp lợi dụng chênh lệch giá để tăng thu nhập không chính đáng, thì phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý.

3. Tăng quyền chủ động của xí nghiệp về quản lý lao động.

Đi đôi với quyền làm chủ kế hoạch, tự chủ về tài chính, xí nghiệp cần được chủ động trong việc quản lý lao động để bảo đảm kết quả sản xuất - kinh doanh và chịu trách nhiệm đầy đủ về kết quả đó. Theo hướng đó, có thể áp dụng từng bước những biện pháp dưới đây:

Nhà nước không giao chỉ tiêu pháp lệnh về số lượng lao động mà chỉ quy định quỹ tiền lương tương ứng với kế hoạch sản lượng. Quỹ tiền lương không tính theo lương bình quân như trước đây, mà căn cứ vào định mức tiền lương cho một đơn vị sản phẩm hoặc công việc; do đó, gắn chặt với số lượng lao động và năng suất lao động. Trên cơ sở đó, có thể

cho phép xí nghiệp được chủ động quyết định tăng, giảm biên chế, sắp xếp lao động trong dây chuyền sản xuất và trong bộ máy quản lý. Đối với số lao động tạm thời dôi ra, xí nghiệp cố gắng xếp việc làm và giải quyết đời sống, nhưng không tính vào số lao động và quỹ lương sản xuất chính. Nhà nước cũng có chính sách thỏa đáng đối với số lao động dôi ra.

Trong khuôn khổ của luật lao động và các chính sách của Nhà nước đối với công nhân và viên chức, xí nghiệp được chủ động tuyển dụng công nhân, cán bộ, chò công nhân, cán bộ thôi việc và công nhân, cán bộ cũng có quyền xin chuyển công tác. Cần bổ sung các quy định cụ thể của Nhà nước để thực hiện đúng đắn các quyền này, xóa bỏ các trở ngại và ngăn ngừa sự lạm dụng.

Dựa trên các quy định chung của Nhà nước và sự hướng dẫn của cơ quan quản lý ngành, xí nghiệp được quyền sắp xếp, thay đổi tổ chức sản xuất và bộ máy quản lý theo yêu cầu sản xuất—kinh doanh. Cấp trên quyết định việc cử giám đốc xí nghiệp và bổ nhiệm các phó giám đốc theo đề nghị của xí nghiệp. Về các loại cán bộ khác trong xí nghiệp, nên giao cho xí nghiệp quyền chọn cử.

Cần khẩn trương nghiên cứu và chuẩn bị điều kiện cải cách chế độ tiền lương, bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động phù hợp với điều kiện thực tế và thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động. Theo chế độ lương và chỉ tiêu kế hoạch tiền lương, xí nghiệp được vận dụng các hình thức trả lương và tiền thưởng có lợi nhất cho sản xuất và đời sống. Tích cực tạo điều kiện áp dụng rộng rãi chế độ lương khoán, lương sản phẩm; phổ biến kinh nghiệm về khoán tiền lương theo sản phẩm cuối cùng. Quy định hợp lý việc xí nghiệp thưởng cho những đơn vị và cá nhân bên ngoài có đóng góp

thiết thực vào kết quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

Khi chưa cải cách tiền lương cơ bản, cần nói rộng mức phân phối tiền thưởng và cho phép xí nghiệp tìm các biện pháp chính đáng để tăng thu nhập cho cán bộ, công nhân. Đối với cách trả lương mang tính chất phân phối thu nhập của xí nghiệp đánh cá Cồn—đảo, cần cải tiến thêm cho hoàn thiện và có thể làm thử ở một số loại xí nghiệp khác để rút kinh nghiệm và xem xét việc áp dụng. Trong khi chế độ cung cấp hàng hóa theo định lượng còn tồn tại và chiếm một phần quan trọng trong tiền lương cơ bản, cần nghiên cứu các hình thức và biện pháp cho phép xí nghiệp gắn việc cung cấp này với kết quả lao động của cán bộ, công nhân.

4. Mở rộng quan hệ của xí nghiệp với thị trường.

Quan hệ thị trường của các xí nghiệp quốc doanh chủ yếu là với thị trường có tổ chức. Mỗi quan hệ này dựa vào sự hướng dẫn của kế hoạch Nhà nước ngay từ khi giao số kiểm tra và được thực hiện thông qua sự giao dịch, ký kết hợp đồng giữa xí nghiệp với các tổ chức kinh tế khác.

Sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh, không phân biệt làm bằng nguyên liệu mua từ nguồn nào, đều thuộc quỹ hàng hóa của Nhà nước. Căn cứ vào kế hoạch phân phối sản phẩm của Nhà nước và hợp đồng kinh tế, xí nghiệp giao sản phẩm cho các tổ chức tiêu thụ. Đối với những mặt hàng mà Nhà nước không thống nhất quản lý và phân phối, xí nghiệp được chủ động tìm khách hàng tiêu thụ; nếu thương nghiệp quốc doanh và các tổ chức kinh tế khác của Nhà nước không nhận tiêu thụ thì xí nghiệp được tự tổ chức tiêu thụ và phải tuân theo chế độ quản lý giá, chính sách thuế của Nhà nước.

Trong tình hình hiện nay, xí nghiệp được dùng một số sản phẩm để trao

đổi lấy vật tư cho sản xuất, nhưng không được gây trở ngại cho việc thực hiện kế hoạch phân phối sản phẩm của Nhà nước, xí nghiệp không được giữ lại sản phẩm để phân phối nội bộ; nếu muốn dùng một số sản phẩm phụ để thưởng cho cán bộ, công nhân sử dụng, thì phải mua lại theo giá bán buôn công nghiệp

Quan hệ mua bán giữa các tổ chức thuộc khu vực Nhà nước phải theo đúng chế độ quản lý giá của Nhà nước, không được "bắt bí" nhau, lợi dụng chênh lệch giá để thu lãi không chính đáng.

Các xí nghiệp quốc doanh được mở rộng quan hệ với các thành phần kinh tế khác và với thị trường tự do để đáp ứng nhu cầu của xí nghiệp, nhưng phải theo đúng chính sách của Nhà nước, góp phần tích cực vào nhiệm vụ quản lý thị trường và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Chính sách thu mua sản phẩm của kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và chế độ quản lý giá của Nhà nước cần được quy định sát hợp với tình hình thực tế, không gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp, đồng thời ngăn ngừa được tình trạng các tổ chức quốc doanh tranh mua, kích giá trên thị trường tự do.

Các xí nghiệp có sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia làm hàng xuất khẩu được ưu tiên cung ứng vật tư (đối với vật tư phải nhập khẩu, đặc biệt là vật tư chuyên dùng, Nhà nước có thể phân bổ một tỷ lệ nhất định trong kim ngạch xuất khẩu của xí nghiệp để xí nghiệp chủ động tính toán phương án nhập khẩu có lợi nhất), được vay ngoại tệ để nhập thêm vật tư cần thiết và được hưởng chính sách phân phối lợi nhuận đối với sản phẩm xuất khẩu cao hơn các sản phẩm cùng loại tiêu dùng trong nước. Xí nghiệp thực hiện tốt kế hoạch xuất khẩu, ngoài phần được thưởng hàng tiền trong nước, còn được

hưởng quyền sử dụng ngoại tệ theo một tỷ lệ nhất định trong số ngoại tệ thực thu, chủ yếu để phát triển sản xuất. Các xí nghiệp mà nhiệm vụ chủ yếu là làm hàng xuất khẩu, làm hàng gia công cho nước ngoài hoặc có khối lượng nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên dùng tương đối lớn, được giao dịch trực tiếp với khách hàng nước ngoài dưới sự quản lý, hướng dẫn của cơ quan ngoại thương. Ngành ngoại thương có trách nhiệm cải tiến và tăng cường thông tin về tình hình thị trường quốc tế, giúp cho các xí nghiệp theo dõi sát được sự biến động về mặt hàng và giá cả của những sản phẩm mà mình quan tâm.

III - CHẤN CHỈNH BỘ MÁY QUẢN LÝ XÍ NGHIỆP

Việc sắp xếp lại sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý đòi hỏi xí nghiệp phải bố trí lại tổ chức sản xuất, dây chuyền công nghệ và bộ máy quản lý cho phù hợp. Có khi muốn áp dụng một chế độ quản lý cụ thể, như chế độ trả lương theo sản phẩm cuối cùng, cũng phải tổ chức lại sản xuất trong nội bộ xí nghiệp. Vì vậy, cần mở rộng quyền chủ động cho xí nghiệp trong việc nghiên cứu và thực hiện phương án tổ chức lại sản xuất mỗi khi cần thiết, trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế và không trái với các chính sách, chế độ quản lý chung.

Đi đôi với tổ chức lại sản xuất, cần chấn chỉnh bộ máy quản lý và cải tiến chế độ làm việc nhằm thực hiện đầy đủ chế độ thủ trưởng và phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức.

Chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp càng trở nên bức thiết khi chúng ta muốn thực hiện tốt cơ chế ràng buộc chặt chẽ trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của giám đốc và mọi người lao động trong xí nghiệp

với kết quả sản xuất, kinh doanh. Những quy định bổ sung Điều lệ Đảng, được Đại hội thứ V của Đảng thông qua, về trách nhiệm lãnh đạo của đảng bộ và đảng ủy xí nghiệp cần được quán triệt và cụ thể hóa nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa vai trò quản lý của giám đốc và sự lãnh đạo của đảng ủy xí nghiệp.

Trong khuôn khổ của pháp luật, chính sách chung và trên cơ sở bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước, giám đốc xí nghiệp được quyền quyết định các vấn đề về sản xuất, kinh doanh, vệ sinh, kỹ thuật của xí nghiệp và chịu trách nhiệm về các quyết định đó. Giám đốc phải báo cáo với đảng ủy xí nghiệp theo chế độ và theo yêu cầu của đảng ủy. Về công tác cán bộ, cần có những quy định cụ thể theo hướng tôn trọng nguyên tắc tập thể, đồng thời bảo đảm chế độ thủ trưởng.

Trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp đối với các quyết định của mình thể hiện ở kết quả sản xuất, kinh doanh. Qua một thời gian nhất định, nếu sản xuất kém, kinh doanh thua lỗ thì giám đốc xí nghiệp phải thôi chức. Ngược lại, khi xí nghiệp thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước, sản xuất - kinh doanh có lãi, thì giám đốc và các cán bộ quản lý được khen thưởng thích đáng.

Đảng ủy và giám đốc xí nghiệp phải chăm lo bồi dưỡng, sắp xếp đội ngũ cán bộ trong xí nghiệp, kiện toàn các phòng, ban tham mưu theo hướng tăng cường chất lượng, bộ máy gọn nhẹ, đồng thời hết sức quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp điều hành sản xuất, từ công nhân giỏi, tổ trưởng, đội trưởng, trưởng ca, đốc công tới quản đốc phân xưởng và phó giám đốc.

Công nhân, viên chức và công đoàn xí nghiệp có trách nhiệm, quyền hạn và được tạo điều kiện thiết thực

tham gia quản lý, đặc biệt là trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, phân phối và sử dụng các quỹ xí nghiệp, chấp hành chính sách lao động, đẩy mạnh thi đua xã hội chủ nghĩa. Ngoài việc họp định kỳ đại hội công nhân, viên chức, nên tổ chức Hội đồng làm tư vấn cho giám đốc xí nghiệp trong sản xuất kinh doanh, trong việc xem xét các phương án kinh tế - kỹ thuật, bao gồm một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân giỏi.

Công tác xây dựng Đảng và hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong xí nghiệp phải hướng vào yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; thông qua việc thực hiện yêu cầu đó mà xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có ý thức và năng lực làm chủ tập thể



Trong phần nói về vai trò làm chủ của đơn vị kinh tế cơ sở, Đại hội thứ V của Đảng đã vạch rõ: « Phải thể hiện sự sáng tạo và tính chủ động trong sản xuất, kinh doanh trên nguyên tắc tự chủ về tài chính; phải bù đắp được chi phí sản xuất và có lãi để đóng góp ngày càng nhiều cho cả nước và để tái sản xuất mở rộng, tăng cường phúc lợi tập thể và khuyến khích vật chất cho cá nhân người lao động trong đơn vị mình » (1).

Những vấn đề nêu trong bài này là xuất phát từ tinh thần thực tế nhằm tạo điều kiện cho các xí nghiệp quốc doanh khắc phục các khó khăn, tháo gỡ các vướng mắc, thực hiện được yêu cầu mà Đại hội Đảng đã đề

(Xem tiếp trang 70)

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, trang 81.

MẤY VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT ĐỂ ĐƯA NỀN CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA TIẾN LÊN

TRƯỜNG - SON

Dại hội thứ V của Đảng đã nhận định rằng, mấy năm qua trên mặt trận kinh tế, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Về công nghiệp năm 1981, nhờ mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp và áp dụng rộng rãi các hình thức lương sản phẩm, lương khoán, tiền thưởng, cho nên tình hình sản xuất, xây dựng, vận tải đã có những chuyển biến bước đầu: sản lượng công nghiệp, nhất là công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tăng hơn năm 1980, một số công trình trọng điểm thì công đúng tiến độ, giao thông vận tải, nhất là vận tải thô sơ bước đầu phát triển ở một số tỉnh và thành phố.

Đó là những nhân tố mới nổi lên tài năng sáng tạo của giai cấp công nhân nước ta khi có cơ chế quản lý thích hợp và mở ra triển vọng mới của phong trào. Tuy nhiên, xét cả quá

trình, thì chúng ta phải nghiêm khắc đánh giá là thành tựu chưa tương xứng với công sức bỏ ra, và hiện nay, nền công nghiệp nước ta đang đứng trước những khó khăn rất lớn.

Sản xuất phát triển chậm và không ổn định. Trong thời gian năm năm 1976 - 1980, bình quân hàng năm sản lượng công nghiệp chỉ tăng 0,6%, sản lượng hàng tiêu dùng giảm 3,3% trong khi số dân tăng 2,25% cho nên hầu hết sản phẩm công nghiệp tính theo đầu người đều giảm. Hiệu quả kinh tế quá thấp. Năm 1980 so với năm 1976, tài sản cố định tăng 83%, số xí nghiệp tăng 37%, lao động tăng 10% nhưng sản lượng chỉ tăng 2,5% và năng suất lao động giảm 2,2%.

Các yếu tố cơ bản của sản xuất đang mất cân đối nghiêm trọng. Những khó khăn về nguyên liệu, năng lượng, vận tải đang đè nặng lên các ngành công nghiệp. Nhiều máy móc thiết bị đang trên đà hư hỏng. Một bộ phận

công nhân không có đủ việc làm, cho nên đời sống càng khó khăn

Thực trạng nói trên là do nhu cầu nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do: các ngành công nghiệp chưa có chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch dài hạn; chúng ta duy trì quá lâu cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, không phát huy được quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở, việc lãnh đạo công nghiệp còn nhiều thiếu sót.

Đại hội thứ V của Đảng đã xác định rằng, trong khi tập trung sức phát triển nông nghiệp, cần ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng và đã đề ra cho các ngành công nghiệp một số mục tiêu đến năm 1985 phải đạt được như khai thác 47 — 50 vạn tấn cá biển, sản xuất 380 — 400 triệu mét vải lụa, 35 — 40 vạn tấn đường mật, 1 tỷ bao thuốc lá, 9 — 10 vạn tấn giấy, 5,5 — 6 tỷ kWh điện, 8 — 9 triệu tấn than, 2 triệu tấn xi măng, 35 — 40 vạn tấn phân lân... Đó là những mục tiêu tối thiểu. Đạt được những mục tiêu đó, tình hình chưa có thay đổi đáng kể, nhưng với cách làm ăn như hiện nay và chỉ còn 3 năm nữa thì việc thực hiện các mục tiêu đó cũng không phải dễ dàng.

Để thực hiện các mục tiêu nói trên, nhất là để chuẩn bị tiến lên thực hiện các mục tiêu cao hơn trong những năm 80, chúng ta cần làm tốt những vấn đề sau đây:

Một là, tiến hành tổng kết việc phát triển công nghiệp và tập trung nghiên

cứu xây dựng các chiến lược phát triển sản xuất và kinh doanh của các lĩnh vực và các ngành công nghiệp quan trọng, trước hết là chiến lược về năng lượng, chiến lược về nguyên liệu, chiến lược về mặt..

Các chiến lược này phải đề ra hệ thống mục tiêu ít nhất đến năm 1990, và dự đoán đến năm 2000, căn cứ thể hóa đường lối kinh tế của Đảng về các mối quan hệ cơ bản, nhất là về quan hệ kinh tế với nước ngoài, cần gắn chiến lược phát triển với chiến lược quản lý nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu. Các chiến lược này phải tiếp cận được tình hình kinh tế — xã hội trong nước và tình hình thế giới để lựa chọn được phương án tối ưu.

Có thể nói việc xây dựng chiến lược kinh tế gắn với xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn là rất quan trọng và cấp bách. Quan trọng vì có chiến lược và kế hoạch dài hạn thì mới thấy rõ được «đường đi nước bước», mới có cơ sở để quyết định các vấn đề cụ thể như tổ chức sản xuất, kinh doanh, hợp tác quốc tế, đào tạo cán bộ, công nhân... một cách phù hợp, tạo điều kiện để khắc phục các mặt mất cân đối lớn mà kế hoạch ngắn hạn không thể tiếp cận được. Cấp bách vì có nhiều công việc cần có chủ trương rõ ràng, dứt khoát từ bây giờ và bắt tay làm ngay thì sau 5 — 10 năm nữa mới đem lại hiệu quả rõ rệt cho nền kinh tế quốc dân. Cấp bách vì có nhiều công việc phải điều tra nghiên cứu thêm ở trong nước hoặc khảo sát bàn bạc với nước ngoài và cần trải qua một quá trình thảo luận mới quyết định được.

Hiện nay, các bộ các ngành đang làm việc này. Nhưng nhìn chung còn đang làm ở mức bình thường và theo lối suy nghĩ bình thường. Đề nghị phải có cách suy nghĩ mới hơn, nhìn xa thấy rộng hơn nữa, cần huy động thêm cán bộ, vận dụng tổng hợp các khoa học, cả khoa học xã hội, khoa học quản lý và làm thật tập trung liên tục dưới sự chỉ đạo thống nhất mới có thể đạt kết quả tốt được.

Hai là, mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở.

Cần nhận thức rõ ràng rằng, cơ sở là tế bào của nền kinh tế, và đã là tế bào thì cơ sở phải có sự sống, phải tự điều chỉnh, thích nghi và phát triển. Tế bào có phát triển thì cơ thể mới phát triển. Cơ sở có phát triển thì toàn bộ nền kinh tế quốc dân mới phát triển. Do vậy, giải quyết vấn đề của cơ sở, mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở, là vấn đề rất quan trọng của việc đổi mới quản lý kinh tế, và cũng là một vấn đề rất cơ bản của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở, không có nghĩa là chỉ mở rộng quyền mà là gắn chặt trách nhiệm, quyền hạn với lợi ích. Cơ sở có trách nhiệm tìm mọi cách làm ra ngày càng nhiều sản phẩm theo yêu cầu của xã hội và kế hoạch Nhà nước, cơ sở có quyền làm mọi việc có lợi theo đúng đường lối chính sách của Đảng để thực hiện tốt trách nhiệm đó. Lợi ích của cơ sở gắn liền với kết quả sản xuất, kinh doanh: làm tốt được hưởng, làm kém chịu thiệt. Cấp trên có trách nhiệm tạo điều kiện và

hướng dẫn kiểm tra cơ sở thực hiện đúng quyền hạn trách nhiệm và lợi ích nói trên.

Ba là, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương. Đây là vấn đề cơ bản thuộc về đường lối mà cho đến nay nhiều cán bộ vẫn chưa quán triệt đầy đủ và cũng là vấn đề thời sự đang có những vướng mắc cần phải giải quyết.

Cần nhận thức đúng đắn ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp địa phương. Từ sản xuất nhỏ đi lên, Đảng ta chủ trương vừa phát triển công nghiệp trung ương, vừa phát triển công nghiệp địa phương là nhằm phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các địa phương, khai thác mọi tiềm năng về lao động, tài nguyên của các địa phương để sản xuất ra nhiều hàng hóa phục vụ nhu cầu địa phương, tạo điều kiện cho công nghiệp trung ương tập trung xây dựng các công trình lớn, sản xuất các sản phẩm quan trọng phục vụ nhu cầu cả nước và xuất khẩu. Không phải phát triển công nghiệp địa phương bằng cách, trung ương phải phân tán vốn đầu tư cho mỗi địa phương một ít, hoặc trong khi các xí nghiệp trung ương có quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, chưa sử dụng hết công suất vì thiếu nguyên liệu thì các địa phương lại xây dựng các xí nghiệp cùng loại để cắt xén bớt nguyên liệu của công nghiệp trung ương. Dường nhiên, trong những trường hợp cần thiết, trung ương vẫn giúp đỡ vốn đầu tư cho địa phương, và có những mặt hàng công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương

cùng phát triển theo một quy hoạch hợp lý, bảo đảm hiệu quả kinh tế.

Mặt khác, cần hiểu rằng, nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất, phân ra công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương chỉ có ý nghĩa tương đối. Các xí nghiệp trung ương không phải là riêng của trung ương mà là của cả địa phương, vì các xí nghiệp đó đều nằm tại một địa phương nhất định, chịu sự quản lý theo lãnh thổ của các địa phương. Cũng như các cơ sở công nghiệp địa phương không chỉ là của địa phương mà còn là của trung ương vì các cơ sở đó đều thuộc ngành công nghiệp này hoặc ngành công nghiệp khác, chịu sự quản lý hành chính, kinh tế của các Bộ và Tổng cục.

Do công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương có quan hệ hữu cơ như vậy, cho nên cần nhấn mạnh lại trách nhiệm của các Bộ là phải quản lý toàn ngành kinh tế - kỹ thuật trong cả nước, bao gồm cả công nghiệp địa phương, và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các địa phương là phải quản lý toàn bộ công nghiệp trên lãnh thổ, bao gồm cả công nghiệp trung ương. Cần có chính sách kinh tế ràng buộc, gắn bó giữa công nghiệp trung ương với công nghiệp địa phương, làm cho các địa phương càng phục vụ tốt công nghiệp trung ương bao nhiêu thì càng có lợi cho địa phương bấy nhiêu (chứ công nghiệp trung ương không phải là «gánh nặng» cho các địa phương như hiện nay), cũng như các Bộ càng ra sức giúp đỡ công nghiệp địa phương bao nhiêu thì càng

có lợi cho ngành bấy nhiêu. Các chính sách đó có thể là: các địa phương cung cấp cho công nghiệp trung ương một tấn nguyên liệu nông sản thì được thu vào ngân sách địa phương một tỷ lệ nhất định và được trung ương phân phối lại một tỷ lệ sản phẩm nhất định, hoặc các xí nghiệp trung ương cũng như các xí nghiệp địa phương đều trích một tỷ lệ lợi nhuận nhất định để nộp vào ngân sách địa phương và ngân sách trung ương.

Bốn là, phát triển mạnh mẽ nền công nghiệp và thủ công nghiệp. Thực tế vừa qua chứng minh rằng, từ sản xuất nhỏ đi lên, phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có nhiều tác dụng tích cực thu hút được lao động, tận dụng được tài nguyên, tiết kiệm được vốn đầu tư của Nhà nước, gắn với nông nghiệp ngay từ cơ sở và sản xuất được nhiều hàng hóa cho xã hội. Năm 1981, khu vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đã thu hút hơn 1,6 triệu lao động chuyên nghiệp, sản xuất gần 3,8 tỷ đồng sản lượng, chiếm 44% sản lượng toàn ngành công nghiệp. Hiện nay, 1 đồng tài sản cố định trong thủ công nghiệp làm ra được 5 đồng giá trị sản lượng trong khi công nghiệp quốc doanh chỉ làm được 5 hào.

Để phát triển mạnh mẽ nền công nghiệp và thủ công nghiệp, ngoài việc nhận thức sâu sắc vai trò chiến lược của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cần có quan điểm đúng đắn về tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý.

Cần xuất phát từ hiệu quả kinh tế để lựa chọn các hình thức tổ chức và

cải tạo tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cho thích hợp từ thủ công nghiệp gia đình, thợ thủ công cá thể, tổ hợp tác, hợp tác xã đến các liên doanh sản xuất và liên xã ngành. Chú trọng phát triển rộng rãi thủ công nghiệp gia đình để tận dụng lao động, tiết kiệm vốn đầu tư và diện tích nhà xưởng. Đặc biệt chú trọng phát triển thủ công nghiệp trong nông nghiệp để gắn công nghiệp với nông nghiệp ngay từ cơ sở bằng các hình thức thích hợp. Sử dụng rộng rãi các hình thức liên doanh, liên kết kinh tế trong nội bộ thủ công nghiệp, giữa thủ công nghiệp với nông nghiệp, với công nghiệp quốc doanh.

Cần đổi mới cơ chế kế hoạch hóa và quản lý đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp theo hướng Nhà nước chủ yếu dùng chính sách kinh tế và hợp đồng kinh tế để hướng dẫn sản xuất và nắm sản phẩm của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Các chính sách đó cần thể hiện tư tưởng chỉ đạo là khuyến khích mạnh mẽ phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật, sử dụng mọi tài năng; ưu đãi kinh tế tập thể, điều tiết sản xuất, kinh doanh theo phương hướng và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước, bảo đảm thống nhất giữa ba lợi ích, bảo đảm thu nhập hợp lý giữa các ngành, nghề.

Cuối cùng, điều có tính chất quyết định là phải kiện toàn hệ thống liên hiệp xã các cấp đúng với tầm quan trọng của nó để làm cả hai chức năng chính trị và kinh tế, hoàn thành tốt hai nhiệm vụ phát triển sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới

Năm là, ưu tiên phát triển năng lượng. Tình hình năng lượng hiện nay rất khẩn trương. Muốn giải quyết vấn đề này, cần sớm nghiên cứu để có một chính sách năng lượng toàn diện, cơ bản, lâu dài, phù hợp với điều kiện nước ta và xu thế của thế giới. Nội dung của chính sách đó có thể là:

- Thật sự làm cho năng lượng đi trước một bước và phát triển toàn diện các dạng năng lượng bao gồm than, củi, điện, dầu, mỡ, khí đốt và các dạng năng lượng khác;

- Đẩy mạnh khai thác than, kể cả các mỏ than nhỏ, than bùn ở các địa phương, tận dụng các loại than có nhiệt lượng thấp, sử dụng than qua lửa;

- Ưu tiên phát triển thủy điện, bao gồm các loại quy mô lớn, vừa và nhỏ, tiến tới lấy thủy điện làm chính trong cơ cấu điện năng;

- Tập trung lực lượng thăm dò, khai thác dầu khí, chuẩn bị xây dựng sớm nhà máy lọc dầu, tiến tới tự túc được nhiên liệu lỏng;

- Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng và chuẩn bị điều kiện phát triển các dạng năng lượng khác: năng lượng gió, khí sinh vật, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử;

- Tích cực bảo vệ tài nguyên năng lượng, sử dụng hợp lý năng lượng, triệt để tiết kiệm năng lượng trong quá trình khai thác, sản xuất, sử dụng và tiêu dùng.

Cần ưu tiên phát triển thủy điện kết hợp với nhiệt điện. Đất nước ta tài nguyên hóa thạch (than, dầu) không nhiều nhưng tài nguyên nước lại rất lớn, đầu tư xây dựng thủy điện

ở nước ta không đắt lắm vì có ưu thế về dòng chảy.

Để phát triển thủy điện, đối với các công trình lớn, cần có quy hoạch khảo sát, thiết kế và xây dựng kế tiếp để sử dụng lực lượng một cách liên tục làm cho giá thành xây dựng hạ. Có kế hoạch phát triển rộng rãi thủy điện vừa và nhỏ ở các nơi có điều kiện với ba loại quy mô từ 1-100 kW từ 100 kW - 1 000 kW và từ 1 000 - 5 000 kW.

Sáu là, đẩy mạnh xuất khẩu để nhập khẩu. Xuất khẩu, nhập khẩu là một bộ phận hợp thành của chiến lược kinh tế, thiếu nó thì không thể công nghiệp hóa đất nước.

Yêu cầu nhập khẩu của ta hằng năm rất lớn, đòi hỏi chúng ta phải có cách suy nghĩ mới, làm ăn mới để nhanh chóng vượt khỏi con số 300 - 400 triệu. tiến lên xuất khẩu từ 1 - 2 tỷ rúp, đó là/năm để cân đối được nhập khẩu. Cần sử dụng mọi hình thức xuất khẩu như sản xuất hàng xuất khẩu bằng nguyên liệu trong nước, gia công xuất khẩu, vay ngoại tệ để nhập nguyên liệu về làm hàng xuất khẩu, hợp tác sản xuất với các nước để làm hàng xuất khẩu...

Cần đặt rõ xuất khẩu là nhiệm vụ chiến lược của các ngành, các cấp. Tiến tới thực hiện chính sách lấy xuất khẩu để bù nhập khẩu đối với các cơ sở sản xuất có điều kiện

Có phương án tập trung xây dựng một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực với khối lượng lớn, chất lượng tốt, giá trị cao. Mỗi mặt hàng lập một công ty chuyên doanh phụ trách từ khâu nguyên liệu đến xuất khẩu. Mỗi

công ty có một cấp cán bộ giới phụ trách.

Xác định cơ cấu hợp lý hàng nhập khẩu, trước mắt tập trung nhập nguyên liệu, phụ tùng, hạn chế nhập máy móc, thiết bị. Đẩy mạnh xuất khẩu, cân đối mới công tác kế hoạch hóa, gắn sản xuất trong nước với thị trường nước ngoài, tổ chức tốt công tác nghiên cứu khảo sát thị trường, tăng cường trang bị kỹ thuật cho các cơ sở làm xuất khẩu. Cần có chính sách khuyến khích làm hàng xuất khẩu và cải tiến cách làm ăn của ta một cách nghiêm túc, khoa học, phù hợp với quan hệ giao dịch quốc tế.

Bảy là, xây dựng cơ sở nguyên liệu. Nguyên liệu là vấn đề sống còn của công nghiệp và đang là khó khăn chủ yếu hiện nay. Nói đến nguyên liệu, trước hết phải đánh giá đúng tài nguyên. Theo sự hiểu biết cho đến nay, tài nguyên của ta tuy không phải dồi dào, phong phú lắm như trước đây thường nghĩ, nhưng cũng không đến nỗi nghèo nàn so với một số nước. Với nguồn tài nguyên như hiện nay, nếu biết khai thác thì có thể tạo ra một cơ sở nguyên liệu cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa.

Để giải quyết nguyên liệu cho công nghiệp, cần có chiến lược toàn diện từ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp đến xuất, nhập khẩu nhằm tạo ra được các nguồn nguyên liệu có quy mô công nghiệp và ổn định. Muốn vậy, cần xây dựng và phát triển các vùng cây công nghiệp, theo hướng chuyên canh, thâm canh, tăng năng suất, đồng thời có chính sách cung cấp lương thực, thu mua

và giá cả đúng đắn, để cho khoảng 1 triệu héc ta cây công nghiệp sẽ có vào năm 1985 có thể cung cấp thêm cho công nghiệp 40-50% nguyên liệu. Sau này khi sử dụng được 9-10 triệu héc ta đất nông nghiệp, sẽ dành ít nhất 2 triệu héc ta để trồng cây công nghiệp.

Hoàn thành sớm quy hoạch lâm nghiệp và tổ chức kinh doanh nghề rừng theo hướng lâm-nông kết hợp, theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Mạnh dạn giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và gia đình xã viên kinh doanh, phát triển rộng rãi phong trào nhân dân trồng cây để có thể phủ xanh đồi trọc và trải rộng thảm thực vật rừng trên khắp đất nước trong khoảng 15 - 20 năm tới, làm cho rừng của ta trở thành một nguồn cung cấp nguyên liệu đáng kể cho công nghiệp.

Tăng cường công tác điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên, đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng để có thể xây dựng nhanh các mỏ và các nhà máy khai thác, chế biến nguyên liệu cho công nghiệp từ khoáng sản. Ngành hóa chất cần có chương trình dài hạn về sản xuất nguyên liệu hóa chất trong nước thay dần cho nguyên liệu hóa chất nhập khẩu.

Xây dựng kế hoạch dài hạn về xuất, nhập khẩu và hợp tác sản xuất nhằm phát huy ưu thế tài nguyên nhiệt đới và nguồn lao động dồi dào của ta để khắc phục khó khăn về thiếu nguyên liệu.

Ngoài ra, cần triệt để thực hành tiết kiệm nguyên liệu, tổ chức tốt hơn nữa công tác thu hồi, tái chế và sử dụng nguyên liệu loại 2.

Tóm lại, hoàn chỉnh và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành công nghiệp hiện nay tương đối lớn (hơn 10 tỷ đồng tài sản cố định), nhưng nhược điểm lớn là không đồng bộ,

mất cân đối và nhiều thiết bị đã cũ kỹ hư hỏng. Đây là điều hết sức đáng chú ý và cũng là một nguyên nhân quan trọng của việc sử dụng công suất thiết bị thấp, chứ không phải chỉ có nguyên nhân thiếu nguyên liệu và năng lượng. Vì vậy, sắp tới phải có chính sách đầu tư đúng đắn kết hợp đầu tư chiều sâu với đầu tư chiều rộng để hoàn chỉnh và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật.

Trước hết cần dành một số vốn đầu tư thích đáng để trang bị cân đối các hệ thống sản xuất trong các ngành công nghiệp như cân đối dây chuyền sản xuất trong ngành than, cân đối giữa lưới điện và nguồn điện, tăng năng lực khâu chuẩn bị phôi và xử lý bề mặt trong ngành cơ khí... Trong công nghiệp nhẹ, đầu tư để cân đối khâu kéo sợi và dệt vải, khâu nghiền, nấu bột và xeo giấy, khâu ép dầu và luyện dầu, trang bị thêm các máy chuyên dùng trong ngành may... Và nói chung, trong công nghiệp cần chú ý đầu tư cân đối giữa sản xuất và bao bì, nhất là bao bì xuất khẩu vì có những trường hợp hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được vì thiếu bao bì.

Về chiều rộng cần chú ý đầu tư để xây dựng cơ sở nguyên liệu, phát triển giao thông vận tải, xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư xây dựng các hệ thống điện nước, các công trình kỹ thuật phục vụ cho công nghiệp...

Đối với khu vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cần huy động vốn của hợp tác xã là chính. Nhưng có những trường hợp Nhà nước cũng phải đầu tư một phần (đầu tư qua ngân sách, qua tín dụng hoặc đầu tư bằng hiện vật, bán máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải) để giúp các hợp tác xã đổi mới kỹ thuật hoặc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết mà với vốn tự có hợp tác xã không đủ sức làm.

Chín là, ổn định đời sống, rèn luyện đội ngũ công nhân. Bên cạnh

những ưu điểm cơ bản, nhược điểm của đội ngũ công nhân ta là cơ cấu không đồng bộ, trình độ văn hóa còn thấp, tay nghề còn kém (cấp bậc bình quân 2,6/7), chưa có truyền thống và tác phong công nghiệp. Và tình hình nóng bỏng hiện nay là đời sống quá khó khăn, hầu hết không đủ sống do tiền lương cơ bản quá thấp cho nên không những không an tâm, phấn khởi sản xuất, gắn bó với xí nghiệp mà còn nảy sinh ra các hiện tượng tiêu cực. Do đó, muốn phát triển sản xuất, không thể không chú ý ổn định đời sống và tiếp tục rèn luyện đội ngũ công nhân.

Phải chăng vấn đề cấp bách nhất hiện nay là tìm cách cứu lấy giai cấp công nhân, như Lê-nin đã dạy: *«Trong một nước bị tàn phá, nhiệm vụ đầu tiên là phải cứu người lao động. Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động. Nếu họ còn thì chúng ta sẽ cứu vãn và khôi phục lại được tất cả»* (1). Muốn vậy, trước mắt phải bảo đảm cung cấp các mặt hàng theo định lượng, thực hiện rộng rãi việc trả lương sản phẩm, lương khoán và tiền thưởng để tăng thêm thu nhập cho công nhân. Đồng thời, tích cực chuẩn bị để tiến hành càng sớm càng tốt việc cải cách tiền lương, làm cho mọi người công nhân có thể sống được bằng tiền lương cơ bản, từ đó mà gắn bó họ với xí nghiệp và khắc phục các hiện tượng tiêu cực khác.

Về đào tạo và bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, trước mắt cần điều chỉnh quy mô và cơ cấu đào tạo cho thích hợp, chủ yếu là đào tạo lại. Đồng thời xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn để đào tạo bồi dưỡng công nhân cho phù hợp với yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Cần nhận thức rõ việc đào tạo công nhân tại trường chỉ là bước đầu, phương thức chủ yếu là phải đào tạo liên tục

trong quá trình sản xuất tại các xí nghiệp.

Mười là, xây dựng Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nhân tố có tính chất quyết định. Lâu nay ta đã nhiều lần chủ trương củng cố cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Nhưng kết quả chưa được như mong muốn. Ở nhiều xí nghiệp cũng như các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tình trạng yếu kém của đảng bộ còn kéo dài, chất lượng đảng viên chưa nâng lên được. Do đó, cần có sự nghiên cứu kỹ hơn thực trạng và nguyên nhân yếu kém của đảng bộ cơ sở, để có chủ trương củng cố một cách có hiệu quả.

Đề củng cố đảng bộ xí nghiệp, trước hết cần kiện toàn các đảng ủy xí nghiệp, nhất là bố trí đúng bí thư để làm tốt chức năng lãnh đạo và kiểm tra; đồng thời cần thực hiện nghiêm túc chế độ thủ trưởng.

Cần củng cố mối quan hệ của các cấp ủy địa phương với các đảng bộ xí nghiệp. Các tỉnh ủy, thành ủy cần dựa vào các ban công nghiệp để lãnh đạo chặt chẽ các đảng bộ xí nghiệp địa phương và xí nghiệp trung ương tại địa phương, và tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân làm tốt chức năng quản lý công nghiệp trên lãnh thổ.

Đề tăng cường lãnh đạo công nghiệp, một vấn đề quan trọng khác là cần làm tốt công tác cán bộ. Đánh giá lại cán bộ và bố trí đúng cương vị, ngành nghề để phát huy được tài năng. Đặc biệt coi trọng việc đào tạo liên tục sau nhà trường và trong công tác, coi đây là phương thức chủ yếu trong việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Cần đặc biệt coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý và có chương trình bồi dưỡng về quản lý để cho mọi cán bộ làm tốt được chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh.

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr. 430.

«Khoán mới» và hoàn thiện cơ chế khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

VŨ-HỮU-NGOẠN

VIỆC thực hiện lối khoán mới trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hiện nay đã nảy sinh những hiện tượng trái ngược nhau. Trước tình hình ấy, ít nhất đã có hai thái độ xem xét khác nhau. Thái độ thứ nhất, xem khoán mới là cách xử lý của thầy thuốc cao tay, đưa ra một đơn thuốc rất hiệu nghiệm, cứu chữa được mọi thứ bệnh. Thái độ thứ hai, cho khoán mới là một bài thuốc phản tác dụng, phá hoại nghiêm trọng chế độ hợp tác xã — một trong những nền tảng căn bản của chủ nghĩa xã hội. Thật ra, việc đánh giá lối khoán mới một cách đúng đắn có liên quan chặt chẽ đến việc xem xét đánh giá toàn cục, liên quan đến yêu cầu nắm bắt được thực trạng tình hình kinh tế đất nước ta hiện nay. Cho nên mọi ý kiến chủ quan, phiến diện, ca ngợi hoặc phê phán một chiều đều không giúp ích gì cho việc hoàn thiện cơ chế khoán hiện nay.

Việc thực hiện cách khoán mới trong nông nghiệp có nhiều mặt tích cực nhưng cũng còn có những mặt tiêu cực. Hai mặt đó diễn ra thường xen kẽ ngay trong cùng một sự việc, trong cùng một người, cùng một đơn

vị cơ sở, do đó phải có phương pháp khoa học và khách quan mới có thể đánh giá đúng tình hình.

Tại huyện Đ. H, năm 1979 chỉ đạt 60,2 tạ lúa trên một héc ta, năm 1980 đạt 61,76 tạ, sang năm 1981 với diện tích khoán 32780 ha đã đạt năng suất trung bình 71,34 tạ. Con số hơn 30000 tấn lúa thêm ra trên địa bàn một huyện là một bài toán rộng lớn cần được hoạch toán toàn xã hội để thấy tầm vóc giá trị của một hình thức kinh tế. Song cũng tại huyện Đ. H này đã có 500 trâu chết, phần lớn là do phải làm quá sức. Ở hợp tác xã D. X, khoán mới kích thích nông dân tăng cường độ lao động, tăng thời gian lao động để tăng sản lượng, song việc tranh giành nước để tưới ruộng đã gây ra nhiều vụ xô xát, mất đoàn kết giữa các xã viên. Tại hợp tác xã T. L khê động 24 tấn thóc trong một vụ khoán, thất thu cho hợp tác xã và Nhà nước. Ở huyện T. H, nông dân phần khởi song 150 công nhân ở các trạm máy kéo không có việc làm, 47 máy kéo bỏ không. Cảnh tượng người xã viên tích cực đến mức cuốc đất thay máy, kéo cày thay trâu đã minh họa một cách hết sức rõ rệt về

sự đan chéo nhau giữa mặt tích cực và mặt tiêu cực. Đúng như nhận xét của Lê-nin: « Những thiếu sót của con người dường như là sự tiếp tục của những ưu điểm của con người. Nhưng ưu điểm cứ tồn tại mãi quá mức cần thiết và lại không thể hiện vào lúc cần thiết, ở chỗ cần thiết, thì lúc đó chúng trở thành khuyết điểm » (1).

Ở nhiều hợp tác xã, phần thu nhập của xã viên do vượt khoán ngang bằng phần thu nhập từ ngày công cơ bản. Như thế thì sự vật bộc lộ cả hai mặt: một mặt nói lên tác dụng tích cực của khoán, mặt khác nói lên việc ăn chia theo ngày công chưa hợp lý (quá thấp) đã kéo dài nhiều năm. Theo Lê-nin: càng tiếp xúc với những vấn đề cụ thể bao nhiêu, chúng ta càng dụng chạm phải những vấn đề chung bấy nhiêu, tức là càng bắt buộc chúng ta phải trở lại vấn đề lý luận cơ bản bấy nhiêu.

Do đặc điểm riêng của sản xuất nông nghiệp và do đặc điểm sở hữu tập thể trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nguyên tắc phân phối theo lao động được thực hiện qua ngày công. Ngày công là thước đo lao động của xã viên. Ngày lao động có thể lớn hơn, nhỏ hơn hoặc đúng bằng ngày công. Thu nhập từ ngày công có thể tính bằng tiền hay bằng hiện vật hoặc một phần bằng tiền, một phần bằng hiện vật. Kết quả sản xuất của hợp tác xã được phân chia thành các bộ phận: thuế, bán theo nghĩa vụ cho Nhà nước, giống, dự phòng, phúc lợi tập thể, tái sản xuất mở rộng v.v. Về mặt hiện vật, sau đó, xã viên mới dự phần ăn chia theo ngày công. Vì thế, tuy thu nhập qua ngày công là thu nhập trực tiếp của cá nhân từng xã viên, song tỷ lệ và lượng tuyệt đối của thu nhập qua ngày công có liên quan tới các lợi ích kinh tế.

Trong khuôn khổ chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, với việc xếp bậc công việc và định mức kinh tế - kỹ thuật đúng

đắn, thì khoán là cách trả công gắn chặt được hứng thú lao động của cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích Nhà nước. *Khoán việc* có tác dụng kích thích xã viên hoàn thành công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, dành thêm thì giờ phát triển kinh tế phụ gia đình, về phía hợp tác xã thì bảo đảm kịp thời vụ, và tất nhiên cũng có lợi cho toàn xã hội. Mỗi lợi của xã hội ở đây là sản xuất được bảo đảm, lao động xã hội được sử dụng tiết kiệm, sản phẩm có thể tăng lên. *Khoán sản phẩm* có tác dụng kích thích xã viên hăng hái lao động, tăng cường độ lao động, tăng thời gian lao động, tăng đầu tư chi phí vật chất để tăng sản phẩm. Khi vượt khoán, khối lượng sản phẩm tăng lên, thì xét cả về mặt cá nhân, tập thể hay toàn xã hội đều có lợi.

Có cách khoán cho tổ, đội sản xuất, có cách khoán cho từng nhóm lao động hoặc từng người lao động... Trong điều kiện trình độ tổ chức quản lý còn non kém, nông dân còn mang nặng tâm lý của người tư hữu nhỏ khi vào hợp tác xã, lao động còn ở tình trạng thủ công, thì một quy mô hợp tác xã, đội sản xuất, nhóm lao động ở mức vừa và nhỏ là rất thích hợp. Ở mức quy mô vừa và nhỏ ấy của đội sản xuất và nhóm lao động mà tiến hành khoán cho đội, cho nhóm và cho từng người lao động thì tác dụng hấp dẫn của chế độ hợp tác xã càng lớn. Đó là một hình thức quản lý kinh tế thích hợp để dẫn dắt nông dân từng bước vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội, nó làm cho con đường quá độ đối với nông dân một mặt là một sự nhảy vọt, mặt khác lại là một quá trình, đúng với bản chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói chung, càng đúng với nước tiểu nông bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

(1) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tập 33, trang 251.

Bản chất của khoán là một hình thức tổ chức lao động của lao động tập thể, còn lao động tư nhân thì không có cái gọi là khoán. Vì thế, trong khi khoán phải giữ vững những khâu bắt buộc lao động hiệp tác mới có năng suất cao. Ở khâu nào, lao động cá nhân có thể đạt kết quả tốt hơn thì khoán cho người lao động đề khai thác khả năng lao động tiềm tàng của họ trong khuôn khổ chế độ hợp tác xã. Khoán là hình thức tổ chức lao động của lao động hiệp tác, còn tồn tại lâu dài, một khi quy luật phân phối theo lao động còn phát huy tác dụng. Song, khoán sản phẩm trong nông nghiệp như hiện nay thì chỉ có tính chất quá độ. Nó rất phù hợp với trình độ mọi mặt hiện nay của hợp tác xã. Nó phù hợp với điều kiện lao động thủ công, sản phẩm nông nghiệp tăng lên còn nhờ chủ yếu bằng cách tăng cường độ lao động và tăng thời gian lao động. Nó phù hợp với trình độ tổ chức quản lý chung của hợp tác xã và của Nhà nước đối với hợp tác xã. Nó phù hợp với tâm lý người nông dân vốn mang nặng óc tư hữu nhỏ lâu đời, làm cho họ lúng túng lao động và lao động có hiệu quả như trên mảnh đất kinh tế phụ gia đình (mảnh đất 5%). Điều quan trọng lúc này là sản phẩm xã hội tăng lên, cứu vãn tình trạng trì trệ, thiếu thốn, vừa lợi cho cá nhân, vừa lợi cho tập thể hợp tác xã, vừa lợi cho Nhà nước. Ở chỗ này cần có một quan niệm cách mạng và khoa học. Trong điều kiện chuyên chính vô sản, một hình thức kinh tế mới nào đó ra đời phải nhằm mục đích phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

Khoán sản phẩm đến người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp như kiểu hiện nay, là một hình thức quản lý kinh tế quá độ, trung gian. Nó có sự dung hợp giữa sức mạnh của lao động hiệp tác vừa bắt đầu và sức mạnh của lao động cá nhân vẫn còn

tiềm năng nhất định. *Đã là hình thức quá độ, trung gian, thì bản thân nó chứa đựng khả năng dao động, trông trành như bất kỳ hình thức kinh tế quá độ nào khác trông bất cứ lĩnh vực nào khác. Con người thực hiện nó có thể nghiêng ngả về phía này hay phía kia, cụ lý giữa tập thể và cá thể thật là gần, khó phân biệt. Vì thế, những hiện tượng tích cực và tiêu cực đan chéo nhau, xen kẽ, cái răng lược với nhau là điều dễ hiểu. Nhân tố tích cực mặc dù còn nhỏ bé, bao giờ cũng vẫn phản ánh xu thế phát triển, nhân tố tiêu cực có thể nhất thời còn rộng lớn nhưng bao giờ cũng đi ngược lại với xu thế phát triển. Phẩm chất lãnh đạo ở đây là phải bình tĩnh, tỉnh táo. Tài nghệ quản lý ở đây là phải nắm vững, nắm chắc, khơi dậy mặt tích cực để đẩy lùi dần mặt tiêu cực. Dương nhiên, nếu buông lỏng, thả nổi thì nhất thời mặt tiêu cực có thể lấn át mặt tích cực.*

Cần thấy khoán sản phẩm như hiện nay trong hợp tác xã nông nghiệp tuy cần thiết, nhưng *khả năng của nó cũng có giới hạn nhất định* chứ không phải là vô hạn, bởi vì sử dụng công cụ thủ công, tăng cường độ lao động, tăng thời gian lao động bao giờ cũng có giới hạn. Khả năng sản xuất tăng lên nhiều nhất do lối khoán đó mang lại chỉ có thể bằng hoặc hơn một chút so với kết quả sản xuất trên mảnh đất kinh tế phụ gia đình. Đến một mức độ nào đấy, muốn tăng sản lượng hơn nữa, thì nhất thiết phải sử dụng mạnh mẽ về kỹ thuật. Những lúc hạn to, úng nặng, sâu rầy nhiều thì các khâu lao động cá nhân trên cánh đồng hợp tác bộc lộ rõ rệt nhược điểm của nó.

Để khắc phục những hiện tượng tiêu cực, và hoàn thiện kịp thời, cần chú ý bên cạnh hình thức khoán sản phẩm mới xuất hiện vẫn phải *tiếp tục hình thức khoán việc, đồng thời*

phải tiến lên gần tất cả mọi người, mọi khâu trong hợp tác xã vào kết quả sản xuất cuối cùng, gọi là khoán theo sản phẩm cuối cùng. Nên cải tiến cách trả công đối với cán bộ hợp tác xã. Chẳng hạn không nên đề chủ nhiệm hợp tác xã được hưởng số ngày công cao nhất của hợp tác xã với bất cứ kết quả sản xuất nào. Phải tùy mức độ đạt hay không đạt hoặc vượt mức kế hoạch sản xuất của hợp tác xã mà chủ nhiệm được hưởng số ngày công tương ứng, có thưởng, có phạt. Các khâu lao động hiệp tác trực tiếp (giống, làm đất, nước, phân, bảo vệ thực vật) cũng vậy, phải có thưởng, phạt tương ứng với kết quả sản phẩm cuối cùng. Làm được như thế thì có thể góp phần khắc phục tình trạng hạ mức sản lượng khoán so với điều kiện trung bình đã đạt được, tình trạng trâu chết vì làm quá sức, hoặc tình trạng đói đất lấy thịt làm cho đàn lợn xã hội tụt xuống.

Cách khoán sản phẩm cho người lao động chỉ đúng khi ngay trên sản phẩm nhận khoán đó người lao động vẫn ăn chia theo tỷ lệ công được hạch toán theo đơn vị toàn hợp tác xã; định mức ngày công và định mức sản lượng tương ứng cùng những định mức tiêu hao vật chất dựa trên cơ sở trung bình đã đạt được; và nhất là trong khi trình độ tổ chức lao động hiệp tác còn non yếu, lao động cá nhân còn có tác dụng đối với việc phát triển sản xuất. Chẳng hạn, cách khoán sản phẩm cho người chăn nuôi lợn tập thể như sau: đàn lợn của tập thể vẫn được chăn nuôi tập trung trong chuồng trại của hợp tác xã, hợp tác xã giao giống, giao thức ăn gia súc, định mức thức ăn gia súc, định mức tăng trọng, định mức số ngày công được hưởng. Trên cơ sở đó giao cho gia đình xã viên nhận chăn nuôi một số đầu lợn nhất định. Nếu xã viên chăm sóc tốt hơn, đầu tư thêm thức ăn, sản lượng thịt đạt cao hơn định mức khoán, xã viên được hưởng

phần vượt khoán đó ngoài phần thu nhập từ ngày công giao khoán. Cách khoán sản phẩm chăn nuôi đến người lao động như trên làm cho người lao động tăng thêm thu nhập, đàn lợn của tập thể vẫn được duy trì và phát triển, sản phẩm xã hội tăng lên. Còn cách đòi 4 kilôgam thóc lấy 1 kilôgam thịt hơi hoặc giao 1 sào đất (360 m²) lấy 50 ki lô gam thịt hơi, thì trên thực tế người xã viên lấy lợn được chăn nuôi ở gia đình (mà trước kia họ vẫn chăn nuôi riêng) giao nộp cho hợp tác xã để đổi lấy thóc. Rút cuộc, đàn lợn xã hội giảm sút, không lợi cho tập thể và cho toàn xã hội. Khoán chăn nuôi lợn theo cách gia công nối tiếp ở gia đình như một số địa phương đang làm cũng cần được rà soát lại chặt chẽ theo nguyên tắc bảo đảm đàn lợn xã hội ngày càng tăng lên.

Cách khoán sản phẩm hoa màu cho người lao động cũng có thể làm tương tự. Hợp tác xã giao đất, giao giống, định mức phân bón, định mức ngày công, giao khoán sản lượng. Nếu xã viên trồng có kỹ thuật hơn, chăm sóc tốt, đầu tư thêm phân, sản lượng vượt hơn mức khoán thì được hưởng phần sản lượng vượt khoán ngoài phần thu nhập từ ngày công.

Khoán ba khâu cuối cùng của sản phẩm cây lúa sao cho thật đúng đắn là điều khó khăn nhất, bởi vì nếu tiến hành không tốt có thể chia manh mún đồng ruộng, cơ sở vật chất của hợp tác xã không được sử dụng, xã viên tranh nhau lấy nước, giành nhau trâu cày, tình trạng thuê mướn nhân công tái sinh, sản phẩm khê đọng... Đối với hợp tác xã kém hay trung bình và hợp tác xã mới xây dựng thì xã viên hồ hởi nhận khoán, sản phẩm tăng lên rõ rệt. Nhưng vốn trình độ tổ chức quản lý ở những hợp tác xã này đã yếu kém, nay phải điều khiển một cách tinh vi, tỉ mỉ, phối hợp các khâu lao động hiệp tác và các khâu lao động cá nhân thì càng rối, do

đó dễ dàng đưa đến «trượt khoán». Đối với hợp tác xã khá thì có thuận lợi về trình độ tổ chức quản lý, nhưng xã viên không hồ hởi nhận khoán, bởi vì ở đây sức mạnh của lao động hiệp tác đã được phát huy, tính ưu việt của hợp tác xã đã bắt đầu được thể hiện, năng suất và sản lượng đã đạt khá, lao động cá nhân khó theo kịp. Ở một số hợp tác xã tiên tiến mặc dù phải phát động đảng viên gương mẫu nhận ruộng khoán để động viên quần chúng làm theo nhưng vẫn còn tình trạng xã viên không chịu nhận khoán. Trong trường hợp này, nếu hợp tác xã hạ mức khoán so với mức trung bình đã đạt được trong nhiều năm thì chỉ là san chỗ nọ sang chỗ kia, lợi cho cá nhân nhưng thiệt cho tập thể.

Rõ ràng, cách khoán cụ thể phải được cụ thể hóa đủ mức, phù hợp với trình độ khác nhau của từng loại hợp tác xã. Khoán sản phẩm cuối cùng như kiểu hiện nay trong các hợp tác xã nông nghiệp là cần thiết đối với mọi loại hợp tác xã, bởi vì đã là lao động thủ công thì lao động cá nhân còn có tác dụng nhất định. Song, bản thân lối khoán ấy đang ở trình độ một hình thức quản lý kinh tế quá độ, trung gian, cho nên nó phát huy nhiều tác dụng đối với những tập đoàn sản xuất (ruộng đất đã được tập thể hóa) vừa được thành lập ở các tỉnh miền Nam, nhất là các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu-long. Ở đây vẫn duy trì việc hưởng hoa lợi ruộng đất một thời gian bên cạnh việc phân phối theo lao động, cho nên trung nông dễ dàng tiếp thu con đường hợp tác hóa hơn. Nếu khoán sản phẩm cuối cùng theo lối kết hợp lao động hiệp tác với lao động cá nhân, vừa sử dụng sức mạnh của kinh tế tập thể mới được xây dựng, vừa tận dụng khả năng phong phú của kinh tế gia đình, thì lại càng dễ dàng lôi cuốn nông dân vào con đường hợp tác hóa hơn. Đối với hợp tác xã ở các tỉnh

miền Nam thì khoán không phải là việc làm lại mà là công việc bắt đầu mang nhiều yếu tố tích cực.

Đối với các hợp tác xã yếu kém và trung bình ở các tỉnh miền Bắc thì khoán sản phẩm trở thành lối khoán mới, có tác dụng góp phần cứu vãn tình hình. Không nên đòi hỏi hoàn toàn mọi tiêu cực cho lối khoán đó. Trái lại, nó giúp khắc phục được mặt tiêu cực rất cơ bản trước đây là sản xuất trì trệ, chậm phát triển. Bên cạnh những tiêu cực mới nảy sinh, có một số tiêu cực hiện nay cũng đã từng tồn tại nhiều năm trước đây do tình trạng tổ chức quản lý yếu kém gây ra. Bài toán cần phải giải để khắc phục nhiều mặt tiêu cực đã từng được đặt ra trước đây chứ không phải ngày nay mới đặt ra. Vì thế, đối với các hợp tác xã yếu kém và trung bình thì việc hoàn thiện khoán đòi hỏi trước tiên phải huấn luyện lại đội ngũ cán bộ quản lý đi đôi với việc sử dụng những đòn bẩy kinh tế gắn chặt trách nhiệm với quyền lợi của người cán bộ quản lý hợp tác xã. Cán bộ, xã viên hợp tác xã phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, có trách nhiệm và quyền hạn, chủ động và sáng tạo trong tổ chức kinh doanh.

Tiến hành xây dựng hoặc xây dựng lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Dựa trên cơ sở định mức ấy mà đẩy mạnh cả khoán việc đi đôi với khoán sản phẩm chứ không chỉ khoán sản phẩm. Đồng thời tiến hành điều chỉnh quy mô hợp tác xã và đội sản xuất cho thích hợp, vừa với tầm quản lý của cán bộ.

Nếu như đối với các hợp tác xã yếu kém và trung bình, việc tháo gỡ tình hình trước hết có thể bằng một hình thức kinh tế kết hợp chặt chẽ ba lợi ích, thúc đẩy xã viên hứng thú lao động, thì đối với các hợp tác xã khá lại không cần như vậy. Việc tiếp tục nâng cao sản xuất và đời sống ở các hợp tác xã khá đòi hỏi phải giải

quyết hàng loạt vấn đề chứ không phải chỉ một biện pháp khoán. Ở những hợp tác xã đạt 7-8 tấn thóc hoặc 9-10 tấn thóc trên một héc ta gieo trồng cả năm, thì lao động hiệp tác trên cơ sở thủ công đã được khai thác khá triệt để. Tình hình, đó bắt buộc phải suy nghĩ về những biện pháp khoa học-kỹ thuật mạnh mẽ, về những thay đổi cơ cấu sản xuất, và phát triển hơn nữa các ngành nghề, phát triển hơn nữa kinh tế phụ gia đình v.v., đồng thời với biện pháp khoán sản phẩm. Yêu cầu hoàn thiện khoán ở đây phải được giải quyết trong các biện pháp toàn bộ. Có như thế mới khắc phục được những mặt tiêu cực vừa bộc lộ do thực hiện khoán mới gây ra. Ở đây, khoán việc phải được tiếp tục giữ vững và tiến hành điều chỉnh quy mô đội sản xuất cho thích hợp, đồng thời thực hiện rộng rãi khoán ba khâu cuối cùng về sản phẩm cây lúa đến nhóm lao động. Nếu khoán sản phẩm đến nhóm lao động thì lao động hiệp tác vẫn tiếp tục ở cả 8 khâu chứ không phải chỉ ở 5 khâu. Điều đó chẳng những cần thiết mà còn là có thể thực hiện được trong các hợp tác xã khá. Chỉ khoán 3 khâu cuối cùng của sản phẩm cây lúa đến từng người lao động với điều kiện người xã viên hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm mức khoán như mức sản lượng trung bình đã đạt được nhiều năm (trừ phi việc cung ứng vật tư kỹ thuật kém hơn trước), ruộng đất không chia manh mún, cơ sở vật chất hiện có của hợp tác xã phải được tiếp tục sử dụng tốt (trừ phi trước đây đã đi quá mức trình độ thực tế của hợp tác xã, ảnh hưởng không tốt tới thu nhập của xã viên). Còn đối với chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, và các ngành nghề thủ công nghiệp, thì hợp tác xã khá có thể và cần phải khoán sản phẩm một cách triệt để. Trên thực tế lương thực-một vấn đề cốt lõi trong đời sống hằng ngày, đã hấp dẫn người nông dân bỏ các ngành

nghề để lao vào mảnh ruộng khoán. Đây là một vấn đề khó, có thể giải quyết bằng hai cách:

Cách thứ nhất: Nếu quy mô ngành nghề và mức độ kinh doanh lớn, có hiệu quả thì có thể tách ra thành hợp tác xã riêng, hạch toán độc lập. Tất nhiên sau khi tách ra khỏi hợp tác xã nông nghiệp vẫn có thể và cần phải có các hình thức liên doanh với hợp tác xã nông nghiệp.

Cách thứ hai: Nếu vẫn duy trì như một ngành nghề phụ trong hợp tác xã nông nghiệp thì phải giữ vững nguyên tắc hạch toán kinh tế, nhất là hạch toán ăn chia thống nhất trên phạm vi toàn hợp tác xã. Trên thực tế, các ngành nghề phụ thường tạo ra giá trị cao hơn trồng trọt và chăn nuôi, cho nên cần xếp bậc công việc, định mức ngày công thỏa đáng để người lao động giỏi, lao động tốt vẫn có thể thu nhập một số thóc lúa nhiều hơn, thậm chí có thể lợi hơn cả khi họ bỏ nghề để quay về nhận ruộng khoán.

Tóm lại, tùy điều kiện cụ thể khác nhau, việc hoàn thiện khoán đối với các hợp tác xã yếu kém, trung bình hay khá, đối với hợp tác xã ở các tỉnh miền Bắc hay các tỉnh miền Nam, đều phải giải quyết trên cơ sở bảo đảm đúng đắn cả ba lợi ích kinh tế.

Lê-nin đã căn dặn: "Trong việc hoàn toàn tiêu diệt chủ nghĩa tư bản và trong việc bắt đầu chuyển sang bước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta, chỉ vừa mới bước được những bước đầu tiên thôi. Chúng ta còn phải trải qua bao nhiêu giai đoạn quá độ nữa mới tiến tới chủ nghĩa xã hội" (2). Thật vậy, bằng cả thực tiễn quý báu, thời gian qua chúng ta có thể nhận thức sâu sắc lời dạy của Lê-nin, bởi vì thời kỳ quá độ lên chủ

(Xem tiếp trang 70)

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1971, tập 27, trang 160.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TINH THẦN CỦA VIỆT-NAM (*)

Vũ-Khiếu :

Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam đã phát triển thêm và làm sáng tỏ hơn nữa những phương hướng cơ bản của xã hội ta và từ đó cũng vạch ra những *giá trị chân chính của con người* qua những đặc trưng cơ bản của con người mới.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng triệt để nhất trên mọi lĩnh vực. Trong quá trình cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới, nó quét sạch những tàn dư hủ bại của quá khứ, đồng thời phát huy cao nhất những giá trị tích cực trong truyền thống của dân tộc.

Bảng giá trị mới của dân tộc ta, do đó không chỉ phản ánh nhu cầu và trình độ của dân tộc ta ngày nay, không chỉ tiếp thu những thành tựu mới nhất của văn minh nhân loại mà còn kết tinh những phẩm chất đẹp nhất, mà dân tộc ta đã tạo ra trong cuộc sống lâu dài của mình.

Từ mấy chục năm nay, các nhà triết học và xã hội học trên thế giới lại hao phí rất nhiều công sức để bàn về những giá trị của con người. Dân tộc ta đã tham gia cuộc thảo luận ấy không phải chỉ bằng bút mực mà còn

bằng chính xương máu của mình. Giữa những chiều hướng trái ngược, những ý kiến muôn màu về về giá trị, chúng ta đã xác định một mục tiêu, một đường đi, một lối sống.

Thế nào là những giá trị cao đẹp nhất trong cuộc sống? Chúng ta đã trả lời, đã lựa chọn, đã chiến đấu cho những giá trị ấy với những hành động kiên cường và niềm tin sắt đá...

Cuộc chiến đấu của chúng ta suốt nửa thế kỷ vừa qua để đánh Pháp, đuổi Nhật rồi lại đuổi Pháp đuổi Mỹ, và đánh bại bọn bành trướng Bắc-kinh là cuộc độ sức vĩ đại giữa những giá trị cao đẹp nhất của con người với những lực lượng đen tối nhất, hung bạo nhất, xảo quyệt nhất trong lịch sử.

Trong nửa thế kỷ qua, chúng ta đã đập tan bao nhiêu thủ đoạn thâm độc, bao nhiêu vũ khí man rợ, bao nhiêu hành động điên cuồng của kẻ địch. Chúng ta đã chịu đựng những tổn thất, những đau thương, những hy sinh ở một mức cao nhất mà con người có thể chịu đựng được, nhưng từ những thử thách gian nan chưa từng có ấy, chúng ta đã nêu cao những phẩm giá dân tộc và những phẩm giá làm người.

(*) Xin xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 11-1982.

Bọn phản động thế giới đang xuyên tạc về chúng ta nhưng cả loài người sẽ nhận ra và sẽ mãi mãi ghi nhớ thái độ sống và chiến đấu của chúng ta trong những ngày khó khăn nhất. Chúng ta đã sống và chiến đấu cho độc lập, tự do, cho hòa bình và chủ nghĩa xã hội, cho những khát vọng cao cả của nhân loại, cho xu hướng tất yếu của lịch sử ngày nay.

Trước đây, Nít-se (Nietszhe) đã từng đập tan mọi giá trị cổ truyền và xây dựng một bảng giá trị mới cho nhân loại. Cho đến nay, giai cấp tư sản hiện đại vẫn tiếp tục thiêu hủy những tinh hoa giá trị của loài người, còn về bảng giá trị mới, giá trị chân chính của con người thì vĩnh viễn nó không thể đạt tới.

Triết học tư sản đã tốn nhiều giấy mực để bàn về giá trị và thành lập một bộ môn khoa học gọi là *giá trị học* (Axiologie). Tách rời sự nghiệp giải phóng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đứng ngoài ảnh hưởng của thế giới quan Mác - Lê-nin, những nhà giá trị học tư sản cũ chỉ ngày càng bộc lộ sự bất lực của họ qua một thứ triết lý tư biện và những kiến giải tùy tiện mà thôi. Nếu họ không tự giam mình trong chủ nghĩa duy tâm thần bí thì họ sa vào chủ nghĩa duy vật tầm thường. Nếu họ không dừng lại ở chủ nghĩa duy lý kiểu Can-tơ (Kant) thì lại đi vào chủ nghĩa hư vô kiểu Ca-muyt (Camus).

Xã hội tư bản ngày càng sa đọa với những vụ cướp bóc, lừa đảo, diên loạn, dâm ô, đã nuôi dưỡng một không khí bi quan trong triết học và nghệ thuật. Nó ngày càng tước đi bao niềm tin không những đối với giá trị của con người mà còn đối với bản thân cuộc sống.

Ở giai cấp tư sản hiện đại, quan điểm về giá trị là quan điểm thực dụng. Những vũ khí giết người, những thủ đoạn man trá, những thành

kiến tôn giáo, tất cả những gì có thể tạo ra lợi nhuận là giá trị.

Đối với tầng lớp trí thức tư sản và tiểu tư sản, những người bơ vơ và chán chường giữa cảnh tàn bạo, thối nát và phi lý của xã hội tư bản, thì cái gì phù hợp với tâm trạng cô đơn, bi thảm của họ, cái gì đề cao «tự do tuyệt đối» và sự «nổi loạn» của tâm hồn là giá trị.

Từ trong khung cảnh đó, triết học tư sản đã nêu lên rất nhiều luận thuyết hỗn loạn về giá trị, nhưng hầu hết đều như những cây gỗ mục, không thể cứu vớt được chế độ tư bản thối nát đang tất yếu phải chìm đắm.

Trên con đường diệt vong của chúng, bọn đế quốc và bè lũ tay sai ngày càng phản động. Chúng trắng trợn đâm đạp lên những giá trị chân chính của con người và còn trơ trẽn nói những lời mỉa mai về «tự do», về «dân chủ» và «nhân quyền». Đế quốc Mỹ nói đến «quyền sống của con người» khi chính chúng đã hủy diệt làng mạc ta, giết chóc đồng bào ta và dùng chất độc hóa học tàn hại cả côn trùng, thảo mộc. Nhân danh «nhân quyền», chúng kêu gọi Việt-nam rút quân ở Cam-pu-chia nhằm đẩy nhân dân nước này một lần nữa sống dưới nanh vuốt của bọn diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa-ry. Chúng đã nhắm mắt làm ngơ khi bọn này dưới sự chỉ đạo của bọn bành trướng Bắc-kinh đã sát hại ba triệu dân và đẩy bốn triệu người dân khác vào cảnh sống dở chết dở.

Bọn bành trướng Bắc-kinh luôn luôn nói về «cách mạng», về «chủ nghĩa xã hội», và «chủ nghĩa quốc tế vô sản» đã trở thành những tên phản bội dè hèn nhất, câu kết với đế quốc Mỹ, phá hoại cách mạng thế giới và cách mạng Trung-quốc, diên cường chống Liên-xô và tiến công Việt-nam.

Chưa bao giờ chung quanh vấn đề giá trị nhân loại lại chứng kiến những cuộc đổi trắng thay đen một

cách để hèn và trắng trợn như ở đế quốc Mỹ và bọn bành trướng Bắc-kinh ngày nay.

Thế nào là giá trị?

Trong lịch sử loài người cũng đã tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau về giá trị. Do hạn chế về giai cấp và về nhận thức, những quan điểm về giá trị thường không phù hợp với những giá trị thật sự của con người.

Đối với giai cấp phong kiến thì « trung, hiếu, tiết, nghĩa » là những khái niệm thường được nêu lên nhiều nhất song không phải để bảo vệ những giá trị chân chính của con người mà nhằm hạ thấp và sỉ nhục quần chúng nhân dân.

Không thể tìm ra cơ sở vật chất và quy luật của những hiện tượng xã hội, quan điểm tôn giáo đã quy mọi giá trị của cuộc sống vào nguồn gốc thần bí. Thế giới quanh ta là do thượng đế xếp đặt, họa phúc của con người là do tiền định, tài năng và tính cách cũng do trời sinh. Chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa tương đối phủ nhận yêu tố khách quan của giá trị, cho giá trị chỉ là ý nghĩa mà con người gán ghép một cách vũ đoán vào sự vật mà thôi.

Bác bỏ quan điểm thần bí đã quy mọi giá trị ở thế giới vào công ơn của những lực lượng siêu thế gian, của trời, Phật, tiên, thánh, chúng ta quan niệm giá trị phải là sản phẩm của con người, do chính con người đã từ bàn tay và khối óc của mình tạo ra cho mình.

Bác bỏ chủ nghĩa duy tâm chủ quan, tùy tiện dựa vào lý tính, dựa vào tình cảm hay trực giác, chúng ta khẳng định tính khách quan và tính xã hội của giá trị. Giá trị nằm trong bản thân sự vật, được xét từ góc độ lợi ích xã hội và liên bộ xã hội.

Giá trị cũng không phải là cái gì có tính chất cố hữu vốn nằm ở bản thân các hiện tượng thiên nhiên như vẻ đẹp của trăng, nước, chim, hoa, như lợi ích của núi, sông, rừng,

biển,... Thiên nhiên chỉ trở thành đẹp, thành tốt và có ý nghĩa giá trị, khi nó được đặt trong mối quah hệ thực tiễn với con người xã hội và được đánh giá bởi con người xã hội. Giá trị của một sự vật là ở chỗ sự vật đó đáp ứng nhiều hay ít những nhu cầu vật chất và văn hóa của con người, là ở chỗ sự việc đó có tác dụng gì trong cuộc sống đi lên của xã hội. Chính vì thế, chúng ta chỉ có thể khẳng định một giá trị nào đó trong mối quan hệ thực tiễn giữa con người và hiện thực khi xét nó ở cả hai mặt khách quan và chủ quan. Mác đã từng phê phán quan điểm sai lầm của chủ nghĩa duy vật tầm thường: « Khuyết điểm chủ yếu của toàn bộ chủ nghĩa duy vật trước kia, kể cả chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách, là ở chỗ: sự thật, hiện thực, thế giới có thể cảm giác được, chỉ được xét dưới hình thức khách thể hay dưới hình thức trực giác, chứ không được xét đến với tính cách là hoạt động cụ thể của con người là thực tiễn không được xét về mặt chủ quan (1).

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, chúng ta quan niệm giá trị là những thành tựu của con người góp vào sự phát triển của lịch sử xã hội, phục vụ cho lợi ích và hạnh phúc của con người. Giá trị xuất hiện từ mối quan hệ xã hội giữa chủ thể và đối tượng, nghĩa là từ thực tiễn và chiến đấu của con người xã hội. Giá trị vì thế được xác định bởi sự đánh giá đúng đắn của con người, xuất phát từ thực tiễn và được kiểm nghiệm qua thực tiễn.

Trông triết học, đã từng có rất nhiều cách phân loại giá trị thích ứng với đặc điểm thế giới quan và sự tùy tiện chủ quan của nhà triết học. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, chúng ta chia giá trị thành: giá trị

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: « Luận cương về Phơ-bách » Tuyển tập. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1962. tập II, tr. 655.

vật chất và giá trị tinh thần, giá trị xã hội và giá trị cá nhân, giá trị thiết yếu và giá trị cao đẹp.

Giá trị vật chất, đúng về mặt xã hội mà xét, là những giá trị được đánh giá từ những sản phẩm lao động phục vụ cho nhu cầu vật chất của xã hội như ăn, mặc, ngủ, ở... Nếu lao động như Ăng-ghe-nơ đã nói: « Là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ sinh hoạt loài người..., lao động đã sáng tạo ra chính bản thân con người » (2) thì lao động cũng là nguồn gốc đầu tiên của mọi giá trị.

Giá trị tinh thần của xã hội bao gồm những giá trị khoa học, đạo đức, nghệ thuật..., đánh dấu sự phát triển về các mặt chân, thiện, mỹ của đời sống xã hội. Đó là những quan hệ tốt đẹp mà xã hội đã đạt được nhằm phát triển và hoàn thiện đời sống xã hội như chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, như độc lập, tự do, dân chủ, hòa bình, bình đẳng, công lý...

Những giá trị trên đây, đúng về mặt cá nhân mà xét, là những thành tựu vật chất và tinh thần của con người đã đạt được ở chính bản thân như kiến thức khoa học, phẩm chất đạo đức, tinh thần vị tha, tình cảm yêu nước, nghị lực, tài năng, sức khỏe và cái đẹp của thân thể... Đó là những giá trị mà cá nhân đạt được trong quá trình sản xuất, chiến đấu, trong học tập và rèn luyện trên cả bốn mặt trí, đức, thể, mỹ

Tổng hòa những giá trị ấy ở mỗi cá nhân đem lại cho cá nhân ấy một bản lĩnh độc đáo, khiến cho cá nhân ấy trở thành một nhân cách độc đáo (personnalité) và tồn tại như một giá trị. Một người có một hoài bão lớn bao giờ cũng phấn đấu đạt tới những phẩm chất tinh thần cao quý, khiến cho chính cuộc sống của mình cũng có ý nghĩa như một giá trị góp vào sự phát triển của lịch sử.

Trong các loại giá trị trên đây, có những giá trị thiết yếu quyết định

trực tiếp sự duy trì sinh mệnh của con người và có những giá trị kém thiết yếu nhưng lại góp phần nâng cao cuộc sống, thúc đẩy hơn nữa sự tiến bộ và phát triển của con người. Mác nói: « Người ta phải có thể sống đã mới có thể « tạo ra lịch sử » (3). « Phải có thể sống », đó là điều kiện thiết yếu của con người, nhưng « tạo ra lịch sử » mới đem lại cho con người những giá trị cao đẹp hơn.

Vì thế, trong cuộc sống thường có những xung đột giữa các giá trị và việc thực hiện giá trị này thường có ý nghĩa từ bỏ một giá trị khác. Lịch sử của xã hội có giai cấp đối kháng đã ghi lại biết bao nhiêu nghịch cảnh như thế, đòi hỏi sự lựa chọn giữa trung và hiếu, giữa nghĩa vụ và tình yêu, giữa lương tâm và công lý, giữa vinh dự và sinh mệnh, giữa tự do và hạnh phúc...

Trong thử thách của cuộc sống và những diễn biến nhiều về ấy của các giá trị, bản lĩnh của một dân tộc cũng như của một con người trước hết bộc lộ ở thái độ đánh giá và lựa chọn các giá trị, ở hệ thống những giá trị được theo đuổi và trật tự sắp xếp các giá trị ấy trong hệ thống. Hệ thống giá trị ở Phật giáo bắt đầu từ đức Từ bi, ở Nho giáo là đạo Trung hiếu, nhưng ở truyền thống Việt-nam là Độc lập, Tự do. Và ngày nay khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì hệ thống giá trị của nhân dân ta lại có thêm những phẩm chất tinh thần của con người làm chủ tập thể

Phạm-Huy-Thông:

1— Sự nảy nở của tinh thần dân tộc Việt-nam ở thời văn minh sông

(2) C. Mác - F. Ăng-ghe-nơ: « Tác dụng của lao động trong sự chuyển biến từ vượn thành người ». *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 119.

(3) C. Mác và F. Ăng-ghe-nơ: *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 20.

Hồng người Việt dựng nước đầu tiên.

Việc dựng nước đầu tiên ở nước ta thời các vua Hùng, được sử cũ tả như một sự biến. Truyền thuyết nói về Hùng-Vương thứ nhất, con trưởng của Lạc-Long-Quân và Âu Cơ, làm vua ở trung du, sau khi một trăm anh em chia nhau nữa xuống miền biển, nửa lên miền núi. Và sử biên niên, ngoại kỷ, chép về Hùng-Vương thứ nhất, thủ lĩnh bộ Gia-Ninh, cũng gọi là bộ Văn-lang dùng "yêu thuật" hợp nhất mười lăm bộ quanh bộ Văn-lang, lập nên nước Văn-lang.

Sự kiện đó có phần hoang đường mà cũng có phần xác thực. Điều chắc chắn là sự thành lập Nhà nước đầu tiên ở ta, để tiến đến một lúc nhất định chín mười xây ra, tưởng đâu như đột ngột, thật ra đã được dần dần chuẩn bị từ lâu. Tiền đề của việc dựng nước đầu tiên ở ta là cả một công cuộc dài lâu phát triển lực lượng sản xuất, được khảo cổ học, những năm gần đây, xác định; quá trình phát triển lực lượng sản xuất đó được phản ánh trong quá trình phát triển văn hóa liên tục, mà vết tích còn lại trong lòng đất, từ văn hóa Phùng-nguyên đến văn hóa Đông-sơn, dài lâu không kém một nghìn—nghìn rưỡi năm.

Chính trong quá trình tác tạo văn minh tiến đến dựng nước, dài lâu, bền bỉ, công phu đó, mà cộng đồng người Việt cổ, có được cuộc sống ngày một sung túc hơn, tươi đẹp hơn, mà cũng đồng thời gần bó với nhau hơn. Tinh thần cộng đồng nảy nở trên cơ sở sự nghiệp kinh tế và văn hóa chung đó, rồi cắm sâu rễ vào xã hội, thâm nhập tâm hồn từng thành viên của xã hội. Tinh thần yêu nước của con người nơi đây, tổ tiên chúng ta, xuất phát từ những cố gắng cần cù, sáng tạo, đã vun đắp nên văn minh sông Hồng, nên nước Văn-lang của các vua Hùng. Và công cuộc xây

dựng đó càng thành công tốt đẹp, niềm tự hào về giống nòi, về bản thân, càng cao, càng mạnh.

Trình độ cao, cũng như đặc trưng, của văn minh ta thời quốc sơ, được thể hiện, sinh động-biết mấy! Trong văn hóa khảo cổ Đông-sơn, thuộc thời đại đồng và thời đại sắt sớm, này nở chủ yếu trên một phần đất đai nước Việt-nam ta ngày nay, bắt đầu từ khoảng thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên.

Đối chiếu những phát hiện khảo cổ học về nền văn hóa này, là minh chứng cụ thể, hết sức sinh động, về thời đại các vua Hùng là có thật với những truyền thuyết còn tồn tại trong dân gian, những ghi chép xưa cũ trong nước và ngoài nước, về thời người Việt cổ chuyển mình thành dân tộc, dựng nước đầu tiên, — thì chúng ta nhận thức được rằng niềm tự hào của người đương thời thật là chính đáng. Đó là niềm tự hào về văn minh của mình, một nền văn minh nông nghiệp phát triển đã cao, đã vững vàng. Vững vàng, vì đã có gốc gác trong văn hóa Hòa-bình, từ hàng sáu nghìn năm trước, mở đầu cho nông nghiệp sơ khai. Vững vàng, vì đã tiến đến một kỹ thuật luyện kim tinh xảo, một thẩm mỹ tế nhị, — kỹ thuật đó, thẩm mỹ đó được thể hiện tập trung trong sản phẩm độc đáo của văn hóa Đông-sơn, là "trống Đông-sơn", tức trống đồng Hè-gơ loại I. Vững vàng, vì đã ở trình độ dựng nước.

Thành tựu xuất sắc của người Việt cổ thời dựng nước đầu tiên được biểu hiện trong công cụ, trong vũ khí, trong nhiều loại đồ gốm, đồ đồng, đồ sắt, đồ đồng sắt, tìm được ở hàng trăm địa điểm khai quật khảo cổ học trên đất nước ta, từ đèo Hải-vân — và xa hơn nữa về phía nam — tới biên giới Việt—Trung. Thật ra, dường biên giới ngày nay không trùng hợp với cương vực các khu văn hóa, các

cộng đồng người thời trước. Những sản phẩm đồng tìm thấy ở nam Hoan-nam, tiêu biểu là trống Đông-sơn, xác nhận là xác thực điều ghi chép của sử cũ cho hay rằng Hợp-phố ở Quảng-dông, thuộc Trung-quốc hiện nay — là một trong bốn quận đã lập tức đứng lên, mùa xuân năm 40, dưới cờ nghĩa của Hai Bà Trưng, tự nhận là đất cũ của vua Hùng. Hơn nữa, không phải ngẫu nhiên mà phong cách Đông-sơn hẳn nét trong những di vật khảo cổ thời Chiến Quốc ở những nước Sở, nước Ngô, nước Việt — nước Việt của Cầu-Tiền, Tây-Thì, thời Cầu-Tiền, Tây-Thì — tức, những dân cư sông Dương-tử, sông Hoài, sống bên lề văn hóa Việt và văn hóa Hán. Đó là về phía bắc. Ảnh hưởng văn hóa Đông-sơn còn lan rộng về phía nam, ra cả một khu vực lớn rộng vùng Đông Nam Á, trên lục địa, ngoài hải đảo. Minh chứng nơi đây không chỉ là đồ đồng — với trống Đông-sơn, mà còn là những phong tục, những tín ngưỡng, những ngữ ngôn, những thể thức tư duy, mà vết tích còn lưu lại mãi đến nay.

Thành tựu là xuất sắc. Cho nên niềm tự hào về những thành tựu đó là sâu đậm. Hãy đi tìm xem kho chuyện cổ tích phong phú, hào hùng, về thuở ban đầu lập nước: trồng thêm dưa hấu, chế biến bánh chưng bánh dày, đặt nghi thức xăm mình, nhai trầu cau... Đặc biệt kích thích lòng người là những thiên anh hùng ca Lạc-Long-Quân đánh Ngư tinh, giết Hồ tinh, đuổi Mộc tinh (người Việt cổ khai thác vùng biển, vùng núi, vùng đồng bằng), anh hùng ca Sơn tinh chiến thắng Thủy tinh (người Việt cổ trị thủy, bảo đảm cuộc sống).

Thương yêu đất nước đã dày công xây dựng mới có được, người Việt cổ thấm thía tình quê hương, nghĩa đồng bào, trước những tai biến do người ngoài đến gây nên. *Linh Nam chính quái* kể nỗi uất ức và căm hờn của dân cư không được yên sống như

xưa những khi các “đế” phương Bắc « tuần thú » phương Nam. Và dân gian, không phải chỉ vùng Phù-dồng hay núi Sóc, mà cả nước, xưa nay còn truyền tụng công đức Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, bứt tre, đánh đuổi giặc Ân tàn ác. Tổ tiên ta thấm thiết yêu nước, nước đã chinh tự bàn tay và khối óc mình xây dựng nên, càng yêu nước mãnh liệt khi nước gặp tai biến, bị xâm lăng, và chịu đựng mọi hy sinh để giữ nước, vì nước nằm ở vị trí ngã ba đường phải luôn luôn đương đầu muôn nghìn tai ương, thử thách.

Sự nghiệp dựng nước và sự nghiệp giữ nước, mặt nào cũng đẹp đẽ, đã phối hợp tạo nên truyền thống yêu nước cho những thế hệ mai sau nối tiếp, tạo nên cho dân tộc một giá trị tinh thần vô cùng cao quý, làm nền cho lịch sử. Hơn nữa, tác tạo ra chính lịch sử, chính dân tộc, chứ không phải chỉ giải thích lịch sử dân tộc từ đó đến nay mà thôi.

Khi bắt đầu nghiên cứu văn hóa Đông-sơn của các vua Hùng, chúng ta hình dung dòng họ vua Hùng mất ngôi và văn hóa Đông-sơn tiêu tan đi vào khoảng cùng một lúc. Nhưng vết tích khảo cổ đã nói khác: văn hóa Đông-sơn còn đó thời Thục-An-Dương-Vương, còn đó thời nhà Triệu, và còn đó cả thời Tây Hán thống trị. *Cả ba trăm năm sau khi các vua Hùng không còn nữa, cho đến khoảng Công-nguyên, văn hóa Đông-sơn vẫn còn đó, làm nền cho cuộc sống của dân tộc*

Từ nhận xét đó, chúng ta đã hiểu thêm rất sâu xa về văn hóa Đông-sơn và về Hai Bà Trưng, về cuộc khởi nghĩa năm 40, phải được từ nay nhận thức là một bản lề của lịch sử dân tộc. Năm 40, cùng với văn hóa Đông-sơn, ý thức dân tộc của tổ tiên ta, nảy sinh và trưởng thành thời các vua Hùng, đứng trước nguy cơ bị hủy diệt. Tinh thần yêu giống thương nòi đã tỏ ra đủ vững vàng để vượt qua ba thế

kỷ, cò xát gay go nói trên, ở những thế kỷ đó nhân dân ta bám lấy để gìn giữ, do đó gìn giữ được, thần thương, văn hóa Đông-sơn. Dù với thời thế biến đổi, ngôi lãnh đạo tới cao cả nước đã nhiều phen thay đổi, nhưng văn hóa Đông-sơn của thời các vua Hùng vẫn còn đó, hầu như không kém phần rực rỡ, tinh xảo...

Thế nhưng đến năm 40, thời Hai Bà Trưng. Thời Hai Bà Trưng là thời Hán-Quang-Vũ. Diệt xong phong trào Vương-Mãng, nhà Hán — nay là Đông Hán — mạnh hơn bao giờ hết. Đó là thời Ban-Siêu “đi sứ” đến tận Tây-vực, tận biên cương La-mã, bắt buộc cư dân dọc đường đi đến phải thần phục “Thiên triều”. Đối với dân cư phương Nam, chủ trương là đồng hóa. Những thái thú như Tích-Quang, Nhâm-Điện, dự đồ khai hóa, cày cấy nên theo Trung-Nguyên, cưới xin nên theo Trung-Nguyên; những thái thú kiêu Tô-Định, thì thô bạo, vũ biên, “lấy luật mà ràng” (lẳng dĩ pháp).

Hai Bà đã đứng lên, dựng cờ nghĩa, trong hoàn cảnh đó: để bảo vệ văn hóa Đông-sơn, tức là để, với lối sống cổ truyền, duy trì tinh thần dân tộc.

Khởi nghĩa thành công, nhưng cuối cùng Mã-Viện đã chiến thắng. Và sau chiến thắng, y đã chủ trương ra sức phá hoại cuộc sống Đông-sơn. Nhận thức được nguồn sức mạnh cuộc khởi nghĩa là ở đâu, y đã cho thu vét đồ đồng Đông-sơn đúc thành ngựa dâng chiến công ở cổng Lạc-dương, hoặc cũng đúc thành cột uy hiếp tinh thần người Giao-chỉ. Văn hóa Đông-sơn đã từ đó tiêu tan; còn chăng, là rơi rớt những gì được vùi sâu lòng đất mà thôi.

Song cuộc chiến đấu của Hai Bà không phải là vô ích. Không phải chỉ sự hưởng ứng lớn rộng của đất cũ các vua Hùng mà thôi, mà chính lời kêu gọi của Hai Bà, chính ý thức kêu gọi đấu tranh, đã là cái thức vĩ đại đo tầm vóc tinh thần dân tộc của người

dân đất Việt sau Hùng-Vương. Không phải chỉ có thế. Văn hóa Đông-sơn tiêu tan không phải do người dân khiếp đảm, càng không phải do người dân được thuyết phục mà rời bỏ. Trái lại, văn hóa Đông-sơn, bấy giờ mang hồn nước, bấy giờ đồng nhất với ý thức dân tộc, đã tiêu tan trong khói lửa đấu tranh, và chính vì thế mà chỉ tiêu tan để “trở thành bất tử”.

Vấn đề mà thời đại đặt ra trước thế hệ những người anh hùng năm 40, là: “cuộc sống Đông-sơn phải chăng đáng được giữ gìn?” Câu trả lời lịch sử là: đáng được giữ gìn, kể cả bằng xương máu.

II — Sự phát triển của tinh thần dân tộc Việt-nam ở thời văn minh Đại-Việt, người Việt dựng nước lần thứ hai.

A — Kết quả huy hoàng của nghìn năm phấn đấu theo hướng Hai Bà Trưng đề xuất: khi thì âm thầm, khi lại trống rỗng cờ mở, dầm máu, mồ hôi và nước mắt, nhưng cũng rực hào quang của phẩm giá con người, là duy trì vững chắc ý chí giành lại quyền tự chủ, dựng lại nước.

Thời cơ thực hiện nguyện vọng nông nân, bức bối nhất đó của dân tộc, đã đến đầu thế kỷ thứ 10. Họ Khúc giương lên cờ dựng lại nước. Đúng là nhân dân ta đã biết chớp thời cơ thuận lợi: nhà Đường hùng cường đang sụp đổ. Song tăng lớp hào trưởng lãnh đạo dân chúng thì nhỏ bé, do đó dễ giành giật nhau quyền bính, trong khi những lực lượng quân phiệt tranh nhau ngôi bá chủ ở phương Bắc và giành quyền chiếm lĩnh lại đất Giao-chỉ giàu có, chẳng thể coi thường. Và từ một tập hợp quận huyện tách ra khỏi thế giới Trung-hoa để lập nên một nước mới, chưa có một mẫu nào có thể noi theo.

Cho nên phải mất hơn một trăm năm giằng co gay gắt đối nội đối ngoại, quốc gia vừa lập mới được ổn

định. Hầu như mỗi nguyên thủ chỉ với được đến quyền chỉ tồn qua một cuộc vật lộn quyết liệt khuất phục những lực lượng cát cứ giao tranh. Trong khi đó thì tộc Hán không thôi dòm ngó. Quyền tự chủ như trứng đầu đẳng, cả một trăm năm dư những nhà yêu nước đấu tranh cho một nền quân chủ tập quyền cứng cáp, cần thiết ở thời đại đó để thu vén sức tổ chức nội chính, đương đầu ngoại xâm.

Chính phải áp ủ một lòng yêu nước mãnh liệt, một niềm khao khát thiết tha được có nước, nung nấu cả nghìn năm mong muốn, người Việt thế kỷ thứ 10 mới đủ quả cảm, đủ bền bỉ, đủ khôn ngoan, để vượt qua muôn vàn khó khăn, giành và giữ được độc lập, tự do, xây dựng được một quốc gia ổn định, rồi hùng cường.

Tinh thần dân tộc, nảy sinh từ thuở Văn-lang, lên men thời Hai Bà Trưng trên đàn thề Hát-môn, trải qua nghìn năm tôi luyện, nay rõ ràng đã trở nên một giá trị tinh thần thiêng liêng của dân tộc. Rõ ràng một ý chí mạnh mẽ duy nhất của cả thời đại thúc những thế hệ chiến sĩ truyền truyền nối nối họ về họ Khúc, rồi họ Dương, rồi họ Ngô, rồi họ Đinh, rồi họ Lê, giành lại nước, diệt giặc trong thù ngoài, thống nhất giang sơn, mưu áo cơm cho trăm họ. Tới nay, sử học đã ca tụng công lao Ngô-Quyền chém Lưu-Hoảng-Thao ở cửa biển Bạch-đăng, Đinh-Bộ-Lĩnh dẹp loạn Sử quân, xưng đế, Dương-Văn-Nga truất ngôi vua của con mình để bảo đảm thắng xâm lăng, mà chưa biểu dương đúng mức thế kỷ thứ 10 kỷ diệu, có đặc chất anh hùng, tình yêu nước, ý chí dựng xây cho dân tộc một tiền đồ sáng sủa, một sự nghiệp vẻ vang.

Việc đó đã bắt đầu được làm, kể từ một hội nghị khoa học vừa được tiến hành ở Hoa-lư.

Thế kỷ thứ 10, một trăm năm yêu nước vĩ đại. Một trăm năm sôi động.

nhân dân ta, phát huy tinh thần dân tộc, đã từng phen đánh đuổi quân xâm lược từ nam sang, từ bắc tới, từng phen thống nhất lãnh thổ quốc gia bị mưu toan chia năm sẻ bảy. Tinh thần dân tộc đã lên đến một đỉnh cao, lại chuẩn bị cho một đỉnh cao mới, thời Lý, thời Trần.



Với nhà Lý, nhà Trần, từ sau năm 1010, khi đã thiên đô từ Hoa-lư hiểm trở đến Thăng-long mở rộng bốn phương xuôi ngược, trải dài kỷ nguyên Đại-Việt vang dội.

Cả một thời gian dài, có thể nói là cho mãi đến nay, những võ công hiển hách của Lý-Thường-Kiệt, của Trần-Quốc-Tuấn, át mọi thành tựu văn trị xuất sắc đương thời. Cần nhận thức rằng sự nghiệp văn võ là gắn bó một khối ở những triều đại lớn Lý và Trần của dân tộc. Yêu nước là liền một với thương dân. Chính chỉ trên cơ sở một nền thịnh trị mới vang lên được lời đồng thanh của họ lão Diên-hồng trả lời vua Trần: Giặc đến thì làm gì ư? Chỉ có đánh!

Tâm lòng đối với đất nước của người thời Lý, Trần không chỉ thể hiện trên chiến trường. Chính do phần khởi được thấy, qua thế kỷ thứ 10, quốc gia đã dần dần vững vàng hơn, cuộc sống đã dần dần ổn định hơn, mà nhà Lý, nhà Trần đã xúc tiến khai hoang, sửa sang đê điều, khuyến khích thơ văn, kiến trúc, điêu khắc, đàn sáo, sân khấu. Nước đã được khôi phục, nay đến lúc vua tôi cùng phấn đấu cho nước thêm giàu, thêm đẹp, thêm mạnh, cho cuộc đời tươi vui hơn, sung túc hơn, xã hội trên dưới đồng lòng, do đó cũng bảo đảm được vững vàng hơn an ninh cho xã tắc sơn hà. « Khoan sức dân », lời Trần-Hung-Dạo trước lúc lâm chung diễn đạt cô đọng và sâu sắc phương châm của thời đại đã nâng niu nghĩa nước tình dân như giá trị đạo lý cổ truyền cao đẹp nhất của giống nòi.

Lòng yêu nước ở thời Đại-Việt hưng thịnh có ý nghĩa bao trùm như vậy, do đâu? Do niềm hào hứng của những con người đã mất nước hàng nghìn năm, lại vừa gian khổ cả trăm năm đấu tranh giành lại nước, nay nước đã có, toàn tâm toàn ý dựng lại nước, cho mau, cho vững, cho tương xứng với ước mơ. Chính nó lại giải thích vì sao Lý-Trần lại đã có được những kỳ công phá Tống, đuổi Nguyên, ngăn chặn biên người Hán tộc tràn ngập Đông Nam Á. — những kỳ công đến nay còn nức lòng ta.

... Oanh liệt vô cùng ở đầu thế kỷ thứ 15, cuộc khởi nghĩa Lam-sơn. Lê-Lợi và đội ngũ cừ súy anh hùng của nghĩa quân Lê-Lợi, sau mười năm chiến đấu gian khổ, đã đánh bật đoàn quân viễn chinh nhà Minh ra khỏi Đông-quan Thăng-long, ra khỏi cõi bờ Đại-Việt. Mượn lời chủ tướng Lê-Lợi, và nói lên tiếng nói của thời đại, Nguyễn-Trãi diễn đạt uy nghi, ngay sau ngày chiến thắng huy hoàng, tu tướng bằng vai giữa Việt-Hán, trống ăng «thiên cồ hùng vãn» Bình Ngô đại cáo:

«Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong lục Bắc Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nổi đời
dựng nước,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên
đều chủ một phương...»

Hơn ba trăm năm sau, đương đầu một cuộc độ sức mới với phương Bắc, tiếp theo lần trước ta đã chiến thắng dứt khoát nhà Minh qua kháng chiến trường kỳ, đến lần này nhân dân ta chiến thắng vang dội nhà Thanh trong một trận đánh hỏa tốc thần kỳ. Vẫn với lòng yêu nước cũ, trước giờ phút chiến đấu quyết định, chủ tướng Tây-sơn Nguyễn-luật đã diễn đạt văn tu tướng tinh cảm, văn giá trị đạo đức cao quý ấy của dân tộc, bằng hình ảnh cô đọng, nên thơ xiết mấy này: «Trời nào sao nấy!» Đồng thời xác nhận tác dụng của mọi giá trị văn hóa như

những nhân tố cấu thành giá trị tinh thần cao nhất của dân tộc, là lòng yêu nước, lãnh tụ cờ đào áo vải của dân tộc lúc bấy giờ kêu gọi quân sĩ chiến đấu và chiến thắng để giữ lấy tóc dài của dân tộc, giữ lấy răng đen của dân tộc.

Những công lao giữ nước hiển hách đó, nhờ lòng yêu nước sâu đậm và mãnh liệt từ xưa của nhân dân mà có được, lại góp phần vun đắp thêm giá trị tinh thần cốt yếu đó của dân tộc. Còn những công trình dựng nước — dù chỉ thành công có giới hạn — vẫn đều là những sáng tạo ít hay nhiều đặc sắc của tấm lòng nhân dân thiết tha với vận mệnh đất nước, cũng đều góp phần ngược trở lại bồi luyện tinh thần dân tộc, làm giàu những đặc trưng và bản sắc dân tộc. (...)

Chủ nghĩa thực dân phương Tây đã xâm lấn Việt-nam trong một tình hình tri tri, hỗn loạn và hoang mang của dân tình và của cả giới cầm quyền. Giặc lợi dụng lúng túng nội bộ của ta để cướp nước, đã kích động một phần ứng mệnh mề, cấm phản hòa cay đắng. Nhưng, hiệu lực chống đỡ như vậy chẳng thể cao. Phần vì vũ khí chênh lệch, nhưng chủ yếu vì tâm trạng của dân tộc lúc đó là của người chơi vơi ở một ngã ba đường lộng gió, gào lên với Tú-Xương nỗi thống khổ không biết «đi đâu», mà chẳng biết «đợi chờ ai»...

Tổ quốc Việt-nam, do dòng họ Nguyễn thống trị, đã bị cắt xẻ, rồi bị chiếm đoạt. Nhục mất nước, đồng thời phải chịu đựng một mô hình xã hội áp đặt không hề xuất phát từ mối quan tâm đối với hạnh phúc của nhân dân, càng làm thấm thía bề sâu của cuộc khủng hoảng nội bộ toàn diện: kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa... lúc bấy giờ. Do đó mà, một lần nữa, lại được nhen bùng lên ngọn lửa thiêng yêu nước, cứu nước, nghìn đời hừng hực của dân tộc.

Những thế hệ nối tiếp, từ đó, thao thức, lần tìm con đường sống còn của đất nước. Từ Trương-Công-Định, Phan-Đinh-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám, qua Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh, đến Nguyễn-Ái-Quốc, mỗi thế hệ có khác nhau, nhưng người yêu nước không thời nào vắng. Dần dà những lãnh tụ cách mạng yêu nước ngày càng ý thức được rằng sự nghiệp cứu nước từ nay - thật ra, từ đã lâu - không còn đơn thuần là một công cuộc giải phóng dân tộc, đánh đuổi xâm lăng. Sự nghiệp cứu nước chỉ có thể thành công với một điều kiện nhất định trong tình hình xã hội Việt-nam đắm chìm từ lâu trong khủng hoảng, trong hoàn cảnh thế giới ngày nay quan hệ quốc tế chẳng chéo, tư tưởng con người biến động. Điều kiện đó là: sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, phải được gắn liền với triển vọng xây dựng một kinh tế mới, một xã hội mới, một nhân sinh quan mới.

Với Nguyễn-Ái-Quốc, yêu cầu quyền làm một cách mạng chính trị với cách mạng kinh tế xã hội, cách mạng văn hóa, trở thành một chân lý hiển nhiên. Và con đường cứu nước chân chính, xác thực, có hiệu lực, mở rộng cửa đến tương lai được khám phá. Một kỷ nguyên mới mở ra ở Việt-nam với Cách mạng Tháng Tám năm 1945, do Đảng tiên phong của giai cấp vô sản lãnh đạo.

Thay lời kết luận.

Một kỷ nguyên mới. Xán lạn hơn bao giờ hết. Sau những lần dựng nước ở kỷ nguyên Đông-sơn, ở kỷ nguyên Đại-Việt, đây là lần thứ ba dân tộc ta dựng nước. Và chưa bao giờ nước mới đem đến những triển vọng tốt đẹp như hiện nay.

Một kỷ nguyên mới, lời không ngoa. Đó là vì tinh thần yêu nước, giá trị văn hóa, giá trị tinh thần, giá trị đạo đức cổ truyền cao đẹp nhất đó của dân tộc ta, nhờ công lao của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại và dưới

sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh, đang được hòa nhuần nhuyễn với khoa học cách mạng hiện đại của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà phát huy cao độ.

Tinh yêu nước của Việt-nam đã cao đẹp, lại có hiệu lực lớn, thiết thực. Điều ấy rất rõ ràng, bởi vì chúng ta ngày nay nhận thức được, quan sát được, đánh giá được tinh thần dân tộc Việt-nam biểu hiện một cách mãnh liệt nhất, rõ ràng nhất, vang dội nhất trong những chiến thắng liên tiếp của nhân dân ta chống kẻ thù xâm lược: phát xít Nhật, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, bành trướng Trung-quốc. Những chiến thắng đó không bắt nguồn từ đâu khác là từ tấm lòng yêu nước tha thiết đã được biểu hiện mạnh mẽ trong những chiến đấu và chiến thắng từ thời Thánh Gióng, từ thời Hai Bà Trưng. Không ngại ngần nhiên gì khi ta thấy, những năm qua, Bác Hồ, đề động viên chúng ta chiến đấu quyết liệt, giành chiến thắng, đã nhiều lần nhắc nhở quốc sử ở từng giai đoạn quang vinh nhân dân ta đánh đuổi xâm lăng, như nhiều quốc sử ca đã làm, như chính Hai Bà Trưng - khi tự xưng mình là con cháu các vua Hùng - đã làm.

Tương lai:

Độc lập, tự do giành lại được, giá trị cao quý ấy đến lượt nó lại là điều kiện dễ sáng tạo nên những giá trị mới.

Trên ý nghĩa đó mà nói, ngày nay độc lập và tự do là giá trị cao quý khi nó là cái bảo đảm cho việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, "bước đầu tạo ra một xã hội đẹp về lối sống, về quan hệ giữa người và người, một xã hội trong đó nhân dân lao động cảm thấy sống hạnh phúc, tuy mức sống vật chất còn chưa cao" (1).

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, Tạp chí Cộng sản số 4 - 1982, tr. 54.

Những giá trị thiết yếu ấy không thể nào thực hiện được nếu không có độc lập và tự do. « Nhưng nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì » (2) như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã nói trong những ngày đầu của kỷ nguyên độc lập, khi mà chính quyền cách mạng đang còn trong trứng nước.

Nếu chỉ biết chiêm ngưỡng và ngợi ca những giá trị đã giành lại được mà không thật sự bắt tay vào sáng tạo nên những giá trị mới thì cũng có nghĩa là đang làm giảm giá trị được đòi lấy bằng bao xương máu của nhiều thế hệ. Chẳng những thế, nếu không tạo nên những giá trị mới thì giá trị đã giành lại được cũng không thể giữ vững vì rằng « cái bảo đảm duy nhất cho những thắng lợi đó được bền vững và không gì phá vỡ nổi, chỉ có thể là một phương thức sản xuất xã hội mới, cao hơn » (3). Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng ta đã khẳng định: « Trong khi không một phút lơ là nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, chủ nghĩa xã hội không những là mục đích của toàn bộ sự nghiệp của chúng ta, mà còn vì chủ nghĩa xã hội, sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa là bảo đảm cho độc lập và tự do của Tổ quốc » (4).

Đường lối của Đảng là sự phản ánh quy luật khách quan của sự vận động xã hội và cũng là định hướng cho việc xác định và lựa chọn các giá trị đạo đức.

Bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước thống nhất trong độc lập và tự do. Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng đã đòi hỏi: « Hãy chuyển chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong

lao động sáng tạo xây dựng Tổ quốc » (5), đòi hỏi đó cũng là nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự phát triển cách mạng trong giai đoạn mới. « Khi câu hỏi do chính cuộc sống, chính nền kinh tế đặt ra, thì lời giải đáp cũng nằm ngay trong quy luật của cuộc sống » (6). Giờ đây, « lao động là lẽ sống, lương tri và phẩm giá con người, là tiêu chuẩn số một của người làm chủ tập thể » (7). Lao động sáng tạo, lao động có kỹ thuật, năng suất cao là giá trị đạo đức cơ bản nhất và cũng là cao quý nhất của giai đoạn lịch sử mới. Không có cái đó thì không thể nào có « một phương thức sản xuất mới cao hơn » để làm cho chủ nghĩa xã hội chiến thắng.

Thật ra thì lao động bao giờ cũng là nguồn gốc đầu tiên của mọi giá trị, cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. Lao động không chỉ sinh ra của cải, nó còn là một cái gì lớn hơn rất nhiều. Nó là điều kiện cơ bản thứ nhất của toàn bộ cuộc sống con người và hơn nữa, với một ý nghĩa nhất định, chúng ta phải nói rằng: « Lao động đã sáng tạo ra bản thân con người » (8). Trên ý nghĩa đó, lao động là phẩm chất hàng đầu của con người vì con người bắt đầu sự tồn tại của nó bằng lao động. Tính người thể hiện trước hết ở lao động, bởi vậy, xét theo ý nghĩa lô gích cũng như ý nghĩa lịch sử, lao động là điều kiện cao nhất vì nó sáng tạo ra giá trị cao nhất:

(2) Hồ-Chí-Minh: *Về đạo đức cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 17.

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 20.

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 47.

(5) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 94.

(6), (7) Lê-Duân: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập III, tr. 638 và 625.

(8) Ph. Ăng-ghe-n: *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 267.

sáng tạo ra con người, hoàn thiện, phẩm cách của con người. Tuy nhiên, sự vận động của giá trị lao động trong từng thời kỳ lịch sử có khác nhau. Mỗi giai cấp, mỗi thời đại có cách nhìn nhận khác nhau về giá trị của lao động. Không phải chỉ với chủ nghĩa xã hội lao động mới được coi trọng và người ta bắt đầu ca ngợi lao động như một đức tính tốt đẹp của con người. Điều cần nhấn mạnh là, chỉ với chủ nghĩa xã hội, lao động mới khác phục được sự tha hóa, mới được trả lại giá trị thật của nó.

Từ bao đời ông cha ta đã từng «khen nết hay làm, ai khen nết hay ăn». Cuộc đấu tranh vật lộn với thiên nhiên để làm nên của cải nuôi sống xã hội đã rèn cho người lao động đức tính cần cù: «hai sương một nắng, buồng dâm cầm sào», «thả cày cuốc gốc, nghỉ nhọc chân trâu». Quý trọng sản phẩm lao động tất phải quý trọng sự cần lao. Sở dĩ «tắc đất» có thể có giá trị là «tắc vàng» vì có bàn tay của con người. Có thể nói rằng, bằng trực giác, ông cha ta từ xa xưa đã ý thức được rằng «giá trị, từ phương tiện trở thành mục đích».

Và cũng không phải chỉ người lao động mới đề cao đức tính cần cù, chịu khó mà chính giai cấp bóc lột cũng buộc phải cố vũ sự cần lao. Các nhà tư tưởng của chế độ phong kiến đã cho rằng «nhân cư vi bất thiện». Cái triết lý nhân sinh đó lẽ dĩ nhiên được quần chúng lao động đề cao để đập lại bọn ăn bám. Phần đề của «nhân cư» chỉ có thể là siêng năng, cần cù, và đó chính là điều thiện. Vì thế, chính những kẻ ăn trắng, mặc trơn, cơm bung nước rớt, vì lợi ích của chúng, cũng buộc phải đề cao sự chuyên cần, song là sự chuyên cần của người khác. Các nhà tư bản cũng cố vũ sự siêng năng, tháo vát và tài kinh doanh để đem lại lợi nhuận. Họ cũng cố vũ sự lao động chuyên cần và năng suất cao của người công nhân.

xem đó là phương tiện tăng thêm lợi nhuận, là đối tượng của sự bóc lột.

Tuy nhiên, vì buộc phải đề cao sự cần lao do lợi ích của chúng, từ trong bản chất, giai cấp bóc lột đối lập với lao động. Nhà tư bản tìm mọi cách khai thác giá trị kinh tế của lao động. Chúng hoàn toàn thờ ơ và không biết đến giá trị đạo đức, giá trị trí tuệ và giá trị thẩm mỹ của lao động. Chính xã hội có giai cấp bóc lột đã làm cho lao động là cái thuộc bản chất của con người bị tách khỏi con người và đối lập lại với con người, lao động bị tha hóa.

Khi mà lao động đã bị tha hóa, thì chính bản thân người lao động cũng không thể nhận chân được giá trị thật sự của lao động, không thể yêu lao động theo đúng với ý nghĩa đích thực của nó. Trong các xã hội duy trì chế độ người bóc lột người, các xã hội xây dựng trên cơ sở của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thì lao động chỉ có thể là lao động cưỡng bức, không thể là lao động tự nguyện. Trong xã hội tư bản «thực hiện lao động tức là đối tượng hóa lao động» và «sự đối tượng hóa biểu hiện ra như sự bỏ mất đối tượng và sự bị nó dịch bởi đối tượng; sự chiếm hữu, đối tượng biểu hiện ra như sự tha hóa, như sự tự tha hóa» (9).

Do vậy, người lao động càng sản xuất ra nhiều của cải thì họ càng nghèo đi, càng tạo ra nhiều hàng hóa thì họ càng trở thành hàng hóa rẻ mạt và sự vật càng tăng giá trị thì con người càng mất giá trị, mất nhân phẩm. Phân tích về sự tự tha hóa của lao động, Mác đã chỉ rõ: «đối với công nhân lao động là một cái gì ở bên ngoài, không thuộc về bản chất của anh ta; (...) Trong lao động của anh ta, anh ta không khẳng định mình mà lại phủ định mình, không cảm thấy

(9) C. Mác: *Bản thảo kinh tế — triết học năm 1844*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 84

minh sung sướng, mà lại cảm thấy mình không sung sướng, không phát huy một cách tự do năng lực thể chất và năng lực tinh thần của mình mà lại làm kiệt quệ thể xác của mình và phá hoại tinh thần của mình. Cho nên chỉ có ngoài lao động, công nhân mới cảm thấy mình là chính mình; còn trong quá trình lao động thì cảm thấy mình bị tách khỏi bản thân mình (10).

Là phương tiện tồn tại vật chất, lao động có *giá trị kinh tế*, nhưng lao động còn là phương tiện giáo dục, ở đó nó bộc lộ rõ rệt bản chất nhân tính của con người, bằng hoạt động của nó, nó đem lại lợi ích cho xã hội và cũng bằng lao động, con người gần bó với người khác, với tập thể, với xã hội. *Giá trị đạo đức* của lao động nảy sinh trong ý nghĩa đó. Lao động còn là phương tiện phát triển năng lực sáng tạo, là sự kiểm nghiệm trình độ kỹ năng và tri thức; về mặt này, lao động có *giá trị trí tuệ*. Rồi cũng là do nó đã tạo nên những giá trị như vậy, lao động là niềm vui, đem lại những khoái cảm cho con người trong quá trình lao động cũng như khi nhìn ngắm sản phẩm lao động do mình làm ra, lao động đem lại *giá trị thẩm mỹ* cho con người.

Những giá trị ấy, chỉ được thể hiện trong điều kiện lao động được giải phóng ra khỏi sự cưỡng bức, trở thành lao động tự do, tự nguyện và sáng tạo. Tinh ưu việt và có ý nghĩa vĩ đại của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trước hết là đã tạo ra những tiền đề cho lao động được giải phóng, là từng bước tạo điều kiện trả về cho lao động những giá trị cao đẹp của nó.

Trước đây, ông cha ta vốn trọng lao động, nhưng do điều kiện sống quá nhọc nhằn, lại bị bóc lột và áp bức, người lao động vẫn mong thoát khỏi cảnh chân lấm tay bùn, hai

sương một nắng, nếu chưa phải cho chính bản thân mình thì cũng mơ ước cho con cháu mình. « Tay lam hàm nhai, tay quai miệng trễ », trong ý nghĩa phổ quát của nó, lao động chịu sự thôi thúc của cái dạ dày nhiều hơn là khối óc và trái tim. Tâm lý « đói thì đầu gối phải bò » về thực chất là hạ thấp phẩm giá của người lao động, tước bỏ ý nghĩa cao quý của lao động. Có thể nói trong lịch sử lâu dài của xã hội người bóc lột người, về cơ bản, lao động vẫn ở ngoài phạm vi đạo đức. « Đó là lao động cưỡng bức. Đó không phải là sự thỏa mãn nhu cầu lao động mà chỉ là thủ đoạn để thỏa mãn những nhu cầu khác ngoài nhu cầu lao động » (11).

Vì vậy, Các Mác đã đi đến một kết luận có ý nghĩa triết học sâu sắc: « Do đó có tình hình là con người (công nhân) chỉ cảm thấy mình hành động tự do, khi thực hiện những chức năng động vật của mình — khi ăn, uống, trong hành vi sinh dục, nhiều lắm là trong khi còn ở nhà, trong khi trang sức, v.v., — còn trong những chức năng người thì anh ta cảm thấy mình chỉ là động vật. Cái vốn có của động vật trở thành số phận của con người, còn cái của con người thì biến thành cái vốn có của con vật » (12). Chức năng người mà Các Mác nói ở đây chính là lao động. Đồng chí Lê-Duẩn thường nhắc nhở « Chỉ có lòng nhân ái thật sự khi nào người ta thấy rõ giá trị của lao động và hiểu sâu sắc rằng lao động là sáng tạo, là lẽ sinh tồn của nhân loại. Có hiểu rõ ý nghĩa lao động trong cuộc sống của con người thì mới có lòng nhân ái chân chính » (13). Và khi đồng chí nói: « đem giá trị của người trả lại cho

(10) C. Mác: Sách đã dẫn, tr. 88.

(11), (12) C. Mác: Sách đã dẫn, tr. 89 — 90.

(13) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, NXB Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, tr. 176.

con người » (14) thì trước hết chính là đem lại *giá trị đích thực của lao động*. Chủ nghĩa nhân đạo với tinh cách là một nguyên tắc của đạo đức cộng sản trước hết thể hiện trong nội dung giải phóng lao động, giải phóng người lao động.

Như thế có nghĩa là, không chỉ *bằng trực giác* như trước đây ông cha ta cảm nhận, mà bằng một *nhận thức khoa học*, chúng ta hiểu được rằng từ chỗ là phương tiện, lao động trở thành mục đích tự thân, lao động đem lại hạnh phúc và phẩm giá cho con người. *Giá trị lao động đứng ở hàng đầu trong bậc thang giá trị của chủ nghĩa xã hội*.

Nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội là « làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có sức lao động mà không làm thì không hưởng » (15). Giá trị đạo đức của lao động nằm ngay trong giá trị kinh tế của nó vì trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi nhân dân lao động đã thật sự làm chủ xã hội, giá trị đạo đức và giá trị kinh tế của lao động không tách rời, mà là hợp làm một. Khi xã hội đã thủ tiêu cơ sở của hiện tượng người bóc lột người thì điều kiện sơ đẳng cho sự tồn tại của xã hội là mỗi người phải sống bằng lao động của mình, và bằng lao động đó, nó đem lại lợi ích cho xã hội. Ăn bám là điều đáng xấu hổ nhất mà xã hội phải kiên quyết lên án « Ai không làm thì không ăn ». Lê-nin xem đó là « nguyên tắc số một, cơ bản và chủ yếu của chủ nghĩa xã hội » (16).



Chúng ta bàn về những giá trị đạo đức trong bối cảnh của « cuộc đấu tranh giữa hai con đường: giữa cái mới với cái cũ, tiên tiến với lạc hậu, tiến bộ với phản động trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, lối sống, đang diễn ra hằng ngày, rất phức tạp, mà chúng ta không thể nào xem nhẹ » (17). Nếu

« với chế độ mới, nhân dân ta đã vứt bỏ được những xiềng xích nghìn năm trói buộc con người; người lao động từ địa vị làm thuê đã bước lên vị trí người chủ chân chính của đất nước và xã hội, giành lại những phẩm giá dân tộc và phẩm giá làm người » (18), thì cũng chính lúc này những phẩm giá đó cũng đang được thử thách. Cùng với những khó khăn trong đời sống kinh tế và xã hội, những quan niệm lỗi thời về giá trị tưởng đã bị đào sâu chôn chặt sâu hơn 1/4 thế kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sau sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam nay lại đang có cơ trở dậy. Cái triết lý « có tiền mua tiền cũng được » không chỉ là vang bóng của một thời mà đang tiến công vào những giá trị đạo đức cao đẹp mà chúng ta đang ra sức xây dựng. Những phạm trù lương tâm, trung thực, danh dự, phẩm giá, v.v. phản ánh những thuộc tính giá trị đạo đức thông thường đôi lúc bị lãng quên, thậm chí trở thành lạc lõng trong những môi trường sống mà ở đó những tàn dư của những thói quen uy kiêu phong kiến và dẫu óc con buôn kiêu tư sản đang còn có đất duy trì. Không thể không chú ý đến cách sắp xếp những thang bậc giá trị lưu hành một cách tự phát trong quần chúng chịu ảnh hưởng bởi tác động thường trực của những khó khăn kinh tế và đời sống. Cần phải tính đến những tấm gương phản diện của một số cán bộ thoái hóa, biến chất đang trở thành minh chứng cho sự xuyên tạc những giá trị đạo đức cao

(14) Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, tr. 176.

(15) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 23

(16) Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1979, tập 36, tr. 443.

(17), (18) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 53.

đẹp và sự lây lan của những tập nhiễm xấu, phản giá trị. Để xây dựng những giá trị mới, cao đẹp, phải đấu tranh quét sạch những phản giá trị vì không được quên rằng mỗi loại giá trị đều có phản giá trị tương ứng làm thành mặt đối lập của nó. Lại càng cần phải thấy rằng sự lây lan và truyền nhiễm của cái xấu bao giờ cũng nhanh hơn là sự xây dựng cái tốt. Một khi mà nền kinh tế đang còn nằm thành phần, một khi mà quy mô của những đảo lộn về kinh tế và xã hội sau một cuộc chiến tranh kéo dài đang còn tác động dữ dội đến đời sống thì những dao động trong việc nhận định thang bậc của hệ thống giá trị đạo đức chân chính trong một số người là không thể tránh khỏi. Vấn đề đặt ra là phải tích cực và chủ động đấu tranh chống những quan điểm hậu thuẫn cho những phản giá trị và chủ động, tích cực xây dựng những giá trị mới. Toàn bộ những giá trị đó phải được tạo nên trên cái nền của giá trị đạo đức cơ bản nhất: giá trị đạo đức trong lao động và trong chiến đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Lê-Anh-Trà :

...Theo quan điểm trên, mọi giá trị truyền thống văn hóa đều là kết quả của cuộc đấu tranh, tiếp biến văn hóa lâu dài, liên quan chặt chẽ với quá trình đấu tranh chính trị, xã hội, kinh tế của dân tộc, trong đó hai mặt đấu tranh chủ yếu là chống ngoại xâm và xây dựng đất nước. Mặt khác các giá trị truyền thống không bao giờ đứng yên một chỗ mà có phát triển, luôn đấu tranh với các thói quen, tư tưởng bảo thủ, tiêu cực, chúng thay đổi, luôn tiến lên, và cũng có thể là thụt lùi. Truyền thống ở ý nghĩa đó bao giờ cũng có tính vừa dân tộc vừa hiện đại. Những giá trị truyền thống tinh thần là cái phân phẩm chất, bản lĩnh, bản chất dân tộc của người Việt-nam, và cũng đồng

thời là cái đạo lý làm người, chỉ đạo các ứng xử, hành vi của chúng ta, chẳng những ở phần ý thức mà còn ăn sâu cả vào phần tiềm thức nữa.

...Hệ thống những giá trị truyền thống của Việt-nam được hình thành như sự kết tinh tinh thần của toàn bộ cuộc đấu tranh, của tất cả các mặt hoạt động của cuộc sống không những trong từng thời kỳ lịch sử mà còn diễn ra trong nhiều thế hệ. Có thể sắp xếp các giá trị đó chủ yếu theo một cấu trúc bốn chủ điểm liên quan đến bốn mặt: bảo vệ đất nước, xây dựng đất nước, quan hệ giữa người và người, và quan hệ với bản thân mình: đó là lòng yêu nước bất khuất chống ngoại xâm, truyền thống lao động cần cù xây dựng đất nước, lòng nhân ái và quan niệm và phong cách sống. Đây cũng chỉ là một cách sắp xếp để phân tích, đối chiếu ở mức khái quát nhất.

1. *Yêu nước bất khuất chống ngoại xâm.* Lòng yêu gia đình, bản thân, xứ sở, quê hương gắn liền một với tình yêu đất nước rộng lớn, tình yêu nhân dân, dân tộc. Vì đâu mà tình yêu nước, vốn có ở mọi dân tộc, lại đặc biệt mạnh mẽ, sâu sắc ở con người Việt-nam, và được thể hiện, thử thách trong vô vàn cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, đánh đuổi những tên xâm lược hùng mạnh nhất thế giới. Không phải dân tộc nào trên trái đất cũng làm được như vậy. Do lòng yêu nước, yêu độc lập, tự do, mà có tinh thần bất khuất, căm thù địch, kiên cường chống ngoại xâm, mà có chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhưng cũng cần thấy rằng do ta luôn luôn bị buộc phải chống ngoại xâm để bảo vệ cuộc sống của dân tộc, mà lòng yêu nước được nâng cao, vì càng chiến đấu, càng hy sinh, ta lại càng đoàn kết thương yêu nhau, càng thương yêu những con người, những tác đất mà bao nhiêu máu đã chảy để gìn giữ. Cho nên, yêu nước và chống ngoại xâm

là một. cái này là nguyên nhân mà cũng là hệ quả của cái kia và ngược lại.

Ngày nay, tình yêu nước truyền thống gạt bỏ mọi tư tưởng hạn chế của thời phong kiến, đã phát triển thành yêu nước xã hội chủ nghĩa, yêu nhân dân lao động, căm thù đế quốc thực dân, chiến đấu cho hòa bình thế giới. Qua ba cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, rồi chống bọn bành trướng Bắc-kinh kéo dài liên tục hơn 30 năm nay, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam, lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống xâm lăng của Việt-nam đã trở thành thần thoại, và được khắp thế giới ngợi ca, tưởng cũng không phải là quá đề cao một giá trị tinh thần độc đáo của dân tộc Việt-nam.

2. *Lao động cần cù xây dựng đất nước.* Yêu nước thì phải đánh kẻ xâm lược, nhưng đó là điều bất đắc dĩ, — yêu nước phải đi đôi với yêu hòa bình để có điều kiện xây dựng đất nước. Người Việt-nam xưa có truyền thống lao động cần cù, triệt để tiết kiệm vượt qua mọi gian khổ, thiếu thốn, hai sương, một nắng để sản xuất, đắp đê, ngăn biển, vỡ nương, cấy trồng, chăn nuôi, trong những điều kiện hết sức khó khăn, vất vả ra nước, thấy trời làm mưa. Lao động nặng nhọc, kiên trì, thiếu phương tiện, lạc hậu về kỹ thuật nhưng người lúc nào cũng vui, lạc quan, giữ mình trong sáng và tin tưởng, thủy chung.

Trong quá trình cách mạng, tinh thần lao động cần cù đó được bổ sung bằng ý thức sáng tạo, tìm tòi phương pháp kỹ thuật để tăng năng suất trên ruộng đồng cũng như trong các nhà máy. Tinh thần này còn triệt để khai thác, học hỏi cái tài khéo léo của bàn tay người thợ thủ công Việt-nam, truyền qua cho người công nhân cơ khí hiện đại Việt-nam.

3. *Lòng nhân ái Việt-nam, ý thức về lẽ phải, công lý.* Tinh thương

người, tình ưu ái thấm đượm toàn bộ lịch sử đất nước Việt-nam, từ những truyền thuyết thời các vua Hùng, cho đến các chuyện cổ tích, và những trang sử cổ, cận, hiện đại. Ở đâu cũng thấy hiện lên những con người nhân từ, ưu ái. Ở đâu cũng nói đến cái đẹp của tình bạn hữu, tình vợ chồng, anh chị em, đến lòng thương người nghèo khổ, sẵn lòng cứu mạng, giúp đỡ người hoạn nạn, ưa thích làm điều lành, việc thiện. Ca dao, tục ngữ, chuyện dân gian, nói lên khá rõ tình thương người đó. Cũng phải nói phẩm chất nhân bản này chủ yếu là của nhân dân, chứ không phải của bọn vua chúa quý tộc, bọn phong kiến, tư sản tham lam. Có nghèo khổ mới thương yêu nhau, có thông cảm mới quý trọng nhau và người khát khao lẽ phải và công lý không phải ai khác là con người Việt-nam bình dị, trong sáng, bị áp bức. Người ta cũng có thể nói có một luồng tư tưởng nhân văn trong văn học nghệ thuật Việt-nam, xuất hiện ở các thể kỷ suy tàn của chế độ phong kiến vào thời bùng nổ các cuộc khởi nghĩa nông dân, với nhiều tác phẩm nói về số phận những người phụ nữ (Kiều, Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm, Sóng chụ xô xao, v.v.) và hàng loạt truyện nôm khuyết danh, thơ ca của người Việt, người Mường, Tày, Thái và nhiều dân tộc thiểu số khác.

Tất nhiên lòng nhân ái Việt-nam là bản chất gốc gác của con người Việt-nam, xuất phát từ một thực tiễn nhiều gian khổ đau thương, một lịch sử đoàn kết để thường trực chống thù trong giặc ngoài. Nhưng cũng không thể không kể đến những yếu tố bên ngoài bổ sung vào đó, như tư tưởng nhà Phật, với lòng bác ái từ bi, và ảnh hưởng của một số tư tưởng nhân văn khác của thế giới đã bù đắp vào cái cội nguồn dân tộc.

Lòng nhân ái Việt-nam là cơ sở cho đoàn kết dân tộc lâu dài trong đại

gia đình dân tộc Việt-nam, cho lòng mến khách chẳng những đối với người trong nước mà với cả những người bạn thế giới. Lòng nhân ái Việt-nam làm cho các nhà nho Việt-nam không bị giới hạn trong chữ « nhân » quý tộc của đạo Khổng, không thụ động như thái độ nhiều kẻ tu hành yếm thế. Nó đồng thời là sự căm ghét cái ác, cái hung tàn và hành động chống lại chúng một cách không khoan nhượng.

Lòng nhân ái Việt-nam còn là bạn đồng hành của lòng yêu mến lẽ phải, chân lý, sự công bằng, dân chủ, thương người nhưng không bao che sự sai trái, cái phi luân: đó là một lòng thương trong hành động, tích cực hướng về chân lý, lẽ phải. Hai giá trị thương người và trọng lẽ phải là hai phẩm chất truyền thống làm thành cơ sở đạo đức Việt-nam.

Chính vì vậy mà ở đất nước có nhiều tộc người như Việt-nam, chúng ta ít thấy sự kỳ thị dân tộc, chủng tộc, địa phương, như ở một số nước khác, kể cả những nước có nhiều tín đồ của những tôn giáo chuyên dạy người ta lòng từ thiện, bác ái, sự vị tha.

4. *Quan niệm lối sống, phong cách sống.* Ông cha ta xưa thích sống một cách giản dị, dù có đủ điều kiện, của cải cũng vẫn không cầu kỳ, xa hoa, chuộng hình thức. Giản dị, nhưng có thâm mỹ, yêu một cái đẹp gần gũi với thiên nhiên, núi sông, cây cỏ. Đó là một lối sống có đạo lý, có nền nếp, quý trọng những phong tục tập quán hợp lý. Trong đời sống, người Việt-nam không ưa những cái gì thái quá, cực đoan, có một thái độ triết lý lạc quan trước những biến thiên của hoàn cảnh, xã hội, trước cái sống, cái chết. Thật ra, người Việt-nam không thích những tư biện trừu tượng về cái siêu hình, họ cũng không cuồng tín, nhiều người không có tôn giáo rõ rệt, mà dù có theo một tôn giáo nào họ vẫn có lòng tin mạnh mẽ vào cuộc sống.

vào con người, và cũng ít mê tín dị đoan.

Trong cung cách đối xử, quan hệ xã hội, tính chất Việt-nam tiêu biểu ở một thái độ ứng xử mềm dẻo, có tình có lý, lúc nhẹ nhàng thuyết phục, nhưng có lúc thì cứng rắn quyết liệt, vừa nhu vừa cương, làm cho người Việt-nam có thể dễ dàng thích nghi với các hoàn cảnh, và vượt qua các thử thách khắc nghiệt của số phận, khắc phục một cách mưu trí những trở lực khó khăn nhất. Đây là phẩm chất, có người gọi là « lưỡng tính », có người gọi là « tính cây tre », hoặc « tính của nước ». Chính đó là tính của người đánh du kích, là cách sống của một dân tộc nhỏ nhưng bất khuất, luôn luôn bị những kẻ láng giềng hùng mạnh và hung ác hiếp đáp, phải làm sao đánh được chúng mà không bị nguy hại. Đề tồn tại, dân tộc đó phải đấu tranh theo bài học kinh nghiệm chuyển thế thành lực, lấy yếu đánh mạnh, lấy ít đánh đông, lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy mưu trí mà đánh tan cường lực.

Đó là đối với kẻ thù, nhưng đối với nội bộ, thì lại đầy lòng nhân ái, hợp tình hợp lý, đoàn kết, thương yêu, không ưa đao to búa lớn.



Trên đây, theo chúng tôi, là những nét giản lược về một cái mô hình hệ thống các giá trị truyền thống tinh thần chính yếu của Việt-nam cho đến ngày nay, giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình lịch sử, có những lúc giá trị này có ưu thế phát huy tác dụng, có những lúc giá trị kia lại chiếm ưu thế. (Ví dụ như trong chiến tranh chống ngoại xâm thì tinh thần yêu nước chống xâm lược, chủ nghĩa anh hùng cách mạng có vị trí rất lớn, còn trong thời xây dựng hòa bình thì các giá trị về lao động, về nhân ái,

về lẽ phải, về lối sống lại chiếm hàng đầu).

Và chúng tôi cho rằng còn nhiều giá trị khác, mà chúng ta chưa nói hết ra đây, cũng có thể từ bốn chủ điểm trên đây mà tỏa chiết ra. Có thể nói từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, nội dung các giá trị đó có thêm được những yếu tố mới, yếu tố cách mạng xã hội chủ nghĩa, gạt bỏ đi những tinh chất dân tộc hẹp hòi, hoặc các màu sắc anh hùng cá nhân, tinh bảo thủ, thường là mặt trái các truyền thống tốt đẹp — (có người cho rằng có những truyền thống xấu là ở ý nghĩa ấy, nhưng chúng tôi cho rằng chỉ có những truyền thống tốt, còn những mặt tiêu cực ấy là những phản truyền thống, phản giá trị, trong đó có thể lẫn lộn mọi đi sản cổ xưa).

Sự phát triển đó, hiện nay, đang ở giai đoạn gay gắt, có sự đấu tranh giữa hướng tiến lên những giá trị xã hội chủ nghĩa, và sự giằng co níu lại và thậm chí tha hóa của những ảnh hưởng tiêu cực, những phản giá trị, do cuộc đấu tranh giữa hai con đường, do cuộc sống hiện tại có những khó khăn về nhiều mặt. Và các phản giá trị này không phải là không gây ra những hiện tượng, tình trạng đáng tiếc trong cuộc sống. Chẳng hạn như tinh thần lao động cần cù của người nông dân trên mảnh ruộng của mình, dễ biến đi thành sự lười nhác, khi con người đó làm việc trên cánh đồng tập thể, hoặc ở nhà máy, công trường. Cũng như vậy, tinh thần tiết kiệm, tinh giản dị đôi khi bị lu mờ trước sự quyến rũ của cảnh giàu sang, cách làm ăn theo lối tự tư tự lợi.

Trong quan hệ giữa người và người, lòng thương người bị lu mờ trước sự thiếu tôn trọng con người, ý thức phân văn hóa cũng đã có cơ hội đã phá những giá trị về nhân ái, về lẽ phải, công lý. Lối sống hiện trược của ông bà ta xưa, ít nhiều có được cái chất nhân của Nguyễn-

Bỉnh-Khiêm, Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Khuyên, bản thân nó có thiên hướng về mặt tình; nếu không đưa vào đó một mục đích cách mạng rõ rệt, sẽ dễ rơi vào các khuynh hướng bảo thủ, ngại đấu tranh, gia đình chủ nghĩa, lẽ mề...

Chúng ta tự hào rằng mỗi người Việt-nam đều có tinh thần yêu nước nồng nàn, nhưng lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa không phải phút chốc mà ai cũng có được. Vì vậy, có người tuy nói yêu nước, nhưng không ưa chế độ mới, thậm chí còn bỏ nước ra đi vì ngại khổ, ngại khó...

Nhân dân ta không cuồng tín, nhưng hiện nay tệ nạn mê tín dị đoan có chiều lan rộng, ngay trong cả thanh niên có học.

Trong những lúc đời sống kinh tế của đất nước có nhiều khó khăn, thì cái gọi là lương tâm, cái khéo léo, mềm dẻo, trong ứng xử, có thể đưa đây một số không ít người thiếu lập trường cách mạng vững vàng vào con đường thực dụng, sống thiếu ý thức về pháp luật, cơ hội chủ nghĩa, xa rời đạo đức, lẽ phải.

Chúng ta tin rằng sự tiến công của các phản giá trị, dù nhất thời có thể đem lại một số hậu quả không tốt, nhưng không thể nào phá hoại được những giá trị truyền thống đã trở thành bản chất, bản lĩnh của dân tộc trong hàng bao thế kỷ. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể chủ quan, mà phải luôn luôn giữ gìn, bảo vệ, trau dồi, làm cho những phẩm chất quý giá đó ngời sáng.

Sự thật là những giá trị truyền thống dù sâu sắc đến đâu cũng cần phải qua công tác giáo dục mới truyền lại được cho đời sau chứ không phải bằng con đường di truyền; do đó mà chúng ta không bao giờ được sao nhãng việc giáo dục xây dựng con người mới, dẫn đến việc xóa bỏ các truyền thống, dễ thay thế vào đó những đam mê thường là không lành mạnh, những đòi hỏi thỏa mãn thú

tính mà đế quốc đưa ra để hủy hoại, tha hóa con người.

Toàn bộ các giá trị truyền thống tinh thần, phát triển đến mức hoàn thiện cũng chưa phải là toàn bộ các phẩm chất của con người Việt-nam mới xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cần xây dựng một số giá trị tinh thần mới thuộc phạm vi hệ tư tưởng vô sản như: tinh thần trách nhiệm, kỷ luật của giai cấp công nhân hiện đại, tinh thần yêu khoa học kỹ thuật, dùng khoa học kỹ thuật phục vụ cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, lối sống xã hội chủ nghĩa.

Những giá trị tinh thần này cũng đã được manh nha từ những ngày Dâng của giai cấp công nhân lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trên đất nước ta, và đều có liên quan phát chẽ với các giá trị truyền thống, chúng chỉ có thể hình thành trên cơ sở các giá trị truyền thống, và ngược lại cũng thúc đẩy các giá trị truyền thống đi đến hoàn thiện.

Cả hai loại giá trị nói trên, gồm giá trị truyền thống và giá trị mới, sẽ hợp thành toàn bộ hệ thống những giá trị tinh thần, văn hóa Việt-nam của thời đại xã hội chủ nghĩa.

Đây cũng là vấn đề mấu chốt trong việc xây dựng con người mới, cuộc sống mới, nền văn hóa mới. Muốn thực hiện mục tiêu ấy, phải có nhiều cố gắng, đấu tranh chống mọi tư tưởng tiêu cực, lạc hậu, phong kiến, tư sản, thực dân cũ và mới. Nhưng việc xây dựng giá trị văn hóa tinh thần này không thể tách rời công cuộc xây dựng văn hóa nói chung, bảo đảm một đời sống văn hóa phát triển cho mọi người, gắn liền với công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, nâng cao mức sống cho nhân dân,

Hữu-Ngọc :

...Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến đã nâng cao « giá trị Việt-

nam » trên thế giới, đến mức sau kháng chiến chống Mỹ, hầu như người ta đồng tình chấp nhận về phương diện lịch sử thế giới có giai đoạn « trước Việt-nam » và giai đoạn « sau Việt-nam ».

Năm 1981, nhà sử học Anh Thomas Hodgkin nhận định trong cuốn « Việt-nam, con đường cách mạng » : Cách mạng Tháng Tám là một sự kiện hết sức quan trọng. Trong lịch sử thế giới, có lẽ đó là sự kiện quan trọng nhất từ Cách mạng Tháng Mười năm 1917 ở Nga... Cách mạng ấy xảy ra vào một giai đoạn lịch sử khi chiến tranh thế giới thứ hai đang kết thúc. 12 ngày Việt-nam rung chuyển thế giới, từ 14 đến 25 tháng 8, biến diễn một tuần lễ sau khi bom nguyên tử ném xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki... Như vậy là Cách mạng Tháng Tám đánh dấu việc mở đầu một thời đại mới — đường ranh giới khi thời đại thực dân bắt đầu nhường chỗ cho thời đại phi thực dân » (1).

Điện-biên-phủ thật sự rung chuyển thế giới. Là nước thuộc địa đầu tiên thắng một đế quốc thực dân bằng quân sự, Việt-nam đã được thế giới khâm phục và được biết rộng rãi hơn trước do các quan hệ ngoại giao quốc tế mở rộng sau khi một nửa nước được độc lập và hòa bình.

Chính sách từ binh dựa trên quan điểm giai cấp mácxít kết hợp với quan điểm « nhân nghĩa » cổ truyền của ta là một nét độc đáo của cuộc kháng chiến thứ nhất. Không có nước nào, ngay trong chiến tranh, dám thả vồ đôn dịch hàng chục, hàng trăm tù binh mạnh khỏe còn chiến đấu được. Trong khi chỉ cần một vài tên, một tiểu đội lính Âu-Phi chỉ huy một đồn nguy thì có khi ta mất hàng tiểu đoàn chưa chắc đã lấy được đồn ấy. Vậy mà ta dám thả tù binh Âu-Phi

(1) Thomas Hodgkin — *Vietnam — The Revolutionary Path*. Mac Millan. 1981.

sau khi giáo dục họ: ta tin vào sự giác ngộ của họ là đúng, vì nói chung không gặp sự phản bội, tù binh Âu-Phi thả về ít tiếp tục cầm vũ khí đánh lại ta mà có người lại đi giác ngộ đồng đội.

Các đại úy Pháp Luy xiêng Mô-ry (Lucien Maury), G. Đa-ni-en (G. Daniel) và G. Vo-le-ro (G. Vollaire) viết về thời gian ở tù:

« Chúng tôi chờ đợi (sau khi bị bắt) một sự giam cầm nghiêm ngặt, xứng đáng với binh sĩ một đạo quân xâm lược... Hồ Chủ tịch và nhân dân Việt-nam đã coi chúng tôi chỉ là công cụ mù quáng của bọn thực dân Pháp và Mỹ, những binh sĩ bị tuyên truyền dối trá, đánh lừa... Sự giam cầm không phải là một hình phạt mà là một dịp để tù binh chuộc tội và biến thành những chiến sĩ hòa bình. Quan điểm này dựa trên cơ sở một sự sáng suốt và khôn ngoan đặc biệt bắt nguồn từ một tư tưởng dân chủ luôn tính toán... » (2).

Những ngày trong trại đã giúp cho tù binh hiểu thế nào là sinh hoạt dân chủ ở trong nhân dân và quân đội ta. Viên đội Ghi-be (Guibert) viết thư cho mẹ: « Mẹ yêu ơi, mẹ hãy lau nước mắt đi, con sẽ trở về, lớn lên do một tinh thần mới vì nhân dân Việt-nam đã mở mắt cho con trong giai đoạn này của cuộc đời con » (9-5-1952) (3). Theo đại úy quân y Pê-đu xô (Pedoussaux), « Chúng tôi đã phải đánh giá lại toàn bộ những giá trị cũ » (4).

Trong cuốn *Những binh sĩ da trắng của Hồ-Chí-Minh* ra năm 1973, nhà báo G. Doay-ông kể lại cảm tưởng về Việt-nam của những hàng binh theo ta trong giai đoạn 1945 - 1954.

Nói chung, họ có cảm tình với ta, phục ta là có lý tưởng, tuy chế độ của ta sơ lược, cứng nhắc. Họ trở về phương Tây giàu có mà họ thấy

« buồn tẻ, thiếu lửa lòng », họ nhớ đến « thiên đường của những người nghèo » là Việt-nam. Họ sống xa nhau nhưng « một đất nước khiến cho họ gần nhau, gần họ với nhau: nước Việt-nam với dĩ vãng và hiện tại... Ngay cả những cựu hàng binh trắng trợn nhất, trụy lạc nhất cũng kính trọng Việt-nam từ đáy lòng, một sự kính trọng dựa trên cơ sở yêu mến cảnh đẹp đất nước, và khâm phục một cuộc đấu tranh không ngừng. Cuộc chiến đấu của con người Việt-nam hãy còn rơi vào tâm hồn người cựu hàng binh phương Tây hàng ngàn tia sáng chói lọi » (5).

Như vậy, ta đã bước từ cuộc kháng chiến chống Pháp sang cuộc kháng chiến chống Mỹ. Cuộc chiến đấu của ta xứng đáng được thế giới khâm phục, nó là chính nghĩa, nó đại diện cho nguyện vọng tự do của tất cả các dân tộc và các cá nhân bị áp bức, nó kết tinh sách lược hoàn cầu của các nước xã hội chủ nghĩa trong một thời gian dài.

(...) Có một điểm tôi muốn nêu lên: nhiều trí thức phe tả phương Tây bết tã về tình hình xã hội — chính trị trong xã hội tiêu thụ của họ, không thỏa mãn với chủ nghĩa xã hội thể hiện ở Đông Âu, họ hướng về Việt-nam tìm một lối thoát cho cá nhân họ. Việt-nam đối với họ là một cái « cớ » (prétexte), một cái « mồi », một đề tài vững vàng theo kiểu Brét-sô (Brecht)... Nếu trên ba học sinh trung học Thụy-điền chỉ có một em nghiện ma túy ấy là vì hai em kia an thân bằng Việt-nam » (6) cho nên, để tránh chủ quan, trong những ý kiến tốt rất thành khẩn của họ về ta, ta cũng

(2), (3), (4) Bài viết tay: Tạp chí *Vietnam en marche*, số 14—1957.

(5) Jacques Doay: *Les soldats blancs de Ho Chi Minh*—Fayard, 1973.

(6) Jacques Laurent: *Choses vues au Vietnam* (Mắt thấy ở Việt nam), La Table Ronde, 1968.

phải phân biệt phần nào ta hay thật, phần nào là do suy luận chủ quan họ gán cho ta, chiếu rọi cái Tôi của họ lên ta. Điển hình trong trường hợp này là nhà văn nữ trẻ người Mỹ Xu-dan Xon-tác (7). Cô sang Hà-nội có 15 ngày năm 1968 và về viết trên 100 trang nhận xét về Việt-nam. Dùng như cô nói, cô đã làm một «chuyến đi nội tâm». Ngoài những điểm cô khen ta đúng, cô còn tìm mọi cách suy luận để biện minh cho cả những cái ngớ ngẩn hoặc khuyết điểm, nhược điểm của ta.

Nói chung người nước ngoài đánh giá đúng cuộc chiến đấu Việt-nam: «châu chấu đá voi thực dân» — hình ảnh của nhà báo Úc Bơ-sét (8) thể hiện «trung tri nhân loại», bảo vệ «phẩm giá con người».

Họ cũng đánh giá cao người Việt-nam, người cán bộ kháng chiến và đảng viên ngoan cường. Áng-drê Lơ-bông, một phóng viên điện ảnh Pháp đã từng nhảy dù xuống Điện-biên-phủ, đã viết: «Dù mẹ nó chết, tôi yêu đất nước này. Nếu tôi là người Việt-nam, mới đầu tôi sẽ theo Việt minh rồi sẽ trở thành Việt cộng» (9). Theo nhà văn nữ Mỹ Ma-ri Me Ca-Thy, sĩ quan Mỹ nói là «Nếu Việt cộng chiến đấu về phía chúng ta thay cho quân đội Sài-gòn, thì Mỹ đã thắng rồi» (10). Đề kết thúc vở kịch V, như trong chữ Việt-nam, Ác-măng Gat-li nói: «Vai trò của tôi đã xong, nhưng nó không đóng trong bảy chữ hợp thành từ Việt-nam. Ngày nay toàn thể nhân loại thuộc về từng thửa ruộng ở đó. Việt cộng sẽ là tên của con người đứng thẳng trước mặt trời» (11).

Thế giới tò mò tìm hiểu đặc điểm Việt-nam thế nào mà anh dũng thế. Do người nước ngoài vào nước ta ngày một nhiều, do việc giới thiệu văn hóa Việt-nam mở rộng, họ nên thế giới cũng hiểu giá trị tinh thần Việt-nam sâu hơn. Liên-xô đã dịch tất cả những tác phẩm cổ kim lớn của ta.

Qua bộ *Tuyển tập Văn học Việt-nam* tiếng Pháp (bốn tập, trên 2000 trang) của Nhà xuất bản Ngoại văn (12), người nước ngoài đã đánh giá văn học ta như sau:

«Chúng tôi tin tưởng là trong tâm cô cổ điển, giá trị thi ca Việt-nam không mấy may kém những nền thi ca Á châu lớn và trên bình diện hiện đại, cô chỗ đứng trong các nền văn học thế giới».

Qua bộ tranh sơn mài do Nhà xuất bản Ngoại văn xuất bản, ông Tổng Giám đốc UNESCO đánh giá về nghệ thuật tranh Việt-nam:

«Tôi vô cùng xúc động ngắm những bức tranh tuyệt diệu đã ghi lại, không phải với nỗi chua xót hay chán nản thất vọng, những công việc, những năm tháng của một dân tộc sống trong hoàn cảnh bi đát. Với hình thức phong phú, bố cục chặt chẽ và màu sắc hài hòa, những bức tranh đó nói lên tinh yêu cuộc sống và niềm tin sắt đá vào con người».

Hình ảnh con người Việt-nam chống Mỹ thế nào?

Một nhà báo Ru-ma-ni đưa ý kiến: «Ta hãy lấy ba hình ảnh Việt-nam. Hình ảnh thứ nhất, đầy phấn khởi của sự kiên trì và lòng dũng cảm của nhân dân. Hình ảnh thứ hai của quan liêu và sĩ diện, và sau cùng, có lẽ đúng nhất, hình ảnh buồn mà có tinh người của một đất nước cô mìm cười để khỏi khóc». Đó là một trong hàng nghìn nhận xét khác nhau, được

(7) Susan Sontag: *A trip to Hanoi* (một chuyến đi Hà-nội) New York, 1968.

(8) W. Burchett: *Vietnam: Un + un = 1* (Việt-nam: một + một = 1). Maspéro, 1977

(9) André Lebon: *L'Asiate* (Người Á-bia). Albin Michel—Paris.

(10) Mary Mc Carthy: *Vietnam 1967*.

(11) Armand Gatti: *Y comme Vietnam*, Seuil—Paris, 1967.

(12) Chủ biên: Nguyễn-Khắc-Viện và Hữu-Ngọc.

nhà văn nữ Bun-ga-ri Bla-ga Di-mi-to-rô-va trích dẫn (13).

Nhiều tác giả nhận thấy người Việt-nam vui vẻ cởi mở, lịch thiệp, tế nhị, giản dị. Pa-la-dô-li từ Bắc-kinh « buồn tẻ, đơn điệu và cứng nhắc » tới Hà-nội thấy « màu sắc, nụ cười; tâm hồn người dân nghèo, nhạy cảm và ấm áp, làm thay đổi bộ mặt của những sự nghèo nàn nhất » (14). Hai vợ chồng nhà văn Đức Stec-nơ ngạc nhiên « nhận thấy hiện tượng vui sống mà người Việt-nam vẫn giữ được ở cao điểm một cuộc chiến tranh khủng khiếp » (15). Giảng Se-nô cảm thấy thơ Hồ Chí Minh « giản dị, thể hiện cái nên thơ hằng ngày », trái với thơ Mao-Trạch-Đông « kêu gọi cái long trọng to lớn » (16).

...Qua người nước ngoài đánh giá Việt-nam nói chung, chúng ta có thể rút ra những điểm giúp ta hiểu rõ hơn những « giá trị văn hóa và tinh thần Việt-nam ». Cần có một sự nghiên cứu có hệ thống và phê phán những ý kiến ấy. Lọc những đánh giá của bạn và thù trong những thời gian khác nhau, chúng ta có thể nắm được những hằng số về tính chất Việt-nam.

Chúng ta cần đầu tư mạnh hơn và có hệ thống hơn về phương tiện và cán bộ cho công tác giới thiệu ra ngoài bằng ngoại văn những « giá trị văn hóa và tinh thần » Việt-nam. Đã qua giai đoạn tuyên truyền Việt-nam chỉ trong lĩnh vực chính trị. Thế giới đã biết Việt-nam ngoan cường chống ngoại xâm, thế giới đòi hỏi hiểu biết sâu hơn nữa văn hóa, tinh thần, con người Việt-nam. Những công trình nghiên cứu của các ngành khoa học, nhất là khoa học xã hội, của ta cần được phổ biến ra ngoài. Việc giới thiệu phải có chọn lọc và hợp đối tượng, nếu không thì sẽ có tác dụng phản tuyên truyền. Một hình ảnh đẹp đẽ và đúng về Việt-nam trên thế giới là một vốn quý cho ta.

Hoàng-Chương:

Nói về sự chú ý của thế giới ngày nay đối với nghệ thuật dân tộc của ta, chúng tôi muốn chứng minh những dư luận và sự đánh giá mới nhất và phong phú nhất của khán giả châu Âu trong chuyến đi biểu diễn vừa qua của Đoàn nghệ thuật tuồng Việt-nam tại một số nước xã hội chủ nghĩa: Liên-xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Bun-ga-ri.

Tuy đã được thăm dò và thể nghiệm qua nhiều lần biểu diễn phục vụ những đoàn khách nước ngoài đến thăm Việt-nam, nhưng chúng tôi vẫn chưa hình dung hết được hiệu quả của những buổi biểu diễn tuồng trên sân khấu châu Âu. Đã thế, Đoàn nghệ thuật tuồng Việt-nam lại mở đầu đêm diễn của mình ở nước ngoài, ngay trong cuộc Liên hoan sân khấu Béc-lin lần thứ 25, tại thủ đô nước Cộng hòa dân chủ Đức. Đây còn là một trong những trung tâm của triết học, mỹ học và nghệ thuật học nổi tiếng và có truyền thống ở châu Âu. Tại cuộc liên hoan này, ngoài những đoàn sân khấu của các nước xã hội chủ nghĩa, còn có các đoàn kịch Ý, Pháp, Anh, Tây-ban-nha... Như vậy là vô hình trung, Đoàn tuồng Việt-nam đã thi tài với nhiều đối thủ lợi hại. Vì vậy, trước ngày công diễn, chúng tôi rất băn khoăn. Không hiểu khán giả Béc-lin có đến với tuồng không? Họ sẽ thờ ơ, hoặc bỏ về giữa buổi, vì không hiểu và không thích thú nghệ thuật xa lạ này chăng?

Nhưng thực tế không phải như ý nghĩ của chúng tôi. Khán giả châu Âu

(13) Blaga Dimitrova: *L'enfant qui venait du Vietnam* (Đứa trẻ từ Việt-nam đến), Seuil, 1973.

(14) C. Palazzoli: *Le Vietnam entre deux mythes* (Việt-nam giữa hai huyền thoại), Economica Paris, 1981.

(15) Kurt và Jeanne Sterne: *Le caractère vietnamien*. (Tính cách Việt-nam) — Tập chí Temps Nouveaux. — 8-10-1969.

(16) Jean Chesneaux: *Le Vietnam*, Maspéro, Paris 1968.

cứ ùn ùn kéo tới nhà hát «Béc-lin - Ensemble», nơi tuồng chính thức công diễn, trong số đó ngoài những người châu Âu, có cả những người châu Á, châu Phi, châu Mỹ và cả Việt kiều từ Tây Đức sang. Chúng tôi gọi đây là những khán giả của năm châu và đây cũng là một thử thách lớn nhất đối với nghệ thuật tuồng từ trước tới nay.

Khi trình diễn các vở tuồng cổ điển và lịch sử với những nhân vật tâm cô, người nghệ sĩ tuồng phải thể hiện tâm trạng và tính cách nhân vật bằng phương tiện chủ yếu là sự kết hợp động tác cách điệu và nghệ thuật bộc lộ nội tâm; «độ căng thâm mỹ giữa hình ngoài và ý trong». Chính nhờ có ngôn ngữ động tác hòa hợp với nghệ thuật bộc lộ nội tâm mà khán giả châu Âu dường như không cần phiên dịch cũng có thể hình dung những gì đang diễn ra trên sân khấu. Khán giả châu Âu, dù có một số đã được xem nghệ thuật kinh kịch Béc-kin, sân khấu Nô (Nhật-bản), văn kinh ngạc và khâm phục khi xem nghệ thuật biểu diễn bằng ngôn ngữ động tác của tuồng Việt-nam. Họ say sưa theo dõi một cuộc bắt ngựa và «đua ngựa» trên sân khấu. Với những chiếc roi xanh, đỏ dễ phân biệt mỗi loại ngựa với ý nghĩa tượng trưng và bằng những động tác: bắt ngựa, lên ngựa, giục ngựa, ngã ngựa, v.v. người diễn viên tuồng một lúc thể hiện ra những con ngựa khác nhau, con thì chạy chậm, ngoan ngoãn hiền lành; con thì chạy nhanh, bướng bỉnh có thể hất ngã một vị tướng. Quan trọng hơn nữa là người diễn viên thể hiện được tâm trạng, tính cách của người di ngựa.

Nhiều nhà nghệ thuật châu Âu sau buổi biểu diễn này đã đến gặp chúng tôi và hào hứng nói: «Lâu nay ở châu Âu khi muốn cho nhân vật Đông Ky-sốt hay Na-pô-lê-ông đi ngựa, thì người ta phải đưa con ngựa thật lên

sân khấu, hoặc phải bắt người trèo vào lưng con ngựa giống như thật, nhưng hiệu quả của hai thứ ngựa «thật» này xem ra không bằng chiếc roi ngựa của sân khấu tuồng Việt-nam.» Chính vì thế mà các nhà đạo diễn phương Tây ít khi dám xử lý con ngựa trên sân khấu quá 5 phút. Còn ở đây, trong một tiết mục tuồng Việt-nam thì con ngựa được biểu diễn liên tục gần hai chục phút, khi nó chạy, khi nó đứng, nó đá, có lúc nó lại nằm yên dưới vũng lầy... Một điểm thú vị nữa đối với người xem châu Âu, là chiếc đạo cụ bằng cây mây Việt-nam đó, khi là một con ngựa đang hành động, nhưng có lúc nó hiện nguyên hình là một chiếc roi ngựa được cách điệu. Cũng giống như cái mái chèo của nhân vật Thủy-Đĩnh-Minh, trong tuồng «Thủy-Đĩnh-Minh cầu cá». Thoạt đầu, người diễn viên bước ra sân khấu với chiếc mái chèo đơn sơ, nhưng khi anh ta làm động tác diễn tả cuộc bơi thuyền thì chiếc mái chèo kia trở thành một con thuyền đang chèo chờn trên mặt nước, lúc tĩnh, lúc chao, lúc nhanh, lúc chậm... Đến khi anh ta đứng lại (cũng là lúc sân khấu thay đổi không gian bởi động tác của người diễn viên gọi ra trong óc tưởng tượng của người xem), người diễn viên buông mái chèo, bước lên ghềnh đá, tay cầm cần câu làm các động tác của người câu cá, thì lúc đó khán giả lại hình dung được cảnh những đàn cá đang bơi, có những con tranh nhau cắn mồi làm xao mặt nước... Bằng nghệ thuật tượng trưng và ước lệ, phút chốc con sông trở thành bãi chiến trường khi có quân giặc tới. Như vậy, sân khấu không cần thay màn, chuyển cảnh, rọi đèn xanh đỏ mà người xem vẫn hiểu được các không gian, thời gian và tính huống kịch đang diễn ra. Đó là đặc điểm và ưu thế của nghệ thuật dân tộc Việt-nam, và đó cũng là sự mới lạ, sự hấp dẫn đối với người xem nước ngoài.

... Tại Bun-ga-ri, đồng chí Mon-tơ-rô-môn-chép, chủ nhiệm khoa kịch câm (pantomime) của Trường đại học sân khấu Xô-phi-a, sau nhiều lần xem các tiết mục của Đoàn tuồng Việt-nam, đã ca ngợi tính hoàn chỉnh của hình tượng nghệ thuật trên sân khấu tuồng «Tôi không hiểu các đạo diễn mới còn làm gì được ở cái sân khấu này. Bởi vì tính hoàn chỉnh, cô đọng đến mức không còn chỗ hở cho bàn tay người đạo diễn mới len vào. Do đó, tôi có thể khẳng định rằng, những đạo diễn nào không nắm chắc đặc điểm nghệ thuật này, tức là không được học kỹ về hát, về múa, về nhạc, về các nguyên tắc xử lý không gian và thời gian của sân khấu tuồng, thì không thể nào chỉ đạo được tiết mục»

Trên đất nước Xô viết bao la và vĩ đại, Đoàn nghệ thuật tuồng Việt-nam đã biểu diễn trước những khán giả nghiêm khắc và tế nhị, nếu không nói đây là những công chúng được đào tạo trong một nền văn hóa cao. Từ thủ đô Mát-xcơ-va đến Rê-gian, một thành phố Nga cổ kính và xa hơn nữa là Vin-ni-út, thủ đô nước Cộng hòa Lit-va ở miền Ban-tích, chữ «tuồng» gắn liền với chữ «Việt-nam» đã trở thành quen thuộc. Nghệ-thuật tuồng đã in trong ấn tượng của người xem Xô viết những dấu hiệu thâm mỹ khó quên

Tại nhà hát Ma-lui, nhà đạo diễn A-léc-xan-đrơ nói: «Tôi không phân biệt được rõ các nhân vật, nhưng tôi hiểu rõ điều anh ta muốn, điều anh ta suy nghĩ, việc anh ta làm trên sân khấu. Và tôi không thể bàng quan. Tôi cũng yêu thương với họ, căm thù với họ. Và dù cho nhà hát đã tồn tại bao lâu đi chăng nữa — một trăm, hai trăm hay một nghìn năm; và dù đó là nhà hát Việt-nam, nhà hát Nga hay Bun-ga-ri đi chăng nữa, điều đó cũng không phải là điều cơ bản. Điều cơ bản là những gì đã xảy ra trên sân khấu làm người xem

xúc động, các nhân vật đã thể hiện rõ tâm hồn của dân tộc mình và giữ vững được nền văn hóa cổ truyền của mình».

Những người làm nghệ thuật bao giờ cũng ước mơ và phấn đấu để cho nghệ thuật của dân tộc mình, tác phẩm của mình có được những lời khen như vậy. Nhưng cũng ít có ai dám nghĩ tới cả thế giới này đều thống nhất tương đối trong một nhận định, một lời khen như những lời chúng tôi đã trích dẫn ra trong bài viết này. Đó là một hiện tượng đặc biệt đối với nghệ thuật tuồng — một nghệ thuật dân tộc đặc sắc của nhân dân ta.

Hồng-Chương :

Thay mặt ban tổ chức, chúng tôi xin cảm ơn sâu sắc các đồng chí. Các đồng chí đã tích cực tham gia cuộc trao đổi ý kiến với tinh thần nghiêm túc của những người nghiên cứu khoa học.

Qua hai ngày thảo luận có 23 đồng chí đã đọc tham luận. Các bản tham luận đều đề cập đến giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam. Có những bản tham luận nói về cơ sở lý luận của vấn đề được đặt ra; có những bản tham luận khác nêu lên những giá trị văn hóa tinh thần của ta, sự hình thành và những đặc trưng của các giá trị văn hóa tinh thần ấy; một số bản tham luận phân tích những ưu điểm, những nhược điểm của các giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam và việc phát huy các giá trị ấy vào công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta hiện nay.

Có đồng chí đi từ ngành chuyên môn của mình như: sử học, văn học, nghệ thuật, mỹ thuật học, văn hóa dân gian, quân sự, v.v., đề nêu lên những giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam. Có đồng chí đi sâu phân tích quá trình ra đời của các giá trị

văn hóa tinh thần Việt-nam, nêu lên những điều kiện lịch sử trong đó các giá trị ấy hình thành, từ đó vạch ra những chỗ mạnh và chỗ yếu của các giá trị đó.

Nói chung, tất cả các đồng chí, tham gia cuộc trao đổi ý kiến này đều nhận định nhất trí rằng dân tộc Việt-nam ta có những giá trị văn hóa tinh thần quý báu, chúng ta cần phải có thái độ trân trọng đối với các giá trị ấy, phải phát huy các giá trị ấy vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay. Trong các giá trị ấy, có những giá trị đã có từ lâu đời như lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu bất khuất chống ngoại xâm, đức tính cần cù lao động xây dựng đất nước, tinh thần đoàn kết, lòng thương người, v.v., lại có những giá trị mới có từ hơn nửa thế kỷ nay như tinh thần quốc tế vô sản, lòng yêu chủ nghĩa xã hội, thể giới quan cộng sản chủ nghĩa, phương pháp tư duy theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhân sinh quan mới, lối sống mới, v.v. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, giai cấp công nhân và nhân dân ta trong quá trình đấu tranh cách mạng đã phát huy mạnh mẽ các giá trị đã có từ trước và tạo ra bản lĩnh của dân tộc Việt-nam ta ngày nay. Chính do có bản lĩnh này mà nhân dân ta đã đánh thắng được các đế quốc to, giải phóng hoàn toàn đất nước và đưa nước ta từng bước vững chắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đặt vấn đề xem xét các giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam, chúng ta đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và không tách rời thời đại mà chúng ta đang sống; chúng ta kiên quyết chống chủ nghĩa sô vanh nước lớn và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi; chúng ta kế thừa có chọn lọc các giá trị đã có từ trước của dân tộc, với tinh thần phê phán chúng ta tiếp thu mặt tích cực, loại

trừ mặt tiêu cực; đồng thời chúng ta tiếp thu các giá trị quý báu của các dân tộc khác trên thế giới. Nước Việt-nam từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; con người Việt-nam từ chủ nghĩa yêu nước tiến tới chủ nghĩa cộng sản, do đó giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam cũng có những đặc điểm không giống các dân tộc khác trên thế giới.

Trong quá trình thảo luận chúng tôi thấy có những nhận định chưa hoàn toàn nhất trí với nhau, thậm chí có những ý kiến khác nhau. Về tinh thần yêu nước, có người nói phải đề cao truyền thống yêu nước của dân tộc; có người nhấn mạnh tinh giai cấp của tinh thần yêu nước qua các thời đại, vạch rõ sự hạn chế của tinh thần yêu nước của các anh hùng dân tộc thuộc các giai cấp phong kiến, tư sản. Về đức tính cần cù lao động, có người nói đức tính đó là vốn quý của dân tộc cần phát huy; có người nói trong thời đại ngày nay, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, cần đề cao tinh thần khoa học, chứ không phải là đề cao sự cần cù lao động. Về tinh thần dân chủ, có người nói nước ta không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ công xã nông thôn tồn tại lâu dài, do đó dân tộc ta có truyền thống dân chủ (dân chủ xóm làng), có người lại nói nước ta hàng nghìn năm ở dưới chế độ phong kiến mà không trải qua cách mạng dân chủ tư sản, do đó tàn dư phong kiến ở nước ta nặng nề và nước ta không có truyền thống dân chủ. Về nhân tố xã hội chủ nghĩa, có người nói chế độ công xã nguyên thủy và chế độ công xã nông thôn tồn tại lâu dài ở nước ta, do đó trong văn hóa dân tộc của ta có nhân tố xã hội chủ nghĩa, có nhân tố do nhân dân ta tiếp thu để dùng chủ nghĩa xã hội; có người lại nói nhân tố đó là thứ chủ nghĩa xã hội không tưởng, nặng về chủ nghĩa bình quân, cho

nên nó gây trở ngại cho việc tiếp thu chủ nghĩa xã hội khoa học. Về lòng thương người, có người cho rằng đó là chủ nghĩa nhân đạo cần phát huy, có người lại nói đó là thứ chủ nghĩa nhân đạo siêu giai cấp, nói nhiều đến nó sẽ không đầy mạnh được đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Về các giá trị văn hóa tinh thần từ nước ngoài du nhập vào nước ta thời trước, có người nói đến mặt tích cực trong các đạo Nho, Lão, Phật; có người cho rằng đạo Nho là hoàn toàn tiêu cực không có gì là tích cực cả, còn đạo Phật tuy có phần nào là tích cực, nhưng mặt tích cực rất ít, còn mặt tiêu cực là chủ yếu, đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay các đạo đó chỉ có tác dụng tiêu cực.

Có đồng chí nói: ở nước ta trước Cách mạng Tháng Tám chưa hề có cuộc cách mạng nào. Do đó quá khứ dè dặt nặng nề hiện tại. Những mặt tiêu cực đầy dẫy trong truyền thống cũ. Nếu không xóa bỏ được các mặt tiêu cực đó thì không thể tiến lên chủ nghĩa xã hội được. Trái lại, có đồng chí nói: đương nhiên từ Cách mạng Tháng Tám 1945 trở đi nước ta trải qua những chuyển biến cách mạng vĩ đại. Nhưng nói như thế không có nghĩa là nói rằng trước Cách mạng Tháng Tám ở nước ta không có những biến động có tính chất cách mạng. Các cuộc nổi dậy đánh đuổi bọn phong kiến Trung-quốc giành lại độc lập cho nước nhà thật sự là những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta chống phong kiến Trung-quốc cũng thúc đẩy xã hội Việt-nam phát triển. Cuộc nổi dậy của Tây-sơn thật sự là cuộc cách mạng của nông dân, thợ thủ công và thương nhân chống giai cấp phong kiến trong nước. Mặc dù một chế độ xã hội mới chưa ra đời do sự hạn chế của lịch sử nhưng các biến động đó

đã thúc đẩy xã hội Việt-nam tiến lên. Đó là những động lực phát triển của xã hội Việt-nam. Đó là đặc điểm của sự phát triển của «phương thức sản xuất châu Á» ở Việt-nam. Đó là quy luật phát triển của xã hội Việt-nam thời trước.

Tuy có những ý kiến khác nhau, nhưng tất cả các đồng chí tham gia cuộc thảo luận đều nhất trí với nhau về sự cần thiết phải nghiên cứu các giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam. Mọi người đều nhất trí là phải tiến hành công tác đó một cách thiết thực để góp phần thúc đẩy cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa của ta hiện nay.

Cuộc họp này là bổ ích vì đây là một dịp tốt để các đồng chí chúng ta gặp gỡ nhau, trao đổi ý kiến với nhau, học tập lẫn nhau. Cuộc thảo luận trong hai ngày qua đã soi sáng nhiều vấn đề về giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam. Tuy vậy, đây chỉ mới là bước đầu, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, đi sâu hơn nữa, cố gắng hơn nữa mới có thể tìm ra được câu trả lời chính xác cho vấn đề đặt ra.

Các giá trị Việt-nam gắn với nền văn hóa Việt-nam. Nền văn hóa hàng nghìn năm của Việt-nam là nền văn hóa có nguồn gốc bản địa. Nhưng đó không phải là nền văn hóa đóng kín, bài ngoại. Trái lại, đó là nền văn hóa cởi mở. Nó mở rộng cho sự giao lưu với các nền văn hóa khác, tiếp thu những tinh hoa của các nền văn hóa ấy. Đó không phải là văn hóa «không bỏ bên»; nó không hòa tan vào các nền văn hóa khác. Nó luôn luôn giữ vững bản sắc của mình. Nó có dấu ấn riêng của nó.

Trải qua thử thách trong các cuộc đụng chạm với các nền văn hóa khác, trong đó có những nền văn hóa cao ở phương Đông và phương Tây, như văn hóa Trung-quốc và văn hóa Pháp, nền văn hóa Việt-nam đã tỏ rõ sức sống mãnh liệt. Chính nhờ đó mà người Việt-nam giữ vững được các

giá trị văn hóa tinh thần của mình. Người Hán không thể đồng hóa được người Việt-nam mặc dù người Hán đô hộ họ đến một nghìn năm. Người Pháp cũng không thể đồng hóa được người Việt-nam, mặc dù người Pháp thống trị họ đến một trăm năm.

Thông thường, một nền văn hóa thấp thường bị đồng hóa bởi một nền văn hóa cao hơn. Người Mông-cổ đã đánh thắng người Hán về mặt quân sự và đã thống trị người Hán hàng trăm năm, nhưng cuối cùng người Hán đã đồng hóa người Mông-cổ, và phần lớn nước Mông-cổ bị mất vào tay người Hán. Đó là vì người Hán có nền văn hóa cao hơn người Mông-cổ. Người Mãn cũng đã đánh thắng người Hán về quân sự và đã thống trị người Hán hàng trăm năm, nhưng cuối cùng người Hán đã đồng hóa người Mãn và nước Mãn đã bị mất vào tay người Hán. Đó là vì người Hán có nền văn hóa cao hơn người Mãn.

Một hiện tượng trái ngược đã xảy ra ở Việt-nam. Người Hán đô hộ người Việt hàng nghìn năm; thế mà người Hán không thể đồng hóa được người Việt; người Việt vẫn giữ được bản sắc riêng của mình, cuối cùng người Việt đã nổi dậy đánh đuổi được người Hán, khôi phục được quốc gia riêng của mình. Điều đó chứng tỏ rằng người Việt có nền văn hóa cao. Người Việt có những giá trị văn hóa tinh thần cao, cho nên người Hán không thể đồng hóa được người Việt.

Giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam là kết tinh những thành tựu phát triển nhiều nghìn năm của xã hội Việt-nam. Đó là sự cô đọng những thành quả của người Việt-nam qua nhiều nghìn năm đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh xã hội để tồn tại và phát triển.

Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam có sức sống mạnh mẽ. Nó tự khẳng định sự tồn tại của nó. Bất chấp mọi thử thách, nó vẫn tồn tại

và phát triển. Đó chính là vì dân tộc Việt-nam có sức sống mãnh liệt. Dân tộc Việt-nam có nền văn hóa cao. Dân tộc Việt-nam có những giá trị văn hóa tinh thần cao.

Giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam là có thật. Nó khẳng định sự tồn tại của nó giữa các giá trị của các dân tộc khác trên thế giới.

Cùng với các giá trị quý báu, quá khứ để lại những « phản giá trị » nặng nề. Các giá trị tồn tại và phát triển trong cuộc đấu tranh chống các « phản giá trị ». Cuộc đấu tranh giữa giá trị và « phản giá trị » là cuộc đấu tranh không bao giờ chấm dứt. Con người Việt-nam tồn tại và phát triển qua cuộc đấu tranh giữa giá trị và « phản giá trị » đó.

Trong hơn nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, nhân dân ta đã làm nên được sự nghiệp vĩ đại, vẻ vang. Vì sao người Việt-nam chúng ta lại có thể làm được sự nghiệp vĩ đại như thế? Người Việt-nam chúng ta có cái bản lĩnh gì đây, có những giá trị văn hóa tinh thần gì đây mà có thể làm được sự nghiệp vẻ vang như vậy? Đây là câu hỏi cần được trả lời chính xác.

Tìm hiểu cái vốn quý mà ta đang có không phải dễ mà tự cao tự đại, mà là dễ hiểu biết ta, dễ biết ta có cái gì quý, dễ mà trân trọng, dễ mà giữ gìn, dễ mà phát huy, dễ tiến lên và giành những thắng lợi to lớn hơn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Ta giành được thắng lợi to lớn, điều đó chứng tỏ ta đang có những giá trị gì đó, có cái bản lĩnh nào đó. Nhưng các giá trị đó là những cái gì, cái bản lĩnh đó là cái gì, thì ta chưa rõ lắm. Vì vậy, chúng ta phải tìm hiểu các giá trị đó, tìm hiểu cái bản lĩnh đó. Đây là một quá trình nhận thức, đi từ tự phát đến tự giác, đi từ « sự vật tự nó » (chose en soi) đến « sự vật cho nó » (chose pour soi), đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính.

Các giá trị văn hóa tinh thần nói ở đây, theo tôi nghĩ, là bộ mặt tinh thần của con người Việt-nam chúng ta trong thời đại ngày nay; đó là bản lĩnh của con người Việt-nam chúng ta. Nó có quan hệ đến văn hóa nhưng không đồng nghĩa với văn hóa. Nó có quan hệ đến truyền thống nhưng không đồng nghĩa với truyền thống. Đó là những cái mà chúng ta có hiện nay, qua các thời đại đã phát triển thêm và đến nay đạt đến đỉnh cao. (Những cái này nằm trong truyền thống dân tộc). Có những cái chúng ta mới có khoảng nửa thế kỷ nay, từ khi Hồ Chủ tịch đem chủ nghĩa Mác-Lê-nin truyền bá vào nước ta, từ khi có Đảng ta. (Đó là truyền thống cách mạng). Có những cái chúng ta mới có trong thời gian gần đây, từ khi nước ta bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tóm lại, tất cả những cái gì mà chúng ta đang có, những cái cơ bản nhất, những cái thuộc về bản chất của con người Việt-nam chúng ta. Phải biết tổng kết, phải có trình độ khái quát hóa rất cao mới tìm ra được những cái đó. Đây không phải là một việc đơn giản dễ làm. Đây là một công tác nghiên cứu khoa học. Mọi công tác khoa học đều đòi hỏi một thái độ nghiêm chỉnh, thận trọng, một thái độ khoa học. Đây thực sự là một vấn đề khoa học; nó đòi hỏi phải được đối xử như là một khoa học.

Giữa lúc đất nước đang đứng trước những vấn đề cấp bách về kinh tế và đời sống, chúng ta lại họp nhau ở đây để thảo luận vấn đề giá trị văn hóa tinh thần, phải chăng chúng ta đã làm một việc không thiết thực? Ý nghĩa thực tiễn của vấn đề đặt ra ở chỗ nào?

Cả nước ta đã tiến vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bước vào giai

đoạn cách mạng mới, chúng ta "soát lại ba lô" của chúng ta; cái gì không còn thích hợp nữa chúng ta bỏ đi, cái gì còn thích hợp chúng ta để lại; cái gì đã hoàn chỉnh chúng ta phát huy; cái gì còn non yếu chúng ta bồi dưỡng tăng cường; cái gì còn thiếu chúng ta xây dựng thêm. Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta sắp xếp lại bảng giá trị văn hóa tinh thần của chúng ta.

Đại hội thứ IV và Đại hội thứ V của Đảng ta đã nhấn mạnh tầm quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa cùng nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Con người mới Việt-nam là người chủ sự nghiệp cách mạng Việt-nam. Đó là người sáng tạo ra cách mạng Việt-nam đồng thời là kết quả của cách mạng Việt-nam. Có nghiên cứu các giá trị văn hóa tinh thần Việt-nam chúng ta mới hiểu rõ con người Việt-nam và làm tốt công việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Vì vậy, cuộc thảo luận của chúng ta là một việc làm thiết thực nhằm góp phần thực hiện nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng ta.

Hồ Chủ tịch đã dạy: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có những con người xã hội chủ nghĩa". Con người xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam là con người như thế nào? Trên cơ sở những "vốn liếng" như thế nào chúng ta tiến hành việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Muốn giải đáp các vấn đề này thì chúng ta cần phải nghiên cứu các giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam. Nghiên cứu các giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam là nghiên cứu cái cốt lõi của vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Bằng cách nghiên cứu giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam, chúng ta góp phần tích cực vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

NHÌN QUA THẾ GIỚI NĂM 1982

NĂM 1982 có nhiều biến chuyển rất quan trọng trên thế giới. Không thể nào thấy hết ý nghĩa của những biến chuyển đó nếu tách chúng ra khỏi quá trình phát triển của tình hình thế giới trong những năm gần đây.

Từ 1973 đến nay, thế giới tư bản đã trải qua một quá trình khủng hoảng kinh tế triền miên; riêng từ năm 1978 đã diễn ra hai cuộc suy thoái liên tiếp. Tình hình kinh tế các nước tư bản hiện nay là xấu nhất kể từ những năm 1930. Điểm đặc biệt quan trọng là vị trí kinh tế và vai trò lãnh đạo chính trị của Mỹ trong thế giới tư bản không ngừng bị giảm sút.

Hông thoát ra khỏi khủng hoảng và ngăn chặn sự xói mòn không ngừng đối với sự lãnh đạo của Mỹ trong thế giới tư bản, bắt đầu từ cuối 1978, đế quốc Mỹ đã phát động một đợt chạy đua vũ trang mới, phục hồi chiến tranh lạnh chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa và tăng cường các cuộc phản kích chống phong trào độc lập dân tộc và giải phóng dân tộc.

Cuộc phản công có tính chất toàn cầu của đế quốc Mỹ diễn ra vào lúc Trung-quốc vừa trải qua 20 năm đại loạn và đang đứng trước một thảm họa về kinh tế. Trong bối cảnh đó, nhà cầm quyền Trung-quốc sau Mao theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền lợi dụng sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc, công khai liên minh

với nó, chống Liên-xô và cách mạng thế giới, hòng tranh thủ sự giúp vốn và kỹ thuật của nó để nhanh chóng thực hiện kế hoạch 4 hiện đại hóa đưa Trung-quốc vươn lên hàng cường quốc số một vào cuối thế kỷ.

Sự phản kích của các thế lực đế quốc và phản động và sự cầu kết Trung - Mỹ là hai nhân tố thường xuyên gây tình hình căng thẳng, đe dọa hòa bình thế giới và an ninh của các dân tộc trong những năm cuối thập kỷ 70 và đầu thập kỷ 80. Tình hình quốc tế hòa dịu, thành quả mà các dân tộc đã giành được trong những năm 70, do đó, bị phá hoại nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, những sự kiện quốc tế diễn ra trong những năm gần đây, một mặt phản ánh tình chất quyết liệt và phức tạp ngày càng tăng của cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới, mặt khác cho thấy không có một thế lực nào đủ phản động hiệu chiến đến đâu lại có thể xoay ngược bánh xe lịch sử. Điều đó được thể hiện rất rõ nét trong những đặc điểm sau đây của tình hình thế giới trong năm 1982.

Các nước đế quốc tiếp tục chìm sâu vào cuộc khủng hoảng toàn diện không lối thoát. Hai thế lực phản động lớn nhất là chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn Trung-quốc bị thất bại một bước nghiêm trọng. Mâu thuẫn trong nội bộ

bọn đả quốc và phản động phát triển gay gắt

Lên cầm quyền trong tình hình nước Mỹ tiếp tục bị suy yếu và khủng hoảng trong thời kỳ sau Việt-nam, chính quyền Ri-gân mưu toan thực hiện những chính sách đối nội và đối ngoại cực kỳ phản động với những biện pháp quyết liệt nhằm trong một thời gian ngắn thoát ra khỏi khủng hoảng. « phục hồi sức mạnh bên trong » của nước Mỹ, giành ưu thế quân sự so với Liên-xô, xác lập lại sự lãnh đạo của Mỹ trong thế giới tư bản và chặn đứng phong trào cách mạng thế giới. Tuy vậy, chỉ qua mấy tháng cầm quyền, chính quyền Ri-gân đã sớm bộc lộ sự bất lực và hạn chế của nó, và qua hai năm cầm quyền, nó đã gặp những thất bại nghiêm trọng. Từ tháng 7-1981, nghĩa là sau 12 tháng phục hồi, nước Mỹ lại lâm vào một cuộc suy thoái kinh tế mới. Đây là lần suy thoái dài nhất và đến nay vẫn chưa thấy lối thoát. Thất nghiệp lên đến mức kỷ lục kể từ những năm đại suy thoái 1929 - 1933. Lạm phát tuy có giảm nhưng thâm hụt ngân sách đạt đến mức chưa từng có. Tuy không ngớt đòi tăng ngân sách chiến tranh nhưng Ri-gân đã buộc phải giảm bớt chi phí chiến tranh 13 tỷ cho 3 năm 1982, 1983, 1984 và đang chịu sức ép rất lớn đòi cắt chi phí quân sự. Rõ ràng Ri-gân còn có thể chạy đua vũ trang nhưng cuộc chạy đua này không thể không có giới hạn. Hơn nữa, việc này đã không đem lại cho Mỹ ưu thế quân sự, trái lại đã trút gánh nặng lên nền kinh tế Mỹ. Chính lúc Mỹ chạy đua vũ trang mạnh nhất thì nền kinh tế Mỹ lại bị suy thoái nặng nhất, mâu thuẫn kinh tế xã hội trong nước Mỹ sâu sắc thêm, khả năng cạnh tranh kinh tế của Mỹ với các nước tư bản khác càng trở nên tồi tệ. Rõ ràng, trong thời kỳ « sau Việt-nam », khác với những thập kỷ 50 và 60, chạy đua vũ trang và chiến tranh lạnh đối với chủ nghĩa

đả quốc không còn là biện pháp đỡ tạm thời giải quyết khủng hoảng, trái lại càng làm cho khủng hoảng sâu sắc thêm.

Âm mưu của chính quyền Ri-gân lập lại vai trò không chế của Mỹ đối với các đồng minh của nó cũng thất bại. Mỹ và đồng minh đều muốn ngăn chặn Liên-xô và cách mạng thế giới, nhưng lợi ích của chúng không đồng nhất. Do đó, tuy Mỹ đã ép và lôi kéo được đồng minh trên một số vấn đề nhất định, nhưng mâu thuẫn giữa Mỹ và đồng minh lại càng sâu sắc. Chính sách lai suất cao và chính sách bảo hộ mậu dịch của Mỹ trên thực tế đã đưa đến một cuộc chiến tranh kinh tế giữa Mỹ với các đồng minh Tây Âu và ở mức độ thấp hơn, với Nhật-bản. Đồng minh của Mỹ không những chống lại các chính sách kinh tế của Mỹ mà còn chống cả một số chính sách đối ngoại của Mỹ, trước hết là trong quan hệ với Liên-xô và thế giới thứ ba. Trước tình hình đó, chính quyền Ri-gân đã buộc phải nổi lại đàm phán với Liên-xô, bỏ cấm vận thiết bị cho đường ống dẫn khí đốt v.v. Tuy vậy, mâu thuẫn giữa Mỹ và các đồng minh của nó vẫn tồn tại và phát triển ngày một gay gắt. Mỹ còn phải đối phó với sự rạn nứt thêm của khối Bắc Đại-tây-dương do thái độ của Hy-lạp và Tây-ban-nha sau khi Đảng xã hội thắng cử ở hai nước này.

Chính quyền Ri-gân tiếp tục chính sách chơi con bài Trung-quốc để chống Liên-xô và cách mạng thế giới. Nhưng khác với thời kỳ chính quyền Ca-to, dưới chính quyền Ri-gân, con bài Trung-quốc tỏ ra không có giá trị như Mỹ mong muốn. Tập đoàn Ri-gân lại có nhiều lợi ích trong quan hệ với Đài-loan. Do đó, chính sách của Ri-gân chơi con bài Trung-quốc đã trực tiếp ngay trong những tháng đầu tiên nắm chính quyền. Ri-gân đã phải bỏ gần một năm để dàn xếp quan hệ với Trung-quốc nhằm tránh một chiến hướng xấu hơn.

Chính sách hiếu chiến của chính quyền Ri-gân tuy có làm cho cuộc đấu tranh của các dân tộc thêm khó khăn và phức tạp, nhưng đã làm dấy lên một phong trào chống Mỹ trên tất cả các lục địa. Chưa bao giờ Mỹ bị cô lập như hiện nay. Để cứu vãn tình hình, chính quyền Ri-gân đang phải tính toán điều chỉnh lại một cách chấp vá các biện pháp chiến lược của nó.

Trong lúc đó thì ở các nước Tây Âu, Nhật-bản cũng có tình trạng suy thoái về kinh tế. Thất bại về chính trị và những khó khăn về kinh tế — tài chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ và khủng hoảng nội các ở một loạt nước tư bản, làm cho tình hình chính trị, xã hội ở các nước này luôn luôn không ổn định. Nạn thất nghiệp cao trở thành vấn đề xã hội rất trầm trọng. Quần chúng nhân dân bất mãn. Thắng lợi của Đảng xã hội ở Pháp năm 1981, ở Thụy-điển, Hy-lạp, Tây-ban-nha năm 1982, cho thấy nhân dân muốn có sự thay đổi. Sự chống đối của nhân dân là một nhân tố làm cho chính phủ các nước Tây Âu phải dè dặt trong việc gần bó quá chặt chẽ với Mỹ.

Sự kiện nổi bật trong tình hình Trung-quốc năm 1982 là Đại hội 12 Đảng cộng sản Trung-quốc, đánh dấu thất bại của đường lối dựa hẳn vào Mỹ và phương Tây nhằm thực hiện bốn hiện đại hóa dễ nhay vọt về kinh tế. Trung-quốc đã phải điều chỉnh kế hoạch bốn hiện đại hóa dễ ra tháng 3-1978 với mục tiêu hạ thấp còn 1/3. Tuy vậy, tư tưởng nhay vọt vẫn còn đậm nét trong kế hoạch tăng giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp lên gấp bốn lần vào cuối thế kỷ.

Về đối ngoại, quan hệ câu kết Trung — Mỹ đã bộc lộ những hạn chế và khó khăn trên một loạt vấn đề, đặc biệt là vấn đề Đài-loan. Trung-quốc đã buộc phải nổi lại đối thoại với Liên-xô; cũng đã buộc phải nói đến hòa bình, hòa dịu, và làm ra vẻ

quan tâm đến các nước « thế giới thứ ba ».

Những thủ đoạn trên đây không che giấu được những thất bại toàn diện và nặng nề của Trung-quốc. Trung-quốc câu kết với Mỹ là nhằm đẩy Mỹ — Xô chống nhau, phá hòa hoãn ở châu Âu, làm cho thế giới « đại loạn », tạo an ninh cho riêng Trung-quốc. Nhưng tình hình đã diễn ra ngược lại: xu thế hòa hoãn ở châu Âu tiếp tục phát triển, Mỹ buộc phải đối thoại với Liên-xô. Ảnh hưởng của Liên-xô được củng cố và mở rộng. Trong lúc đó Trung-quốc phải đối phó với tình hình căng thẳng do chính họ gây ra ở hầu hết các phía chung quanh biên giới. Trong quan hệ quốc tế, Trung-quốc ở vào thế yếu nhất từ trước tới nay. Trung-quốc câu kết với Mỹ chống Liên-xô và cách mạng thế giới, nhưng đã không ngăn được cách mạng giành thắng lợi ở ngay những khu vực sát sườn Trung-quốc và là những nơi có sự câu kết Trung — Mỹ chặt chẽ nhất. Do đi với Mỹ chống Việt-nam và chống Liên-xô, uy tín của Trung-quốc trong thế giới thứ ba bị giảm sút mạnh. Chưa bao giờ Trung-quốc bị cô lập như những năm qua. Tình hình bị năm qua chứng tỏ các biện pháp « tự lực cánh sinh » và chính trị làm thống soái cũng như chính sách của Đảng dựa hẳn vào phương Tây, công khai phản bội cách mạng « nhay vọt », đều phá sản thảm hại. Xã hội Trung-quốc đang hỗn loạn, mất phương hướng.

Trong thế thất bại và bị động, Trung-quốc buộc phải tỏ ra có bộ mặt ôn hòa hơn nhằm lừa bịp dư luận, ra sức lợi dụng mâu thuẫn giữa Mỹ và Liên-xô, tranh thủ thế giới thứ ba, chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản. Cuộc đấu tranh nội bộ Trung-quốc tiếp tục diễn ra rất gay gắt. Cuộc đấu tranh của nhân dân Trung-quốc chống chính

sách **phản động** của nhà cầm quyền Trung-quốc nhất định sẽ làm cho chủ nghĩa **bành trướng** và bá quyền nước lớn Trung-quốc bị thất bại to lớn hơn nữa.

Tình hình Đông Nam Á trong năm 1982 tuy còn phức tạp nhưng phát triển thuận lợi hơn nhiều so với những năm 1979 - 1981. Bốn năm qua, mặc dù địch **chống phá** điên cuồng, cách mạng ba nước Đông-dương không ngừng phát triển. Nhân dân ba nước Đông-dương tiếp tục giành những thắng lợi mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Với tình hình Cam-pu-chia ngày càng tốt lên, và qua Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam, Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào, thế giới thấy rõ mặc dù còn khó khăn, tình hình ba nước Đông-dương là ổn định và vững chắc. Khối liên minh chiến đấu và quan hệ đặc biệt giữa Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia, tình đoàn kết và quan hệ hợp tác toàn diện giữa ba nước với Liên-xô ngày càng củng cố và tăng cường. Dự luận ngày càng nhận thức rõ hơn về mối đe dọa của Trung-quốc đối với các nước Đông-dương và Đông Nam Á, về chính sách hòa bình của ba nước Đông-dương và vai trò quan trọng của ba nước đối với hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Bốn năm qua, chính sách của Trung-quốc đối với các nước ASEAN chống ba nước Đông-dương đã thất bại. Các nước ASEAN gặp bế tắc và chia rẽ trong chính sách đối đầu với Đông-dương. Mâu thuẫn giữa họ với Trung-quốc càng bộc lộ rõ, nhất là chung quanh vấn đề hòa bình ổn định của khu vực. Trước những biến chuyển mới trong quan hệ quốc tế, phát là trong lúc quan hệ Trung - Mỹ xấu đi và quan hệ Trung - Xô bớt căng thẳng, một số giới trong chính quyền các nước ASEAN tỏ ra lo ngại, vì chính sách của họ cho đến nay vẫn là dựa trên cơ sở sự cấu kết Mỹ -

Trung và sự lợi dụng mâu thuẫn Xô - Trung để chống ba nước Đông-dương. Tình hình đó buộc họ phải tính đến việc đối thoại với các nước Đông-dương.

Mỹ phải đối phó với khủng hoảng trong nước và nhiều cuộc khủng hoảng trên thế giới, ở những địa bàn rất trọng yếu đối với Mỹ. Để duy trì lợi ích của Mỹ ở Đông Nam Á, Mỹ tiếp tục chơi con bài Trung-quốc tuy việc này có nhiều hạn chế, Mỹ tăng cường vai trò quân sự của Nhật-bản, đồng thời ủng hộ ASEAN dùng cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia để làm suy yếu các nước Đông-dương. Song mặt khác, Mỹ cho rằng cuộc chiến tranh chống nhân dân Cam-pu-chia do bọn tàn quân Pôn Pốt tiến hành ở biên giới Cam-pu-chia - Thái-lan, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các nước ở Đông Nam Á và dễ gây ra một cuộc bùng nổ ở vùng này và làm cho các nước ASEAN mất ổn định, các căn cứ của Mỹ ở Đông Nam Á sẽ trực tiếp bị đe dọa; do đó, Mỹ cũng ủng hộ có điều kiện việc ASEAN nối lại đối thoại với các nước Đông-dương.

Sự lớn mạnh của ba nước Đông-dương và thất bại của Trung-quốc và Mỹ đã làm cho các nước phương Tây ở mức độ khác nhau có xu hướng muốn tách dần khỏi chính sách của Trung-quốc ở Đông Nam Á. Năm 1982 chứng kiến một sự cải thiện hơn quan hệ giữa Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia với các nước này.

Tuy vậy, hiện nay bọn **phản động** trong giới cầm quyền Bắc-kinh chưa chịu từ bỏ chính sách thù địch chống ba nước Đông-dương. Chúng tiếp tục cấu kết với Mỹ và các nước ASEAN, tiếp tục cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia với những thủ đoạn xảo quyệt hơn. Bị dự luận quốc tế lên án, chúng không dám nói đến bài học thứ hai chống Việt-nam, nhưng tiếp tục các hoạt động khiêu

khích vũ trang ở biên giới hai nước, và đây mạnh chiến tranh tâm lý, phá hoại về chính trị, kinh tế. Mặt khác, về mặt đối ngoại, chúng ra sức tuyên truyền tạo ấn tượng hình phư Trung-quốc sẵn sàng cải thiện quan hệ với Việt-nam, trở ngại duy nhất là do "Việt-nam tiếp tục chiếm đóng Cam-pu-chia", nhằm cô lập Việt-nam trên thế giới. Nhưng tất cả những thủ đoạn này của chúng bị nhân dân ta và nhân dân Lào và Cam-pu-chia anh em kiên quyết chống lại và dư luận thế giới vạch trần.

Trên thế giới, ba dòng thác cách mạng của thời đại đánh bại một bước cuộc phản kích toàn cầu của các thế lực đế quốc và phản động, tiếp tục lớn mạnh và không ngừng phát huy thế chiến lược tiến công.

Cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản tuy có tác động tiêu cực đến nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa nhưng đồng thời lại làm nổi bật tính hơn hẳn của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong lúc nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng đi sâu vào suy thoái, thì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển ổn định, vững chắc mặc dù tốc độ có chậm lại. Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục hoàn thiện cơ cấu kinh tế quốc dân và cơ chế quản lý kinh tế, cải tiến công tác kế hoạch hóa, đưa nền kinh tế sang một giai đoạn phát triển mới, từng bước khắc phục những khó khăn và nhược điểm và hạn chế đến mức tối đa tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Với tiềm lực kinh tế to lớn của mình, ngày nay, Liên-xô đã có khả năng đề ra kế hoạch giải quyết một cách cơ bản nền sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nhu cầu lương thực và thực phẩm cho Liên-xô và toàn thể cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngay trong thập kỷ này.

Bằng việc đẩy mạnh chạy đua vũ trang, chính quyền Ri-gan âm mưu

đặt Liên-xô trước sự lựa chọn: hoặc để cho Mỹ giành ưu thế quân sự hoặc phải tăng chi phí quốc phòng, bỏ dở các kế hoạch kinh tế. Nhưng rõ ràng âm mưu đó đã thất bại. Tiềm lực kinh tế của Liên-xô ngày nay không những cho phép Liên-xô chịu đựng được cuộc chạy đua vũ trang mà đế quốc đã áp đặt, giữ vững thế cân bằng chiến lược về quân sự, mà còn cho phép Liên-xô tiếp tục thực hiện các kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa cộng sản, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Do vậy, Liên-xô luôn luôn là thành trì vững chắc của hòa bình, và chỗ dựa đáng tin cậy của cách mạng thế giới.

Sức mạnh tổng hợp của cộng đồng xã hội chủ nghĩa là một nhân tố cơ vũ nhân dân và chính phủ Ba-lan, bằng những nỗ lực của bản thân mình, đánh bại âm mưu của bọn phản động với sự giúp đỡ của bọn đế quốc bên ngoài hòng thực hiện diễn biến hòa bình ở Ba-lan. Nhờ đó Ba-lan đã bảo vệ được nền chuyên chính vô sản, giữ vững được những thành quả của chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước từng bước ra khỏi cuộc khủng hoảng. Âm mưu của bọn đế quốc dùng ván đề Ba-lan để chống Liên-xô và phá hoại hòa hoãn ở châu Âu đã bị một đòn thất bại nghiêm trọng.

Cuộc phản kích của các thế lực đế quốc và phản động và chính sách của các nước đế quốc trút gánh nặng khủng hoảng kinh tế lên đầu nhân dân các nước đang phát triển đã gây ra không ít khó khăn cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh. Có nơi phong trào tạm thời thất bại. Nhưng nhìn chung cuộc đấu tranh ở khu vực này đã diễn ra rất sôi động và đều khắp, với khí thế chống Mỹ lên rất cao. Sự đoàn kết của phong trào độc lập dân tộc với các lực lượng cách mạng và hòa bình được củng cố.

Nỗ lực là phong trào nhân dân ở các nước Trung Mỹ, Ca-ri-bê. Hành động can thiệp của Mỹ không dập tắt được cuộc chiến đấu của các lực lượng yêu nước Xan-va-đo, trong khi phong trào đấu tranh của nhân dân ở Goate-ma-la, Ô-n-đu-rát... tiếp tục phát triển. Cu-ba và Ni-ca-ra-goa tuy có khó khăn nhưng vẫn đứng vững, trong khi hàng ngũ đế quốc và các lực lượng phản động ở Mỹ la tinh bị phân hóa. Nhiều sự kiện tích cực đang diễn ra ở Xu-ri-nam, Bô-li-vi-a...

Cuộc khủng hoảng Man-vi-nát từ tháng 4 đến tháng 8-1982 làm đảo lộn chiến lược của Mỹ ở Nam Mỹ. Việc Mỹ ủng hộ Anh chống lại Ác-hen-ti-na đã làm dấy lên một phong trào chống Mỹ mạnh mẽ ở Mỹ la tinh, giáng một đòn nghiêm trọng vào kế hoạch của Mỹ lập liên minh Nam Đại-tây-dương. Sự phát triển của cách mạng ở châu Mỹ la tinh cho thấy khả năng can thiệp hạn chế của Mỹ. Bài học Việt-nam buộc Mỹ phải tính toán cẩn thận trong việc can thiệp quân sự chống cách mạng Mỹ la tinh.

Ở Trung Đông, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước A-rập và nhân dân A-rập Pa-le-xtín trải qua một giai đoạn rất gay go, phức tạp. Cuộc xâm lược của I-xra-en vào Li-băng bị nhân dân toàn thế giới lên án và đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa các dân tộc A-rập với Mỹ và I-xra-en, thúc đẩy phong trào chống Mỹ trong nhân dân A-rập. Các nước A-rập không chấp nhận kế hoạch 8 điểm của Ri-gan. Ngược lại, ở mức độ khác nhau, các nước ấy đều hoan nghênh đề nghị 6 điểm của Liên-xô về Trung Đông. Xu hướng của các nước A-rập muốn cải thiện quan hệ với Liên-xô ngày càng tăng.

Ở miền Nam châu Phi, cuộc đấu tranh của nhân dân Na-mi-bi-a dưới sự lãnh đạo của SWAPO và cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi dưới sự

lãnh đạo của ANC, được sự đoàn kết và giúp đỡ trực tiếp của các nước tiên tiến, tiếp tục được giữ vững và phát triển, mặc dù có sự đàn áp và phản kích của chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi với sự giúp đỡ và khuyến khích của đế quốc Mỹ. Âm mưu của đế quốc Mỹ gắn việc trao trả độc lập cho Na-mi-bi-a với việc rút quân Cu-ba khỏi Ăng-gô-la đã bị dư luận tiến bộ ở châu Phi và trên thế giới cực lực lên án. Chưa bao giờ, sự ủng hộ của thế giới đối với cuộc đấu tranh đòi xóa bỏ chủ nghĩa a-pác-thai và xóa bỏ những dinh lũy cuối cùng của chủ nghĩa thực dân cũ ở miền Nam châu Phi, lại mạnh mẽ và rộng lớn như ngày nay.

Năm 1982 có ý nghĩa rất quan trọng đối với phong trào các nước không liên kết. Những nghị quyết của hội nghị cấp cao thứ 6 của các nước không liên kết ở La Ha-va-na năm 1979 có tính chất tiến bộ nhất từ khi phong trào ra đời đến nay. Do đó, các thế lực đế quốc, nhất là Mỹ cầu kết với Trung-quốc, thông qua đại diện của chúng trong phong trào, ra sức chống lại việc thực hiện các nghị quyết của Hội nghị cấp cao thứ 6 và vai trò Chủ tịch của Cu-ba. Chúng đã dựng ra vấn đề Cam-pu-chia, Ăp-ga-ni-xtan để đẩy các nước không liên kết chống Liên-xô, Việt-nam, cô lập Cu-ba; dùng các thỏa hiệp Đê-vít chia rẽ các nước A-rập, lợi dụng cuộc chiến tranh I-ran - I-rắc để gây chia rẽ trong phong trào không liên kết. Những mưu toan của bọn đế quốc, và phản động quốc tế đã làm cho cuộc đấu tranh trong nội bộ phong trào không liên kết thêm phức tạp, nhưng đã không thể đảo ngược được xu thế phát triển của phong trào. Khủng hoảng kinh tế kéo dài, thất bại của chính quyền Ri-gan và sự thắng trận trong sự cầu kết Trung - Mỹ, đã đẩy nhanh sự thất bại của bọn phản động bên trong phong trào. Vượt qua những thử thách gay

go nhất trong năm qua, phong trào tiếp tục phát triển và biểu thị mạnh mẽ tinh thần đoàn kết chống đế quốc, thông qua nhiều nghị quyết chống Mỹ rất mạnh. Việc chọn Niu Đê-li làm địa điểm họp Hội nghị cấp cao thứ 7 vào tháng 3-1983 đã tạo thuận lợi cho phong trào tiếp tục phát triển lành mạnh.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước đế quốc cũng có bước phát triển mới. Những năm 1981, 1982 chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ chưa từng có của phong trào đình công ở nhiều nước tư bản phát triển. Các cuộc đình công đã phát triển từ những xí nghiệp riêng rẽ thành những cuộc đấu tranh có tính chất bao trùm trong một ngành sản xuất, một khu vực của nền kinh tế và ở một số nước, lan rộng ra trong phạm vi toàn quốc.

Phong trào rộng lớn đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh và bảo vệ hòa bình đang sôi nổi ở các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Nhật-bản.

Tóm lại, nhờ những thắng lợi mới của ba dòng thác cách mạng, do sự thất bại toàn diện của Mỹ và Trung-quốc và việc các nước Tây Âu tiếp tục hòa hoãn với Liên-xô, trong năm 1982 đã có những biến chuyển to lớn trong quan hệ quốc tế có lợi cho hòa

binh và hòa dịu. Trong lúc quan hệ Mỹ - Trung ngày càng gặp nhiều khó khăn và hạn chế thì cả Mỹ và Trung-quốc đang buộc phải đối thoại với Liên-xô. Liên-xô ở thế mạnh và chủ động hơn bao giờ hết. Các lực lượng hòa bình và cách mạng vượt qua nhiều khó khăn thử thách đang ngày càng tăng cường đoàn kết nhất trí, trong lúc nội bộ bọn đế quốc và phản động ngày càng mâu thuẫn gay gắt. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước nhằm ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới đang có những triển vọng tốt đẹp.

Đổi mới quản lý...

(Tiếp theo trang 21)

ra. Trong các vấn đề đã đề cập, có những chủ trương, biện pháp đáp ứng đòi hỏi của tình hình trước mắt, trong đó có vấn đề đã được Hội đồng bộ trưởng ban hành văn bản quy định cụ thể hoặc đang được tiếp tục nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ quản lý. Bên cạnh đó, có những vấn đề phải có thời gian chuẩn bị và tiến hành từng bước, gắn liền với quá trình sắp xếp lại cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và đưa nền kinh tế quốc dân đi vào thế phát triển vững chắc.

« Khoán mới » và hoàn thiện cơ chế khoán...

(Tiếp theo trang 35)

nghĩa xã hội là một thời kỳ lịch sử đặc biệt, nó đòi hỏi trình độ tự giác rất cao, tùy theo trình độ tự giác của chúng ta đến mức nào mà thời kỳ quá độ đó phải trải qua bao nhiêu bước, dài hay ngắn. Lê-nin còn chỉ dẫn: « Chúng ta biết rất rõ rằng trong một nước kinh tế tiểu nông, nếu không trải qua cả một loạt giai đoạn sơ bộ và tuân tự thì không thể tiến lên chủ nghĩa xã hội được » (3).

Toàn bộ cách xem xét và giải quyết

đúng đắn lối khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp hiện nay cần dựa trên cơ sở nhận thức đó là hình thức quản lý kinh tế quá độ trong chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Xử lý đúng đắn nó như một mắt xích quá độ, trung gian thì chính là chúng ta đã chọn đúng bước đi, do đó sẽ góp phần làm cho thời kỳ quá độ có thể ngắn lại chứ không phải kéo dài ra.

(3) V.I. Lê-nin: *Toán tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 28, trang 411.

«ТАПЧИ КОНГІЩАН» № 1 — 1983 г.

Поздравления по случаю Нового года Президента Чыонг Тиня **ПЕРЕДОВАЯ** — Всемерно претворить в жизнь решения III пленума ЦК партии. Товарищ Ле Дык Тхо отвечает на интервью АПН (СССР). **ЛЕ ТХАНЬ НГИ** — Обновить управление в отношении государственного предприятия. **ЧЫОНГ ШОН** — Некоторые надлежащие решению проблемы в продвижении вперед отечественной промышленности. **ВУ ХЫУ НГОАН** — «Новая сдельщина» и усовершенствование сдельной системы работы в сельскохозяйственном кооперативе. **ОБМЕН МНЕНИЯМИ** — Ценности духовной культуры Вьетнама (Ву Кхиеу, Фам Хюи Тхонг, Тьонг Лай, Ле Ань Ча, Хыу Нгок, Хоанг Тьонг, Хонг Тьонг). — Обзор международного положения в 1982 г.

REVIEW OF COMMUNISM № 1-1983

New Year's Greeting by President Trường-Chinh. **Editorial** — Let's Do Our Best to Carry Out the Resolution of the Third Conference of the Central Committee of the Communist Party of Viet Nam. — Comrade Lê Đức Thọ's Answers to an Interview of the Soviet News Agency A.P.N. **LÊ-THANH-NGHỊ** — Renovating Management Towards State-Owned Factories. **TRƯỜNG-SƠN** — Some Problems to Be Solved to Push Our Agriculture Forwards. **VŨ-HỮU-NGOẠN** — «New Contractual Incentives» and the Issue of Perfection of the Structure of Contractual Incentives in Agricultural Co-operatives. **Exchange of Views** — Viet Nam's Cultural and Spiritual Values (by Vũ-Khiên, Phạm-Huy-Thông, Trương-Lai, Lê-Anh-Trà, Hữu-Ngọc, Hoàng-Chương and Hồng-Chương). ★ ★ ★ — A Glimpse of the World in 1982.

REVUE DU COMMUNISME № 1-1983

Lettre de Nouvel An du Président Trường-Chinh. **Editorial** — S'efforcer de réaliser les Résolutions du 3e plénum du Comité central du Parti. — Le camarade Lê-Đức-Thọ répond à l'Agence de presse soviétique APN. **LÊ-THANH-NGHỊ** — Renover la gestion des entreprises d'Etat. **TRƯỜNG-SƠN** — Quelques problèmes à résoudre pour faire progresser notre industrie. **VŨ-HỮU-NGOẠN** — Les «nouveaux forfaits» et la mise au point du régime des forfaits dans les coopératives agricoles. **Echange de vues** — Les valeurs de la culture spirituelle du Vietnam (Vũ-Khiên, Phạm-Huy-Thông, Trương-Lai, Lê-Anh-Trà, Hữu-Ngọc, Hoàng-Chương, Hồng-Chương). ★ ★ ★ — Coup d'oeil sur le monde de 1982.

REVISTA DEL COMUNISMO № 1-1983

Carta de felicitación del Presidente Trường-Chinh en ocasión del Año Nuevo. **Editorial** — Nos esforzamos por cumplir las Resoluciones del Tercer Pleno del Comité Central del Partido. — Respuestas del compañero Lê Đức Thọ a la entrevista de la Agencia APN (URSS). **LÊ-THANH-NGHỊ** — Renovar la gestión de las empresas estatales. **TRƯỜNG-SƠN** — A resolver algunos problemas para llevar adelante nuestra industria. **VŨ-HỮU-NGOẠN** — El trabajo a destajo y el perfeccionamiento de su mecanismo en las cooperativas agrícolas. **Intercambios de puntos de vista** — Los valores de la cultura espiritual de Viet Nam (Vũ-Khiên, Phạm-Huy-Thông, Trương-Lai, Lê-Anh-Trà, Hữu-Ngọc, Hoàng-Chương, Hồng-Chương). ★ ★ ★ Ojeadas sobre el mundo en el año 1982.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 1
1983

NĂM THỨ XXVIII (325)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

**TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 52768, 22040

MỤC LỤC

Thư chúc mừng năm mới của Chủ tịch Trường-Chinh	1
Xã luận — Ra sức thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng	2
Đồng chí Lê-Dục-Thọ trả lời phỏng vấn của Thông tấn xã APN (Liên-xô)	8
LÊ-THANH-NGHI — Đổi mới quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh	12
TRƯỜNG-SON — Một vấn đề cần giải quyết đề đưa nền công nghiệp nước ta tiến lên	22
VŨ-HƯC-NGOẠN — “Khoản mới” và hoàn thiện cơ chế khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	30
Trao đổi ý kiến — Giá trị văn hóa tinh thần của Việt-nam (Vũ-Khiên, Phạm-Huy-Thông, Trương-Lai, Lê-Anh-Trà, Hữu-Ngọc, Hoàng-Chương, Hồng-Chương)	36
★ ★ ★ — Nhìn qua thế giới năm 1982	64

Các bạn tìm đọc:

CHỐNG CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG BÁ QUYỀN TRUNG-QUỐC

Của tập thể các tác giả:

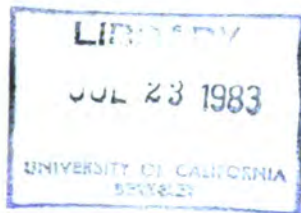
Trường-Chinh., Phúc-Cương, Lê-Xuân-Lý, Nhuận-Vũ, Trúc-Xuyên, Văn-Hiền, Hoàng-Kim, Nguyễn-Đức-Thiệt, Nguyễn-Đức-Bính, Phạm-Hồng-Son, Lê-Tự-Dũng, Nguyễn-Anh-Bắc, Hồng-Chương, Trần-Quốc-Tú.



TẬP CHÍ CỘNG SẢN XUẤT BẢN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM



2

2.1983

NÂNG CAO TÍNH TỔ CHỨC VÀ KỶ LUẬT CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN



TÍNH tổ chức và kỷ luật là một trong những đặc điểm cơ bản của chính đảng Mác - Lê-nin. Đặc điểm này vừa thể hiện bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, vừa là một tiêu chuẩn để phân biệt chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân với bất cứ đảng cơ hội chủ nghĩa nào. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy: muốn chiến thắng chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thì giai cấp vô sản và chính đảng vô sản phải có một chế độ tập trung tuyệt đối và phải có kỷ luật hết sức nghiêm ngặt.

Ngay từ buổi đầu thành lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân ở nước Nga, Lê-nin đã nhấn mạnh: « Tôi muốn trình bày một cách tuyệt đối rõ ràng và chính xác rằng tôi muốn và tôi đòi hỏi đảng, đội tiên phong của giai cấp, phải hết sức có tổ chức, rằng đảng chỉ nên thu nhận những phần tử ít nhất cũng phải chấp nhận một tính tổ chức tối thiểu » (1).

Trong quá trình xây dựng Đảng ở nước ta, Đảng ta đã vận dụng đúng đắn những nguyên lý về xây dựng Đảng của Lê-nin. Trong khi đặt vấn đề xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng lên hàng đầu, Đảng đồng thời rất coi trọng xây dựng Đảng về tổ chức. Nhờ vậy, suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta không những có đường lối chính trị đúng mà còn có tổ chức chặt chẽ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, luôn luôn giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí của Đảng. Đó chính là một nhân tố cơ bản tạo nên những thắng lợi rực rỡ của cách mạng nước ta.

Hiện nay, hơn bao giờ hết, cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đang đòi hỏi Đảng ta phải nâng cao hơn nữa tính tổ chức và kỷ luật cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, coi đó là một yêu cầu quyết định để tăng cường sức chiến đấu của Đảng.

Chúng ta đều biết, trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, ở bất cứ nước nào, cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 8, tr. 286.

nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản bao giờ cũng là một cuộc đấu tranh hết sức gay gắt và phức tạp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở nước ta, cuộc đấu tranh này càng gay gắt, phức tạp hơn nữa, bởi lẽ đất nước ta trải qua mấy chục năm chiến tranh liên tiếp với những hậu quả nặng nề, nước nhà mới thống nhất, miền Nam vừa thoát thai từ một thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam chỉ mới đạt những kết quả bước đầu, trước mắt chúng ta lại đang có những khó khăn về kinh tế và đời sống. Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường đang hằng ngày hằng giờ tác động vào đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm cho những người thiếu bản lĩnh vững vàng, thiếu tinh thần kỷ luật có thể bị lung lạc, sa ngã. Những hiện tượng hư hỏng, vi phạm kỷ luật của Đảng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên những năm gần đây đã nói lên điều đó.

Mặt khác, nền kinh tế sản xuất nhỏ và những năm chiến tranh du kích kéo dài đã để lại trong nhiều cán bộ, đảng viên những dấu ấn tiêu cực về cách suy nghĩ, cách làm việc tự do tùy tiện, bản vị, cục bộ, thiếu hợp tác xã hội chủ nghĩa, không phù hợp với bản chất vô sản, với yêu cầu về tinh thần và kỷ luật của Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hơn nữa, chúng ta lại đang phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Một trong những âm mưu thâm độc của kẻ thù là ra sức tiến công phá hoại Đảng ta. Bằng những hoạt động chiến tranh tâm lý, chúng xuyên tạc, hạ thấp uy tín của Đảng, kích động, gây hoang mang nhằm chia rẽ nội bộ Đảng.

Mấy năm qua, việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên về những vấn đề nói trên lại chưa được coi trọng đúng mức, thậm chí ở một số nơi rất lơ đãng. Bởi vậy, việc giáo dục, nâng cao tinh thần kỷ luật cho cán bộ, đảng viên, phê phán, khắc phục những hiện tượng tự do vô kỷ luật là một yêu cầu hết sức quan trọng. Nó góp phần quyết định vào việc tăng cường tinh thần giác ngộ, tính chất tiên phong của Đảng, bảo đảm việc thực hiện thắng lợi đường lối và chính sách của Đảng và của Nhà nước.



• Là biểu hiện quan trọng của tinh thần Đảng, tinh thần kỷ luật và kỷ luật đòi hỏi mỗi đảng viên, cán bộ của Đảng, dù ở cương vị công tác nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng nên cao vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên cộng sản, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tôn trọng các quy tắc sinh hoạt Đảng, không làm những điều trái với phẩm chất, tư cách đảng viên.

Tinh thần kỷ luật và kỷ luật đòi hỏi cán bộ, đảng viên chúng ta phải nỗ lực phấn đấu, rèn luyện trên nhiều mặt. Nhưng yêu cầu quan trọng hàng đầu là: mỗi cán bộ, đảng viên phải nhất trí với những vấn đề về đường lối, quan điểm của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh và triệt để mọi đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Gặp trường hợp có mâu thuẫn giữa lợi ích chung của cách mạng với lợi ích của cá nhân, tinh thần kỷ luật và kỷ luật đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải tự nguyện đặt lợi ích chung của cách mạng lên trên lợi ích của cá nhân, không được vì lợi ích của cá nhân mà gây khó

khăn, trở ngại cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Đảng viên là cán bộ lãnh đạo, cán bộ có chức có quyền càng phải gương mẫu trong vấn đề này. Đây là một trong những thử thách quan trọng nhất về phẩm chất, đạo đức, lòng trung thành, sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đối với cán bộ, đảng viên. Bởi vì, như chúng ta đều biết, mọi đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng bao giờ cũng xuất phát từ những lợi ích chung của cách mạng và lợi ích của nhân dân. Đảng viên cộng sản là những người tự nguyện đứng trong đội ngũ của Đảng, suốt đời chiến đấu cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân, tất yếu phải là những chiến sĩ kiên quyết nhất, dũng cảm nhất trong việc thực hiện và lãnh đạo quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Hồ Chủ tịch đã dạy: «**Đạo đức cách mạng của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng**» (2). Điều lệ của Đảng đòi hỏi người đảng viên phải: «**Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng**» (3). Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, Đảng còn yêu cầu cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, coi đó là kỷ luật của Đảng.

Đặc biệt hiện nay, lĩnh vực chức và kỷ luật của Đảng đòi hỏi mỗi đảng viên, cán bộ phải thấu suốt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ V và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng sau Đại hội.

Chúng ta phải nắm vững và làm đúng nguyên tắc lập trung dân chủ của Đảng. Mọi đảng viên, cán bộ của Đảng được phát huy trí tuệ và tính sáng tạo của mình trong việc tham gia xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, nhưng phải theo nguyên tắc: «**Các nghị quyết của Đảng phải được chấp hành không điều kiện. Cá nhân đảng viên phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức có thẩm quyền ở cấp trên; các tổ chức Đảng trong toàn quốc phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban chấp hành trung ương**» (4), «**đối với những vấn đề đã thành nghị quyết của tập thể thì chỉ có một quyết tâm, một tiếng nói và một hành động**» (5); «**nếu có ý kiến khác thì phải đề đạt với cơ quan có thẩm quyền cùng cấp hoặc cấp trên xét và quyết định, nhưng đồng thời vẫn phải tuyệt đối chấp hành...**» (6).

Chỉ có như vậy mới bảo đảm được sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, làm cho Đảng ta trở thành vô địch, có đủ sức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ. Hồ Chủ tịch đã nói: «**Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên**» (7).

Những năm qua, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, số đông cán bộ, đảng viên vẫn tiếp tục phấn đấu, rèn luyện, nêu cao tinh tổ chức và kỷ luật,

(2) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 74.

(3) Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam, Ban chấp hành trung ương, Hà-nội, 1982, tr. 19.

(4) Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam, Ban chấp hành trung ương, Hà-nội, 1982, tr. 34.

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, t. III, tr. 64.

(6) Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam, Ban chấp hành trung ương, Hà-nội, 1982, tr. 41.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 115.

giữ vững những phẩm chất tốt đẹp của người cộng sản, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của quần chúng. Song, như Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nhận định: « Tình hình tự do vô kỷ luật trong thời gian qua có chiều hướng phát triển trước những khó khăn của đất nước, trước sự liên công của chiến tranh làm lý của địch » (8).

Đáng chú ý trước hết là những hiện tượng dưới đây :

Một số cán bộ, đảng viên tùy tiện phá vỡ nguyên tắc về đường lối, chính sách của Đảng, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của tập thể, hoặc chỉ chấp hành những điểm mà mình thuận lợi. Tình thần trách nhiệm trong công tác của một số cán bộ, đảng viên rất kém. Có những người, những tập thể làm mọi cách lợi dụng, xoay xở, làm trái với chủ trương, chính sách của Đảng hoặc xâm phạm tài sản của tập thể, của Nhà nước. Nhiều cán bộ chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chế độ báo cáo và xin chỉ thị của cấp trên. Một số cán bộ, và cấp ủy coi địa phương mình, đơn vị mình như « vương quốc » riêng, tự tiện định ra cho địa phương mình, đơn vị mình những chế độ, quy định không phù hợp với tư tưởng chính sách chung của Đảng và Nhà nước.

Trong lúc cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra quyết liệt, phức tạp, có những cán bộ, đảng viên không đi vào con đường làm ăn tập thể, không làm đúng các nghĩa vụ đối với Nhà nước, buôn lậu, phe phẩy, tham gia bóc lột bằng hình thức này hoặc hình thức khác. Có những người vào hùa với những phần tử bóc lột, phần tử xấu, giúp họ trốn tránh và làm ăn phi pháp. Một số cán bộ, đảng viên nói năng, bàn tán vô nguyên tắc những vấn đề bí mật của Đảng và Nhà nước, v.v.

Những hành động trái với đạo đức cách mạng, với kỷ luật của Đảng nói trên đã ảnh hưởng rất xấu đến tinh thần giai cấp, tinh thần liên phòng và sức chiến đấu của Đảng. Những hành động ấy đã gây thiệt hại đến sự nghiệp cách mạng của Đảng, đến uy tín của Đảng, đến mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến buông lỏng chuyên chính vô sản, làm giảm hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, gây trở ngại cho việc giữ vững kỷ cương xã hội, đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực.



Đề nâng cao tinh thần kỷ luật của cán bộ, đảng viên, khắc phục những hiện tượng tự do vô kỷ luật, cũng với việc nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, sự nỗ lực phấn đấu rèn luyện của cán bộ, đảng viên, cần phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cấp ủy, các tổ chức Đảng trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng. Nói cách khác, đó là sự kết hợp chặt chẽ các biện pháp giáo dục, tư tưởng và tổ chức. Tình trạng tự do vô kỷ luật có chiều hướng phát triển trong thời gian qua chính là do chưa thực hiện đầy đủ, chưa kết hợp chặt chẽ các biện pháp ấy.

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự thật, Hà-nội, t. III, tr. 54

Hiện nay, trong một số cấp ủy, một số cán bộ có quan điểm cho rằng, trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều khó khăn, phức tạp, không nên nhấn mạnh việc đấu tranh tư tưởng, tăng cường kỷ luật, có thể gây "căng thẳng" trong nội bộ. Quan điểm đó không đúng. Thực tiễn đã chứng minh những nơi coi nhẹ đấu tranh tư tưởng, buông lỏng kỷ luật của Đảng, đều làm cho bệnh tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật phát triển, ảnh hưởng xấu tới sức chiến đấu của Đảng, tới phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên. Lê-nin đã nói: « Kề nào làm yếu — dù chỉ là chút ít — kỷ luật sắt trong đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyển chính của nó) là thực tế giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản » (9).

Trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên, giữ gìn kỷ luật của Đảng, các tổ chức cơ sở Đảng, nhất là các chi bộ, có vai trò hết sức quan trọng. Các tổ chức cơ sở Đảng là những đơn vị chiến đấu trực tiếp của Đảng. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều thông qua tổ chức Đảng ở cơ sở để tổ chức thực hiện. Tổ chức cơ sở Đảng là nơi trực tiếp giao công tác cho đảng viên, kiểm tra công tác, đạo đức, tư cách của đảng viên, quản lý đảng viên, cho nên có điều kiện hiểu biết đầy đủ những ưu điểm, khuyết điểm của đảng viên và tiến hành giáo dục đảng viên một cách có hiệu quả.

Biện pháp cơ bản để nâng cao tinh tổ chức và kỷ luật của cán bộ, đảng viên là thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ. Những đảng viên có ý thức tốt trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng cần được động viên, biểu dương kịp thời, đúng mức. Mọi biểu hiện tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật cần được phê phán, ngăn chặn kịp thời. Những cán bộ, đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm lớn thì phải thi hành kỷ luật, tùy tình chất, mức độ sai lầm mà đưa ra khỏi Đảng, truy tố trước pháp luật, không được dùng lòng bao che, dù đó là cán bộ cấp nào. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã nói rõ: « Trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước, kỷ luật phải bình đẳng không có ngoại lệ với bất kỳ ai...Càng giữ chức vụ cao, càng được rèn luyện lâu năm trong Đảng, nếu phạm kỷ luật thì việc thi hành kỷ luật càng phải nghiêm khắc. Vi phạm kỷ luật Nhà nước thì phải xử lý về mặt hành chính, phạm pháp luật thì phải xử lý theo pháp luật, không được chần chừ để xử lý trong nội bộ Đảng nhằm bao che cho nhau » (10).

Một yếu tố rất quan trọng để giữ gìn kỷ luật của Đảng là bảo đảm dân chủ trong nội bộ Đảng. Kỷ luật của Đảng bao giờ cũng phải trên cơ sở phát huy dân chủ nội bộ. Nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng đòi hỏi phải bảo đảm vừa có kỷ luật chặt chẽ vừa có dân chủ rộng rãi. Lê-nin đã nói: « **Thông nhất hành động, tự do thảo luận và phê bình**, đó là định nghĩa của chúng ta. Chỉ có kỷ luật như thế mới xứng đáng với đảng dân chủ của một giai cấp tiên tiến » (11).

Hiện nay ở nhiều nơi, tình hình thiển dân chủ hoặc dân chủ hình thức vẫn đang diễn ra khá phổ biến: tề đoan, chuyên quyền, bệnh gia trưởng

(9) V. I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 41, tr. 34.

(10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, t. III, tr. 59.

(11) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t. 14, tr. 163.

phong kiến còn khá nặng nề. Tình trạng đó không những làm cho cán bộ, đảng viên không phát huy được tính tích cực và tính sáng tạo mà còn « thường xảy ra những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, thói nịnh hót, bợ đỡ, « gió chiều nào che chiều ấy », « kéo bè, kéo cánh », gây mất đoàn kết » (12), và trong không ít trường hợp chính nó là nguyên nhân gây ra những hiện tượng tự do vô kỷ luật.

Bởi vậy, để bảo đảm kỷ luật của Đảng, không những phải phê phán nghiêm khắc những hiện tượng tự do vô kỷ luật mà còn phải đấu tranh khắc phục những hiện tượng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, nhất là phải phê phán nghiêm khắc, xử lý thích đáng những trường hợp đàn áp, trù dập những cán bộ, đảng viên dám thẳng thắn đấu tranh để bảo vệ chân lý.

Một yêu cầu quan trọng trong nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng của các tổ chức cơ sở đảng hiện nay là làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ tính chất gay gắt, phức tạp trên tất cả các mặt của cuộc đấu tranh giữa ta với địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Qua đó mà giúp cho mọi người chủ động xác định thái độ đúng đắn trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống hằng ngày.

Việc giáo dục lĩnh tở chức và kỷ luật còn phải gắn liền với việc xây dựng, cải tiến các chế độ công tác, sửa chữa, khắc phục những quy định không hợp lý. Cần tở chức những đợt sinh hoạt nghiên cứu về Điều lệ Đảng, qua đó mà liên hệ kiểm điểm, phê bình (kể cả phê bình cấp trên) trong việc thực hiện các quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm vụ và quyền của đảng viên, về nguyên tắc tập trung dân chủ, về chế độ báo cáo từ trên xuống và từ dưới lên, về tự phê bình và phê bình, v.v.

Cùng với những biện pháp nói trên, các tở chức Đảng cần phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm, chăm lo giải quyết những khó khăn trong đời sống cho cán bộ, đảng viên. Đó cũng là một biện pháp quan trọng, thiết thực, tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên giữ vững lĩnh tở chức và kỷ luật, giữ vững những phẩm chất cách mạng tốt đẹp nói chung.

(12) Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, NXB Sự thật, Hà-nội, 1982, t. III, tr. 50.

PHÁT TRIỂN NGHỀ RỪNG LÀ SỰ NGHIỆP LỚN CỦA TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN

PHẠM - VĂN - ĐỒNG,

RỪNG sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, từ trước đến nay và từ nay về sau, rừng luôn luôn có vị trí và tác dụng cực kỳ to lớn, không chỉ là cơ sở cung ứng lâm sản phục vụ sản xuất và tiêu dùng, mà còn là bộ phận quan trọng của môi trường sống. Nghề rừng là một trong những ngành kinh tế có khả năng mang lại thu nhập lớn cho quốc kế dân sinh. Khẳng

định vị trí quan trọng của rừng, phát triển nghề rừng toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc theo phương hướng mà Đại hội lần thứ V của Đảng đã vạch ra, nhất định chúng ta sẽ tạo nên những chuyển biến mới trong sự nghiệp xây dựng lại và khai thác hợp lý tài nguyên rừng nhiệt đới xứng đáng với vị trí và nhiệm vụ của nó đối với toàn bộ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

I - TÀI NGUYÊN RỪNG NHIỆT ĐỚI VÀ VỊ TRÍ QUAN TRỌNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI KINH TẾ, MÔI SINH, QUỐC PHÒNG

I - Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nước ta có những tiềm năng lớn của rừng nhiệt đới, phong phú và giàu đẹp. "Rừng vàng biển bạc" chính là câu nói của nhân dân ta khẳng định sự giàu có của rừng cũng như sự giàu có của biển nước ta. Trong rừng có hàng trăm loại gỗ quý, hàng chục loại đặc sản nổi tiếng, hàng nghìn loài cây thuốc chữa bệnh, nhiều loại thực vật và động vật có giá trị lớn về nghiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên mà không phải

bất cứ nước nào cũng có. Với nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và ánh sáng dồi dào, cây rừng nhiệt đới có khả năng tăng trưởng nhanh, tái sinh mạnh, nếu biết cách khai thác tốt thì rừng thực sự là nguồn tài nguyên có thể khai thác và nuôi dưỡng liên tục. Chúng ta có nhiều loài cây quý, có thể gây trồng trên nhiều loại đất đai, từ những đồi trọc, núi đá khô cằn đến những vùng đất ngập nước ven biển, ven sông. Nước ta là một trong những vùng quan trọng của tre nứa.

với hàng chục loại khác nhau mọc tự nhiên và có thể gây trồng ở khắp mọi miền đất nước, sau 4 đến 6 năm đã cho nguyên liệu. Cây đước, cây tràm ở Minh-hải, Kiên-giang v.v. là những cây kỹ diệu, vừa là cây cho gỗ, củi, nhựa, dầu, vừa là cây chắn sóng, rửa mặn, giữ đất, lấn biển, hằng năm tạo thêm đất mới cho nông nghiệp.

Tiền đất nước ta còn có biết bao nhiều loài cây, con quý mà cho đến nay chúng ta chưa biết hết tính năng và tác dụng. Công việc này đòi hỏi ngành điều tra cơ bản và các ngành khoa học có liên quan đến rừng phải đi sâu nghiên cứu phát hiện, đánh giá tiềm năng to lớn của rừng nhiệt đới để tìm cách bảo vệ, khai thác và phát triển.

Nói đến vị trí kinh tế của rừng, trước hết phải nêu vai trò cung cấp nguyên liệu lâm sản cần thiết cho những ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải; cung cấp những sản phẩm tiêu dùng trong đời sống nhân dân. Hằng năm, chúng ta khai thác theo kế hoạch khoảng 2 triệu mét khối gỗ, hàng trăm triệu cây tre, nứa và nhiều loại lâm sản khác đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp và xây dựng. Ngoài ra, theo ước tính của Bộ lâm nghiệp, nhân dân, cơ quan, bộ đội cũng đã tự khai thác một khối lượng gỗ, củi từ 20 đến 25 triệu mét khối. Đương nhiên, nhu cầu của sản xuất và đời sống mỗi ngày một tăng nhanh. Chỉ riêng việc cung cấp gỗ cho một nhà máy giấy ở Vĩnh-phú, hằng năm cần từ 25 đến 30 vạn mét khối. Nước ta rồi đây sẽ phải xây dựng những nhà máy như vậy, nhu cầu lâm sản còn to lớn và cấp bách hơn nhiều.

Nghề rừng là một trong những ngành kinh tế có khả năng đem lại thu nhập lớn cho Nhà nước, cho tập thể và cho kinh tế gia đình. Phát triển mạnh nghề rừng chính là để khai

thác tốt tiềm năng lao động và tài nguyên rừng, đất đai, tạo ra công ăn việc làm cho hàng triệu người, tăng nguồn sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, góp phần tích cực vào việc thực hiện chủ trương phân bố lại lao động và dân cư tại mỗi địa phương và trong phạm vi cả nước.

Rừng có vai trò rất quan trọng đối với môi trường sống của con người. Rừng có tác dụng đặc biệt trong việc giữ nước và điều hòa nguồn nước, làm tăng thêm lượng mưa và độ ẩm có lợi cho việc bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế lũ lụt. Đối với những nước nhiệt đới như nước ta, nhất là ở những vùng núi cao, độ dốc lớn, nơi đầu nguồn nước, việc bảo vệ rừng càng có ý nghĩa bức thiết. Bảo vệ rừng chính là bảo vệ đất và bảo vệ nguồn nước, yếu tố cực kỳ quan trọng đối với cuộc sống của cả một dân tộc. Lịch sử thế giới đã chứng minh, rằng do nạn phá rừng mà những vùng rộng lớn vốn phì nhiêu của nhiều quốc gia đã biến thành sa mạc, với hậu quả hết sức nặng nề mà nhiều thế hệ sau phải gánh chịu. Diễn biến về khí hậu, thời tiết và chế độ thủy văn xảy ra khá phức tạp trong những năm gần đây ở nước ta là do nhiều nguyên nhân, song điều rất dễ hiểu là rừng, nhất là rừng đầu nguồn, đã bị phá hại nghiêm trọng. Điều đó nhắc nhở mọi người phải hết sức chú ý đến những quy luật của tự nhiên, không thể không tôn trọng nó.

Rừng và hệ thống cây xanh có tác dụng chống gió bão, chắn cát bay, làm sạch không khí, giảm tiếng động, tạo nên môi trường thuận lợi cho sản xuất và cuộc sống con người. Những khu rừng bảo vệ thiên nhiên, những khu rừng nghỉ ngơi, giải trí và chữa bệnh, những khu rừng tham quan, du lịch, những công viên và hệ thống cây xanh gắn liền với khu vực dân cư,

nhất là ở thành phố và khu công nghiệp tập trung, tạo thành cảnh đẹp thiên nhiên hài hòa và là nhu cầu của đời sống văn hóa, xã hội. Trình độ văn hóa, xã hội phát triển càng cao, nhu cầu đó được đặt ra càng lớn.

Về mặt nghiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên, rừng nhiệt đới nước ta có vị trí và ý nghĩa to lớn không chỉ riêng đối với nước ta mà còn đối với nhiều nước trên thế giới. Những dạng rừng phong phú và độc đáo, những giống loài thực vật và động vật tiêu biểu của rừng nhiệt đới cần phải được bảo vệ hết sức chu đáo, theo đúng cách thức của công tác nghiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn nguồn giống, phục vụ cho những yêu cầu mới trong tương lai mà ngay từ bây giờ chúng ta phải rất chú trọng.

Rừng có tác dụng to lớn đối với quốc phòng. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, trong các cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, núi rừng Việt-nam đã tạo nên lợi thế cực kỳ quan trọng để nhân dân ta chiến thắng kẻ thù. Trước đây và mãi mãi sau này, việc bảo vệ rừng, trồng cây ở các vùng biên giới, bờ biển và khắp mọi miền đất nước không chỉ là đòi hỏi của nền kinh tế, mà còn là yêu cầu của nhiệm vụ củng cố quốc phòng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, toàn diện.

2—Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành lâm nghiệp cùng với các ngành, các cấp địa phương đã có những cố gắng liên tục trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động và tổ chức nhân dân bảo vệ rừng và trồng rừng. Phong trào “Tốt trồng cây” do Chủ tịch Hồ-Chi-Minh phát động đã được đông bào khắp nơi hưởng ứng nhiệt liệt và sớm trở thành tập quán tốt đẹp trong đời sống kinh tế và xã hội ở nhiều địa phương. Phong trào đó có ý nghĩa quan trọng

về mọi mặt và thực sự đem lại những lợi ích kinh tế lớn lao. Cả nước ta đã trồng hơn 40 vạn héc ta rừng tập trung và hơn 2 tỷ cây phân tán, tương đương với hơn nửa triệu héc ta rừng trồng. Chất lượng rừng trồng những năm gần đây khá hơn những năm trước. Khai thác và chế biến gỗ có những tiến bộ đáng kể. Nghề rừng đã từng bước được xây dựng và phát triển theo hướng lấy công tác bảo vệ và xây dựng vốn rừng từ cơ sở làm nhiệm vụ trung tâm; thực hiện nông—lâm kết hợp; giao đất rừng và giao rừng cho hợp tác xã kinh doanh kết hợp với tổ chức lại sản xuất trong khu vực quốc doanh và tập thể; bước đầu thực hiện có kết quả chính sách khuyến khích nhân dân làm nghề rừng theo chủ trương giao đất rừng và giao rừng cho nhân dân quản lý và sản xuất. Những đơn vị xuất sắc với cách làm thông minh, sáng tạo đã và đang xuất hiện ở nhiều địa phương.

3—Tuy nhiên, do hậu quả của tệ nạn phá rừng triển miên trong nhiều năm, đến nay tài nguyên rừng đã bị giảm sút nghiêm trọng cả về diện tích, số lượng và chất lượng. Trong vòng 20 năm qua, diện tích rừng đã giảm từ 41% xuống còn 29% so với toàn bộ diện tích đất đai tự nhiên. Theo tài liệu điều tra năm 1980, ta có khoảng 9,9 triệu héc ta rừng (trong đó rừng có trữ lượng khá khoảng 3 triệu héc ta), nhưng theo tài liệu xác minh mới đây thì diện tích rừng hiện có còn thấp hơn số nói trên. Đây là điều cần đặc biệt quan tâm. Nạn phá rừng đến nay tuy đã được hạn chế một phần nhưng vẫn chưa chấm dứt. Tệ chặt phá, đốt rừng, khai hoang bừa bãi vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Công tác trồng cây gây rừng phát triển chậm, tỷ lệ thành rừng còn thấp, hiệu quả kinh doanh rừng chưa cao. Việc khai thác chưa gắn liền với yêu cầu bảo đảm tái sinh. Việc chế biến gỗ, bảo quản gỗ còn yếu, sử dụng gỗ và lâm sản còn lãng phí quá lớn, càng làm

tăng thêm mức độ khai thác lạm dụng vốn rừng. Với tiềm năng và thế mạnh của rừng, với nguồn lao động dồi dào như nước ta, lẽ ra phải biết tổ chức đề thu hút hàng triệu người tham gia xây dựng và khai thác rừng, từ đó tạo nguồn nguyên liệu, phong phú để mở rộng các ngành, nghề, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, song điều đáng tiếc là nhiều nơi chưa làm được như vậy. Nhìn chung, việc kinh doanh

rừng vẫn còn ở trình độ quá thấp, về cơ bản chưa thoát khỏi tình trạng khai thác theo lối tự nhiên. Chúng ta chưa đầu tư thích đáng về lao động và kỹ thuật tiên bộ nhằm cải tạo rừng từ trạng thái rừng tự nhiên, hoang dã thành rừng có quản lý, có năng suất, sản lượng và giá trị kinh tế cao trên mỗi đơn vị diện tích và trên toàn bộ hàng chục triệu héc ta đã được quy hoạch cho yêu cầu phát triển lâm nghiệp.

II - PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP TOÀN DIỆN, LẤY CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG VỐN RỪNG LÀM NHIỆM VỤ TRUNG TÂM

Lâm nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng. Nghề rừng phải được phát triển toàn diện, bao gồm các khâu bảo vệ, tái sinh, tu bổ, trồng, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản, đặc sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của xã hội. Song cần thấy rằng công tác bảo vệ và phát triển tái nguyên rừng phải được xem là nhiệm vụ cơ bản nhất của nghề rừng, trước mắt cũng như lâu dài theo hướng nông-lâm-công nghiệp kết hợp, tận dụng tiềm năng phong phú của rừng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các tỉnh, huyện trung du và miền núi. Đây là sự nghiệp lớn của toàn Đảng, toàn dân.

1- Chúng ta đang đứng trước tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa nhu cầu lâm sản ngày càng lớn của xã hội với khả năng cung ứng hạn chế của rừng. Cách khai thác theo kiểu bóc lột thiên nhiên như hiện nay, cộng thêm nạn đốt phá rừng và cháy rừng xảy ra liên tiếp, làm cho rừng nhanh chóng bị kiệt quệ. Vì vậy, phải có những biện pháp kiên quyết và mạnh mẽ nhất nhằm lập lại trật tự mới trong công tác quản lý và bảo vệ rừng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng nước ta; chấm dứt tình trạng đốt rừng, cháy rừng và

nạn chặt phá, khai hoang xâm lấn rừng. Để bảo vệ được rừng, không thể chỉ áp dụng những biện pháp riêng lẻ, có tính chất ngăn chặn, mà phải giải quyết tận gốc mọi nguyên nhân dẫn tới phá rừng. Phải đặt công tác bảo vệ rừng trong toàn bộ nhiệm vụ phát triển kinh tế ở miền núi và trung du. Phải gắn mọi hoạt động sản xuất, cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc với yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện quản lý, bảo vệ rừng theo chủ trương và chính sách mới; xác định rõ trách nhiệm làm chủ cụ thể của các đơn vị và cá nhân được phân công trên từng địa phương và tại mỗi tiểu khu rừng, gắn trách nhiệm với quyền lợi của địa phương, cơ sở và người lao động trong công tác này. Cần phân loại rừng để bảo vệ, có lực lượng chuyên trách, đồng thời phát huy lực lượng toàn dân và lực lượng nhân dân tại chỗ bảo vệ rừng một cách có hiệu quả. Phải đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa trong công tác quản lý và bảo vệ rừng; tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp lệnh về bảo vệ rừng để mọi người quán triệt và thi hành đúng. Những người phá rừng, những người săn bắt, giết hại muông thú quý, những người chủ trương cho

phá rừng trái với quy hoạch và luật pháp, đều bị xử phạt nghiêm minh. Đã đến lúc chúng ta phải làm việc này khẩn trương và nghiêm túc.

2- Rừng là loại tài nguyên có khả năng tái tạo và nhiệm vụ tái tạo rừng hiện nay rất lớn và cấp bách. Chúng ta phải phấn đấu để xây dựng 15,6 triệu héc ta rừng và đất lâm nghiệp trở thành vốn rừng có năng suất, sản lượng lớn và hiệu quả kinh doanh cao. Như vậy phải đồng thời cải tạo, tu bổ, tái sinh rừng tự nhiên và đẩy nhanh tốc độ trồng rừng trên đất trống, đồi trọc, theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh, sản xuất lớn. Trước hết phải quản lý tốt vốn rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng hiện có. Phải sớm hình thành những vùng nguyên liệu phục vụ các ngành công nghiệp giấy, gỗ, và những vùng đặc sản xuất khẩu như quế, hồi, nhựa thông, cánh kiến v.v. Đồng thời phải đặc biệt coi trọng trồng cây xây dựng vốn rừng trên địa bàn huyện, xã, hợp tác xã và khuyến khích hợp tác xã, khuyến khích nhân dân trồng cây ở khắp mọi nơi, trên đường cái, kênh mương, bờ ruộng, trong vườn của mỗi gia đình nhằm nhanh chóng nâng cao tỷ lệ diện tích cây xanh và đáp ứng yêu cầu gỗ, củi phục vụ đời sống nhân dân. Chúng ta hoàn toàn có khả năng làm việc này và cần phải làm như vậy. Huyện Lý-nhân, tỉnh Hà-nam-ninh thuộc vùng đồng bằng đất hẹp người đông, nhờ tổ chức tốt phong trào nhân dân trồng cây, đã tạo nên vốn cây xanh phong phú, cải tạo môi trường và hằng năm khai thác hơn 25000 mét khối gỗ, 12000 tấn củi, 300000 cây tre, tương đương với sản lượng khai thác của một huyện miền núi giàu rừng. Nếu các địa phương đều làm được như huyện Lý-nhân thì vốn rừng, vốn cây của cả nước sẽ to lớn biết nhường nào, nhu cầu về lâm sản sẽ được đáp ứng, rừng tự nhiên sẽ được bảo vệ tốt hơn.

3-- Tiềm năng kinh tế của rừng không chỉ có gỗ, mặc dù gỗ là nguyên liệu quan trọng, mà còn có chim muông, thú rừng, tiềm năng đất đai, khí hậu, thủy lợi, thủy điện v.v. Vì vậy ở « các tỉnh, huyện miền núi phải khai thác tốt những thế mạnh của mình, từ nông nghiệp, lâm nghiệp mà đi lên, nhất thiết phải sử dụng đất đai theo hướng nông - lâm kết hợp » (1). Thực hiện phương thức nông - lâm kết hợp là một trong những hướng quan trọng để sử dụng rừng và đất rừng một cách có hiệu quả nhất. Đây không chỉ là đòi hỏi của nền kinh tế mà còn là điều rất cần thiết để duy trì và phát huy tác dụng tích cực của các nhân tố sinh thái vùng nhiệt đới, trong đó rừng luôn luôn có vai trò quan trọng bậc nhất.

Đối với miền núi và trung du, việc kết hợp nông - lâm nghiệp tạo ra khả năng mới để tăng thêm nguồn lương thực, thực phẩm và các loại nông sản, lâm sản khác mà vẫn bảo vệ và phát triển được rừng. Cũng cần nhận rõ rằng kết hợp nông - lâm nghiệp không có nghĩa là tùy tiện khai phá đất rừng và rừng để làm lương thực một cách phi lý, không tính toán hiệu quả kinh tế, dẫn đến hậu quả tai hại như nhiều người đã biết. Phương thức nông - lâm kết hợp là phương thức sản xuất tích cực về nhiều mặt đòi hỏi rất nghiêm khắc về khoa học, kỹ thuật và quản lý. Do đó phải có quy hoạch, kế hoạch và phương thức kết hợp nông - lâm thích ứng với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội trên từng địa phương và vùng lãnh thổ, chẳng hạn nơi này thì kết hợp trồng rừng với trồng cây lương thực, cây công nghiệp, nhưng nơi khác thì kết hợp với chăn nuôi đại gia súc, với nuôi trồng thủy sản, hoặc với gây trồng

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1982, t. I, tr. 65.

những loài dược liệu và đặc sản quý. Làm sao trên mỗi khu đất, mỗi cánh rừng ta có thể thu được những sản phẩm có giá trị cao nhất, đồng thời bảo vệ được đất đai, môi trường và phong cảnh đẹp thiên nhiên. Trong thực tế chúng ta cũng đã có những điển hình tốt về kết hợp nông - lâm nghiệp ở khắp các vùng từ miền núi, trung du, đến đồng bằng và vùng biển. Xã Viên-sơn, tỉnh Hoàng-liên-sơn thuộc vùng đồng bào dân tộc ít người, trước đây sống du canh du cư, đốt rừng làm nương rẫy. Trong 10 năm nay đã kết hợp trồng rừng quế với trồng cây lương thực. Đến nay đã có hơn 600 héc ta quế, hàng năm thu nhập về quế chiếm hơn 80% tổng thu nhập của xã viên, đồng thời còn thu hoạch hàng trăm tấn lương thực trồng xen. Nhờ đó đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào không ngừng được cải thiện, nạn phá rừng đã được chấm dứt. Hợp tác xã Mường-chùm, dân tộc Thái, huyện Mường-la, tỉnh Sơn-la, do biết phát huy thế mạnh của rừng, quản lý chặt chẽ tài nguyên rừng, khéo kết hợp giải quyết tốt yêu cầu sản xuất lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi theo hình thức kết hợp nông - lâm, cho nên mọi mặt sản xuất đều phát triển, đời sống nhân dân khá hơn trước. Chủ trương phát triển kinh tế đồi rừng của tỉnh Vĩnh-phú đã có kết quả bước đầu ở một số nơi. Ở xã Tiêu-sơn, huyện Đoan-hùng thuộc vùng đồi trọc trung du tỉnh Vĩnh-phú, hầu hết các hộ gia đình đều đã có vườn rừng ở chân đồi, kết hợp trồng tre, diễn với cây ăn quả và cây công nghiệp; hàng năm khai thác hàng trăm tấn nguyên liệu làm sản và đang thực hiện việc mở rộng trồng rừng trên đồi cao theo cách giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp theo nhóm và người lao động. Đây là kinh nghiệm quý báu, các nơi cần nghiên cứu và vận dụng. Cũng nhờ thực hiện kết hợp

nông - lâm mà nhiều lâm trường ở miền núi đã có thêm lương thực, thực phẩm, bảo đảm tự cung ứng được một phần để cải thiện đời sống cho công nhân, giảm bớt khó khăn cho Nhà nước.

Phải làm cho việc kết hợp nông - lâm được thực hiện rộng rãi và phổ biến, thể hiện thành nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch cụ thể của từng huyện, từng lâm trường, nông trường, hợp tác xã và trong từng vườn cây của mỗi gia đình; từng bước hình thành cơ cấu sản xuất kết hợp nhiều ngành, nghề một cách hài hòa và ổn định. Phải tổng kết kinh nghiệm thực tế phong phú trong nhân dân, đẩy mạnh nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, đúc thành lý luận và phương pháp thực hành tiên tiến trong việc sử dụng đất rừng một cách hiệu quả, toàn diện và tổng hợp nhất. Chương trình tiến bộ kỹ thuật về kết hợp nông - lâm do Bộ lâm nghiệp đang thực hiện là một trong những chương trình trọng điểm của Nhà nước, có ý nghĩa rất lớn đối với việc thực hiện chủ trương này ở nước ta, cần phải có sự cố gắng cao nhất để hoàn thành thật tốt chương trình đó:

1 - Phải quản lý chặt chẽ việc khai thác rừng trong phạm vi cả nước và tại mỗi địa phương, trên cơ sở quy hoạch, thiết kế, kế hoạch và theo quy trình bảo vệ, tái sinh, nuôi dưỡng và trồng lại theo những chu kỳ nhất định. Khối lượng gỗ lấy ra từ rừng bao nhiêu là tùy thuộc vào khả năng của rừng và sự cố gắng trồng cây, gây rừng của cả nước và ở mỗi địa phương, không thể tùy tiện cho phép khai thác và sử dụng một cách vô ý thức và thiếu trách nhiệm.

Công tác chế biến, bảo quản gỗ và sử dụng tiết kiệm lâm sản phải được đẩy mạnh. Phải triệt để tận dụng và tiết kiệm gỗ từ khâu khai thác, chế biến đến tiêu dùng. Phải hạn chế,

tiến tới cấm hẳn việc khai thác vào rừng cấm, sử dụng lãng phí quá lớn nguồn lâm sản, nhất là ở miền núi lâu nay vốn có tập quán sử dụng hoang phí gỗ, củi. Phải dành nhiều gỗ quý, lâm sản, đặc sản có giá trị phục vụ xuất khẩu. Thúc đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật về mọi mặt của ngành chế biến lâm sản theo phương pháp cơ lý và hóa học. Phải sắp xếp

lại hợp lý mạng lưới chế biến gỗ của cả nước; thực hiện nghiêm ngặt quy trình chế biến tận dụng, đưa toàn bộ hoặc phần lớn phế liệu gỗ vào sử dụng và chế biến lại để nâng cao hiệu quả sử dụng lâm sản. Phải đẩy mạnh việc nghiên cứu tìm nguồn nguyên liệu, vật liệu thay thế gỗ để có thể sử dụng gỗ vào những việc đích đáng.

III — NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ RỪNG

Chúng ta đã thấy rõ vị trí quan trọng và tính chất cấp bách của công cuộc bảo vệ rừng, khôi phục rừng, trồng cây gây rừng ở nước ta. Muốn làm được việc đó, nhất thiết phải dựa vào sức mạnh to lớn của toàn dân, phải thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương cùng làm » và phải thực hiện « lấy rừng phát triển rừng ».

I—Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam quy định rừng và đất rừng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Song, rừng và đất rừng lại phân bố trên khắp mọi vùng lãnh thổ và nằm xen kẽ với nhiều vùng dân cư mà từ bao đời nay đã gắn liền với cuộc sống của hàng triệu người, nhất là ở miền núi và trung du. Do đó, sự nghiệp bảo vệ rừng và trồng rừng chỉ có thể thực hiện tốt, nghề rừng chỉ có thể được phát triển, khi chúng ta phát huy đầy đủ trách nhiệm của mỗi địa phương, thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội và động viên hàng triệu người hăng hái tham gia trồng cây gây rừng. Một mặt, phải xây dựng, củng cố, và tăng cường lực lượng quốc doanh, mặt khác cần phát triển mạnh lực lượng hợp tác xã và hộ gia đình làm nghề

rừng dưới mọi hình thức nhận khoán hợp tác, phối hợp kinh doanh, liên doanh theo chính sách giao đất, giao rừng cho huyện quản lý và hợp tác xã, đơn vị quân đội trồng cây, cho hộ gia đình xây dựng vườn rừng. Đây là chủ trương hết sức quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, cần được quán triệt sâu sắc trong các cấp, các ngành và tổ chức thực hiện chu đáo. Kinh nghiệm thực tế chỉ ra rằng, nơi nào cấp ủy và chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo công việc này thì rừng ở đó được bảo vệ và khai thác tốt, đất trống, đồi trọc được trồng cây, thu nhập do kinh tế rừng đem lại ngày càng lớn, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Có thể nêu ra nhiều ví dụ điển hình: ở tỉnh Thanh-hóa, do phát động công cuộc trồng luồng từ năm 1973 đến nay vừa đúng 10 năm, nhân dân cùng Nhà nước đã trồng hơn 30000 ha và có hơn 17900 ha đã được khai thác, với giá trị sản phẩm hàng trăm triệu đồng, ngoài ra còn có nhiều lợi ích to lớn khác không thể tính toán hết giá trị. Xã Phúc-sên thuộc dân tộc Nùng, tỉnh Cao-bằng biết giải quyết thỏa đáng quan hệ giữa lợi ích Nhà nước, tập thể và cá nhân, phát động quần chúng xây dựng quy ước bảo vệ rừng một cách hợp

lý, có chế độ thưởng phạt phân minh, do đó không những rừng tự nhiên ở đây được bảo vệ tốt, nhân dân còn đóng góp hơn một triệu ngày công để trồng cây, biến hơn 750 héc ta đồi trọc, núi đá thành rừng cây xanh tốt. Với cách làm sáng tạo, dựa vào sức dân, xã Hữu-khánh, tỉnh Lạng-sơn sau 20 năm phấn đấu liên tục đã trồng gần 500 héc ta rừng, bao gồm rừng tập thể và vườn rừng theo hộ gia đình, tạo nên vùng kinh tế trù phú, bình quân lương thực đầu người đạt trên 400 kg và mỗi hộ thu hơn 15000 đồng sản phẩm mỗi năm. Ở hợp tác xã Cẩn-kiệm, huyện Thạch-thất, thành phố Hà-nội, đội trồng cây chuyên trách đã có công cải tạo đất đồi đá ong, biến cả một vùng đất cằn cỗi thành rừng cây, vườn quả tốt tươi. Kinh nghiệm và tấm gương căn cứ lao động của các cụ trong đội trồng cây của hợp tác xã Hòa-tiên, xã Gia-lương, huyện Gia-viễn, tỉnh Hà-nam-ninh đã lấy đất từ dưới ruộng lên núi đá để trồng cây, làm cho quê hương thêm giàu đẹp, thật đáng để cho tất cả mọi người khâm phục và học tập. Những điển hình tương tự như trên xuất hiện ở nhiều nơi trên đất nước ta, khẳng định tiềm năng lao động và kinh nghiệm làm rừng của nhân dân ta là rất phong phú và sáng tạo.

2—Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp phải khẩn trương tổ chức lại nghề rừng trên phạm vi cả nước và tại từng địa bàn tỉnh, huyện, xã, nhằm phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân trong công cuộc bảo vệ rừng và xây dựng vốn rừng. Trên cơ sở quy hoạch thống nhất của Nhà nước, xác định rõ mục tiêu và phương hướng phát triển nông — lâm nghiệp ở mỗi vùng, phải nhanh chóng giao rừng và đất rừng cho từng hợp tác xã và hộ gia đình bảo vệ và gây trồng rừng. Phấn đấu trong một thời hạn nhất định hoàn thành việc phủ xanh đất trống, đồi

trọc ở các địa phương. Những tỉnh, huyện nào có diện tích đất đai qua lớn, khả năng lao động và đầu tư vốn bị hạn chế, thì có thể hợp tác, liên doanh với các địa phương khác để đẩy mạnh tốc độ trồng rừng. Mỗi địa phương phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước về bảo vệ rừng, quản lý chặt chẽ việc khai thác và giao nộp lâm sản theo kế hoạch.

Nghiên cứu phân công, phân cấp cụ thể về quản lý nghề rừng cho các tỉnh, huyện, tổ chức tốt mối quan hệ hợp tác, liên doanh giữa quốc doanh và tập thể, giữa tập thể và hộ gia đình, bảo đảm gắn bó hài hòa lợi ích của trung ương, địa phương, cơ sở và người lao động trong công tác bảo vệ và xây dựng rừng, làm cho phân kinh tế lâm nghiệp trực thuộc trung ương và phân kinh tế lâm nghiệp trực thuộc địa phương cùng phát triển nhằm hoàn thành những nhiệm vụ và đạt những mục tiêu chung của cả nước.

3—Trong sự nghiệp phát triển kinh tế nói chung và phát triển lâm nghiệp nói riêng, huyện và cấp huyện có vai trò rất quan trọng. Phải căn cứ vào điều kiện tài nguyên và điều kiện kinh tế — xã hội để xác định đúng đắn vị trí và phương hướng phát triển nghề rừng trong tổng thể kinh tế trên địa bàn huyện.

Ở các huyện miền núi, nghề rừng phải được đặt lên vị trí hàng đầu, tiếp đến là cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng đặc sản, thủy sản. Điều cần nhấn mạnh là các huyện miền núi phải tận dụng mọi khả năng để làm lương thực, nhất là các loại cây màu thích hợp.

Ở các huyện trung du, phương hướng chủ yếu là cố gắng tự cân đối nhu cầu lương thực, tiến lên làm giàu bằng cây công nghiệp và nghề rừng, đẩy mạnh chăn nuôi.

Ở các huyện đồng bằng, phải trồng cây để tự cung cấp gỗ, củi và bảo đảm

phong hộ cho sản xuất nông nghiệp. Cần chú trọng trồng dâu để góp phần giải quyết vấn đề mặc cho dân.

Ở các huyện ven biển, phải trồng cây phòng, chống gió, bão và đáp ứng nhu cầu gỗ, củi tại chỗ, phục vụ nghề cá, kết hợp trồng cây theo yêu cầu quốc phòng. Cây đước, cây tràm ở Minh-hải, Kiên-giang; cây dừa ở miền Trung và Nam-bộ cần được quan tâm đặc biệt vì lợi ích nhiều mặt của chúng.

Phát triển lâm nghiệp — lấy địa bàn huyện làm chính, cần phải đặc

biệt coi trọng vai trò của cấp huyện trong quản lý hành chính Nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh. Ủy ban nhân dân huyện một mặt phải vươn lên đủ sức quản lý nghề rừng theo yêu cầu mới, mặt khác phải có tổ chức lâm nghiệp chuyên trách giúp quản lý thống nhất các hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn huyện. Bộ lâm nghiệp và các ngành có liên quan ở trung ương cần tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn và tạo những điều kiện cần thiết để cấp huyện nắm nhanh và phát triển có hiệu quả nghề rừng.

IV — NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN

Để thực hiện được phương hướng và mục tiêu xây dựng và phát triển lâm nghiệp ở nước ta, cần phải giải quyết hàng loạt vấn đề, trong đó có mấy việc cơ bản cần phải được thực hiện tốt:

1—Trước hết, phải tổ chức kiểm kê lại rừng, đất rừng trong cả nước để làm căn cứ vững chắc cho việc xác định phương hướng chiến lược phát triển nghề rừng toàn diện và dự kiến chương trình phát triển lâm nghiệp cho đến năm 2000. Đó là tiền đề để lập quy hoạch và kế hoạch thực hiện từng bước những mục tiêu phát triển nghề rừng nhiệt đới nước ta. Phải gắn quy hoạch sản xuất với quy hoạch bảo vệ, nhất là bảo vệ cho được những khu rừng cấm, những khu rừng dự trữ, những khu rừng nghiên cứu khoa học v.v. và phải có tổ chức chuyên trách bảo vệ chu đáo. Phải hướng việc khai hoang vào phục hóa và sử dụng đất trống, đồi trọc; nơi đã có rừng nhất thiết cấm khai hoang. Hướng chung của quy hoạch nông — lâm nghiệp là trong nông có lâm, trong lâm có nông, kinh doanh toàn diện, sử dụng tổng hợp tài nguyên, bảo vệ và phát huy vốn

quý của đất đai, biến "tác đất thành tác vàng".

2—Phải tăng cường xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho nghề rừng, mở mang hệ thống đường sá và đời mới trang bị kỹ thuật, đặc biệt là phương tiện vận tải, thiết bị chế biến gỗ, làm sản, đặc sản. Bảo vệ rừng, trồng rừng, nuôi dưỡng rừng là những hoạt động đòi hỏi cao về khoa học kỹ thuật. Trồng rừng, tái sinh rừng nhiệt đới với những loài cây phong phú và đa dạng như nước ta lại càng phải giải quyết nhiều vấn đề phức tạp như chọn và lai tạo giống, điều chế rừng trong quá trình liên tục từ hàng chục đến hàng trăm năm. Vì vậy, một mặt phải khai thác và tổng kết kinh nghiệm trong dân gian, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thực nghiệm, mặt khác phải tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài để xây dựng khoa học nghề rừng tiến bộ của nước ta. Phải sắp xếp lại mạng lưới nghiên cứu, các cơ sở trạm trại, phát huy năng lực to lớn của các trường đại học, cao đẳng và trung học lâm nghiệp, của các lực lượng và trung tâm khoa học của các ngành có liên quan, phối hợp cùng nhau thực hiện tốt những

chương trình tiến bộ kỹ thuật trọng điểm. Phải mở rộng hợp tác khoa học kỹ thuật với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và các nước khác có trình độ phát triển về lâm nghiệp nhiệt đới.

Cải tiến công tác đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ lâm nghiệp, đặt người đứng việc và tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi người phát huy năng lực và trí tuệ, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng nghề rừng của nước ta. Đặc biệt phải chú ý đào tạo cán bộ lâm nghiệp cho hợp tác xã kinh doanh nghề rừng; có kế hoạch và biện pháp tích cực nhất để đào tạo ngày càng nhiều cán bộ xuất thân từ con em đồng bào dân tộc ở miền núi; chuẩn bị đủ cán bộ về số lượng và chất lượng cho những yêu cầu phát triển trong tương lai của nghề rừng hiện đại.

3—Muốn thực hiện được tất cả các nội dung và phương hướng phát triển lâm nghiệp nói trên, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm tạo nên chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về rừng của cán bộ, đảng

viên và mọi tầng lớp nhân dân. Đồng thời phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống chính sách nhằm động viên mọi lực lượng nhân dân, trong đó chú trọng thanh niên, giáo viên, học sinh, tham gia phong trào trồng cây, gây rừng, phủ xanh đồi trọc, làm cho đất nước ta đâu đâu cũng có rừng, bốn mùa xanh tươi, môi trường luôn luôn trong sạch. Nhà nước bảo đảm quyền lợi chính đáng đối với người có công bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, kể cả việc thực hiện chính sách lương thực thỏa đáng đối với những vùng, chuyên sản xuất nguyên liệu lâm sản, như đã được thực hiện đối với vùng sản xuất các loại cây công nghiệp khác.

Cần quan tâm cải thiện từng bước điều kiện lao động và đời sống vật chất, tinh thần cho những người lao động làm nghề rừng. Các ngành lao động, nội thương, ngoại thương, y tế văn hóa, giáo dục v.v cùng với các tỉnh và ngành lâm nghiệp có trách nhiệm phối hợp giải quyết tốt những yêu cầu tối thiểu về đời sống của nhân dân trên các vùng rừng núi



Nghề rừng phải có bước chuyển biến mới để đáp ứng những nhiệm vụ chung của sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực quản lý của chính quyền Nhà nước các cấp và phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong công tác quản

lý, bảo vệ và xây dựng rừng, nhất định nghề rừng sẽ có những chuyển biến lớn, tạo ra sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ to lớn của sự nghiệp vẻ vang xây dựng lại và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, giữ vững cân bằng sinh thái, bảo vệ thiên nhiên, gìn giữ môi trường sống trên đất nước thân yêu của chúng ta.

Một số vấn đề

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN

VŨ - OANH

TRONG quá trình đưa nền nông nghiệp nước ta từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, huyện là địa bàn thích hợp để thực hiện một cách thuận lợi việc tập trung, chuyên môn hóa, hiệp tác hóa và liên hiệp hóa sản xuất, trang bị kỹ thuật và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, xác lập và củng cố tốt quan hệ sản xuất mới.

Việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong các hợp tác xã, nông trường, lâm trường... theo hướng sản

xuất chuyên môn hóa, thâm canh, phát triển ngành nghề, mở rộng sự hiệp tác và liên kết với các đơn vị sản xuất khác để từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa gắn liền với tổ chức lại sản xuất và quản lý trên địa bàn huyện.

Chính vì vậy, việc xây dựng huyện xuất phát từ yêu cầu của cơ sở và vị trí của địa bàn huyện là một chủ trương chiến lược trong quá trình đưa nông nghiệp nước ta lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

I - XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG KẾT HỢP NÔNG - CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Cơ cấu kinh tế huyện chỉ được hình thành và phát triển khi huyện gắn với cơ sở và liên kết với cơ sở. Cụ thể là khi các hợp tác xã sản xuất nông-lâm nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, các trạm, trại kỹ thuật nông-lâm nghiệp, các tổ chức phân phối-lưu thông (vật tư, thương nghiệp), các cơ sở

vận tải... của Nhà nước xây dựng trên địa bàn huyện (theo từng loại hình huyện khác nhau) thật sự gắn bó với nhau, liên kết với nhau, thúc đẩy lẫn nhau phát triển, mở rộng sản xuất-kinh doanh và hạch toán kinh tế. Ở đây, các tổ chức kinh tế-kỹ thuật của Nhà nước trên địa bàn huyện phải lấy việc phục vụ các hợp

tác xã nông-lâm nghiệp và hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp làm mục đích kinh doanh. Sản xuất của các hợp tác xã nông-lâm nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp - bộ phận lớn nhất trong cơ cấu kinh tế huyện - phát triển thì các tổ chức kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước trên địa bàn huyện mới có cơ sở và nội dung phát triển, từ đó mới có nền kinh tế huyện phát triển. Huyện gắn với cơ sở và liên kết với cơ sở còn có nghĩa là khu vực kinh tế quốc doanh, tập thể và gia đình gắn bó chặt chẽ với nhau, liên kết với nhau; sản xuất gắn với chế biến; sản xuất và phân phối - lưu thông gắn với nhau, liên kết với nhau.

Như vậy, cơ cấu kinh tế huyện, một mặt được hình thành và phát triển trên cơ sở sự lớn mạnh của các tổ chức như hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trạm, trại, cửa hàng, xí nghiệp... trên địa bàn huyện, và mỗi liên kết kinh tế ngày càng chặt chẽ, ổn định và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau giữa các tổ chức kinh tế ấy theo quy hoạch sản xuất và các phương án kinh tế - kỹ thuật của huyện dưới sự điều hành có kế hoạch của huyện. Đó là một cơ cấu kinh tế được « hình thành từ điều kiện kinh tế trong huyện, từ phương hướng sản xuất chuyên môn hóa và kinh doanh tổng hợp của mỗi huyện, từ yêu cầu và khả năng của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, đồng thời phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh và của cả nước » (1).

Lấy huyện làm địa bàn trọng yếu để thực hiện những nội dung đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế huyện tất yếu phải phát triển theo hướng kết hợp nông - công nghiệp hoặc nông-lâm-công nghiệp, nông-ngư - công nghiệp... Không có công nghiệp tác động vào nông nghiệp ngay

từ đầu thì nông nghiệp không thể từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, khi nói công nghiệp tác động vào nông nghiệp tức là thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp mà nội dung chủ yếu là công nghiệp hóa bộ phận sản xuất ra tư liệu sản xuất cho nông nghiệp (máy móc, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp); công nghiệp hóa quá trình sản xuất nông nghiệp và công nghiệp hóa quá trình chế biến, bảo quản, dự trữ và vận chuyển sản phẩm nông nghiệp. Đó là quá trình kết hợp nông - công nghiệp, đưa nông nghiệp lên trình độ hiện đại. Nước ta chưa có nền nông nghiệp phát triển. Vì vậy, trong chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa, nội dung của phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện phải xuất phát từ yêu cầu phát triển nông nghiệp, mở rộng sản xuất và phân công lao động mới trong nông nghiệp để thực hiện sự phân công lao động ban đầu giữa nông nghiệp và công nghiệp.

Việc phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện, do đó, phải đáp ứng tốt cho nông nghiệp về yêu cầu tưới nước và tiêu nước, làm đất bằng máy, sản xuất vật liệu xây dựng, vôi bón ruộng, công cụ, phương tiện vận tải, chế biến... theo quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu. Dựa vào từng vùng đất đai (bao gồm cả rừng, biển, mặt nước) đủ tạo ra nguồn nguyên liệu tại chỗ về nông, lâm, hải sản cho việc phát triển các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong huyện, trao đổi với thị trường ngoài huyện hoặc xuất khẩu. Thông qua trao đổi sản phẩm với thị trường ngoài huyện hoặc xuất khẩu, tự tạo thêm nguyên liệu và vật tư... để phát triển ngành

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. Tạp chí Cộng sản số 4-1982, tr.39.

nghe, nhất là những ngành nghề truyền thống.

Như vậy, công nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay ở nước ta chủ yếu là tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, kết hợp với một bộ phận công nghiệp của trung ương và của tỉnh tác động vào nông nghiệp và thông qua xuất-nhập khẩu trên địa bàn huyện để phát triển thêm nhằm phục vụ nông nghiệp. Với nội dung công nghiệp như trên, hình thức kết hợp nông-công nghiệp trước hết và chủ yếu là kết hợp trong từng hợp tác xã nông-lâm nghiệp, làm cho mỗi hợp tác xã đều có một cơ cấu sản xuất vừa chuyên môn hóa vừa kinh doanh tổng hợp, vừa sản xuất nông nghiệp vừa kinh doanh ngành nghề; đồng thời, trên địa bàn huyện còn hình thành một số tổ chức sản xuất và dịch vụ kỹ thuật mang tính chất công nghiệp (sản xuất công cụ, trạm máy kéo, trạm thủy nông...) phục vụ các hợp tác xã sản xuất trong huyện. Đó là một kiểu phát triển kết hợp nông-công nghiệp từ cơ sở lên và từ trên địa bàn huyện xuống. Những hình thức kết hợp này

cho phép thúc đẩy nhanh quá trình tạo ra tích tụ, từ đó mở mang dần quy mô kết hợp nông-công nghiệp trong từng cơ sở và trên địa bàn huyện với những hình thức kết hợp mới cao hơn như: liên doanh, liên kết với các chuyên ngành kinh tế kỹ thuật của tỉnh và trung ương.

Các đơn vị sản xuất kinh doanh của tỉnh và trung ương đóng trên địa bàn huyện, tuy không tham gia vào kinh tế huyện, song có tác động đến sự hình thành và phát triển kinh tế huyện trên cơ sở huyện thiết lập được mối quan hệ tốt với các đơn vị đó nhằm khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất của các đơn vị đó phục vụ cho kinh tế huyện.

Cơ cấu kinh tế huyện còn phải thể hiện sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng (nhất là các huyện biên giới, hải đảo), bảo đảm hậu cần tại chỗ, xây dựng lực lượng dự bị, hình thành các phòng tuyến đánh địch kết hợp với bố trí các tổ chức kinh tế, các cơ sở vật chất kỹ thuật, các vùng chuyên canh trên địa bàn huyện.

II - TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT VÀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Là địa bàn tổ chức lại sản xuất, huyện cần căn cứ vào sự phân vùng, quy hoạch của trung ương và của tỉnh, đặc điểm tự nhiên, kinh tế và xã hội của địa phương mình để xác định phương hướng sản xuất chuyên môn hóa kết hợp với kinh doanh tổng hợp, từ đó xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch các ngành sản xuất (nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, phân phối lưu thông), quy hoạch các tiểu vùng sản xuất chuyên môn hóa (hay vùng chuyên canh của huyện), quy hoạch các hợp tác xã...

trong đó quy hoạch ngành nông-lâm nghiệp và quy hoạch các hợp tác xã là trung tâm. Từ những quy hoạch như trên, huyện bố trí và tổ chức lại việc sử dụng đất đai, bố trí và tổ chức lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ sản xuất, chế độ canh tác, bố trí, tổ chức lại các yếu tố kỹ thuật (thủy lợi, giống, phòng trừ sâu bệnh...), bố trí và tổ chức lại các ngành nghề, bố trí và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, gắn với các ngành kinh tế-kỹ thuật của tỉnh và của trung ương nhằm thực hiện có hiệu quả phương hướng chuyên môn hóa và kinh doanh

tổng hợp đã được xác định trên địa bàn huyện cũng như các hợp tác xã.

Tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện còn bao gồm cả việc tổ chức lại phân phối—lưu thông, xây dựng và tổ chức địa bàn huyện thành một thị trường nhằm phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống của các hợp tác xã và nhân dân trong huyện, đồng thời thông qua các hợp đồng kinh tế hai chiều để nắm nguồn hàng cho Nhà nước. Thị trường này trước hết phải được tổ chức bảo đảm thực hiện tốt sự trao đổi sản phẩm giữa Nhà nước (mà cấp huyện là đại diện) với hợp tác xã theo chính sách thu mua ổn định các sản phẩm chủ yếu của các hợp tác xã và cung ứng vật tư kỹ thuật của Nhà nước theo hợp đồng kinh tế hai chiều. Mở rộng sự trao đổi sản phẩm giữa các hợp tác xã với các tổ chức kinh tế của huyện, giữa các hợp tác xã với nhau, giữa các huyện với nhau (các huyện trong tỉnh, ngoài tỉnh, các huyện trung du và miền núi với huyện đồng bằng và ven biển, miền Bắc với miền Nam) và giữa huyện với nước ngoài (thông qua ký gửi xuất khẩu với ngoại thương), giữa kinh tế gia đình, kinh tế cá thể (nơi chưa tổ chức làm ăn tập thể) với Nhà nước. Thông qua phát triển công tác phân phối—lưu thông trên địa bàn huyện để từng bước mở rộng quỹ vật tư (ngoài khối lượng vật tư của Nhà nước cấp trên cung cấp theo hợp đồng kinh tế hai chiều), quỹ hàng hóa tự có của mình, tác động lại sản xuất và cải thiện đời sống cho nhân dân trong huyện.

Tổ chức tốt công tác phân phối—lưu thông ở những nơi còn nhiều nông dân làm ăn riêng lẻ (như ở một số huyện thuộc Nam-bộ cũ) là một trong những nội dung rất quan trọng của việc xây dựng huyện. Thông qua phân phối—lưu thông trên địa bàn huyện, chúng ta mới thiết lập được quan hệ kinh tế trực tiếp giữa Nhà nước với nông dân cá thể, đưa họ vào các hình

thức quá độ (tổ đoàn kết sản xuất), hướng sản xuất của họ theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước, tách họ ra khỏi sự lệ thuộc và lũng đoạn của tư thương, nhất là tư sản thương nghiệp, tập trung nguồn hàng về Nhà nước, bảo đảm sự trao đổi sản phẩm giữa Nhà nước với nông dân cá thể, đạt hiệu quả cao, tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp

Tiến hành *phân công lao động*, trước hết cần bố trí, phân công lao động theo hướng sản xuất chuyên môn hóa kết hợp với kinh doanh tổng hợp của huyện, tạo ra một cơ cấu phân công lao động hợp lý ban đầu trên địa bàn huyện theo hướng xây dựng cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp, bảo đảm cho mọi người lao động đều có việc làm trên cơ sở kết hợp lao động, đất đai và ngành nghề theo từng thế mạnh của từng loại huyện và theo những hình thức tổ chức sản xuất thích hợp và có hiệu quả (như liên kết nhiều thành phần kinh tế trong sản xuất một sản phẩm...). Đó là nội dung chủ yếu của quá trình phân công lao động trên địa bàn huyện. Theo hướng này, huyện cần hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã tiến hành bố trí, tổ chức và phân công lao động theo phương hướng sản xuất của mỗi cơ sở nhằm sử dụng tốt lao động tại chỗ để thực hiện thâm canh và khai thác mọi tiềm năng kinh tế, trước hết là đất đai, ngành nghề và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện, kết hợp với sự hợp tác ngoài huyện để có thêm việc làm cho lao động trong huyện. Huyện cần sử dụng tốt nguồn lao động nghĩa vụ cũng như lao động đóng góp của nhân dân theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » để xây dựng từng bước cơ sở vật chất kỹ thuật và các công trình phúc lợi công cộng trên địa bàn huyện. Huyện cần có kế hoạch bố trí, phân công lao động tại

chỗ kết hợp với đưa lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới (nhất là những huyện bình quân ruộng đất

theo đầu người thấp), tham gia vào quá trình bố trí lại lực lượng lao động trong phạm vi cả nước.

III — NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ XÂY DỰNG HUYỆN TRONG THỜI GIAN TRƯỚC MẮT

«*Đẩy mạnh xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là một nhiệm vụ rất quan trọng, tạo cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội đã đề ra trong kế hoạch năm 1983 và ba năm 1983 — 1985*» (2).

Việc xây dựng huyện trong thời kỳ này nhằm: *Một là*, mở mang kinh tế huyện, phát triển sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế mới, bảo đảm cho huyện đóng góp được ngày càng nhiều cho Nhà nước, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân trong huyện. *Hai là*, củng cố và tăng cường các hợp tác xã, làm cho các đơn vị sản xuất thuộc huyện quản lý đều sản xuất kinh doanh có hiệu quả, xây dựng được các mối liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước trên địa bàn huyện với các hợp tác xã, nhằm phục vụ tốt sản xuất của các hợp tác xã. *Ba là*, bảo đảm cho cấp huyện quyền chủ động trong kế hoạch, sản xuất và quản lý nhằm khai thác tốt tiềm năng hiện có, phấn đấu thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với Nhà nước và đời sống nhân dân trong huyện.

Muốn thực hiện được những mục tiêu trên, việc xây dựng huyện trong thời gian tới cần làm tốt những vấn đề chủ yếu sau đây:

1 — Sắp xếp lại sản xuất, mở rộng sản xuất kinh doanh ở các cơ sở sản xuất và trên địa bàn huyện.

Đối với những huyện đã tự túc được lương thực và có lương thực hàng hóa, một mặt cần tập trung

thâm canh cây lương thực, sản xuất thêm một số lúa gạo có giá trị kinh tế cao và một số sản phẩm chế biến từ gạo để xuất khẩu; mặt khác mở rộng tăng vụ để phát triển cây công nghiệp ngắn ngày làm nguyên liệu tại chỗ để mở mang ngành nghề và làm hàng xuất khẩu; phát triển mạnh chăn nuôi, tạo ra cơ cấu kinh tế mới ngày càng hoàn thiện hơn.

Đối với những huyện chuyên canh cây công nghiệp, cần soát xét lại đất đai, lao động, điều kiện thâm canh và khả năng giải quyết lương thực (kể cả nguồn lương thực đối lưu của Nhà nước) để bố trí ổn định vùng chuyên canh cây công nghiệp một cách hợp lý theo yêu cầu của Nhà nước. Tập trung thâm canh cây công nghiệp và sản xuất vượt mức nghĩa vụ ổn định của Nhà nước để có thêm nguyên liệu phát triển ngành nghề và xuất khẩu; đồng thời tích cực giải quyết vấn đề lương thực bằng thâm canh, tăng vụ, hướng dẫn kinh tế gia đình làm thêm lương thực, tiến tới không phải nhận phần lương thực đối lưu của Nhà nước để chuyển sang nhận thêm vật tư kỹ thuật thâm canh cho cả cây công nghiệp và cây lương thực. Những huyện chuyên canh cây công nghiệp phục vụ công nghiệp chế biến của trung ương và của tỉnh (như chè, cao su, thuốc lá, mía...) cần thực hiện tốt việc liên kết kinh tế với các nhà

(2) Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), tháng 12-1982.

máy, khai thác năng lực chế biến của các nhà máy đó để phát triển kinh tế huyện.

Đối với những huyện trung du và miền núi, cần thực hiện nông - lâm kết hợp, từ đó mà quy hoạch, bố trí một cơ cấu cây trồng phù hợp với vùng sinh thái và giải quyết vấn đề ăn theo cơ cấu cây trồng của địa phương (có lúa, màu, rau quả, sản phẩm chăn nuôi...). Triển khai nhanh kinh doanh lâm nghiệp (bao gồm trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản...), sớm có hàng hóa lâm sản xuất khẩu và lâm sản trao đổi với trung ương và các huyện đồng bằng để có thêm lương thực; đồng thời tập trung sản xuất lương thực; nhất là màu, kết hợp với cải tiến bữa ăn theo cơ cấu cây trồng trên địa bàn huyện. Những huyện miền núi cần phát triển mạnh giao thông, mở rộng giao lưu hàng hóa trên địa bàn huyện, phá thế sản xuất tự cung tự cấp, từng bước thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Các huyện đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp (ở nông thôn Nam-bộ cũ) cần thiết lập quan hệ kinh tế trực tiếp với nông dân cá thể, thông qua đó nắm chắc thị trường và nắm chắc nguồn hàng trong tay Nhà nước, đưa vật tư sản xuất và hàng tiêu dùng đến thẳng nông dân, thúc đẩy sản xuất của nông dân phát triển theo hướng kế hoạch Nhà nước và theo quy hoạch sản xuất của huyện; đồng thời tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật (trước hết là xây dựng các công trình thủy lợi, trạm máy kéo, mạng lưới nhân giống, các tập đoàn và tổ hợp máy kéo) nhằm thúc đẩy nhanh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở những hướng và nội dung sắp xếp lại sản xuất và phân phối - lưu thông như trên, các huyện điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể, xác định cơ cấu kinh tế và xây dựng kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội thích hợp với từng loại huyện.

2 - Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có trên địa bàn huyện và trong các hợp tác xã, cần rà xét lại để có kế hoạch củng cố, hoàn thiện hoặc xây dựng thêm cho phù hợp và có hiệu quả. Tập trung làm tốt các khâu: xây dựng đồng ruộng, hoàn chỉnh thủy nông, giải quyết công cụ, phát triển vận tải đường bộ, đường thủy, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ cây trồng và gia súc, làm đất bằng máy ở những nơi có yêu cầu, xây dựng cơ sở sản xuất và chế biến phân bón (vôi, phân chuồng, phân xanh), mạng lưới cung cấp vật tư, thu mua nông sản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản... Đi liền với xây dựng và trang bị mới, cần hết sức coi trọng việc phát huy hiệu quả những cơ sở đã có, coi trọng công tác tổ chức quản lý và điều hành hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, thúc đẩy quá trình tổ chức lại sản xuất trong các hợp tác xã và trên địa bàn huyện. Gắn trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức quản lý mạng lưới cơ sở vật chất kỹ thuật (trước hết là các cơ sở thủy lợi, làm đất bằng máy, cung ứng vật tư...) trên địa bàn huyện với sản phẩm cuối cùng của hợp tác xã bằng cách thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh, thực hiện đúng hợp đồng... tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã thực hiện tốt chế độ khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động.

Đi liền với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện, hết sức chú ý đưa nhanh khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Dựa vào hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đã có mà đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất (như tưới, tiêu nước theo khoa học, sử dụng giống mới, phòng trừ dịch bệnh, làm đất bằng máy...). Dựa vào quy

hoạch sản xuất mà bố trí hợp lý cây trồng, vật nuôi, chế độ canh tác, chế độ luân canh phù hợp với từng loại đất đai để đạt năng suất cao. Huyện chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành sản xuất theo quy trình sản xuất và quy trình kỹ thuật tiến bộ phù hợp với từng cây, con, vùng ruộng đất khác nhau. Việc tổ chức tốt lao động, thực hiện tốt chế độ khoán và các chế độ quản lý khác trong các hợp tác xã đều nhằm bảo đảm cho quy trình sản xuất và quy trình kỹ thuật được thực hiện có hiệu quả. Chú ý giúp cho các gia đình xã viên nắm được những vấn đề khoa học kỹ thuật cần thiết đối với sản xuất.

3 - *Củng cố, tăng cường các hợp tác xã nông, lâm nghiệp và các tổ chức kinh tế - kỹ thuật thuộc huyện quản lý.*

Việc củng cố và tăng cường các hợp tác xã cần thực hiện đồng thời về cả hai mặt: tổ chức lại sản xuất và xây dựng cơ chế quản lý mới.

Trên cơ sở nắm lại các tiềm năng lao động, đất đai và ngành nghề, các hợp tác xã soát xét lại phương hướng sản xuất, cơ cấu sản xuất theo hướng ngày càng mở rộng kinh doanh, từ đó *tổ chức lại sản xuất* bằng cách bố trí hợp lý cây trồng, vật nuôi, chế độ luân canh, cơ cấu giống, phát triển ngành nghề, hướng dẫn và phân công cho kinh tế gia đình. Các hợp tác xã có kế hoạch tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho mình và cho cả gia đình xã viên phù hợp với yêu cầu của phương hướng sản xuất và chế độ khoán mới (nhất là các khâu nước, giống, phân, sức kéo, bảo vệ thực vật...). Tăng cường và củng cố các đội sản xuất cơ bản - tổ chức lao động chủ yếu trong hợp tác xã - kết hợp với việc xây dựng các đội chuyên, nhóm chuyên phù hợp với trình độ trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý ngày càng cao hơn, tạo điều kiện cho hợp tác xã, đội sản xuất làm tốt các khâu canh tác tập thể, đồng thời điều hành tốt các khâu khoán cho

xã viên gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho tập thể.

Xây dựng cơ chế quản lý mới, trước hết cần làm tốt công tác kế hoạch hóa. Một kế hoạch được xây dựng thật sự vững chắc, một mặt là phải căn cứ vào yêu cầu của Nhà nước, của hợp tác xã và yêu cầu của đời sống xã viên; mặt khác dựa trên những khả năng cung cấp vật tư ổn định của Nhà nước theo hợp đồng kinh tế hai chiều, đòi nông sản lấy thêm vật tư của Nhà nước, những hợp đồng kinh tế đã ký kết với mạng lưới kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện và những tiềm năng hiện thực của bản thân hợp tác xã (kể cả của gia đình xã viên).

Từng hợp tác xã cần làm tốt *chế độ hạch toán*, bao gồm hạch toán kế toán, hạch toán kinh tế theo ngành, theo cây con và hạch toán kinh doanh thống nhất toàn hợp tác xã. Khi thực hiện chế độ khoán mới, cần thực hiện ngay hạch toán theo ngành, hợp tác xã cần bố trí đầu tư vốn vào những ngành sớm đem lại hiệu quả kinh tế, xem xét năng suất lao động của từng ngành, từ đó soát xét lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và chế độ phân phối cho hợp lý giữa các ngành sản xuất trong hợp tác xã.

Thực hiện chế độ *khoán mới* (khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động) đối với tất cả các loại cây trồng, các con vật nuôi, các ngành nghề kinh doanh trong hợp tác xã. Xây dựng lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm tính hợp lý giữa các cây, con, ngành nghề khác nhau, tạo điều kiện cho việc phân công lao động ngày càng được mở rộng trong hợp tác xã. Trong khoán mới, hợp tác xã cần làm tốt ba khâu cho đội, trên cơ sở đó đề cao vai trò của đội trong việc khoán cho nhóm lao động và người lao động gắn với trách nhiệm bảo đảm sản phẩm cuối cùng cho hợp tác xã.

Dựa vào kế hoạch sản xuất và phương án khoán, hợp tác xã lập dự án *phân phối*, trong đó xác định phần thu nhập bằng hiện vật (chủ yếu là lương thực) và phần thu nhập bằng tiền theo từng ngày công để hướng xã viên nỗ lực phấn đấu thực hiện ngày công kế hoạch và khuyến khích vượt khoán. Thực hiện nguyên tắc phân phối thống nhất trong hợp tác xã, phân phối theo lao động, coi trọng phân phối bằng hiện vật. Cải tiến chế độ thù lao cho đội ngũ cán bộ quản lý (kể cả cán bộ đội) theo hướng quyền lợi và trách nhiệm của họ gắn với kết quả cuối cùng của sản xuất kinh doanh của hợp tác xã và người lao động nhận khoán sản phẩm. Hình thành quỹ thưởng bằng hiện vật để thưởng cho những người lao động chuyên khâu nhằm gắn trách nhiệm của họ với sản phẩm cuối cùng.

Các tổ chức kinh tế - kỹ thuật do huyện trực tiếp quản lý cần soát xét lại phương hướng, quy mô phục vụ và kinh doanh để bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể của từng huyện, từ đó mà tiến hành một bước tổ chức lại sản xuất. Đối với những tổ chức phục vụ kỹ thuật (thủy lợi, làm đất, phòng trừ dịch bệnh, giống...) thì tổ chức lại địa bàn phục vụ trên từng vùng của huyện. Những tổ chức phân phối lưu thông và chế biến tổ chức lại việc phục vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở quan hệ liên kết kinh tế và hợp đồng trao đổi sản phẩm giữa các hợp tác xã với Nhà nước. Căn cứ vào trình độ hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa trên địa bàn huyện mà xây dựng các cụm kinh tế - kỹ thuật chân rết của huyện nhằm phục vụ tốt yêu cầu của hợp tác xã. Chấn chỉnh công tác quản lý của các cơ sở này theo hướng hạch toán kinh doanh có lãi và phục vụ có hiệu quả đối với sản xuất của các hợp tác xã. Mở rộng diện phục vụ và quy mô kinh doanh bằng cách mở rộng

liên kết kinh tế với các hợp tác xã trong huyện và thị trường ngoài huyện.

Các chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật của tỉnh và trung ương cần hướng dẫn và giúp đỡ các tổ chức kinh tế - kỹ thuật của ngành tại huyện trên các mặt: phương hướng sản xuất kinh doanh và phục vụ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nền nếp tổ chức quản lý, sắp xếp đội ngũ cán bộ để các tổ chức này hoạt động có hiệu quả và sự quản lý trực tiếp của huyện tiến hành được thuận lợi. Đối với những ngành kinh tế - kỹ thuật chỉ tổ chức mạng lưới đến vùng (phụ trách nhiều huyện), cần phối hợp tốt kế hoạch hóa giữa ngành và huyện, bảo đảm cho huyện chủ động triển khai kế hoạch của mình. Cần nghiên cứu giảm bớt các tổ chức trung gian để các tiến bộ kỹ thuật của ngành, vật tư hàng hóa đưa xuống huyện và cơ sở được nhanh chóng và sớm phát huy tác dụng.

4 - Chuyển cấp huyện thành cấp quản lý kinh tế

Đổi mới chế độ kế hoạch hóa theo hướng mở rộng quyền cho cấp huyện. Thu hẹp hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh đối với huyện, khuyến khích phát triển kinh tế huyện, thực hiện chính sách huyện nào làm ăn giỏi, làm ăn tốt thì đời sống của cán bộ và nhân dân ở đó cao hơn. Cấp tỉnh cần sớm xác định chế độ *phân cấp* hợp lý cho huyện trên các mặt: vật tư, ngân sách, thu mua sản phẩm, hàng hóa, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, xuất khẩu, cán bộ... bảo đảm quyền chủ động cho huyện, xác định trách nhiệm và lợi ích của huyện đối với các cơ sở kinh tế trung ương và tỉnh đóng trên địa bàn huyện.

Việc phân cấp các đơn vị sản xuất - kinh doanh của các ngành kinh tế - kỹ thuật tham gia vào cơ cấu kinh tế huyện cần bảo đảm đồng bộ, song khi tiến hành nên có bước đi và cách làm

hợp lý. Đơn vị nào cần thì phân cấp trước, đơn vị nào chưa đủ điều kiện phân cấp thì giao cho huyện quyền điều hành theo kế hoạch đã được duyệt, bảo đảm sau khi phân cấp cho huyện các đơn vị này thật sự được củng cố, phát huy tác dụng đối với sản xuất và đời sống, chuyển sang kinh doanh hạch toán có hiệu quả.

Thực hiện những nội dung phân cấp như trên, cơ chế quản lý kinh tế của huyện nhất thiết phải theo hướng kinh doanh, hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa. Như vậy là huyện xây dựng được chế độ kế hoạch hóa từ cơ sở, phát huy được tiềm năng từ cơ sở và từ các liên kết kinh tế trên địa bàn huyện và ngoài huyện, có nội dung cần đổi mới hơn mức phân bổ của cấp tỉnh đưa xuống. Cấp huyện biết mở rộng ngân sách của mình bằng phát triển sản xuất — kinh doanh và kinh doanh có hiệu quả, bằng huy động nguồn vốn của cơ sở và của nhân dân đưa vào xây dựng và sản xuất, không ỷ lại vào ngân sách trợ cấp của cấp trên. Huyện biết sử dụng và quản lý ngân sách có hiệu quả bằng cách lựa chọn đúng các phương án đầu tư (nhất là về xây dựng cơ bản và kinh doanh). Huyện biết quản lý và sử dụng quỹ hàng hóa của trên đưa về để thiết lập các quan hệ kinh tế với các hợp tác xã và nhân dân. Huyện biết tạo ra quỹ hàng hóa của địa phương để liên kết kinh tế với các huyện khác. Huyện am hiểu và nắm chắc thị trường, điều hành giỏi công tác giao thông vận tải và phân phối — lưu thông. Huyện nắm chắc chức năng quản lý hành chính — kinh tế để giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện hoạt động có nền nếp và có hiệu quả kinh tế cao.

Kiến toàn bộ máy tổ chức cấp huyện và tăng cường đủ cán bộ cho huyện và cơ sở có chất lượng và đồng bộ (kỹ thuật, quản lý, nghiệp

vụ) gắn liền với cải tiến chính sách phải cán bộ cấp trên xuống tăng cường cho huyện và cơ sở là một nhân tố quyết định đối với việc thực hiện cơ chế quản lý kinh tế của huyện. Tùy theo loại hình huyện (hay cơ cấu kinh tế huyện) mà bố trí bộ máy huyện cho thích hợp. Tập trung điều hành vào Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời phát huy chức năng tham mưu của các ngành chuyên môn, thực hiện tốt nguyên tắc kết hợp quản lý theo địa phương và theo ngành. Xây dựng và thiết lập tốt mối quan hệ phối hợp giữa các ban chuyên môn tổng hợp và các ban chuyên môn chỉ đạo, quản lý chuyên ngành của bộ máy cấp huyện. Chuyển cho bằng được phương thức chỉ đạo theo lối chỉ hù hào, dôn đốc sang phương thức quản lý chủ yếu bằng các phương tiện quản lý (kế hoạch, chính sách, chế độ, luật pháp...), bằng các công cụ kinh tế (ngân sách, vật tư, hàng hóa, các tổ chức kinh tế — kỹ thuật thuộc huyện quản lý) để điều hành sản xuất và tác động xuống cơ sở.

Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” cần được cụ thể hóa và xác định rõ. Huyện ủy lãnh đạo chính quyền cấp huyện trên những vấn đề lớn như mục tiêu phân đấu, kế hoạch Nhà nước, các chủ trương mới và nhiệm vụ trọng tâm, quyết định những vấn đề quan trọng về tổ chức và cán bộ... Huyện ủy chăm lo tăng cường công tác Đảng, công tác kiểm tra, công tác cán bộ là những khâu then chốt bảo đảm sự lãnh đạo có hiệu quả của Đảng đối với các nhiệm vụ chính trị và tổ chức cụ thể của huyện. Trên cơ sở các chỉ thị, nghị quyết của huyện ủy, chính quyền cấp huyện chủ động triển khai các nhiệm vụ quản lý kinh tế, chỉ đạo sản xuất — kinh doanh. Thực hiện nội dung cơ chế như vậy

(Xem tiếp trang 32)

NÂNG CAO HƠN NỮA HIỆU QUẢ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG THANH NIÊN

VŨ - MÃO

(Bí thư thứ nhất TƯ BTNCSHCM)

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, công tác vận động thanh niên trong thời gian qua đã đạt được những thành-tựu đáng kể. Thanh tựu lớn nhất, chung nhất là đã góp phần làm cho thế hệ trẻ Việt-nam nhanh chóng trưởng thành về mọi mặt: Phân rõ được bạn thù; có lòng, yêu nước nồng nàn; có tinh thần chiến đấu quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; có tinh cảm quốc tế trong sáng; có ý thức chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn; có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý kinh tế và trình độ hiểu biết về quân sự ngày càng cao; có nguyện vọng được cống hiến và có ý chí tự rèn luyện.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu to lớn của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, trong thế hệ trẻ đã bộc lộ những nhược điểm và khuyết điểm rất đáng quan tâm. Đó là: tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa còn thấp, tinh thụ động khả năng, ý thức trách nhiệm đối với xã hội còn yếu. Tâm lý và thói quen của người sản xuất nhỏ đang là hiện tượng phổ biến. Ý thức tổ chức, kỷ luật, đặc

biệt là kỷ luật trong lao động kém. Năng lực làm chủ tập thể còn nhiều mặt hạn chế. Trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về đường lối, chính sách của Đảng, về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới nhìn chung còn thấp. Trình độ nghề nghiệp, năng lực vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực nghiệm còn yếu. Ngoài ra, còn một số thanh niên chậm tiến, trốn tránh nghĩa vụ, chạy theo lối sống không lành mạnh, thậm chí sa đọa, phạm pháp.

Từ thực tế trên đây, một vấn đề đặt ra rất rõ ràng là, để làm cho thanh niên có thể hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình trong giai đoạn mới, xứng đáng là đội quân xung kích cách mạng hùng hậu của giai cấp công nhân và của dân tộc thì **phải nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác vận động thanh niên.**



Muốn nâng cao hiệu quả công tác vận động thanh niên, trước hết cần

làm cho mỗi cấp ủy Đảng, mỗi cấp mỗi ngành của Nhà nước, mỗi đoàn thể trong Mặt trận và toàn xã hội quán triệt hơn nữa quan điểm của Đảng ta coi công tác vận động thanh niên là *một công tác có tầm quan trọng đặc biệt, là một vấn đề chiến lược của cách mạng Việt-nam*.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng, đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn đã khẳng định: « Đảng ta luôn luôn nhận định rằng *công tác vận động thanh niên có tầm quan trọng đặc biệt*. Đây là một vấn đề chiến lược của cách mạng, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản » (1). Quan điểm cơ bản này đã được Đảng ta xây dựng từ những năm 1930 - 1931 và được phát triển, hoàn thiện dần qua từng giai đoạn lịch sử.

Nói công tác vận động thanh niên có tầm quan trọng đặc biệt, là vấn đề chiến lược của cách mạng là muốn khẳng định vị trí, vai trò vô cùng to lớn của một lực lượng xã hội đặc thù mà thiếu nó thì cách mạng không thể thành công; hoặc có thành công cũng không giữ vững được thành quả trong tương lai, nếu như lực lượng đó bị kẻ thù lôi kéo và làm biến chất.

Thực tế lịch sử cách mạng Việt-nam đã chứng minh rất rõ vai trò, vị trí quan trọng đó của thế hệ trẻ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, các thế hệ thanh niên Việt-nam đã nối tiếp nhau đi suốt cuộc hành trình hơn nửa thế kỷ qua cùng với toàn dân đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ và mới, kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm, hoàn thành việc thống nhất nước nhà, sau đó lại đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Và, ngày nay đang cùng với nhân dân cả nước

thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược - xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, vị trí, vai trò của thế hệ trẻ không những không giảm nhẹ đi, mà trái lại, còn tăng lên gấp bội. Với số lượng 14 triệu người, thanh niên có mặt khắp nơi và chiếm tỷ lệ rất cao trong các ngành kinh tế, kỹ thuật và quốc phòng; 65% trong công nghiệp nói chung (riêng trong các ngành công nghiệp hiện đại, tỷ lệ này lên đến 80%), 52% trong nông nghiệp, 60% trong đội ngũ cán bộ kỹ thuật trung cấp, 40% trong đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật cao cấp, hơn 80% trong các lực lượng vũ trang... Những con số đó tự nó đã là một sự khẳng định.

Quán triệt quan điểm của Đảng, coi công tác vận động thanh niên là vấn đề chiến lược của cách mạng; thấy rõ được vị trí, vai trò vô cùng to lớn của thế hệ trẻ, trong những năm qua, nhiều địa phương, nhiều ngành đã coi trọng việc lãnh đạo phong trào thanh niên, lãnh đạo việc xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng và Đoàn đề ra, tuyển chọn, kết nạp hàng chục vạn thanh niên vào Đảng.

Thực tiễn những năm gần đây, nhất là thời gian từ sau Đại hội thứ V của Đảng cho thấy, dù chưa tạo ra được những cơ sở vật chất hiện đại cho việc giáo dục thanh niên, chưa đổi mới công tác vận động thanh niên đến mức đáng kể, nhưng do quán triệt ý nghĩa chiến lược của công tác này, cho nên nhiều địa phương, nhiều

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, t. I, tr. 129.

ngành đã thu được những kết quả rất đáng phấn khởi: thành phố Hồ-Chí-Minh đã bước đầu tạo được phong trào thi đua liên tục trong thanh niên. Thành phố Hải-phong và tỉnh Quảng-nam-Đà-nẵng đã đạt được kết quả bước đầu trong việc giải quyết công ăn việc làm cho thanh niên, đồng viên được tinh thần thi đua sản xuất trong tuổi trẻ. Tỉnh ủy Hà-nam-ninh đã chủ ý lãnh đạo cuộc vận động «toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng», kết nạp được nhiều đoàn viên ưu tú vào Đảng, làm tăng sức chiến đấu cho các đảng bộ cơ sở, giảm tuổi đời binh quân của đảng viên ở các chi bộ nông thôn Hà-nam-ninh từ 45 xuống 40 tuổi. Thành ủy Hà-nội đã ra nghị quyết về công tác vận động thanh niên. Nhiều cơ sở Đảng ở Hà-nội, Hải-phong, thành phố Hồ-Chí-Minh đã đồng viên được đông đảo thanh niên tham gia công tác an ninh, quốc phòng, giữ gìn trật tự, nếp sống văn minh nơi công cộng, đẩy lùi một phần các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Tuy nhiên, cũng còn không ít nơi, do chưa thấy rõ tầm quan trọng đặc biệt và ý nghĩa chiến lược của công tác vận động thanh niên, cho nên đã «khoán» công tác này cho Đoàn thanh niên, không đặt nó thành nội dung công tác thường xuyên của Đảng, càng không coi nó là công tác của chính quyền. Ở những nơi này, phong trào thanh niên không được phát động, tổ chức Đoàn thường yếu kém, hiện tượng tiêu cực nảy sinh, nhưng các đồng chí có trách nhiệm giải quyết nó thường không đứng trên quan điểm tư tưởng của Đảng, mà bị chi phối bởi những tàn dư tư tưởng phong kiến hẹp hòi. Tình trạng không tin vào những mặt mạnh cơ bản của thanh niên, không chú ý sử dụng, hoặc chỉ sử dụng mà không quan tâm bồi dưỡng, không muốn đề bạt cán bộ trẻ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý, không chịu đi sâu tìm hiểu và giải quyết những vấn đề của thanh

niên một cách cụ thể, thiết thực, không chịu xem xét **những nguyên vọng, yêu cầu chính đáng của thanh niên**, thậm chí vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của thanh niên... đang là tình trạng phổ biến ở nhiều nơi. Tình trạng đó đã làm tăng tính thụ động xã hội của thế hệ trẻ, tạo ra những khoảng cách bất lợi giữa thanh niên và thế hệ người lớn tuổi.

Bản thân Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, một tổ chức trực tiếp tiến hành công tác vận động thanh niên, cũng còn những khuyết điểm, thiếu sót về mặt này. Đoàn mới chỉ đồng viên thanh niên thực hiện những nhiệm vụ trước mắt, mà chưa có kế hoạch, biện pháp chu đáo bị cho thế hệ trẻ đi vào tương lai nhằm mục tiêu xây dựng, hình thành từng bước con người mới làm chủ tập thể. Đoàn chưa làm tốt chức năng trường học cộng sản chủ nghĩa, chức năng đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể cho tuổi trẻ, chưa thấy rõ yêu cầu to lớn trong việc tổ chức toàn bộ thế hệ trẻ lại để có chủ trương, biện pháp tích cực lôi cuốn, tập hợp tất cả thanh niên vào những hình thức tổ chức thích hợp. Công tác giáo dục số thanh niên chậm tiến cũng chưa có chuyển biến đáng kể.

Tất cả những thực tế trên đây đòi hỏi phải có sự quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm của Đảng coi công tác vận động thanh niên là vấn đề chiến lược của cách mạng. Công tác vận động thanh niên phải được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm hơn nữa. Đặc biệt, các tổ chức Đảng phải trực tiếp nắm lấy thanh niên. Bởi vì, nắm được thanh niên là nắm được «ngôi pháo» của cách mạng, nắm được thanh niên là nắm được tương lai. Nếu không nắm thanh niên thì kẻ thù sẽ tìm cách lợi dụng lực lượng trẻ đó, biến nó thành lực lượng xung kích chống lại cách mạng. Thực tiễn cách mạng nhiều nước đã chứng minh rất rõ điều đó

Coi công tác vận động thanh niên là công tác có tầm quan trọng đặc biệt, là vấn đề chiến lược của cách mạng, thì lẽ tự nhiên, không thể tiến hành công tác đó chỉ bằng tổ chức Đoàn thanh niên mà phải bằng sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản và của toàn xã hội.

Lâu nay thường có quan niệm cho rằng vận động thanh niên là công tác riêng của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, chỉ thông qua Đoàn thanh niên, mọi vấn đề về thanh niên sẽ được giải quyết. Quan niệm như vậy không đúng, không phù hợp với quan điểm của Đảng và cũng không phù hợp với thực tiễn.

Ngày nay, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, hệ thống chuyên chính vô sản và xã hội tác động vào thanh niên hằng ngày, hằng giờ ở khắp mọi nơi. Từ các ngành văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật đến các ngành kinh tế và quốc phòng; từ lĩnh vực hoạt động tinh thần đến các lĩnh vực y tế, thể thao và các ngành sản xuất ra của cải vật chất... đâu đâu tuổi trẻ cũng tiếp nhận thường xuyên những tác động tích cực (hay ngược lại) từ phía Nhà nước và xã hội. Theo những số liệu mới nhất, ngành giáo dục phổ thông hiện nay quản lý 1,1 triệu thanh niên; các cơ quan, xí nghiệp thuộc khu vực Nhà nước quản lý 1,8 triệu, khu vực hợp tác xã nông nghiệp khoảng 10 triệu, v.v. Vậy giả định vai trò xung kích làm chủ tập thể của thanh niên trong lao động, học tập và sẵn sàng chiến đấu tốt hay chưa tốt; sự hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa trong thanh niên tốt hay chưa tốt; việc chuẩn bị cho thanh niên đi vào tương lai tốt hay chưa tốt có thể chỉ là công lao hoặc trách nhiệm của riêng tổ chức Đoàn được không? Không! Đó là kết quả tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, của toàn xã hội.

Trong giai đoạn mới, khi thanh niên đã thâm nhập sâu vào cuộc sống

hiều mặt và phong phú, khi các cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế xã hội đã thu nhận hàng triệu thanh niên để làm lực lượng hoặc đối tượng hoạt động của mình, thì tiến hành công tác vận động thanh niên bằng sức mạnh tổng hợp của cả xã hội là một yêu cầu thực tế, một tất yếu khách quan.

Cổ nhiên, vai trò của Đoàn thanh niên là rất quan trọng. Đoàn phải chịu trách nhiệm trước tiên về công tác vận động thanh niên. Trong những năm qua Đoàn đã có nhiều cố gắng và đã thành công trên một số mặt công tác nhất định. Song, dù cố gắng đến mức nào chăng nữa, trên nhiều lĩnh vực Đoàn vẫn không thể thay thế được vai trò của gia đình, nhà trường, xã hội, và đặc biệt, không thể thay thế được vai trò của Nhà nước. Lấy một thí dụ: do hậu quả của chiến tranh, do khó khăn về kinh tế sau chiến tranh, một số lớn thanh niên nước ta hiện nay chưa có việc làm, trong số này gần một nửa là những thanh niên thất nghiệp do chế độ cũ để lại. Nguyên vọng thiết tha và yêu cầu cấp bách của họ là có chỗ đứng trong guồng máy sản xuất của đất nước để thật sự có tư cách người làm chủ. Nhưng Đoàn thanh niên làm sao có thể bố trí công ăn, việc làm cho số người này nếu không có sự giải quyết tích cực của Nhà nước? Một thí dụ khác: hiện nay hằng năm có khoảng 55 vạn học sinh tốt nghiệp lớp 7 và lớp 10 không có nơi học tiếp. Vậy, làm sao một mình Đoàn thanh niên có thể tổ chức tốt việc hướng nghiệp, xây dựng hệ thống trường vừa học vừa làm cho số thanh niên này mà không có sự tham gia tích cực của Nhà nước? Lại nữa: hiện nay các cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa như rạp chiếu bóng, nhà hát, câu lạc bộ, sách báo còn rất ít ỏi, nhất là ở nông thôn và miền núi. Thời gian rảnh rỗi của thanh niên không được hướng dẫn sử dụng một cách

tích cực. Trong khi đó tác động của sinh hoạt đoàn thể đến với thanh niên mỗi tháng không quá 4 giờ, tác động của nhà trường không quá 50 giờ, còn hàng trăm giờ là tác động của gia đình và các môi trường xã hội mà thanh niên đang sống. Vậy, một mình Đoàn thanh niên làm sao có thể đáp ứng được mọi nhu cầu về sinh hoạt văn hóa tinh thần của thanh niên, làm sao có thể giúp thanh niên xây dựng nhân cách và nếp sống đẹp nếu không có sự tham gia tích cực của gia đình và xã hội người lớn tuổi trong việc nêu gương sáng và tạo ra môi trường văn hóa tốt đẹp? Chính vì vậy mà Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: «Tất cả các ngành, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và toàn xã hội đều có trách nhiệm vận động thanh niên, thiếu niên và phải có sự phân công, phối hợp chặt chẽ để làm tốt công tác này» (2)

Quán triệt quan điểm trên đây của Đảng, thời gian vừa qua việc phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh ở một số ngành cấp trung ương và một số tỉnh, thành để tiến hành công tác vận động thanh niên đã có những tiến bộ đáng kể như: việc phối hợp giữa Bộ nông nghiệp với Trung ương Đoàn trong «chương trình lương thực của thanh niên»; giữa Bộ nội vụ, Quân đội nhân dân và Trung ương Đoàn trong chương trình «tuổi trẻ xung kích trên mặt trận an ninh quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc»; giữa Trung ương Đoàn với các ngành văn hóa nghệ thuật trong các hoạt động âm nhạc, điện ảnh, sáng tác cho thanh niên, thiếu niên. Sự phối hợp hoạt động đó đã mang lại một số hiệu quả tốt, gây được niềm tin và sự phấn khởi trong thanh niên.

Tuy nhiên, tình hình phổ biến hiện nay vẫn là thiếu cơ chế phối hợp và

thiếu quy định trách nhiệm thật rõ ràng giữa các ngành, các cơ quan từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Cần phải nhanh chóng khắc phục tình trạng này để công tác vận động thanh niên đạt được những kết quả cao hơn nữa.

Để nâng cao hiệu quả công tác vận động thanh niên còn phải «thật sự đổi mới các hình thức, phương pháp tổ chức và tuyên truyền, giáo dục thanh niên, thiếu niên (tôi nhấn mạnh—V.M.) cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, với những đặc điểm về lứa tuổi, và những nhu cầu mới của thanh niên» (3).

Hiện nay, tình hình và nhiệm vụ cách mạng đang đòi hỏi ở thanh niên những yêu cầu mới, thời đại và môi trường mà thanh niên đang sống đã mang những màu sắc mới, những nhu cầu của thế hệ trẻ cũng có nhiều điểm khác trước; song hình thức, phương pháp tổ chức, tuyên truyền giáo dục thanh niên của chúng ta hiện nay vẫn chưa thay đổi kịp. Tình trạng tiến hành vận động thanh niên chỉ bằng những lời nói chung chung, bằng những khẩu hiệu, lời kêu gọi khô khan, trừu tượng, không xuất phát từ đặc điểm của lứa tuổi, của thời đại và môi trường mà thanh niên đang sống, cũng như không xuất phát từ những nhu cầu thiết thân mang tính đặc thù của họ, hiện nay vẫn còn khá phổ biến ở nhiều địa phương, nhiều cấp, nhiều ngành.

Muốn thật sự đổi mới được các hình thức, phương pháp tổ chức và tuyên truyền giáo dục thanh niên, trước hết phải hiểu đúng những đặc điểm về lứa tuổi và những nhu cầu mới hiện nay của lớp người này. Thanh niên là lớp người rất đặc biệt so với các lớp người ở mọi lứa tuổi khác trong xã hội. Họ có những đặc

(2) (3) Sách đã dẫn, tr. 130.

điều riêng, những nhu cầu riêng về lứa tuổi, như: sự phát triển về mặt sinh lý sớm hơn sự trưởng thành về mặt xã hội; thiếu từng trải và thiếu kinh nghiệm; luôn luôn khát khao một cuộc sống có ước mơ, có lý tưởng, luôn luôn mong muốn được cống hiến và rèn luyện, trưởng thành, đặc biệt là rất ham thích, rất nhạy bén với cái mới, cái đẹp... Có hiểu biết đầy đủ những vấn đề đó trên cơ sở của những phân tích và nghiên cứu khoa học mới tìm ra được những hình thức, phương pháp tổ chức và tuyên truyền, giáo dục thanh niên một cách thích hợp, mới phát huy được đầy đủ tính tích cực xã hội - chính trị của họ.

Cùng với việc hiểu đúng đặc điểm của lứa tuổi, còn phải hiểu đúng đặc điểm của thời đại và môi trường mà thanh niên đang sống. Hiện nay, do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, của hệ thống thông tin và giao lưu quốc tế, cho nên nhiều vấn đề của thanh niên các nước phát triển như ăn, mặc, ở, đi lại, tình yêu, v.v. đang hằng ngày, hằng giờ dội vào thanh niên nước ta. Đó là một thực tế và cũng là một sự phát triển tự nhiên dễ hiểu. Vấn đề là ở chỗ phải thấy rõ đặc điểm đó để có hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục thích hợp, hướng dẫn thị hiếu, thẩm mỹ của tuổi trẻ phát triển lành mạnh, đúng hướng, phù hợp với tình hình và hoàn cảnh thực tế của nước ta hiện nay. Một mặt, phải thông cảm với những nhu cầu mới đó của thanh niên, nhưng cũng phải nói thẳng, nói thật, phân tích cho thanh niên hiểu biết đầy đủ những khó khăn về kinh tế và đời sống của nước ta hiện nay, xây dựng cho họ một thái độ đúng và một tình cảm đẹp, một niềm tin vững chắc vào tương lai, hướng dẫn họ đi đúng quỹ đạo của lối sống xã hội chủ nghĩa. Ngoài sự tác động của yếu tố thời đại, còn phải chú ý tới sự tác động của yếu tố môi trường. Trong

yếu tố môi trường, ngoài môi trường chung là xã hội lại phải chú ý tới cả những môi trường của những tập thể khác nhau nữa. Thí dụ, khi nghiên cứu về tuổi trẻ nước ta, ngoài những đặc điểm cơ bản chung, chúng ta còn phải chú ý tới đặc điểm môi trường của thanh niên thành thị, thanh niên nông thôn, thanh niên các tỉnh miền xuôi, thanh niên các tỉnh miền núi, thanh niên tôn giáo, v.v.

Tất cả những vấn đề trên đều phải được nghiên cứu công phu, tỉ mỉ để trên cơ sở đó mà đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức, tuyên truyền và giáo dục thanh niên. Lê-nin đã từng khẳng định: "Chỉ có cái tổ triệt để việc học tập, việc tổ chức và giáo dục của thanh niên, thì chúng ta mới có thể làm cho những cố gắng của thế hệ trẻ đạt được kết quả là sáng tạo ra một xã hội không giống xã hội cũ, nghĩa là sáng tạo ra xã hội cộng sản. Cho nên, chúng ta phải nghiên cứu kỹ lưỡng xem chúng ta phải dạy những gì và thanh niên phải học như thế nào" (4).

Như vậy, việc đổi mới công tác vận động thanh niên phải được bắt đầu từ trong quan niệm của tất cả các ngành, các cấp và của những người có trách nhiệm làm công tác vận động thanh niên. Công tác nghiên cứu đối tượng, nghiên cứu các hình thức và phương pháp mới, cũng như tổ chức việc phối hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm trong việc nghiên cứu và ứng dụng các hình thức và phương pháp mới đó phải luôn luôn được coi trọng.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh hiện đang xúc tiến việc điều tra, nghiên cứu đặc điểm tâm lý, sinh lý, nhu cầu, nguyện vọng, thị hiếu của các đối tượng thanh niên. Trên

(4) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1969 t. 31, tr. 342.

cơ sở đó Đoàn đã bắt đầu mạnh dạn đổi mới phương thức hoạt động từ trung ương đến các cơ sở cho phù hợp với yêu cầu của từng đối tượng và đã đạt được một số kết quả tốt. Song, một mặt bản thân Đoàn thanh niên phải có sự cố gắng hơn nữa; mặt khác phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của cả hệ thống chuyên chính vô sản thì mới có thể đạt được những kết quả mong muốn.



Việc quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về công tác vận động thanh niên thành những cơ chế, thể chế của Nhà nước và thật sự đổi mới các hình thức, phương pháp tổ chức, tuyên truyền và giáo dục thể hệ

trẻ là phương hướng cơ bản và cũng là biện pháp quan trọng để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác vận động thanh niên. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh thiết tha mong muốn các cấp ủy Đảng đã quan tâm, càng quan tâm hơn nữa đến việc lãnh đạo công tác này. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng mới bảo đảm quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác vận động thanh niên trong toàn Đảng và toàn xã hội. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng, các quan điểm ấy mới nhanh chóng trở thành những pháp quy và cơ chế thực hiện của Nhà nước. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng mới nhanh chóng đổi mới được công tác vận động thanh niên, nhanh chóng đưa phong trào thanh niên lên những bước phát triển mới có chất lượng.

Một số vấn đề về xây dựng huyện

(Tiếp theo trang 25)

mới tránh được tình trạng huyện ủy bao biện, làm thay, can thiệp quá sâu vào quản lý kinh tế, quản lý đời sống và điều hành sản xuất, làm cho chính quyền cấp huyện không còn bị động, phần đầu vươn lên trong việc cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của huyện ủy trong tổ chức thực hiện, nắm vững chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Cấp tỉnh phải cụ thể hóa chủ trương xây dựng huyện của Đảng thành chương trình, kế hoạch và nghị quyết hành động của các đảng bộ. Khi đã phân cấp nhiều mặt cho huyện trực tiếp quản lý theo yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế huyện, cấp tỉnh cần sớm nghiên cứu và thực hiện những cải tiến cần thiết về nhiệm vụ, tổ chức và phương thức chỉ đạo cho phù hợp với vị trí mới của huyện,

giúp huyện làm tốt việc phát triển nông - lâm nghiệp, giao thông vận tải, tổ chức phân phối - lưu thông, xuất nhập khẩu, bảo đảm đời sống nhân dân, tổ chức tốt các quan hệ liên kết kinh tế giữa các huyện với nhau.



Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là việc làm phức tạp, rộng lớn, có tính chất chiến lược cần được sự lãnh đạo và chỉ đạo tập trung thường xuyên của Đảng và Nhà nước. Cần đưa nội dung xây dựng huyện vào kế hoạch Nhà nước của các cấp, các ngành. Coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, làm thử, đúc rút kinh nghiệm, ngày càng cụ thể hóa chủ trương xây dựng huyện với những cách làm, bước đi thích hợp và có hiệu quả tốt.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

CHÍNH-TRỰC



Xây dựng đội ngũ đảng viên là mối quan tâm hàng đầu và thường xuyên của Đảng, bởi vì năng lực lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng đội ngũ đảng viên. Hồ Chủ tịch đã dạy: « Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chỉ bộ tốt. Chỉ bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. » (1). Mặt khác, khi Đảng đã thành Đảng lãnh đạo chính quyền thì « tự nhiên cũng là một đảng công khai và là đảng mà sau khi đã gia nhập thì có thể nắm được quyền hành... » (2). Vì vậy, muốn giữ vững và phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của Đảng, đội ngũ của Đảng phải thật trong sạch, loại trừ được những phần tử xấu, những bợn cơ hội chủ nghĩa len lỏi vào Đảng vì những mưu đồ đen tối.

Về đội ngũ đảng viên của ta hiện nay, Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định: « Trong bước phát triển mới của cách mạng, đại đa số đảng viên đã tỏ rõ phẩm chất cách mạng và năng lực sáng tạo của người công sản. Trên trận tuyến chiến đấu bảo

vệ đất nước, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, trên mặt trận xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, cũng như trên mặt trận đối ngoại, hàng vạn đảng viên của Đảng đã nêu những tấm gương hy sinh, tận tụy vì Tổ quốc và nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc » (3).

Tuy nhiên, Đại hội cũng nghiêm khắc phê phán những nhược điểm, thiếu sót của đội ngũ đảng viên. Điều rất đáng chú ý là hiện nay trong Đảng còn một bộ phận yếu, kém. Có những đồng chí ít chịu học tập, thiếu ý chí vươn lên, trình độ, năng lực giảm sút tại chỗ. Là đảng viên nhưng họ không hơn gì những người bình thường ngoài Đảng. Họ trở thành những đảng viên « hữu danh vô thực ». Trong lúc toàn Đảng, toàn

(1) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*. NXB Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 204.

(2) V.I. Lê-nin: « Diễn văn bế mạc Đại hội IX Đảng công sản (b) Nga ». *Toàn tập*. NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 326.

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, *Tạp chí Công sản*, số 4-1982, tr. 86.

quân và toàn dân ta phấn đấu kiên cường vì sự nghiệp cao cả của Tổ quốc, của chủ nghĩa xã hội, một bộ phận đảng viên sa sút ý chí chiến đấu, đòi hỏi hưởng thụ, nghỉ ngơi, chạy theo lợi ích vật chất, lo thu vén cho cuộc sống riêng tư, hầu như quên mất lý tưởng cao đẹp của người cộng sản. Một số ít thoái hóa, biến chất, phạm những sai lầm nghiêm trọng. Họ lợi dụng sự tin cậy của quần chúng đối với Đảng, lợi dụng chức vụ được giao, làm nhiều điều xấu xa, trái với đạo lý, trái với luật pháp: ăn cắp của công, ăn của hối lộ, ức hiếp quần chúng, thông đồng với những phần tử bất lương làm ăn phi pháp, v.v. Những việc làm tội lỗi của họ đã khiến cho thanh danh của Đảng bị thương tổn, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng bị xói mòn. Những nhược điểm về trình độ và những khuyết điểm về phẩm chất, đạo đức của bộ phận đảng viên đó, như Báo cáo về xây dựng Đảng ở Đại hội V đã nhận định, « đã làm cản trở việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, gây tác hại lớn về kinh tế, chính trị, và đang bị kẻ địch lợi dụng để kích động quần chúng, làm giảm sút lòng tin của quần chúng đối với Đảng » (4).

Làm tốt hơn nữa việc xây dựng đội ngũ đảng viên không những là đòi hỏi của nhiệm vụ lịch sử mà Đảng phải gánh vác trong hoàn cảnh đấu tranh mới, mà còn là đòi hỏi cấp bách của việc củng cố Đảng. Đó cũng là một trong những khâu then chốt để tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.



Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra những biện pháp nhằm nâng cao tính chiến đấu và vai trò tiên phong của đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh. Các văn

kiện của Đại hội đã chỉ rõ, để làm trong sạch đội ngũ của Đảng, loại trừ khỏi Đảng những biểu hiện tiêu cực, biện pháp quan trọng hàng đầu là phải làm tốt việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Trong quá trình đấu tranh thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, qua các phong trào quần chúng, qua các đợt phát thẻ đảng viên, trong 5 năm qua, Đảng ta đã đưa khoảng 126 000 người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, riêng trong ba năm 1980 — 1982 đã đưa ra khỏi Đảng trên 8 vạn người. Việc làm đó là cần thiết, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu mong muốn. Hiện nay, có tình hình khá phổ biến là, trong nhiều đảng bộ vẫn còn những người rõ ràng không xứng đáng là đảng viên. Tuy đã được phát thẻ Đảng, sự giác ngộ của họ, nhận thức của họ về Đảng, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa không hơn gì người ngoài Đảng, họ vẫn tiếp tục làm những điều sai trái, vi phạm nghiêm trọng tư cách đảng viên. Có tình hình đó là vì nhiều tổ chức Đảng, nhiều cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ về tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn mới của cách mạng, còn nể nang, cảm tình, thậm chí bênh che cho những đảng viên có nhiều sai lầm, khuyết điểm, không kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Báo cáo về Xây dựng Đảng tại Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định: « Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng phải làm một cách kiên quyết và được chỉ đạo chặt chẽ. Nếu phải đưa ra nhiều người thì cũng phải kiên quyết làm, không do dự; làm như vậy chắc chắn Đảng ta sẽ mạnh lên, công tác lãnh đạo của Đảng sẽ tốt hơn, lòng tin của

(4) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. Tạp chí Công sản, số 5-1982, tr. 18.

quần chúng đối với Đảng sẽ tăng thêm» (5).

Theo tinh thần nghị quyết của Đại hội, chúng ta phải đưa ngay ra khỏi Đảng không đo dự, không trì hoãn tất cả những phần tử xấu, hư hỏng, những kẻ tham ô, hối lộ, bóc lột, ức hiếp quần chúng, những kẻ cơ hội và những người tê liệt ý chí cách mạng, bàng quan, bạc nhược, không còn tin nhiệm với quần chúng. Thêm một ngày họ còn ở trong Đảng là thêm một ngày họ làm hoen ố thanh danh của Đảng, cản trở bước đi lên của Đảng và của phong trào quần chúng. Chúng ta cũng cần đưa ra khỏi Đảng những người sa sút ý chí chiến đấu, chỉ chăm lo vun vén cho gia đình, bản thân, không làm nhiệm vụ được giao, hoặc làm một cách chiếu lệ. Những người này dù trong quá khứ có thành tích, dù hiện nay không phạm sai lầm gì về tư cách của người công dân nhưng sự xa rời lý tưởng cộng sản, xa rời tư cách người đảng viên không thể cho phép họ được ở lại trong Đảng. Chúng ta cũng xem xét đề đưa ra khỏi Đảng những người mà trình độ giác ngộ quá thấp, qua giáo dục của tổ chức Đảng vẫn không tiến bộ, không còn tác dụng lãnh đạo quần chúng. Dĩ nhiên, trong khi xem xét tư cách đảng viên, chúng ta phải phân biệt rõ những đồng chí đã có những cống hiến đối với Đảng, đối với cách mạng, nay tuổi già, sức yếu hoặc mang thương tật, không còn đủ sức làm việc, được Đảng và Nhà nước cho nghỉ ngơi, an dưỡng. Đối với các đồng chí này, yêu cầu được đề ra là giữ vững phẩm chất cách mạng, chấp hành đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chúng ta cần chú ý chăm sóc, giúp đỡ các đồng chí này để họ có thể tiếp tục có những đóng góp hợp với hoàn cảnh riêng của từng người.

Một biện pháp khác để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là làm tốt công tác phát triển Đảng.

Đại hội thứ V của Đảng đã nêu định: « Nguồn dự trữ của Đảng ta rất dồi dào, phong phú. Hàng vạn, hàng chục vạn thanh niên công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa ưu tú không ngừng xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng » (6)

Chính từ nguồn dự trữ đó, sau Đại hội thứ IV của Đảng đến nay, đội ngũ đảng viên đã được bổ sung khoảng 46 vạn người, hầu hết là những phần tử ưu tú trong sản xuất, chiến đấu và công tác, trong đó trên 85% là đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh. Trên 39 700 chi bộ được thành lập từ sau Đại hội thứ IV của Đảng đã làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng được bảo đảm thực hiện ở khắp các địa phương, các đơn vị. Tuy vậy, công tác phát triển Đảng nhìn chung vẫn còn chậm trễ, nhất là ở các khu vực xí nghiệp, bệnh viện, trường học, v.v. Nhiều đảng bộ cơ sở thuộc các tỉnh miền Nam, thuộc các vùng rẻo cao, mặc dù hiện có rất ít đảng viên nhưng vẫn không chú ý đúng mức, thậm chí lãng quên công tác phát triển Đảng. Có nơi mấy năm qua hầu như không kết nạp người nào vào Đảng. Trong số đảng viên được kết nạp từ sau Đại hội thứ IV của Đảng đến nay thì 59% thuộc các lực lượng vũ trang. Qua tỷ lệ đó, có thể thấy rằng đội ngũ của Đảng chưa được bổ sung một cách cân đối, hợp lý trên các lĩnh vực hoạt động xã hội. Nhiều tỉnh, thành phố và khu công nghiệp, tuy có đông công nhân, vẫn chưa chú ý mở rộng đội ngũ của Đảng trong công nhân. Ở các thành phố miền Nam, vẫn tồn tại những định kiến

(5) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1982, tr. 51—52.

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 88.

Nếp hời, lệch lạc đối với anh chị em công nhân đã từng làm việc dưới thời Mỹ - nguy

Tiếp tục mở rộng hàng ngũ của Đảng đang là một đòi hỏi của bản thân tổ chức Đảng và của việc đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng. Chúng ta cần tích cực kết nạp vào Đảng những người ưu tú trong phong trào cách mạng của quần chúng, giác ngộ về lý tưởng của Đảng, đã được bồi dưỡng, thử thách, có trình độ chính trị, có kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý. Đặc biệt cần coi trọng việc mở rộng đội ngũ của Đảng trong giai cấp công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất. Chúng ta coi trọng việc phát hiện những người trung thực đã dám vì sự nghiệp chung mà vạch trần những khuyết điểm, thiếu sót của đơn vị, của người phụ trách, có biện pháp bồi dưỡng, giáo dục và kết nạp họ vào Đảng khi họ có đủ tiêu chuẩn.

Thấm nhuần lời dạy của Lê-nin «những đảng viên hữu danh vô thực thì cho không chúng ta cũng không cần» (7) và «chúng ta cần có những đảng viên mới không phải để quảng cáo mà là để làm việc thật sự» (8), trong công tác phát triển Đảng, cần nắm vững phương châm coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng, dẫn tới hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên. Bằng việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và các thủ tục cần thiết, tuyệt đối không để lọt vào Đảng những người không có đủ tiêu chuẩn đảng viên, ra sức ngăn ngừa những phần tử cơ hội chui vào Đảng.

Công tác phát triển Đảng muốn tránh được tình trạng bị động, «đốt đuốc tìm người» thì cần được đưa vào nền nếp và có quy hoạch, kế hoạch. Một nội dung quan trọng của quy hoạch, kế hoạch đó là thiết thực bồi dưỡng những người ưu tú trong sản xuất, chiến đấu và công tác thành

đội dự bị hùng hậu của Đảng. Do vai trò đặc biệt quan trọng của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, quy hoạch, kế hoạch đó phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng giáo dục, sinh hoạt và hoạt động của Đoàn.

Biện pháp chủ yếu để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là kiên trì và thường xuyên làm tốt việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Những năm qua, Đảng ta đã tiến hành việc đó bằng nhiều cách, từ việc tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng, đến việc rèn luyện qua sinh hoạt của các tổ chức Đảng, qua thực tế công tác và chiến đấu của từng người. Song do cách làm thiếu chu đáo, có nơi còn hời hợt, hình thức, cho nên kết quả chưa đạt yêu cầu mong muốn. Trong 5 năm qua, trên một triệu đảng viên đã được học các lớp bồi dưỡng chính trị, lý luận theo những chương trình khác nhau, con số đó không phải là nhỏ. Song, chất lượng của việc học tập còn thấp cho nên chưa phát huy tác dụng được bao nhiêu. Ở không ít đảng bộ, việc giáo dục về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa chưa được tiến hành thường xuyên và sâu sắc. Nhiều cấp ủy, nhiều cơ quan tuyên huấn các cấp chưa kịp thời giáo dục cho đảng viên thấy hết âm mưu và thủ đoạn thâm độc của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc nhằm phá hoại nội bộ Đảng ta, làm suy yếu Nhà nước chuyên chính vô sản, làm sa đọa đội ngũ cán bộ, đảng viên của ta. Việc giáo dục phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên chưa được coi trọng đúng mức, những hiện tượng tiêu cực trong các tổ chức Đảng

(7) V.I. Lê-nin: «Nhà nước của công nhân và tuân lệ Đảng», Toàn tập, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 255.

(8) Sách đã dẫn, tr. 256.

không được xử lý kịp thời, nghiêm túc.

Cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đặt ra trước Đảng ta nhiều yêu cầu mới mẻ, nặng nề. đòi hỏi Đảng ta phải chăm lo hơn nữa việc giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho đội ngũ đảng viên. Bảo cáo chính trị tại Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Phẩm chất và năng lực của người đảng viên lúc này thể hiện trước hết ở tinh thần cách mạng tiến công, tin tưởng vững chắc ở thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, trước khó khăn không dao động, hằng ngày hàng giờ phấn đấu làm được những việc thiết thực để góp phần vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc, người đảng viên không những phải nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm ở tiền tuyến, mà còn phải có tinh thần cảnh giác cao chống lại những hành động phá hoại về chính trị, kinh tế và tư tưởng của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc. Không được bàng quan, lẩn tránh hoặc chỉ kẻ lờ, kêu ca về những biểu hiện tiêu cực; trái lại, phải tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh giữa hai con đường, chống những biểu hiện tiêu cực, những khuynh hướng tự phát từ bản chủ nghĩa để bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, củng cố và tăng cường trận địa của chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sạch của Đảng. Mỗi đảng viên, bất kỳ ở cương vị công tác nào, đều phải xem xét tác phong công tác của mình, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, đi sâu vào phong trào quần chúng, lắng nghe ý kiến và tiếp thu những kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, luôn luôn giữ vững ý thức tổ chức và kỷ luật, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, chống lại

những quan điểm, tư tưởng sai lầm, bảo vệ chân lý, bảo vệ Đảng; giữ vững được cuộc sống lành mạnh, lương thiện, không bị lối sống xa hoa, đồi trụy cảm dỗ.

Phẩm chất của người đảng viên hiện nay còn thể hiện ở tinh thần say sưa học tập, khao khát tri thức, ra sức nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao sự thành thạo trong công việc đang làm. Tự mãn, không chịu học tập, bỏ phí thời gian, không chịu thường xuyên nâng cao trình độ về mọi mặt, cũng là một biểu hiện thoái hóa nghiêm trọng về phẩm chất đảng viên » (9).

Những yêu cầu trên đây về phẩm chất và năng lực của đảng viên đã làm rõ hơn nữa những yêu cầu về tư cách đảng viên, về nhiệm vụ đảng viên trong tình hình mới. Những yêu cầu đó phải được quán triệt sâu sắc trong từng đảng viên, trở thành mục tiêu phấn đấu của từng người. Nó cũng phải trở thành nội dung trước mắt của việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Các cấp ủy Đảng, các trường Đảng, các chi bộ cần nắm vững những yêu cầu nói trên, quyết tâm đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhanh chóng khắc phục những nhược điểm, thiếu sót trong việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, có kế hoạch cụ thể giúp từng đảng viên phấn đấu tốt.

Đại hội thứ V của Đảng đã nhấn mạnh vai trò của các chi bộ Đảng trong việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chi bộ phải thật sự là nơi thảo luận một cách kỹ lưỡng các vấn đề về đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng, nơi quán triệt và bàn biện pháp chấp hành triệt để nghị quyết

(9) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 87—88.

của Đảng, nơi đấu tranh về quần
điêm và nguyên tắc đề bảo vệ đường
lối và tổ chức của Đảng, nơi rèn luyện
đảng viên về ý chí cách mạng, về
năng lực lãnh đạo. *Báo cáo chính trị*
trước Đại hội đã chỉ rõ: «Từng chi
bộ phải có biện pháp cụ thể giáo dục,
rèn luyện về phẩm chất cho từng
đảng viên, bảo đảm không để cho một
đảng viên nào có hành động tham ô,
ức hiếp quần chúng, làm trái đường
lối, chính sách của Đảng, vi phạm
pháp luật Nhà nước» (10).

Ba biện pháp nói trên nhằm nâng
cao chất lượng đội ngũ đảng viên có
mối liên hệ chặt chẽ và tác động lẫn
nhau. Làm tốt việc giáo dục, rèn
luyện đảng viên, khiến cho trình độ
giáo ngộ của đảng viên được nâng lên,
tổ chức Đảng được vững mạnh tức
là tạo cơ sở để làm đúng, làm tốt
việc đưa những người không đủ tư
cách đảng viên ra khỏi Đảng, và làm
tốt công tác phát triển Đảng. Ngược
lại, làm tốt việc đưa những người
không đủ tư cách đảng viên ra khỏi
Đảng, làm tốt công tác phát triển
Đảng thì sẽ góp phần làm tốt việc
giáo dục, rèn luyện đảng viên. Một
khi Đảng đã loại trừ khỏi cơ thể của
mình những tế bào xấu, tiếp thu thêm
những sinh lực mới thì dĩ nhiên là
tổ chức của Đảng vững mạnh hơn,
kết quả giáo dục của tổ chức Đảng
cũng lớn hơn. Tiến hành đồng bộ,
đồng thời ba biện pháp đó là kết hợp
chặt chẽ tư tưởng và tổ chức, tạo
nên sức mạnh tổng hợp nhằm đưa
lại hiệu quả công tác cao. Tách riêng
từng biện pháp, làm xong biện pháp
này mới tiến hành biện pháp khác
thì không thể nào đạt kết quả tốt.

Tinh đồng bộ trong việc xây dựng
đội ngũ đảng viên không chỉ biểu
hiện ở việc thực hiện đồng thời các
biện pháp nói trên mà còn biểu hiện
ở việc làm tốt các khâu khác trong
công tác xây dựng Đảng. Muốn đội
ngũ đảng viên mạnh thì phải có đội

ngũ cán bộ tốt, đặc biệt là đội ngũ
cán bộ chủ chốt ở các đơn vị cơ sở,
và có các tổ chức Đảng vững
mạnh, trước hết là các tổ chức cơ
sở v.v. Vì vậy, đề bảo đảm kết quả
vững chắc của việc xây dựng đội ngũ
đảng viên, phải đồng thời làm tốt
các việc ấy.



Nâng cao chất lượng đảng viên
không chỉ là công việc của các cấp
ủy, của tổ chức Đảng các cấp, mà
trước hết là trách nhiệm của từng
đảng viên. Là thành viên của Đảng,
mỗi đảng viên phải tự rèn luyện mình
để nâng cao phẩm chất cách mạng
và năng lực công tác, giúp đỡ đồng
chi mình không ngừng tiến bộ và góp
phần làm cho đội ngũ của Đảng, trước
hết là đội ngũ đảng viên trong chi
bộ, ngày càng trong sạch, vững mạnh.
Hiện nay, ở một số nơi, có những
đảng viên thường chỉ kêu ca về tình
trạng yếu kém của chi bộ mình, sự
sa sút về phẩm chất của đồng chí
mình trong chi bộ, nhưng không hề
có một hành động nào góp phần khắc
phục tình trạng đó. Thái độ đó là hoàn
toàn không đúng. Người đảng viên
phải có trách nhiệm đầy đủ với tổ
chức Đảng, với đồng chí của mình.
Trước những biểu hiện tiêu cực,
người đảng viên không những phải
phê phán, phải đấu tranh, mà còn cần
tìm mọi cách để cùng tập thể khác
phục kỷ được những mặt tiêu cực.
Tinh đồng chí chân thành phải biểu
hiện ở sự chăm lo chu đáo, kiên trì
giúp đỡ đồng chí mình tiến bộ, nhất
là giúp đỡ những đồng chí có sai
lầm. Song, nếu người có sai lầm
không chịu tiếp thụ sự giáo dục của
Đảng, cứ sa mãi vào vòng sai trái,
thật sự không còn xứng đáng với
danh hiệu đảng viên cộng sản nữa thì

(10) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành
trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí*
Cộng sản, số 4-1982, tr. 89.

cần phải kiên quyết đưa họ ra khỏi Đảng.

Kiên trì học tập, rèn luyện để không ngừng vươn lên và góp phần tích cực xây dựng đội ngũ của Đảng; hai mặt đó đều có ý nghĩa quan trọng, không thể xem nhẹ mặt nào. Thiếu sự cố gắng đúng mức của người đảng viên thì sự giúp đỡ của tập thể sẽ kém hiệu lực. Ngược lại, nếu đảng viên chỉ lo cho bản thân mình, không có trách nhiệm trước sự yêu cầu của tập thể, của tổ chức Đảng thì không thể nói tới sự vươn lên của toàn đội ngũ.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đề đề phòng nguy cơ xa rời quần chúng, việc xây dựng đội ngũ đảng viên phải gắn chặt với phong trào cách mạng của quần chúng. Đảng viên phải thật sự rèn luyện mình trong phong trào cách mạng của quần chúng, coi đó là một trong những phương hướng chính để chống bệnh quan liêu và sự sa sút về phẩm chất, đạo đức. Có thật sự hòa mình vào phong trào cách mạng của quần chúng, đảng viên mới nhận được sự kiểm tra chặt chẽ và sự giúp đỡ cần của quần chúng, và mới kịp thời phát hiện được những phần tử ưu tú trong quần chúng để lựa chọn, bồi dưỡng, bổ sung vào đội ngũ của Đảng. Mặt khác, các tổ chức cơ sở của Đảng phải tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng góp ý kiến phê bình sự lãnh đạo của Đảng, phê bình công tác và phẩm chất, tư cách của đảng viên. Báo cáo chính trị tại Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: "Việc tổ chức cho quần chúng giới thiệu người vào Đảng, góp ý kiến vào việc đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, phê bình đảng viên, kiểm tra hoạt động của đảng viên, là bài học rất quý trong công tác xây dựng Đảng, cần được

tổng kết chu đáo, áp dụng rộng rãi và có nền nếp trong tất cả các tổ chức Đảng" (11).

Việc xây dựng đội ngũ đảng viên còn phải gắn với việc cải tiến cơ chế tổ chức và quản lý kinh tế - xã hội, cải tiến bộ máy của Đảng và Nhà nước, gắn với việc sửa đổi những chính sách, chế độ không hợp lý, những cách tổ chức quản lý không phù hợp. Như chúng ta đã biết, sức mạnh của tổ chức, tính hợp lý của bộ máy tác động không nhỏ đến từng cá nhân. Trong từng cơ quan, đơn vị, khi mà các chủ trương công tác đã được xác định đúng đắn, khi mà chức trách, nhiệm vụ đã rõ ràng, sự phân công được hợp lý, tiêu chuẩn các công việc và chế độ trách nhiệm đã phân minh, các mối quan hệ phối hợp trong công tác được xác định rõ thì sẽ tạo những điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên rèn luyện và phát huy tác dụng. Mặt khác, bộ máy hợp lý đó cũng tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Đảng đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của từng đảng viên và của từng người ngoài Đảng, từ đó mà có chủ trương, kế hoạch thích hợp trong công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên, trong việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng cũng như trong việc kết nạp người vào Đảng.

Kết quả của việc xây dựng đội ngũ đảng viên thể hiện ở thành tích công tác của quần chúng cách mạng do đội ngũ đảng viên lãnh đạo. Thành tích công tác của một địa phương, đơn vị là cái thước đo sự tiến bộ của việc xây dựng đội ngũ đảng viên ở địa phương, đơn vị đó.

(11) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 88.

VỀ ĐÔNG-DƯƠNG CỘNG SẢN LIÊN ĐOÀN

 **ƠI Bộ biên tập :** Như chúng ta đã biết, từ nửa cuối năm 1929, ở nước ta có ba tổ chức cộng sản : **Đông-dương cộng sản đảng**, **An-nam cộng sản đảng** và **Đông-dương cộng sản liên đoàn**. Nhờ uy tín và công lao to lớn của đồng chí **Nguyễn-Ái-Quốc**, ba tổ chức đó đã được hợp nhất, và ngày 3-2-1930, Đảng cộng sản Việt-nam ra đời.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 53 ngày thành lập Đảng, chúng tôi dâng dưới đây hồi ký của đồng chí **Trần-Hữu-Chương** kể lại một số sự việc về **Đông-dương cộng sản liên đoàn**.

Đồng chí Trần-Hữu-Chương, lúc còn trẻ, hoạt động trong **Tân Việt** cách mạng đảng lại Sài-gòn. Đồng chí đã cùng một số đồng chí khác cải tổ **Tân Việt** thành **Đông-dương cộng sản liên đoàn**. Trước Cách mạng Tháng Tám, đồng chí đã từng bị thực dân Pháp bắt và đày đi **Lao-bào**, **Kon-Tum**. Tháng 8 năm 1945, đồng chí tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở **Nghệ-lĩnh**. Sau đó, đồng chí công tác ở Bộ nội vụ (cũ), là Vụ trưởng, Bí thư đảng ủy cơ quan Bộ, giám đốc trường hành chính trung ương v.v. Hiện nay do tuổi cao, sức yếu, đồng chí đã nghỉ hưu.



Vào khoảng cuối năm 1928, ở Sài-gon, **Tân Việt** cách mạng đảng hoạt động khá mạnh, đang chuẩn bị phát triển ra nhiều nơi thì xảy ra vụ **Bác-bi-ê** (**Barbier**) làm cho **Tân Việt** bị liên quan. Nguyên là vì tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Sài-gon thi hành kỷ luật một đảng viên nhà ở phố **Bác-bi-ê**. Vụ án xảy ra, địch biết và lục soát : cơ quan án luật của kỳ bộ **Tân Việt Nam-kỳ** đóng

ở một phố gần đó bị lộ. Các đồng chí **Nguyễn-Duy-Trinh** và **Đào-Xuân-Mai** phụ trách cơ quan ấy đều bị bắt cùng với tất cả phương tiện án luật, sách vở và tài liệu huấn luyện.

Trước tình huống bất ngờ ấy, ở Sài-gon, **Tân Việt** phải thu hẹp cơ sở, di chuyển các địa điểm còn lại để phòng bị lộ thêm. Một số đồng chí có bút tích, hiện vật của mình trong cơ quan án luật, có thể bị truy nã, được

Đảng chủ trương cho xuất dương. Theo chủ trương đó, mấy ngày sau, các đồng chí Hà-Huy-Tập, Trần-Ngọc-Danh, Trần-Phạm-Hồ, Nguyễn-Khoa-Hiền, Phan-Đặng-Lưu, Lê-Liên-Vũ, cả thầy 6 người cùng xuống tàu sang Trung-quốc. Ở Sài-gòn, các hoạt động của Tân Việt tạm ngừng vì dịch đang dò la, lục soát. Tôi được cử đi báo cáo với Tổng bộ Tân Việt lúc đó đóng ở Huế. Tổng bộ chỉ thị cho Tân Việt tạm ngừng hoạt động một thời gian để tránh bị tổn thất thêm.

Lúc trở về đến Nha-trang, tôi được anh em đón giữ lại ở đó, vì anh em được biết căn nhà tôi ở Sài-gòn đã bị dịch lục soát, dịch đã bắt một số người trong nhà để tra hỏi về tôi.

Khoảng tháng 4 năm 1929, Tổng bộ Tân Việt cho người mang vào Nam bản đề án thành lập « Khối quốc gia » (Bloc national). Các đồng chí ở Sài-gòn triệu tập chúng tôi về để thảo luận bản đề án đó và bàn việc tiếp tục hoạt động, vì lúc này dịch đã bớt lung lay.

Chúng tôi họp vào tháng 6 năm 1929, tại nhà số 5 đường Nguyễn-Tân-Nghiem (nay là đường Phát-diệm). Sau nhiều ngày thảo luận, đã quyết nghị như sau:

- Phản đối bản đề án « Khối quốc gia », ly khai khỏi Tổng bộ Tân Việt, chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản.

- Chọn lựa những người tích cực trong Tân Việt tổ chức ra các chi bộ cộng sản.

- Tiếp nhận tổ chức Thanh niên cao vọng hội của Nguyễn-An-Ninh, chọn lựa những người tốt kết nạp vào Đảng, còn những người khác thì để ở các tổ chức quần chúng của Đảng.

Hội nghị đã bầu ban chấp hành của kỳ bộ gồm các đồng chí Lê-Trọng-Màn, Hải-Thanh, Hải-Triều, Trần-Hữu-Duyệt và tôi. Tôi được cử làm bí thư.

Hội nghị đã cử đồng chí Trần-Hữu-Duyệt ra Huế dự hội nghị của

Tổng bộ Tân Việt dự-dịnh họp ngày 11-7-1929, đề phản đối đề án « Khối quốc gia » và đòi thành lập Đảng cộng sản, nếu không được sẽ công khai tuyên bố ly khai Tổng bộ.

Ngày 7-7-1929, đồng chí Trần-Hữu-Duyệt ra tới Huế thì Tổng bộ Tân Việt đã bị dịch bắt. Đồng chí liền ra Vinh liên lạc với kỳ bộ Tân Việt Trung-kỳ để trao đổi về việc thành lập Đảng cộng sản. Trong thời gian đó, tại Sài-gòn, các đồng chí Tân Việt đã lần lượt tổ chức ra các chi bộ hoặc các nhóm đảng viên cộng sản ở Phú-nhuận, Bà-Chiêu, Tân-định, Đakao, Khánh-hội, Chợ-quán, Chợ-lớn v.v.

Không riêng ở Nam-kỳ, mà ở Bắc-kỳ cũng như ở Trung-kỳ, bản đề án « Khối quốc gia » đều bị kịch liệt phản đối. Ở các đảng bộ Tân Việt khắp ba kỳ, nhất là trong các đảng viên thuộc thành phần công nhân ở các nhà máy Vinh, Bến-thủy, xu hướng thành lập Đảng cộng sản biểu hiện rất sôi nổi, rất rõ rệt.

Tháng 8 năm 1929, đồng chí Nguyễn-Xuân-Thanh (tức Chát-Bây), bí thư kỳ bộ Tân Việt Trung-kỳ vào Sài-gòn họp bàn với kỳ ủy Nam-kỳ. Cuộc họp đã quyết định sẽ tiến hành hội nghị thành lập Đảng cộng sản vào ngày 1-1-1930. Kỳ bộ Trung-kỳ chịu trách nhiệm liên lạc mời đại biểu của kỳ bộ Bắc-kỳ, đồng thời bố trí địa điểm họp. Kỳ bộ Nam-kỳ được phân công soạn thảo các văn kiện như tuyên ngôn, chương trình, điều lệ v. v. để trình trước hội nghị. Mật hiệu đánh điện báo địa điểm hội nghị, và mật hiệu đề bắt liên lạc đều được chúng tôi thảo luận kỹ càng. Số đại biểu được quy định không quá 10 người.

Lúc đó, ở Nam-kỳ chúng tôi vẫn tiếp tục tiến hành việc lựa chọn đảng viên. Số đảng viên lúc này đã có hơn một trăm người. Kỳ bộ họp phân công các đồng chí Lê-Trọng-Màn, Hải-Thanh và Hải-Triều chuẩn bị các văn

bản cần thiết cho hội nghị thành lập Đảng cộng sản. Đây là một việc rất khó vì hồi đó trình độ lý luận của chúng tôi còn rất thấp.

Chúng tôi nghiên cứu các văn bản của Đông-dương cộng sản đảng do đồng chí Chát-Bây mang vào: dựa vào đó và dựa vào chương trình của Quốc tế cộng sản mà viết các bản đề cương. Về tên đảng, chúng tôi đề nghị lấy tên "*Đông-dương cộng sản liên đoàn*". Sở dĩ lấy tên đó là vì chúng tôi phỏng theo tổ chức "*Liên đoàn những người cộng sản*" đã được Mác và Ăng-ghe-nê nêu lên trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, và có tham vọng sẽ liên lạc để thống nhất với các tổ chức cộng sản khác ở Đông-dương.

Trong khi chuẩn bị các văn kiện cho hội nghị, chúng tôi được tin Quốc tế cộng sản vừa có thư phê bình sự chia rẽ của các tổ chức cách mạng ở Đông-dương và chỉ thị phải sớm thống nhất lại thành một Đảng cộng sản duy nhất. Chúng tôi cũng được biết là Quốc tế đã cử đại biểu về Hương-căng để tiến hành công việc đó. Tin ấy càng làm cho chúng tôi thêm phần khởi đề gấp rút xúc tiến công việc. Cùng lúc ấy, ở Sài-gòn, Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã được cải tổ thành An-nam cộng sản đảng. Từ tháng 8-1929, phần lớn các tỉnh ở Nam-kỳ đều có chi bộ An-nam cộng sản đảng. Tình hình đó càng thúc đẩy chúng tôi gấp rút thành lập Đảng cộng sản để kịp thời đáp ứng nguyện vọng của đồng bào đồng chí tích cực.

Tất cả các tài liệu sau khi dự thảo xong và được kỹ bộ thông qua đều viết trên những mảnh giấy mỏng chữ rất nhỏ. Kỹ bộ Nam-kỳ cử đồng chí Hải-Triều và tôi đi dự Hội nghị. Vào những ngày cuối năm 1929, hai chúng tôi lên đường sau khi đã biết rõ địa điểm.

Ở Sài-gòn về, đồng chí Chát-Bây thảo luận với kỹ bộ Trung-kỳ và thực hiện các việc đã định: cho người ra

liên lạc và trình bày với kỹ bộ Bắc-kỳ, bố trí địa điểm hội nghị v.v. Về địa điểm, sau này chúng tôi được nghe nói lại là lúc đầu định họp ở ga Ngọc-lâm, tỉnh Quảng-bình (cũ). Đồng chí Lê-Tất-Đắc làm xếp ga này và một số đồng chí đảng viên ở đó đã chuẩn bị cho cuộc họp. Nhưng gần đến ngày họp thì thấy có mặt thám thường lui tới dò la. Đoán là địa điểm có thể đã bị lộ, các đồng chí chuyển cuộc họp đi nơi khác. Đồng chí Chát-Bây triệu tập các đại biểu đến ga Thọ-tường thuộc tỉnh Hà-tĩnh (cũ), là một ga nhỏ gần nhà ở của đồng chí.



Chiều ngày 31-12-1929, đồng chí Hải-Triều và tôi xuống ga Thọ-tường. Đến sân ga, chúng tôi thấy ngay một người tay phải cầm khăn trắng, tay trái thỉnh thoảng gãi sau gáy hai cái. Chúng tôi dơ tay trái lên ngoáy tai hai lần. Thế là chúng tôi nhận ra nhau. Tuy vậy, không ai chào hỏi ai, chúng tôi cứ lặng lặng cùng với những hành khách khác đi theo người ấy. Được một quãng xa, người ấy đi chậm lại, nói khẽ với chúng tôi là anh em đã đến đủ cả rồi, và mời chúng tôi về nhà đồng chí Chát-Bây.

Đến nhà, chúng tôi thấy có các đồng chí: Ngô-Dức-Dệ, đại biểu các tỉnh vùng Bình-dịnh; Trần-Thế-Quả, đại biểu các tỉnh vùng Thừa-thiên; Nguyễn-Xuân-Thanh (tức Chát-Bây), Nguyễn-Tồn, đại biểu kỹ bộ Trung-kỳ và các nhà máy ở Vinh - Bến-thủy; Lê-Văn-Tiêm, đại biểu các tỉnh vùng Nghệ-tĩnh, Ngô-Dinh-Mặn, đại biểu kỹ bộ Bắc-kỳ, và hai chúng tôi là đại biểu kỹ bộ Nam-kỳ. Tất cả có 8 đồng chí. Vì địa điểm bị thay đổi đột ngột cho nên có một vài đồng chí không đến được.

Nhà đồng chí Chát-Bây ở gần đường, không có vườn, không thuận tiện cho việc hội họp. Chúng tôi ban nhau phải bố trí địa điểm khác. Đồng

chị Quả được cử đỡ gập kỷ bộ Trung-kỳ đóng ở Yên-dũng (Vinh - Bến-thủy) để thu xếp việc đó. Các báo cáo, tài liệu cần thiết cho hội nghị được tập trung lại, do tôi cất giữ.

Sau khi vạch kế hoạch thoát thân trong trường hợp bị lộ, chúng tôi bày bàn đánh tổ tôm, nhằm sơ bộ trao đổi ý kiến với nhau. Chung quanh nhà, có chị Chấn-Bảy và một số đồng chí ở địa phương đảm nhiệm việc canh gác.

Chúng tôi vừa đánh bài vừa trao đổi cho nhau biết tình hình nội bộ. Một nét chung là các đảng bộ đều mong muốn chống thành lập Đảng cộng sản. Việc các đồng chí ở Đông-dương cộng sản đảng liên hệ với đảng bộ Vinh và đề nghị sáp nhập cũng được đưa ra thảo luận. Chúng tôi nhất trí với nhau là thành lập xong đảng sẽ cử đại biểu đi bàn việc thống nhất các Đảng theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản. Về tên Đảng, chúng tôi nhất trí lấy tên *Đông-dương cộng sản liên đoàn*. Riêng việc thảo luận thông qua các văn bản cần thiết thì chờ đến địa điểm mới sẽ làm, vì đó là công việc chính của hội nghị.

Hôm sau (1-1-1930), đồng chí Quả trở về cho biết là tối hôm đó sẽ có thuyền của kỷ bộ đón ở khoảng sông từ cổng Trung-lương đến Đò-trai. Hội nghị sẽ làm việc trên thuyền đó. Thuyền do các đảng viên phụ trách sẽ chèo theo hướng của những dò dọc đi các chợ phiên cho đến khi họp xong.

Suốt ngày ấy, trời nắng ấm. Chúng tôi phân tán thành từng tốp 2 - 3 người, tìm những chỗ kín đáo, thuận tiện để nghiên cứu trước những tài liệu cần thiết. Gần tối, chúng tôi xuống cầu Phủ (cầu Đức-thọ), thuê thuyền xuống Đò-trai. Một bà già và một cô gái chèo chúng tôi đi. Để che mắt địch, một số chúng tôi ở trong thuyền rủ nhau đánh bài. Một số nằm trên mũi thuyền nghe đồng chí Đệ hát dò đưa. Thuyền đến cổng Trung-lương, đồng chí Đệ hát: "Thuyền đã

đến cổng Trung-lương, mà lòng ai vẫn cứ thương như xưa".

Câu hát bề ngoài tưởng dễ trêu ghẹo cô lái đò nhưng chính là để nói lên tấm lòng của mình đối với cách mạng. Câu hát đó cho đến ngày này, tôi vẫn nhớ kỹ.

Khởi cổng Trung-lương một vài khúc sông, thuyền cắm lại nghỉ. Trong lúc lái đò ngủ, chúng tôi thức chờ thuyền của kỷ bộ đến đón. Rạng sáng chưa thấy thuyền, chúng tôi bảo lái đò chèo đến bến Đò-trai. Chúng tôi định ghé lên bờ thì có tiếng gọi. Nhìn ra, thấy mấy người lính giần (lính huyện). Biết là đã bị lộ, chúng tôi không vội lên bờ, giả vờ tìm quần áo, giày dép, chúng tôi hội ý chớp nhoáng với nhau, nếu quả bị bắt, chúng tôi sẽ khai là hành khách thuê chung dò xuống Đò-trai, không ai quen biết ai cả. Mỗi chúng tôi tự chuẩn bị lời khai của mình cho có lý. Việc quan trọng nhất là làm thế nào thủ tiêu được các tài liệu. Vì ở thuyền quen, tôi nhét bỏ tài liệu vào dưới tấm ván nhỏ đầu mũi thuyền, theo tôi, đó là chỗ mà ít ai chú ý đến.

Lúc chúng tôi lên đến bờ, tên đội lệ thấy trong chúng tôi có đồng chí Lê-Văn-Tiêm (giáo Tiêm) là người cùng huyện, liền vui vẻ nói: «Tuong ai, hóa ra ông giáo! Thế mà quan phủ được báo là có đám cướp thuê thuyền về núi Hồng (1), ngài cho chúng tôi theo thuyền suốt đêm xuống đây để bắt!». Đồng chí Tiêm nói ngay: «Tôi về tỉnh có việc cần, nếu vậy đề tôi ra đường cái đón ô tô cho kịp». Tên đội lệ không chịu và bảo chúng tôi là quan phủ đã ra lệnh bắt thì cứ phải về gặp quan đã rồi sau sẽ hay.

Tên đội và 3 người lính có vẻ không chút nghi kỵ đối với chúng tôi, nên dọc đường chúng tôi tìm dịp vào các quán hàng lấy có để ăn uống, mua bán lặt vặt, song thực tình là để

(1) Tức là núi Hồng-linh.

bàn kỹ với nhau về kế hoạch khai báo. Chúng tôi cũng bàn cách lấy lại hồ tài liệu còn cất giấu ở dưới đống. Đi ngang chợ Trỏ, đồng chí Tiềm dẫn người nhà bán hàng ở đó bố trí một người giả đóng làm lính huyện, tìm lại con đò ấy (đồng chí Tiềm biết tên bà lái đò) tìm cách lục soát và kín đáo lấy lại hồ tài liệu, không cho chủ đò biết.

Chúng tôi ai cũng thấy xảy ra như thế này là điều bất lợi lớn. Song, biết là bọn địch không có bằng chứng gì dễ kết tội, nên chúng tôi không chủ trương để đồng chí nào trốn, vì làm như vậy sẽ giúp cho bọn địch có cơ để kết tội những đồng chí còn lại.

Chưa đến phủ thì các đồng chí ở địa phương báo cho chúng tôi biết đã lấy lại được tài liệu. Tin ấy làm cho chúng tôi rất mừng, rất vững tâm. Chúng tôi nhờ các đồng chí đó đem giao tận tay những tài liệu ấy cho kỹ bộ đóng ở Vinh.

Tên tri phủ hỏi chúng tôi từng người một. Nó tỏ ra lịch thiệp, bảo chúng tôi vì trốn đã báo với tên đồn trưởng ở Linh-cầm, cho nên không thể tha chúng tôi được mặc dù theo nó, chúng tôi đã bị bắt nhầm.

Đến chiều, gọi chúng tôi lên, nó lại nói là đồn Linh-cầm đã báo về tỉnh, và tỉnh bảo phải đem chúng tôi về tỉnh. Chúng tôi thấy cần phải tạo cơ hội bàn bạc kỹ với nhau nên yêu cầu tên tri phủ để chúng tôi đi bộ về tỉnh, không cần chờ ở tù. Hai người lính giãn áp giải chúng tôi. Họ biết chúng tôi là những người tử tế, có học, chứ không phải là kẻ cướp, vì vậy, họ đối với chúng tôi rất dễ dãi. Đến thị trấn Nghèn (huyện lỵ Can-lộc) là quê của đồng chí Đệ và đồng chí Quả, chúng tôi đề nghị họ cùng nghỉ đêm ở đó. Tối hôm đó, chúng tôi bàn với người nhà của hai đồng chí nói trên tiếp đãi hai người lính thật chu đáo để chúng tôi có dịp hội họp với nhau.

Chúng tôi biết rằng do bị bắt, thế nào chúng tôi cũng bị giam giữ ít lâu. Chúng tôi thấy cần có thông báo cho toàn Đảng Tân Việt biết là đã thành lập *Đông-dương cộng sản liên đoàn* và kêu gọi các cấp bộ chính đón lại hàng ngũ để sẵn sàng sáp nhập vào Đảng cộng sản thống nhất sẽ được thành lập theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản. Chúng tôi ủy nhiệm đồng chí Ngô-Đức-Đệ thảo thông báo và thư gửi các đảng viên.

Ở thị xã Hà-tĩnh, tên công sứ La Gre-dơ lần lượt hỏi chúng tôi. Nó bảo chúng tôi là cái tổ của Tân Việt. Mấy ngày sau, nó ra lệnh giải chúng tôi ra Vinh.

Ở Vinh, chúng tôi bị giam riêng mỗi người một nơi. Qua nhiều đợt hỏi cung, chúng tôi không tìm được chứng cứ gì dễ kết tội chúng tôi, tuy chúng biết chúng tôi là đảng viên Tân Việt. Sau gần hai tháng tra hỏi, chúng kết án đồng chí Ngô-Đức-Đệ 3 năm tù vì tội « là em của Ngô-Đức-Kế » (2), còn 7 chúng tôi được tha về với cái án quân thức.

Vì hội nghị thành lập *Đông-dương cộng sản liên đoàn* vừa chúng bị vỡ cho nên chúng tôi không cử được đại biểu đi Cửu-long dự hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt-nam.

Tuy vậy, sau khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, các cấp bộ, các đảng viên tích cực của Tân Việt ở Trung-kỳ và Nam-kỳ đều hàng hái phần khởi gia nhập hàng ngũ Đảng cộng sản, toàn tâm, toàn ý phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng. Cao trào Xô viết Nghệ-tĩnh và các phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi ở khắp nơi, trong đó có sự tham gia tích cực của số đông đảng viên Tân Việt cũ, đã chứng minh rất rõ điều đó.

TRẦN-HỮU-CHƯƠNG

(2) Cụ Ngô-Đức-Kế (1878 - 1929) là một chí sĩ yêu nước quê ở huyện Can-lộc, tỉnh Nghệ-tĩnh, đã từng bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn-dao từ 1908 đến 1921.

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG ĐẤU-TRANH CỦA ĐẢNG CHỐNG BỌN TỜ RỐT XKÍT PHẢN ĐỘNG

THỀ - TẬP

CHỦ nghĩa Tờ-rốt-ksky là sự biến dạng của chủ nghĩa men sê vich, là chủ nghĩa cơ hội tệ hại nhất, một trào lưu chính trị mang tên Tờ-rốt-ksky, kẻ thù của chủ nghĩa Lê-nin. Từ năm 1927, chủ nghĩa Tờ-rốt-ksky trở thành phe đối lập, chia rẽ, khiến khích chống lại Đảng cộng sản (b) Liên-xô và chính quyền Xô viết.

Tháng 9 năm 1938, *Đệ tứ quốc tế* (tức Thế giới cách mạng xã hội đảng) một tổ chức phản động quốc tế làm tay sai cho chủ nghĩa đế quốc, đã chính thức thành lập, ra tuyên ngôn, phát hiệu triệu và phát hành nhiều sách báo tuyên truyền chủ nghĩa Tờ-rốt-ksky (1).

Năm 1957, nhân lúc Đảng cộng sản Liên-xô họp Đại hội thứ XX, trong đó có phê phán sai lầm sùng bái Ntalin, « Đệ tứ quốc tế » đã họp hội nghị quốc tế ở Brúc-xen (Bỉ) « đòi khôi phục danh dự cho Tờ-rốt-ksky », và cho tái bản nhiều tác phẩm của Tờ-rốt-ksky và sách nói về chủ nghĩa Tờ-rốt-ksky. Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản và của bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại tìm mọi cách phổ biến rộng rãi những lời vu khống của Tờ-rốt-ksky từ lâu đã bị vạch trần đối với Cách mạng Tháng Mười và Đảng cộng sản (b) Liên-xô.

Hiện nay, được chủ nghĩa đế quốc nuôi dưỡng và chủ nghĩa xét lại hiện đại tiếp sức, « Đệ tứ quốc tế » khoác áo chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã thành lập cái gọi là « Đảng cộng sản » ở một số nước..., đang ra sức hoạt động chia rẽ cộng đồng xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phá hoại phong trào công sản và công nhân quốc tế, và phong trào giải phóng dân tộc. Muốn chống chủ nghĩa đế quốc và các loại phản động quốc tế, không thể không chống bọn tờ rốtxkít. Các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới đã xác định cuộc đấu tranh chống bọn « đệ tứ quốc tế » là một trong những nhiệm vụ quan trọng của mình.

Cái gọi là « Đệ tứ quốc tế » do Tờ-rốt-ksky thành lập và bản thân Tờ-rốt-ksky đặc biệt quan tâm đến tình hình Việt-nam và Đông-dương. Khi

(1) Từ năm 1938, nhiều sách báo của bọn tờ rốtxkít lưu hành bí mật ở Việt-nam như *Tập chỉ đệ tứ quốc tế* (viết bằng chữ Pháp); *Hội nghị thành lập Đệ tứ quốc tế*; *Tuyên cáo của hội nghị gửi cho lao động toàn thế giới*; *Một tháng lợi lớn : bản vẽ hội nghị thế giới*; *Thuyết cách mạng thường trực của Tờ-rốt-ksky*; *Lời hô hào cổ vũ cho các chiến sĩ bị cầm tù và bỏ mình trong cuộc đấu tranh giai cấp...* (Những tài liệu này hiện lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng trung ương Đảng).

còn sống Tờ-rốt-xky đã từng ra những chỉ thị cho bọn tờ rớt xkit ở Đông-dương. Ngày 18-9-1930 Tờ-rốt-xky đã viết bài « Về bản tuyên bố của các đồng chí Đông-dương của Khối đối lập » trong đó Tờ-rốt-xky đã có những nhận xét có tính phê bình và góp ý đối với « cương lĩnh » của bọn tờ rớt xkit ở Đông-dương (2). Năm 1939 trong các bài viết của mình, Tờ-rốt-xky cũng đã từng nói nhiều đến thắng lợi của bọn tờ rớt xkit Đông-dương trong cuộc tuyên cử Hội đồng quân hạt Nam-kỳ (3).

Trong lịch sử đấu tranh anh dũng của Đảng ta, một trong những thắng lợi lớn của Đảng là đã chiến thắng bọn tờ rớt xkit chống phá cách mạng Việt-nam. Thắng lợi đó đánh dấu một bước trưởng thành của Đảng ta trên mặt trận chính trị và tư tưởng. Vì thế, tìm hiểu những kinh nghiệm của Đảng trong quá trình đấu tranh đánh bại bọn tờ rớt xkit chống phá cách mạng Việt-nam là một điều rất cần thiết.



Bản thân phong trào công nhân Việt-nam không sản sinh ra chủ nghĩa Tờ-rốt-xky. Nó ở ngoài xâm nhập vào Việt-nam, qua tổ chức tờ rớt xkit người Pháp, do Tạ-Thu-Thâu gieo rắc vào nước ta từ tháng 6-1930, ngay sau khi y từ Pháp trở về nước. Năm 1931, Thâu, tên trùm tờ rớt xkit ở Việt-nam, tổ chức cái gọi là « đảng cộng sản tả đối lập » ở Sài-gòn, tuyên truyền khoe khoang thuyết « cách mạng thường trực » của Tờ-rốt-xky, xuyên tạc lý luận cách mạng không ngừng của Lê-nin, chống học thuyết của Lê-nin về khả năng cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể thắng lợi « trước tiên ở một vài nước thậm chí ở một nước tự ban riêng lẻ... ». Nhưng bọn tờ rớt xkit ở Việt-nam lại tự nhận là « đồ đệ trung thành của Lê-nin », là « cộng sản chân chính », « chỉ chống phái Xta-lin ». Chống lại đường lối cách mạng tư sản dân quyền (nay gọi là cách

mạng dân tộc dân chủ nhân dân) do Đảng ta đề ra, chúng chủ trương làm « cách mạng vô sản », đánh đổ « cùng một lúc cả đế quốc Pháp, giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản dân tộc, thiết lập ngay chuyên chính vô sản. Bằng giọng lưỡi « tả », chúng lừa bịp, lôi kéo được một số thanh niên học sinh, sinh viên, tri thức và một số ít công nhân bồng bột, còn ngây thơ về chính trị. Chúng hoạt động mạnh từ năm 1936, nhất là từ năm 1938, khi « Đề tứ quốc tế » thành lập. Tạ-Thu-Thâu từ khi về nước (tháng 5-1930), vẫn có liên lạc rất chặt chẽ với tổ chức tờ rớt xkit ở Pháp và thường xuyên nhận được sách báo phản động của « Đề tứ quốc tế ».

Tổ chức tờ rớt xkit ở Việt-nam chia làm nhiều phe nhóm, vì chúng không phục nhau, thường công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng. Riêng ở Nam-bộ, có ba phái: phái thứ nhất gồm có Tạ-Thu-Thâu, Trần-Vân-Thạch...; phái thứ hai lấy tên là « Tháng Mười » do Hồ-Hữu-Trương cầm đầu, ra tờ báo « Tháng Mười »; phái thứ ba lấy tên là « Tia sáng » do Đào-Hùng-Long cầm đầu, ra tờ báo « Tia sáng ». Ở Bắc-bộ, trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 — 1939) những tên tờ rớt xkit hoạt động mạnh là Huỳnh-Vân-Phương, Phan-Văn Chánh, v.v. Tờ báo « Quốc gia » mà Trương-Tửu là cây bút chính đề cao Huỳnh-vân-Phương. Trái lại, tờ báo « Phụ nữ thời đàm » của nhóm Thái-Văn-Tam lại công kích Huỳnh-Vân-Phương là « thỏa hiệp », v.v. Tuy vậy, chúng lại hoàn toàn thống nhất với nhau về đường lối chính trị phản động, về luận điệu xuyên tạc, chia rẽ về hành động khiêu khích, phá hoại cách mạng Việt-nam.

(2) Writings of Leon Trotsky (1930—1931). Pathfinder Press, New York, 1974.

(3) Writings of Leon Trotsky (1938 — 1939). Pathfinder Press, New York, 1969, tr. 32, 39, 134 — 135.

Địa bàn hoạt động chủ yếu của chúng là ở các thành phố, nơi tập trung giai cấp công nhân và tầng lớp thanh niên, sinh viên, công chức và trí thức. Ở Nam-bộ, chúng hoạt động nhiều ở Sài-gòn, Chợ-lớn... Ở Bắc-bộ, chúng hoạt động nhiều ở Hà-nội và đã đặt chân đến một số địa phương ở Hải-phòng, Hải-dương, v.v. Ở Trung-bộ, chúng hoạt động yếu ớt ở Huế. Nơi nào cán bộ và đảng viên của ta tuyên truyền giải thích kỹ cho quần chúng hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng, và kiên quyết vạch mặt bọn tờ rớt-xky thì chúng bị cô lập và không gây được cơ sở.

Ảnh hưởng của bọn tờ rớt-xkit ở Việt-nam lúc bấy giờ tuy không sâu rộng trong nhân dân ta, nhưng điều đáng chú ý là chúng đã tìm mọi cách chui vào hàng ngũ cách mạng để phá hoại từ trong tổ chức cách mạng; chui vào Đảng ta để chống phá từ nội bộ Đảng. Vì thế, Trung ương Đảng đã chỉ thị: « ... Phải tẩy sạch những phần tử tờ rớt-xkit đã lọt vào trong Đảng » (4). Bọn tờ rớt-xkit còn che đậy tính chất cực kỳ phản động của chúng bằng những câu « tả » khuynh trống rỗng, « cách mạng dầu lửa » như: « triệt để cách mạng », « chân chính cộng sản », « cách mạng vô sản », « chuyên chính vô sản », v.v. Lê-nin đã nhận xét rất đúng về những lời huyênh hoang, ba hoa của Tờ-rớt-xky như sau: « Tờ-rớt-xky chỉ tung ra những câu trống rỗng... Sở dĩ Tờ-rớt-xky lần tránh những sự việc và những chứng cứ cụ thể, là vì những sự việc và chứng cứ cụ thể đó đã bác bỏ một cách không thương xót tất cả những lời độc địa và những câu nói huyênh hoang của y » (5).



Từ giữa năm 1930, khi chủ nghĩa Tờ-rớt-xky bắt đầu truyền vào Việt-nam thì Đảng ta cũng bắt đầu đấu

tranh chống bọn tờ rớt-xkit phá hoại cách mạng Việt-nam.

Trong cao trào cách mạng (1930 — 1931), bọn tờ rớt-xkit vu khống Đảng ta « tự tổ chức những cuộc biểu tình « quy thuận » để quốc Pháp » (6). Khi phong trào cách mạng bị đế quốc khùng bố dẫm máu, lập lại luận điệu của đế quốc, chúng la lên: « Đảng cộng sản Đông-dương đã bị tiêu diệt » (7). Đáp lại những lời xuyên tạc đó, Đảng ta đã nêu lên những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác và kết luận: « Đây cũng là những bằng chứng tốt nhất để vạch trần những giọt nước mắt cá sấu của bọn thủ tiêu và bọn tờ rớt-xkit ở Đông-dương » (8). Năm 1933, Đảng ta đã phê phán những quan điểm phản động của bọn tờ rớt-xkit về « lý thuyết cách mạng thường trực », « vấn đề nông dân » và « vấn đề cách mạng vô sản », và vạch rõ sự hoạt động của chúng lúc ấy: « thấy ở Sài-gòn có một bọn cử nhân, lương y « ông đốc » đại tư bản bóc lột thợ thuyền, đại địa chủ cướp giật nông dân, bọn ấy góp bà con làm đảng phái, lựa những phần tử hoạt đầu tiêu tư sản (bị Đảng cộng sản Đông-dương khai trừ) làm vây cánh mang mặt nạ tự xưng là « cộng sản », là « mác-xít chánh tông », có sẵn xe hơi đi tuyên truyền chủ nghĩa Tờ-rớt-xky phản cách mạng, sàm báng Đảng cộng sản Đông-dương một cách rất dễ tiện; nên *Tạp chí Cộng sản* sẽ ấn hành luôn mấy bài để giúp các đồng chí gỡ mặt vạch trần mấy ông « cách mạng trừ danh » này trước mặt lao động Đông-dương. Chúng tôi bắt đầu bàn chủ nghĩa của

(4) *Văn kiện Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản. Hà-nội, 1977, tập II—1930—1945, tr. 288.

(5) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1961, quyển I, phần II, tr. 252—253.

(6); (7). (8) Trích bài *Kỷ niệm lần thứ ba Ngày thành lập Đảng* của đồng chí Hồng-Thế-Công (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

thầy rồi kể bàn đến sách lược của mấy cậu đồ đệ xứ này" (9).

Năm 1934, thấy Đảng ta, mặc dù bị đế quốc Pháp không bỏ rất tàn bạo, nhưng vẫn tồn tại và đấu tranh, bọn tớ rất xkit xuyên tạc một cách trắng trợn rằng Đảng ta ra đời là "do cánh tả của Quốc dân đảng thành lập nên" (10).

Thời kỳ 1936 — 1939, Đảng ta chủ trương thành lập Mặt trận dân chủ Đông-Đương, ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp, chống phát xít và chiến tranh, chống phản động thuộc địa và bọn tay sai, đòi tự do, cơm áo và hòa bình. Bọn tớ rất xkit chống lại toàn bộ đường lối của Đảng ta trong thời kỳ này. Chúng hô hào thành lập "Mặt trận vô sản" và cho rằng việc lập Mặt trận dân chủ Đông-Đương là "hợp tác giai cấp", là "thỏa hiệp, đầu hàng giai cấp tư sản", là "từ bỏ đấu tranh giai cấp", v.v. Sau khi bị phê phán về vấn đề này chúng đưa ra các hình thức khác như "Mặt trận công nông", "Mặt trận những người bị bóc lột chống kẻ bóc lột"; rồi chúng quay trở lại "Mặt trận vô sản". Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, đồng chí Hà-Huy-Tập, một vài đồng chí khác và ông Nguyễn-An-Ninh, một trí thức yêu nước, có cảm tình với Đảng, đã tham gia bút chiến về vấn đề mặt trận với bọn tớ rất xkit, đứng đầu là Tạ-Thu-Thâu, "đã đánh tan các chủ trương lộn xộn sai lầm và nguy hiểm của Thâu một cách rất xác đáng trong báo *La lulle* (11).

Cuộc bút chiến thứ hai không kém phần quyết liệt giữa một số cán bộ của Đảng ta với bọn tớ rất xkit là cuộc bút chiến về vấn đề ái hữu và công đoàn. Đảng ta chủ trương trong lúc đấu tranh đòi tự do tổ chức công đoàn, phải lợi dụng hết thầy các hình thức tổ chức ái hữu, tương tế... để vận động quần chúng. Chống lại chủ trương này, bọn tớ rất xkit viết trên

báo *La lulle* (Tranh đấu) *Le militant*, (chiến sĩ), *Thầy thợ* rằng: "Ái hữu giết chết công đoàn"; "Ái hữu không thể là một lợi khí tranh đấu, ái hữu không thể giải ngộ quần chúng về quyền lợi giai cấp"; "Ái hữu chỉ là lừa gạt, xói thịt, cải lương, phản động"....

Các tờ báo *Dân chúng*, *Lao động*, *Ban dân...* của ta đã đồng vai trò quan trọng trong hai cuộc bút chiến trên đây và đã vạch trần những luận điệu phản động của bọn tớ rất xkit.

Bọn tớ rất xkit còn vu khống Đảng ta là "dũng cái lương" "hoạt đầu", "đầu hàng đế quốc", v.v. Năm 1938, Đảng ta đã vạch rõ, chính bọn tớ rất xkit là bọn cải lương, hoạt đầu, làm tay sai cho đế quốc và chính bọn chúng là kẻ thù của nhân dân "vì chúng đã phá cuộc bãi công, mít tinh, đốt nhà (tại rạp hát Thành-xương), làm lính kín, ly gián các lực lượng dân chúng, công kích Mặt trận bình dân, ra sách phát không để chửi cộng sản" (12). "... Phải đề ý tiêu diệt nạn tớ rất xkit từ khi nó còn trong trứng và đừng để cho những phần tử tớ rất xkit giả danh lọt vào hàng ngũ ta" (13). Báo *Dân chúng*, cơ quan trung ương của Đảng, còn viết: "bọn tớ rất xkit xứ này đã thật mặt nói

(9) Trích bài *Mặt nạ tá phất, gở mặt nạ chủ nghĩa Tờ-rớt-xky* đăng trong *Tạp chí Cộng sản*, số 1 tháng 6-1933, (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(10) Trích trong bài "Lịch sử văn tât của Đảng cộng sản Đông-Đương", đăng trong *Tạp chí cộng sản* số 10, ra ngày 15-1-1934 (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(11) Trích trong cuốn *Tờ-rớt-xky và phá cách mạng của Thanh-Hương*, *Tiên phong thư xã* xuất bản năm 1937.

(12) *Văn kiện Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1977, tập II, 1930—1935, tr. 265.

(13) Trích nghị quyết Hội nghị đại biểu đảng bộ Bắc-kỳ họp tháng 5-1938 (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

gót đồng bọn chúng ở Tàu. Tây-ban-nhã... » (14).

Lúc này, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đang hoạt động ở nước ngoài, đã viết một số bài báo quan trọng gửi về nước đăng trên báo *Notre Voix* (*Tiếng nói của chúng ta*), tuần báo công khai của Đảng ta năm 1939, lên án bọn tô rớt xkit ở Trung-quốc, tay sai của phát xít Nhật đã chui vào Đảng cộng sản Trung-quốc để chống phá phong trào của nhân dân Trung-quốc kháng chiến chống phát xít Nhật. Đồng thời Người đã gửi thư cho Trung ương Đảng ta nói rõ chủ trương của Đảng đối với bọn tô rớt xkit ở Việt-nam phải như thế nào. Người viết: « Đối với bọn tô rớt xkit, không thể có một liên minh nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng đã làm tay sai cho bọn phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị » (15).

Đồng chí Nguyễn-Văn-Cử lúc này là Tổng bí thư của Đảng, cũng đã phê bình nghiêm khắc một vài đồng chí hữu khuynh, hợp tác vô nguyên tắc với bọn tô rớt xkit.

Từ khi phát xít Nhật có âm mưu xâm chiếm Đông-dương, bọn tô rớt xkit đưa ra luận điệu « lợi dụng Nhật để giải phóng cho nhân dân Đông-dương ». Năm 1940 khi phát xít Nhật xâm chiếm Đông-dương, Tạ-Thư-Thầu nói: « Ta lợi dụng Nhật để đánh Pháp trước rồi sẽ đánh Nhật sau ». Khi Nhật-Pháp tạm thời hòa hoãn với nhau để đàn áp phong trào cách mạng Đông-dương, bọn tô rớt xkit cho rằng: « Nhật không cần lật đổ Pháp, vì Pháp đã đầu hàng Nhật ». Năm 1941, khi phát xít Đức tiến đánh Liên bang Xô viết, trên báo *Điện tín Sài-gòn*, bọn tô rớt xkit tỏ vẻ hý hửng nêu vấn đề « Liên-xô nhất định sẽ thất bại ». Năm 1943, khi quân đội Xô viết quyết chiến ở mặt trận Xta-liu-grát, và bắt đầu phản công, thì chúng lại đổi giọng: « Nếu Liên-xô có thắng phát xít Đức chẳng nữa thì sự nghiệp xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô cũng bị tiêu tan, sau này có xây dựng đất nước của mình Liên-xô lại sẽ bị đế quốc khác tiến công, vì theo thuyết cách mạng thường trực của Tô-rớt-xky thì cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thành công trong một nước ».

Từ năm 1941, Nhà xuất bản Hàn-Thuyên do tên tô rớt xkit Trương-Tử làm giám đốc, đã cho ra đời những tập sách có tính chất « khảo cứu », trong đó một số cuốn thể hiện chủ nghĩa duy vật máy móc, thô sơ, pha lẫn những quan điểm duy tâm siêu hình và những luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lợi dụng thuyết duy vật và đấu tranh giai cấp để chống lại *Mặt trận Việt Minh* do Đảng ta sáng lập và lãnh đạo; đồng thời bôi nhọ những trang sử vẻ vang của dân tộc ta, bôi nhọ truyền thống đấu tranh oanh liệt của dân tộc ta chống bọn phong kiến Trung-quốc xâm lược nước ta. Trong cuốn *Hai Bà Trưng khởi nghĩa*, tên tô rớt xkit Nguyễn-Tế-Mỹ đã viết: « Dưới triều Hai Bà Trưng, nước ta thuộc chế độ mẫu hệ », rồi nhận định rằng « chế độ phụ quyền ở Trung-quốc lúc bấy giờ cấp tiến hơn chế độ mẫu hệ ở ta khi đó », cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Đông Hán là « ngược đường tiến hóa của xã hội ». Nguyễn-Tế-Mỹ cho rằng cuộc phản công của Mã-Viên chiếm lại nước ta là « một cuộc cách mạng xã hội có tính chất tất yếu ». Trên báo *Cờ giải phóng*, Đảng ta đã phê phán và vạch trần những luận điệu phản động trên đây của Nguyễn-Tế-Mỹ (16).

(14) Xem báo *Dân chúng*, số 56, ra ngày 6-4-1939, (tài liệu lưu tại Viện bảo tàng cách mạng Việt-nam).

(15) Xem bài văn hóa, *Một con quỷ trong trường mạc xít của Tân-trào*, đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 10, ra ngày 28-1-1945 (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(16) Xem bản Đề cương về văn hóa Việt-nam, *Văn kiện Đảng*, tập 1, 1939-1945.

Nhà xuất bản Hàn-Thuyên còn cho ra những tập « văn mới » theo đường lối « văn nghệ mới ». « văn nghệ mác xít » (theo lời Trương-Tửu rêu rao) trong đó có một số cuốn đề cao giai cấp tư sản, khinh miệt giai cấp nông dân, kích động tầng lớp thanh niên, v.v. Trong bản *Đề cương văn hóa Việt-nam* (năm 1943), ngoài việc chống « những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bí quan, thần bí, duy tâm... » Đảng ta đã phê phán nghiêm khắc những quan điểm phản động trên đây của bọn tờ rôt xkit.

Năm 1943, khi Quốc tế cộng sản tuyên bố tự giải thể, bọn tờ rôt xkit cho ra tờ báo *Ngôi sao đỏ* để công kích Quốc tế cộng sản và Đảng ta. Chúng vu khống « những người cộng sản theo đuổi giai cấp tư sản Anh - Mỹ », « Các đảng cộng sản đã trở thành công cụ của Xta-lin », « Đề tứ quốc tế sẽ thay Đề tam quốc tế », v.v. Trên *Tạp chí Cộng sản*, đồng chí Trường-Chinh lúc này là Tổng bí thư của Đảng, đã viết bài phân tích rõ những nguyên nhân Quốc tế cộng sản tự giải thể ; đập lại những luận điệu xuyên tạc của chúng và nhấn mạnh : « bọn tờ rôt xkit ở Đông-dương cũng như ở thế giới đã lộ mặt làm tay sai cho phát xít quốc tế » (17).

Để chống phá cách mạng Việt-nam, bọn tờ rôt xkit không chỉ hoạt động công khai trên mặt trận báo chí, mà còn hoạt động bí mật và thành lập nhiều tờ chức bí mật. Ở Bắc-bộ, một nhóm tờ rôt xkit đã thành lập cái gọi là « Đảng thợ thuyền xã hội Việt-nam », lưu hành bí mật tờ báo *Chiến đấu* và dùng lá cờ đỏ ở giữa có quả cầu trắng chung quanh có nhiều tia chớp. Một nhóm khác đã thành lập cái gọi là « Vô sản thương trực cách mạng đảng », tổ chức một « mặt trận » lấy tên là « Việt-nam tuyên » để đối lập với Mặt trận Việt Minh ; chúng cho ra tờ báo *Việt dân tuyên* lưu hành bí mật.

Bộ mặt phản động của bọn tờ rôt xkit ngày càng lộ rõ, nhất là sau ngày Nhật làm đảo chính lật đổ Pháp. Một số tên làm tay sai cho đế quốc Pháp : một số khác công khai làm mặt thám cho phát xít Nhật ; Tạ-Thu-Thần, thủ lĩnh « Đề tứ quốc tế » ở Việt-nam, hợp tác với nhóm « Tân Việt-nam », một tờ chức thân Nhật, được Nhật « đỡ đầu » hòng giành lấy chính quyền trước Mặt trận Việt Minh. Chỉ vài ngày sau khi chính quyền dân chủ nhân dân thành lập, bề lũ đế quốc và nhiều loại tay sai của chúng dùng mọi thủ đoạn thâm độc hòng bóp chết chính quyền còn non trẻ của nhân dân ta. Lợi dụng lúc Đảng và nhân dân ta đang gặp muôn vàn khó khăn, bọn tờ rôt xkit đã điên cuồng hoạt động phá hoại.

Ở Nam-bộ, « chúng công khai ra báo « Tranh đấu » để gieo rắc những tư tưởng hoài nghi hay phản đối chính quyền nhân dân, chúng vận động biểu tình phản đối Ủy ban nhân dân, nêu những khẩu hiệu quá tả có hại cho nội trị và ngoại giao của Chính phủ lâm thời. Chúng đòi võ trang quần chúng làm cho phải bỏ Anh hoàng sợ. Chúng đòi thi hành triệt để nhiệm vụ cách mạng tư sản dân chủ (nghĩa là cần bản đòi thực hành cách mạng thổ địa, chia ruộng đất cho dân cày) dặng chia rẽ Mặt trận dân tộc, làm cho địa chủ chống lại cách mạng, và chúng chủ trương coi tất cả quân Pháp, Anh, Ấn, Nhật đều là kẻ thù như nhau, đều cần phải diệt hết. Chủ trương ngu dại và nguỵ hiểm này có thể đẩy những đội quân kia liên minh chống lại quân ta, làm cho quan ta một mình phải đối phó với nhiều lực lượng đối lập » (18).

(17) Trích trong *Tạp chí Cộng sản* số 2, ra ngày 24-9-1943, (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(18) Trích bài *Phát triển ngay bọn tờ rôt xkit*, của Tân-Trào, đăng trên báo *Cờ giải phóng*, ra ngày 23-10-1945 (tài liệu lưu trữ tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

Ở Bắc-bộ, « chúng đã chực kéo quân chúng ra đường biểu tình hô những khẩu hiệu quá tròn như trong Nam... đòi « vớ trang thanh niên » và « bắt nốt những người Pháp lại », định làm khó dễ cho vấn đề ngoại giao của ta. Trong một vài cộng sở cũng như trong một vài nhà máy do Chính phủ quản đốc hay trưng thu, chúng xúi giục thợ thuyền và công chức đình công, phá phách, đòi tăng lương, mặc dù chúng thừa hiểu rằng vài tài chính khó khăn Chính phủ chưa thể tăng lương được » (19). Chúng còn liên minh với các đảng phái phản động như « Đại Việt duy dân », « Việt-nam quốc dân đảng », v.v. mở hội nghị liên tịch để thống nhất hành động chống lại Đảng ta và Chính phủ lâm thời.

Bào chi của ta đã nghiêm khắc lên án bọn tở rớt xkit. Nhân dân ta đã vạch trần bộ mặt phản động của chúng, chính quyền nhân dân đã trừng trị đích đáng bọn tở rớt xkit và các loại phản động khác. Vẫn còn ngoan cố chống lại cách mạng Việt-nam, một số tên tở rớt xkit « lọt lưới » đã chạy ra biên giới, hợp tác với những tên « phục quốc » phản động định xây dựng lại lực lượng; cử người trốn ra nước ngoài tìm mối liên lạc với tổ chức « Đệ tứ quốc tế »; phản công một số tên chưa lộ mặt trở về địa phương tìm cách chui vào Mặt trận, chính quyền, quân đội và Đảng ta để chờ cơ hội thực hiện âm mưu chống phá từ trong lòng các tổ chức đó...

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã cuốn đi số lớn phần tử tở rớt xkit thối nát. Một số người lâm đường lạc lối, sau khi được tỉnh ngộ, đã trở lại hàng ngũ nhân dân, tích cực tham gia kháng chiến. Còn một số ít mặc dù đã được Chính phủ ta khoan hồng, nhưng vẫn không chịu cải tạo, vẫn lên lút hoạt động phá hoại. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, một

số tên ra mặt làm tay sai cho đế quốc Pháp, chống lại đường lối kháng chiến của Đảng ta ; một số tên khác chui vào hàng ngũ kháng chiến, hoạt động phá hoại một cách khôn khéo và tinh vi...

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, hòa bình được lập lại, một số tên chạy vào miền Nam làm tay sai cho đế quốc Mỹ; một số tên khác ẩn náu « nằm lỳ » ở miền Bắc, chờ khi có điều kiện thuận lợi sẽ ngóc đầu dậy chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Năm 1957, nhân lúc trên thế giới xảy ra vụ biến ở Hung-ga-ri, và ở trong nước, Đảng ta phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, một số phần tử tở rớt xkit cùng với bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và nhóm « nhân văn — giai phẩm » đã công khai chống lại đường lối, chính sách của Đảng ta, nhưng bọn chúng đã bị thất bại hoàn toàn.

Sau khi cả nước ta được hoàn toàn giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội, bọn tở rớt xkit nước ta chạy qua Pháp, tiếp tục làm tay sai cho đế quốc, hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân. Hiện nay tạp chí *Nghiên cứu cơ quan của « nhóm tở rớt xkit Việt-nam (đệ tứ quốc tế) tại Pháp »* như nó tự xưng được xuất bản ở Pháp đã đăng nhiều bài xuyên tạc tình hình nước ta, xuyên tạc đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước ta, chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, chống Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chống các đảng cộng sản và công nhân các nước. Bất cứ ở đâu, bọn tở rớt xkit cũng dùng những luận điệu « cực tả », « cách mạng đầu lưới » để lừa bịp quần chúng, để chống phá

(19) Trích bài *Phải triệt ngay bọn tở rớt xkit*, của Tân-Trào đăng trên báo *Cờ giải phóng*, ra ngày 23-10-1945 (tài liệu lưu trữ tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

cách mạng, để phục vụ bọn đế quốc và phản động.

Làm đúng lời dạy của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, Đảng ta đã «tiêu diệt chúng về chính trị» và đã đập tan các tổ chức của chúng.

Qua cuộc đấu tranh lâu dài và phức tạp chống bọn tờ rớt xkit, Đảng ta đã rút ra những bài học kinh nghiệm:

1— Trước hết phải nhận rõ tình chất cực kỳ phản động của bọn tờ rớt xkit, kiên quyết đấu tranh đánh bại chúng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tránh hữu khuynh với chúng, «vô luận chỗ nào, nó thò đầu ra là, đập ngay, không nên chờ rằng chúng chưa có mầm mống» (20).

2— Nhiệm vụ đấu tranh chống bọn tờ rớt xkit phải được thấu suốt trong mọi mặt công tác Đảng: tuyên truyền cổ động, huấn luyện, vận động quần chúng và xây dựng Đảng.

3— Trong quá trình đấu tranh, phải nắm vững đường lối và sách lược của Đảng, phân biệt bọn tờ rớt xkit phản động với một số ít quần chúng đã lầm đường theo chúng, «Bọn tờ rớt xkit, xét đến cốt tủy của chúng thì chúng chỉ gồm những cận bà của phong trào nhóm họp nhau để chống cộng sản, chống cách mạng, chia rẽ và phá hoại phong trào quần chúng. Nhưng vì chế độ áp bức bóc lột tàn nhẫn của bọn tư bản phản động, nhờ những câu «cách mệnh cực tả», nhờ che đậy bằng trăm nghìn mặt nạ, nên bọn tờ rớt xkit có thể phỉnh phờ lừa gạt một số trí thức tiểu tư sản, và ngay cả một số thợ thuyền quả nóng nảy» (21).

4— Báo chí của Đảng và Mặt trận đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc

đấu tranh chống bọn tờ rớt xkit, nhưng nếu chỉ dựa vào báo chí thì chưa đủ, còn phải đi sát quần chúng, vạch trần bộ mặt phản động của bọn tờ rớt xkit cho quần chúng hiểu rõ và tranh thủ quần chúng về mình. «Đối với một kẻ thù hết sức nguy hiểm như thế, một vài bài báo vạch mặt nạ nó không đủ làm cho quần chúng nhận rõ. Cần phải thâm nhập vào các lớp dân chúng, chú ý từng lời nói, từng hành động của bọn tờ rớt xkit để vạch những mưu mô khiêu khích của chúng ra, đặc biệt chú ý giao thiệp với anh em trí thức và thợ thuyền nghe lầm theo chúng» (22).

5— Phải không ngừng nâng cao tình thần cảnh giác cách mạng đối với những âm mưu và hành động phá hoại của một số phần tử tờ rớt xkit hoạt động ngấm ngấm ở trong nước và «móc nối» với đồng bọn của chúng ở nước ngoài... Không nên coi thường nạn tờ rớt xkit. «Sự khinh thường này đã thành như một cái bệnh ăn sâu trong đầu óc nhiều đồng chí ta» (23).



Cùng với các đảng cộng sản và nhân dân thế giới, nắm vững những nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lê-nin, với những kinh nghiệm lịch sử của mình, Đảng ta đang cảnh giác theo dõi những luận điệu xuyên tạc trắng trợn của bọn tuyên truyền hiện đại cho chủ nghĩa tờ-rớt-xky, và kiên quyết lên án chúng, vì sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

(20) Văn kiện Đảng, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1977, tập II - 1930—1945, tr. 287.

(21), (22), (23) Sách đã dẫn, tr. 411— 412.

QUỐC TẾ CỘNG SẢN VÀ CÁCH MẠNG ĐÔNG - DƯƠNG

NGUYỄN-THÀNH

CHIẾN tranh thế giới thứ nhất bùng nổ và Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại thắng lợi làm bộc lộ toàn diện đường lối cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế thứ hai, đưa nó tới sự phá sản hoàn toàn. Quốc tế thứ ba — Quốc tế cộng sản — do V. I. Lê-nin sáng lập và lãnh đạo (1919) mở ra một giai đoạn mới trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới.

Quốc tế cộng sản đem lại niềm tin hoàn toàn cho Bác Hồ từ năm 1920, và đã chiếm được lòng tin hoàn toàn của giai cấp công nhân, của Đảng cộng sản Đông-dương và các dân tộc ở Đông-dương.

Cách mạng của các dân tộc ở Đông-dương đi vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, một phần quan trọng là nhờ có sự chăm sóc, dìu dắt, chỉ đạo của Quốc tế cộng sản, nhất là trong buổi sơ khai, chuẩn bị cho Đảng cộng sản Đông-dương ra đời và đi đúng đường lối của V.I. Lê-nin, của chủ nghĩa cộng sản khoa học, và ngày càng trưởng thành, già dặn.

Quốc tế cộng sản chỉ đạo cách mạng Đông-dương thông qua những nhận định và quyết định chung về đường lối chính trị, về tổ chức đối với các dân tộc thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc; thông qua những nhận định và quyết định cụ thể về Đông-dương.

I

Xuất phát từ quan điểm của V.I. Lê-nin về quyền dân tộc tự quyết, về sự liên minh giữa giai cấp vô sản

và các dân tộc bị áp bức ở tất cả các nước thành một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc, Quốc tế cộng sản

đặt việc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa thành một vấn đề chiến lược, hoàn toàn khác với Quốc tế thứ hai. Giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa và nước Nga xô viết có trách nhiệm ủng hộ sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bằng lời nói và việc làm thiết thực, cụ thể. Các nghị quyết của các Đại hội quốc tế, các hội nghị toàn thể Ban chấp hành Quốc tế và Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế cộng sản về những vấn đề chiến lược chung đều đề cập đến vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Bản «Sơ thảo lần thứ nhất về cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa» của V. I. Lê-nin và bản «Điều kiện kết nạp vào Quốc tế cộng sản» (điểm thứ 8) của Người có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với tất cả những người cách mạng của các dân tộc bị áp bức.

Tại Đại hội thứ II Quốc tế cộng sản, Ma-rinh, đại biểu Niu Di-lơn phát biểu trong cuộc thảo luận ngày 28-7-1920, đề nghị Quốc tế cộng sản tổ chức Bộ phương Đông, mở trường học chủ nghĩa Mác cho các chiến sĩ các nước thuộc địa ở Mát-xcơ-va. Đó là một sáng kiến lớn, được các đại biểu dự Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh. Năm 1921, Trường đại học lao động cộng sản phương Đông trực thuộc Ban bí thư Quốc tế cộng sản thành lập. Cuộc họp Ban chấp hành Quốc tế cộng sản ngày 2-6-1922 quyết định thành lập Bộ phương Đông do Xa-pha-rốp phụ trách.

Phiên họp ngày 4-3-1922 của Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Quốc tế cộng sản quyết định các Đảng cộng sản Pháp, Ý, Anh phải tổ chức ủy ban thuộc địa để nghiên cứu tình hình, đề ra chính sách cụ thể chống chủ

nghĩa tư bản trong nước và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc. Tại Đại hội thứ IV (ngày 2-11-1922) Quốc tế cộng sản ra nghị quyết về Đảng cộng sản Pháp coi việc hoạt động có hệ thống trong các thuộc địa là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, đồng thời phải lên án lập trường chống dân tộc thuộc địa của nhóm Xi-đi Ben Áp-be.

Các đoàn thể do Quốc tế cộng sản tổ chức và chỉ đạo như Quốc tế công hội đỏ, Quốc tế nông dân, Quốc tế thanh niên cộng sản, Quốc tế cứu tế đỏ, Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc, đều có những nghị quyết và chủ trương về hoạt động của tổ chức mình ở các thuộc địa.

Tất cả những nghị quyết, chỉ thị, chủ trương hoạt động của Quốc tế cộng sản và các đoàn thể quốc tế trên đây đều giúp cho những người cách mạng Đông-dương nhận rõ chiến lược chung và phương thức hoạt động giải phóng dân tộc, từ đó suy nghĩ, tìm ra lối đi và biện pháp cụ thể giải phóng dân tộc mình khỏi sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa cộng sản, cả trong thời kỳ trước chiến tranh và trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Nét đặc trưng tiêu biểu nhất là qua «Sơ thảo lần thứ nhất về cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa» của Lê-nin mà Bác Hồ tìm ra con đường cách mạng cho các dân tộc ở Đông-dương, từ đó trở thành người kế tục trung thành, sáng tạo sự nghiệp của V.I. Lê-nin đối với cách mạng vô sản thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa.

II

Đại hội thứ nhất của Quốc tế cộng sản thông qua *Tuyên ngôn* ngày 6-3-

1919 nói đến chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc có ý nghĩa lớn đối

với một loạt những cuộc khởi nghĩa và đẩy tới cách mạng ở một số nước. trong đó có Việt-nam.

Quốc tế cộng sản sáng suốt nhìn thấy vị trí quan trọng của Đông-dương trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc ở phương Đông, đặt vấn đề tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Đông-dương để đi tới chuẩn bị cho sự ra đời của các đoàn thể cách mạng và Đảng cộng sản ở đây. Lãnh sự Pháp tại Vla-di-vô-xtốc (Nga) điện báo cáo về Bộ thuộc địa Pháp ở Pa-ri ngày 25-4-1920 rằng một cơ quan tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản đặt tại đây có dự kiến tổ chức những trung tâm tuyên truyền tại Thượng-hải, Sài-gòn, Xanh-ga-po... Ngày 8-9-1920, Sở mật thám Nam-kỳ điện mật báo cáo lên toàn quyền Đông-dương và Sở mật thám Đông-dương rằng nó đang theo dõi một số người Nga mới đến Sài-gòn, trong đó có An-tô-ni-cốp-xki. Sở mật thám Nam-kỳ thông báo cho các địa phương biết ngày 8-11-1920 có hai người Nga cộng sản đến Sài-gòn hoạt động bị trục xuất. Ngày 1-12-1920, Bộ thuộc địa Pháp điện cho toàn quyền Đông-dương nhắc phải hết sức đề phòng Quốc tế cộng sản tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản vào Đông-dương.

Những cố gắng của Quốc tế cộng sản như trình bày ở trên rất quý đối với cách mạng Đông-dương vào cuối những năm 20, tuy rằng người Nga đến Sài-gòn nói tiếng Pháp thông qua những người cách mạng Pháp để đưa chủ nghĩa Mác đến cho nhân dân ta có nhiều khó khăn, hạn chế. Những hoạt động ấy trùng hợp với thời điểm Bác Hồ đang chuyển biến từ người chiến sĩ yêu nước thành người chiến sĩ cộng sản. Từ khi Bác Hồ tham gia Quốc tế cộng sản tại Đại hội Tua (1920), với sự giúp đỡ tích cực của Đảng cộng sản Pháp và sau đó của Quốc tế cộng sản thì ảnh hưởng của Quốc tế cộng sản mới bèn rẽ cách mạng vào Đông-dương.

Vấn đề Đông-dương lần đầu tiên được trình bày súc tích, sáng tỏ với những phương hướng, biện pháp giải quyết cụ thể trong bài phát biểu (1) của Bác Hồ tại cuộc thảo luận về vấn đề thuộc địa ngày 1-7-1924 ở Đại hội thứ V Quốc tế cộng sản. Ngày 23-6 và ngày 3-7-1924, Bác phát biểu trong cuộc tranh luận chung ở hội trường về vấn đề thuộc địa, vấn đề ruộng đất và nông dân ở các thuộc địa nói chung và Đông-dương nói riêng.

Đến Đại hội thứ VI của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn-Văn-Tạo tham gia Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp, phát biểu tại cuộc thảo luận chung ở hội trường ngày 17-8-1928 về cách mạng Đông-dương và đề nghị Quốc tế cộng sản hết sức chú ý thành lập Đảng cộng sản ở Đông-dương.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ phương Đông, Bác Hồ được cử về Quảng-châu (1921) trực tiếp liên hệ với phong trào cách mạng trong nước ta, tổ chức ra Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, đào tạo cán bộ, xuất bản báo chí tuyên truyền chủ nghĩa Lê-nin. Trên cơ sở những tổ chức cách mạng đi theo đường lối của Quốc tế cộng sản ra đời và hoạt động trong quần chúng công nhân và lao động trong nước, những nhóm cộng sản hình thành vào cuối năm 1929. Quốc tế cộng sản được tin, gửi thư cho các nhóm cộng sản ở Đông-dương cuối tháng 10-1929 yêu cầu thống nhất lại thành một đảng cộng sản duy nhất, có tinh thần chung, khắc phục tình trạng phân tán, biệt phái, tranh chấp lẫn nhau, có lợi cho sự nghiệp cách mạng chung của nhân

(1) Từ trước đến nay, chúng ta thường gọi « thảo luận » của Bác Hồ. Trong biên bản Đại hội viết về bài phát biểu của Bác và các đại biểu khác dưới đầu đề « Thảo luận về vấn đề dân tộc » (Discussions sur la question nationale) không có chữ « thảo luận », « Intervention », vì vậy chúng tôi dùng « bài phát biểu ».

dân Đông-dương. Ban chấp hành Quốc tế cộng sản lại ủy nhiệm cho người cán bộ ưu tú, đầy đủ tin nhiệm đối với phong trào cách mạng Đông-dương là Bắc Hồ trực tiếp chỉ đạo việc thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một Đảng cộng sản duy nhất.

Sau khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, tháng 4-1930, Ban chấp hành Quốc tế thanh niên cộng sản gửi thư cho Đảng nói về việc gây phong trào thanh niên cộng sản và tổ chức ra Đoàn thanh niên cộng sản ở Đông-dương; tiếp đó, tháng 8-1930, Quốc tế cộng hội đồ họp Đại hội, ra nghị quyết về vấn đề công hội ở Đông-dương.

Phiên họp thứ 25 ngày 11-1-1931 của Hội nghị toàn thể thứ XI của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản quyết nghị: «Đảng cộng sản Đông-dương trước đây là một chi bộ của Đảng cộng sản Pháp, từ nay được công nhận là chi bộ độc lập thuộc Quốc tế cộng sản». Cũng trong cuộc hội nghị này Ban chấp hành Quốc tế cộng sản thông qua một luận cương, dựa trên các báo cáo của Ma-nu-in-sky, Ten-lơ-man, Len-xky, Sê-mô-da-nốp, phân tích tình hình các thuộc địa, trong đó trình bày khá tỉ mỉ về Đông-dương.

Khi Bắc Hồ bị đế quốc Anh bắt ở Hồng-công và âm mưu chuyển giao cho đế quốc Pháp thi hành án tử hình của tòa án Nam triều năm 1929, Quốc tế cộng sản thông qua Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc ra một bản kêu gọi nhân dân «Hãy cứu lấy nhà cách mạng Việt-nam Nguyễn-Ái-Quốc!» yêu cầu tất cả các tổ chức chống chủ nghĩa đế quốc trên thế giới chống việc giao Nguyễn-Ái-Quốc cho đế quốc Pháp và đòi trả tự do cho Người.

Sau cao trào cách mạng 1930-1931, đế quốc Pháp đim quần chúng công nông Đông-dương trong bể máu, hệ

thống tổ chức của Đảng và các đoàn thể quần chúng bị tan vỡ; ngày 27-2-1932 Ban chấp hành Quốc tế cộng sản chỉ thị cho các Đảng cộng sản Pháp, Trung-quốc, Ấn-độ hết sức giúp đỡ Đảng cộng sản Đông-dương và phong trào cách mạng Đông-dương hồi phục mau chóng, đồng thời kêu gọi những người cộng sản Đông-dương phấn đấu vượt qua cơn phong ba bão táp do đế quốc và phản động gây ra, kiên trì xây dựng và củng cố phong trào cộng sản ở Đông-dương. Dưới sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản, những người cộng sản Đông-dương đang học tập tại Mát-xcơ-va soạn thảo «Chương trình hành động của Đảng cộng sản Đông-dương». Chương trình này được Quốc tế cộng sản thông qua tháng 6-1932, gửi về Đông-dương và đăng lên các báo và tạp chí của Quốc tế cộng sản nhằm chỉ rõ những nhiệm vụ trước mắt cho những người cộng sản và quần chúng cách mạng: động viên họ không bị quan trọng khó khăn và thất bại tạm thời, rút ra những bài học kinh nghiệm để khôi phục và phát triển phong trào, dựa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn.

Đề có một bộ máy trung tâm trực tiếp chỉ đạo cách mạng trong xứ trong khi Ban chấp hành trung ương được cử ra năm 1930 bị địch phá vỡ, và chuẩn bị cử ra Ban chấp hành trung ương mới, Ban chỉ đạo hải ngoại được thành lập tháng 6-1931 do đồng chí Lê-Hồng-Phong phụ trách, được Quốc tế cộng sản công nhận. Nhờ có Ban chỉ đạo hải ngoại mà phong trào cách mạng trong nước mau phục hồi, được giữ vững và phát triển, hệ thống tổ chức Đảng được nối lại từ trên xuống dưới, và Đại hội thứ nhất được triệu tập vào tháng 3-1935.

Đứng trước sự chuyển biến mới của tình hình quốc tế, lực lượng phát xít tập hợp lại, chuẩn bị gây ra một cuộc chiến tranh mới. Ban chấp

hành. Quốc tế cộng sản quyết định triệu tập Đại hội thứ VII đề bàn những vấn đề chỉ đạo chiến lược và sách lược nhằm bảo vệ hòa bình, chống phát xít và chiến tranh trên cơ sở thống nhất giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ tất cả các nước. Đề chuẩn bị cho Đại hội, Ban chấp hành Quốc tế cộng sản công bố các văn kiện, trong đó có bản báo cáo về quá trình hoạt động của Đảng cộng sản Đông-dương trong thời gian từ Đại hội thứ VI (1928) đến Đại hội thứ VII (1935), tình hình đấu tranh từ giai đoạn chưa có tổ chức đến giai đoạn có tổ chức, những diễn biến của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nông dân, việc thành lập các xô viết, có sự phân tích tỉ mỉ cơ sở giai cấp và mục đích của đảng lập hiến, của Việt-nam quốc dân đảng, phân tích nguồn gốc giai cấp, xã hội và sự ra đời của Đảng cộng sản Đông-dương cùng phong trào cách mạng do nó lãnh đạo.

Tại Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản, lần đầu tiên Đảng ta cử đoàn đại biểu chính thức tham dự. Trong phiên khai mạc ngày 25-7-1935, đồng chí Lê-Hồng-Phong, khi ấy lấy tên là Hải-An, được bầu vào Đoàn chủ tịch Đại hội. Ngày 26-7-1935, đồng chí V. Pich thay mặt Ban chấp hành Quốc tế cộng sản báo cáo hoạt động của Ban chấp hành, trong đó có đoạn nói về cuộc đấu tranh ở Đông-dương và Chi-lê cùng với cuộc kháng chiến của nhân dân Trung-quốc là những hoạt động nổi bật nhất trong những năm khủng hoảng trầm trọng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Ngày 29-7-1935, nhân danh Trưởng đoàn đại biểu, Đảng cộng sản Đông-dương, đồng chí Lê-Hồng-Phong đọc tham luận, được sự chăm chú theo dõi và biểu thị vui mừng của toàn thể Đại hội trước sự lớn mạnh của Đảng ta. Ngày 20-8-1935, Đại hội thông qua nghị quyết công nhận Đảng cộng sản Đông-dương và một số đảng khác là

phần bộ của Quốc tế cộng sản. Đại hội bầu ra Ban chấp hành Quốc tế và Ban kiểm tra Quốc tế mới, đồng chí Lê-Hồng-Phong trúng cử ủy viên chính thức của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản cùng với 15 đồng chí khác (2).

Bế mạc Đại hội, Đoàn đại biểu Đảng ta trở về, xem xét lại nghị quyết Đại hội thứ nhất của Đảng, thấy có những điểm không phù hợp với nghị quyết Đại hội Quốc tế, đồng chí Lê-Hồng-Phong liền triệu tập Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tại Thượng-hải ngày 26-7-1936, truyền đạt nghị quyết Đại hội Quốc tế, Báo cáo chính trị của đồng chí Di-mi-tơ-rốp và đề ra sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, thay đổi sách lược, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phân động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hòa bình. Ban chấp hành trung ương nhất trí thông qua nghị quyết theo đề nghị của đồng chí Lê-Hồng-Phong và sau đó, nghị quyết này cũng được Quốc tế cộng sản chuẩn y (3).

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản, có sự chỉ đạo chính xác của đồng chí Lê-Hồng-Phong, Đảng ta phát động được

(2) Từ trước đến nay, sách của ta viết đồng chí Lê-Hồng-Phong là ủy viên dự khuyết của Quốc tế cộng sản, là không đúng. Đồng chí Lê-Hồng-Phong lấy tên Hải-An, tiếng Pháp viết là Chayen, là ủy viên chính thức. Xin xem « Biên bản Đại hội » và tạp chí Quốc tế cộng sản, bản tiếng Đức, số 17-18, ra ngày 29-9-1935, trang 1162. Có thể tham khảo danh sách Ban chấp hành Quốc tế cộng sản được bầu tại Đại hội thứ VII trong « Hồi ký » của J. Duy-clô, bản tiếng Pháp, tập 2, 1935-1939. Nhà xuất bản Phay-a (Payard), Pa-ri, 1969, tr. 451. Các sách viết đồng chí Lê-Hồng-Phong đọc tham luận vào ngày thứ tư của Đại hội, là không đúng. Đại hội khai mạc ngày 25-7 và làm việc trong các ngày 25, 26, 27, 28, 29. Đồng chí Lê-Hồng-Phong đọc tham luận ngày 29-7, tức là ngày thứ năm của Đại hội.

(3) Theo báo Dân chúng, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đông-dương, số 41, ngày 3-1-1939.

phong trào đấu tranh rộng lớn cho dân chủ, đẩy lùi bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng, giành được một số thắng lợi quan trọng, nâng cao ý thức chính trị cho quần chúng, củng cố và phát triển tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng, đưa phong trào tiến lên những bước mới, đi gần tới thắng lợi.

Một cuộc họp bàn về cách mạng Việt-nam ở Mát-xcơ-va do Quốc tế cộng sản triệu tập và đồng chí Tổng bí thư Đê-mi-tơ-rốp chủ trì, đã làm sáng tỏ sự thống nhất và tính sáng tạo trong đường lối đấu tranh cho dân chủ, chống phát xít của Đảng cộng sản Đông-dương dưới sự lãnh đạo của Quốc tế cộng sản.

Quốc tế cộng sản có công lao rất lớn trong việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lý luận đầu tiên của Đảng ta. Người cán bộ lý luận đầu tiên của Đảng ta được Quốc tế cộng sản bồi dưỡng là Bắc Hồ. Người cán bộ đầu tiên được vào học Trường lao động cộng sản phương Đông là đồng chí Nguyễn-Thế-Rục, năm 1925 (1). Kể từ năm 1925 đến khi nhà trường đóng cửa năm 1932, đã có hơn 40 cán bộ Việt-nam qua học ở đây (5).

Hai tờ tạp chí do Ban chấp hành Quốc tế chỉ đạo là *Quốc tế cộng sản* và *Thư tín quốc tế* đã công bố các văn kiện của Quốc tế cộng sản về Đông-dương, in gần 100 bài viết về Đảng cộng sản Đông-dương và cách mạng Đông-dương của những người cộng sản Đông-dương như Nguyễn-Ái-Quốc (còn có bút danh là Wang), Lê-Hồng-Phong với bút danh Lit-vi-nốp, Nguyễn-Văn-Tạo với bút danh An và chợ Mới, v.v., những người cộng sản Liên-xô và Pháp như Va-xi-li-ê-va, Sê-ma, Pê-ri, Béc-li-ô-dơ, Ru-giơ, Duy-pông, v.v..

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, bản tiếng Đức, số 30, ngày 4-3-1924, sau đó là bản tiếng Pháp số 18, ngày 19-3-1924

lần đầu tiên đăng bài "Đông-dương và Thái-bình-dương" (ký tên Nguyễn-Ái-Quốc).

Những bài viết về Đông-dương tố cáo sự cướp bóc tàn bạo và thống trị khắc nghiệt, hành động khủng bố điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông-dương. Đồng chí Trần-Phú, Tổng bí thư Đảng ta, anh dũng hy sinh. Ban biên tập tạp chí *Quốc tế cộng sản* viết bài "Trần-Phú đồng chí Lý-Quý" (tức Trần-Phú) đăng trong bản tiếng Đức số 9, ngày 10-5-1932 và bản tiếng Pháp số 10, ngày 15-5 và số 11, ngày 1-6-1932. Khi đồng chí Phạm-Hùng (Phạm-Văn-Thiện) và hai đồng chí khác bị kết án tử hình, Ban biên tập tạp chí *Thư tín quốc tế* viết bài "Án tử hình mới và những cuộc bất bô hàng loạt ở Đông-dương" tố cáo đế quốc Pháp và đòi trả lại tự do cho các anh, đăng trong bản tiếng Đức số 99, ngày 25-11-1932 (6). Các bài trên tạp chí tuyên truyền đường lối đấu tranh chống đế quốc và phong kiến của cách mạng Đông-dương, những bài học kinh nghiệm trong thắng lợi và thất bại, đòi án xá tù chính trị, vạch trần thực chất của Đảng lập hiến và nhóm tư rớt xít "La lutte" v.v.

(4) Cùng đi với Nguyễn-Thế-Rục có Nguyễn-Thế-Vinh sang học Trường đại học lao động cộng sản phương Đông, nhưng sau Vinh thoái hóa, bị dịch sử dụng làm tay sai từ tháng 7-1931 (SLOTFOM III, 44).

(5) Theo bài "Tư chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác..." của Đ. Ê-mơ-ty đăng trong tạp chí *Le mouvement social* số 90, tháng 1-3/1975, tờ 40, lấy từ tài liệu của Bộ thuộc địa Pháp, tài số 47 người Việt-nam sang học ở Liên-xô, trong đó 40 người đi qua Pháp, 7 người đi qua Trung-quốc. Trong số này có vài người thoái hóa, đầu hàng địch và làm tay sai cho chúng, như Ngô-Đức-Trì, Nguyễn-Thế-Vinh, Trần-Quốc-Mai, Nguyễn Hữu-Cần... còn tuyệt đại bộ phận là những cán bộ trung kiên của Đảng.

(6) Chúng tôi chưa tìm được tạp chí *Thư tín quốc tế* bản tiếng Pháp số bao nhiêu, ra ngày, tháng nào? và bản tiếng Anh, số bao nhiêu ra ngày, tháng nào đã đăng bài "Án tử hình..."

Nhiều người cộng sản Đông-dương còn viết nhiều bài về những vấn đề quốc tế: đấu tranh của nhân dân các thuộc địa của đế quốc Pháp ở châu Phi; về các cường quốc xâm lược Trung-quốc; về sự nổi dậy của người da đen ở Mỹ và các nước châu Phi chống chủ nghĩa tư bản và chính sách phân biệt chủng tộc của bọn thực dân da trắng; về chủ nghĩa thực dân Anh đối với Trung-quốc, Ấn-độ, Xu-đăng; về giai cấp công nhân, nông dân, phụ nữ và trẻ em Ấn-độ.

Khi, bọn phát xít Phrăng-cô được sự giúp sức của bọn phát xít Đức, Ý phản công mặt trận nhân dân Tây-

ban-nha, hai chiến sĩ Việt-nam đã sát cánh với các bạn trong đội quân quốc tế dưới sự lãnh đạo của Quốc tế cộng sản, chiến đấu rất dũng cảm bên cạnh nhân dân Tây-ban-nha.

Những hoạt động trên đây chứng tỏ Đảng cộng sản Đông-dương, những người cộng sản ở Đông-dương đã hòa mình trong chủ nghĩa quốc tế vô sản, thấm nhuần tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa của Quốc tế cộng sản, vừa chăm lo lợi ích của các dân tộc ở Đông-dương, vừa quan tâm đến vận mệnh của các dân tộc trên thế giới bị chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột.



Từ đất nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay đang không ngừng lớn mạnh, nhìn lại những chặng đường lịch sử đấu tranh rất anh dũng, vô cùng gian khổ, đầy hy sinh chống đế quốc và phong kiến trước đây để giành độc lập dân tộc, chúng ta vô cùng biết ơn Quốc tế cộng sản đã có công rất lớn đối với cách mạng

các nước Đông-dương, đối với Đảng cộng sản Đông-dương, tiền thân của Đảng cộng sản Việt-nam, Đảng nhân dân cách mạng Lào và Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia ngày nay - người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng ba nước trên bán đảo này.

MỞ RỘNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ QUYỀN TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH TRONG CÁC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

VÂN - TÙNG

SAU khi giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ ấy.

Sau nhiều năm chiến tranh, nền kinh tế vốn lạc hậu và mất cân đối lại gặp rất nhiều khó khăn trong bước đi lên của công cuộc xây dựng đất nước. Yêu cầu thì rất lớn nhưng nền kinh tế không đáp ứng kịp. Trong lúc đó, bốn phần động trong giới cầm quyền Bắc kinh đều kết với đế quốc Mỹ đang tìm hết cách bao vây và phá hoại kinh tế nước ta. Chúng ta đang đứng trước thực trạng kinh tế không ổn định và mất cân đối: Lương thực, năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng, vận tải, ngoại tệ đều thiếu, tài chính gặp khó khăn, quan hệ tiền - hàng không cân đối, dự trữ vật tư và hàng hóa không nhiều.

Trong kinh tế quốc doanh, đặc biệt trong sản xuất công nghiệp, Nhà nước không bảo đảm cung cấp đủ vật tư, nguyên liệu cho các xí nghiệp;

do đó, giá trị sản lượng công nghiệp ngày càng giảm; những ngành công nghiệp then chốt như điện, than, xi măng v.v. thường không đạt kế hoạch sản xuất năm. Mặt khác, do lượng vật tư nhập khẩu giảm và giá cả trên thị trường thế giới tăng vọt, nên lượng vật tư nhập khẩu thực tế lại càng ít. Trong khi đó, chế độ tiền lương chưa được cải tiến, chế độ cung cấp hàng hóa theo định lượng cho công nhân viên chức không được bảo đảm, giá cả hàng hóa biến động, sức mua đồng tiền giảm sút, đời sống công nhân viên chức gặp nhiều khó khăn. Phần lớn các xí nghiệp giao hàng theo giá bán buôn cũ bị lỗ. Cơ chế kế hoạch hóa và quản lý cũ mang nặng tính chất hành chính quan liêu bao cấp, kim hãm sản xuất rõ rệt, nhưng chậm sửa đổi; những điều kiện để thực hiện điều lệ xí nghiệp quốc doanh theo chế độ tự chủ tài chính không còn, các xí nghiệp quốc doanh rất bị động trong sản xuất kinh doanh; nhiều xí nghiệp phải ngừng sản xuất hoặc sử dụng công

suất rất thấp. Một số nơi tìm lối ra bằng cách làm « ngoài kế hoạch » một cách tùy tiện và không thống nhất.

Để khắc phục tình hình trên, tháng 1-1981, Hội đồng bộ trưởng đã ra quyết định số 25/CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.

Quyết định 25/CP là sự cải tiến một bước chế độ quản lý và kế hoạch hóa tại các xí nghiệp quốc doanh, xóa bỏ một phần lối quản lý hành chính quan liêu bao cấp; khắc phục tình ý lại, trông chờ vào cấp trên, thiếu chủ động, tích cực của xí nghiệp.

Tinh thần cơ bản của quyết định này là: trên cơ sở bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp theo nguyên tắc lấy kế hoạch làm chính, đồng thời sử dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa tiền tệ, quan hệ thị trường, tạo ra những điều kiện linh hoạt, cơ động cần thiết cho xí nghiệp sản xuất và kinh doanh có lãi, chấm dứt tình trạng « sản xuất ngoài kế hoạch »; tăng quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp, thúc đẩy xí nghiệp tính toán trong việc sử dụng các nguồn vốn, thiết bị, vật tư và lao động nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, giải quyết đúng đắn ba lợi ích: Nhà nước, tập thể xí nghiệp và cá nhân người lao động.

Do yêu cầu đặt ra đúng và sát thực tế cho nên quyết định 25/CP đã mang lại nhiều kết quả tích cực: phát huy một bước tính chủ động sáng tạo của xí nghiệp trong việc khai thác tiềm năng lao động, thiết bị, vật tư để làm thêm sản phẩm, duy trì và thúc đẩy được sản xuất công nghiệp trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều mặt cần đổi góp phần ổn định đời sống người lao động và ổn định đội ngũ công nhân, tăng thêm nguồn thu cho

ngân sách Nhà nước. Ở một số ngành và địa phương, do nhận thức đúng tinh thần cơ bản của quyết định 25/CP và tích cực thực hiện quyết định ấy cho nên đã tạo ra những chuyển biến mạnh trong sản xuất công nghiệp. Trong năm 1981, tuy lượng vật tư Nhà nước cấp ít hơn năm 1980, song nhiều ngành, nhiều địa phương đã duy trì được sản xuất. Nhiều xí nghiệp, nhất là các xí nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và các xí nghiệp công nghiệp địa phương đã phát triển sản xuất hơn các năm trước. Trình độ quản lý của cán bộ lãnh đạo các xí nghiệp đã được nâng lên một bước đáng kể.

Tuy nhiên, do việc chỉ đạo thực hiện quyết định nói trên có thiếu sót và một số điểm quy định có sơ hở, cho nên khi thực hiện đã có những lệch lạc và những biểu hiện tiêu cực. Một số xí nghiệp do thiên về lợi ích của tập thể và cá nhân người lao động mà có phần coi nhẹ lợi ích của Nhà nước, chạy theo sản xuất phụ hơn sản xuất chính, coi trọng kế hoạch tự làm hơn kế hoạch do Nhà nước giao. Thậm chí có nơi còn xả xẻo vật tư do Nhà nước cung ứng để đưa sang phần tự làm hoặc sản xuất phụ; có nơi, do việc giao nộp sản phẩm và sử dụng tiền mặt không được quản lý tốt, cho nên có hiện tượng phân phối nội bộ quá nhiều và tọa chi quá lớn. Những việc làm trên có ảnh hưởng không tốt đến sản xuất, phân phối và lưu thông, gây chênh lệch quá nhiều về thu nhập giữa các xí nghiệp, các ngành và các vùng trong nước.

★

Để phát huy tốt hơn nữa tác dụng tích cực của quyết định 25/CP và uốn nắn những lệch lạc nói trên, ngày 25-8-1982 Hội đồng bộ trưởng đã ban hành quyết định số 116 HDBT « Sửa

đổi và bổ sung quyết định 25/CP». Việc sửa đổi và bổ sung quyết định 25/CP nhằm mục đích:

1 — Cải tiến công tác kế hoạch hóa phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của xí nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất và tập trung được nguồn hàng vào tay Nhà nước.

2 — Chấn chỉnh việc mua vật tư, nguyên liệu và việc tiêu thụ sản phẩm, cũng như công tác hạch toán và giá cả của xí nghiệp, khắc phục tình trạng sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường không có tổ chức.

3 — Phân phối lợi nhuận bảo đảm nguồn thu tài chính của Nhà nước, đồng thời khuyến khích thỏa đáng xí nghiệp và người lao động, giảm bớt sự chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các xí nghiệp và các ngành.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, mỗi xí nghiệp là một tế bào của nền kinh tế quốc dân, là nơi kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất để sản xuất ra sản phẩm, thực hiện quá trình tái sản xuất của xã hội; là nơi trực tiếp thể hiện quyền làm chủ tập thể về kinh tế của quần chúng lao động. Mỗi xí nghiệp, mỗi tập thể có lợi ích kinh tế riêng của mình. Vì vậy, lợi ích kinh tế được đặt ra nhằm thỏa mãn nhu cầu về vật chất và văn hóa của người lao động. Dưới chủ nghĩa xã hội, không có những lợi ích đối địch như dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng không phải không có sự khác biệt về lợi ích. Vì con người có những lợi ích vật chất, cho nên họ cùng nhau tham gia vào những quan hệ sản xuất nhất định. C. Mác đã cho rằng: «những quan hệ kinh tế của mỗi một xã hội nhất định được biểu hiện trước hết ở những lợi ích» (1).

Do cách quản lý theo một cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, và cách kế hoạch hóa gò bó, cứng nhắc, áp đặt từ trên xuống với quá nhiều chỉ tiêu pháp lệnh, cho nên các xí nghiệp,

các đơn vị cơ sở vừa bị trói buộc, vừa thiếu trách nhiệm trong quản lý, không phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, rơi vào tình trạng bị động và ỷ lại cấp trên.

Hơn nữa, nền kinh tế quốc dân có mối quan hệ dọc tức là quan hệ theo ngành, theo đơn vị hành chính từ trên xuống, đồng thời cũng có mối quan hệ ngang, tức là mối quan hệ của các đơn vị cơ sở với nhau, và mối quan hệ này là cơ sở để tạo ra những cân đối bổ sung, tạo ra sức sống về kinh tế — kỹ thuật của các xí nghiệp. Đây là mối quan hệ rất quan trọng mà lâu nay chúng ta ít chú ý. Kết hợp cho được các quan hệ dọc với các quan hệ ngang của các xí nghiệp là một nghệ thuật quản lý. Trên lĩnh vực này, Nhà nước ta đang nghiên cứu cải tiến từng bước cơ chế quản lý xí nghiệp, đang làm và đang rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho việc cải tiến và đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý xí nghiệp, thực hiện cải cách quản lý kinh tế trong những năm tới.

Căn cứ vào những lý do nói trên, Đảng và Nhà nước ta chủ trương mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của xí nghiệp trên cơ sở lấy kế hoạch Nhà nước làm trung tâm; kết hợp đúng đắn ba lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích người lao động. Đó là một chủ trương đúng đắn về quản lý xí nghiệp.

Nhưng Đảng ta chủ trương phát huy quyền chủ động sáng tạo của địa phương, cơ sở và quyền tự chủ về tài chính của xí nghiệp trong khuôn khổ chế độ quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước. Việc thực hiện phương pháp lập kế hoạch với những điểm

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: Toàn tập, bản tiếng Nga, Nxb Tài liệu chính trị, Mát-xcơ-va, 1961, tập 18, tr. 271.

lĩnh hoạt nhất định về mức độ pháp lệnh không có nghĩa là làm suy yếu công tác kế hoạch hóa của Nhà nước, ngược lại nó củng cố và tăng cường công tác kế hoạch hóa của Nhà nước, tức là tăng cường chế độ tập trung thống nhất của Nhà nước, vì chủ trương mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh và tự chủ về tài chính của xí nghiệp phải dựa trên cơ sở lấy kế hoạch Nhà nước làm trung tâm, và kế hoạch của xí nghiệp do cấp trên duyệt.

Chúng ta biết rằng chế độ tập trung và tính tự chủ của xí nghiệp là hai mặt của một hệ thống thống nhất trong việc tổ chức nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Với ý nghĩa nhất định, hai mặt này có mâu thuẫn: chế độ tập trung đòi hỏi tất cả các khâu của nền kinh tế phải phụ thuộc vào một trung tâm thống nhất, còn tính tự chủ lại đòi hỏi phải có sự độc lập trong một giới hạn nhất định của xí nghiệp. Nhưng mặt khác, chế độ tập trung (không phải là tập trung quan liêu) và tính tự chủ xí nghiệp là thống nhất, vì chúng làm tiền đề cho nhau cùng tồn tại và phát triển. Tính tự chủ của xí nghiệp nằm trong khuôn khổ chế độ tập trung thống nhất của kế hoạch Nhà nước, chứ không thể đối lập hoặc thoát ly chế độ tập trung thống nhất của kế hoạch Nhà nước. Nhưng những nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước quy định theo chế độ tập trung cũng không thể đạt được, nếu các xí nghiệp không có tính tự chủ và thiếu sự quan tâm đầy đủ đến việc hoàn thành những nhiệm vụ kế hoạch mà Nhà nước giao cho. Trong thực tiễn, việc kết hợp nguyên tắc tập trung với tính tự chủ của xí nghiệp là điều rất phức tạp. Nếu thiên lệch về một phía, thì điều đó sẽ làm hại đến sự hoạt động của toàn bộ hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, một mặt chúng ta phản đối phương pháp quản lý tập trung

quan liêu vì nó không những làm hại đến tính tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp, hạn chế sáng kiến của các xí nghiệp, mà còn dẫn đến những khó khăn không khắc phục được trong việc thực hiện chính bản thân phương pháp quản lý tập trung của kế hoạch Nhà nước. Nhưng mặt khác, chúng ta phê phán nghiêm khắc những việc làm trái với nguyên tắc quản lý tập trung của nền kinh tế quốc dân, đề cao quá đáng tính tự chủ kinh doanh, tính độc lập của xí nghiệp, đặt lợi ích xí nghiệp và lợi ích cá nhân người lao động lên trên lợi ích Nhà nước, đặt hoạt động của xí nghiệp ra ngoài kế hoạch và sự kiểm soát của Nhà nước, chạy theo cơ chế thị trường, kinh doanh vô nguyên tắc, trái với quan điểm kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta chủ trương kết hợp đúng đắn ba loại lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động; bởi vì dưới chủ nghĩa xã hội, không có những lợi ích đối địch, mà các lợi ích trong xã hội tuy có mâu thuẫn nhưng về cơ bản là thống nhất. Do đó, *khả năng kết hợp một cách hài hòa lợi ích xã hội và lợi ích của tất cả mọi người lao động trong xã hội đã hình thành.*

Dưới chủ nghĩa xã hội, lao động con người được tổ chức một cách có kế hoạch, vì vậy Nhà nước có thể xác định một cách có kế hoạch những nhu cầu xã hội và có thể tổ chức có kế hoạch nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, muốn phát triển sản xuất, phải khuyến khích mạnh mẽ người lao động; điều đó đòi hỏi phải có một chế độ khuyến khích vật chất nhất định. Lợi nhuận tự bản thân nó không còn là mục đích cơ bản của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhưng là một động lực quan trọng; nội dung của lợi nhuận dưới chủ nghĩa xã hội là sự kết hợp hài hòa lợi ích

của toàn xã hội với lợi ích của từng xí nghiệp và từng người lao động. Điều này thể hiện rất rõ trong chủ trương của Nhà nước ta về kết hợp ba lợi ích trong các xí nghiệp quốc doanh, thể hiện trong sự đổi mới quản lý xí nghiệp, trong việc cải tiến kế hoạch hóa, quy định lợi nhuận xí nghiệp, trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi v.v. nhằm khuyến khích sự quan tâm của mọi người lao động đến quá trình sản xuất xã hội.

Những sai lầm trong việc thực hiện quyết định 25/CP vừa qua là những biểu hiện của sự xa rời quan điểm quản lý tập trung dân chủ đối với các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, xa rời quan điểm về kết hợp «ba lợi ích kinh tế» trong các xí nghiệp quốc doanh của Đảng và Nhà nước ta.

Vì vậy, những điều sửa đổi và bổ sung quyết định 25/CP chính là nhằm uốn nắn, sửa chữa những lệch lạc, thực hiện đúng đắn tinh tập trung thống nhất của kế hoạch Nhà nước mở rộng đúng mức quyền chủ động sản xuất kinh doanh và tự chủ về tài chính của xí nghiệp, kết hợp hài hòa ba lợi ích trong các xí nghiệp quốc doanh theo nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi ích đó.

Theo tinh thần của những điểm sửa đổi và bổ sung quyết định 25/CP, việc cần thiết trước hết là xác định tại phương hướng và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh; sắp xếp lại sản xuất, phân loại xí nghiệp, xác định đúng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất của các đơn vị cơ sở cho phù hợp với điều kiện hiện tại. Đối với các xí nghiệp có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, Nhà nước ưu tiên bao đảm cung cấp đủ những phương tiện và vật tư, nguyên liệu chủ yếu để sản xuất được ổn định. Đối với các xí nghiệp không được Nhà nước cung cấp đủ vật tư chủ yếu,

thì xí nghiệp được quyền chủ động tìm thêm vật tư, nguyên liệu từ các nguồn khác nhau, kể cả vay ngoài tệ của Ngân hàng Nhà nước để nhập nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất. Đối với các xí nghiệp không có khả năng tiếp tục hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả kinh tế, thì Nhà nước cho phép xí nghiệp được chuyển hướng sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất.

Công tác kế hoạch hóa của xí nghiệp có nhiệm vụ nêu bật tính thống nhất của kế hoạch, khuyến khích xí nghiệp tập trung năng lực vào phần sản xuất chính, đồng thời khai thác năng lực thiết bị và lao động còn thừa, khai thác thêm các nguồn vật tư mới, vật tư thay thế để xây dựng thêm phần kế hoạch bổ sung và tận dụng phế liệu phế phẩm để phát triển sản xuất phụ.

Như vậy, kế hoạch của xí nghiệp có thể có phần do Nhà nước giao được cần đối vật tư chủ yếu và phần do xí nghiệp chủ động tự tìm kiếm vật tư để sản xuất. Đối với trường hợp được Nhà nước cung cấp đủ vật tư chủ yếu, thì xí nghiệp phải xây dựng và thực hiện kế hoạch theo đúng chế độ hiện hành. Đối với trường hợp không được Nhà nước cung cấp đủ vật tư chủ yếu, thì ngoài phần chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao, xí nghiệp được xây dựng thêm phần kế hoạch bổ sung trên cơ sở tự tìm kiếm vật tư để sản xuất ra những sản phẩm chính hoặc sản phẩm do khách hàng gia công đặt hàng hoặc mở rộng thêm các công việc có tính chất công nghiệp. Nếu mua thêm vật tư chủ yếu ở trong nước, xí nghiệp phải chấp hành đúng các chế độ quản lý vật tư và quản lý giá cả của Nhà nước; nghiêm cấm xí nghiệp mua trên thị trường tự do những vật tư do Nhà nước độc quyền phân phối.

Sản xuất phụ là bộ phận sản xuất do xí nghiệp tổ chức làm thêm trên

cơ sở tận dụng phế liệu, phế phẩm của sản xuất chính và những nguyên liệu, vật liệu phụ do xí nghiệp mua thêm. Sản xuất phụ làm ra những sản phẩm không nằm trong diện mặt hàng sản xuất chính của xí nghiệp. Xí nghiệp không được tổ chức sản xuất phụ bằng cách giữ lại số phế liệu, phế phẩm mà Nhà nước đã có kế hoạch điều cho các cơ sở sản xuất khác. Xí nghiệp muốn tổ chức sản xuất phụ phải đăng ký mặt hàng và giá thành, giá bán sản phẩm với cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của xí nghiệp.

Về tiêu thụ sản phẩm, thì toàn bộ sản phẩm do xí nghiệp làm ra đều phải bán cho các cơ quan thương nghiệp quốc doanh và các đơn vị kinh tế của Nhà nước theo kế hoạch phân phối sản phẩm đã được cơ quan giao kế hoạch sản xuất duyệt. Đối với hàng tiêu dùng thuộc sản phẩm phụ mà các tổ chức thương nghiệp quốc doanh không nhận tiêu thụ, thì xí nghiệp được tự tổ chức tiêu thụ theo giá đã đăng ký và được duyệt, nhưng phải nộp thuế cho Nhà nước. Xí nghiệp không được giữ lại sản phẩm để phân phối nội bộ theo giá thành sản xuất; chỉ được mua lại một số sản phẩm phụ theo giá bán buôn công nghiệp để bán thương cho cán bộ, công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Ngoài những điều sửa đổi và bổ sung về công tác kế hoạch hóa và tiêu thụ sản phẩm, quyết định này cũng có những sửa đổi và bổ sung cụ thể về công tác hạch toán giá thành, giá cả và phân phối lợi nhuận. Theo tinh thần của quyết định, thì việc hạch toán giá thành và giá cả phải bảo đảm bù đắp được chi phí sản xuất và có lãi. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận xí nghiệp có phân biệt về tỷ lệ và mức trích cho các xí nghiệp thuộc các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp khai thác, đánh bắt hải sản, xây dựng... với các ngành công

nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến; có phân biệt giữa phân kế hoạch do Nhà nước cung ứng vật tư chủ yếu với phân kế hoạch bổ sung và sản xuất phụ của xí nghiệp; có phân biệt giữa các xí nghiệp sản xuất bằng vật tư do các cơ quan, cơ sở trong nước cấp và các xí nghiệp lập kế hoạch sản xuất trên cơ sở vay ngoại tệ để nhập vật tư. Việc điều chỉnh lại tỷ lệ và mức trích lợi nhuận nhằm mục đích: bảo đảm nguồn thu tài chính của Nhà nước; khuyến khích thỏa đáng xí nghiệp và người lao động; giảm bớt sự chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các xí nghiệp và các ngành..., trước hết là khắc phục việc tăng thu nhập không do cố gắng của xí nghiệp như tăng sản lượng, tăng năng suất, hạ giá thành, mà chỉ dựa vào chênh lệch giá và cách làm ăn không chính đáng khác.

Những sửa đổi và bổ sung trên đây về quyết định 25 CP là một bước cải tiến và đổi mới quản lý kinh tế, đổi mới quản lý xí nghiệp theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc sửa đổi, bổ sung quyết định 25 CP là nhằm thực hiện chủ trương đổi mới một bước cơ chế kế hoạch hóa và quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh. Để thực hiện tốt chủ trương trên, cần tiến hành khẩn trương việc sắp xếp lại sản xuất, phân loại xí nghiệp; chấn chỉnh một số công tác cơ bản về quản lý, trước hết là công tác định mức, công tác hạch toán và báo cáo thống kê - kế toán, tăng cường trách nhiệm quản lý của cấp trên và các cơ quan tổng hợp. Cần xúc tiến việc cải tiến các chính sách, chế độ quản lý chung có quan hệ trực tiếp tới sản xuất kinh doanh của xí nghiệp như: điều chỉnh giá và công tác quản lý hệ thống giá; nghiên cứu và chuẩn bị tiến hành cải cách chế độ tiền lương cơ bản.

(Xem tiếp trang 70)

Chúng xuyên tạc trắng trợn lịch sử dân tộc Việt-nam

VĂN - TÀN

 LỊCH sử dân tộc Việt-nam trải 4000 năm. Đó không phải là một điều tưởng tượng hoặc một giả thuyết, mà là một sự thật đã được khẳng định bằng những căn cứ khoa học — bằng thư tịch và nhất là bằng khảo cổ học. Nhờ có khảo cổ học mà chúng ta đã chứng minh được triều đại dựng nước đầu tiên của nước ta là các vua Hùng với tên gọi đất nước là Văn-lang. Những di tích của thời đại lịch sử xa xưa này đã được tìm thấy ở các di chỉ Phùng-nguyên (Vĩnh-phú), An-dao (Vĩnh-phú), Văn-diễn (Hải-nội), Gò-mun, Phú-bộ (Vĩnh-phú), Việt-khê (Hải-phong) và nhiều nơi khác nữa. Bằng phương pháp phân tích vật lý phóng xạ C14, giới khảo cổ Việt-nam đã xác định được niên đại tương đối và niên đại tuyệt đối của các di vật ở các di chỉ nói trên... *Dãy đều là những di chỉ văn hóa thời đại nước Văn-lang từ thấp đến cao kéo dài khoảng 2000 năm trước công nguyên.* Đáng chú ý là nền văn hóa đó lại được trải ra trên một địa bàn tương đương với

cương vực nước Văn-lang được nói trong thư tịch.

Chủ nhân của nền văn hóa này là nhân dân nước Văn-lang, mà sử sách xưa của Trung-quốc vẫn gọi một phần nước Văn lang này là Lạc dân. Điều này hoàn toàn phù hợp với những ghi chép trong thư tịch xưa của Việt-nam và của Trung-quốc.

Truyện Hồng-bàng trong « Lĩnh nam chính quái » của Trần-Thế-Pháp (Việt-nam) viết hồi đầu thế kỷ 14 có đoạn chép: « Âu-Cơ và 50 con trai ở Phong-châu tự suy phụ lẫn nhau tôn người Hùng trưởng lên làm chúa, hiệu là Hùng Vương, quốc hiệu là Văn-lang... rồi lại đặt ra chức « tướng » (văn) gọi là « Lạc hầu », chức « tướng » (võ) gọi là « Lạc tướng », con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mỹ nương... ».

Các sách xưa của Trung-quốc, ngoài Nhị thập tứ sử, còn có Thủy kinh chú, Giao châu ngoại vực ký, Thái bình quảng ký... đều ít nhiều nói đến những Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc dân, Lạc điền... Sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc-Sử

dân sách Nam Việt chí của Thâm-Hoài-Viên" (thế kỷ 5) chép về Hùng Vương như sau: « Dân gọi là Hùng dân, vua gọi là Hùng vương, có người phụ tá là Hùng hầu, người được chia đất cho gọi là Hùng tướng ». Như vậy, trước Trần-Thế-Pháp của Việt-nam đến 9 thế kỷ, Thâm-Hoài-Viên của Trung-quốc đã viết về thời đại Hùng vương. Sau Thâm-Hoài-Viên, biết bao nhiêu thư tịch của Trung-quốc đều đã có nói về thời đại này. Điều đó nói lên rằng những tài liệu rút ra từ Việt-nam, kể từ các truyền thuyết, truyện dân gian, cho đến các thư tịch và khảo cổ-học, cũng như những tài liệu rút ra từ các thư tịch cổ của Trung-quốc, đều phù hợp với nhau, đều nói lên một sự thật lịch sử: *trong lịch sử Việt-nam có một thời đại cổ xưa, đó là thời đại nước Văn-lang với các vua Hùng.*

Di nhiên lịch sử nói có 18 đời vua Hùng và tồn tại 2000 năm, điều này còn cần được khoa học hiện đại nghiên cứu xác nhận thêm, song sự tồn tại của nước Văn-lang với các triều vua Hùng là hoàn toàn có căn cứ lịch sử và khoa học, không thể có bất cứ lý do nào để bác bỏ được. Chúng ta thừa nhận rằng trong di chỉ văn hóa Đông-sơn, bên cạnh các văn vật tiêu biểu cho nền văn hóa nước Văn-lang, lại có lẫn một số di vật ở bên ngoài đưa vào. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Đó là vì cuối thời đại Hùng Vương, do cuộc xâm lược của Lộ-Bắc-Đức (Tây Hán) vào năm 111, nước Việt-nam cổ đại bị Tây Hán rồi Đông Hán thống trị trong một thời gian dài. Lúc này, sự giao lưu văn hóa, kinh tế giữa người dân Văn-lang hoặc dân Âu-lạc với người Hán đã phát triển. Vì vậy, trong những di chỉ văn hóa cuối Văn-lang, cũng tức là văn hóa Đông-sơn có tiền đồng và một số văn vật khác của Trung-quốc. Còn ở những di chỉ văn hóa khác cũng thuộc thời đại Văn-lang, nhưng có trước giai đoạn thuộc Hán như di

chỉ Gò-mun, Phú-hậu... thì không hề có bất cứ văn vật nào của Trung-quốc.

Hơn nữa sự có mặt các văn vật nước ngoài trong các di chỉ văn hóa Đông-sơn, không làm mờ đặc trưng của nền văn hóa này. Ngược lại, chúng càng tôn vẻ độc đáo của nó như hoa văn vũ khí, rìu chiến, giáo... có mặt trên các trống đồng và trên các văn vật khác. Hơn nữa, trong các di chỉ văn hóa Đông-sơn không chỉ tìm thấy hoa văn vũ khí, mà còn có cả những vũ khí ấy nữa. Ở mô táng hình thuyền Xuân-la (Hà-sơn-bình) có rìu chiến, mũi giáo và cán rìu, cán giáo. Những di tích này không hề có ở các văn vật khảo cổ học Trung-quốc thuộc thời Hán, thời Tần.

Sự thật rành rành như vậy, nhưng một số nhà sử học Trung-quốc, mang nặng đầu óc thiên kiến dân tộc và sô vanh bành trướng bá quyền đã có ý xuyên tạc sự thật, dựng đứng lên rằng trong lịch sử không có nước Văn-lang, rằng nước Việt-nam chỉ dựng nước từ năm 207 trước công nguyên, khi một viên « biên lại » của nhà Tần lập ra nước Nam-Việt (1). Họ còn nói bừa rằng trong báo cáo về khai quật di chỉ văn hóa Đông-sơn có tiền đồng thời Hán của Trung-quốc, cho nên chủ nhân của nền văn hóa ấy (Đông-sơn) là người Trung-quốc, chứ không phải là người dân nước Văn-lang! Họ cãi phira như vậy để làm gì? Theo lý lẽ của họ, một khi đã không có nước Văn-lang, thì người chủ của cái gọi là nước Văn-lang do Việt-nam « tưởng tượng » ra đó là người Trung-quốc, còn nước Việt-nam cổ đại lại là do người Trung-quốc lập ra, vậy thì nước Việt-nam xã hội

(1) Xem bài « Sử học ngụy phục vụ chủ nghĩa bá quyền khu vực » của Đới-Khả-lại và Hứa-Vĩnh-Khương, tạp chí Hồng kỳ, Bắc-kinh, số 7 tháng 4 năm 1982. Chúng tôi viết bài này nhằm bác bỏ những luận điệu xằng bậy của Đới và Hứa.

chủ nghĩa ngày nay đương nhiên phải thuộc về Trung-quốc! Một số người trong giới sử học Trung-quốc phục vụ điên cuồng cho chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc đến thế là cùng.

Tiện đây, chúng ta cũng cần trả lời cho tác giả bài báo đăng trên tạp chí Hồng kỳ biết rằng giới sử học Việt-nam không ai ngây ngô khẳng định rằng quân đội nước Thương Ân do vua Tang lập ra từ năm 1733 trước công nguyên ở Trung-quốc là giặc Ân trong truyền thuyết Thánh Gióng của Việt-nam. Thật ra «Nước Văn-lang trẻ tuổi thời Hùng Vương đã phải chống nhiều thứ «giặc» mà ký ức lâu đời của nhân dân còn ghi nhớ dưới dạng những truyền thuyết như giặc Man, giặc Ân, giặc Xích ty, giặc Thạch bình thân tướng...» (Phan-Huy-Lê: «Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc»).

Trong lịch sử quan hệ Trung-Việt, phần lớn các triều đại phong kiến Trung-quốc xuất phát từ chủ nghĩa «thiên triều», tự cho mình có quyền chinh phạt các nước «man di» chung quanh, họ đã liên tục đem quân xâm lược Việt-nam. Đó là một sự thật lịch sử không ai có thể chối cãi được.

Năm 938, Ngô-Quyền đánh đuổi quân Nam Hán giành lại độc lập cho đất nước sau hơn nghìn năm bị phong kiến Trung-quốc thống trị. Nhưng chỉ 13 năm sau, nhà Tống lại phát động chiến tranh xâm lược nước ta. Theo kế hoạch, đại quân nhà Tống do Hầu-Nhân-Bảo chỉ huy xuất phát từ căn cứ Ung-Châu (Nam-ninh) theo đường Lạng-sơn tiến vào. Quân thủy xuất phát từ Quảng-châu vượt biển sang. Chúng dự định tiến thẳng đến kinh thành Hoa-lư, thủ đô nước ta lúc đó. Nhưng quân bộ của địch chỉ mới tiến đến Chi-lăng (Lạng-sơn) đã bị đánh bại, tướng chỉ huy bị giết, buộc phải rút lui thối bại.

Năm 1072, vua Lý-Thánh-Tôn mất. Sau đó không lâu, Thái hậu Thương-Dương bị bắt giam. Vua Lý-Nhàn-Tông lên ngôi mới có 7 tuổi. Tống-Thần-Tôn và Vương-An-Thạch cho rằng đây là dấu hiệu chia rẽ và suy yếu của nhà Lý và cơ hội đánh chiếm Việt-nam đã đến. Viên lĩnh bộ lang trung là Thẩm-Khởi nói với Tống-Thần-Tôn: «Giáo chỉ là đồ hèn mọn, không có lý gì không lấy được». Khi Khởi được cử xuống coi Quế-châu, thì việc chuẩn bị đánh Việt-nam được tiến hành ráo riết. Sau đó, Lưu-Di thay Thẩm-Khởi cũng vậy. Chúng ráp tam xâm lược Việt-nam một lần nữa.

Biết rõ mưu đồ của địch, Lý-Thường-Kiệt đã hành động trước. Ông nói: «Ngôi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc». Tháng 10-1075, Lý-Thường-Kiệt đem 10 vạn quân vượt biên giới đánh vào những căn cứ xuất phát của địch trên đất địch. Ông chiếm được các căn cứ Khâm-châu, Liêm-châu, Ung-châu rồi chủ động rút về nước, không lấy của Tống một tấc đất. Hành động của Lý-Thường-Kiệt là đề tự vệ, phá cơ sở xâm lược của Tống trên đất Tống. Thế thôi.

Quả nhiên, cuối năm 1076, Nhà Tống sai Quách-Quỳ, Triệu-Tiết đem quân sang xâm lược nước ta. Chúng đóng quân tập kết trên một trận tuyến dài 30 km trên bờ bắc sông Cầu từ bến đò Như-nguyệt đến núi Nham-biên. Chúng hai lần cho quân vượt sông, dự định tiến về Thăng-long, nhưng đều bị Lý-Thường-Kiệt chặn đánh, buộc phải rút về bờ bắc. Sau đó, quân ta thừa thắng tiến sang bờ bắc đuổi đánh, diệt 6 phần 10 giặc Tống. Quân Tống đã ở vào thế quân bách. Ngay sau khi đợt vượt sông đầu tiên thất bại, Quách-Quỳ đã phải ra lệnh «ai bắn đánh sẽ bị chém». Nay lại có nguy cơ bị diệt hoàn toàn.

địch không còn đường thoát nào khác là lui quân. Nhưng lui thì bẽ mặt «thiên triều»! Lý-Thường-Kiệt năm rõ điều đó và chủ động đề nghị điều đình, mở đường cho quân địch về nước, sớm chấm dứt chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất cho dân tộc. Quách-Quỳ vội vàng chấp nhận «giang hòa» và rút quân trong cảnh hỗn loạn. Quân của Quách-Quỳ rút khỏi nơi nào, quân ta tiến lên thu hồi nơi đó. Riêng đất Quảng-nguyên (Cao-bằng), nhà Tống có âm mưu chiếm, đóng lâu dài. Nhưng trước sức đấu tranh của quân và dân ta, chúng cũng buộc phải trả lại Quảng-nguyên cho ta.

Thất bại trên sông Như-nguyệt năm 1077 và việc Tống phải trả lại đất Quảng-nguyên, là một thất bại thảm hại của bọn xâm lược Tống. Ý chí xâm lược của nhà Tống bị dập tan. Nhờ vậy mà trong suốt 200 năm từ đó về sau, nhà Tống không còn hung hăng đem quân «trừng phạt» chúng ta nữa.

Về thắng lợi này, *Dại việt sử ký toàn thư* của Việt-nam (quyển 3) có nói rõ: «Mùa đông, tháng 12 (năm Đinh Tỵ = 1077) Triệu-Tiết nhà Tống sang lần, không được, lại đem quân về». Câu này tuy ngắn, nhưng nhiều ý nghĩa. Ngay các sách của Trung-quốc như *Nhị-Trình di thư* của Trình-Di, *Trình-Hiện, Tục tư trị thông giám trường biên* của Lý-Đạo, cũng đều nói quân Tống thua nặng ở trên sông Như-nguyệt nên phải rút quân.

Việc nhà Tống buộc phải trao trả Quảng-nguyên cho ta cũng nằm trong khuôn khổ của sự đại bại sau trận Như-nguyệt. Về việc này, sách «Đồng biên bút lục» của Trung-quốc, mà tác giả là Ngụy-Thái, người từng chứng kiến cuộc chiến tranh xâm lược của Tống và cuộc phản kích của Lý-Thường-Kiệt, đã viết rõ rằng «quân Tống không giữ nổi Quảng-nguyên phải bỏ đi». Ngoài Ngụy-Thái, người

Trung-quốc thời đó còn chỉ trích việc Tống để mất Quảng-nguyên trong hai câu thơ «Nhấn tham Giao-chỉ trọng, khước thất Quảng-nguyên kim» (Vi tham voi Giao-chỉ, nên mất vàng ở Quảng-nguyên).

Sự thật là như vậy. Nhưng Dời và Hứa lại đảo ngược phải trái, xuyên tạc lịch sử một cách trắng trợn. Về quan hệ giữa nhà Tống và nhà Lý qua các cuộc chiến tranh xâm lược của Tống, họ đã đứng trên lập trường bảo vệ hành động xâm lược của các triều đại phong kiến Trung-hoa trước đây. Họ nói rằng «do Lý-Thường-Kiệt xâm lược Trung-quốc», cho nên Tống đem quân sang Việt-nam để «phản kích tự vệ». Họ còn huênh hoang rằng, cuộc «phản kích tự vệ» của Tống đã giành thắng lợi trên sông Như-nguyệt, còn «quân Việt-nam đại bại», phải «đăng biểu xin hàng... do đó Quách-Quỳ đem quân về». Thực chất đây là một sự xuyên tạc có dụng ý. Bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc muốn vin vào việc Lý-Thường-Kiệt tiến công sang đất Tống nhằm tiêu diệt căn cứ xuất phát xâm lược của nhà Tống để hồng xóa sạch tội lỗi xâm lược Việt-nam của bọn phong kiến Trung-quốc trong hơn 2000 năm qua, kể từ nhà Tần (Đồ-Thư) trước công nguyên cho đến nhà Thanh thế kỷ 18. Chúng cũng hồng lấy đó để kích động tâm lý số vanh đại Hán nhằm bào chữa cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta hồi tháng 2-1979 và cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt hiện nay của chúng đối với đất nước ta.

Ngày nay, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc vẫn còn nói không hề thẹn rằng cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam hồi tháng 2-1979 là «phản kích tự vệ», rằng cuộc chiến tranh đó là một trong 10 «thành tựu huy hoàng» nhất trong thời kỳ kế từ hội nghị thứ 3 của trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc

(tháng 12-1978) đến nay! Tư tưởng "thiên triều" và bản chất bành trướng bá quyền của phong kiến Trung-hoa sống thật là dai dẳng.

Độc ác hơn nữa, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc không từ một thủ đoạn nào để khoét sâu sự thù địch giữa Việt-nam và Trung-quốc, phá hoại một cách thâm độc tình hữu nghị một thời nồng thắm giữa nhân dân hai nước. Trong khuôn khổ của cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta, họ đang lợi dụng cả lịch sử, văn học và nghệ thuật (tiểu thuyết, điện ảnh...) để bôi nhọ hình ảnh đẹp đẽ của dân tộc Việt-nam, mô tả chúng ta là những kẻ "xâm lược", "đàn áp nhân quyền".

Từ chỗ vô lý phủ định sự tồn tại của nước Văn-lang đến chỗ phủ nhận lịch sử xâm lược Việt-nam của các triều đại phong kiến Trung-quốc trước đây, bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc còn nhằm mưu đồ gì? Rõ ràng là *chúng muốn tước bỏ một di sản quý báu nhất của chúng ta là tình đoàn kết và thống nhất của nhân dân các dân tộc trên lãnh thổ nước Việt-nam xưa và nay cũng như ý thức cảnh giác và ý chí kiên cường bất khuất của nhân dân ta trước mọi bọn cường bạo nhằm bảo vệ độc lập tự do.*



Bài báo của tạp chí *Hồng kỳ* nói trên còn có những sự xuyên tạc và đối trá khác, không đáng nêu hết ra

đây để bác bỏ. Lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt-nam là một sự thật mà toàn thế giới đã biết đến và công nhận. Đó mãi mãi là niềm tự hào và nguồn sức mạnh to lớn của nhân dân ta. Càng đi sâu vào con đường chống Việt-nam, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc càng bộc lộ bản chất "thiên triều" phong kiến - bành trướng bá quyền. Nhân dân Việt-nam hết sức quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Trung-quốc. Chúng ta mong muốn duy trì tình hữu nghị đó. Nhưng chúng ta không thể mất cảnh giác trước mưu đồ thâm độc của bọn theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc.

Mở rộng quyền chủ động...

(Tiếp theo trang 65)

Là tế bào của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, các xí nghiệp quốc doanh có nhiệm vụ chấp hành nghiêm chỉnh những điều bổ sung theo quyết định 146 HĐBT của Hội đồng bộ trưởng, tổ chức sản xuất và kinh doanh có hiệu quả kinh tế, bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước, tăng sản phẩm cho xã hội và tăng thu nhập cho công nhân, kết hợp đúng đắn lợi ích của Nhà nước với lợi ích của xí nghiệp và lợi ích của người lao động, tạo ra một động lực mạnh mẽ trong lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động xã hội.

ТАПЧИ КОНГШАН

№ 2 — 1983 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Повышать организованность и дисциплинированность среди кадровых работников и рядовых членов партии. **ФАМ ВАН ДОНГ** — Развивать лесные промыслы — большое дело всей партии и всего народа. **ВУ ОАНЬ** — Некоторые проблемы строительства уезда. **ВУ МАО** — Сделать эффективнее работу по мобилизации молодежи. **ТИНЬ ЧЫК** — Крепить партию, обеспечить чистоту её рядов. **НГУЕН ТХАНЬ** — Коммунистический Интернационал и индокитайская революция. **ВАН ТУНГ** — Расширять право на производственно — хозяйственную и финансовую самостоятельность государственных промышленных предприятий. **ВАН ТАН** — Грубые фальсификаторы истории Вьетнамского народа.

REVIEW OF COMMUNISM № 2-1983

Editorial — Promoting the Sense of Organization and Discipline of Our Party Cadres and Members. *PHAM-VĂN-ĐỒNG* — Developing Silviculture Is a Great Task of the Whole Party and Population. *VŨ-OANH* — Some Issues Concerning the Building of Districts. *VŨ-MÃO* — Let Us Try to Further Heighten the Efficiency of the Work of Encouraging Young People. *CHÍNH-TRỰC* — Building a Contingent of Stable and Upright Party Members. *NGUYỄN-THÀNH* — The Internationals and the Indochinese Revolution. *VÂN-TÙNG* — On the Question of Relaxing the Right to Taking the Initiative in Production and in Business and the Right to Self-Determination on the Matter of Finance in State-Run Industrial Factories. *VÂN-TÂN* — The History of the Vietnamese People Has Been Brazenly Distorted.

REVUE DU COMMUNISME N° 2-1983

Editorial — Elever l'esprit d'organisation et de discipline chez les cadres et membres du Parti: *PHAM-VĂN-ĐỒNG* — Développer la sylviculture est une grande oeuvre du Parti, du peuple. *VŨ-OANH* — Quelques problèmes sur l'édification du district. *VŨ-MÃO* — Améliorer l'efficacité du travail de mobilisation des jeunes. *CHÍNH-TRỰC* — Edifier un contingent de membres du Parti intègres et sûrs. *NGUYỄN-THÀNH* — L'Internationale communiste et la révolution indochinoise. *VÂN-TÙNG* — Elargir chez les entreprises industrielles d'Etat le droit d'initiative dans la production et l'exploitation et d'autonomie financière. *VÂN-TÂN* — Ils falsifient cyniquement l'histoire de la nation vietnamienne.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 2-1983

Editorial — Elevar la conciencia organizativa y disciplinaria de los cuadros y militantes del Partido. *PHAM-VĂN-ĐỒNG* — El desarrollo de la silvicultura, una importante obra del Partido y el pueblo. *VŨ-OANH* — Algunos problemas sobre la edificación del distrito. *VŨ-MÃO* — Elevar la eficiencia del trabajo de movilización juvenil. *CHÍNH-TRỰC* — Hacer puro y fuerte el contingente de militantes del Partido. *NGUYỄN-THÀNH* — La Internacional Comunista y la Revolución de Indochina. *VÂN-TÙNG* — Ampliar la iniciativa operativo-productiva y la autonomía financiera en las empresas industriales de Estado. *VÂN-TÂN* — Su abierta tergiversación de la historia de la nación vietnamita.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 2

1983

NĂM THU XXVIII (326)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG

TẠI MIỀN NAM :

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 52768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Nâng cao tinh tổ chức và kỷ luật của cán bộ, đảng viên	1
PHẠM-VĂN-DŨNG — Phát triển nghề rừng là sự nghiệp lớn của toàn Đảng, toàn dân	7
VŨ-OANH — Một số vấn đề về xây dựng huyện	17
VŨ-MÃO — Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác vận động thanh niên	26
CHÍNH-TRỰC — Xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh	33
Hội ký ★ TRẦN-HỮU-CHƯƠNG — Về Đồng-dương cộng sản liên đoàn	40
THẾ-TẬP — Nhìn lại chặng đường đấu tranh của Đảng chống bọn tô rớt xkit phản động	45
NGUYỄN-THÀNH — Quốc tế cộng sản và cách mạng Đồng-dương	53
VĂN-TÙNG — Mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh	60
VĂN-TÂN — Chúng ta tuyên tạc trắng trợn bọn sũ dân tộc Việt-nam	67

Các bạn tìm đọc:

CHỐNG CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG BÁ QUYỀN TRUNG-QUỐC

Của tập thể các tác giả:

Trương-Chinh, Phúc-Cương, Lê-Xuân-Lựu, Nhuận-Vũ, Trúc-Xuyên, Văn-Hiền, Hoàng-Kim, Nguyễn-Đức-Thiệt, Nguyễn-Đức-Bình, Phạm-Hồng-Sơn, Lê-Tự-Dòng, Nguyễn-Anh-Bác, Hồng-Chương, Trần-Quốc-Tú.



TẬP CHÍ CỘNG SẢN XUẤT BẢN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



3

3.1983

TẠO MỘT CHUYỀN BIỂN MẠNH MẼ VỀ Ý CHÍ VÀ HÀNH ĐỘNG



UẨN triết nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tạo nên một chuyến biển mạnh mẽ về tư tưởng, ý chí và hành động cách mạng của toàn xã hội là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của công tác tư tưởng hiện nay.

Sau đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V, cán bộ, đảng viên ta đã nâng cao thêm một bước nhận thức đối với tình hình đất nước, đối với các vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng, về những nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng. Những chuyến biển mới đây trong nền kinh tế cũng giúp cho cán bộ, đảng viên ta thêm tin tưởng, phấn khởi. Phần đông cán bộ, đảng viên ta đã nêu cao ý chí cách mạng, dũng cảm phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Tuy nhiên, vẫn còn một số người tỏ ra lo lắng về khả năng đã thực hiện, về những biện pháp khắc phục các khó khăn trong kinh tế và đời sống. Một số cán bộ, đảng viên còn mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Một số người có những việc làm không phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Một số cán bộ, đảng viên có thái độ hoài nghi, bi quan, mất cảnh giác, thiếu ý thức trách nhiệm trước những khó khăn chung của đất nước. Những tư tưởng sai trái đó đã lúc động không tốt tới việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương, khắc phục những hiện tượng tiêu cực, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, cần đẩy mạnh công tác tư tưởng của Đảng. Công tác tư tưởng cần triển khai giáo dục nghị quyết của Trung ương Đảng một cách sâu sắc, với tinh thần tiên công mạnh mẽ, kiên quyết đấu tranh phê phán những nhận thức sai trái với quan điểm của Đảng.

Trước hết, cần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đánh giá đúng những thành tựu to lớn, những chuyển biến có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế, nhất là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Những chuyển biến ấy tuy mới là bước đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, mở ra triển vọng mới để ổn định và phát triển sản xuất, giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội. Những chuyển biến về kinh tế vừa qua, một lần nữa khẳng định đường lối, phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng là đúng đắn, các chính sách mới về kinh tế của Đảng và Nhà nước đã và đang tạo nên sự chuyển biến mới trong lao động sản xuất. Thực tiễn hai năm qua đã bác bỏ thái độ bi quan, hoài nghi về khả năng chuyển biến của nền kinh tế nước ta. Tuy vậy, những chuyển biến và tiến bộ trong nền kinh tế chưa đều và chưa mạnh; tình hình kinh tế - xã hội vẫn đang có những khó khăn lớn. Cần làm cho mọi người thấy đúng mức tính chất gay gắt, phức tạp của những khó khăn về kinh tế - xã hội hiện nay, khắc phục lối suy nghĩ giản đơn, dễ dãi. Qua việc đánh giá đúng tình hình mà rút ra những kinh nghiệm tốt về cách làm ăn, về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân; từ đó mà tập trung lực lượng vào việc khai thác những khả năng hiện thực và tiềm tàng của địa phương mình, đơn vị mình, tháo gỡ các vướng mắc, giành cho được những thành tựu mới, góp phần thiết thực vào việc đưa nền kinh tế lên. Có làm rõ những vấn đề ấy mới nâng cao được tinh thần phấn đấu cách mạng của cán bộ, đảng viên, củng cố sự đoàn kết nhất trí, tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, khắc phục những hiện tượng bi quan, hoài nghi. Kẻ địch đang tiến hành chiến tranh tâm lý, không ngừng lung lay những luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là những chủ trương, chính sách về kinh tế. Cần kịp thời vạch trần những luận điệu xảo trá ấy của địch, giải thích cho quần chúng phân rõ đúng, sai.

Cùng với yêu cầu nói trên, công tác tư tưởng cần làm cho mọi người nhận thức sâu sắc về những nhiệm vụ, mục tiêu về kinh tế - xã hội năm 1983 và phương hướng kinh tế - xã hội những năm 1983 - 1985, nắm vững những nội dung cơ bản, những quan điểm của Đảng về phân phối lưu thông, về phân cấp quản lý kinh tế, về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện như đã nói trong nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương.

Vấn đề nóng bỏng, mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là **vấn đề đời sống của nhân dân**. Các nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách, biện pháp nêu trong nghị quyết của Trung ương đều nhằm vào việc thực hiện tốt nhất mục tiêu ấy.

Muốn khắc phục khó khăn, chuyển biến tình hình, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, chúng ta không có cách nào khác là tập trung sức đẩy mạnh mọi mặt sản xuất, làm ra nhiều của cải, sản phẩm cho xã hội, đặc biệt phải chăm lo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Làm cho mọi người nhận rõ hơn nữa « nông nghiệp là mặt trận hàng đầu », nông nghiệp nước ta có nhiều khả năng phát triển toàn diện và phong phú, cần hien công mạnh mẽ trên mặt trận nông nghiệp, tập trung mọi lực lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp tốt hơn nữa, quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu 17 triệu tấn lương thực năm 1983, mục tiêu 19 - 20 triệu tấn lương thực năm 1985. Đồng thời đẩy

manh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phấn đấu thực hiện cho được các mục tiêu, yêu cầu đã nêu trong nghị quyết.

Một bài học kinh nghiệm lớn có ý nghĩa rất quý báu đối với chúng ta trong hai năm 1981 — 1982 vừa qua là bài học về **tự lực tự cường**. Chính với tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, không chịu bó tay trước khó khăn, hai năm qua, trong những điều kiện hết sức khó khăn về nguyên liệu, vật tư, năng lượng, v.v. nhiều địa phương và cơ sở sản xuất trong cả nước đã vươn lên, đạt được những thành tựu rất đáng phấn khởi về phát triển sản xuất, ổn định đời sống. Cần giáo dục thật sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng về bài học tự lực tự cường, qua đó mà nâng cao lòng tin đối với việc thực hiện nghị quyết của Trung ương, nhất là nâng cao tinh thần phấn đấu tự lực tự cường, quyết tâm vươn lên giành những thành tựu mới.

Đề nghị mạnh sản xuất, đi đôi với việc giáo dục tinh thần tự lực tự cường, cần tiếp tục cổ vũ việc thực hiện đúng đắn ba lợi ích Kinh tế (lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động). Thực tiễn mấy năm qua đã chứng minh việc kết hợp hài hòa ba lợi ích kinh tế là một động lực quan trọng để động viên, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể của những người lao động, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào lao động sản xuất. Phê phán và khắc phục thiên hướng chạy theo lợi ích trước mắt của cá nhân, coi nhẹ lợi ích chung và lâu dài của đất nước hoặc ngược lại.

Sản xuất là cơ sở để ổn định và nâng cao đời sống nhưng muốn ổn định và nâng cao đời sống còn phải làm tốt công tác phân phối lưu thông. Phân phối lưu thông có vai trò to lớn đối với sản xuất và đời sống. Trong tình hình sản xuất còn có khó khăn như hiện nay càng phải quan tâm cải tiến công tác phân phối lưu thông. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt trong lĩnh vực này. Ngay trong nội bộ các cơ quan kinh tế quốc doanh cũng đang diễn ra một cách phổ biến nhiều việc làm sai trái, nhất là tệ « phân phối nội bộ », không nộp tiền mặt, không giao nộp đủ sản phẩm, lợi dụng xoay xở, tranh mua tranh bán ... Cuộc đấu tranh để thiết lập trật tự mới trong phân phối lưu thông đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách phải giải quyết. Công tác tư tưởng cần làm cho mọi người thấu suốt và chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phân phối lưu thông. Đồng thời coi trọng việc giáo dục tinh thần Đảng, tinh thần kỷ luật trong hoạt động kinh tế — xã hội, giáo dục nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước, đề cao kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cùng với việc làm quán triệt nội dung nghị quyết của Trung ương, công tác tư tưởng cần chăm lo bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về phẩm chất cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh. Điều cần bàn hiện nay là giáo dục mọi người có nhận thức rõ ràng, có thái độ kiên quyết về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, kiên định lập trường giai cấp công nhân; nâng cao ý chí chiến đấu cách mạng, gương mẫu trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là các chủ trương, chính sách về phân phối lưu thông, về tập thể hóa nông nghiệp, về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối

với công thương nghiệp tư nhân. Đồng thời tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên về lối sống xã hội chủ nghĩa, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, giúp cho cán bộ, đảng viên có ý thức giữ gìn lối sống trong sạch, lành mạnh. Cờ vũ, biểu dương những gương sáng về phẩm chất cách mạng. Đấu tranh phê phán, khắc phục những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất và lối sống trong cán bộ, đảng viên.



Đề góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, công tác tư tưởng phải nâng cao hơn nữa tính chiến đấu. Cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh trong công tác tư tưởng. Cùng với việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cần đấu tranh, phê phán triệt để những sai lầm về tư tưởng, trước hết là những quan điểm, những khuynh hướng trái với quan điểm tư tưởng của Đảng; chống tư tưởng bị quan, hoạt nghi; phê phán những biểu hiện sai lầm, chủ yếu là những biểu hiện có tính hữu khuynh trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đấu tranh sắc bén chống những luận điệu phản tuyên truyền, những hoạt động chiến tranh tâm lý của địch. Đồng thời đấu tranh, phê phán mạnh mẽ những biểu hiện không lành mạnh về đạo đức, về lối sống, những hiện tượng vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kết hợp chặt chẽ biện pháp tư tưởng với biện pháp tổ chức. « Đưa ra khỏi các cấp ủy và đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên có ý không chấp hành chính sách, không thi hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; trừng trị đích đáng bọn tham ô, ăn cắp, buôn lậu, móc ngoặc, hối lộ... từ trong Đảng đến các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể, từ khu vực kinh tế quốc doanh, tập thể đến ngoài xã hội » (1).

Cùng với việc nâng cao tính chiến đấu, công tác tư tưởng cần góp phần tích cực vào việc nâng cao năng lực hành động, năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên. Các cơ quan làm công tác tuyên truyền, giáo dục, nhất là các phương tiện thông tin đại chúng cần đi sâu vào các huyện, các hợp tác xã, nhà máy, cửa hàng, v.v. phát hiện, phổ biến những kinh nghiệm tốt trong sản xuất và tổ chức đời sống nhân dân, tổng kết những điển hình tiên tiến, từ các điển hình mà phát triển thành phong trào quần chúng rộng lớn, tạo nên sức bật mới cho nền kinh tế và đời sống xã hội. Phê phán những cách làm ăn không tính toán hiệu quả kinh tế, không chăm lo cải thiện công tác, bảo thủ, trì trệ. Cốt trọng việc phổ biến những kinh nghiệm tốt của các cơ quan điều hành, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Các phương tiện thông tin đại chúng cần có chương trình, kế hoạch tuyên truyền, cổ động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện nghị quyết

(1) Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng

Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng, tập trung vào các chủ đề quan trọng, thường xuyên thông tin, cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất. Mục tiêu quan trọng nhất của phong trào quần chúng trong lao động sản xuất hiện nay là **tăng năng suất và hiệu quả kinh tế, thực hành tiết kiệm.**

Các cơ quan làm công tác tư tưởng có vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng. Nhưng công tác tư tưởng là công tác của toàn Đảng, trước hết là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng. Cấp ủy Đảng cần thường xuyên quan tâm đến công tác tư tưởng, nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, kịp thời chỉ ra những yêu cầu, nội dung và khẩu hiệu tuyên truyền, giáo dục sắc bén nhằm thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội trong ngành mình, địa phương, đơn vị mình. Khắc phục tình trạng khoán trắng công tác tư tưởng cho các cơ quan chuyên môn.

Trước mắt, biện pháp quan trọng có ý nghĩa quyết định là các cấp ủy Đảng quán triệt nội dung nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng vào chương trình công tác của mình, làm cho nghị quyết của Trung ương thật sự trở thành cương lĩnh hành động của từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị cơ sở.

Thước đo hiệu quả công tác tư tưởng là phong trào thi đua lao động sản xuất của quần chúng. Mọi hoạt động tuyên truyền, giáo dục phải nhằm tạo cho được một chuyển biến mạnh mẽ về ý chí và hành động, một khí thế cách mạng hào hùng, sôi nổi, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, quyết tâm thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1983, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng.

ĐỔI MỚI SỰ PHÂN CẤP TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

TỔ - HỮU



Ở nghị trung ương lần thứ ba vừa có quyết định về một vấn đề rất quan trọng, có ý nghĩa thời sự lớn là đổi mới sự phân cấp trong quản lý kinh tế.

Thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV), nghị quyết số 26 của Bộ chính trị và nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V vừa qua, về cải tiến quản lý kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách mới để tháo gỡ các ràng buộc của cơ chế quản lý cũ mang nặng tính chất hành chính bao cấp, tập trung quan liêu nhằm phát huy khả năng chủ động của địa phương và cơ sở phát triển sản xuất, khuyến khích công nhân, nông dân tích cực tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong hơn hai năm qua, các chính sách đó đã phát huy tác dụng to lớn, "đã tạo nên nguồn sinh lực mới trong lao động sản xuất, đưa đến những chuyển biến mới rất có ý nghĩa trong nền kinh tế quốc dân. Những chuyển biến đó tuy mới là bước đầu nhưng rất quan trọng, mở ra triển vọng mới

để ổn định và phát triển kinh tế, xã hội" (1). Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, hoạt động lưu thông phân phối được thúc đẩy phát triển với tốc độ khá. Ảnh hưởng quan trọng nhất là chính sách mới đã tạo nên nhiều nhân tố mới; đã phát huy mạnh mẽ năng lực chủ động, sáng tạo, tự lực vươn lên của cán bộ và công nhân, nông dân; thúc đẩy sự phân công chuyên môn hóa, mở rộng quan hệ hiệp tác, liên kết trong kinh tế với nhiều hình thức phong phú; phát huy một bước vai trò lực lượng sản xuất trực tiếp của khoa học kỹ thuật; cơ chế quản lý theo lối hành chính bao cấp bước đầu được thu hẹp, nguyên tắc hạch toán kinh doanh được đề cao, những tiêu chuẩn về năng suất, chất lượng, hiệu quả được người lao động quan tâm một cách tự giác; công tác lãnh đạo, chỉ đạo bằng chính sách dần, bầy kinh tế đang trở thành phương pháp làm việc chủ yếu. Những ảnh hưởng về mặt tổ chức và quản lý đó có ý nghĩa rất cơ bản, sẽ

(1) Nghị quyết hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V).

còn phát huy tác dụng tích cực lâu dài và lớn hơn nữa trong thời gian tới. Tuy nhiên, công việc cải tiến quản lý chưa được tiến hành đồng bộ, chưa tháo gỡ được hết những ràng buộc nặng nề của cơ chế quản lý cũ và trong quá trình thực hiện những

biện pháp bước đầu cải tiến quản lý cũng đã nảy sinh một số thiếu sót, lệch lạc mới. Vì vậy, thực tế đang đòi hỏi chúng ta phát huy những kết quả đã đạt được, thực hiện việc cải tiến quản lý kinh tế mạnh mẽ, đúng đắn và có tính hệ thống hơn nữa.

1 — YÊU CẦU KHÁCH QUAN TIẾN HÀNH SỰ PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

Cải tiến công tác quản lý kinh tế hiện nay đang là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong nhiều năm nay, sản xuất bị trì trệ, thu nhập quốc dân không tăng, năng suất lao động có xu hướng giảm sút, tất cả những tình hình đó đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và tích lũy. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh chưa tương ứng với cơ sở vật chất kỹ thuật đã có. Mặt khác, những tiềm năng kinh tế ngày càng bộc lộ phong phú và hiện thực. Trong hoàn cảnh của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, sản xuất nhỏ còn là chủ yếu, điều kiện phát triển kinh tế của các địa phương còn mang nhiều tính đặc thù, nhưng địa phương và cơ sở lại chưa được phát huy đầy đủ quyền chủ động trong tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế. Vấn đề đặt ra là phải tạo ra những điều kiện, những hình thức thích hợp để thực hiện sự kết hợp chặt chẽ các yếu tố vật chất cơ bản của sản xuất: lao động, đất đai, thiết bị, vật tư, tài nguyên..., động viên mọi lực lượng sản xuất của xã hội để phát triển sản xuất. Từ lâu, Đảng ta đặt vấn đề xây dựng cơ chế thực hiện chế độ làm chủ tập thể ở cả ba cấp: trung ương, địa phương, cơ sở cũng chính là xuất phát từ thực tế khách quan này.

Mục đích chủ yếu tiến hành sự phân công, phân cấp lần này nhằm xác định rõ cơ chế phát huy quyền làm

chủ tập thể của các ngành, các địa phương và cơ sở sản xuất kinh doanh. Thông qua đó phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo, sự quan tâm đến năng suất của lao động và thiết bị, đến chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, trên cơ sở đó tạo nên sự chuyển biến mới, sức bật mới cho nền kinh tế và đời sống xã hội.

Ngày nay yêu cầu cải tiến quản lý kinh tế thể hiện trên mọi mặt của cơ chế quản lý, do đó, sự phân công phân cấp cũng được đặt ra trên mọi lĩnh vực: xác định cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất, công tác kế hoạch hóa, vận dụng các đòn bẩy kinh tế, tổ chức bộ máy và cán bộ.

Cơ cấu kinh tế là vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong quản lý kinh tế. Có xác định đúng cơ cấu kinh tế của nền kinh tế quốc dân, của từng ngành, từng địa phương và từng cơ sở, mới có phương hướng đầu tư đúng đắn, sản xuất mới phát triển ổn định và có hiệu quả kinh tế cao. Trong thực tế hiện nay, việc xác định cơ cấu kinh tế đang là một vấn đề lớn. Những năm qua, trong xây dựng kinh tế, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, năng suất lao động kém, thu nhập quốc dân không tăng, mặc dù vốn đầu tư và công sức bỏ ra lớn hơn trước, cũng trước hết do nguyên nhân này. Trong từng cơ sở thì phương hướng sản

xuất không dùng cũng là một nguyên nhân của tình trạng làm ăn thua lỗ kéo dài, vừa mất vốn, lãng phí tài nguyên, vừa kéo dài tình hình khó khăn trong đời sống người lao động.

Bố trí cơ cấu kinh tế là một vấn đề có tính chất khoa học, đó là sự kết hợp hài hòa các yếu tố tự nhiên với kinh tế, kinh tế với kỹ thuật, với xã hội, kết hợp các yêu cầu trước mắt với lâu dài... Công việc đó sẽ thu được hiệu quả lớn nếu được thực hiện trên cơ sở phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của các cấp quản lý và cơ sở sản xuất kinh doanh, tức là nếu được phân công phân cấp hợp lý thì các tiềm năng kinh tế sẽ được phát hiện và khai thác mạnh mẽ.

Cơ cấu kinh tế hợp lý còn là cơ sở để cải tiến công tác tổ chức sản xuất. Việc kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với lưu thông phân phối, việc liên kết các thành phần kinh tế, các trình độ kỹ thuật, các quy mô sản xuất khác nhau, việc phân công chuyên môn hóa v.v. trong quá trình thúc đẩy nền kinh tế phát triển hiện nay đang ngày càng trở thành những vấn đề bức thiết và cơ bản của việc tổ chức sản xuất và quản lý. Hơn nữa, những quan hệ hiệp tác nhiều ngành, nhiều thành phần kinh tế, nhiều trình độ kỹ thuật đó lại diễn ra trên phạm vi lãnh thổ của các địa phương. Những thực tế đó đang đặt ra yêu cầu bức thiết phải tiến hành sự phân công, phân cấp hợp lý giữa trung ương và địa phương nhằm khắc phục những sự ràng buộc vô lý của cơ chế quản lý tập trung quan liêu, tạo điều kiện thuận lợi rộng rãi nhất cho hoạt động kinh tế phát triển với tốc độ nhanh và đạt hiệu quả cao.

Với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, về mặt tổ chức sản xuất, chúng ta có nhiều khuyết điểm lớn.

Các ngành trung ương chưa có quy hoạch phát triển toàn bộ từ trung

ương đến cơ sở, do đó, hoạt động của ngành và địa phương trong nhiều trường hợp mâu thuẫn lẫn nhau và gây ra những sự chông chéo làm lãng phí thiết bị vật tư, lao động và tiền của rất nghiêm trọng. Do chưa quán triệt đầy đủ chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật toàn ngành, thiên về hoạt động sản xuất kinh doanh như một đơn vị kinh tế, nhiều ngành chưa ý thức rõ về sự phát triển mạnh mẽ của mình thể hiện một phần thậm chí một phần lớn trên địa bàn địa phương.

Các địa phương cũng chưa thấy hết thế mạnh là ngoài đất đai, lao động và các cơ sở vật chất của mình còn có các cơ sở kinh tế kỹ thuật của các ngành trung ương hoạt động ở địa phương. Đó là điều kiện tốt để thực hiện sự phân công và hiệp tác nhằm nâng cao trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất, trên cơ sở đó nâng cao năng suất của lao động và phát huy các điều kiện sản xuất khác một cách có hiệu quả nhất. Do vậy, ở nhiều địa phương hoạt động kinh tế mang nhiều tính chất tự cấp tự túc, hiệu quả kinh tế thấp, kỹ thuật chậm được phát triển. Tình trạng khá phổ biến là các địa phương buông lơì vai trò quản lý Nhà nước trên phạm vi lãnh thổ.

Những khuynh hướng phát triển không đúng nói trên đã làm cho hoạt động của ngành và địa phương tách rời nhau, thậm chí cản trở lẫn nhau: hoạt động đó không phát huy được tính ưu việt đặc trưng của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là sự hợp tác và phân công chuyên môn hóa sản xuất. Nước ta hiện nay đang trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế còn nhiều thành phần, trình độ kỹ thuật của các cơ sở sản xuất còn chênh lệch nhau nhiều, quy mô sản xuất của nhiều cơ sở còn nhỏ. Bên cạnh những cơ sở sản xuất quốc doanh quy mô lớn và trang bị kỹ thuật hiện đại, còn

tồn tại những cơ sở quốc doanh, tập thể và cá nhân có quy mô sản xuất nhỏ và trang bị thô sơ, còn sử dụng kỹ thuật thủ công.

Do những khuynh hướng nói trên, các thành phần kinh tế, các trình độ kỹ thuật không được kết hợp chặt chẽ với nhau và thực hiện sự phân công chuyên môn hóa hợp lý, làm hạn chế kết quả sản xuất, và cũng không phát huy được vai trò hướng dẫn, chỉ đạo của thành phần kinh tế quốc doanh, của kỹ thuật hiện đại trong việc cải tạo quan hệ sản xuất và cơ sở kỹ thuật của nền kinh tế.

Kế hoạch hóa, công cụ quản lý trung tâm của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chưa tỏ rõ vai trò chỉ đạo, chưa phát huy khả năng chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh của các ngành, địa phương và cơ sở. Căn cốt là nội dung cơ bản của kế hoạch thì một chiều phụ thuộc vào điều kiện vật chất tập trung của trung ương và nước ngoài, bỏ rơi nguồn vật chất phong phú có thể tạo ra ở trong nước. Phương pháp làm kế hoạch lại cứng nhắc, từ trên dội xuống, coi nhẹ phát huy khả năng chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở, tức là coi nhẹ nguyên tắc dân chủ. Trong hoàn cảnh nền kinh tế còn là sản xuất nhỏ, những điều kiện vật chất rất phân tán, nhiều ngành sản xuất còn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, nhưng việc quản lý của chúng ta lại quá tập trung cho nên kế hoạch cũng mang nặng tính chủ quan, thiếu căn cứ hiện thực, và bởi vậy cũng chưa tích cực, vững chắc.

Cũng như vậy, các chính sách đòn bẩy kinh tế được xây dựng từ mấy chục năm trước, chậm được điều chỉnh, đã tỏ ra không còn thích hợp với tình hình thực tế có nhiều thay đổi lớn. Nội dung chính sách không chú ý đầy đủ những điều kiện kinh tế xã hội khách quan mang nhiều tính đặc thù của địa phương, không xác định

phạm vi cần thiết cho sự vận dụng linh hoạt của địa phương. Do điều kiện kinh tế có nhiều thay đổi, các quy định cứng nhắc cũ không còn tác dụng đòn bẩy nữa, các địa phương đã tự động đặt ra nhiều hình thức vận dụng chính sách không thống nhất như trong việc quản lý thị trường, giá cả, xuất nhập khẩu, phân phối tiền lương, tiền thưởng v.v. do đó, gây nên nhiều sự phức tạp trong quản lý kinh tế và tâm lý xã hội.

Tổ chức bộ máy quản lý nặng nề, công kênh, quá nhiều đầu mối, quá nhiều cấp trung gian. Trong những năm gần đây, tình trạng đó càng nghiêm trọng hơn làm cho hiệu lực quản lý vốn đã kém càng giảm sút. Tính chất hành chính quan liêu thể hiện rõ trong các cấp quản lý từ trung ương đến cơ sở, do đó vai trò hướng dẫn, phục vụ sản xuất, kinh doanh của quản lý không đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế. Cùng với việc sửa đổi chính sách, (tuy chưa đầy đủ) chúng ta không kịp thời cải tiến tổ chức bộ máy quản lý cho nền hoạt động kinh tế không chuyên môn biến được như yêu cầu; thiếu sót đó đã làm giảm tác dụng tích cực của các chính sách mới.

Từ các mặt trên đây có thể rút ra một kết luận khái quát là, trong nền kinh tế của chúng ta hiện nay còn thiếu sự phân công và hiệp tác nhịp nhàng về chiều ngang cũng như chiều dọc, do đó, hiệu quả của hoạt động kinh tế rất thấp, tiềm năng còn nhiều nhưng không phát huy được. Mặc dù chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đã được xác lập, tức là mục đích và lợi ích của các hoạt động kinh tế của các ngành, các địa phương có cơ sở để thống nhất, nhưng trên thực tế, có nhiều chông chéo, mâu thuẫn lẫn nhau. Đó là do phương thức quản lý còn mang nhiều ảnh hưởng của cơ chế quản lý của nền sản xuất nhỏ. Ưu

việt có lĩnh đặc trưng của sản xuất lớn là sự hiệp tác và sự phân công chuyên môn hóa. Vì vậy, cùng với việc kích thích người lao động và cơ sở hàng hải sản xuất, chúng ta cần tổ chức sự *hiệp tác và phân công trên quy mô toàn xã hội* tức là cần tiến hành sự phân công, phân cấp hợp lý trong tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trước hết giữa trung ương và địa phương.

Ngoài các vấn đề trên đây, trong lĩnh vực quản lý kinh tế còn nhiều vấn đề cũng cần được sửa đổi để hình thành một cơ chế quản lý mới đồng bộ và hoàn chỉnh. Song, qua việc cải tiến sự phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, trên cơ sở tạo ra sự chuyển biến mới trong sản xuất, kinh doanh, thực tế sẽ chỉ rõ những căn cứ khách quan chính xác để xây dựng cơ chế quản lý khoa

học, cũng những phương thức tổ chức, quản lý thích hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Không có điều kiện nào giúp cho việc nghiên cứu phương án cải tiến tổ chức, quản lý tốt hơn là thực tế của đời sống. Những chính sách quản lý mới có ảnh hưởng kinh tế to lớn như chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp, chính sách lương 'khoán và tiền thưởng, chính sách phát huy quyền chủ động về kế hoạch và quyền tự chủ về tài chính trong xí nghiệp công nghiệp, chính sách liên kết khoa học với sản xuất v.v. ban hành trong thời gian qua chính là kết quả của sự tổng kết kinh nghiệm thực tế trên cơ sở khoa học. Chủ trương phân công, phân cấp lan này cũng chính là vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn, và cũng là kết luận bước đầu rút ra từ những kinh nghiệm sáng tạo của nhiều địa phương và cơ sở.

II - MẤY QUAN ĐIỂM LỚN CẦN QUẢN TRIỆT

Phân công, phân cấp quản lý là một vấn đề rất lớn. Để thực hiện việc đó được đúng đắn, có hiệu quả cao, phải có nhận thức đầy đủ về những nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế, đó là nguyên tắc *lập trung dân chủ* và nguyên tắc *kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ*.

Trong bước đầu tháo gỡ các ràng buộc của cơ chế tập trung quan liêu, thực tiễn kinh tế đang làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong quan hệ giữa trung ương và địa phương, tức là giữa tập trung và dân chủ, giữa ngành và lãnh thổ.

Vì vậy, trước hết cần quản trịet sâu sắc quan điểm cơ bản: *nền kinh tế quốc dân cả nước là một thể thống nhất, không chia cắt*. Sự phát triển của mọi ngành kinh tế, kỹ thuật và mọi vùng lãnh thổ đều nằm trong một

quy hoạch thống nhất của cả nước. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối đối nội *phát triển của tất cả các ngành và các vùng trong nước phải được cân đối trong kế hoạch Nhà nước*. Đó là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội, đó cũng là tất yếu khách quan, là khả năng hiện thực. Ưu việt cơ bản của chủ nghĩa xã hội là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, chính chế độ sở hữu đó tạo ra sự thống nhất về mục đích và lợi ích trong phương thức sản xuất, là cơ sở để tổ chức sản xuất, kinh doanh có kế hoạch, lãnh đạo thống nhất mọi hoạt động kinh tế.

Nguyên tắc lập trung dân chủ là nguyên tắc đặc thù chủ yếu của quản lý xã hội chủ nghĩa và giữ vị trí trung tâm trong lý luận quản lý xã

hội nói chung cũng như quản lý kinh tế nói riêng. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ có thể phát triển mạnh khi nó kết hợp được chặt chẽ sự lãnh đạo tập trung của trung ương với sáng kiến của quần chúng, kết hợp khoa học kỹ thuật với lao động sáng tạo của quần chúng công nhân, nông dân...

Lênin đã nói: «Nhiệm vụ của chúng ta chính là phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, đảm bảo sự hoạt động *tuyệt đối ăn khớp và thống nhất* của các ngành kinh tế như đường sắt, bưu điện và các ngành vận tải khác, v.v. và đồng thời chế độ tập trung, hiểu theo nghĩa thực sự dân chủ, đã bao hàm khả năng – khả năng này do lịch sử tạo ra lần đầu tiên – *phát huy một cách đầy đủ và tự do không những các đặc điểm của địa phương, mà cả những sáng kiến của địa phương, tính chủ động của địa phương*, tính chất muôn hình muôn vẻ của các địa phương, của các phương pháp và phương tiện để đạt lấy mục đích chung» (Lênin: *Toàn tập*, tập 36, tr. 186 – 197). Lênin còn nói rõ: «Chúng ta chủ trương theo chế độ tập trung dân chủ. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ, một mặt, *thật khác xa chế độ tập trung quan liêu*, và, mặt khác, *thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ*» (Lênin: *Toàn tập*, tập 36, tr. 185).

Quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn tập trung là một tất yếu khách quan vì có liên quan trực tiếp đến quy luật kinh tế khách quan về sự tập trung sản xuất. Lực lượng sản xuất xã hội càng phát triển, sự phân công và hiệp tác lao động càng hoàn thiện thì sự tập trung hóa quản lý càng có ý nghĩa quan trọng. Sự tập trung và thống nhất quản lý xuất phát từ nhiều yêu cầu như: bảo đảm các cân đối lớn có ý nghĩa kinh tế quốc dân, bảo đảm sự phát triển đồng

đều các ngành kinh tế và các vùng lãnh thổ, tổ chức sự hiệp tác trên phạm vi cả nước để có hiệu quả kinh tế chung cao nhất.

Chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, là sự thống nhất về mục đích và lợi ích trong hoạt động kinh tế của xã hội, đã tạo ra khả năng thực hiện chế độ tập trung thống nhất quản lý cao nhất. Chính chế độ ưu việt ấy cũng tạo cơ sở để thu hút sự tham gia của các địa phương, cơ sở và quần chúng lao động vào hoạt động kinh tế, tức là tạo cơ sở khách quan cho việc mở rộng dân chủ gắn liền với việc tăng cường tập trung. Do đó, thật là sai lầm nếu tách rời, thậm chí đối lập tập trung với dân chủ.

Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ là nguyên tắc quản lý liên quan trực tiếp với nguyên tắc quản lý tập trung dân chủ, cũng là vấn đề có tính chất khách quan. Quản lý theo ngành chỉ có thể mang lại hiệu quả cao nếu được kết hợp tốt với quản lý theo lãnh thổ (tỉnh, huyện). Không một xí nghiệp sản xuất nào lại không thuộc một ngành kinh tế kỹ thuật và một vùng lãnh thổ nhất định. Chỉ có kết hợp chặt chẽ ngành và lãnh thổ thì xí nghiệp mới được bảo đảm đầy đủ mọi điều kiện vật chất: thiết bị, kỹ thuật, nguyên liệu, lao động, tài nguyên, cơ sở hạ tầng, dịch vụ... để tiến hành sản xuất. Ngược lại, nếu không thực hiện được sự kết hợp chặt chẽ thì xí nghiệp không thể hoạt động được thuận lợi, sẽ xảy ra mất cân đối trong các điều kiện sản xuất và sự trì trệ trong sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, việc quản lý theo ngành dù được chặt chẽ một cách lý tưởng thì hoạt động kinh tế cũng vẫn bị hạn chế, nó không thể giải quyết được các vấn đề liên ngành mà điều này chỉ có thể giải quyết bằng sự kết hợp

quản lý theo lãnh thổ. Sản xuất càng được chuyên môn hóa cao thì việc xử lý các quan hệ liên ngành càng có ý nghĩa quan trọng, do đó vai trò của quản lý theo lãnh thổ ngày càng cần thiết. Hơn nữa, sự kết hợp ngành và lãnh thổ còn nhằm mục tiêu nâng cao một cách đồng đều mức sống của nhân dân và sự phồn vinh của mọi vùng trong đất nước; đó cũng là yêu cầu khách quan của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển có kế hoạch và cần đổi của nền kinh tế mới chung.

Lâu nay do có nhiều thiếu sót trong công tác quản lý, lại cũng do chưa có chính sách thích đáng bảo đảm sự thống nhất lợi ích kinh tế giữa trung ương, địa phương và cơ sở, cho nên vấn đề phân công, phân cấp quản lý nổi lên như vấn đề « phân chia quyền sở hữu » về tư liệu sản xuất, về sản phẩm và thu nhập sản xuất, làm sai lệch yêu cầu hợp lý là xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp đối với sản xuất, kinh doanh nhằm thu hiệu quả kinh tế cao nhất. Từ quan niệm sai lệch đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn có tính chất giả tạo trong quan hệ giữa ngành và địa phương như « đấu tranh » để hạ thấp nghĩa vụ sản xuất và nộp lãi với trung ương, tranh giành nhau nguyên vật liệu để sản xuất; và tai hại hơn nữa, ngành thì buông chức năng chỉ đạo toàn ngành, tập trung sức vào trực tiếp chỉ đạo một số xí nghiệp trực thuộc, vô hình trung biến ngành thành một loại tổ chức kinh tế, bỏ mất vai trò quản lý kinh tế kỹ thuật toàn ngành; địa phương cũng tập trung vào hoạt động kinh tế của địa phương, buông chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn lãnh thổ.

Để thực hiện tốt việc phân công, phân cấp trong quản lý kinh tế, cần nắm vững phương hướng cơ bản là: *phát huy mạnh mẽ khả năng chủ động về kế hoạch và mở rộng quyền tự chủ*

về tài chính của địa phương, đồng thời tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương. Đây là yêu cầu hai mặt của việc cải tiến quản lý kinh tế hiện nay. Thực tế khách quan đang đòi hỏi cấp bách tháo gỡ các ràng buộc, phát huy khả năng chủ động sản xuất, kinh doanh của địa phương, của cơ sở, đồng thời cũng đòi hỏi phải bảo đảm quyền lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương, thống nhất mọi hoạt động kinh tế theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tiềm năng kinh tế của nước ta ở khắp các địa phương rất phong phú. Trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chưa nói tới khả năng khai thác, mở rộng sản xuất trên hàng chục triệu héc ta, ngay trên diện tích hiện có, năng suất của đất đai mới phát huy được ở mức rất thấp, khả năng tăng vụ, thâm canh còn rất nhiều. Với những tiến bộ của cơ sở vật chất, vật tư, thiết bị, của khoa học kỹ thuật cũng như của quan hệ sản xuất mới, khả năng sản xuất tiềm tàng này càng rất lớn. Trong công nghiệp, máy móc thiết bị mới phát huy công suất ở mức 40 - 50%. Lực lượng lao động kể cả lao động kỹ thuật, còn rất dồi dào. Hiện nay rõ ràng kết quả về sản xuất chưa tương xứng với lực lượng sản xuất đã tạo ra được; nếu chúng ta biết chấn chỉnh lại tổ chức sản xuất và cải tiến công tác quản lý một cách đúng đắn thì hiệu quả chắc chắn sẽ được nâng cao. Trong thời gian gần đây, chúng ta đã ban hành một loạt chủ trương, chính sách nhằm tháo gỡ các ràng buộc của cơ chế tập trung quan liêu, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Song, việc tháo gỡ đó cũng mới chỉ là bước đầu, cần tiếp tục có những biện pháp mới đầy đủ hơn, cụ thể hơn, nhằm tạo ra những điều kiện khách quan thuận lợi nhất cho sản xuất, kinh doanh phát triển với tốc độ cao hơn.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, phân tán, sản xuất chưa được tập trung hóa và chuyên môn hóa cao, quan hệ sản xuất chưa đồng đều, tình hình xã hội cũng có những đặc thù ở các vùng khác nhau, thì việc phát huy khả năng chủ động của địa phương, của cơ sở càng phải đặc biệt coi trọng để khai thác tốt các tiềm năng sản xuất. Trong điều kiện đó, việc tập trung hóa tổ chức sản xuất và quản lý với những quy mô sản xuất quá lớn cũng như sự tập trung quyền điều hành quá nhiều ở trung ương, không dành phần cơ động linh hoạt thích đáng cho địa phương thường không có lợi, thậm chí có thể có hại lớn.

Những năm qua, do chưa nhận thức rõ điều kiện kinh tế - xã hội thực tế ấy cho nên cơ chế quản lý mang nặng tính tập trung quan liêu. Với cơ chế ấy, các cấp quản lý đã can thiệp quá mức can thiệp vào các biện pháp tác nghiệp của cơ sở sản xuất, kinh doanh; phần nào «trói buộc chân tay» của cơ sở và cấp dưới, làm cho họ trở thành thụ động, không phát huy được tiềm năng kinh tế của mình. Tình trạng ấy đến nay vẫn chưa được xóa bỏ tận gốc. Song, gần đây, đã xuất hiện một tình hình khác. Trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý mới để phát huy tính chủ động của cơ sở, của địa phương, đã nảy sinh những hiện tượng lệch lạc của khuynh hướng địa phương, bản vị, tự do, vô chính phủ, làm rối loạn quan hệ giữa các ngành và địa phương, giữa các địa phương với nhau, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế quốc dân và lợi ích của nhiều địa phương, nhiều ngành. Tình hình đó phải nhanh chóng chấm dứt, cần lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận kinh tế, đặc biệt trên lĩnh vực phân phối lưu thông để vừa bảo đảm quyền lãnh đạo thống nhất của trung ương,

vừa phát huy quyền chủ động của địa phương.

Tóm lại, cả hai mặt tập trung và dân chủ đều phải được coi trọng đúng mức. Đó là yêu cầu của thực tế khách quan. Nguyên tắc tập trung dân chủ là một thể thống nhất. Chỉ nhìn nhận phiến diện, thiên về một mặt nào cũng đều không đúng. Vấn đề quan trọng của quản lý kinh tế là xác định mức độ và hình thức thích hợp để tổ chức sự kết hợp hai mặt tập trung và dân chủ sao cho đúng đắn trong từng trường hợp cụ thể. Đó là khoa học, đó cũng là nghệ thuật quản lý.

Mục đích của việc cải tiến sự phân công, phân cấp trong tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế chính là nhằm tăng cường quan hệ hiệp tác và phân công chuyên môn hóa để phát huy những ưu thế về kinh tế, kỹ thuật, phát huy những tiềm năng của mọi ngành, mọi cấp, thúc đẩy sản xuất phát triển với những điều kiện thuận lợi nhất, để có hiệu quả kinh tế cao nhất. Do chưa quán triệt mục đích cơ bản đó cho nên đã nảy sinh những nhận thức và hành động sai lệch; xem những biện pháp tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của địa phương và cơ sở như là sự «phân tập trung hóa» làm suy yếu sự lãnh đạo tập trung của trung ương, hoặc là xem việc tăng cường quyền tập trung thống nhất của trung ương như là sự quay trở lại cơ chế tập trung quan liêu.

Cần nhận rõ rằng vấn đề phân cấp quản lý kinh tế được đặt ra lần này thực chất là vấn đề tổ chức lại sự phân công và hiệp tác trong sản xuất kinh doanh giữa các ngành và các địa phương, hoàn toàn không phải là việc «phân chia quyền sở hữu» về tư liệu sản xuất, về sản phẩm sản xuất ra v.v. Công việc phân cấp ấy cần được thực hiện trên tất cả các mặt của công tác quản lý sản xuất, kinh doanh: xác định cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất

kế hoạch hóa, vận dụng các đòn bẩy kinh tế, tổ chức bộ máy quản lý. Ở đây không nên làm lẫn việc cải tiến phân cấp quản lý với việc cải tiến nội dung công tác quản lý kinh tế; đó là một vấn đề rộng lớn, nhiều mặt mà chúng ta đang nghiên cứu để thực hiện từng bước trong thời gian tới.

Trước hết, cần tiến hành sự phân cấp trong việc xác định *cơ cấu kinh tế* cho từng địa phương, tỉnh, thành và huyện. Điều kiện sản xuất của đất nước ta rất phong phú. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp, nền kinh tế còn ở trình độ sản xuất nhỏ, những tiềm năng phát triển của các địa phương còn nhiều, rất đa dạng nhưng cũng rất phân tán. Vì vậy, việc phát huy vai trò chủ động và năng lực sáng tạo của địa phương có ý nghĩa kinh tế to lớn. Những đặc thù, những tiềm năng của địa phương sẽ không thể khai thác được triệt để nếu việc tổ chức và chỉ đạo sản xuất chỉ tập trung ở trung ương. Lâu nay do cơ chế quản lý tập trung quan liêu, các địa phương chưa thật sự làm chủ trong việc xác định *cơ cấu kinh tế* của chính ngay địa phương. Do đó, nhiều tiềm năng to lớn, thậm chí có ý nghĩa kinh tế quốc dân quan trọng và trong tầm tay của địa phương chưa được khai thác tốt, vì như các khả năng nuôi tôm trên hàng vạn ha mặt nước, trồng dâu tằm, đay, mía... hàng chục vạn ha ở các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu-long, trồng dưa, lạc, đào lợn hột trên vùng đất cát ven biển, trồng cao su, cà phê ở miền Đông Nam-bộ và Tây-nguyên, chè, sơn, hồi ở các vùng trung du và miền núi phía bắc v.v. Ngược lại, đã có nhiều trường hợp, do không xác định đúng *cơ cấu kinh tế* (tức là phương hướng sản xuất) đã gây ra những hậu quả tiêu cực: sản xuất ít có hiệu quả, lỗ vốn, tiêu hao cơ sở vật chất kỹ thuật. Có thể nói, trên đất nước ta, bất cứ vùng đất đai và khí hậu nào cũng có những thế mạnh

về các loại cây trồng và vật nuôi, có giá trị kinh tế cao, nếu biết xác định phương hướng sản xuất đúng. Một trong những thiếu sót lớn của chúng ta trong những năm qua chính là xác định chưa đúng cơ cấu kinh tế ở các địa phương và do đó một phần quan trọng, gây ra tình trạng trì trệ trong sản xuất. Thiếu sót có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về phân cấp quản lý kinh tế chưa đúng đắn.

Đề khác phục thiếu sót, trung ương sẽ tập trung sức vào việc xác định *cơ cấu kinh tế trong cả nước*, tức là xác định phương hướng phát triển các ngành kinh tế một cách hợp lý, phù hợp với yêu cầu và điều kiện sản xuất trong nước và điều kiện quốc tế. Trên cơ sở đó, xác định quy hoạch phát triển các ngành kinh tế kỹ thuật và các ngành chuyên môn hóa trong nước. Các quy hoạch này là cơ sở để xác định *cơ cấu kinh tế*, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế của mỗi địa phương.

Như vậy, việc xác định *cơ cấu kinh tế* tổng thể của cả nước và *cơ cấu kinh tế* cụ thể của mỗi địa phương phải là do sự phân cấp đúng đắn, tức là do sự phân công và hợp tác chặt chẽ giữa trung ương và địa phương quyết định. Có như thế mới phát huy được đầy đủ mọi tiềm năng hiện thực.

Tập trung quan liêu hoặc phân tán vô tổ chức đều không thể mang lại hiệu quả tốt.

Về tổ chức sản xuất cần có sự phân cấp hợp lý. Đây là biện pháp quản lý có ý nghĩa kinh tế lớn về nhiều mặt. Hiện nay, nền kinh tế của chúng ta phát triển chưa mạnh; bên cạnh một số cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại còn có rất nhiều cơ sở kỹ thuật thủ công; bên cạnh một số cơ sở sản xuất tập trung với quy mô lớn còn có rất nhiều cơ sở quy mô vừa và nhỏ; bên cạnh khu vực sở hữu toàn dân còn có khu vực rộng lớn sản xuất tập thể và

còn cả một bộ phận không nhỏ sản xuất cá thể. Hiện nay, các cơ sở sản xuất có trình độ kỹ thuật; quy mô sản xuất và thành phần xã hội khác nhau đó đang hoạt động như những thực thể độc lập, tách rời nhau, do đó, không hỗ trợ được cho nhau để thúc đẩy sản xuất phát triển. Tình trạng đó không tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy vai trò của lực lượng kinh tế và kỹ thuật tiên tiến. Vì vậy, vấn đề có tầm quan trọng bậc nhất hiện nay về mặt tổ chức sản xuất là việc *phân công chuyên môn hóa và tổ chức sự liên kết kinh tế*. Có thể coi việc tổ chức sự liên kết kinh tế giữa các thành phần khác nhau trong lực lượng sản xuất là cơ sở hết sức quan trọng để cải tiến các biện pháp quản lý trong quan hệ giữa các ngành và giữa ngành với lãnh thổ. Việc liên kết sẽ tạo thêm thuận lợi cho việc nâng cao trình độ chuyên môn hóa sản xuất và tổ chức quá trình sản xuất một cách có hiệu quả nhất. Các quan hệ liên ngành, trước hết là nông nghiệp và công nghiệp sẽ được giải quyết tốt hơn, khoa học với sản xuất sẽ được kết hợp chặt chẽ, ngay trên địa bàn các địa phương. Có thể nói nhiều vấn đề trước đây phải giải quyết ở trung ương (ngành) sẽ trở thành những vấn đề trong quan hệ hiệp tác nội bộ ở địa phương. Do vậy, số đối tượng của lãnh đạo, chỉ đạo tập trung sẽ giảm xuống và đồng thời tính kế hoạch sẽ tăng lên. Công tác quản lý sản xuất, kinh doanh do đó sẽ có sự biến đổi về chất, đó là sự xóa bỏ thật sự tính chất tập trung quan liêu, đó là sự thực hiện trong thực tiễn hoạt động kinh tế nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo địa phương và lãnh thổ.

Hiệu quả kinh tế của việc liên kết giữa các trình độ kỹ thuật, các quy mô sản xuất, các thành phần kinh tế sẽ rất lớn. Các loại hình cơ sở sản xuất liên kết với nhau một cách hợp

lý, sẽ hỗ trợ lẫn nhau, thúc đẩy nhau phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành.

Trong sự liên kết ấy, kỹ thuật hiện đại và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trước hết là quốc doanh, sẽ phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo, sẽ đưa các thành phần kinh tế khác sản xuất với quy mô nhỏ và kỹ thuật thủ công từng bước đi vào quỹ đạo của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách tự nhiên nhất và nhanh nhất.

Để thực hiện sự liên kết, chẳng những các ngành kinh tế kỹ thuật có vai trò quyết định, mà các địa phương với vai trò cấp quản lý lãnh thổ cũng có trách nhiệm rất quan trọng.

Cùng với việc tổ chức sự liên kết, các ngành trung ương còn có trách nhiệm cùng với địa phương tổ chức *các cơ sở sản xuất, kinh doanh chuyên ngành ở địa phương*. Sự lớn mạnh của ngành không chỉ thể hiện ở những cơ sở sản xuất lớn do ngành trực tiếp quản lý mà còn thể hiện ở những cơ sở sản xuất của kinh tế địa phương. Với chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật chuyên ngành, các ngành có trách nhiệm lớn đối với kinh tế địa phương, trách nhiệm này đã được thể chế hóa trong các quyết định của Nhà nước về chức năng nhiệm vụ của ngành. Sự phát triển của kinh tế ngành ở địa phương cũng là một tiêu chuẩn chính để đánh giá thành tựu của ngành trung ương. Để làm cho trách nhiệm quản lý của ngành được thực hiện chặt chẽ, ngoài quy chế hành chính của Nhà nước, chúng ta sẽ nghiên cứu những quy chế hợp lý về kinh tế.

Đổi mới công tác kế hoạch hóa. Mục tiêu cơ bản nhất của việc đổi mới công tác kế hoạch hóa là nhằm *phát huy cho được vai trò làm chủ tập thể của các ngành, các cấp, nhất là của cơ sở* trong việc xây dựng, bảo vệ cũng như điều hành việc thực hiện

kế hoạch. Nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa là kết hợp tập trung với dân chủ, nhưng trên thực tế, lâu nay chúng ta thường nặng về mặt tập trung, ít chú ý mặt dân chủ; kế hoạch thường một chiều từ trên đưa xuống, thậm chí từ cơ quan kế hoạch Nhà nước, chưa coi trọng quyền chủ động, sáng kiến của cơ sở, của địa phương, của ngành kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, kế hoạch mang nhiều tính chủ quan, quan liêu. Chúng ta phải kiên quyết thực hiện phương pháp xây dựng kế hoạch theo chế độ *«hai lên hai xuống»*, tức là trung ương xác định phương hướng và các điều kiện vật chất cần đối chủ yếu cung ứng cho địa phương (vật tư, hàng hóa, tiền vốn...), theo đó địa phương, cơ sở xây dựng kế hoạch đáp ứng báo cáo trở lại với trung ương, trên cơ sở đó trung ương xây dựng kế hoạch chính thức và giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các ngành, địa phương, cơ sở, và cuối cùng, các ngành, các cấp, cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện.

Quy trình xây dựng kế hoạch trên đây vừa là vấn đề phương pháp, hình thức vừa là sự thay đổi lớn về chất: *phát huy vai trò chủ động của các ngành, các cấp và cơ sở*, thực hiện quyền làm chủ tập thể của các ngành, các cấp đối với công cụ quản lý trung tâm của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cần phải thấy rõ ý nghĩa quan trọng của việc đổi mới về thực chất đó của công tác kế hoạch hóa. Chế độ làm chủ tập thể là một động lực quan trọng, do vậy, việc đổi mới công tác kế hoạch hóa trên đây sẽ có ý nghĩa to lớn, thúc đẩy việc phát huy các khả năng kinh tế còn tiềm tàng, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh và sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung. Trong việc đổi mới kế hoạch hóa, cần đặc biệt coi trọng cấp huyện, liên hiệp xí nghiệp hay xí nghiệp liên hợp. Đây là những cấp kế hoạch có ý nghĩa rất cơ bản do

trực tiếp với các khả năng kinh tế tiềm tàng để phát triển sản xuất, kinh doanh, và là nơi tổ chức cho quần chúng phát huy vai trò làm chủ tập thể về kinh tế, tổ chức sự phân công và hiệp tác trên từng địa bàn, trực tiếp giải quyết có hiệu quả các mối quan hệ liên ngành. Đây cũng là cấp quản lý có khả năng kết hợp tốt yêu cầu của nền kinh tế quốc dân với điều kiện thực tế, trong khi cấp tỉnh gặp nhiều sự hạn chế khách quan về nhiều mặt và cấp xã lại quá nhỏ và yếu.

Cùng với việc đổi mới về phương pháp kế hoạch hóa, cần xác định *hệ thống mới các cần đối vật chất*. Cần đối là nội dung chủ yếu của kế hoạch, do đó, việc xác định rõ hệ thống mới các cần đối vật chất sẽ có ý nghĩa quan trọng có tính quyết định đến việc đổi mới kế hoạch hóa.

Chúng ta phải khắc phục nếp làm ăn cũ là kế hoạch một chiều dựa vào điều kiện vật chất để cần đối từ trung ương đưa xuống; do nguồn cung ứng không ổn định cho nên quy mô sản xuất, kinh doanh tăng giảm tùy theo nguồn vật chất của trung ương. Phương hướng cơ bản hiện nay đề cần đối các điều kiện vật chất cho sản xuất, kinh doanh là phát huy mạnh mẽ khả năng chủ động do chế độ làm chủ tập thể của cơ sở, địa phương, ngành tạo ra. Cơ sở vật chất để thực hiện sự cần đối tích cực nhất phải dựa vào bốn nguồn: khả năng trong nội bộ địa phương, ngành, cơ sở; khả năng của cấp trên; khả năng từ sự hiệp tác, liên kết với các ngành khác, địa phương khác, cơ sở khác; khả năng từ việc trao đổi với ngoài nước qua hình thức xuất - nhập khẩu. Do những điều kiện thực tế khách quan trong thời kỳ quá độ, nhất là trong chặng đường đầu tiên hiện nay, khả năng cung ứng về vốn, vật tư, nguyên liệu... của trung ương cho ngành, địa phương

và cơ sở rất hạn chế. Vì vậy, việc phát huy các khả năng trong nội bộ, từ sự hiệp tác với bên ngoài và từ xuất nhập khẩu có ý nghĩa rất tích cực; đó là nguồn vật chất bổ sung to lớn. Với phương thức cân đối từ bốn nguồn, sản xuất kinh doanh có cơ sở để tiến hành chủ động hơn, phát huy thế mạnh kinh tế của từng ngành, địa phương và cơ sở để chuyên môn hóa sản xuất. Nếu không có nhận thức mới về những điều kiện cân đối vật chất như trên đây thì công tác kế hoạch sẽ bị bế tắc, tiềm năng không được phát huy và sản xuất kinh doanh không phát triển được. Đây là một vấn đề mới, có ý nghĩa thực tế sâu sắc và có căn cứ khoa học. Trong thời gian qua, một số địa phương, cơ sở và ngành có tốc độ phát triển kinh tế khá chính vì đã quán triệt và vận dụng tốt tư tưởng chỉ đạo mới này.

Để tạo điều kiện phát huy mạnh mẽ khả năng chủ động của các ngành, địa phương và cơ sở trong công tác kế hoạch, từ nay trung ương thu hẹp lại hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh đối với tỉnh, huyện vào 5 chỉ tiêu sau đây:

- Tổng giá trị và sản phẩm hàng hóa chủ yếu địa phương *giao nộp* cho trung ương (trong nông nghiệp bao gồm cả thuế và sản phẩm thu mua) và tổng giá trị và hàng hóa chủ yếu trung ương điều về cho địa phương.

- *Vốn đầu tư xây dựng cơ bản* do trung ương cân đối cho địa phương và những công trình trọng điểm của địa phương.

- *Tổng số lao động* địa phương *diều đi* khỏi địa phương và tổng số lao động kỹ thuật và cán bộ do trung ương điều về cho địa phương.

- Các chỉ tiêu và cân đối chủ yếu về đời sống *dân cư* trong lãnh thổ (không phân biệt cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở do trung ương hay địa phương trực tiếp quản lý).

- Tổng số thu và chi của *ngân sách* địa phương.

Trên đây là 5 chỉ tiêu pháp lệnh. Ngoài ra, kế hoạch còn có thể có một số chỉ tiêu khác nữa, nhưng đó là những chỉ tiêu hướng dẫn.

- Việc thu hẹp hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh như trên đây có ý nghĩa quan trọng đến việc phát huy khả năng chủ động của địa phương trong việc bố trí cơ cấu kinh tế để phát huy thế mạnh của địa phương, phát huy các khả năng sản xuất tiềm tàng, trên cơ sở đó tạo ra tốc độ phát triển kinh tế cao hơn. Với sự đổi mới này địa phương vừa có điều kiện bảo đảm tốt nghĩa vụ với trung ương, vừa có điều kiện thực tế phát triển mạnh kinh tế địa phương. Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh nói trên cũng bảo đảm cho trung ương nắm chắc các cân đối kinh tế quốc dân cơ bản nhất.

Đổi mới phương pháp xây dựng kế hoạch, xác định lại hệ thống mới các cân đối vật chất và thu hẹp hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, đó là sự đổi mới có tính chất căn bản của công tác kế hoạch hóa. Qua đó, yêu cầu quản lý tập trung được bảo đảm và yêu cầu mở rộng dân chủ được thực hiện mạnh mẽ; nguyên tắc kết hợp quản lý tập trung với dân chủ được thực hiện dưới một hình thức thích hợp và có hiệu quả thiết thực.

Về vận dụng các đòn bẩy kinh tế.

Cùng với việc đổi mới công tác kế hoạch hóa, chúng ta cần cải tiến việc vận dụng các đòn bẩy kinh tế khác. Ngày nay, thực tiễn của công tác quản lý kinh tế đang đặt ra hai vấn đề quan trọng: thống nhất các chính sách kinh tế trên cả nước và quy định phạm vi thích hợp cho sự vận dụng linh hoạt tùy theo các điều kiện đặc thù của địa phương.

Xuất phát từ yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, công tác quản lý kinh tế gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ

chính trị cơ bản của đất nước. Vì vậy, *các chính sách kinh tế phải được thống nhất trên cả nước*. Trung ương Đảng và Chính phủ là cấp duy nhất ban hành chính sách. Nếu không quán triệt nguyên tắc này sẽ phát sinh khuynh hướng coi trọng lợi ích cục bộ địa phương, xem nhẹ lợi ích toàn quốc, thậm chí có thể sử dụng sai nguyên tắc tiền vốn, vật tư kỹ thuật... của toàn quốc vào các công trình của kinh tế địa phương. Những biểu hiện lệch lạc này bắt đầu xuất hiện ở một số nơi, cần phải được khắc phục kịp thời.

Tuy nhiên, khách quan cũng đặt ra yêu cầu phải tạo điều kiện cho địa phương phát huy cao độ tinh năng động, sáng tạo để phát triển kinh tế và vận dụng linh hoạt các chủ trương chính sách của trung ương cho thích hợp với các điều kiện có tính đặc thù của địa phương. Tinh chất khoa học của công tác quản lý là dựa trên cơ sở sự nhận thức sâu sắc về bản chất của quy luật kinh tế cũng như về những điều kiện đặc thù của việc vận dụng trong thực tiễn. Nếu không chú ý tới các yêu cầu đó dễ tiến hành sự phân cấp cho địa phương sẽ làm mất tác dụng kích thích và hướng dẫn của chính sách, tức là của đòn bẩy kinh tế. Lâu nay, do cơ chế quản lý tập trung quan liêu, yêu cầu khuyến khích địa phương và chiểu cố các điều kiện đặc thù của địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Đó chính là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trì trệ của kinh tế địa phương cũng như của tình trạng "xé rào" đang xuất hiện ở một số nơi.

Để tạo điều kiện tăng cường sự quản lý tập trung của trung ương đồng thời phát huy mạnh mẽ quyền chủ động của địa phương, cần tiến hành sự phân cấp quản lý tất cả các đòn bẩy kinh tế.

Phân cấp quản lý tài chính và ngân sách là vấn đề có ý nghĩa then chốt.

Tài chính ngân sách là một trong những công cụ chủ yếu để phát huy quyền chủ động phát triển kinh tế địa phương. Chúng ta phải tạo điều kiện cho địa phương, kể cả huyện, cân bằng được thu chi ngân sách và khuyến khích địa phương tăng thêm nguồn thu để phát triển kinh tế với quỹ mô ngày càng lớn hơn. Nhà nước sẽ có các chính sách ổn định tỷ lệ điều tiết từ các nguồn thu vào ngân sách địa phương, ổn định hệ thống chuẩn mức chi, quy định chế độ giao nộp lợi nhuận và thu quốc doanh đối với các xí nghiệp trung ương và địa phương vào ngân sách trung ương, và địa phương và ổn định chế độ đó trong một số năm; cải tiến chính sách thuế, xác định tỷ lệ điều tiết thích đáng cho ngân sách địa phương; khuyến khích địa phương giao nộp sản phẩm cho trung ương bằng một khoản thu vào ngân sách địa phương, kết dư cuối năm được bổ sung quỹ dự phòng vào mục đích phúc lợi hoặc xây dựng kinh tế. Đối với các địa phương có khó khăn, trung ương chỉ trợ cấp vốn đầu tư xây dựng kinh tế, không trợ cấp chi thường xuyên, trừ trường hợp ngoại lệ.

Ngân hàng là hệ thống thống nhất cả nước không phân cấp. Địa phương phải chấp hành nghiêm túc các chế độ quản lý về ngân sách, không có quyền ra lệnh xuất kho phát hành, cho vay tín dụng. Địa phương (tỉnh) có trách nhiệm và quyền hạn kiểm tra và giám sát hoạt động của chi nhánh ngân hàng và đẩy mạnh việc thành lập và củng cố các hợp tác xã tín dụng để phục vụ sản xuất và đấu tranh xóa bỏ nạn cho vay nặng lãi.

Giá cả hiện nay cũng là một công cụ quản lý quan trọng. Nhà nước sẽ ban hành điều lệ quản lý giá, xác định rõ nội dung phân công, phân cấp trung ương và địa phương. Tinh thần chung của chính sách quản lý

mới là Nhà nước sẽ quy định giá chuẩn đối với các hàng hóa chủ yếu, địa phương được quyền quy định giá cụ thể áp dụng trong địa phương dựa trên các nguyên tắc chỉ đạo của trung ương. Địa phương được quyền quy định giá các sản phẩm sản xuất tại địa phương ngoài danh mục thống nhất quản lý của trung ương. Cùng với việc tăng cường kỷ luật về tài chính phải tăng cường kỷ luật về giá, nghiêm cấm việc tự ý nâng giá, nhất là đối với các hàng hóa trung ương thống nhất quản lý.

Đối với tài chính, Nhà nước tạo điều kiện chủ động cho địa phương về vật tư. Chúng ta cần tổ chức lại sự phân công hợp lý giữa trung ương và địa phương về cung ứng vật tư để loại bỏ các chồng chéo, trùng lặp và phục vụ đắc lực cho sản xuất, công tác quản lý các loại vật tư cơ bản như xăng dầu, sắt thép, phân bón, vật tư kỹ thuật quan trọng khác được quản lý thống nhất toàn quốc nhưng cần tổ chức mạng lưới cung ứng theo khu vực cho sát với sản xuất. Các địa phương có các công ty vật tư riêng để khai thác các nguồn vật tư trong tỉnh, cung ứng cho huyện, cho hộ tiêu dùng, đồng thời làm chức năng đại lý cho trung ương trên lãnh thổ.

Về nội thương, trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển thương nghiệp, các chế độ chính sách kinh doanh. Các địa phương có trách nhiệm và quyền hạn quản lý kế hoạch thương nghiệp, quản lý quỹ hàng hóa của địa phương và các tổ chức kinh doanh trong địa phương. Chúng ta cần tổ chức lại hệ thống các công ty kinh doanh theo hướng: Công ty cấp I nắm nguồn hàng và bán buôn đường dài, công ty cấp II kinh doanh (cả mua và bán) trên địa bàn tỉnh; ở huyện có công ty thương nghiệp huyện để kinh doanh trong phạm vi huyện, và đại lý của trung

ương và tỉnh, thu mua nông, lâm sản, bán công nghệ phẩm theo hợp đồng hai chiều. Địa phương: tỉnh, huyện có trách nhiệm quản lý thị trường trong địa phương và tổ chức rộng rãi mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bao gồm cả thương nghiệp quốc doanh lẫn hợp tác xã mua bán.

Về lương thực, hiện nay lương thực đang là vấn đề cơ bản và then chốt để phát triển kinh tế, vì vậy, trung ương quản lý thống nhất kế hoạch thu mua, phân phối và quỹ lương thực dự trữ của Nhà nước. Địa phương có trách nhiệm phát triển sản xuất, có kế hoạch tự cân đối nhu cầu về lương thực trong địa phương trên cơ sở trực tiếp sản xuất hoặc trao đổi với nơi khác và bảo đảm nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Xác lập quỹ lương thực cho huyện để tạo điều kiện vật chất cho huyện phát huy quyền chủ động trong phát triển kinh tế.

Về ngoại thương, kinh doanh xuất nhập khẩu là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Nhà nước đã có chính sách chung về ngoại thương và khuyến khích mạnh mẽ địa phương xuất khẩu. Trung ương cũng như địa phương phải có kế hoạch đầu tư cho sản xuất các hàng hóa xuất khẩu để tạo điều kiện cho công tác ngoại thương được chủ động, có tốc độ phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Xây dựng các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu của tỉnh, huyện để khai thác các tiềm năng kinh tế địa phương phục vụ nhiệm vụ đẩy mạnh xuất khẩu. Về mặt tổ chức, nói chung nên tổ chức sự liên doanh với các công ty của trung ương; những tỉnh có khả năng kinh tế lớn có thể trực tiếp kinh doanh. Bộ ngoại thương có trách nhiệm thống nhất quản lý xuất, nhập khẩu trên phạm vi cả nước, hướng dẫn và giúp đỡ các địa phương phát triển kinh doanh và quản lý tổ chức hải quan để đấu tranh có hiệu quả

chống các hiện tượng buồn lậu và các hành vi phi pháp khác.

Phát triển hệ thống du lịch, đồng thời thực hiện sự phân công, phân cấp cho các tỉnh để tạo cơ sở phát triển mạnh mẽ, vững chắc.

Về lao động, Nhà nước sẽ ban hành chính sách lao động mới nhằm tận dụng lao động xã hội để phát triển sản xuất và góp phần khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Nhà nước sẽ xác định rõ quyền hạn của các cấp địa phương trong việc sử dụng các nguồn lao động này vào xây dựng kinh tế và phân công, phân cấp cho địa phương tổ chức dạy nghề để bảo đảm cho mọi người lao động đều được đào tạo nghề nghiệp. Nói chung, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch về lao động, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tổ chức việc đào tạo, phân phối và sử dụng cho hợp lý.

Trung ương thống nhất quản lý chế độ tiền lương trong cả nước để bảo đảm sự cân đối hợp lý về mức sống giữa các ngành nghề và các vùng lãnh thổ. Các địa phương có trách nhiệm quản lý việc thực hiện các chế độ, chính sách của trung ương trong địa phương, kể cả đối với các xí nghiệp của trung ương. Nhà nước nghiêm cấm việc tự quy định các chính sách riêng. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, các tỉnh quyết định mức tiền công cho các dịch vụ trong địa phương.

Về khoa học kỹ thuật, các địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phát triển khoa học kỹ thuật trong địa phương, coi trọng việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống; tổ chức kiểm tra về đo lường, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm theo phân cấp của trung ương; tổ chức việc sử dụng lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật cho có hiệu quả, thực hiện chủ trương của trung ương gắn

khoa học với sản xuất theo hình thức hợp đồng kinh tế, khuyến khích mạnh mẽ các công trình phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

Về tổ chức bộ máy quản lý và cán bộ. Gắn liền với việc cải tiến sự phân công, phân cấp về xác định cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh, đổi mới công tác kế hoạch hóa, vận dụng các đòn bẩy kinh tế, chúng ta cần đồng thời tiến hành phân công, phân cấp về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ. Chấn chỉnh bộ máy và công tác cán bộ là cơ sở để bảo đảm thực hiện việc cải tiến quản lý kinh tế nói chung và việc phân công, phân cấp nói riêng. Đó là một khâu, thậm chí là khâu then chốt trong toàn bộ cơ chế quản lý, và hiện nay lại đang là vấn đề thực tiễn hết sức quan trọng.

Một mục tiêu quan trọng của việc chấn chỉnh bộ máy quản lý là giảm bớt cấp trung gian không cần thiết nhằm làm cho sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thông suốt đến cơ sở, huyện, liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp và tạo điều kiện cho các cấp đó phát huy cao độ khả năng chủ động, sáng tạo trong tổ chức và quản lý kinh tế.

Trước hết, cần chấn chỉnh và kiện toàn các tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc biệt coi trọng kiện toàn và củng cố các đơn vị cơ sở. Cần rút kinh nghiệm việc tổ chức các liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp liên hợp, sắp xếp lại, kiện toàn và phát triển các đơn vị ấy thành những tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, có điều kiện quản lý thuận lợi, tăng cường tính kế hoạch của hoạt động kinh tế. Kiện toàn những liên hiệp xí nghiệp toàn quốc ở những ngành có điều kiện và có yêu cầu cần thiết như hàng không, đường sắt, đường biển v.v., giao cho các tổ chức đó chức năng quản lý toàn ngành. Trong

những trường hợp điều kiện khách quan khó khăn và cũng không có yêu cầu hiệp tác sản xuất trên quy mô toàn quốc, cần tổ chức các liên hiệp xí nghiệp khu vực hoặc xí nghiệp liên hợp. Trong quá trình sắp xếp lại tổ chức sản xuất, có thể phải điều chỉnh lại sự phân công quản lý giữa các ngành và địa phương đối với một số xí nghiệp hiện nay bố trí không hợp lý.

Cần chấn chỉnh hệ thống quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương theo hướng thu gọn bộ máy, tinh giản biên chế hành chính, giảm bớt trung gian. Để làm được việc đó, trước hết cần xem xét lại chức năng nhiệm vụ của từng bộ cho hợp lý. Không xác định rõ chức năng nhiệm vụ chính là nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động của các ngành chồng chéo lẫn nhau và bộ máy cồng kềnh ít hiệu lực. Đồng thời xây dựng quy chế thực hiện sự hiệp tác giữa các Bộ. Quá trình chấn chỉnh lại hệ thống quản lý Nhà nước, nhất là việc phát triển kiện toàn các liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp sẽ chỉ rõ những yêu cầu hợp lý để tổ chức bộ máy gọn, nhẹ và có hiệu lực. Nói chung, các bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật có chức năng quản lý toàn ngành, bao gồm cả kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, do đó, vừa có nhiệm vụ trực tiếp quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc, vừa chỉ đạo các cấp quản lý ngành ở địa phương. Bộ có nhiệm vụ xây dựng quy hoạch phát triển toàn ngành, xây dựng kế hoạch và những cần đòi chủ yếu, xác định phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật, tổ chức đào tạo cán bộ, xây dựng chính sách, chế độ quản lý, chỉ đạo các quá trình tổ chức sản xuất trong ngành; phát triển sự hiệp tác và phân công chuyên môn hóa, phát triển quan hệ hợp tác quốc tế.

Các địa phương (tỉnh, huyện) với chức năng cấp quản lý Nhà nước ở

địa phương có nhiệm vụ xây dựng quỹ hoạch lãnh thổ, kế hoạch kinh tế lãnh thổ, bảo đảm kết cấu hạ tầng cho các hoạt động kinh tế, quốc phòng, đời sống; tổ chức các mối quan hệ hiệp tác, liên kết trên lãnh thổ; cụ thể hóa các chính sách, chế độ của Nhà nước để vận dụng tốt trong địa phương; tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần cho dân cư trong địa phương; bảo vệ môi trường và tái nguyên thiên nhiên.

Việc chấn chỉnh bộ máy quản lý không chỉ phụ thuộc vào công tác tổ chức mà còn đòi hỏi cải tiến *lề lối làm việc*. Chúng ta phải coi trọng chế độ chỉ đạo theo kế hoạch, theo chương trình, đề cao hình thức hợp đồng trong quan hệ giữa các ngành và các đơn vị kinh tế với nhau. Đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa, kỷ luật kỷ cương của Nhà nước và chế độ trách nhiệm. Coi trọng việc bảo đảm đúng chức trách, không can thiệp tác nghiệp vào nhiệm vụ của cấp dưới, coi trọng chế độ báo cáo thỉnh thị, chế độ kiểm tra, và việc tổng kết kinh nghiệm. Cần đặc biệt coi trọng thực hiện chế độ thủ trưởng trong công tác quản lý. Người thủ trưởng có trách nhiệm cá nhân về kết quả sản xuất, kinh doanh, đồng thời có quyền hạn nhất định về chủ động trên các mặt kế hoạch, vật tư, tài chính, lao động theo chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Việc chấn chỉnh bộ máy quản lý và tăng cường sự lãnh đạo nói chung phụ thuộc phần lớn vào *công tác cán bộ*. Ngày nay, trong sự nghiệp phát triển kinh tế, cán bộ đang là nhân tố quyết định chủ yếu; một bài học từ các điển hình tiên tiến cũng như từ các nơi yếu kém đều chỉ rõ đó là giải quyết tốt hay không vấn đề cán bộ.

Chúng ta cần phải nhanh chóng lựa chọn, sắp xếp lại, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phụ trách chính của các

đơn vị kinh tế trong tất cả các ngành và các huyện. Công tác cán bộ phải dựa vào các tiêu chuẩn chủ yếu: nắm vững đường lối và chính sách kinh tế hiện nay, có hiểu biết về kinh tế, kỹ thuật, có tích lũy kinh nghiệm, có năng lực tổ chức thực hiện và quản lý, trong sạch, trung thực, dũng cảm và kiên quyết cách mạng.

Đối với cán bộ phụ trách các đơn vị kinh tế của trung ương đặt tại địa phương, trong việc đánh giá, lựa chọn các ngành ở trung ương cần tham khảo ý kiến của địa phương vì địa phương cũng có trách nhiệm tham gia quản lý hoạt động của các đơn vị đó.

Ngày nay nhiệm vụ phát triển của địa phương rất to lớn, song lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý lại phân bố không hợp lý, tập trung quá đông ở cấp trung ương, quá ít ở địa phương và nhất là huyện và cơ sở. Vì vậy, phải điều động số lượng lớn cán bộ tăng cường cho địa phương và cơ sở sản xuất. Đồng thời, cần có chế độ ưu tiên đối với cán bộ và học sinh địa phương khi tuyển sinh vào các trường để đào tạo cán bộ tại chỗ, có như vậy mới đáp ứng được nhu cầu và ổn định được bộ máy quản lý. Mặt khác, cần hoàn chỉnh các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công tác ở địa phương cho phù hợp với vị trí mới của huyện, cơ sở và trình độ, cống hiến của cán bộ; khuyến khích việc chuyển môn hóa đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý.

Tóm lại, đổi mới sự phân công, phân cấp là những biện pháp cải tiến quản lý kinh tế có tính chất cơ bản. Những biện pháp đó xóa bỏ tiếp một bước cơ chế tập trung quan liêu, hành chính bao cấp và đồng thời là những hình thức thích hợp vận dụng có hiệu quả các quy luật kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Về thực chất, đó là những biện pháp

tăng cường sự phân công chuyên môn hóa, tăng cường quan hệ hiệp tác xã hội chủ nghĩa, góp phần khắc phục các rối ren hiện nay nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, kinh doanh.

Hiệp tác và phân công chuyên môn hóa là một trong những phương hướng cơ bản để xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là những vấn đề kinh tế lớn, song chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Trong nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em, những hình thức và biện pháp thích hợp và có hiệu quả kinh tế xã hội cao để xây dựng nền sản xuất lớn đã thu được những thành tựu to lớn song vẫn còn đang trong quá trình thử nghiệm và hoàn chỉnh. Điều kiện thực tế của nước ta lại có nhiều tính chất đặc thù so với các nước anh em thậm chí do sản xuất nhỏ còn là phổ biến cho nên điều kiện thực hiện trong các vùng của đất nước cũng không thuần nhất. Chúng ta cần đi sâu học tập kinh nghiệm của các nước anh em song không nên sao chép kinh nghiệm một cách máy móc. Việc thực hiện sự phân công và hiệp tác đòi hỏi phải thực sự làm sao kết hợp được chặt chẽ những nguyên tắc phổ biến của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa với điều kiện đặc thù của đất nước cũng như của từng vùng, từng địa phương. Quyết định về phân công, phân cấp lần này mới là những hướng lớn, những nguyên tắc cơ bản; trên cơ sở đó chúng ta phải cụ thể hóa về các mặt, xây dựng một cơ chế hoàn chỉnh nhằm tăng cường mạnh mẽ và có hiệu quả quan hệ hiệp tác và phân công chuyên môn hóa. Công việc đó không đơn giản vì phải vận dụng nhiều quy luật kinh tế, do vậy, chúng ta phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh dần

(Xem tiếp trang 70)

Phát triển sản xuất nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long

NGUYỄN - DẰNG

DỒNG bằng sông Cửu-long rộng 4 triệu héc ta đất tự nhiên. Đây là một vùng đất phì nhiêu, nơi có nhiều nắng, ít bão lụt, rất thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện.

Hiện nay, đồng bằng sông Cửu-long đã cấy trồng được 2,5 triệu héc ta cây lương thực. Đến năm 1985 có thể đưa diện tích cấy lúa lên 3 triệu héc ta. Như vậy đồng bằng sông Cửu-long sẽ đạt khoảng 60% tổng sản lượng lúa và 3/4 thóc gạo hàng hóa của cả nước. Khả năng phát triển đậu tương, đậu, tơ tằm, chăn nuôi lợn, vịt cũng rất lớn. Cá nước ngọt và cá nước lợ có khả năng khai thác hàng chục vạn tấn mỗi năm. Ở đây cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông sản xuất khẩu. Rừng hiện có gần 33 vạn héc ta (chưa kể 20 vạn héc ta cây ăn quả và cây lâu năm khác). Tiềm năng phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến bao gồm cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân và xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu-long rất lớn.

Tuy nhiên cũng có nhiều khó khăn to lớn trong việc khai thác tiềm năng nông nghiệp của đồng bằng sông Cửu-long. Hiện nay, sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng còn mang nặng tính chất tự nhiên. Diện tích đất bị chua phèn, nhiễm mặn và ngập úng còn khá rộng. Về ngân sách, thiếu vốn, thiếu phân và chóng lũ... chỉ mới bắt đầu xây dựng được ít công trình loại nhỏ. Kênh rạch lớn còn ít, kênh mương dẫn nước đi sâu vào đồng ruộng cũng còn thiếu. Sản xuất phân lớn còn là cả thề. Lực lượng lao động nông nghiệp phân bố không đều, thường tập trung đông ở ven sông, ven đường, dọc kênh rạch lớn, càng đi sâu vào các vùng đồng ruộng bao la giao thông không thuận tiện thì càng ít hoặc không có người ở. Cấp huyện và cơ sở là nơi trực tiếp tổ chức và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp còn yếu về nhiều mặt.

Những khó khăn và trở ngại nói trên, có những cái chúng ta có thể khắc phục nhanh chóng, nhưng cũng có nhiều vấn đề đòi hỏi phải có thời gian và chỉ có thể khắc phục dần từng bước. Như vậy, những năm

trước mắt chúng ta chưa thể khắc phục được mọi khó khăn trở ngại, nhưng như thế không có nghĩa là chúng ta không có khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp nhanh và mạnh hơn hiện nay, kết hợp với xây dựng nông thôn mới.

Muốn khai thác phan và có hiệu quả kinh tế cao những tiềm năng to lớn của nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long, *trước hết, cần có quan điểm toàn diện, biết kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và phương hướng phát triển lâu dài.* Cần xác định đúng vị trí của nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long trong nhiệm vụ phát triển nông nghiệp chung của cả nước. Dựa vào phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của vùng này mà xác định quy hoạch phát triển nông nghiệp ở đây một cách toàn diện theo hướng thâm canh, chuyên canh tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. *Hai là, gắn chặt việc phát triển lực lượng sản xuất với cải tạo quan hệ sản xuất.* Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới ở đây phải đặt yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất. Hai mặt này quan hệ mật thiết và thúc đẩy lẫn nhau. *Ba là, kết hợp phát triển nông nghiệp với công nghiệp và phân phối lưu thông.* Việc phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long đòi hỏi có sự phát triển tương ứng những cơ sở công nghiệp, phân phối lưu thông và thi hành các chính sách đòn bẩy kinh tế nhằm phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp trong vùng. Mặt khác sự phát triển của nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long còn quan hệ mật thiết với các vùng sản xuất khác, trước hết là với thành phố Hồ-Chí-Minh. *Bốn là, thực hiện có hiệu quả việc phân bố lại lao động và tăng năng suất lao động ở đồng bằng sông Cửu-long.* Việc thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, công nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu ở đây đòi hỏi nhiều lao động. Như vậy, đồng bằng

sông Cửu-long có điều kiện để tăng nhanh ngày công và giờ công của lao động tại chỗ, đồng thời có nhiều khả năng tiếp nhận lao động từ nơi khác đến, góp phần thực hiện việc phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước. *Năm là, phát huy linh thần tự lực, tự cường của nhân dân và của địa phương với mức cao nhất,* nhằm khắc phục những khó khăn, trước hết là khó khăn về vốn, vật tư, thiết bị... Nhà nước chỉ có thể đầu tư có trọng điểm vào những khâu trọng yếu mà địa phương không giải quyết được. Nhà nước hết sức khuyến khích địa phương tạo thêm nguồn xuất khẩu (ngoài kế hoạch Nhà nước giao) nhằm bù đắp phần còn thiếu mà kế hoạch Nhà nước không cân đối đủ.

Trong những năm trước mắt, trọng tâm khai thác đồng bằng sông Cửu-long là phát triển nông nghiệp, đồng thời phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp gắn chặt với phát triển nông nghiệp, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm, trước hết là lúa gạo, nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản xuất khẩu và cải thiện đời sống nhân dân, kết hợp xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Hướng bố trí sản xuất, bố trí cây trồng ở đồng bằng sông Cửu-long, trước hết là trồng lúa và đậu tương (một thứ cây có điều kiện phát triển nhanh với sản lượng hàng hóa lớn để xuất khẩu và tiêu dùng), rồi đến các cây có giá trị xuất khẩu và làm nguyên liệu cho công nghiệp như: đay, mía, cói, dừa, dừa, chuối... chú trọng phát triển màu và chế biến màu làm thức ăn cho gia súc, giảm việc dùng thóc gạo để chăn nuôi. Phát triển trâu bò để có thêm sức kéo; phát triển lợn, vịt đàn và nuôi tôm cá...

Như vậy, từng vùng nhỏ và từng cơ sở sản xuất đòi hỏi phải xác định

quy hoạch cụ thể, bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng, chế độ luân canh, thâm canh, tăng vụ, bố trí giống cây trồng và giống con vật nuôi, tính toán bước đi thích hợp cho từng vùng, gắn chăn nuôi với công nghiệp, giao thông vận tải và phân phối lưu thông, phát triển sự nghiệp văn hóa — xã hội. Đây cũng là nội dung xây dựng cấp huyện ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu-long.

Việc cải tạo, bảo vệ và bồi dưỡng đất có tầm quan trọng rất lớn đối với việc không ngừng tăng năng suất cây trồng. Diện tích đất chua phèn ở đồng bằng sông Cửu-long có tới 1,89 triệu héc ta. Trong khi những công trình nghiên cứu về xử lý đất phèn chưa đưa ra thực nghiệm và thực hiện rộng rãi trên đồng ruộng, cần phải dựa vào kinh nghiệm của quần chúng mà sử dụng đất phèn một cách thích hợp với từng cây trồng, trên từng vùng đất và trong từng mùa vụ để đạt hiệu quả kinh tế tốt.

Kết hợp chặt chẽ, việc làm thủy lợi nhỏ mà nội dung cơ bản là làm bờ vùng, bờ thửa, đào kênh mương nội đồng với việc san bằng mặt ruộng. Đây là một công thức làm đơn giản, chỉ cần ít vốn đầu tư, nông dân có thể tự làm theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền cơ sở nhằm đưa lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Trong mấy năm qua, việc mạnh dạn đưa giống mới vào sản xuất đã đem lại kết quả tốt. Thực tế đó chứng tỏ rằng chủ trương sử dụng các giống lúa ngắn ngày, có năng suất cao, tạo điều kiện tăng thêm vụ lúa và tránh né được những diễn biến thời tiết không thuận thường xảy ra hằng năm (như lũ, hạn), sử dụng những giống lúa chống được rầy nâu, hoặc chống được một số sâu bệnh khác, chịu được phèn và mặn, cũng như đưa một số giống cây trồng khác có năng suất cao vào đồng ruộng là

biện pháp sinh học có hiệu quả lớn đối với việc khai thác nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long.

Về chăn nuôi, ở đây cũng đã xác định được giống lợn tốt như giống lợn Thuộc-nhiều ở vùng nước ngọt và giống lợn Ba-xuyen ở vùng nước lợ.

Trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện nay còn có nhiều khó khăn, những tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng và con vật nuôi được áp dụng rộng rãi sẽ phát huy tác dụng tốt và mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Đây mạnh công tác bảo vệ thực vật và công tác thú y bảo vệ đàn gia súc ở đây là một yêu cầu bức thiết. Lâu nay, hằng năm đồng bằng sông Cửu-long bị thiệt hại tới hàng triệu tấn lương thực do sâu bệnh và hàng chục vạn con gia súc do dịch bệnh. Vì vậy, mỗi một tiến bộ kỹ thuật về bảo vệ cây trồng và chống dịch bệnh cho gia súc cũng sẽ mang lại hiệu quả kinh tế rất thiết thực.

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ở đây đương nhiên phải làm có trọng tâm, trọng điểm cân đối với vật tư có được. Đặc biệt cần coi trọng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông vận tải, và mạng lưới phân phối lưu thông phục vụ sản xuất, mạnh dạn đầu tư cán bộ và kinh phí cho công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng.

Trong điều kiện vốn đầu tư có hạn, muốn khai thác có kết quả tiềm năng nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long để tăng nhanh sản lượng và có nhiều nông sản hàng hóa bán cho Nhà nước, vấn đề cơ bản là phải biết đầu tư theo chiều sâu vào các vùng có điều kiện sản xuất thuận lợi, chi phí ít nhất, nhưng đem lại hiệu quả kinh tế nhanh và cao nhất. Cụ thể đối với cây lúa, cần phân phối vốn và vật tư một cách hợp lý để bảo đảm sản xuất bình thường cho các vùng; từ

nay đến năm 1985, cần dành vật tư và vốn đầu tư xây dựng hai vùng lúa thâm canh cao.

Một là, vùng ruộng cấy hai vụ lúa có khoảng 250 000 héc ta. Đây là một vùng đất phù sa tốt, có nước ngọt quanh năm, nhân dân đã có kinh nghiệm thâm canh và tăng vụ. Năm 1981, tỉnh An-giang đã có 30 000 héc ta đạt từ 9 đến 10 tấn/héc ta với hai vụ lúa đông xuân và hè thu. Tỉnh Tiền-giang cũng đã có 10 000 héc ta đạt từ 8 đến 9 tấn/héc ta hai vụ lúa một năm. Đến năm 1985, nếu được đầu tư xây dựng thành vùng lúa thâm canh cao sản đạt 10 tấn/héc ta 2 vụ lúa một năm, vùng lúa này sẽ cho sản lượng 2,5 triệu tấn thóc.

Hai là, vùng ruộng cấy một vụ lúa mùa có 300 000 héc ta. Đất ở những nơi này tốt, chỉ làm được vụ mùa ăn chắc, còn về mùa nắng bị nhiễm mặn, cho nên diện tích tăng vụ ở đây chỉ để trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Các tỉnh Hậu-giang, Kiên-giang, Minh-hải đã đạt năng suất lúa bình quân từ 4 đến 5 tấn một héc ta trong năm 1980. Đầu tư thâm canh cho vùng lúa này để đạt 5 tấn/héc ta một năm, đến năm 1985 chúng ta sẽ có sản lượng 1,5 triệu tấn thóc.

Tập trung đầu tư thâm canh cho hai vùng lúa này (trên diện tích 550 000 héc ta ruộng lúa với 800 000 héc ta gieo trồng), chúng ta sẽ có thể thu được sản lượng 4 triệu tấn thóc và Nhà nước có thể huy động được trong vùng này khoảng 2 triệu tấn thóc hàng hóa. Đây là một hướng đầu tư cần số vốn không lớn lắm mà có hiệu quả nhanh, chắc chắn, có thể phát huy cao khả năng lao động và đất đai tại chỗ.

Muốn đạt kết quả tốt trong việc khai thác đồng bằng sông Cửu-long, nhất thiết phải tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp một cách tích cực và vững chắc, phấn đấu đến năm 1985 hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp ở

vùng này với hình thức chủ yếu là tập đoàn sản xuất (có quy mô từ 40 đến 50 héc ta). Trong quá trình tiến hành hợp tác hóa ở đây, lúc đầu: những nơi chưa có điều kiện xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thì tổ chức rộng rãi tổ đoàn kết sản xuất, tổ văn công đôi công để tập dượt và hướng dẫn nông dân đi dần vào con đường làm ăn tập thể. Việc cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp ở đây phải đạt được mục đích phát triển mạnh sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân và đóng góp được nhiều cho Nhà nước.

Về mặt, quản lý, việc làm thủ « khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động » căn cứ vào chỉ thị 100 của Ban, bí thư Trung ương Đảng đã được bà con nông dân ở các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất của thành phố Hồ-Chí-Minh, tỉnh Đồng-nai, tỉnh Hậu-giang và ở một số tỉnh khác đồng tình và hưởng ứng tích cực. Như vậy, việc khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần được thực hiện rộng rãi và làm ngay từ đầu khi tổ chức tập đoàn sản xuất.

Mọi chủ trương và biện pháp khai thác nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long đều thực hiện trên địa bàn huyện. Các huyện ở đồng bằng sông Cửu-long nằm trong vùng trọng điểm thuộc loại số một về sản xuất lương thực và thực phẩm của đất nước, cho nên việc xây dựng cấp huyện ở đây càng có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện chương trình lương thực và thực phẩm của vùng này. Trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật còn non yếu, khả năng đầu tư và nhập khẩu thiết bị cho nông nghiệp của Nhà nước còn rất hạn chế, việc tăng cường và xây dựng cấp huyện ở đây càng cấp thiết để huy động tốt tiềm năng của từng vùng, từng huyện.

phát huy và tận dụng khả năng về đất đai, lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có cùng như tiếp thụ có kết quả vốn đầu tư từ trên đưa xuống. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp gắn với phong trào đầy mạnh sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc xây dựng cấp huyện ở vùng này. Cấp huyện có vai trò quyết định như vậy, cho nên các ngành, các cấp cần phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể, khẩn trương góp phần vào việc xây dựng cấp huyện. Soát xét lại quy mô về diện tích, số dân và lao động trong huyện, tiến hành quy hoạch, trước hết là quy hoạch nông nghiệp, xây dựng ngân sách huyện, xây dựng mạng lưới hậu cần về sản xuất cũng như về phân phối lưu thông trên địa bàn huyện...

Việc thực hiện chương trình khai thác đồng bằng sông Cửu-long từ nay đến năm 1985, đòi hỏi lực lượng lao động rất lớn vì mức độ cơ giới hóa có hạn. Việc phân bổ lại lao động để khai thác nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế của toàn vùng, trước hết gắn với quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp. Việc phân bổ lại lao động ở đây còn phải gắn liền với việc phân bố dân cư, thực hiện yêu cầu phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng. Phân bổ lại lao động và tổ chức tốt lao động trong từng tập đoàn sản xuất, từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện để thâm canh, tăng vụ, phát triển cả trồng trọt và chăn nuôi, mở mang ngành nghề và xây dựng thủy lợi, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và từng bước xây dựng nông thôn mới. Phát huy và tận dụng tốt nguồn lao động tại chỗ là chủ yếu, bằng cách phân bổ

lại lao động trong từng vùng, phân đấu mỗi lao động làm 200 ngày công một năm. Mặt khác, cần có kế hoạch chu đáo và chắc chắn điều động và sử dụng các nguồn lao động từ các nơi khác đến, nhất là đưa số lao động (và cả gia đình) từ các tỉnh đồng bằng Bắc-bộ vào các nông trường quốc doanh và các vùng có yêu cầu bổ sung lao động ở đồng bằng sông Cửu-long. Tổ chức và vận động những người lao động và nhân dân ở các thành phố, các tỉnh tham gia xây dựng các vùng kinh tế mới, phát triển nông nghiệp, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, làm công tác dịch vụ ở đồng bằng sông Cửu-long. Trong việc tổ chức và phân bổ lao động ở đây cần chú ý phát triển các hình thức kết nghĩa giữa các tỉnh, huyện, xã, nông trường, cơ sở... của đồng bằng sông Cửu-long với các nơi khác theo hướng người đi trước lôi cuốn người đi sau, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, bộ đội làm kinh tế ở đâu có thể đem gia đình đi theo sản xuất...

Vừa qua, Nhà nước đã ban hành một số chính sách khuyến khích sản xuất, bước đầu phát huy tác dụng tốt đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Cần thực hiện tốt các chính sách đã ban hành. Đồng thời, cần nghiên cứu đề bổ sung một số chính sách khuyến khích sản xuất, như: chính sách đầu tư, giá cả, thuế, chính sách khuyến khích thâm canh, tăng vụ, khai hoang, chính sách ưu tiên giúp đỡ đối với sản xuất tập thể của tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, chính sách khuyến khích chăn nuôi lợn, vịt, chính sách khuyến khích cán bộ về làm việc ở huyện, xã và cơ sở, khuyến khích cán bộ từ các tỉnh miền Bắc vào phục vụ phát triển sản xuất và khai thác nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long.

THẤU SUỐT TƯ TƯỞNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH VỀ TIẾT KIỆM

NGUYỄN-NGỌC-NAM

NHÂN dân ta vốn có truyền thống tiết kiệm. Truyền thống ấy được phản ánh trong ca dao, tục ngữ: « làm khi lành để dành khi đau »; « thất lưng buộc bụng » v.v. Nhân dân ta cũng đã từng phê phán những kẻ có thói quen « vung tay quả trán », « ném tiền qua cửa sổ », « ăn ngày nay chẳng nghĩ đến ngày mai »... Qua lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã cần cù lao động và có ý thức thực hành tiết kiệm, để xây dựng đất nước giàu đẹp và tạo nên một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Truyền thống tiết kiệm của nhân ta đã được Hồ Chủ tịch mở rộng khái niệm và đúc thành quy luật kinh tế. Người nói: « Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *lãng phí sản xuất và thực hành tiết kiệm*. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. Cho nên phải biết giữ gìn của công. *Tham ô, lãng phí* tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ » (1).

Trong khái niệm tiết kiệm, Bác chỉ rõ không chỉ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mà còn phải tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm sức người,

tiết kiệm tiền của..., không chỉ tiết kiệm của cá nhân mà còn tiết kiệm của tập thể, của nhân dân, của Nhà nước, v.v. Bác nói: « *Nếu chúng ta khéo tiết kiệm* sức người, tiền của và thời giờ, thì với sức lao động, tiền tài của nước ta hiện nay ta có thể tăng gia sản xuất gấp bội, mà lực lượng của ta về mọi mặt cũng tăng gấp bội » (2). Và Người kêu gọi: « Chúng ta phải tìm cách sắp xếp tổ chức cho hợp để 1 người có thể làm như 2 người, 1 ngày có thể làm việc của 2 ngày, 1 đồng có thể dùng bằng 2 đồng » (3).

Trong công tác, sản xuất, học tập không thể không nghĩ tới vấn đề tiết kiệm thì giờ. Thì giờ, đối với chúng ta cần thiết như cần thức ăn, thức uống và không khi để duy trì sự sống. Không có thì giờ sẽ không làm được bất cứ công việc gì, dù công việc nhỏ mấy cũng cần phải có thì giờ mới hoàn thành được. Nhưng thì giờ lại đi qua rất nhanh mà không bao giờ trở lại. Vì vậy, ai đã để lãng

(1) Hồ-Chí-Minh : *Tuyên tập*. Nxb Sự thật-Hà-nội, 1980, tập II tr. 214.

(2) Sách đã dẫn, tập I, tr. 509 - 510.

(3) Sách đã dẫn, tr. 508.

phí thì giờ thì người ấy phải chịu một sự mất mát quá lớn mà không có gì đền bù được. Hồ Chủ tịch thường dẫn tục ngữ, ca dao « một phút đáng giá ngàn vàng » hoặc « thì giờ là vàng bạc » để nhắc nhở cán bộ, nhân dân phải tiết kiệm thì giờ. Trong dịp nói chuyện với anh chị em học sinh trường cán bộ Việt-nam, tháng 11 năm 1945, Bác đã thân ái phê bình những anh chị em đến muộn: « Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Tôi khuyên anh em làm việc phải cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm » (4). Trong một dịp khác, Người lại nhắc các cơ quan Nhà nước, đoàn thể quần chúng, đơn vị quân đội, trường học, v.v. cần phải tiết kiệm thì giờ, chống các cuộc họp lu bù, không bỏ lịch. Người nói: « Trong mọi công việc, phải tính toán, cân nhắc cẩn thận. « Thì giờ là vàng bạc ». Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khỏe mà không kết quả thiết thực » (5).

Trong lĩnh vực tiết kiệm thời gian, C. Mác đã chỉ rõ: tiết kiệm thời gian cũng giống như sự phân phối có kế hoạch thời gian lao động theo những ngành sản xuất khác nhau, vẫn sẽ là quy luật kinh tế thứ nhất trên cơ sở nền sản xuất tập thể. Bởi vì, trong mọi công việc có phân phối kế hoạch thời gian lao động cụ thể, chính xác không những giúp ta tăng năng suất lao động mà còn thể hiện tính chủ động, làm chủ bản thân, làm chủ thời gian đối với công việc mà ta đảm nhiệm. Chính vì vậy, Mác và Ăngghen đã khẳng định tiết kiệm thì giờ là nguyên tắc quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chủ tịch nhấn mạnh, muốn thực hành tiết kiệm có kết quả, trước tiên phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Vì nó là nguyên nhân, nguồn gốc đẻ ra tình trạng không tiết kiệm trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở kinh tế, các đơn vị quân

đội... Bác nói: « Vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mất mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững, kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí » (6) và Người khẳng định: « Tham ô là trộm cướp. Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô » (7).

Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ « giặc ở trong lòng », « giặc nội tâm » cần phải chống như chống giặc ngoại xâm. Vì sao có « giặc ở trong lòng »? Chống nó như thế nào? Xử lý nó ra sao? Bác đã giải đáp cho chúng ta những câu hỏi đó. Bác nói: « Có những người trong lúc đấu tranh thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có lòng với cách mạng; song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì dăm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác, cho nên lại biến thành người có lợi với cách mạng. Chúng ta phải cứu vớt họ, giúp họ khôi phục đạo đức cách mạng. Có những người miệng thì nói: phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, nhưng về vật chất, dễ dàng phạm vào tham ô, lãng phí, hại đến Tổ quốc, nhân dân. Chúng ta phải giáo dục họ, đưa họ vào con đường cách mạng » (8).

Tiết kiệm, không có nghĩa là bủn xỉn, keo kiệt mà phải có gan chi tiêu việc đáng chi tiêu, có gan xuất công quỹ để xây dựng những công trình đáng xây dựng. Bác dạy chúng ta:

(4) Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1956, tập 1, tr. 57.

(5) Hồ-Chí-Minh: Thực hành tiết kiệm và chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, tr. 38.

(6), (7) Hồ-Chí-Minh: Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 513.

(8) Sách đã dẫn, tr. 515.

«Tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải là «xem đồng tiền bằng cái trống», gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu cũng không tiêu; tiết kiệm không phải là ép bộ đội, cán bộ và nhân dân nhịn ăn, nhịn mặc. Trái lại, tiết kiệm cốt để giúp vào việc tăng gia sản xuất, mà tăng gia sản xuất là để nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân. Nói theo khoa học, thì tiết kiệm là tích cực chứ không phải tiêu cực» (9).

Trong chúng ta, có người khi chi một đồng, một lạng gạo, một chai dầu hỏa, một thanh củi... của mình để làm việc gì đó thì đắn đo, suy nghĩ bần bực với vợ con có nên chi hay không. Nghĩa là họ chi tiêu rất có kế hoạch tài sản của họ. Còn tiền của, tài sản, vật tư, nhiên liệu, v.v. của Nhà nước, hợp tác xã, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội, v.v. thì họ dùng bừa phứa, thậm chí còn tìm cách đục khoét, mang về nhà làm của riêng mà không thấy đau lòng, xót dạ.

Bác không những dạy chúng ta lý luận về tiết kiệm mà bản thân Người là tấm gương sáng ngời về tiết kiệm. Bác ở, không muốn nhà cao cửa rộng mà chỉ một ngôi nhà vốn vẹn 2 phòng nhỏ; Bác ăn, không cần cao lương, mỹ vị mà chỉ một ít cá kho, bát canh, đĩa dưa chua hoặc vài quả cà muối đượm mùi vị quê hương; Bác mặc, không chuộng lụa là mà «mong manh áo vải» như các cụ lão nông Việt-nam ta. Trong thời gian ở Việt-bắc, Bác thường dặn anh em quân lý là ăn uống tuyệt đối không được để thừa hoặc đổ đi. Đồng chí nào mang quả về hoặc quà của nhân dân gửi biếu, phải dành đến bữa mới được ăn; nếu có nhiều quà thì đồng chí quân lý phải tính giảm bớt gạo nấu cơm buổi ấy.

Lúc sinh thời, Bác không tán thành Nhà nước có một chi phí nào cho Bác, mà Bác thấy không cần thiết. Đồng chí Sác-lơ Phuốc-ni-ô đã viết bài đăng

báo Nhân đạo (Pháp), số ra ngày 11-9-1969 kể rằng hôm 15-7 vừa qua, trong câu chuyện trao đổi, đồng chí Hồ-Chí-Minh còn phân đối mạnh mẽ về bất kỳ đề nghị chi phí nào trong dịp mừng thọ Người 80 tuổi. Và trước khi từ biệt thế giới này, một lần nữa Bác lại dặn: «Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân» (10).

Gương tiết kiệm của Bác đã soi sáng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta noi theo để thực hành tiết kiệm để xây dựng đất nước. Trong phong trào «kế hoạch nhỏ thiếu niên tiên phong» các em đã thu gom 4 triệu ki-lô gam giấy loại đưa vào nhà máy giấy sản xuất giấy, vô nhằm hạn chế những khó khăn trong học tập do nạn khan hiếm giấy gây nên. Tính đến năm 1977, đã có hơn năm triệu người gửi gần một tỷ đồng vào Quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa. Số tiền đó bằng 1/10 số vốn Ngân hàng Nhà nước cho các địa phương vay xây dựng và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Tác dụng của tiết kiệm đã rõ ràng và vì vậy tiết kiệm đã trở thành một điều ghi trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam: «Nhà nước giáo dục và vận động toàn dân cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội...» (điều 30).

Nhà nước quy định và kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng thời gian, lao động, vật tư và tiền vốn trong sản xuất, xây dựng, kinh doanh và quản lý hành chính, thực hành chính sách tiêu dùng hợp lý.

Tiết kiệm rất cần thiết cho dân tộc ta—một dân tộc nghèo khổ do bị giặc nước ngoài áp bức bóc lột trong nhiều thế kỷ. Trải qua hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nền kinh tế nước ta

(9) Sách đã dẫn, tr. 507.

(10) Sách đã dẫn, tập II, tr. 543.

vốn đã nghèo nàn lạc hậu, bị tàn phá nặng nề, cho nên càng nghèo nàn và kiệt quệ hơn. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm.

Tiết kiệm cũng rất cần cho các nước có nền kinh tế phát triển và có trình độ khoa học và kỹ thuật tiên tiến, chẳng hạn như ở Liên-xô. Đại hội thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô đã đề ra khẩu hiệu: «*Làm kinh tế phải tiết kiệm*». Toàn bộ bộ máy kinh tế cần phải hoạt động phù hợp với yêu cầu đó. Và một trong bốn nguồn tiền đề thực hiện kế hoạch 5 năm thứ 11 về phát triển kinh tế và xã hội của Liên-xô là thực hành tiết kiệm. Và các nhà kinh tế của Liên-xô tính rằng: Liên-xô có đủ các nguồn nguyên liệu, nhiên liệu riêng tốt hơn so với bất cứ nước công nghiệp phát triển nào trên thế giới. Và chúng ta cần tiết kiệm các nguồn đó không phải để sống còn, mà chính là để phát triển nhanh hơn nữa.

Ở Cộng hòa dân chủ Đức, người ta tính rằng, nếu tất cả các xí nghiệp trong ngành công nghiệp do trung ương quản lý đều thực hiện hợp lý hóa sản xuất và chỉ cần giảm chi phí một xu nguyên liệu và tư liệu trong việc sản xuất 100 mác hàng hóa thì mỗi năm cũng có thể làm lợi cho nền kinh tế quốc dân hơn 20 triệu mác. Với số tiền đó có thể dùng để trang bị nhà ở cho 2000 người dân hoặc sử dụng vào việc nuôi dạy 20000 em tại các trường mẫu giáo.

Ở Hung-ga-ri, nhờ thực hiện tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, đồng thời sử dụng các phế liệu công nghiệp trong kế hoạch 5 năm Hung-ga-ri có thể tiết kiệm từ 26-28 tỷ phorinh.

Qua những dẫn chứng trên, chúng ta thấy tiết kiệm không những cần cho những nước nghèo về kinh tế lạc hậu về khoa học-kỹ thuật mà cũng rất cần cho các nước giàu và

khoa học-kỹ thuật tiên tiến. Trong thời đại ngày nay, tiết kiệm không chỉ là một từ đề làm giàu kho tàng ngôn ngữ của các dân tộc mà nó đã trở thành một quy luật phát triển kinh tế và nhiều nước đã đưa lên thành quốc sách.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội của Hồ Chủ tịch, trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng, trình bày tại Đại hội V của Đảng, đồng chí Tổng bí thư Lê-Duân nêu rõ: «*Tiết kiệm là một quốc sách lớn, lâu dài và phải được quy định thành chính sách, chế độ, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể. Tiết kiệm trên mọi lĩnh vực: xây dựng cơ bản, sản xuất, đời sống, chi tiêu về quốc phòng, an ninh và chi tiêu hành chính. Tiết kiệm về mọi mặt: tiền vốn, vật tư, năng lượng, nguyên liệu, thiết bị, máy móc, hàng tiêu dùng, thời gian và lực lượng lao động. Tiết kiệm trong tiêu dùng của xã hội và tiêu dùng cá nhân, trong chi phí của Nhà nước, của tập thể và của nhân dân. Tuy hiện nay, mức sống của nhân dân lao động nước ta còn thấp, song phải thấy rõ rằng chúng ta đang tiêu dùng quá mức làm ra được. Đó là điều không thể chấp nhận. Chúng ta phải sống phù hợp với kết quả lao động của mình, không tiêu dùng quá giới hạn mà mức sản xuất cho phép. Phải bảo đảm nhu cầu đời sống, nhưng phải biết chịu đựng khó khăn để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc và dành tỷ lệ tích lũy thích đáng để thực hiện tái sản xuất mở rộng, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*». Đó là những phương hướng lớn của quốc sách lớn về tiết kiệm. Nếu toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, đồng tâm thực hiện quốc sách đó thì nhất định nước ta sẽ vượt qua những khó khăn về kinh tế hiện nay và đủ sức xây dựng đất nước ta ngày càng giàu đẹp và phồn vinh.

VỀ CÁC QUY LUẬT KINH TẾ TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

TRẦN - HỒ

I



Quy luật kinh tế là quy luật phát triển của phương thức sản xuất, nó quyết định việc sản xuất và phân phối của cải vật chất. Quy luật kinh tế phản ánh mối liên hệ qua lại của các quá trình kinh tế, phản ánh mối quan hệ giữa người và người trong sản xuất, nó phát sinh và hoạt động trên cơ sở những điều kiện kinh tế nhất định. Quy luật kinh tế cũng mang tính khách quan và thuộc về quy luật xã hội cho nên sự hoạt động của nó phải thông qua hoạt động của con người.

Trong chủ nghĩa xã hội, con người có thể nhận thức được quy luật và vận dụng nó để xây dựng xã hội mới. Nhận thức và vận dụng đúng các quy luật kinh tế giúp chúng ta đề ra được chính sách kinh tế đúng đắn, tổ chức bộ máy quản lý kinh tế khoa học và xây dựng phương pháp quản lý kinh tế hợp lý; bởi vì quản lý kinh tế là khâu nối liền các quy luật kinh tế với hoạt động thực tiễn của con người. Tuy nhiên, việc vận dụng các quy luật kinh tế đạt kết quả tốt không phải dễ dàng mà rất khó khăn, có lúc như mò mẫm và phải làm đi làm lại

không ít lần. Đó là vì giữa các quy luật đã được nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người thường có một khoảng cách rất xa. Một trong những nguyên nhân của tình hình tổ chức và quản lý kinh tế yếu kém của ta hiện nay là chưa nắm vững quy luật kinh tế, chưa vận dụng tốt các quy luật kinh tế trong tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân. Những khuyết điểm vừa qua về kế hoạch hóa, về tổ chức chỉ đạo các mặt của sản xuất, phân phối, lưu thông, v.v., một phần quan trọng bắt nguồn từ chỗ chúng ta chưa nhận thức và vận dụng tốt các quy luật kinh tế.

Mỗi quy luật kinh tế đều có cơ sở hoạt động của nó. Muốn phát huy tác dụng của quy luật kinh tế thì phải tạo điều kiện về quan hệ kinh tế cho quy luật đó hoạt động. Muốn tác động và ảnh hưởng đến điều kiện hoạt động của quy luật phải làm biến đổi cơ sở kinh tế đã đề ra nó và việc này cũng phải được thực hiện theo yêu cầu của quy luật, chứ không thể tùy tiện theo ý muốn chủ quan của chúng ta. Những thiếu sót, sai lầm nhất thời về mặt kinh tế đều dần dần được khắc phục theo yêu cầu khách quan của quy luật. Chỉ có điều là khi phạm thiếu sót, sai lầm thì phải trả giá vì

đã làm lãng phí lao động và của cải vật chất của xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, bên cạnh thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân vẫn đang tồn tại, nhưng đã có lúc có người muốn xóa bỏ kinh tế tư nhân, xóa bỏ thị trường « tự do ». Có một số cán bộ quản lý đã lạm dụng quá nhiều biện pháp hành chính để xử lý những quan hệ kinh tế. Đã có lúc họ rất ngây thơ muốn dùng những biện pháp như cấm chợ, ngăn sông, khoanh vùng, kim chế việc lưu thông hàng hóa bình thường giữa các địa phương, giữa các vùng của đất nước. Do đó, có nơi có lúc đã gây căng thẳng về hàng hóa một cách giả tạo, ảnh hưởng đến đời sống bình thường của nhân dân. Lê-nin đã chỉ rõ: « Tim cách ngăn cấm, bao vây đến cùng mọi sự phát triển của sự trao đổi tư nhân... bước phát triển tất nhiên phải xảy ra khi đã có hàng triệu người sản xuất nhỏ. Chính sách ấy là một sự đại dốt và tự sát đối với đảng nào đã muốn áp dụng nó. Đại dốt, bởi vì, về phương diện kinh tế, chính sách ấy không thể nào thực hiện được; tự sát vì những đảng nào thi hành một chính sách như thế nhất định sẽ bị phá sản » (1).

Để ảnh hưởng đến sự hoạt động của các quy luật kinh tế thì phải tạo điều kiện cho cơ sở mới về kinh tế ra đời, tạo điều kiện cho sự chín muồi của những nhân tố kinh tế đề trên cơ sở đó mà tác động đến quy luật kinh tế. Nếu chúng ta làm kinh tế đơn thuần theo nguyện vọng chủ quan, thì chẳng những là không tưởng mà còn gây thiệt hại về lâu dài đến sản xuất và đời sống. Ăng-ghe-n đã vạch rõ rằng, việc xã hội nắm lấy quyền sở hữu về tư liệu sản xuất chỉ trở thành một tất yếu lịch sử một khi các điều kiện vật chất để thực hiện việc đó đã có sẵn rồi, cũng như mọi sự tiến bộ khác của xã hội có thể

thực hiện được không phải là do ở chỗ người ta đã hiểu rằng sự tồn tại của các giai cấp là trái với chính nghĩa, trái với bình đẳng, không phải là do ở chỗ chỉ đơn thuần có cái ý chí muốn tiêu diệt các giai cấp ấy, mà là do những điều kiện kinh tế mới nhất định đã xuất hiện.

Ở nước ta hiện nay, để cho các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội phát huy tác dụng thì phải thực hiện tốt việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư nhân, nhất là ở miền Nam, đồng thời xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nghĩa là tạo ra cơ sở kinh tế mới, tạo ra cơ sở vật chất khách quan để các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa phát huy tác dụng ngày càng mạnh mẽ.

Sự hình thành *quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa* mà trước hết là *chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất* quyết định mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, đó là *điều kiện trực tiếp* sản sinh ra các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chính quan hệ sản xuất là điều kiện trực tiếp tạo ra các quy luật kinh tế, thúc đẩy các quy luật đó hoạt động, nó biểu hiện mối quan hệ giữa người và người trong sản xuất. Quy luật kinh tế phản ánh mối quan hệ bản chất giữa người và người trong sản xuất. Khi quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới ra đời thì sự hoạt động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội còn non yếu, còn bị hạn chế; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng được củng cố và phát triển thì các quy luật kinh tế đó càng hoạt động một cách mạnh mẽ và đầy đủ.

Quan hệ sản xuất tất yếu phải thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất phát triển đến một trình độ nào đó

(1) V. I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển 2, phần 2, tr. 502.

thì mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, đòi hỏi phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, hình thành quan hệ sản xuất mới, trên cơ sở đó sản sinh hệ thống các quy luật kinh tế mới. Khi các yếu tố của lực lượng sản xuất phát triển thì chúng tạo tiền đề vật chất cho sự hoạt động của các quy luật kinh tế. Nhưng chúng ta nên hiểu rằng lực lượng sản xuất tác động đến các quy luật kinh tế một cách chiết quang thông qua quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất phải thông qua kết quả của việc cũng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất để ảnh hưởng đến phạm vi và cường độ hoạt động của các quy luật kinh tế.

Có một điểm khác biệt giữa quy luật tự nhiên và quy luật kinh tế là: quy luật tự nhiên hoạt động một cách cứng nhắc. Quy luật tự nhiên được ứng dụng trong những môi trường và điều kiện nhất định, thì người ta có thể tính toán chính xác những kết quả đạt được. Thí dụ về quy luật bảo toàn năng lượng, nếu biết trước được loại năng lượng nhất định thì người ta có thể tính toán được chính xác kết quả sử dụng nó. Hay là người ta cũng có thể tính toán chính xác về đường bay của các con tàu vũ trụ hay là các thông số của đường bay của máy bay từ nơi này đến nơi khác.

Còn ở các quy luật kinh tế thì không những hoạt động thông qua con người mà người ta còn không thể tính toán được một cách hoàn toàn chính xác; quy luật kinh tế hoạt động rất mềm dẻo, linh hoạt và đa dạng. Với những điều kiện và hoàn cảnh như nhau, người ta có thể có những phương án khác nhau để giải quyết vấn đề trong vận dụng quy luật kinh tế. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện còn sản xuất hàng hóa, quy luật giá trị cũng vẫn hoạt động nhưng có thể có nhiều phương án tác động đến sự biểu hiện hoạt động của quy luật giá trị. Cho nên

trong kinh tế ở cùng một điều kiện nhất định, các quy luật kinh tế hoạt động theo nhiều phương án khác nhau. Điều này nói lên tính mềm dẻo, tính linh hoạt, tính đa dạng và tính phức tạp của sự hoạt động các quy luật kinh tế.

Trong kinh tế, hình như người ta không cảm thấy được sự vận dụng tốt các quy luật kinh tế, còn khi nền kinh tế không bình thường thì người ta mới thấy rõ ràng sự hoạt động của các quy luật kinh tế. Khi nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn, có những biểu hiện mất cân đối, sản xuất không đáp ứng được tiêu dùng, thị trường không ổn định, vật giá lên cao... thì người ta mới nghĩ đến sự vận dụng chưa tốt các quy luật kinh tế, người ta phân nân, chẻ trách các nhà kinh tế. Còn khi nào nền kinh tế phát triển bình thường, đời sống nhân dân được ngày càng cải thiện thì người ta không cảm thấy được sự biểu hiện hoạt động của các quy luật kinh tế, đó là phương thức biểu hiện tính đặc thù của các quy luật kinh tế.

II

Việc nhận thức và vận dụng các quy luật kinh tế có ý nghĩa rất quan trọng đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một số người khi nói ra thì cũng nhắc tới quy luật này, quy luật nọ, v.v. nhưng trong chỉ đạo thực tiễn thì lại không đem xia gì đến sự hoạt động khách quan của các quy luật kinh tế. Do đó, họ đã phạm sai lầm trong việc quy định một số chính sách cụ thể và phương pháp quản lý kinh tế, gây ra thiệt hại không nhỏ trong sản xuất và đời sống.

Muốn vận dụng tốt các quy luật kinh tế, chúng ta cần nhận rõ điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong đó những quy luật ấy đang hoạt động. Quy luật kinh tế nào cũng hoạt động trong những môi trường và điều kiện

kinh tế nhất định, chủ yếu là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của xã hội. Ngoài ra, còn tính đến đặc điểm, điều kiện lịch sử và trạng thái ý thức xã hội của xã hội đó. Hiện nay các quy luật kinh tế ở nước ta đang hoạt động trong những điều kiện và hoàn cảnh nào?

Trước hết, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, các quy luật kinh tế đang hoạt động trong một nền kinh tế còn nhiều thành phần.

Hiện nay ở nước ta vừa có kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa có kinh tế tư bản chủ nghĩa và kinh tế cá thể. Ở mỗi thành phần kinh tế riêng biệt ấy có một phương thức sản xuất nhất định với những quy luật kinh tế nhất định, thể hiện mối quan hệ sản xuất thích ứng và phù hợp với thành phần kinh tế đó. Ngoài ra, do hoạt động tự giác của chúng ta, đã hình thành nên loại thành phần kinh tế hỗn hợp hay quá độ (công tư hợp doanh) tồn tại ngay trong một ngành sản xuất nhất định.

Giữa các thành phần kinh tế có sự khác nhau, thậm chí đối lập nhau và các quy luật kinh tế của các thành phần đó cũng đấu tranh chống nhau. Những quy luật đó tác động lẫn nhau, hạn chế nhau, và cuối cùng với việc xóa bỏ các thành phần kinh tế tư nhân thì những quy luật kinh tế tương ứng với các thành phần tư nhân ấy cũng không còn nữa. Cho nên quản lý kinh tế trong thời kỳ quá độ là phải giải quyết các mâu thuẫn kinh tế của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa nhằm tạo điều kiện xây dựng và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh. Ở đây, có những quy luật đối lập nhau trong một nền kinh tế quá độ như: quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội giữ vị trí chủ đạo trong hệ thống các quy

luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời, do còn thành phần kinh tế tư bản tư nhân cho nên còn quy luật giá trị thặng dư; có quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch xuất phát từ chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, nhưng vẫn còn quy luật cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ sản sinh từ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất của kinh tế tư nhân, v.v. Những quy luật này đấu tranh và khống chế lẫn nhau trong nền kinh tế của thời kỳ quá độ.

Trong thời kỳ quá độ, những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội tuy đã giữ vai trò chủ đạo nhưng do nền kinh tế còn nhiều thành phần, các quy luật đó chỉ thật sự hoạt động trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, vì vậy chúng chưa phát huy tác dụng một cách đầy đủ và mạnh mẽ. Sự hoạt động của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa còn bị hạn chế vì trình độ phát triển chưa đầy đủ của lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội còn non yếu và mức độ chín muồi của quan hệ sản xuất mới còn thấp.

Chúng ta cần nhận rõ *tính giai đoạn* của thời kỳ quá độ, chú ý sự không đồng nhất về cơ sở kinh tế giữa các giai đoạn của cả quá trình hình thành phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa để thấy phạm vi mức độ và tác dụng của các quy luật kinh tế cũng có sự khác nhau giữa các giai đoạn phát triển đó. Chúng ta không được phép nhầm lẫn các giai đoạn trong quá trình hình thành phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, lại càng không nên nhầm lẫn thời kỳ quá độ với thời kỳ chủ nghĩa xã hội phát triển. Ở nước ta hiện nay đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chẳng những nền kinh tế đang còn nhiều thành phần mà cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội còn non yếu, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng, do đó các quy luật kinh tế

xã hội chủ nghĩa hoạt động còn hạn chế là điều tất nhiên. Nhận rõ điều này, chúng ta càng chú ý đến việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và đấu tranh chống những mặt tiêu cực của kinh tế tư nhân, đồng thời ra sức củng cố và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Hai là, các quy luật kinh tế hoạt động trong nền kinh tế đang từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa được sản sinh trên cơ sở quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa còn non yếu vì quan hệ sản xuất mới này đang dựa trên nền sản xuất chủ yếu còn là lao động thủ công. Nước ta về cơ bản chưa có cái cốt vật chất của xã hội mới, cho nên các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa có cơ sở vững chắc để hoạt động một cách bình thường và đầy đủ. Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy sự mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế đang làm cho sự hoạt động của quy luật phát triển có kế hoạch bị hạn chế, quy luật năng suất lao động tăng lên không ngừng và quy luật phân phối theo lao động cũng chưa thể phát huy tác dụng một cách đầy đủ.

Ba là, nền kinh tế nước ta vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài chống ngoại xâm chưa được bao lâu, hiện nay chúng ta đang chống lại một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, và phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh xâm lược quy mô lớn để bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian qua, chúng ta vừa khắc phục những hậu quả rất nghiêm trọng của chiến tranh, vừa khôi phục và phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân còn thấp. Chỉ tính riêng trong bảy năm qua, chúng ta đã tiến hành chiến tranh giữ nước gần ba năm, đã động viên một phần quan trọng sức người sức của vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc, do đó nhiều chỉ tiêu

kế hoạch 5 năm thứ hai không thể triển khai thực hiện một cách bình thường. Điều đó chứng tỏ rằng, ở nước ta các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa đã phải hoạt động trong những điều kiện kinh tế rất không bình thường, và điều này có thể còn kéo dài trong một thời gian nữa

Bốn là, trình độ tổ chức và quản lý kinh tế của chúng ta còn non yếu.

Cái ưu thế của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là được Nhà nước chuyên chính vô sản, công cụ sắc bén bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phát huy chức năng tổ chức và xây dựng của mình để hình thành và tăng cường nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy tác dụng của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng tốt lao động, đất đai và mọi tư liệu sản xuất hiện có, khai thác những tiềm năng của đất nước để thúc đẩy nền sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển. Yêu cầu của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi như vậy và nếu chúng ta thực hiện tốt việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các quy luật kinh tế đó phát huy tác dụng. Nhà nước chuyên chính vô sản nắm vững và vận dụng các quy luật kinh tế để quy định các chính sách cụ thể, đồng thời tổ chức bộ máy, hệ thống phương pháp quản lý kinh tế và thực hiện các chính sách đó có kết quả. Mặt khác, nếu cơ chế quản lý kinh tế được xây dựng trên cơ sở vận dụng tốt các quy luật kinh tế thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các quy luật kinh tế phát huy tác dụng tốt.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, chuyên chính vô sản bị buông lỏng trên nhiều lĩnh vực, nhất là trên mặt

trận phân phối lưu thông, trình độ tổ chức và quản lý kinh tế của chúng ta còn non yếu. « Một mặt chúng ta chủ quan, nóng vội, đề ra những nhiệm vụ và chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước quá cao so với khả năng, những chủ trương sản xuất, xây dựng, phân phối, lưu thông thiếu căn cứ xác đáng, dẫn đến lãng phí lớn về sức người, sức của; mặt khác chúng ta rất bảo thủ, trì trệ trong việc chấp hành đường lối của Đảng và nhiều nghị quyết của Trung ương » (2) « Trên những mặt nhất định, khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn về kinh tế và xã hội trong những năm qua » (3).

Một khuyết điểm nổi bật là chúng ta vận dụng chưa tốt *quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*. Điều đó đã thể hiện rõ ở việc quy định hình thức và quy mô các hợp tác xã nông nghiệp quá lớn ở miền Bắc trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu và trình độ quản lý của ta còn thấp, do đó chưa thúc đẩy được hiệp tác lao động và phân công cho nên sản xuất chậm phát triển. Mặt khác, do chưa sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế trong sản xuất cũng như trong phân phối và lưu thông cho nên chưa kích thích mạnh mẽ nền kinh tế phát triển.

Gần đây, chúng ta đã điều chỉnh lại quy mô hợp tác xã nông nghiệp và đội sản xuất thích ứng với trình độ lực lượng sản xuất. Trong điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật của hợp tác xã còn thấp thì việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động dưới hình thức « khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động » bằng cách trả công lao động có gắn trách nhiệm và lợi ích của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp, là phù hợp với tình hình trước

mắt hiện nay cho nên đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Trong những năm qua, *quy luật giá trị cũng hoạt động một cách không bình thường vì việc sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa ở trạng thái kinh tế không bình thường*. Do nhiều nhân tố khách quan và do việc vận dụng quy luật giá trị của bộ máy quản lý kinh tế có khuyết điểm cho nên chưa kích thích được sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao. Những chi phí sản xuất của hàng hóa và các điều kiện kinh tế đã thay đổi nhưng do bảo thủ cho nên giá cả hàng hóa đã cố định trong một thời gian dài, đó là điều không hợp lý. Nhưng khi khuyết điểm này bị phê phán thì lại phạm ngay khuyết điểm khác là chủ quan, nóng vội, thiếu cân nhắc một cách toàn diện trong việc giải quyết vấn đề giá cả. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về điều chỉnh giá là cần thiết và đúng đắn, nhưng trong tổ chức thực hiện đã sai lầm: tính toán sai về một số mức giá, công bố và thi hành giá mới thiếu chuẩn bị, chưa phối hợp ăn khớp giữa kế hoạch, tài chính, giá cả và thương nghiệp. Nếu ở đâu còn duy trì hệ thống phương pháp quản lý kinh tế có tính chất quan liêu bao cấp và khi nào việc sản xuất và lưu thông hàng hóa không căn cứ vào hao phí lao động xã hội cần thiết thì quy luật giá trị cũng chưa hoạt động được bình thường. Cần đẩy mạnh sản xuất và lưu thông hàng hóa theo những nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa để thực hiện tốt việc quản lý trên cơ sở những yêu cầu của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa.

(2) Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981 — 1985) và những năm 80. *Tạp chí Cộng sản* số 4 — 1982, tr. 96.

(3) « Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V ». *Tạp chí Cộng sản* số 4 — 1982, tr. 23, 30.

Nhược điểm có ảnh hưởng quan trọng đến sự hoạt động các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội là *năng suất lao động ở nước ta rất thấp*. Nó ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động của sản xuất và đời sống xã hội, hạn chế tác dụng của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Do năng suất lao động thấp cho nên chưa có đủ sản phẩm cần thiết cho người lao động, do đó cũng không có sản phẩm thặng dư để tích lũy và nâng cao phúc lợi xã hội.

Năng suất lao động thấp dẫn đến sản phẩm xã hội ít, thiếu lương thực, thiếu nguyên liệu, thiếu hàng tiêu dùng, gây ra mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu, giữa sản xuất và tiêu dùng cho nên quy luật phát triển có kế hoạch chưa phát huy được tác dụng tốt trong nền kinh tế quốc dân. Thời gian qua, do năng suất lao động quá thấp cho nên chưa thể hoàn toàn lấy lao động làm thước đo để thực hiện quy luật phân phối theo lao động mà còn phải thực hiện một phần chế độ cung cấp. Hiện nay việc phân phối vật phẩm tiêu dùng được từng bước cải tiến để thực hiện đầy đủ việc phân phối theo lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.

Muốn vận dụng tốt các quy luật kinh tế, chúng ta cần chú ý một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn đối với các quy luật kinh tế đang hoạt động trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Muốn vận dụng các quy luật kinh tế, trước hết chúng ta cần nhận thức đúng đắn, nắm vững yêu cầu khách quan, tác động và đặc điểm hoạt động của từng quy luật kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, trong đó cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt. Mỗi quy luật kinh tế hoạt động ở mỗi giai đoạn một khác, cho nên khi vận dụng

cần chú ý nhận rõ đặc điểm của nó ở từng giai đoạn cụ thể nhất định. Nhận thức đúng đắn các quy luật là điều kiện và tiền đề để vận dụng tốt các quy luật đó, bởi vì khi chúng ta đã nhận thức đúng về mặt lý luận thì tạo điều kiện và khả năng rộng lớn để vận dụng các quy luật kinh tế vào thực tiễn quản lý nền kinh tế ở nước ta.

Thứ hai, nhận rõ những đặc điểm của trình độ phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong phương thức sản xuất hiện nay.

Cần xác định đúng trình độ phát triển lực lượng sản xuất và mức độ chín muồi của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa hiện nay, không chủ quan, nóng vội, không cưỡng ép áp dụng những hình thức và biện pháp không phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay. Mọi việc quản lý kinh tế có tính chất chủ quan và nóng vội đều dẫn đến thiệt hại không nhỏ trong kinh tế.

Thứ ba, nhận rõ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế và yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn nhất định. Đây là một căn cứ rất quan trọng để quy định những hình thức và biện pháp quản lý kinh tế nhằm đạt cho được các mục tiêu kinh tế - xã hội, thực hiện cho được các nhiệm vụ kinh tế và chính trị do Đảng đề ra. Mọi sự vận dụng các quy luật kinh tế đều phải bám sát và phục vụ các mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 5 năm 1981 - 1985 và những năm 80.

Thứ tư, cần phải chọn và sử dụng những hình thức kinh tế thích hợp.

Các quy luật kinh tế đều phải thông qua các hình thức kinh tế mà biểu hiện ra. Một quy luật có thể biểu hiện ở nhiều hình thức kinh tế; một hình thức kinh tế có thể là sự biểu hiện của nhiều quy luật, bởi vì các quy luật kinh tế của một phương thức sản xuất đều vận động và phát triển một cách tổng hợp, do đó chúng ta cần biết vận dụng đồng bộ và lồng hợp các quy

luật kinh tế. Hình thức biểu hiện của quy luật giá trị không chỉ là giá cả mà còn là lợi nhuận, hạch toán kinh tế.v.v. Tiền lương chẳng những là biểu hiện của quy luật phân phối theo lao động mà còn là sự thể hiện của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, quy luật tăng năng suất lao động không ngừng... Có những hình thức kinh tế rất thích hợp ở giai đoạn này nhưng lại không còn phù hợp trong giai đoạn khác, đó là do những điều kiện kinh tế đã thay đổi. Cho nên chúng ta không nên bảo thủ khư khư giữ mãi một hình thức cố định mà cần sử dụng một cách mềm dẻo và linh hoạt tính nhiều về của những hình thức đó.

Một nhược điểm lâu nay trong quản lý kinh tế của ta là chưa nghiên cứu phát hiện được nhiều hình thức kinh tế và cũng chưa biết chọn được những hình thức kinh tế thích hợp để phản ánh đúng bản chất của quy luật kinh tế. Muốn chọn những hình thức kinh tế được đúng, chúng ta cần xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức độ chín muồi của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế v.v.

Thứ năm, xây dựng cơ chế quản lý kinh tế một cách hợp lý.

Vừa qua, cơ chế quản lý kinh tế mang nặng tính chất quan liêu bao cấp đã kìm hãm sản xuất, do đó đã hạn chế việc phát huy tác dụng của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa. Một số chính sách cụ thể, nhất là về phân phối, lưu thông ban hành từ lâu, gần đây từng bước có được bổ sung và sửa đổi, song vẫn còn chưa được đồng bộ. Chúng ta cần vận dụng các quy luật kinh tế vào tình hình thực tế ở nước ta để quy định đúng đắn các chính sách kinh tế. Các chính sách kinh tế phản ánh yêu cầu hoạt động của các quy luật kinh tế và nhiệm vụ

cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta cần xuất phát từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hiện tại mà hình thành một cơ chế quản lý kinh tế hợp lý.

Bộ máy tổ chức quản lý kinh tế hiện nay quá cồng kềnh nhưng kém hiệu lực; cán bộ chưa được bố trí một cách hợp lý và chưa được bồi dưỡng về quản lý kinh tế, do đó chưa vận dụng tốt các quy luật kinh tế. Các chính sách kinh tế đều do cán bộ của bộ máy tổ chức thực hiện, cho nên trong khi xây dựng các chính sách kinh tế, phải đồng thời xây dựng bộ máy tổ chức quản lý kinh tế thì mới vận dụng tốt các quy luật kinh tế.

Vừa qua, chúng ta đã phạm những khuyết điểm và sai lầm trong quản lý kinh tế, xã hội, là do nhiều nguyên nhân nhưng « xét cho cùng là do chưa thật sự nắm chắc quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » (4). Cần phải « chống quan liêu và bảo thủ, đề sớm có các kế hoạch, chính sách, chế độ và cách quản lý phù hợp với quy luật kinh tế và đặc điểm nền kinh tế nước ta » (5). Mặt khác, trong việc quản lý kinh tế cần phải đứng vững trên lập trường và quan điểm của chủ nghĩa xã hội, tuân theo nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm cho nền kinh tế nước ta phát triển theo đúng phương hướng của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cần nắm vững quy luật kinh tế và kiến thức về quản lý kinh tế, vận dụng đúng các quy luật kinh tế để tổ chức và quản lý tốt nền kinh tế nước ta.

(4) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 30

(5) Báo cáo về xây dựng Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 5 - 1982, tr. 21.

ĐOÀN KẾT QUÂN DÂN TRÊN CHIẾN TRƯỜNG TÂY-NGUYÊN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Trung tướng HOÀNG-MINH-THẢO

Vấn đề xây dựng, củng cố và phát triển tinh đoàn kết quân dân là một nhiệm vụ lớn của quân đội. Đó là vấn đề thuộc về đường lối và nguyên tắc của Đảng. Nhân dân là cơ sở của mọi sức mạnh: Dân là gốc rễ, quân là cành ngọn. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh nói:

« Nước lấy dân làm gốc...

... Muốn người như một

Quân tốt dân tốt

Muốn sự đều nên

Gốc có vững cây mới bền

Xây lâu thang lợi trên nền nhân dân » (1).

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, những thắng lợi về mọi mặt của các lực lượng vũ trang và các dân tộc Tây-nguyên đều gắn liền với việc chăm lo xây dựng vững chắc và phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết nhất trí giữa quân đội và nhân dân các dân tộc.

Trước mọi thử thách khốc liệt của cuộc chiến tranh cũng như trước những âm mưu thủ đoạn chia rẽ vô cùng xảo quyệt của kẻ thù, quân với dân vẫn luôn cùng một ý chí đấu tranh. Dù khó khăn gian khổ bao nhiêu, bộ đội B3 (Tây-nguyên) và các dân tộc Tây-nguyên vẫn đoàn kết gắn bó. Tinh cảm cách mạng sáng ngời đó đã trở thành truyền thống và phẩm chất tốt đẹp của quân đội và nhân dân các dân tộc trên dải đất Tây-nguyên bất khuất. Do có sự đoàn kết đó mà các lực

lượng vũ trang cách mạng và các dân tộc Tây-nguyên đã đưa cuộc cách mạng tiến lên mạnh mẽ, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ chính trị và quân sự mà Đảng giao phó: giải phóng Tây-nguyên, mở đầu cuộc tổng tiến công chiến lược mùa xuân năm 1975, góp phần cùng cả nước đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam đến toàn thắng.



Tây-nguyên là một vùng có vị trí chiến lược rất quan trọng. Ngay từ buổi đầu đặt chân xâm lược nước ta, thực dân Pháp trước đây cũng như đế quốc Mỹ vừa qua đều rất coi trọng địa bàn có tính chất chiến lược sống còn này.

Sống trên địa bàn đất rộng, người thưa, núi rừng hiểm trở, nhân dân Tây-nguyên, khi chưa có cách mạng, vô cùng cực khổ. Nhưng với bản chất kiên cường, ngay thẳng, thật thà, do phải đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và ách áp bức của quân xâm lược, các dân tộc Tây-nguyên đã đoàn kết gắn bó với nhau trong cộng đồng chung kiên quyết đấu tranh chính phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm để tồn tại và phát triển.

Từ khi Đảng ta ra đời, ánh sáng của Đảng đã chiếu rọi đến núi rừng

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 431.

Tây-nguyên, đến đây lòng đồng bào các dân tộc Tây-nguyên. Chính sách đoàn kết và bình đẳng giữa các dân tộc của Đảng, sự quan tâm săn sóc của Bác Hồ đã khơi dậy những truyền thống tốt đẹp, đã tập hợp và phát huy cao độ sức mạnh to lớn của các dân tộc Tây-nguyên trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Trong điều kiện như vậy, Mặt trận Tây-nguyên (mặt trận B3) được thành lập để thực hiện sứ mạng vẻ vang mà Đảng và quân đội giao cho: xây dựng Tây-nguyên thành chiến trường đánh tiêu diệt lớn để củng cố và mở rộng căn cứ địa rừng núi ở vùng biên giới ba nước Đông-dương. Mặt trận Tây-nguyên là một khối chủ lực vừa tác chiến cơ động, vừa đứng chân tại chỗ làm nòng cốt thúc đẩy ba thứ quân phát triển.

Để thực hiện nhiệm vụ cách mạng đó, trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang ở Tây-nguyên, đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận (2) cùng với đảng bộ địa phương đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh quân với dân một ý chí, đặc biệt coi trọng và thường xuyên giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc *quản trị sâu sắc đường lối cách mạng của Đảng và nhiệm vụ của chiến trường. Xây dựng khối đoàn kết quân dân vững chắc tạo nên sức mạnh để chiến thắng kẻ thù*, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Tây-nguyên là trách nhiệm chính trị của mỗi cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc Tây-nguyên.

Thực hiện chủ trương ấy, đảng ủy Mặt trận coi việc quản trị chính sách dân tộc và xây dựng khối đoàn kết toàn dân của Đảng là một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng của mình. Đảng ủy Mặt trận chủ trọng giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức sâu sắc rằng nhân dân các dân tộc Tây-nguyên là người làm chủ đất nước,

là nguồn sức mạnh của quân đội. Quân đội là con em của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, vì vậy các cấp ủy Đảng phải giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ tình cảm giai cấp, yêu mến nhân dân, quý trọng đồng bào các dân tộc Tây-nguyên, những thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt-nam, cùng có chung lợi ích và nguyện vọng, có chung mục tiêu chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai, giải phóng Tổ quốc.

Qua thực tiễn chiến đấu và xây dựng, tình cảm ấy dần dần thấm sâu vào máu thịt của mỗi cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang Tây-nguyên. Tuy sinh ra và lớn lên ở khắp các địa phương trong cả nước nhưng đã về đây cùng chiến đấu, mỗi người đều đã thật sự gắn bó với Tây-nguyên, coi Tây-nguyên như quê hương mình, coi đồng bào các dân tộc Tây-nguyên như những người ruột thịt của mình. Có những đơn vị nhiều cán bộ, chiến sĩ là người dân tộc Tây-nguyên; tất cả đều đồng lòng nguyện chiến đấu để giải phóng Tây-nguyên, giải phóng đồng bào khỏi cảnh áp bức, đói nghèo, lạc hậu. Đoàn kết quân dân ở Tây-nguyên về thực chất là vấn đề đoàn kết các dân tộc. Điều cốt lõi là phải có tình thân bình đẳng dân tộc, có thái độ yêu quý, tôn trọng và thật thà trong các mối quan hệ. Vì vậy, việc *quản trị đầy đủ và thực hiện nghiêm túc chính sách dân tộc của Đảng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của các lực lượng vũ trang nhân dân*. Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận xác định: trước hết ngay trong nội bộ các đơn vị, rồi đến trong quan hệ với địa phương, chính sách dân tộc của Đảng phải được quản trị. Có đoàn kết nhất trí trong đơn vị thì sức chiến đấu của bộ đội mới mạnh. Có được nhân dân đoàn kết giúp đỡ, lực lượng vũ trang mới đứng vững và phát huy

(2) Từ đây tôi xin viết Mặt trận để chỉ Mặt trận Tây-nguyên - H.M.T.

được sức mạnh của đòn tiến công quân sự trên chiến trường đánh tiêu diệt quân địch.

Suốt trong quá trình xây dựng lực lượng, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Mặt trận đã dày công giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ thấm nhuần chính sách đoàn kết, tôn trọng, bình đẳng giữa các dân tộc của Đảng, đấu tranh nghiêm khắc chống mọi biểu hiện coi thường người dân tộc, coi thường địa phương, thiếu tin tưởng vào lực lượng vũ trang địa phương, vào cán bộ và đồng bào các dân tộc thiểu số hoặc ý vào hoàn cảnh chiến tranh để vi phạm tập quán cổ truyền, tín ngưỡng, tài sản của nhân dân. Vì những nhận thức tư tưởng không đúng đó thường dẫn đến các hiện tượng kỳ thị dân tộc, vi phạm kỷ luật trong quan hệ với nhân dân, gây mất đoàn kết, làm tổn thương đến bản chất tốt đẹp của quân đội, gây ảnh hưởng xấu tới sức mạnh chiến đấu của đơn vị, tới việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và quân sự trên chiến trường.

Qua học tập và nhất là qua thực tiễn chiến đấu và sinh hoạt, đồng cam cộng khổ với nhân dân để thực hiện nhiệm vụ chính trị và quân sự của mình, các cán bộ và chiến sĩ ta càng thấy rõ tinh thần triệt để cách mạng, nghị lực phi thường cũng như những hy sinh không bờ bến của đồng bào các dân tộc Tây-nguyên trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Điều đó đã tác động mạnh mẽ tới tinh cảm và ý chí chiến đấu của lực lượng vũ trang trên chiến trường, góp phần bồi dưỡng nghị lực và quyết tâm chiến đấu của bộ đội. Nếu không phải là chủ nhân thật sự của chiến trường, không gần bó máu thịt với nhân dân thì không thể có đủ sức bền và độ nhạy để hoàn thành hàng loạt công việc nặng nề và phức tạp đặt ra trước chúng ta trên chiến trường.

Có những lúc địa phương gặp khó khăn, đồng bào đói kém, bệnh tật, bộ

đội đều quan tâm giúp đỡ, mặc dù lúc đó bộ đội cũng đang gặp khó khăn rất lớn. Nhiều đơn vị đã tự nguyện nhịn ăn, bớt mặc chia sẻ khó khăn với nhân dân. Gương người cán bộ, chiến sĩ « Bok Ilô » với những cử chỉ: cắt bớt cánh tay áo của mình, mặc cho muỗi và vắt rừng đốt, gạn lọc từng mảnh vải để dành may áo quần cho trẻ em... được đồng bào vô cùng cảm kích. Có lúc đảng ủy Mặt trận phải huy động hàng nghìn tấn gạo, muối trong cơ sở dự trữ để chi viện khẩn cấp cho nhân dân chống đói, huy động giúp dân hàng vạn mét vải và nhiều tấn thuốc chữa bệnh.

Điều đó đã cổ vũ mạnh mẽ đồng bào các dân tộc Tây-nguyên hăng hái tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong trường hợp gặp khó khăn, Bộ chỉ huy Mặt trận cần huy động lương thực để mở chiến dịch, nhân dân đã tự nguyện đóng góp, có lúc đến 70 - 80% tổng số lương thực thu hoạch được của mình. (3) Trường hợp đột xuất, khi bộ đội đang chiến đấu, thiếu gạo phải nhịn đói, nhân dân cả huyện động viên nhau ăn rau rừng, củ rừng thay cơm hằng tháng trời để dành toàn bộ lương thực đưa ra phía trước cho bộ đội, nuôi dưỡng thương bệnh binh. Hình ảnh những bà mẹ địu con, bòn cho con ăn rau rừng, củ rừng, trong khi trên lưng mình vẫn còn gạo mang đi ủng hộ bộ đội thể hiện tinh cảm cách mạng trong sáng, tinh nghĩa quân dân sâu nặng, xứng đáng với lời khen ngợi của Bác Hồ kính yêu:

« ... Như vậy là quân và dân Tây-nguyên già, trẻ, gái, trai, Kinh, Thượng đoàn kết một lòng, luôn luôn nêu cao truyền thống anh dũng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, thi đua giết giặc lập công, giữ gìn buôn rẫy.

(3) Một vài số liệu, ý kiến trích trong « Tổng kết 20 năm xây dựng thành công và chiến đấu thắng lợi của mặt trận Tây-nguyên ».

thu được những thành tích to lớn, cùng đồng bào cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược » (4).

Trong suốt quá trình chống Mỹ, cứu nước, khối đoàn kết quần dân trên chiến trường Tây-nguyên ngày càng vững chắc, sức mạnh quân với dân cùng một ý chí luôn luôn được phát huy trên cơ sở của sự nhất trí về đường lối, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ của chiến trường, về chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng.

Một nguyên tắc quan trọng đã được thực hiện là lấy sự đoàn kết giữa đảng ủy Mặt trận và các đảng bộ địa phương làm trung tâm để đoàn kết quần dân. Lê-nin đã nói: «quân đội được xây dựng trên mối quan hệ mật thiết, trên mỗi quan hệ vững chắc, thậm chí có thể nói là trên sự thống nhất keo sơn giữa các xô viết với quân đội» (5). Tư tưởng đó đã được Hồ Chủ tịch nhấn mạnh trong Hội nghị về chiến tranh du kích tháng 5-1952. Người dạy: «Trước hết nội bộ, tức là Quân, Dân, Chính, Đảng phải đoàn kết chặt chẽ. Có việc gì, phải bàn tính kỹ lưỡng, tư tưởng, hành động phải thống nhất, phải giúp đỡ nhau, thành thực phê bình và tự phê bình để cùng nhau tiến bộ» (6).

Ở Tây-nguyên, mối quan hệ giữa đảng ủy mặt trận và các tỉnh ủy là mối quan hệ phối hợp, hiệp đồng lãnh đạo trên cùng một chiến trường, có nhiều lực lượng, nhiều mối quan hệ khác nhau nhưng lại thực hiện thống nhất cùng một nhiệm vụ mà cách mạng giao cho. Sự đoàn kết nhất trí giữa đảng ủy mặt trận và các đảng ủy địa phương có ý nghĩa quyết định đối với sự đoàn kết quần dân và tác động mạnh mẽ tới tinh thần chiến đấu của các lực lượng vũ trang trên chiến trường. Đảng ủy mặt trận khi thực hiện nhiệm vụ luôn luôn tôn trọng địa phương, vì lợi ích của địa phương, tích cực cùng địa phương phối hợp xây dựng và phát triển lực

lượng vũ trang địa phương, xây dựng các căn cứ hoạt động của xã, huyện. Trước những yêu cầu của nhiệm vụ quân sự và chính trị của địa phương, đảng ủy mặt trận đã chủ động mở những đợt hoạt động để giúp đỡ cho cuộc đấu tranh chính trị và nổi dậy của đồng bào, phá thế kìm kẹp và những âm mưu chia rẽ hiểm độc của kẻ thù, giải phóng buôn rẫy, thị trấn, thị xã và những vùng dân cư rộng lớn. Bố trí các trung đoàn chủ lực đứng chân ở các tỉnh với các tiểu đoàn mũi nhọn làm hạt nhân hoạt động ở các địa bàn quan trọng, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát triển các căn cứ hoạt động của xã, huyện, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương nhằm đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, tham gia và thúc đẩy các phong trào hoạt động cách mạng của địa phương, đẩy mạnh sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân vùng mới giải phóng, v.v.

Trong các chiến dịch của bộ đội chủ lực cũng như trong các chiến dịch có hoạt động phối hợp của ba thứ quân, bộ chỉ huy các cấp đều có thành phần của địa phương tham gia. Trong từng thời kỳ, có tổ chức các cuộc hội nghị liên tịch giữa thường vụ đảng ủy mặt trận và thường vụ các tỉnh ủy trong vùng, giữa các cấp ủy đơn vị với các cấp ủy xã, huyện nơi đóng quân, để cùng nhau kiểm điểm tình hình, thống nhất các chủ trương công tác và giải quyết kịp thời những vụ việc xảy ra có phương hại đến sự đoàn kết nhân dân.

Đảng ủy mặt trận luôn luôn coi việc của địa phương như việc của

(4) Trích trong cuốn: *Lực lượng vũ trang nhân dân Tây-nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*. Nxb Quân đội nhân dân 1980, tr. 146 — 147.

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 29, tr. 68.

(6) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 523.

minh, gán bó thiết tha với địa phương, với chiến trường. Sự chân thành và chủ động đoàn kết đó đã thấm sâu xuống các đơn vị cơ sở. Bộ đội thấy việc gì cần phải làm cho địa phương thì chủ động đề xuất bàn bạc, khi được địa phương nhất trí thì lập tức làm ngay. Khi địa phương yêu cầu việc gì, thấy có khả năng làm được, bộ đội không bao giờ từ chối. Trước mọi khó khăn của địa phương, bộ đội đều quan tâm chia sẻ. Có những lúc bản thân bộ đội cũng đang gặp khó khăn lớn nhưng vẫn sẵn sàng giúp đỡ địa phương không điều kiện.

Ngược lại, các cấp ủy địa phương cũng luôn luôn coi nhiệm vụ quân sự không chỉ là nhiệm vụ của quân đội, mà là nhiệm vụ của toàn dân. Đảng bộ địa phương đã thường xuyên giáo dục nhân dân thấu hiểu đường lối, chính sách của Đảng, động viên nhân dân tạo mọi điều kiện thuận lợi cho quân đội hoàn thành nhiệm vụ, đã góp phần rất lớn vào việc tổ chức bảo đảm hậu cần tại chỗ cho bộ đội trong điều kiện chiến trường có rừng núi hiểm trở, nhiều sông suối thác ghềnh, giao thông vận chuyển khó khăn, lại xa hậu phương chiến lược. Hơn như trong các chiến dịch, việc mở đường giao thông và vận chuyển các phương tiện vật chất kỹ thuật cho bộ đội đều có sự đóng góp to lớn của đông bào các dân tộc Tây-nguyên. Trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, lực lượng vũ trang luôn luôn nhận được sự chăm sóc tận tình về tinh thần và vật chất của đảng bộ và nhân dân địa phương.

Thực tiễn trên chiến trường Tây-nguyên chỉ cho chúng ta thấy rằng: muốn phát huy được sức mạnh quân với dân một ý chí để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ cách mạng thì cấp ủy quân đội và cấp ủy địa phương phải đoàn kết nhất trí, coi đó là trung tâm của sự đoàn kết quân dân trên

chiến trường. Muốn đoàn kết tốt giữa cấp ủy quân đội với cấp ủy địa phương, giữa quân với dân cần phải có tình thân thật sự chiến đấu cho Đảng, cho dân, phải có thái độ trung thực. Ngoài ra phải chống tư tưởng cục bộ, bản vị, vô chính phủ, anh hùng nhất khoanh, tự kiêu, tự đại, thu vén cho cá nhân hoặc đơn vị, địa phương mình, v.v. Tất cả những thói xấu đó đều là những khía cạnh, những màu sắc của chủ nghĩa cá nhân. Cho nên muốn đoàn kết tốt phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tẩy rửa mọi màu sắc của chủ nghĩa cá nhân.

Việc cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng cũng như chủ trương của đảng ủy mặt trận trong mỗi quan hệ quân dân là do đơn vị cơ sở thực hiện. Cho nên, việc xây dựng đơn vị cơ sở mạnh về đoàn kết quân dân là một yêu cầu tất yếu trong lãnh đạo. Đảng ủy Mặt trận đã coi trọng việc xây dựng và củng cố đơn vị cơ sở mạnh về đoàn kết quân dân. Đồng thời đảng ủy Mặt trận còn trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn cho bộ đội làm tốt công tác dân vận. Nhờ sự giáo dục của đảng ủy Mặt trận, các cán bộ, chiến sĩ đã có ý thức trách nhiệm rõ ràng đối với công tác dân vận, đã quan tâm giúp đỡ nhân dân một cách cụ thể, thiết thực, gán bó ruột thịt với nhân dân bằng tình cảm cách mạng. Nhiều tấm gương trong sáng trong công tác dân vận của bộ đội đã để lại những ấn tượng tốt đẹp, những kỷ niệm sâu sắc cho đông bào các dân tộc Tây-nguyên. Thành tích các mặt đạt được trong công tác dân vận đã góp phần quan trọng thúc đẩy mọi sự tiến bộ ở các địa phương. Ở đâu có bộ đội Cụ Hồ, ở đó nhân dân đoàn kết, mọi âm mưu chia rẽ đồng bào các dân tộc đều bị dập tan, các tập quán lạc hậu trong nhân dân dần dần được khắc phục, đường lối nhiệm vụ cách mạng cũng như chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng được thực hiện.

(Xem tiếp trang 60)

THỰC HIỆN TỐT QUY CHẾ VỀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

PHAN-TRUNG-LÝ

NHÂM củng cố và tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, trên cơ sở Hiến pháp mới và Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa VII đã thông qua Quy chế về đại biểu Quốc hội.

Bản Quy chế bao gồm những quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của đại biểu Quốc hội, những bảo đảm của Nhà nước đối với hoạt động của đại biểu Quốc hội. Những quy định này nhằm giúp đại biểu Quốc hội làm tròn nhiệm vụ của mình, nhiệm vụ đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân ở cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

Đây là bản Quy chế đầu tiên về đại biểu Quốc hội. Nó được xây dựng trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội mấy chục năm qua. Nó không những cần thiết đối với bản thân đại biểu Quốc hội mà còn góp phần không nhỏ vào việc nâng cao nhận thức của xã hội, của nhân dân về vai trò và trách nhiệm của người đại biểu nhân dân. Những quy định này xuất phát từ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta, từ quy định

của Hiến pháp: « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân » (Điều 6), nhân dân sử dụng quyền lực đó thông qua các cơ quan Nhà nước do mình bầu ra mà trực tiếp là các đại biểu dân cử.

Nhấn mạnh những nguyên tắc được xác định trong Hiến pháp, Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước về đại biểu Quốc hội, Quy chế quý định thêm những điểm cụ thể hơn về vai trò của đại biểu Quốc hội. Quy chế nêu rõ: « Đại biểu Quốc hội là người thay mặt nhân dân trong Quốc hội, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam » (Điều 1).

Được nhân dân lựa chọn và bầu ra theo thể thức quy định của pháp luật, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm rất nặng nề trước nhân dân, thay mặt nhân dân tham gia thảo luận và biểu quyết luật, tham gia quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại của Nhà nước, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân;

tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

Là người đại biểu của nhân dân do nhân dân bầu ra, đại biểu Quốc hội phải chịu trách nhiệm trước cử tri đồng thời chịu trách nhiệm trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình. Đây là điểm khác nhau cơ bản giữa đại biểu Quốc hội ta với các nghị sĩ tư sản. Ở các nước tư bản, sau khi trúng cử, các nghị sĩ tư sản quên ngay những lời hứa suông của họ khi ra tranh cử. Họ không chịu trách nhiệm trước những người đã bỏ phiếu cho họ. Quy chế về đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam quy định: "Đại biểu Quốc hội nào tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, có thể bị cử tri của đơn vị bầu cử ra mình bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ" (Điều 6).

Đại biểu Quốc hội hoạt động theo nguyên tắc chỉ đạo là: xuất phát từ lợi ích chung của cả nước, đồng thời quan tâm thích đáng đến lợi ích của địa phương đã bầu ra mình và của đơn vị mình công tác. Nguyên tắc này giúp đại biểu Quốc hội có cách nhìn và cách làm đúng đắn, nó buộc đại biểu Quốc hội phải quán triệt nhiệm vụ đại biểu cao quý của mình, gán trách nhiệm trước toàn quốc với trách nhiệm trước địa phương bầu mình. Nguyên tắc này giúp đại biểu Quốc hội gắn hoạt động của mình vào từng địa bàn cụ thể. Theo nguyên tắc này, các đại biểu Quốc hội phải phân biệt được thế nào là lợi ích của cả nước và thế nào là lợi ích của địa phương để có cách giải quyết và can thiệp giải quyết đúng nơi, đúng chỗ. Nguyên tắc này giúp đại biểu Quốc hội làm theo lời dạy của Hồ Chủ tịch khi Người nói về cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước ta ngày 6-1-1946: "Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: vì lợi nước, quên lợi nhà, vì lợi chung, quên lợi riêng" (1).

Nhằm tăng cường hoạt động của đại biểu Quốc hội, Quy chế quy định những hình thức hoạt động trong kỳ họp và giữa hai kỳ họp.

Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của các đại biểu Quốc hội là tham gia các kỳ họp Quốc hội, góp phần tích cực của mình để các kỳ họp thành công tốt đẹp. Trong các kỳ họp Quốc hội, đại biểu Quốc hội thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng về quốc kế, dân sinh, sử dụng một cách tập trung nhất quyền lập pháp và giám sát của Quốc hội đối với các cơ quan Nhà nước.

Để phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị nơi mình được bầu và nơi mình công tác, đại biểu Quốc hội sử dụng nhiều hình thức hoạt động như: phát biểu ý kiến ở các buổi sinh hoạt đoàn, tổ và các phiên họp chung của Quốc hội, tham luận, chất vấn và nêu khiếu nại. Sử dụng tốt quyền chất vấn của mình, đại biểu Quốc hội góp phần không nhỏ vào việc bênh vực lợi ích của nhân dân, của Nhà nước, để Hội đồng bộ trưởng và các thành viên của Hội đồng bộ trưởng đề cao hơn nữa trách nhiệm của mình trước Quốc hội, giúp Quốc hội thực hiện tốt quyền giám sát tối cao.

Để việc chất vấn của đại biểu Quốc hội có tác dụng tốt, mỗi đại biểu Quốc hội cần hiểu đúng quyền chất vấn của mình, sử dụng tốt quyền này. Hội đồng bộ trưởng và các cơ quan Nhà nước nghiên cứu kỹ, trả lời đầy đủ và kịp thời chất vấn của các đại biểu Quốc hội theo đúng những quy định của pháp luật.

Nhấn mạnh quyền giám sát của đại biểu Quốc hội đối với việc thi hành pháp luật của các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể xã hội, Quy chế định rõ "khi phát hiện có hành vi vi phạm

(1) Báo Cứu quốc, số 134, ra ngày 5-1-1946.

pháp luật, gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, của tập thể hoặc của công dân, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước hữu quan và những người có trách nhiệm thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt những việc làm trái pháp luật đó. Nhận được các ý kiến của đại biểu Quốc hội, cơ quan Nhà nước hữu quan có trách nhiệm tìm biện pháp kịp thời thực hiện các yêu cầu đó và thông báo cho đại biểu Quốc hội biết kết quả giải quyết.

Một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá hoạt động của đại biểu Quốc hội là sự liên hệ giữa đại biểu Quốc hội và cử tri. Muốn xem đại biểu Quốc hội có thật sự đại diện cho nhân dân, nói lên được tâm tư nguyện vọng của nhân dân ở cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất hay không thì trước hết hãy xem người đại biểu Quốc hội đó giữ mối liên hệ thế nào với nhân dân. Trên tinh thần đó, Quy chế nêu rõ: « Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Quốc hội, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri » (Điều 4). Đại biểu Quốc hội tiếp xúc với cử tri là nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để kịp thời phản ánh trong các kỳ họp Quốc hội, báo cáo với cử tri kết quả các kỳ họp Quốc hội, những nghị quyết vừa được Quốc hội thông qua, phổ biến pháp luật cho nhân dân. Mặt khác, tại các buổi tiếp xúc này, đại biểu Quốc hội báo cáo với cử tri hoạt động của mình và hoạt động của Quốc hội. Trên cơ sở đó cử tri có thể giám sát và nhận xét về hoạt động của đại biểu Quốc hội. Cũng nhằm mục đích đó, từng thời kỳ, hoặc khi cử tri yêu cầu, các đại biểu Quốc hội phải báo cáo công tác của mình với cử tri và nhất là với tổ chức đã thay mặt nhân dân giới thiệu mình ra ứng

cử: cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt-nam.

Trên cơ sở tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, đề thắt chặt mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội và cử tri, Quy chế định rõ nhiệm vụ tiếp dân của đại biểu Quốc hội. Theo Quy chế, mỗi đoàn đại biểu phải thành lập một phòng tiếp dân và phân công các đại biểu định kỳ tiếp dân, tìm hiểu nguyện vọng và nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân, giải đáp những câu hỏi hoặc thắc mắc của dân đối với pháp luật, chính sách của Nhà nước. Trong thực tế, nhiều đoàn đại biểu Quốc hội đã bước đầu đưa công tác tiếp dân vào nền nếp, đã phân nào giúp giải quyết những yêu cầu chính đáng của nhân dân. Cuộc sống đang đòi hỏi công tác tiếp dân được tổ chức một cách thiết thực, bằng nhiều hình thức phong phú. Tùy tình hình cụ thể, đại biểu Quốc hội có thể tiếp dân tại phòng tiếp dân ở trụ sở của đoàn, tiếp dân tại nhà ở hoặc tại « phòng tiếp dân lưu động ». Dù tiếp dân ở đâu cũng phải tổ chức một cách thiết thực, tránh hình thức và nhất thiết không được làm lu mờ hoạt động tiếp dân của các đại biểu Quốc hội.

Để việc tiếp dân thu được kết quả tốt, bên cạnh việc tổ chức các buổi tiếp dân, các đoàn đại biểu Quốc hội và bản thân các đại biểu Quốc hội cần chủ động gặp các cơ quan hữu quan để theo dõi tình hình, giải quyết các khiếu tố. Nếu thấy việc giải quyết đó không thỏa đáng hoặc chậm trễ, các đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu thủ trưởng cơ quan hữu quan cấp trên của các cơ quan đó xem xét và giải quyết đúng thời hạn luật định. Thực tế ở một số địa phương cho thấy rằng: các đơn từ khiếu tố của nhân dân được giải quyết tương đối kịp thời, nếu sau các buổi tiếp dân, các đoàn đại biểu Quốc hội trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân địa phương và các ngành hữu quan về từng vụ, việc

cụ thể. Làm việc này, đại biểu Quốc hội vừa trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của mình vừa giúp các địa phương và các cơ quan thi hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân đã được ban hành.

Tiếp dân và tiếp xúc với cử tri là hình thức hoạt động không thể thiếu của đại biểu Quốc hội. Hình thức đó quyết định hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội và nó là khâu quan trọng nối liền cơ quan Nhà nước với quần chúng nhân dân. Tiếp dân và tiếp xúc với cử tri còn giúp đại biểu Quốc hội nắm vững tình hình thi hành các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nó góp phần không nhỏ làm cho Quốc hội thật sự trở thành cơ quan vừa lập pháp vừa hành động.

Một phần quan trọng trong Quy chế là những quy định về sự bảo đảm của Nhà nước đối với các hoạt động của đại biểu Quốc hội. Những quy định này nhằm giúp đại biểu Quốc hội khi hoạt động tránh được mọi sự cản trở từ bên ngoài. Đại biểu Quốc hội không bị bắt, bị giam nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc của Hội đồng Nhà nước trong thời gian Quốc hội không họp; không bị cách chức, buộc thôi việc, hạ tước công tác hoặc bị áp dụng các hình thức kỷ luật hành chính khác nếu không có sự đồng ý của Hội đồng Nhà nước; những người cản trở đại biểu Quốc hội làm nhiệm vụ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Đề đại biểu Quốc hội hoàn thành nhiệm vụ của mình, một điều quan trọng là các cơ quan, đoàn thể và mỗi công dân cần hiểu và thi hành những quy định của Quy chế, tạo điều kiện thuận lợi đề đại biểu Quốc hội hoạt động, và giám sát sự hoạt động của đại biểu Quốc hội.

Toàn bộ bản Quy chế thể hiện rõ tinh thần tôn trọng của Nhà nước, của xã hội đối với người đại biểu nhân dân. Thực hiện tốt những quy định của Hiến pháp, pháp luật nói chung và của Quy chế về đại biểu Quốc hội nói riêng, chúng ta sẽ góp phần không nhỏ vào việc giải quyết một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam đã chỉ rõ: « Phải phấn đấu làm cho Quốc hội, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, thực sự phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng pháp luật, quyết định những vấn đề lớn của Nhà nước và giám sát hoạt động của các cơ quan chính quyền cấp trung ương ». Muốn vậy, các đại biểu Quốc hội, « cần phát huy đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định, cần giữ mối liên hệ chặt chẽ và đều đặn với cử tri, phản ánh kịp thời những ý kiến và nguyện vọng của nhân dân cho các cơ quan Nhà nước, làm cho những ý kiến xác đáng của nhân dân nhanh chóng được tiếp thụ và thực hiện » (2).

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng, tại Đại hội V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 62.

PHÚ-LỢI-THƯỢNG CHĂM LO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, CUỘC SỐNG MỚI

TRÚC - GIANG

PHÚ-LỢI-THƯỢNG là một ấp nhỏ của xã An-dịnh, huyện Mô-cây, tỉnh Bến-tre, với diện tích chưa đầy 10 ki lô mét vuông và 225 nóc nhà. Từ tháng 6-1979, ấp này đã thành lập tập đoàn sản xuất và hiện nay nó đang là lá cờ đầu của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh.

Đồng ruộng Phú-lợi-thượng vốn là vùng sinh lầy quanh năm chưa mặn; bình quân một đầu người chỉ có 550 mét vuông, hằng năm chỉ cấy được mỗi một vụ hè thu, năng suất lúa thấp.

Bước đầu đi vào con đường làm ăn tập thể, Phú-lợi-thượng, cũng như các nơi khác, không tránh khỏi gặp nhiều khó khăn trở ngại; đặc biệt vụ lúa đông xuân 1979 - 1980 bị mất trắng vì ngập mặn càng làm cho đời sống vật chất và tinh thần tư tưởng của bà con nông dân trở nên gay go, phức tạp. Nhưng được sự lãnh đạo, động viên, giúp đỡ về nhiều mặt của đảng bộ và chính quyền xã và của chi bộ ấp, tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng đã từng bước đi lên vững chắc. Đến nay, đời sống kinh tế được ổn định và đang trên đà phát triển.

Năng suất lúa từ 2,2 tấn/ha (năm 1979) đã lên tới 10 tấn (năm 1981), sản lượng lương thực tăng gấp hơn 5 lần; một lao động trồng trọt bình quân làm ra trong năm 1981 được 1580 kg lương thực, và trên mỗi héc ta canh tác nhân dân làm nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước 1,2 tấn thóc; thu nhập bình quân của một nhân khẩu nông nghiệp từ 96 kg thóc năm 1979 tăng lên 281 kg năm 1981.

Tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng chẳng những sử dụng tốt lao động và đất đai, tập trung sức thâm canh tăng nhanh năng suất, sản lượng lương thực mà còn tìm hướng đi đúng đắn với việc thực hiện chuyên canh và kinh doanh tổng hợp nhằm phát triển chăn nuôi, chế biến, mở rộng các ngành, nghề ở ấp, tạo mọi nguồn vốn để đẩy mạnh sản xuất. Giá trị sản lượng của các ngành, nghề (chế biến đường, xay xát gạo, làm nước mắm,...) bằng 65% giá trị sản lượng trồng trọt. Tài sản cố định của tập đoàn lúc đầu trị giá chỉ 800 đồng, đến tháng 4-1982 đã lên tới 401936 đồng (theo nguyên giá).

Một vài con số trên đây chứng tỏ tình hình sản xuất và đời sống kinh

tế của tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng có bước phát triển đáng phấn khởi. Một nét nổi bật nữa của Phú-lợi-thượng là những biến đổi tốt đẹp về mặt tư tưởng, văn hóa, xã hội của nhân dân ấp này.

Phú-lợi-thượng ngày nay là một bức tranh sinh động về một vùng nông thôn làm ăn tập thể chẳng những giỏi về sản xuất mà còn đẹp về văn hóa, tinh thần. "Hết sức chăm lo xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn" — chỉ thị đó của Đại hội thứ V của Đảng, đang được cán bộ, đảng viên Phú-lợi-thượng nhận thức đúng đắn và ra sức thực hiện.



Ấp Phú-lợi-thượng đã trải qua những năm dài dưới ách thống trị của bọn phong kiến, thực dân. Sau ngày giải phóng, trong ấp còn đọng lại khá nhiều hủ tục và những tàn dư tư tưởng, văn hóa lạc hậu và phân động, sản phẩm của xã hội cũ. 60% nhân dân trong ấp bị mù chữ. Cán bộ, đảng viên chưa ai học xong cấp 1 phổ thông. Cả ấp không có một cơ sở y tế. Phân động các gia đình ăn ở không hợp vệ sinh. Nhân dân lao động bị ảnh hưởng nặng nề bởi các thứ thần quyền nhảm nhí. Các tục lệ coi ngày, xem tuổi, cúng bái, đồ đồng cốt... còn phổ biến. Thanh niên ăn mặc, chơi bời lố lăng; một số chuyên trộm cắp, cướp giật. Nạn cờ bạc nhan nhản. Tệ nạn nhét say sưa ngày đêm thường dẫn đến các vụ gây gổ, xô xát làm náo động cả xóm ấp. Các tệ nạn xã hội đó chẳng những làm mất trật tự an ninh chung mà còn gây nhiều trở ngại trong quá trình xây dựng quan hệ sản xuất mới và tổ chức lại sản xuất ở Phú-lợi-thượng.

Trước tình hình xã hội như vậy, chi bộ ấp Phú-lợi-thượng ngay từ khi bắt đầu xây dựng tập đoàn sản xuất, đã nhận thức được rằng: công

tác giáo dục tư tưởng trong nội bộ cũng như vận động quần chúng nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, cần phải gắn liền với việc làm tốt công tác văn hóa, xã hội nhằm giúp cho mỗi gia đình, mỗi người dân sớm dứt bỏ mọi sự ràng buộc về tinh thần của chế độ cũ.

Công tác tư tưởng của chi bộ ấp Phú-lợi-thượng luôn luôn theo sát mỗi bước đi lên của tập đoàn sản xuất. Trong quá trình Phú-lợi-thượng xây dựng tập đoàn sản xuất, các chủ trương, chính sách hợp tác hóa nông nghiệp đã được phổ biến kỹ lưỡng gắn với việc đi sâu tìm hiểu và kiên trì tháo gỡ các vướng mắc của từng đối tượng, từng gia đình. Đồng thời việc đấu tranh, phê phán các biểu hiện sai trái trong nội bộ được tiến hành kiên quyết song cũng rất mềm dẻo, có lý có tình, thuyết phục được mọi người. Vì vậy, ngay từ đầu tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng đã thu hút được 85% nông dân, trong đó có nhiều hộ trung nông, tự nguyện gia nhập. Trước những thử thách lớn, như gặp vụ mất trắng, chi bộ và ban quản lý đã giữ được niềm tin của mọi người bằng việc nhận đúng khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, và tìm ra phương hướng, biện pháp có hiệu quả khắc phục khó khăn. Trong ba năm, tập đoàn sản xuất chỉ với 272 lao động đã huy động được 10732 ngày công để tổ chức lại toàn bộ đồng ruộng và xây dựng các cơ sở vật chất khác; đặc biệt có tới 6.656 ngày công tự giác không tính đền ăn chia. Kết quả xây dựng và phát triển một số ngành nghề cũng được tạo ra chính bằng nguồn vốn của bà con trong tập đoàn đóng góp.

Khi sản lượng lúa của tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng từ 39,8 tấn năm 1979 vọt lên 216,5 tấn năm 1981, nhiều gia đình nông dân đủ lúa ăn lại tình chuyện « chân trong chân ngoài ». Chi

bộ và ban quản lý đã theo sát, đánh giá đúng diễn biến tư tưởng của từng loại hộ để kịp thời uốn nắn, giải quyết. Đồng thời kế hoạch phát triển ngành, nghề, kinh doanh tổng hợp với việc sắp xếp, phân công lao động, hợp lý được vạch ra và thực hiện, đã tạo thêm sản phẩm và tăng thu nhập cho tập đoàn viên.

Điều đáng chú ý là công tác tư tưởng của chi bộ ấp Phú-lợi-thượng trong thời gian qua thường xuyên gắn chặt với việc chỉ đạo thực hiện mục tiêu đã được xác định trong phương án kinh tế—đời sống của tập đoàn sản xuất là phải từng bước giải quyết những nhu cầu tối thiểu về ăn, ở, học hành, bảo vệ sức khỏe, vui chơi giải trí của nhân dân. Mục tiêu ấy quả thật không đơn giản đối với một tập đoàn sản xuất mới được thành lập chưa lâu. Song tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng đã có nhiều cố gắng lớn, đạt được một số thành tựu tốt đẹp bước đầu về văn hóa, xã hội trong hai năm qua.

Ngay sau ngày thành lập tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng, một ban văn hóa—đời sống của tập đoàn do một tập toàn phó làm trưởng ban đã được tổ chức, có nhiệm vụ động viên, hướng dẫn bà con nông dân hưởng ứng tích cực việc tổ chức lại sản xuất bằng các biện pháp khoa học kỹ thuật, đồng thời vận động mọi người tham gia xây dựng đời sống văn hóa mới, lành mạnh. 14 nhóm văn hóa—đời sống cũng hoạt động đều khắp các xóm trong ấp.

Trước hết, Phú-lợi-thượng rất coi trọng vấn đề nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Việc xóa nạn mù chữ trong ấp đã hoàn thành sớm. 99% số cháu trong diện tuổi đi học đều đến trường lớp. Một nhà mẫu giáo tiếp nhận dạy dỗ 42 cháu trong số hơn 50 cháu của toàn ấp. Công tác bồi túc văn hóa càng được đặc biệt quan tâm nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên có

điều kiện trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp, nâng cao chất lượng công tác kế hoạch và quản lý sản xuất. Học tập văn hóa được đặt thành trách nhiệm không thể thiếu được của tất cả cán bộ, đảng viên. Các khoản chi phí học tập đều trích từ quỹ phúc lợi chung của tập đoàn sản xuất. Giáo viên được hưởng thù lao cho mỗi buổi dạy. Học viên cuối năm học lên một lớp được thưởng 20 kg thóc. Một lớp đặc biệt mỗi tuần hai buổi dành cho những cán bộ cốt cán thường bận rộn nhiều việc chung. Năm học 1980—1981 100% cán bộ, đảng viên ở Phú-lợi-thượng theo học bổ túc văn hóa. Cán bộ ban quản lý tập đoàn sản xuất trước đây chưa học xong lớp 2, nay đang bước vào lớp 5 hệ 12 năm. Vừa học văn hóa vừa theo dõi học tập qua đài phát thanh và sách báo, cán bộ ngày càng tỏ ra thành thạo trong việc ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất. Gần đây, một phòng đọc sách được xây cất xong tạo thêm điều kiện nâng cao trình độ kiến thức mọi mặt cho tập đoàn viên và thanh niên trong ấp.

Tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng cũng quan tâm chăm lo vấn đề bảo vệ sức khỏe cho bà con nông dân. Trước đây, bà con trong ấp cần khám bệnh thường phải đi xa hoặc tìm thầy thuốc tư chữa trị rất tốn kém, ảnh hưởng không ít đến đời sống và sản xuất. Từ tháng 5-1982, một tổ y tế ba người với một trạm điều trị 4 giường đã được thành lập và hoạt động khá tốt. Vốn xây dựng và mua sắm dụng cụ y tế đều do tập đoàn viên đóng góp: lúc đầu mới có 4000 đồng, nay số vốn này đã tăng gấp hơn 10 lần. Việc chữa trị bằng tây y kết hợp đông y có hiệu quả; nhiều trường hợp bệnh nặng và hiểm nghèo đã được cứu khỏi. Tập đoàn viên đến khám bệnh được giảm 25% tiền thuốc so với người ngoài tập đoàn; người túng thiếu được xét miễn phí. Nông dân

trong ấp được tiêm phòng dịch đủ ba đợt mỗi năm. Đặc biệt, sức khỏe của chị em phụ nữ được giữ gìn, bảo vệ chu đáo trong thời kỳ hành kinh hoặc thai nghén. Toàn ấp đã thực hiện việc ăn thức ăn chín, uống nước đã đun sôi; 80% số hộ đã có nhà tắm, hố tiêu. Việc chăn nuôi có chuồng trại vừa bảo đảm vệ sinh vừa cung cấp hàng năm mấy chục tấn phân cho đồng ruộng, đã góp phần tăng năng suất cây trồng.

Trình độ văn hóa được nâng lên, sức khỏe được bảo vệ, càng tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động văn nghệ, thể thao. Nhiều tiết mục tự biên, tự diễn của bà con nông dân Phú-lợi-thượng với sự tham gia nhiệt tình của các cụ phụ lão đã góp phần làm cho đời sống trong ấp thêm vui tươi, hào hứng.

Bước đầu đưa văn hóa mới vào cuộc sống hàng ngày của nhân dân, Phú-lợi-thượng không buông lỏng cuộc đấu tranh chống các tàn dư văn hóa thực dân mới cùng các hủ tục trong ấp.

Không thể dễ tồn tại mãi tình trạng mất trật tự an ninh ở một ấp nhỏ như Phú-lợi-thượng với trung bình mỗi tháng có tới 10 vụ phá phách, trộm cắp, cướp giật. Tất cả số thanh niên hư hỏng đã được chính quyền, đoàn thể tập hợp lại để giáo dục. Tập đoàn sản xuất tạo công ăn việc làm cho họ, biến họ dần dần trở thành người lao động; và có người đã trở thành chiến sĩ đang làm tốt nghĩa vụ quốc tế. Đến nay, nạn mất cắp trong ấp hầu như đã chấm dứt. Tài sản, thóc, gạo, máy móc của tập đoàn sản xuất không còn bị mất mát.

Nhau nhet say sưa, một tệ nạn tưởng như không giải quyết nổi cũng đã bị đẩy lùi một bước cơ bản. Toàn ấp trước đây có đến 13 lò rượu, mỗi năm tiêu phí chừng 16.800 lít gạo hoặc nếp; số người nghiện rượu mỗi tháng uống tới 3900 lít. Từ rượu sinh ra nhiều

thói hư tật xấu, làm rối loạn trật tự an ninh. Kiên quyết ngăn chặn tệ rượu chè be bét, cán bộ, đảng viên đã nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương của chi bộ và tập đoàn sản xuất: gương mẫu dẹp lò rượu; và từ cuối năm 1981, cả tập đoàn sản xuất không còn một ai nấu rượu. Đối với những người nghiện rượu nặng, cán bộ đi sâu tìm hiểu, giải quyết vướng mắc, ổn định tư tưởng, kiên trì thuyết phục họ bỏ rượu, đồng thời dựa theo khả năng của họ mà phân công lao động thích hợp. Tình thương và trách nhiệm của tập thể đã giúp họ có những chuyển biến rõ rệt; một số người trở thành lao động giỏi hoặc tổ trưởng sản xuất của tập đoàn.

Không khi lao động tập thể trở nên sôi nổi, lợi ích của người lao động ngày càng được chăm sóc tốt. Do đó, không còn tình trạng nhân dân trong ấp say mê cờ bạc, bỏ việc làm ăn. Một đợt bãi trừ mê tin dị đoan được phát động đã có tác dụng chặn đứng nạn bói toán, bùa phép lộng hành. Các vụ lên lút tổ chức cúng bái, cầu hồn... bị nhân dân kịp thời phát hiện và dẹp bỏ. Điều quan trọng là nông dân Phú-lợi-thượng, trước những kết quả tốt đẹp về kinh tế - đời sống, ngày càng gắn bó với tổ chức làm ăn tập thể của mình, không còn mù quáng tin theo số mệnh, thần quyền như trước.

Cuộc sống đời mới, lành mạnh làm cho quan hệ giữa các gia đình ở ấp Phú-lợi-thượng gần gũi, đoàn kết, không còn xảy ra những đụng chạm, hiềm khích như xưa. Trong nội bộ tập đoàn sản xuất, đã thực hiện việc sẻ cơm nhường áo, giúp đỡ lẫn nhau. Hơn 1.5 tấn thóc được cấp cho các gia đình túng thiếu mượn dùng; các gia đình có người sinh đẻ, ốm đau, qua đời cũng được giúp đỡ. Sự quan tâm chăm sóc, đùm bọc đầy tình nghĩa của tập đoàn sản xuất đã thu hút 100% số hộ trong ấp tự nguyện tham gia làm

ăn tập thể, hăng hái làm tròn mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Thực tế cuộc sống tinh thần của Phú-lợi-thượng ngày nay cho thấy bước đổi thay rõ rệt trong tư tưởng, tình cảm, phong cách lao động, nếp sống và quan hệ đối xử của các tầng lớp nhân dân trong ấp. Ai ai cũng biết tôn trọng lẽ phải, chuộng nhân nghĩa, sống chân thành, đoàn kết yêu thương nhau. Rõ ràng Phú-lợi-thượng đã bước đầu tạo ra một nông thôn mới, đẹp về lối sống, về quan hệ giữa người và người. Người dân Phú-lợi-thượng từng bước thực hiện làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, sống lành mạnh, thoải mái trong bầu không khí bình đẳng và hòa hợp, cùng nhau chung sức lao động sản xuất để từng bước cải thiện đời sống và đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ngày càng tốt hơn.



Mỗi bước đi lên thắng lợi của tập đoàn sản xuất Phú-lợi-thượng không tách rời sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của đảng ủy xã và chi bộ Đảng ở ấp. Hoạt động tích cực của chi đoàn thanh niên, chi hội phụ nữ đã góp phần quan trọng thúc đẩy những bước phát triển của tập đoàn sản xuất.

Thực tế của Phú-lợi-thượng cũng cho thấy không thể có được một tập đoàn sản xuất mạnh với cuộc sống phát triển khả toàn diện nếu không xây dựng được một đội ngũ cán bộ cơ sở có phẩm chất chính trị tốt, trình độ hiểu biết và năng lực công tác khá. Quả thật, cán bộ thế nào, thì phong trào thế ấy. Điều rất dễ thấy ở đội ngũ cán bộ, cốt cán của Phú-lợi-thượng là sự chăm lo hết lòng đến đời sống của nhân dân lao động; họ coi việc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa nhằm nâng cao đời sống của quần chúng là mục tiêu phấn đấu, là trách nhiệm của mình. Trước những khó khăn thử thách, cán bộ, đảng viên kiên nhẫn, bền bỉ chịu đựng và chịu khó suy nghĩ, học hỏi, tìm tòi phương hướng, biện pháp đề tiên lên. Nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, biết cách tổ chức làm ăn, luôn luôn gương mẫu trong lao động, trong sạch, liêm khiết trong cuộc sống, cán bộ ngày càng được nhân dân trong ấp tin yêu, và đã đoàn kết, động viên họ hăng hái đi theo con đường làm ăn tập thể.

Với một đội ngũ cán bộ cốt cán như vậy, Phú-lợi-thượng nhất định còn tiến xa hơn nữa trên con đường làm ăn tập thể và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

BỌN ĐẾ QUỐC VÀ PHẢN ĐỘNG KHÔNG THỂ ĐẢO NGƯỢC ĐƯỢC TÌNH THẾ

PHẠM - XUYỀN

NHỮNG năm qua và hiện nay, chính sách của đế quốc Mỹ chạy đua vũ trang, gây tình hình càng thẳng kết hợp với thủ đoạn kích động "dại loạn" trên thế giới của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng - bá quyền Trung-quốc đã làm cho tình hình thế giới xấu đi. Hòa bình thế giới bị đe dọa nghiêm trọng. Trong quá trình tiến lên, các nước xã hội chủ nghĩa cũng gặp một số khó khăn nhất định.

Lợi dụng tình hình trên, bộ máy tuyên truyền của bọn đế quốc và phản động quốc tế đã ra sức làm cho mọi người tưởng như chủ nghĩa xã hội đang đi xuống, cách mạng thế giới đang đi xuống (!). Trong hoàn cảnh đó, việc xuất bản tập sách *"Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta"* của đồng chí Lê-Duân là rất có ý nghĩa. Tập sách quý này đã cung cấp cho chúng ta những nhận thức cơ bản và đúng đắn về sự phát triển của tình hình thế giới trong những thập kỷ vừa qua và hiện nay. Đúng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng sắc bén phép biện chứng duy vật, đồng chí Lê-Duân đã xem xét một cách toàn diện tình hình mới và chỉ ra rằng: "Mặt chủ yếu của tình hình thế giới hiện nay là ba dòng thác cách mạng của thời đại liên kết chặt chẽ với nhau, đã và đang phát huy thế tiến công mạnh mẽ hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đây" (*).

(tr. 203). Và "Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc không thể đảo ngược được chiều hướng phát triển của cách mạng và hòa bình" (tr. 192).



Ngay từ đầu, tập sách đã đặt ra một vấn đề rất quan trọng và căn bản. Năm 1950, khi ở nhiều nơi trên thế giới, bọn đế quốc tìm cách quay trở lại các thuộc địa cũ, khi "chiến tranh lạnh" đang đè nặng bầu không khí quốc tế thì, từ chiến trường Nam-bộ bị chia cắt và bao vây, đồng chí Lê-Duân đã kiến nghị với Đảng ta một số ý kiến quan trọng khi Đảng chuẩn bị Đại hội thứ II. Đồng chí cho rằng: sau chiến tranh thế giới thứ hai, có người nhận định rằng tình hình thế giới có thể sẽ lặp lại "quy luật" của tình hình sau chiến tranh thế giới thứ nhất: chủ nghĩa tư bản đi vào thế củng cố, ổn định để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh thế giới mới; cách mạng cũng tạm lắng xuống, đi vào củng cố, phòng ngự, chờ đợi thời cơ! Nhưng sự thật là "trên thế giới nhất định không có một trạng thái hòa hoãn như trước" (tr. 8), "cách mạng vô sản tất nhiên phải giành lấy chủ

(*) Các câu trong ngoặc kép, có ghi số trang bên cạnh, đều trích từ tác phẩm của đồng chí Lê-Duân: *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981.

động, phải nắm lấy ưu thế của mình mà tiến công thế giới tư bản » (như trên). Quan điểm về sự tiến công này được xác định ngay « là một chính sách hòa bình tiến công bọn gây chiến » (tr. 9). Đồng chí cho rằng sự cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống xã hội đối lập không mang một nội dung hòa hoãn (tức thỏa hiệp để chờ đợi) mà « có nội dung chống lại mưu mô gây chiến của đế quốc Mỹ. Anh » (tr. 9). Trong thập kỷ 60 - 70 vừa qua, điều đó được thể hiện rất rõ trong mối quan hệ biện chứng giữa việc đẩy mạnh đấu tranh cách mạng đi đôi với việc bảo vệ hòa bình thế giới.

Cũng từ quan điểm trên, đồng chí Lê-Duẩn chỉ ra rằng cuộc kháng chiến chống Pháp của cách mạng Việt-nam không chỉ là kết quả của cuộc chiến tranh chống phát xít mà còn là « bước khởi điểm của cao trào cách mạng thế giới đang phát triển, đó chính là một bộ phận của phong trào cách mạng vô sản đang tiến công liên tục vào chủ nghĩa tư bản để tiêu diệt nó » (tr. 9).

Thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai đã được thực tiễn của gần 40 năm qua xác nhận là đúng. Loài người đã tiến những bước dài trên chặng đường quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.



Đánh giá tổng quát tình hình thế giới, đồng chí Lê-Duẩn viết: « Việc chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới và ngày càng mở rộng trên hành tinh chúng ta; sự vùng dậy mãnh liệt của phong trào giải phóng dân tộc đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc và sự ra đời của hàng loạt quốc gia dân tộc độc lập; sự phát triển mạnh mẽ phong trào của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa với nhiều hình thức phong phú đấu tranh

vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội; việc chủ nghĩa đế quốc ngày càng suy yếu và lún sâu vào tổng khủng hoảng không lối thoát; sự thay đổi căn bản tình hình so sánh lực lượng theo hướng không ngừng củng cố và tăng cường vị trí và thế chiến lược tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới - trên đây là bức tranh toàn cảnh phản ánh những kết quả chủ yếu của quá trình phát triển thế giới từ sau Cách mạng tháng Mười » (tr. 126). Những nhận định trên cho đến nay vẫn hoàn toàn đúng.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày nay đã bao gồm nhiều nước ở nhiều đại lục. Vạch rõ tình hình hần của chủ nghĩa xã hội trong tiến trình đi lên của loài người, đồng chí Lê-Duẩn viết: « Nền văn minh cộng sản đang hình thành ngày càng rõ nét trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và không ngừng tỏa sáng trên toàn bộ hành tinh chúng ta. Ở đây, không còn chế độ người bóc lột người, không còn tình trạng phân biệt chủng tộc, và áp bức dân tộc, không còn khủng hoảng kinh tế, không còn nạn thất nghiệp, nạn đói rét, nạn thất học, v.v... Kiểu quan hệ xã hội hoàn toàn mới giữa người với người dân chủ, bình đẳng, hợp tác, tương trợ trên tinh đồng chí, tình bạn và tình anh em. Xã hội, cứ mỗi bước tiến lên lại tạo thêm những điều kiện ngày càng thuận lợi và đầy đủ cho sự phát triển tự do và toàn diện của nhân cách, cho việc nâng cao không ngừng hạnh phúc, phẩm giá và quyền làm chủ của con người » (tr. 140 - 141). Phát huy bản chất tốt đẹp của chế độ mới, áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra sôi nổi từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã trở nên hùng mạnh hơn bao giờ hết, đóng vai trò là nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử trong thời đại mới. Sức mạnh của nó không chỉ biểu hiện ở

cuộc sống tươi đẹp và ổn định của nhân dân mà còn biểu hiện ở chỗ làm thất bại nhiều âm mưu và hành động gây chiến tranh của bọn đế quốc và phản động quốc tế, duy trì được hòa bình trên thế giới, làm cho hòa dịu trở thành một xu hướng không thể đảo ngược. Sức mạnh đó còn biểu hiện ở sự ủng hộ và giúp đỡ ngày càng có hiệu quả đối với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Dưới tác động to lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, mà Liên-xô là trụ cột, một tình hình mới đã diễn ra là «sự bùng nổ của các cuộc cách mạng không còn dính liền với sự bùng nổ của những cuộc chiến tranh thế giới» (tr. 72).

Những sự bùng nổ cách mạng mãnh liệt nhất trong thời gian từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra tại hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Cao trào giải phóng dân tộc đã trở thành sự kiện lịch sử, quan trọng nổi bật thứ hai sau sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Nó thu hẹp thêm địa bàn và thị trường của chủ nghĩa tư bản, đẩy chủ nghĩa tư bản lún sâu vào các mâu thuẫn vốn có, vào cuộc tổng khủng hoảng ngày càng trầm trọng. Như đồng chí Lê-Duẩn vạch rõ: «Sức tiến công của phong trào độc lập dân tộc vô cùng mạnh mẽ, tác dụng của nó vô cùng to lớn, uy hiếp nghiêm trọng hậu phương của chủ nghĩa đế quốc, tạo điều kiện để mở rộng cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới. Đây là một đặc điểm mới, một khả năng mới của thời đại chúng ta» (tr. 27). «Đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc là ở chỗ công nông đã thức tỉnh ngày càng đông vai trò quyết định trong lực lượng giải phóng dân tộc» (tr. 27). Đồng chí khẳng định: «Ngày nay độc lập dân tộc nhất thiết phải đi liền với chủ nghĩa xã hội» (tr. 28-29). Thực tế là nhiều nước sau khi giành được độc lập dân tộc đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Tất

nhiên muốn đi theo con đường này thì «Mấu chốt là cách mạng phải phát triển theo những tư tưởng vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giai cấp công nhân phải nắm được quyền lãnh đạo cách mạng, chính quyền Nhà nước phải là một chính quyền dân tộc dân chủ thật sự. Nếu không như vậy thì mọi thứ «chủ nghĩa xã hội» đều là chủ nghĩa tư bản cải lương trá hình, phụ thuộc vào bọn đế quốc này hay bọn đế quốc khác, nhất là đế quốc Mỹ» (tr. 29). Ngày nay, phong trào độc lập dân tộc đang tiến vào giai đoạn mới. Chủ nghĩa thực dân cũ đã tan rã về căn bản, chủ nghĩa thực dân mới bị phá sản một bước nghiêm trọng sau thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt-nam. Các nước trong phong trào không liên kết đang cùng nhau phối hợp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ các hình thức thực dân, hoàn thành độc lập về chính trị và kinh tế.

Tại các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân có những bước phát triển mới. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đem lại những sự phát triển kinh tế cho các nước tư bản chủ nghĩa trong thập kỷ 60, nhưng khuôn khổ chặt hẹp của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã nhanh chóng kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây ra những cuộc khủng hoảng có tính chất chu kỳ và không chu kỳ. Việc chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước vẫn không cứu vãn được chủ nghĩa tư bản. Trong cơn khủng hoảng, bọn đầu sỏ tư bản lũng đoạn tìm lối thoát trong việc tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động, chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh. Do đó mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

Những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp công nhân khác đã diễn ra với quy mô rộng rãi chưa từng thấy, và dưới những hình thức rất phong phú. Đồng chí

Lê-Duẩn vạch rõ: « Cuộc đấu tranh giai cấp chống bóc lột của tư bản lũng đoạn và gánh nặng của khủng hoảng kinh tế, chống chính sách chạy đua vũ trang của giới cầm quyền, vì hòa bình, dân chủ, vì quyền lợi cấp bách hàng ngày, đang tập hợp rộng rãi những người lao động chân tay và trí óc. Nó tiến công vào chủ nghĩa tư bản quốc tế ngay tại sào huyệt của chúng, mở ra những triển vọng mới cho sự nghiệp cách mạng. Vị trí chính trị của nhiều Đảng cộng sản được củng cố và tăng cường. Giữa cách mạng và cải lương đang có sự phân hóa. Chủ nghĩa xã hội dân chủ cùng những khuynh hướng cải lương khác đã từng bước phá sản trước sự khủng hoảng gay gắt của chế độ tư bản chủ nghĩa và những cuộc xung đột xã hội ngày càng sâu sắc » (tr. 193 - 191).

Tập sách của đồng chí Lê-Duẩn còn đề cập đến một vấn đề cấp bách và có tính chất chiến lược ngày nay là: hòa bình. Đồng chí nêu rõ: « Đấu tranh cho hòa bình là một nhiệm vụ cấp bách của toàn thể loài người » (tr. 73). Hòa bình là bản chất của chủ nghĩa xã hội và là nguyện vọng của các dân tộc. Trái lại, chiến tranh thuộc về bản chất của chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Trong cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, bọn đế quốc luôn luôn muốn dùng chiến tranh để tiêu diệt chủ nghĩa xã hội, bóp nghẹt nền độc lập của các dân tộc khác, chống lại các quyền tự do dân chủ của nhân dân lao động trong nước, mở rộng phạm vi bóc lột và giải quyết nạn khủng hoảng kinh tế. Ngay từ cuối chiến tranh thế giới thứ hai, bọn đế quốc, đặc biệt là Mỹ đã trù tính một cuộc chiến tranh thế giới mới. Nhưng ba dòng thác cách mạng sôi nổi sau chiến tranh đã là những trở ngại to lớn đối với chúng. Việc Mỹ mất độc quyền về vũ khí hạt nhân và sự xuất hiện kỹ thuật tên lửa và trụ đã làm đảo lộn

chiến lược quân sự của đế quốc Mỹ. Chiến tranh hạt nhân có sức hủy diệt ghê gớm và nước Mỹ không thể nằm ngoài phạm vi bị tàn phá như trong hai cuộc chiến tranh thế giới trước. Cho nên, khả năng ngăn ngừa chiến tranh thế giới mới trong hoàn cảnh vẫn tồn tại chủ nghĩa đế quốc là một khả năng thực tế, và như đồng chí Lê-Duẩn nói: « Hòa bình không phải chỉ là kết quả của phong trào dân chủ chống chiến tranh, mà chủ yếu là kết quả của phong trào đấu tranh cách mạng của tất cả các lực lượng chống đế quốc, của chiến lược tiến công đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc, phá tan từng chính sách chiến tranh, làm thất bại bất cứ loại chiến tranh nào do đế quốc gây ra, tiến tới làm thất bại toàn bộ chính sách gây chiến của chúng » (tr. 107 - 108). Do đó, « đấu tranh vì hòa bình là đấu tranh để thực hiện một nền hòa bình vững chắc trong một cuộc sống độc lập, dân chủ thật sự » (tr. 59).

37 năm qua là 37 năm hòa bình thế giới đã được bảo vệ, cũng là 37 năm mà các lực lượng cách mạng đã ghi được những thắng lợi rực rỡ chưa từng thấy, 37 năm chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ, bị thất bại cay đắng, mất hết vị trí này đến vị trí khác. Cách mạng liên tiếp thắng lợi ở nơi này, nơi khác, kể cả ở « sân sau » của đế quốc Mỹ. Cuộc đấu tranh cho hòa bình ngày nay, do đó đã mang một tính chất mới: « *Đấu tranh cho hòa bình và bảo vệ hòa bình không chỉ là một phong trào có tính chất dân chủ mà còn là một nhiệm vụ cách mạng, có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng* » (tr. 73).

Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ chống nhân dân Việt-nam là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu của chúng chống lại hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta đã đánh thắng chúng. Sau chiến thắng của Việt-nam, một thời kỳ

phát triển mới của cách mạng đã được mở ra; khả năng bảo vệ hòa bình thế giới được tăng cường. Ở đây, chúng ta thấy rõ sự thống nhất giữa nhiệm vụ bảo vệ hòa bình thế giới và nhiệm vụ đẩy mạnh cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn vạch rõ: «Thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến thần thánh ấy không phải chỉ là một bước tiến vọt rất lớn của cách mạng Việt-nam mà còn là một cống hiến rất tích cực tăng cường ưu thế của cách mạng thế giới và hòa bình thế giới» (tr.79).

Chính sự thống nhất giữa các mục tiêu cao cả của thời đại — hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội — và sự liên kết ba dòng thác cách mạng với phong trào hòa bình rộng rãi trên thế giới thành một sức mạnh tổng hợp, tiến công từ mọi phía, trên mọi phương diện, bằng mọi hình thức, đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc, là « cơ sở của chiến lược cách mạng thế giới, một chiến lược thật sự có hiệu lực, đã và đang được thực hiện với những thắng lợi cực kỳ to lớn từ sau chiến tranh thế giới thứ hai » (tr. 142). Không có sự đối lập nào giữa những mục tiêu của thời đại. Tách rời các mục tiêu đó, thậm chí đem đối lập các mục tiêu đó với nhau, là xa rời chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là rơi vào chủ nghĩa cơ hội xấu xa nhất. Đầu năm 1980, đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ: « Năm vừng mục tiêu của thời đại, các nước xã hội chủ nghĩa đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, nhất định sẽ làm thất bại mọi âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và phân động quốc tế. Loài người tiến bộ bước vào thập kỷ mới, với sức mạnh chưa từng có, với triển vọng tốt đẹp hơn bao giờ hết, chắc chắn sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội » (tr. 197).



Sự phát triển mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng và sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc đã diễn ra theo đúng quy luật vận động khách quan của xã hội loài người. Nhưng tất nhiên sự phát triển đó không diễn ra theo một đường thẳng tắp. Ở từng nơi, từng lúc, do những điều kiện và hoàn cảnh nhất định, cách mạng đã dừng lại, thậm chí thụt lùi. Song nhìn chung, gần 40 năm qua, như đồng chí Lê-Duẩn đã nhận định, « trên thế giới liên tiếp diễn ra những sự kiện long trời lở đất chứng tỏ ba dòng thác cách mạng không ngừng tiến lên với khí thế không gì ngăn cản nổi » (tr. 215).

Trái lại, « Hoàn toàn tương phản với thực trạng xán lạn và tương lai huy hoàng của các lực lượng cách mạng và tiến bộ là bức tranh âm đạm của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc » (tr. 215). Cố nhớ lại địa vị chúa tể của tư bản Mỹ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới sau chiến tranh thì mới thấy rõ sự suy yếu của nó, sự phân cực mạnh mẽ của thế giới tư bản chủ nghĩa ngày nay. Chính là do viễn cảnh chủ nghĩa tư bản có thể bị diệt vong, đế quốc Mỹ mới điên cuồng phản kích lại cách mạng, gây tình hình căng thẳng, chuẩn bị chiến tranh. Và ngay đối với bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, cái gì nếu không phải là thắng lợi của cách mạng thế giới đã khiến chúng không thể che đậy mũi họ mặt phản động của chúng, phải công khai câu kết với bọn đế quốc để chống phá cách mạng? Tất nhiên chúng ta không được coi thường âm mưu và hoạt động của đế quốc Mỹ đang đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang với những ý đồ rất nham hiểm và cũng không thể mất cảnh giác trước sự câu kết Mỹ — Trung-quốc. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « Sự câu kết của tập đoàn phản động Bắc-kinh với chủ nghĩa đế quốc để chống Liên-xô, Việt-nam và các nước xã hội

chủ nghĩa khác, chống phong trào cách mạng và hòa bình thế giới, là một đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế hiện nay » (tr. 191). Sự phản bội tệ hại của những kẻ phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc và việc đế quốc Mỹ «chơi con bài Trung-quốc» đã làm cho tình hình thế giới trở nên phức tạp và nguy hiểm. Cuộc đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại đang trải qua một thời kỳ gay go và quyết liệt.

Song, sự cầu kết dây tội ác giữa Mỹ và Trung-quốc là «một sự tập hợp» trên thế yếu của các lực lượng đang ở trong khủng hoảng gay gắt; đó là một sự cầu kết dây màu thuẫn, chứa chất nhiều tham vọng riêng đối lập với nhau, lợi dụng lẫn nhau để hòng ngai lên địa vị bá chủ » (tr. 191—192). Vì vậy, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng: «Các dân tộc đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng cuộc sống mới theo chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của lịch sử. Chủ nghĩa xã hội ngày nay là vô địch. Hệ thống xã hội chủ nghĩa là không gì phá vỡ nổi. Không một âm mưu nhaim hiểm nào, không một hành động hung hãn nào của bọn đế quốc và tay sai có thể đảo ngược được tình thế đó » (tr. 215—216).



Cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Nhân dân Việt-nam luôn ý thức được sự gắn bó, sự thống nhất giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của mình. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: «Từ khi mới ra đời, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ đoàn kết với giai cấp vô sản quốc tế, với cách mạng của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, coi đó là một nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa về nguyên tắc, là một trong những nhân tố quyết định thành công của cách mạng nước ta. Đường lối quốc tế đúng đắn ấy của Đảng ta được quán triệt trong suốt quá trình cách mạng, một mặt, đã

tranh thủ được ngày càng nhiều sự ủng hộ và giúp đỡ của phong trào cách mạng thế giới; mặt khác, đã giáo dục cho nhân dân ta những tình cảm trong sáng của chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống lại những quan điểm dân tộc chủ nghĩa của các giai cấp tư sản và tiểu tư sản, phá tan những thủ đoạn chia rẽ xảo quyệt của bọn đế quốc và bè lũ tay sai; đồng thời nó đã cổ vũ nhân dân ta cố gắng góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới » (tr. 45).

Càng tự hào về những đóng góp của mình đối với cách mạng thế giới, nhân dân Việt-nam càng không bao giờ quên những thắng lợi đó gắn liền với sự ủng hộ chí tình và sự giúp đỡ to lớn của anh em bầu bạn khắp thế giới, trước hết của Liên-xô, gắn liền với tình đoàn kết chiến đấu keo sơn với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đòi hỏi những người cộng sản một mặt phải biết liên kết cách mạng nước mình với cách mạng thế giới để tạo thêm sức mạnh, bảo đảm cho cách mạng nước mình thắng lợi, góp phần tăng cường sức mạnh của cách mạng thế giới; mặt khác, phải ủng hộ bằng mọi cách cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới. Đó là hai nội dung cơ bản của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đồng chí Lê-Duẩn khẳng định: «Đảng cộng sản Việt-nam quyết mãi mãi chấp hành đúng đắn tư tưởng sáng ngời của Lê-nin về chủ nghĩa quốc tế, làm hết sức mình cho cách mạng nước mình, đồng thời ủng hộ bằng mọi cách cuộc đấu tranh cách mạng ở tất cả các nước » (tr. 142).

Cách mạng Việt-nam phát triển trong thế chiến lược tiến công chung của cách mạng thế giới. Mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn, nhưng mặt thuận lợi vẫn là cơ bản. Nhân dân ta quyết sát cánh cùng nhân dân Liên-xô

vĩ đại và nhân dân các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, tăng cường liên minh đoàn kết chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, luôn luôn đoàn kết và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, giữ vững thế đi lên của

cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn khẳng định: "Đoàn kết lại, siết chặt hàng ngũ dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, nhất định chúng ta sẽ giành thêm nhiều thắng lợi mới rực rỡ hơn nữa cho sự nghiệp độc lập dân tộc, xã hội chủ nghĩa và cũng cố hòa bình!" (tr. 216).

Đoàn kết quân dân trên chiến trường...

(Tiếp theo trang 44)

Một vấn đề rất quan trọng là bộ đội phải chủ động tích cực giúp đỡ địa phương xây dựng các mặt, tham gia vào quá trình phát triển và tiến bộ các mặt của địa phương. Thời kỳ đó, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc Tây-nguyên là một công tác rất cấp bách của địa phương. Do địa phương gặp nhiều khó khăn, đảng ủy mặt trận đã chủ động đề xuất phương hướng và góp nhiều công sức: trong nhiều năm đã mở được các trường đào tạo và bổ túc về quân sự, chính trị và văn hóa cho các cán bộ trung cấp, sơ cấp người dân tộc Tây-nguyên, mở trường dạy văn hóa tập trung cho các cháu thiếu nhi con em đồng bào các dân tộc, góp phần thúc đẩy các phong trào văn hóa, văn nghệ của địa phương. Trong các đơn vị, chú trọng mạnh dạn đề bạt nhanh những cán bộ và chiến sĩ người dân tộc ở địa phương xét thấy có khả năng phát triển. Nhờ đó một phần các lực lượng vũ trang địa phương đã không ngừng lớn mạnh, cùng bộ đội chủ lực đánh thắng giặc và cuối cùng đánh thắng hoàn toàn quân giặc. Quan hệ quân dân là quan hệ giúp đỡ nhau cùng phát triển, đoàn kết để đánh thắng giặc, đánh thắng giặc lại cùng cố, nâng cao đoàn

kết. Do có sự đoàn kết tốt như thế, cho nên tình nghĩa giữa bộ đội B3 (Tây-nguyên) với đảng bộ và nhân dân Tây-nguyên rất sâu nặng và thấm thiết.

Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang Tây-nguyên rất tự hào đã làm đúng lời dạy của Bác Hồ kính yêu:

"Chính sách đối với đồng bào thiểu số, Chính phủ đã có quy định, các chú và bộ đội phải làm đúng... Phải làm cho mỗi chiến sĩ là một người tuyên truyền. Các chú phải làm thế nào khi mình đến thì đồng bào hoan nghênh, khi đóng quân thì đồng bào vui vẻ giúp đỡ, khi mình đi thì đồng bào quyến luyến. Như thế là một đại thắng lợi..." (7).



Phát huy những kinh nghiệm mà chúng ta đã đạt được trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, ngày nay chúng ta cần tăng cường hơn nữa sự đoàn kết gắn bó giữa quân với dân, thực hiện quân dân một ý chí để đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội 1980, tập 1, tr. 527.

XÂY DỰNG QUAN HỆ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA GIỮA NGƯỜI VỚI NGƯỜI

PHONG - CHÂU

CÁC-MÁC đã viết: “*Bản chất con người là tổng hòa của tất cả những quan hệ xã hội*” (1). Con người hoàn toàn khác con thú nhờ ở đặc điểm này.

Sống trong xã hội, con người cũ hay mới bao giờ cũng thể hiện cụ thể ra ở cách xử lý các quan hệ giữa người với người. Cho nên, đối với bản thân mỗi người, đối với gia đình, tập thể cơ quan, đối với toàn xã hội, cần từng bước xây dựng cho tốt những quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa người với người.

Xử lý những quan hệ giữa người với người nhiều lúc đơn giản, dễ dàng, nhưng nhiều khi cũng đau đầu, mất ăn, mất ngủ. Trong cuộc sống, biết bao nhiêu trường hợp, vì xử lý vụng về, nóng nảy mà tan cửa, nát nhà, vì xử lý bộp chộp, nóng nảy mà ăn hận suốt đời, vì xử lý mù quáng mà tù tội v.v. Một lời nói thô bạo, một cử chỉ giả tạo, một hành động thiếu văn hóa, cũng đủ làm mất người yêu, bè bạn, người thân, đủ làm cho hai người không thêm nhìn mặt nhau, không lại vãng đến nhà nhau. Ngược lại, có những cách xử lý đúng đắn,

không ngoan đem lại hạnh phúc cho người khác, để lại tiếng khen, tiếng thơm muôn đời cho cả dòng họ, đất nước.

I — Những mối quan hệ giữa người với người.

Con người có chẳng chịt hàng ngàn mối quan hệ giữa người với người. Cùng một con người, anh ta có thể thủ rất nhiều vai. Khi ở gia đình, anh ta là ông của mấy đứa cháu, bố dề của ba đứa con, bố vợ của hai chàng rể, v.v. Khi ở cơ quan, anh ta là thủ trưởng của một phòng, cấp dưới của một ông vụ trưởng, là đảng viên, đoàn viên công đoàn, chỉ huy tự vệ, v.v. Khi ra phố, anh là khách quen của bác thợ cạo, ông hàng phở ở đầu phố, v.v. Ở mỗi mối quan hệ giữa người với người, anh ta thường có cách xử lý khác nhau. Khi nói với cháu, với con khác khi báo cáo với cấp trên và không giống lúc nói chuyện ở hàng phố.

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1972, tập 2, tr. 492.

Trong các mối quan hệ xã hội, nổi lên nhất quan hệ giữa người với người trong sản xuất. Tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ước mơ của con người thường gắn liền với một quan hệ sản xuất, nghĩa là gắn liền với một chế độ chiếm hữu về tư liệu sản xuất nhất định, gắn liền với địa vị của con người trong sản xuất, gắn liền với chế độ phân phối sản phẩm.

Ở nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau, nhiều quan hệ sản xuất khác nhau. Do đó bên cạnh mối quan hệ kinh tế giữa những người lao động, việc còn tồn tại ở mức độ nào đó những quan hệ bóc lột cũng là điều tất nhiên. Tuy nhiên những quan hệ bóc lột ấy ngay từ đầu đã bị hạn chế trong những giới hạn nhất định, và cuối cùng chúng sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế đã hoàn thành.

Ngoài quan hệ sản xuất, con người còn có những mối quan hệ trên nhiều lĩnh vực khác: văn hóa, triết lý, thẩm mỹ, luật pháp, xã hội, chính trị, tư tưởng, tình cảm... Nhiều khi là những mối quan hệ *kép* rất phức tạp: vừa quan hệ tình cảm gia đình, vừa quan hệ luật pháp nghiêm túc.

Trong quan hệ giữa người với người, trước hết cần nhận thức rõ *quan hệ giữa ta với kẻ thù*. Quan hệ với kẻ thù giai cấp là quan hệ đối kháng. Cần rất tỉnh táo, đề cao cảnh giác, đừng mắc vào mưu ma chước quỷ, nghe lời lừa bịp, phỉnh phờ, dụ dỗ của bọn đế quốc, bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh và những lũ tay sai. Hãy ghi nhớ và nhắc nhở con cháu ghi nhớ những tội ác của chúng!

Tội ác của bọn giặc xâm lược nước ta còn ở ngay chung quanh chúng ta, ở ngay trên người chúng ta. Trong mỗi gia đình, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, nhiều vết thương đang

còn rỉ máu. Những năm khổ ở những nghĩa trang liệt sĩ có bao điều muốn nói với chúng ta. Hàng của Mỹ, hàng của Bắc-kinh đẹp thật nhưng lấp liếm sao được những tội ác của chúng? Chúng bị đánh đuổi ra khỏi đất nước ta, nhưng tư tưởng thù địch của chúng vẫn còn; những phần tử tay sai của chúng ở trong nước ta vẫn còn: chúng đang gây khó khăn cho ta trên nhiều lĩnh vực, khai thác sự nghèo khổ của chúng ta, hằn học, nói xấu, phá hoại cách mạng.

Trong xã hội của chúng ta, ngày nay hình thành những quan hệ xã hội chủ nghĩa *giữa người lao động với người lao động*, giữa những dân tộc ở trong cùng một nước và trong khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Đây là quan hệ đồng chí, đồng nghiệp, quan hệ bè bạn, quan hệ anh em.

Đi vào từng dân tộc, từng giai cấp, từng tầng lớp, từng cá nhân, bên cạnh những nét chung giống nhau, vẫn có những nét riêng. Dân tộc Tây có lối sống khác với dân tộc Thái, người Việt không quen sống ở vùng cao như người Dao. Người tri thức sống không giống như người công nhân, nông dân. Có sự khác biệt đó là do điều kiện lao động, học vấn, thu nhập, tiêu dùng, tâm tính, thói quen... khác nhau. Chủ nghĩa xã hội phát triển mở ra khả năng rộng lớn, sẽ xóa bỏ dần những sự không đồng nhất về mặt xã hội, làm cho các quan hệ giữa các dân tộc bình đẳng với nhau, quan hệ giữa lao động trí óc và lao động chân tay xích gần nhau.

Đối với cá nhân, tuy cùng một dân tộc, một tầng lớp, nhưng mỗi người mang dấu vết kết quả giáo dục của gia đình, của nhà trường, của môi trường sống lâu nhất, có những sự phát triển về tâm lý, sinh lý khác nhau, có tính cách, tâm tính độc đáo riêng.

Mỗi mối quan hệ giữa người với người có những dạng vẻ riêng, không

cái nào giống cái nào. Xử lý mỗi mối quan hệ ở nhiều trường hợp như làm một bài toán, có đáp số riêng. Chẳng thế quan hệ nam nữ, tình yêu đời lứa, hàng ngàn năm đã qua, hàng ngàn năm sắp tới, mãi mãi vẫn là đề tài của những cuốn tiểu thuyết, những bài thơ với những số phận con người khác nhau.

Cuộc sống của chúng ta tồn tại, tiến triển được là còn nhờ những *mối quan hệ giữa các thế hệ*. Trong xã hội, luôn luôn có mấy thế hệ cùng chung sống với nhau: một thế hệ đã già yếu, một thế hệ mà sức sáng tạo đang ở thời kỳ nở rộ, một thế hệ đang lớn lên và một thế hệ vừa mới ra đời. Con người ta ai cũng chết, nhưng nhân dân thì bất tử. Sự bất tử ấy thể hiện trong sự kế tục giữa các thế hệ. Cho nên, các thế hệ phải có trách nhiệm với nhau: thế hệ những người lớn tuổi phải lo bồi dưỡng cho thế hệ trẻ để có thể kế tục sự nghiệp của mình và của cha ông. Thế hệ trẻ phải biết kính trọng, cố gắng học tập và mang ơn thế hệ những người đi trước. Hồ Chủ tịch, trước khi đi xa, còn dặn dò: *« Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết »*. Quan hệ giữa con cái với bố mẹ, cháu chắt với ông bà, cháu với cô dì, chú bác... ngoài tình cảm họ hàng ruột thịt, cần quán triệt ý nghĩa to lớn của quan hệ giữa các thế hệ.

II — Những phương hướng xây dựng.

Ngày trước, giai cấp phong kiến Việt-nam, dựa vào Nho giáo, đưa ra ngũ luân, ngũ thường, tam tông, tứ đức làm khuôn phép cho những quan hệ vua tôi, thầy trò, cha con, chồng vợ, bè bạn. Việc cưới xin, ma chay, có sách *« Thọ mai gia lễ »* hướng dẫn, quy định các nghi lễ chi tiết, cụ thể. Cho nên, đời này qua đời khác, cả trong các tầng lớp nhân dân lao động, nhiều việc được làm một cách máy

móc, làm đến mức ngộ nhận đây là tập quán của dân tộc! Đó là quan hệ giữa người với người trong xã hội phong kiến, cần sửa đổi.

Dưới chế độ thực dân (cả thực dân cũ lẫn thực dân mới) các quan hệ xã hội giữa người và người đều thấm nhuần những quan niệm của giai cấp tư sản, đế quốc, bọn này coi đồng tiền là trên hết, những kẻ giàu sang thì được trọng vọng, còn người lao động thì bị khinh rẻ.

Ngày nay, chúng ta đang cải tạo cái xã hội để ra sự tha hóa con người, loại trừ mọi nguyên nhân của sự tha hóa, xây dựng một xã hội không có người bóc lột, áp bức người, một xã hội bình đẳng, ấm no, hạnh phúc. Ngày nay, ở Việt-nam, cơ sở kinh tế của mọi sự tha hóa — chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất — đã và đang bị thủ tiêu. Tàn dư tư tưởng của chế độ cũ, ảnh hưởng của văn hóa thực dân mới, của chiến tranh tâm lý do đế quốc Mỹ và hành trường bá quyền Bắc-kinh gieo rắc, đang bị đẩy lùi. Cách mạng đã « vứt bỏ được những xiềng xích nghìn năm trói buộc con người: người lao động từ địa vị làm thuê đã bước lên vị trí người chủ chân chính của đất nước và xã hội, giành lại những phẩm giá dân tộc và phẩm giá làm người » (2).

Nhưng, quan hệ giữa người với người còn nhiều vấn đề; cuộc đấu tranh ở từng gia đình, từng trường học, ở ngoài xã hội giữa mới với cũ, tiến tiến với lạc hậu, tiến bộ với phản động, đang diễn ra quyết liệt.

Bản chất đạo đức của con người biểu hiện qua hành vi. Hành vi biểu hiện trong *hoạt động* và trong *lời nói*, thậm chí trong một cái *nhìn*, một *nụ cười*. *Chỉ có trân trọng con người, yêu thương con người có nghĩa vụ đối với con người*, chúng ta mới xây dựng

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng, tại Đại hội V. Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 53.

được những hành vi đúng đắn, những quan hệ xã hội lành mạnh, trong sáng. Thái độ thờ ơ, bàng quan với cuộc sống, vô trách nhiệm đối với con người, với Tổ quốc, là tội lỗi. Mất ý thức nghĩa vụ, con người trở thành kẻ ăn bám, bóc lột, kẻ ích kỷ, lì lợm và dễ biến thành kẻ phản bội Tổ quốc.

Đảng ta thường xuyên dặn dò phải thấm nhuần nguyên tắc đạo đức cơ bản «mỗi người vì mọi người; mọi người vì mỗi người», phải cõ vũ mình và người khác bằng cái đẹp của tâm hồn con người, trên cơ sở hình thành niềm tin vững chắc vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, bồi dưỡng cho mình năng lực yêu, ghét thật rõ ràng.

Chuẩn mực là những tiêu chuẩn, mẫu mực của những hành vi mà mọi người phải tuân theo, khi xử lý những quan hệ giữa người với người. Nhiều chuẩn mực xã hội chủ nghĩa đã được quy định thành văn, được thể chế hóa thành luật pháp, thông tri, chỉ thị, được ghi vào Hiến pháp của đất nước. Nhưng còn nhiều chuẩn mực xã hội chủ nghĩa chưa được hình thành hoặc mới là những quy ước không thành văn trong xã hội, trong một gia đình, một tập đoàn người. Nhiều chuẩn mực thành văn rồi, nhưng chưa được nghiêm chỉnh thi hành, chưa có phong trào thực hiện để gây thành tập quán.

Mọi chuẩn mực xã hội chủ nghĩa của bất cứ mối quan hệ giữa người với người nào cũng phải quán triệt quan điểm của thế giới quan Mác - Lênin, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phản ánh những giá trị văn hóa, tinh thần hiện đại và giàu tính dân tộc, phải xây dựng trên cơ sở của sự chân thật, sự chung thủy của tình nghĩa và phân đôi mọi thói giả dối, đạo đức giả, hời hợt. Nó phải là những biểu hiện cụ thể cái Chân, Thiện, Mỹ của cuộc sống.

Mầu thuẫn, va vấp trong quan hệ giữa người với người có rất nhiều

nguyên nhân có khi là do lợi ích kinh tế, lợi ích giai cấp; có khi là do chưa gặp nhau về quan điểm. Quan hệ thầy trò như thế nào là xã hội chủ nghĩa? Người Việt-nam có truyền thống trọng thầy giáo:

Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn còn hay chữ, phải yêu mến thầy.

Đứng trên quan điểm lao động mà xét, nghề thầy giáo thật đáng quý. Nhưng con người mới không tôn sư, trọng đạo kiểu phong kiến, không đồng ý thầy giáo quát mắng, đánh đập học trò. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Quan hệ thầy trò không có gì khác hơn là quan hệ hữu ái bè bạn. Nghề thầy giáo là nghề nhiều bạn nhất...»(3). Làm thế nào để thầy không nghiêm khắc quá đáng, trò không dãn chủ quá trớn?

Mác nói: «Bố là người bạn lớn của con», đồng chí Lê-Duẩn nói thầy giáo với học trò là bạn bè, vợ chồng sống phải bình đẳng với nhau. Nhưng người còn mang nặng tàn dư tư tưởng của xã hội cũ nghe đâu có dễ lọt tai.

Mầu thuẫn, va vấp trong quan hệ giữa người với người, không những do không có quan điểm mới mà còn là do thiếu lý luận, kiến thức về chuyên môn, kinh nghiệm về cuộc sống... Hiện nay, ở nhiều rạp hát, quan hệ giữa diễn viên và một số người đi xem chưa tốt. Diễn hay không vỗ tay; diễn dở lại vỗ tay. Vỗ diễn xong màn hạ, diễn viên ra chào, nhiều người xem cứ bỏ về, lúc đặc có vài tiếng vỗ tay. Không có những tình cảm trân trọng, tha thiết, nồng nhiệt của khán giả đối với đạo diễn, tài tử. Tại sao? Phải chăng vì chưa nhận thức rõ giá trị của lao động nghệ thuật, chức năng của nghệ thuật? Phải chăng còn lớn vồn tư tưởng «xưởng ca vô loài», «nghệ thuật là

(3) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1970. tập 1. tr. 182.

món đồ chơi giải trí”, “nghệ thuật là thương mại kiếm ăn”? Phải chăng vì trình độ thâm mỹ của dòng đảo quần chúng chưa cao? Nghệ thuật vô diễn chưa hấp dẫn? Dầu sao, tình hình đó cũng biểu hiện sự “thiếu văn hóa” của một số người xem.

Những sự trục trặc trong quan hệ giữa người với người trong sản xuất hiện nay diễn ra phần lớn lại do cơ chế quản lý và tổ chức sản xuất chưa hợp lý, chế độ, chính sách ban hành chưa thỏa đáng. Lấy ngay vấn đề quan hệ sản xuất trong nông nghiệp làm thí dụ. Trong quan hệ giữa xã viên với cán bộ xã, huyện, tỉnh..., phải giải quyết đúng đắn hàng loạt vấn đề: lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, và lợi ích xã hội, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng; tất cả các cấp cần nhanh chóng thay đổi tận gốc cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, thực hiện phương thức quản lý, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ngoài ra cần có các chính sách đúng đắn về phân phối lưu thông như chính sách giá cả, thu mua, thuế; chính sách phân phối, trả công trong hợp tác xã... Xử lý quan hệ giữa “ba lợi ích” trong nông nghiệp lại cần phải nhớ tới những người làm nghề thủ công, tiểu công nghiệp, v.v..

Quy định những chuẩn mực cho quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa người với người là một công việc khó khăn. Quan hệ giữa người với người trải ra rất rộng trên nhiều lĩnh vực, trên nhiều môi trường. Không ai xây dựng quan hệ thầy trò tốt hơn Bộ giáo dục, các trường học và quan hệ giữa người mua hàng và người bán hàng cụ thể hơn các cơ quan thương nghiệp, các cửa hàng mẫu dịch.

Cho nên, căn cứ vào từng cấp, vào chức năng và nhiệm vụ của từng cơ

quan, những chuẩn mực cần được thể chế hóa, cụ thể hóa thành những điều lệ, nội quy, điều khuyên răn, cấm kỵ (4). Công việc này vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, cải tiến, bổ sung, nâng cao dần từng bước. Một tổ chức muốn có trật tự, kỷ luật, có không khí đoàn kết, tươi vui, có nền nếp lao động có con người mới, lối sống mới, dứt khoát phải làm việc này. 4.

Có chuẩn mực rồi, vận dụng chuẩn mực để xử lý những quan hệ giữa người với người rất phức tạp, có khi thành công, có khi thất bại. Đây là vấn đề phương pháp, nghệ thuật hành động, biết nắm vững đối tượng, tình nhạy về tâm lý, chính trị... Đây còn là vấn đề *lắm lòng* của con người đối với con người.

Định ra được một chuẩn mực, một điều khuyên răn và kiên quyết thực

(4) Tham khảo: *Mười điều cấm của người trẻ đối với người già* (lược ghi tóm tắt):

1. Không được ngồi không trong khi mọi người lao động, khi biết rõ rằng người lớn tuổi không cho phép mình được nghỉ ngơi.
 2. Không được chê giễu tuổi già và những người già. Đây là một sự bất kính rất lớn.
 3. Không được cãi lại những người đáng kính trọng và lớn tuổi, nhất là những người già.
 4. Không có quyền đòi hỏi gì ở bố, mẹ mình.
 5. Không được dè mẹ phải dành cho mình những gì mà mẹ không dành cho chính mẹ. Ý nghĩ về một đặc quyền riêng nào đó chính là thủ thuốc đầu độc tâm hồn mình.
 6. Không được làm điều gì mà người lớn tuổi đã lên án, dù ở trước mặt hay ở sau lưng họ.
 7. Không được dè cho những người lớn tuổi trong gia đình sống trợ trợ một mình. Cần nhớ rằng có những giai đoạn, con người không thể có mặt niềm vui nào khác ngoài niềm vui của sự giao tiếp với con người.
 8. Không được sửa soạn lên đường mà không xin phép và hỏi ý kiến người lớn nhất là ông bà.
 9. Không được ngồi ăn mà không mời người lớn. Sự vô đạo đức này có thể đem so sánh với con vật, chỉ biết ngồi ăn ngấu nghiến, lo dòng loại tranh cướp mất phần.
 10. Không được chờ người lớn chào hỏi mình trước, mình phải chào trước khi mới gặp và chúc sức khỏe khi chia tay.
- V.A. Xu-khôn-lin-xki: *Giáo dục con người chân chính như thế nào?* Nxb giáo dục. Hà-nội. 1981, tr. 107 — 108.

hiện nó nhiều khi là cả một cuộc đấu tranh dài với nhiều phương thức: *giải thích, thuyết phục, động viên và cưỡng bức*. Khoan nói đến việc lớn, hãy nói đến việc nhỏ trong cuộc sống hằng ngày. Trong phòng làm việc, trong rạp chiếu bóng, có bảng: *Cấm hút thuốc*. Tại sao vẫn có những người thiếu tự trọng hút lên lút? Tại sao người có trách nhiệm ở nơi đây không có thái độ kiên quyết ngăn cấm? Hàng chục năm rồi, việc này vẫn chưa thanh toán xong.

Hồ Chủ tịch nói: “Lúc số đông quốc dân chưa hiểu, chưa làm Đời sống mới, thì tuyệt đối không nên bắt buộc. Thí dụ: nếu tôi không muốn ăn thịt, không ai có quyền ép tôi phải ăn. Đến khi đại đa số đồng bào theo Đời sống mới, chỉ còn số rất ít không theo, khuyên mãi cũng không được, lúc đó có thể dùng cách cưỡng bức, bắt họ phải theo. Thí dụ: Trong làng nhiều ao, nhiều muối, thường có đau ốm. Người làng biết vậy ai cũng bằng lòng lấp ao của mình. Chỉ một hai người không chịu theo, để người làng vẫn vì muối mà đau ốm liên miên, vì vệ sinh chung, làng có quyền buộc một hai người kia phải lấp ao” (5).



Xây dựng quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa người với người, cũng như xây dựng con người mới, lối sống mới là một nội dung quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Đó là công việc lâu dài, không sốt ruột, nôn nóng được vì nhiều quan hệ xã hội có lịch sử lâu đời, có cơ sở xã hội — kinh tế, có nguồn gốc tình cảm sâu xa. Hơn nữa, ưu thế của cái mới không bao giờ thể hiện một cách tự nhiên, mà phải thông qua đấu tranh gay gắt với cái cũ. Xây dựng một lối sống mới, xây dựng những mối quan hệ lành mạnh giữa người với người, đều đòi hỏi phải có những cố gắng chủ quan của mọi người tiên tiến trong xã hội, song chúng ta không

được quên thực tế khách quan của đất nước đang diễn ra trong khung cảnh của hai cuộc đấu tranh quyết liệt: đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, và đấu tranh của dân tộc ta chống bọn hành trưởng bá quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác.

Chúng ta là những người lạc quan cách mạng nhưng không phải là những người không tưởng. Đầu những năm 20, Lê-nin đã chỉ rõ: “Bất cứ người cộng sản nào, nếu mà tưởng trong vòng ba năm có thể cải tạo được cơ sở kinh tế và nguồn gốc kinh tế của nền tiểu nông, thì dĩ nhiên đó là một người không tưởng. Và trong chúng ta — không cần giấu giếm làm gì — những nhà không tưởng như vậy cũng khá đông đấy. (...) Cải tạo người tiểu nông, cải tạo toàn bộ tâm lý và tập quán của họ là một công cuộc phải làm nhiều thế hệ mới xong. Đối với người tiểu nông, chỉ có cơ sở vật chất kỹ thuật, những máy kéo và máy móc với quy mô lớn trong nông nghiệp, điện khí hóa trên quy mô lớn, mới có thể giải quyết được vấn đề đó, mới có thể làm cho toàn bộ tâm lý của họ trở nên lành mạnh được. Đó là biện pháp cải tạo hết sức nhanh chóng người tiểu nông về căn bản. Tôi nói phải nhiều thế hệ, nói như thế không có nghĩa là phải mất nhiều thế kỷ. Các đồng chí đều biết rất rõ rằng muốn có máy kéo, máy móc và điện khí hóa một nước rộng lớn thì ít ra cũng phải mất hàng chục năm. Tình hình khách quan là như thế” (6).

Lời dạy của Lê-nin giúp chúng ta nhìn toàn diện vấn đề xây dựng những quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa người với người và thêm kiên trì, vững bước đi lên.

(5) Tân-Sinh: *Đời sống mới*, Nxb Lao động, Hà-nội, 1976, tr. 46—47.

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 32, tr. 276—277.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

HỒNG-CHƯƠNG

Thưa các đồng chí thân mến,

CHÚNG tôi rất vui mừng được tham dự hội nghị các Tổng biên tập các tạp chí lý luận và chính trị của các Đảng anh em. Thay mặt Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản Việt-nam, chúng tôi kính gửi đến các đồng chí lời chào cộng sản. Chúng tôi xin gửi đến các đồng chí Tiếp-khắc, người chủ nhà mến khách của chúng ta lời cảm ơn sâu sắc của chúng tôi.

Thưa các đồng chí thân mến,

Đảng cộng sản Việt-nam rất coi trọng việc giáo dục lý luận Mác Lê-nin cho cán bộ và đảng viên. Vì vậy Đảng coi trọng việc xuất bản tạp chí lý luận của Đảng. Đảng chúng tôi được thành lập ngày 3-2-1930 thì đến ngày 1-2-1931 *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng ra số đầu tiên. Dưới ách thống trị của đế quốc Pháp, việc xuất bản tạp chí gặp rất nhiều khó khăn. Bị bọn đế quốc và bọn phong kiến đàn áp, việc in và phát hành *Tạp chí Cộng sản* bị gián đoạn nhiều lần. Tuy vậy nhiều số của *Tạp chí Cộng sản* đã đến tay bạn đọc trong các năm 1933 - 1935, 1943, 1950. Sau khi miền Bắc Việt-nam được hoàn toàn giải phóng,

việc in và phát hành tạp chí lý luận của Đảng được thuận lợi hơn. Từ tháng 12-1955, tạp chí lý luận của Đảng được xuất bản đều kỳ, mỗi tháng ra một lần. Trong những năm đầu tạp chí lý luận của Đảng lấy tên là tạp chí *Học tập*. Từ tháng 1-1977, sau khi Đảng chúng tôi lấy lại cái tên đầu tiên của Đảng là Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí chúng tôi cũng lấy lại cái tên đầu tiên của tạp chí lý luận của Đảng là *Tạp chí Cộng sản*.

Nhiệm vụ của tạp chí chúng tôi là đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác Lê-nin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác-Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt-nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng. Tạp chí đem lý luận Mác-Lê-nin soi sáng các chủ trương chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ đảng viên về tư tưởng chính sách của Đảng, giúp họ tránh những sai lầm trong khi thi hành chính sách của Đảng và Nhà nước. Tạp chí chúng tôi góp phần đặc lực vào việc thực hiện hai nhiệm

* Bài phát biểu của đồng chí Hồng-Chương tại Hội nghị các Tổng biên tập các tạp chí lý luận và chính trị của các Đảng anh em họp ở Pra-ha ngày 9 tháng 2 năm 1983.

vụ chiến lược của Việt-nam hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Tạp chí góp phần vào việc tổng kết kinh nghiệm công tác của Đảng, đi đến những kết luận có tính lý luận để lãnh đạo phong trào cách mạng Việt-nam. Cùng với các cơ quan khác của Đảng, tạp chí tích cực góp phần vào việc tổng kết những kinh nghiệm lịch sử của Đảng, biên tập những bài về những vấn đề lớn trong lịch sử cách mạng Việt-nam và những bài học lịch sử của Đảng. Nội dung của tạp chí tập trung vào những vấn đề chủ yếu ở trong nước, đồng thời dành một phần thích đáng cho những vấn đề quốc tế quan trọng.

Để thực hiện nhiệm vụ được đề ra trên đây tổ chức của Bộ biên tập của tạp chí gồm hai bộ phận: bộ phận làm công tác biên tập và bộ phận làm công tác quản lý; cả hai bộ phận đều đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của ban biên tập do Tổng biên tập đứng đầu. Bộ phận biên tập gồm các vụ sau đây:

1- Vụ biên tập về các vấn đề kinh tế;

2- Vụ biên tập về các vấn đề chính trị;

3- Vụ biên tập về các vấn đề văn hóa;

4- Vụ biên tập về các vấn đề xây dựng Đảng;

5- Vụ biên tập về các vấn đề quốc tế.

Bộ phận quản lý chăm lo công việc in và phát hành tạp chí, liên hệ với bạn đọc, bảo đảm về mặt vật chất cho công tác biên tập.

Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam họp tại Hà-nội tháng 3-1982 đã nói rõ nhiệm vụ cơ bản của công tác tư tưởng của Đảng là *vũ trang cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội*

khoa học, xây dựng ý chí kiên cường, quyết tâm sắt đá và trình độ hiểu biết cần thiết để làm tròn cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tạp chí chúng tôi giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ mà Đảng chúng tôi đã vạch ra; giúp cho mọi người có quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối ấy một cách tự giác, với nhiệt tình cách mạng của người làm chủ tập thể. Tạp chí gắn chặt việc làm thấu suốt đường lối của Đảng với việc giải thích các chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước. Tạp chí giúp bạn đọc hiểu rõ cục diện cách mạng Việt-nam hiện nay. Tạp chí giúp bạn đọc thấy rõ những thắng lợi to lớn trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc và những thành tựu trên mặt trận xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, làm cho mọi người phấn khởi, tự hào. Đồng thời, nói rõ những khó khăn, phân tích những nguyên nhân của những khó khăn trong sản xuất và đời sống; nghiêm khắc phê phán những khuyết điểm trong công tác quản lý, chỉ rõ phương hướng và biện pháp khắc phục khó khăn. Tạp chí giúp cho bạn đọc hiểu rõ rằng cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh gay go quyết liệt phức tạp và lâu dài của con đường xã hội chủ nghĩa chống lại con đường tư bản chủ nghĩa, giúp cho mọi người giữ vững lập trường xã hội chủ nghĩa kiên định để tiến hành cuộc đấu tranh đó đến thắng lợi.

Tạp chí chúng tôi tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống các loại tư tưởng phi vô sản bằng cách nghiên cứu, phân tích, phê phán các biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản, kiên quyết chống tư tưởng tư sản, chống

những tàn dư văn hóa thực dân mới và tàn dư tư tưởng phong kiến.

Tạp chí góp phần vào việc giáo dục bồi dưỡng phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, chống chủ nghĩa cá nhân, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, chống những biểu hiện sa sút về phẩm chất chính trị, vô kỷ luật về mặt tổ chức, thoái hóa về lối sống, quan liêu hóa về tác phong của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Bằng việc thường xuyên tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tạp chí chúng tôi góp phần nâng cao *trình độ lý luận* của cán bộ đảng viên và nhân dân, giúp họ từng bước trang bị cho mình thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng.

Tùy theo khả năng của mình, tạp chí chúng tôi phối hợp với các cơ quan khác nghiên cứu các vấn đề lý luận của cách mạng Việt-nam như nghiên cứu về các quy luật của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; về chiến lược kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; về cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; về xây dựng Đảng trong điều kiện chuyên chính vô sản và Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước. Tạp chí cũng tham gia nghiên cứu một số vấn đề quốc tế như: bước phát triển mới của ba dòng thác cách mạng của thời đại chúng ta; chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ hiện nay; phê phán chủ nghĩa Mao và các hệ tư tưởng tư sản chống cộng khác....

Bằng các bài viết về Trung-quốc và chủ nghĩa Mao, tạp chí chúng tôi làm cho người đọc thấy rõ, không chút mơ hồ, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của Việt-nam hiện nay là bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, hiểu rõ những âm mưu và hành động của chúng nhằm xâm lược và phá hoại Việt-nam, nâng

cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu quên mình bảo vệ Tổ quốc. Chúng tôi coi việc tập trung phê phán chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc là nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Mao hiện nay.

Về các loại bài đăng trên Tạp chí, ngoài những bài xã luận, bình luận, chuyên luận, chúng tôi còn đăng các bài điều tra nghiên cứu, trao đổi ý kiến, tiểu phẩm, đọc sách báo, v.v.

Trong tổng số các bài đăng trên tạp chí có một phần tư là do các cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước viết, hơn một nửa là do các chuyên gia, các cán bộ lý luận viết, và gần một phần tư là do cán bộ trong Bộ biên tập viết.

Bộ biên tập chúng tôi thỉnh thoảng lại cử một tổ cán bộ đến một địa phương điều tra tình hình để viết bài đăng trên tạp chí.

Một năm một vài lần Bộ biên tập chúng tôi tổ chức tọa đàm mời các chuyên gia của Đảng và Nhà nước đến họp trao đổi ý kiến về một chuyên đề lý luận để lấy bài đăng lên tạp chí. Mỗi năm một vài lần chúng tôi tổ chức những cuộc họp với bạn đọc để thu thập ý kiến nhận xét phê bình tạp chí và đề nghị cải tiến nội dung và hình thức của tạp chí.

Nhờ sự chỉ đạo sát đúng của Trung ương Đảng, nhờ sự hợp tác tích cực của đồng đảo cộng tác viên, nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của bạn đọc, Tạp chí Cộng sản đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và đã có phần đóng góp tích cực vào công tác tư tưởng của Đảng. Về cơ bản tạp chí đã đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc trong việc tìm hiểu đường lối và quan điểm của Đảng. Chính vì vậy tạp chí được bạn đọc hoan nghênh. Tuy vậy tạp chí chúng tôi cũng còn những nhược điểm và khuyết điểm. Chất lượng lý luận của tạp chí chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng Việt-nam. Việc

đầu tranh chống những tư tưởng sai lầm trong Đảng chưa được mạnh mẽ và sâu sắc. Tạp chí chưa trả lời kịp thời những vấn đề thực tế và cụ thể được đặt ra trong quá trình cách mạng. Một số bài đăng trên tạp chí quá dài. Một số bài khác chất lượng thấp. Bước sang năm mới Bộ biên tập tạp chí chúng tôi cố gắng khắc phục những nhược điểm và khuyết điểm, nâng cao chất lượng của tạp chí, phục vụ hạn đọc của tạp chí được tốt hơn nữa.

Thưa các đồng chí thân mến,

Trên đây là một số kinh nghiệm trong công tác của Bộ biên tập Tạp chí chúng tôi. Chúng tôi rất vui mừng được dự cuộc họp này để học tập kinh nghiệm của các tạp chí lý luận của các Đảng anh em. Trong những năm qua, tạp chí chúng tôi đã có quan hệ hợp tác với một số tạp chí của các Đảng anh em. Chúng tôi mong rằng cuộc họp này sẽ là một dịp tốt để phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác đó.

Trong thời gian qua, Tạp chí Cộng sản (Việt-nam) được tạp chí Người cộng sản (Liên-xô) và các tạp chí của các Đảng anh em khác ủng hộ và giúp đỡ rất nhiều. Nhân dịp này cho phép chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn

sâu sắc của chúng tôi đối với sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu đó. Chúc tình hữu nghị và sự hợp tác giữa các tạp chí chúng ta ngày càng phát triển. Chúc các đồng chí sức khỏe và thu được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Xin cảm ơn sự chú ý của các đồng chí.

Đôi mới sự phân cấp...

(Tiếp theo trang 22)

Do ý nghĩa thực tế to lớn của việc đổi mới phân cấp quản lý kinh tế đối với tình hình trước mắt và ý nghĩa cơ bản đối với mục tiêu tiến lên lâu dài, chúng ta cần thực hiện chủ trương này một cách **năng động**, kiên quyết, khắc phục thái độ **bảo thủ**, do dự và những thiên kiến cục bộ, bản vị trong cán bộ, đảng viên, làm chuyển mạnh tình hình theo tinh thần của Đại hội Đảng lần thứ V, thực hiện thắng lợi nghị quyết của Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng.

ПЕРЕДОВАЯ — Упорство и настойчивость — в глубь сознания и действия. **ТО ХЫУ** — Обновить распределение инстанций в экономическом управлении. **НГУЕН ДАНГ** — Развитие сельскохозяйственного производства в дельте Меконг. **НГУЕН НГОК НАМ** — Основательно усвоить идею бережливости президента Хо Ши Мина. **ИССЛЕДОВАНИЕ ★ ЧАН ХО** : Об экономических закономерностях начального этапа, перехода к социализму в нашей стране. **ХОАНГ МИНЬ ТХАО** — Сплоченность армии и народа на Тэйнгуенском фронте во время войны Сопrotивления США за спасение родины. **ФОНГ ТЯУ** — Установить социалистические отношения между человеком и человеком. **ХОНГ ТЬЫОНГ** — Журнал « Тапчи конгшан »

REVIEW OF COMMUNISM № 3-1983

Editorial : For a Momentous Change in Our Will and Action. **TỔ-HỮU** — New Changes in Defining the Levels of Economic Management. **NGUYỄN-DẪNG** — The Development of Agricultural Production in the Mekong Delta. **NGUYỄN-NGỌC-NAM** — Thoroughly Grasping President Ho Chi Minh's Sense of Thrift. **Studies ★ TRẦN-HỒ** — On the Economic Laws in the Early Stage of the Transitional Period to Socialism in Our Country. **HOÀNG-MINH-THẢO** — The Unity between Armymen and Inhabitants on the Tay Nguyen (High Plateaux) Battlefield during the Anti — U.S. Resistance for National Salvation. **PHONG-CHÂU** — Promoting Man-to-Man Socialist Relationships. **HỒNG-CHƯƠNG** = The Review of Communism.

REVUE DU COMMUNISME № 3-1983

Editorial : — Opérer un grand changement dans la volonté et les actes. **TỔ-HỮU** — Rénover la hiérarchisation de la gestion économique. **NGUYỄN-DẪNG** — Développer la production agricole dans le delta du Mékong. **NGUYỄN-NGỌC-NAM** — Bien assimiler la pensée du président Ho sur la pratique de l'économie. **Etude ★ TRẦN-HỒ** — Sur les lois économiques dans la première étape de la période de transition au socialisme dans notre pays. **HOÀNG-MINH-THẢO** — L'unité entre les forces armées et le peuple sur le front du Tay Nguyen pendant la résistance antiaméricaine pour le salut national. **PHONG-CHÂU** — Edifier les rapports socialistes entre les hommes. **HỒNG-CHƯƠNG** — La Revue du Communisme.

REVISTA DEL COMUNISMO № 3-1983

Editorial — A crear un fuerte empuje transformativo en el pensamiento y la acción. **TỔ-HỮU** — Renovar la forma de delegación jerárquica en la gestión económica. **NGUYỄN-DẪNG** — El desarrollo de la producción agrícola en el delta del Mekong. **NGUYỄN-NGỌC-NAM** — Comprender al fondo el pensamiento de ahorro del presidente Ho Chi Minh. **Estudios ★ TRẦN-HỒ** — Acerca de las leyes económicas en los primeros pasos del periodo de transición al socialismo en nuestro país. **HOÀNG-MINH-THẢO** — La unión del ejército y pueblo en el campo de batalla de Tay Nguyen durante la resistencia contra la agresión yanqui por la salvación nacional. **PHONG-CHÂU** — La formación de las relaciones socialistas entre el hombre y el hombre. **HỒNG-CHƯƠNG** — La Revista del Comunismo.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 3

1983

NĂM THỨ XXVIII (327)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy số : 52061, 52062

**TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM**

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Dãy số : 52768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận – Tạo một chuyển biến mạnh mẽ về ý chí và hành động	1
TỔ-HỮU – Đổi mới sự phân cấp trong quản lý kinh tế	6
NGUYỄN-ĐĂNG – Phát triển sản xuất nông nghiệp đồng bằng sông Cửu-long	23
NGUYỄN-NGỌC-NAM – Thấu suốt tư tưởng của Hồ Chủ tịch về tiết kiệm	28
Nghiên cứu ★ – TRẦN-HỒ – Về các quy luật kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	32
HOÀNG-MINH-THẢO – Đoàn kết quân dân trên chiến trường Tây-nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	40
PHAN-TRUNG-LÝ – Thực hiện tốt quy chế về đại biểu quốc hội	45
TRÚC-GIANG – Phú-lợi-thượng chăm lo xây dựng nông thôn mới, cuộc sống mới	49
Độc sách ★ PHAM-XUYỀN – Bọn đế quốc và phản động không thể đảo ngược được tình thế	51
PHONG-CHÂU – Xây dựng quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa người với người	61
HỒNG-CHƯƠNG – Tạp chí Cộng sản	67

Các bạn tìm đọc:

CHỐNG CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG BÁ QUYỀN TRUNG-QUỐC

Của tập thể các tác giả:

Trường-Chinh, Phúc-Cương, Lê-Xuân-Lưu, Nhuận-Vũ, Trúc-Xuyên, Văn-Hiền, Hoàng-Kim, Nguyễn-Đức-Thiệt, Nguyễn-Đức-Bình, Phạm-Hồng-Son, Lê-Tự-Đồng, Nguyễn-Anh-Bắc, Hồng-Chương, Trần-Quốc-Tú.



TẠP CHÍ CỘNG SẢN XUẤT BẢN

In tại NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 Giá: 2

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

4

4.1983

ĐOÀN KẾT LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH MỌI THẮNG LỢI CỦA BA NƯỚC LÀO, CAM-PU-CHIA, VIỆT-NAM

 ỪNG sống trên một bán đảo có vị trí chiến lược quan trọng, ba dân tộc Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam từ xưa đã phải luôn luôn đối phó với các thế lực xâm lược lớn hơn từ bên ngoài, trước hết là các tập đoàn phong kiến Trung-hoa và Thái-lan. Truyền thống « lá lành đùm lá rách » giữa nhân dân ba nước bắt đầu từ đây. Sử sách còn ghi lại những hình ảnh đẹp đẽ về tình đoàn kết chiến đấu Việt-nam — Khơ-me chống quân xâm lược nhà Đường ở thế kỷ thứ 8, Khơ-me — Lào chống xâm lược của phong kiến Thái-lan thế kỷ 14, Việt-nam — Lào chống xâm lược của nhà Minh thế kỷ 15, Việt-nam — Cam-pu-chia và Việt-nam — Lào chống các cuộc xâm lược của phong kiến Thái-lan thế kỷ 17, thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19.

Từ giữa thế kỷ 19, nhân dân ba nước lại đoàn kết chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ đã lần lượt xâm chiếm ba nước Việt-nam, Cam-pu-chia, Lào, dùng nước này làm bàn đạp để thôn tính nước kia, cuối cùng biến ba nước thành một chiến trường chung. Đi theo vết xe đổ của đế quốc và thực dân, thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã từng âm mưu biến Cam-pu-chia thành bàn đạp để thôn tính Đông-dương và bành trướng ra Đông Nam châu Á. Cuộc xâm lược Việt-nam tháng 2-1979 cũng nhằm thực hiện mục tiêu đó. Trong tình hình đó, nhân dân ba nước không có còn đường nào khác là cùng nhau đoàn kết, biến Đông-dương thành một chiến hào chung chống xâm lược.

Từ khi đảng theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin ra đời và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng của ba dân tộc, tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc được nâng lên một trình độ mới, và trở thành nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng ba nước.

Sau khi nhân dân ba nước giành được thắng lợi huy hoàng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975 và sau khi bước đầu đập tan được âm mưu của các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc dùng Cam-pu-chia làm bàn đạp thôn tính Đông-dương và bành trướng xuống Đông Nam-Á, quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia lại được phát triển thêm một bước. Quan hệ giữa ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia là mối quan hệ giữa những nước độc lập, có chủ quyền, bình đẳng, đoàn kết và hợp tác với nhau. Mối quan hệ đó không đe dọa bất cứ nước nào, phù hợp với công pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Đó còn là quan hệ giữa những nước có chế độ xã hội và lý tưởng giống nhau. Quan hệ giữa ba nước được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Nó được chỉ đạo bởi những nguyên tắc bình đẳng, hữu nghị, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và hợp tác tương trợ theo linh anh em. Ba nước gần gũi nhau về địa lý, có những điểm giống nhau về lịch sử, đã từng đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung lớn mạnh hơn mình gấp bội. Những nhân tố đó đã tạo nên linh chất đặc biệt trong quan hệ giữa ba dân tộc Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam.



Hội nghị cấp cao đầu tiên Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam họp tại Viêng-chăn những ngày 22 - 23 tháng 2 năm 1983 là một cột mốc mới, rất quan trọng, trên con đường đoàn kết hợp tác giữa ba nước, đồng thời đánh dấu sự trưởng thành của cách mạng mỗi nước. Hội nghị đã ra bản Tuyên bố về những nguyên tắc chỉ đạo quan hệ giữa ba nước Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam. Hội nghị đã vạch ra rằng trải qua nhiều năm chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do, ba dân tộc chỉ có một nguyện vọng duy nhất là **đoàn kết hợp tác giữa ba nước nhằm giúp đỡ nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, góp phần bảo vệ hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới, không nhằm chống lại bất cứ một nước nào.** Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trong lúc hầu hết các dân tộc trên thế giới được hưởng một nền hòa bình lâu dài nhất trong thế kỷ này, thì ba dân tộc Cam-pu-chia, Lào, Việt-nam phải trải qua những cuộc chiến tranh hết sức ác liệt và ngày nay liêng sùng vẫn chưa ngừng hẳn trên bán đảo Đông-dương. Trải qua hơn ba mươi năm chiến tranh, chịu đựng biết bao hy sinh, gian khổ, nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia không có nguyện vọng nào thiết tha hơn là được sống trong hòa bình để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Sự đoàn kết và đấu tranh hiện nay của nhân dân ba nước là nhằm mang lại hòa bình và ổn định cho bán đảo Đông-dương, giữ vững độc lập, tự do của ba dân tộc, góp phần bảo đảm hòa bình và ổn định ở Đông Nam châu Á và thế giới. Điều đó hoàn toàn không chống lại bất cứ ai. Chúng ta chân thành mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị láng giềng tốt với các nước có chế độ chính trị khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Chúng ta mong muốn chấm dứt sự đối đầu và căng thẳng hiện nay giữa ba nước Đông-dương với các nước láng giềng, trước hết là với Trung-quốc và một vài nước ở Đông Nam châu Á. Nguyên vọng hòa bình và hợp tác của nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia là phù hợp với xu thế của thời đại, vì vậy nó được sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và loài người liêng bợ.

Với tư cách là những Nhà nước độc lập, có chủ quyền và hoàn toàn bình đẳng, ba nước Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam cam kết tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Mọi vấn đề thuộc quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, với tinh thần hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của mỗi nước và vì lợi ích cả ba dân tộc. Vì sự sống còn của mình, các dân tộc Đông-dương đã đoàn kết gắn bó với nhau trong quá khứ, sẽ mãi mãi đoàn kết hợp tác với nhau trong tương lai, trên tinh anh em. Sự đoàn kết và hợp tác đó dựa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Nếu không đoàn kết và hợp tác thì độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước sẽ bị đe dọa. Ngược lại, nếu không tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của nhau thì không thể có đoàn kết và hợp tác thật sự và lâu dài, thậm chí không thể có bất cứ sự đoàn kết và hợp tác nào. Đoàn kết - hợp tác, và tôn trọng độc lập - chủ quyền của mỗi nước, đó là hai mặt của chính sách đối ngoại theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Lê-nin đã từng chỉ rõ: "Một mặt là hoàn toàn thừa nhận quyền quyết định tự quyết của tất cả các dân tộc và không dung nạp bất cứ một sự giải thích sai lầm nào về quyền đó; mặt khác lại kêu gọi cũng không kém rõ ràng công nhân hãy thực hiện sự thống nhất quốc tế của cuộc đấu tranh giai cấp của mình" (1).

Xuất phát từ nhiệm vụ chiến lược là xây dựng đất nước phồn vinh và đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, ba nước cam kết phát triển sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai bên hoặc ba bên về mọi mặt trên tinh thần hữu nghị anh em, hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi. Tình hình hiện nay ở bán đảo Đông-dương là: các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ chưa từ bỏ âm mưu bành trướng và bá quyền đối với các dân tộc Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam. Chúng tiếp tục sử dụng bọn diệt chủng Pôn Pốt và các loại phản cách mạng, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống ba nước Đông-dương. Do đó, nhân dân ba nước phải đoàn kết hợp tác đấu tranh chống kẻ thù chung, bảo vệ độc lập tự do, bảo vệ an ninh và hạnh phúc của mình. Mặt khác, sau hàng thế kỷ bị đế quốc và thực dân bóc lột, vơ vét, sau nhiều thập kỷ bị chiến tranh tàn phá, nền kinh tế ba nước nghèo nàn và lạc hậu, đời sống nhân dân thấp kém. Một nhiệm vụ cấp bách được đặt ra là nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Cách mạng ba nước Đông-dương đã bước vào một thời kỳ mới. Nhân dân ba nước vừa phải tiếp tục hợp tác chiến đấu để bảo vệ độc lập tự do, vừa phải hợp tác xây dựng đất nước, nghĩa là hợp tác về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật... Với lái nguyên phong phú, với sức lao động dồi dào, nhân dân ba nước cùng nhau hợp tác nhất định sẽ đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước.

(1) V.I. Lê-nin: Toàn tập. Nxb Sự thật Hà-nội, 1963. tập 20, tr. 508.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ba nước Đông-dương là một bộ phận không thể thiếu của cuộc đấu tranh chung cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Do đó việc tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông-dương với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một quy luật tất yếu của lịch sử. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, khi đế quốc Mỹ ráo riết chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng, uy hiếp vận mệnh của loài người, khi các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ chưa từ bỏ âm mưu bành trướng và thôn tính ba nước Đông-dương, thì sự đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, càng có ý nghĩa quan trọng. Điều đó giúp cho mỗi nước trên bán đảo này vừa phát huy được sức mạnh của bản thân mình, vừa kết hợp được sức mạnh tổng hợp của ba nước với sức mạnh tổng hợp của thời đại. Điều đó sẽ tạo ra trên địa bàn Đông-dương một thế chiến lược vững chắc — một nhân tố mạnh mẽ của hòa bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới.

Ba nước Đông-dương sẵn sàng phát triển quan hệ tốt với các nước láng giềng và các nước có chế độ xã hội khác nhau trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

11ội nghị cấp cao ba nước Đông-dương đặc biệt coi trọng việc tăng cường tình đoàn kết giữa ba dân tộc chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù và mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc nước lớn và dân tộc hẹp hòi. Không ngừng giáo dục nhân dân ba nước về tình hữu nghị truyền thống và quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ba nước, chống mọi hành động có hại cho tình hữu nghị giữa nhân dân ba nước.

Chỉ có ngăn ngừa mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc nước lớn và dân tộc hẹp hòi, giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản thì mới làm cho quan hệ đặc biệt giữa ba dân tộc càng trở nên đẹp đẽ, trong sáng và vững bền.



Bọn đế quốc và phản động lâu nay thường làm rùm beng về vấn đề quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia. Đảo lộn phải trái, chúng vu cáo Việt-nam đưa quân « xâm lược » Cam-pu-chia nhằm che giấu âm mưu xâm lược, bành trướng của chúng.

Thực tế lịch sử chỉ rõ: trong cuộc đấu tranh lâu dài giành độc lập, tự do của mình, nhân dân ba nước Đông-dương luôn luôn kề vai sát cánh chiến đấu chống kẻ thù chung. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ trước đây, quân tình nguyện Việt nam đã hai lần cùng lực lượng vũ trang của nhân dân Cam-pu-chia chiến đấu ở Cam-pu-chia và đã rút về nước sau khi Pháp và Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược.

Khi bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh sử dụng bọn Pôn Pốt tiến hành cuộc chiến tranh diệt chủng chống nhân dân Cam-pu-chia, xâm lược Việt-nam từ phía tây nam và phá hoại độc lập và an ninh của Lào, xuất phát từ truyền thống đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông-dương, thực hiện quyền tự vệ thiêng liêng của mình, đáp ứng yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc

cứu nước Cam-pu-chia, quân lính nguyên Việt-nam một lần nữa đã cùng với nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia chiến đấu, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, làm thất bại mưu đồ xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc. Việc này đã được khẳng định trong Hiệp ước hòa bình hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ký tháng 2-1979 tại Phnôm-pênh.

Việc làm đó là chính nghĩa, thể hiện quyền dân tộc cơ bản của nhân dân mỗi nước, hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của Phong trào các nước không liên kết và Hiến chương Liên hợp quốc, vì đó là quyền của các nước giúp nhau đối phó với nguy cơ can thiệp và xâm lược từ bên ngoài và không hề đe dọa bất cứ nước nào.

Mấy năm qua, cuộc hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia đã đạt được những thành tựu to lớn, lực lượng vũ trang Cam-pu-chia không ngừng lớn mạnh. Xuất phát từ tình hình đó và từ lập trường trước sau như một, Hội nghị cấp cao Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam đã ra Tuyên bố về quân lính nguyên Việt-nam ở Cam-pu-chia, trong đó nói rõ: «Tất cả quân lính nguyên Việt-nam ở Cam-pu-chia sẽ rút về nước sau khi mối đe dọa của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực phản động khác... được chấm dứt hoàn toàn». «Hàng năm sẽ quyết định việc rút một số quân lính nguyên Việt-nam ở Cam-pu-chia về nước trên cơ sở xem xét tình hình an ninh của Cam-pu-chia». «... sẽ rút thêm một số đơn vị quân lính nguyên Việt-nam khỏi Cam-pu-chia trong năm 1983». «Trong trường hợp việc rút quân lính nguyên Việt-nam khỏi Cam-pu-chia bị lợi dụng để chống lại hòa bình an ninh của Cam-pu-chia thì Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia sẽ trao đổi ý kiến với chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam theo Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa hai nước».

Việc làm đó thể hiện thiện chí và ý chí hòa bình của nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, đồng thời cũng thể hiện quyết tâm sắt đá cùng nhau hợp tác chiến đấu để bảo vệ độc lập, tự do, an ninh của mỗi nước. Lập trường sáng ngời chính nghĩa đó là một đòn giáng vào âm mưu của bọn đế quốc và phản động xuyên tạc ý nghĩa sự có mặt của quân lính nguyên Việt-nam ở Cam-pu-chia.



Nhân dân ta phần lớn chào mừng thành công rực rỡ của Hội nghị cấp cao Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam. Nhân dân ta quyết tâm biến niềm phấn khởi đó thành hành động để xây dựng và bảo vệ đất nước ta, đồng thời vun đắp cho tình đoàn kết hữu nghị thủy chung giữa nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia ngày càng xanh tươi, bền vững. Đúng như đồng chí Cay-xôn Phom-vi-hân đã nói trong diễn văn khai mạc, «Việc tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác toàn diện giữa ba nước chúng ta là vấn đề sống còn, là quy luật phát triển của cách mạng ba nước trước đây, hiện nay cũng như trong tương lai lâu dài».

TUYÊN BỐ

CỦA HỘI NGHỊ CẤP CAO LÀO, CAM-PU-CHIA, VIỆT-NAM

Hội nghị cấp cao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã họp từ ngày 22 đến ngày 23 tháng 2 năm 1983 tại Viêng-chăn và đã trao đổi ý kiến về tình hình ba nước cũng như tình hình quốc tế. Hội nghị đã xem xét những biện pháp tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa ba nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước. Các bên đã ra tuyên bố:

I

Từ bao đời nay nhân dân Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam đã sống thân thiện với nhau và không ngừng vun đắp mối quan hệ hữu nghị qua cuộc đấu tranh để sinh tồn của mỗi dân tộc.

Trong lịch sử, các thế lực thực dân, quân phiệt, đế quốc và bành trướng đã can thiệp và xâm lược ba nước. Trước kia cũng như ngày nay, chúng coi ba nước là một địa bàn xâm lược, dùng nước này làm bàn đạp để thôn

tính nước kia, chia rẽ để thống trị ba nước.

Lịch sử đấu tranh của ba dân tộc, đặc biệt từ khi Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại đem lại cho cách mạng ba nước Đông-dương ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và thành lập Đảng cộng sản Đông-dương—tiên thân của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia và Đảng cộng sản Việt-nam—đã chứng minh rằng: Liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc là một quy luật phát triển của cách mạng ba nước và là một nhân tố cơ bản để đánh thắng mọi kẻ thù và giành lại độc lập, tự do của mỗi nước. Mỗi khi khối đoàn kết giữa ba nước bị phá hoại thì nền độc lập của mỗi nước bị lâm nguy. Sự phản bội của bọn Pôn Pốt—tay sai của các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh—đã làm cho nhân dân Cam-pu-chia phải chịu những tai họa ghê gớm của nạn diệt chủng và sự can thiệp của các thế lực bành trướng và phản động, phá hoại thành quả cách mạng của Cam-pu-chia, làm tổn hại nghiêm trọng đến

tin cậy đoàn kết giữa ba dân tộc, đe dọa độc lập và an ninh của Lào và Việt-nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng chân chính ở mỗi nước, nhân dân ba nước, bằng xương máu của mình, đã khôi phục và tăng cường tình đoàn kết có ý nghĩa sống còn và đang sát cánh bên nhau, hợp tác và giúp đỡ nhau xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

II

Hiện nay, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác tiếp tục âm mưu xâm lược và thôn tính ba nước, tiến hành các hoạt động phá hoại nhiều mặt chống cách mạng Lào, Cam-pu-chia và Việt-nam, dùng ba nước làm bàn đạp thực hiện bá quyền của chúng ở toàn bộ Đông-Nam Á.

Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi nhân dân ba nước phải tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với nhau. Trên tinh thần đó, các bên cam kết:

1— Đoàn kết hợp tác giữa ba nước nhằm giúp đỡ nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, góp phần bảo vệ hòa bình và ổn định ở Đông—Nam Á và trên thế giới, không nhằm chống lại bất cứ một nước nào.

2— Tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Mọi vấn đề thuộc quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, với tinh

thần hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của mỗi nước và vì lợi ích của cả ba dân tộc.

3— Phát triển sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai bên hoặc ba bên về mọi mặt trên tinh thần hữu nghị anh em, hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi.

4— Tăng cường tình đoàn kết giữa ba dân tộc chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù và mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc nước lớn và dân tộc hẹp hòi. Không ngừng giáo dục nhân dân ba nước về tinh thần hữu nghị truyền thống và quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ba nước, chống mọi hành động có hại cho tình hữu nghị giữa nhân dân ba nước.

Những nguyên tắc chỉ đạo trên đây của quan hệ giữa ba nước Đông-dương không những đáp ứng lợi ích của nhân dân ba nước, phù hợp với truyền thống đoàn kết và hữu nghị giữa ba dân tộc qua bao đời nay mà còn hoàn toàn phù hợp với các hiệp nghị quốc tế về Đông-dương và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc và Phong trào các nước không liên kết.

Căn cứ trên các nguyên tắc chỉ đạo đó, các bên thỏa thuận:

1— Hội nghị cấp cao Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam sẽ được triệu tập sau khi lãnh đạo ba nước tham khảo ý kiến của nhau thông qua các Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ba nước.

2— Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam họp mỗi năm hai lần để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến quan hệ ba nước trong thời gian giữa hai hội nghị cấp cao.

3— Thành lập ở mỗi nước một Ủy ban hợp tác kinh tế Lào—Cam-pu-chia—Việt-nam để thúc đẩy việc hợp tác kinh tế và việc phối hợp kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân giữa ba

nước. Ba ủy ban sẽ họp mỗi năm hai lần.

4- Tùy theo điều kiện cho phép, có thể thành lập các Ủy ban hợp tác giữa ba nước trong các ngành chuyên môn về kinh tế, văn hóa, khoa học— kỹ thuật, thể dục, thể thao v.v.

5- Tuyên bố này không ảnh hưởng đến các hiệp ước, hiệp định hai bên hoặc nhiều bên mà mỗi nước đã tham gia ký kết

III

Ba nước Đông-dương gần bó với nhau trong tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác về mọi mặt, đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa và đoàn kết với các nước không liên kết, với các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, đã vượt qua những thử thách lớn nhất, giành được những thắng lợi rực rỡ như ngày nay, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh cho những mục tiêu chung của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ba nước Đông-dương, đã chịu đựng hơn ba mươi năm chiến tranh ác liệt, không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là được sống trong hòa bình để xây dựng đất nước và cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nhân dân ba nước Đông-dương kiên quyết cùng các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết và nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới đấu tranh để bảo vệ và củng cố hòa bình, chống chạy đua vũ trang, thực hiện giải trừ quân bị và hòa hoãn quốc tế. Nhân dân ba nước nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ những sáng kiến hòa bình của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là những đề nghị đưa ra tại Hội nghị Ủy ban chính trị hiệp thương

các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va ở Pra-ha tháng 1 năm 1983.

Ba nước Đông-dương đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa, ra sức góp phần vào việc củng cố cộng đồng xã hội chủ nghĩa với Liên-xô là trụ cột, ra sức ủng hộ phong trào giải phóng và độc lập dân tộc của nhân dân Á, Phi, Mỹ la tinh, ủng hộ phong trào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng như cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân các nước; tăng cường sự hợp tác với các nước không liên kết trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bành trướng bá quyền, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi-ôn và chủ nghĩa a-pác-thai và cho một trật tự kinh tế thế giới mới, công bằng và hợp lý. Ba nước Đông-dương nhiệt liệt hoan nghênh Hội nghị cấp cao lần thứ bảy của các nước không liên kết tại Niu Đê-li tháng 3 năm 1983 và tin rằng thắng lợi của hội nghị sẽ góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Ba nước Đông-dương sẵn sàng phát triển quan hệ tốt với các nước láng giềng cũng như với các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Nhân dân ba nước Đông-dương vốn có truyền thống hữu nghị lâu đời với nhân dân Trung-quốc và luôn luôn quý trọng tình hữu nghị truyền thống đó. Sự giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân Trung-quốc và nhân dân các nước Đông-dương trong cuộc đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng là một thực tế lịch sử không ai có thể phủ nhận. Tình hình không bình thường hiện nay trong quan hệ giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa

nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam với Cộng hòa nhân dân Trung-hoa không do ba nước Đông-dương gây ra. Trước sau như một, ba nước Đông-dương không từ một cố gắng nào nhằm khôi phục quan hệ bình-thường với Cộng hòa nhân dân Trung-hoa trên cơ sở cùng tồn tại hòa bình, vì lợi ích của ba nước Đông-dương cũng như của nhân dân Trung-quốc.

Trong quan hệ với các nước ASEAN, mặc dầu những năm qua gặp nhiều trở ngại do bốn phản động quốc tế gây ra, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam vẫn kiên trì chính sách hòa bình, hữu nghị và láng giềng tốt. Thực tế chứng minh rằng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các nước Đông-dương và các nước ASEAN là một nhân tố quan trọng đảm bảo hòa bình, ổn định ở Đông - Nam Á. Mọi bất đồng giữa hai nhóm nước cần được giải quyết bằng thương lượng, trên tinh thần láng giềng tốt, cùng tồn tại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với nhau, không để cho nước ngoài can thiệp và chia rẽ, không để lãnh thổ nước mình được sử dụng chống nước khác, cùng nhau xây dựng một khu vực Đông - Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác.

Coi trọng tinh hữu nghị với nhân dân Mỹ. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt-nam mong muốn có quan hệ bình thường với Mỹ trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và không can thiệp vào công việc nội bộ của mỗi nước

Nhân dân ba nước Đông-dương chân thành cảm ơn Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước không liên kết, các tổ chức quốc tế và bè bạn khắp năm châu đã dành cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ba nước sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu và tin chắc rằng sự ủng hộ và giúp đỡ đó không ngừng tăng lên trong tương lai.

Cuộc đấu tranh vì sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ba nước Đông-dương tuy còn khó khăn phức tạp nhưng chưa bao giờ lớn mạnh và đứng trước những triển vọng tốt đẹp như ngày nay. Giương cao ngọn cờ hòa bình, hữu nghị, với sức mạnh đoàn kết của ba dân tộc kết hợp với sức mạnh của ba đồng thác cách mạng của thời đại, nhân dân ba nước Đông-dương nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiến lên phía trước, giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu của mình, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông - Nam Á và trên toàn thế giới

Viêng-chăn,

ngày 23 tháng 2 năm 1983

TUYÊN BỐ

VỀ QUÂN TÌNH NGUYỄN VIỆT-NAM Ở CAM-PU-CHIA

TRONG lịch sử đấu tranh lâu dài giành độc lập, tự do của mình, nhân dân ba nước Đông-dương luôn luôn đoàn kết giúp nhau, kề vai sát cánh chiến đấu chống kẻ thù chung. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ trước đây, quân tình nguyện Việt-nam đã hai lần cùng lực lượng vũ trang của nhân dân Cam-pu-chia chiến đấu ở Cam-pu-chia và đã rút về nước sau khi Pháp và Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược.

Từ 1975, sau thất bại của đế quốc Mỹ ở Đông-dương, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã công khai tiến hành một chính sách thù địch chống ba nước Đông-dương, sử dụng bọn Pôn Pốt tiến hành cuộc chiến tranh diệt chủng chống nhân dân Cam-pu-chia, xâm lược Việt-nam và phá hoại độc lập và an ninh của Lào, nhằm thôn tính ba nước Đông-dương, dùng làm bàn đạp bành trướng xuống Đông-Nam Á. Xuất phát từ truyền thống đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia và Việt-nam, thực hiện

quyền tự vệ thiêng liêng của mình, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt-nam một lần nữa đã cùng nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia chiến đấu, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, làm thất bại mưu đồ của Trung-quốc.

Sau khi bọn Pôn Pốt bị đánh đổ, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cấu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác tiếp tục chính sách thù địch chống ba nước Đông-dương. Chúng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam tháng 2-1979, sử dụng lãnh thổ Thái-lan làm căn cứ nuôi dưỡng và cung cấp vũ khí cho bọn tàn quân Pôn Pốt và Khơ-me phản động khác tiến hành thâm nhập, đánh phá, lật đổ, chống cuộc hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia, không ngừng khiêu khích và gây tình hình căng thẳng ở biên giới Thái-lan-Cam-pu-chia, biên giới Thái-lan-Lào và ở biên giới Trung-Việt, không ngừng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống ba nước Đông-

đương, phá hoại hòa bình, ổn định ở Đông-Nam Á.

Trước tình hình đó, theo Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác ký giữa hai nước tháng 2-1979, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đã yêu cầu quân tình nguyện Việt-nam tiếp tục ở lại Cam-pu-chia làm nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân và các lực lượng vũ trang Cam-pu-chia trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, chống sự can thiệp của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực phản động khác. Sự có mặt của quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia đáp ứng lợi ích và nguyện vọng thiết tha của nhân dân Cam-pu-chia và hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của Phong trào các nước không liên kết và Hiến chương Liên hợp quốc về quyền của các quốc gia giúp nhau tự vệ.

Trước đây, quân tình nguyện Việt-nam đã cùng lực lượng vũ trang Cam-pu-chia và Lào đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn thực dân và đế quốc chống ba nước Đông-dương, loại trừ nguồn gốc đe dọa hòa bình, an ninh của các dân tộc ở Đông-Nam Á. Lần này, lần thứ ba, quân tình nguyện Việt-nam sang Cam-pu-chia cũng do yêu cầu của hai dân tộc đoàn kết và giúp đỡ nhau đối phó với nguy cơ can thiệp và xâm lược của bên ngoài và không hề đe dọa bất cứ nước nào. Quân tình nguyện Việt-nam ở lại Cam-pu-chia là theo yêu cầu của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và sẽ rút về nước theo yêu cầu của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Bốn năm qua, sự có mặt của quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia đã góp phần làm thất bại âm mưu của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cấu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Trong một thời gian ngắn, với tinh thần thông minh, dũng cảm và năng lực sáng tạo,

nhân dân Cam-pu-chia đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, các lực lượng vũ trang Cam-pu-chia không ngừng lớn mạnh. Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam quyết tăng cường đoàn kết, hợp tác với nhau, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, an ninh của ba nước Đông-dương.

Xuất phát từ lập trường trước sau như một về sự có mặt của quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia và căn cứ vào tình hình hiện nay, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam thỏa thuận như sau:

1—Tất cả quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia sẽ rút về nước sau khi mối đe dọa của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực phản động khác, cũng như việc sử dụng lãnh thổ Thái-lan để chống nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và mọi sự ủng hộ đối với bọn Pôn Pốt và bọn Khơ-me phản động khác được chấm dứt hoàn toàn, hòa bình, an ninh của Cam-pu-chia, đặc biệt là ở biên giới Cam-pu-chia—Thái-lan được bảo đảm.

2—Hàng năm sẽ quyết định việc rút một số quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia về nước trên cơ sở xem xét tình hình an ninh của Cam-pu-chia.

3—Tiếp theo việc rút trong năm 1982 một phần quân tình nguyện Việt-nam khỏi Cam-pu-chia, sẽ rút thêm một số đơn vị quân tình nguyện Việt-nam khỏi Cam-pu-chia trong năm 1983.

4—Trong trường hợp việc rút quân tình nguyện Việt-nam khỏi Cam-pu-chia bị lợi dụng để chống lại hòa bình an ninh của Cam-pu-chia thì Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia sẽ trao đổi ý kiến với Chính

phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam theo Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa hai nước.

Nhân dân Cam-pu-chia mãi mãi ghi nhớ công lao của các cán bộ và chiến sĩ quân tình nguyện Việt-nam, với tinh thần quốc tế cao cả, đã không tiếc xương máu, giúp nhân dân Cam-pu-chia trong sự nghiệp chống sự can thiệp của các thế lực phản động bên ngoài và tay sai của chúng là bọn diệt chủng Pôn Pốt và bọn Khơ-me phản động khác, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân Cam-pu-chia hồi sinh và xây dựng lại đất nước.

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đánh giá cao và nhiệt liệt hoan nghênh quyết định trên đây của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, coi đó là một biểu hiện thiện chí và một đóng góp quan trọng mới cho sự nghiệp hòa bình, an ninh của ba nước Đông-dương và hòa bình, ổn định ở Đông-Nam Á.

Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia khẳng định quyết tâm xây dựng một nước Cam-pu-chia độc lập, hòa bình và không liên kết. Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia một lần nữa tuyên bố rằng: những người Cam-pu-chia trong hàng ngũ Pôn Pốt và các bọn Khơ-me phản động khác đang hợp tác trực tiếp hay là gián tiếp với bọn chúng để chống cuộc hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia, phục vụ âm mưu bá quyền của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực phản động quốc tế, nếu từ bỏ hàng ngũ bọn Pôn Pốt và các bọn Khơ-me phản động khác, chấm dứt hợp tác với chúng, tôn trọng Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, thì được

hưởng mọi quyền công dân, được quyền ứng cử và bầu cử trong các cuộc bầu cử tự do như Hiến pháp đã quy định. Những quan sát viên quốc tế sẽ được mời đến quan sát cuộc tổng tuyển cử tự do ở Cam-pu-chia.

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đánh giá cao chính sách đúng đắn nói trên của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam kiên trì chính sách hòa bình, hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng và mọi nước khác. Với tinh thần đó, ba nước một lần nữa nhắc lại đề nghị ký Hiệp ước không xâm lược, bình thường hóa quan hệ theo những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình với Trung-quốc và các nước ASEAN, đồng thời hợp Hội nghị quốc tế về Đông-Nam Á nhằm giải quyết các vấn đề hòa bình, ổn định trong khu vực.

Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam tin rằng với cố gắng của tất cả các bên liên quan, khu vực Đông-Nam Á luôn luôn ở trong tình hình căng thẳng trong suốt hơn 30 năm qua nhất định sẽ trở thành một khu vực hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác, không có căn cứ quân sự nước ngoài, không có quân đội nước ngoài và không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với lợi ích và lòng mong muốn của nhân dân các nước Đông-Nam Á và nhân dân thế giới.

Viêng-chăn,

ngày 23 tháng 2 năm 1983

Bản chất của luật hình sự xã hội chủ nghĩa

Giáo sư NGUYỄN-NGỌC-MINH



PHÁP chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh. Trong hệ thống pháp luật này, *luật hình sự* chiếm một vị trí hết sức quan trọng.

Luật hình sự của ta có nhiệm vụ bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, chống các tội phạm, tức là các hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm hại đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự. Những luật và pháp lệnh đó đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ Nhà nước cách mạng của ta, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa cũng như bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

Nhưng, trong giai đoạn hiện nay, cả nước làm nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, những pháp luật đó không đủ để đáp ứng nhu cầu của đất nước. Cho nên việc ban hành bộ luật hình sự, *bộ luật đầu tiên* của nước ta là hết sức cấp thiết nhằm phục vụ những nhiệm vụ nói trên đồng thời góp phần hoàn chỉnh pháp luật của Nhà nước ta. Bởi vì «điều kiện của một chính quyền vững vàng và chắc chắn càng tiên bộ, sự trao đổi của dân chúng càng phát triển, thì lại càng phải cấp bách đề ra khẩu hiệu kiên quyết phải có pháp chế cách mạng rộng lớn hơn» (1).

Là một bộ phận quan trọng nhất của hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, luật hình sự nước ta quán triệt lập trường giai cấp công nhân, phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân lao động nước ta do giai cấp công nhân lãnh đạo.

I - BẢN CHẤT GIAI CẤP CỦA LUẬT HÌNH SỰ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong một xã hội có giai cấp, có Nhà nước, các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng pháp luật. Các *quan hệ xã hội* đó trở thành các *quan hệ pháp lý*. Có nhiều loại quan hệ xã

hội, cho nên có nhiều loại pháp luật khác nhau để xử phạt những hành vi

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiểu bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 404.

sai phạm các quan hệ bình thường của xã hội. Nhưng trong các luật, không có luật nào có tính cưỡng chế cao và có những chế tài mạnh mẽ, nghiêm khắc như luật hình sự. Và cũng chỉ những loại hành vi nguy hiểm tới mức nào đó cho giai cấp thống trị, mới thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hình sự.

Từ xã hội nô sang xã hội kia, luật hình sự có những biến đổi sâu sắc. Luật hình sự của các chế độ bóc lột (nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa) đều giống nhau ở một điểm rất cơ bản: nó bảo vệ lợi ích của giai cấp bóc lột, bảo vệ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chế độ người bóc lột người, đàn áp rất tàn nhẫn nhân dân lao động, quy định những hình phạt rất dã man. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, luật hình sự của các nước đế quốc chủ nghĩa nhằm đàn áp không chỉ nhân dân chính quốc mà cả nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc.

Luật hình sự xã hội chủ nghĩa khác hẳn. Nó bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nó bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ không có người bóc lột người. Dự thảo luật hình sự của ta, trong điều 1, viết: «*Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, bảo vệ tính mạng và các quyền cơ bản của công dân, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa mọi hành vi phạm tội...*».

Bản chất giai cấp công nhân của luật hình sự nước ta thể hiện ở những mục tiêu mà nó có nhiệm vụ phải bảo vệ và cũng thể hiện ở những hình phạt đối với các hành vi phạm tội: phản bội Tổ quốc, làm tay sai cho bọn đế quốc và phản động chống

lại Tổ quốc và nhân dân, cũng như những hành vi khác nguy hiểm cho xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đề bảo vệ sự tồn tại và sự vững mạnh của một chế độ, các quyền cơ bản và cả tính mạng của mỗi người dân, luật hình sự xã hội chủ nghĩa trừng phạt *rất kiên quyết* kẻ thù của cách mạng, của chế độ xã hội chủ nghĩa, và những hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nhà nước chuyên chính vô sản càng phải «*là một chính quyền sắt, có dùng khi cần trấn áp bọn bóc lột cũng như bọn lưu manh*» (Do tôi nhấn mạnh — N.N.M.) (2).

Phải kiên quyết như vậy, là vì trong thời kỳ quá độ này «*bọn bóc lột đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt... Chính vì chúng đã thất bại, nên sức phản kháng của chúng càng tăng lên, gấp trăm, gấp nghìn lần*» (3).

Phải kiên quyết như vậy, là vì trong thời kỳ quá độ này, các tàn dư của xã hội cũ — của chủ nghĩa thực dân cũ và mới và chế độ nguy quyền tay sai ở miền Nam trước đây — còn rất dai dẳng và lan rộng do những sơ hở của ta, những tàn dư đó lại được bọn lãnh trưởng bá quyền Bắc-kinh và đế quốc Mỹ ra sức nuôi dưỡng, lợi dụng hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Do đó, Nghị quyết Đại hội V của Đảng ta đã khẳng định. «*Nhà nước ta phải sử dụng đầy đủ cả quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế để giữ vững kỷ cương xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi phạm pháp và các tệ nạn xã hội*».

(2) Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 240.

(3) Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 319.

Quản trịet đường lối đó, dự thảo luật hình sự của ta (trong điều 3) viết: «*Nghiêm trị bọn chủ mưu, bọn cầm đầu, bọn ngoan cố chống đối, bọn lưu manh côn đồ, bọn phạm tội, bọn thoái hóa lợi dụng chức vụ, quyền hạn, tổ chức hợp pháp để phạm tội, bọn phạm tội có tổ chức, bọn cố ý gây hậu quả nghiêm trọng*»

Nhưng đồng thời luật hình sự của ta nhất quán thể hiện *bản chất nhân đạo* của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là một đặc điểm chỉ đạo của đường lối hình sự của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Thể hiện tinh thần đó, trong hệ thống hình phạt của luật hình nước ta có hình phạt *cải tạo không giam giữ*. Đây là một hình phạt không tước tự do của người phạm tội, tức là không cách ly đương sự khỏi xã hội mà giao cho những tổ chức xã hội giáo dục hoặc gia đình bảo lãnh. Cần nói rõ rằng đây là hình phạt đối với những người phạm tội lần đầu, phạm tội ít nghiêm trọng, tính chất nguy hiểm cho xã hội không lớn, người phạm tội trước đây có nhân thân tốt, và đã biết ăn năn hối lỗi. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị phạt phải chịu sự giám sát của xã hội và phải cải tạo tốt. Thực tiễn áp dụng hình phạt này ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em cho thấy hình phạt này có tác dụng tích cực đối với người phạm tội và gia đình họ, và cũng có lợi đối với xã hội.

Tinh nhân đạo của luật hình sự nước ta thể hiện ở chỗ khi xét xử thì *khoan hồng* đối với những kẻ có tội

tự nguyện ra thú, những phạm nhân thật thà hối cải, lập công chuộc tội, những người tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại đã gây ra.

Tinh nhân đạo đó còn thể hiện ở thái độ của Nhà nước đối với những người phạm tội trong thời gian họ chấp hành án và sau khi họ đã chấp hành xong bản án. Nhà nước có chính sách cải tạo, giáo dục để họ không tái phạm và trở thành người công dân có ích cho xã hội. Trong thời gian chấp hành án, nếu họ có nhiều tiến bộ, họ được xét *giảm án* và có thể được *thả trước thời hạn* theo những điều kiện luật định. Sau khi đã chấp hành xong hình phạt, nếu sau một thời gian nhất định (dài hay ngắn tùy theo tính chất của tội phạm và hình phạt đã tuyên), họ cải tạo tốt, không phạm tội nữa, thì họ được xóa án, tức là coi như chưa phạm tội. Đây là những chế định mới nhằm mục đích cải tạo tốt những người đã trót phạm tội, mở đường cho họ quay lại cuộc sống lương thiện.

Một biểu hiện quan trọng nữa nói lên tinh nhân đạo của luật hình sự xã hội chủ nghĩa, là *xu hướng phi hình sự hóa*. Điều đó phù hợp với quy luật phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa. Dưới chủ nghĩa xã hội chế độ xã hội mới ngày càng vững mạnh, các thành viên trong xã hội ngày càng có tính tự giác cao, các nguyên nhân xã hội gây ra tội phạm ngày càng giảm bớt, tiến tới bị xóa bỏ tận gốc, các tội phạm ngày càng ít đi, danh mục các tội phạm giảm dần, tiến tới không còn nữa.

II – TỘI PHẠM VÀ HÌNH PHẠT DƯỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Dưới các chế độ khác nhau, tội phạm được quan niệm một cách khác nhau. Tính chất tiến bộ hay phản động của một chế độ biểu hiện một

cách rất rõ nét qua việc xác định tội phạm và hình phạt.

Chúng ta hãy lấy *Bộ luật Gia-Long* làm ví dụ. Ngoài “mười tội

ac" mà các chế độ phong kiến thường quy định — trong đó tội mưu cướp ngôi vua, lật đổ triều đại; tội phá hủy tôn miếu, lăng tẩm, cung điện nhà vua; tội phản nước, theo giặc, là ba tội nặng nhất —, nhà Nguyễn còn đặt nhiều tội mới để bảo vệ cái chế độ phong kiến đã suy tàn của chúng. Về hình phạt, ngoài 5 hình phạt cổ điển của các chế độ phong kiến trước (Xuy, trượng, đồ, lưu, tử) (4), nhà Nguyễn còn đặt những hình phạt đã man hơn nhiều: *giảo* (thắt cổ), *lăng trì* (xẻo, róc thịt, móc mắt cho chết dần), *trảm khiêu* (chém bêu đầu), *lục thụ* (chém, bầm xác chết v.v.) Dưới thời Nguyễn cũng có cả hình phạt *dào mã*, hoặc người đã chết cũng vẫn bị *chém bêu đầu* v.v. Còn *Bộ luật hình sự (năm 1972 của Thiệu)* thì gồm có 493 điều. Với những cái tên: các tội xâm phạm an ninh quốc ngoại, các tội xâm phạm an ninh quốc nội (mưu hại và âm mưu chống chính phủ, khuấy rối quốc gia...) ghi từ điều 108 đến điều 135, và rất nhiều tội khác, bộ luật đó của Mỹ — nguy là nhằm bảo vệ cái chế độ phát xít vô cùng tàn bạo của chúng và khủng bố một cách vô cùng man rợ đồng bào yêu nước chúng ta ở miền Nam.

Trái lại, luật hình sự của chúng ta được xây dựng trên cơ sở quan niệm tội hình sự là những hành vi xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, xâm phạm thể chế kinh tế và sở hữu xã hội chủ nghĩa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản của công dân, xâm phạm trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Song trong quá trình lịch sử từ khi nhân dân mới giành được chính quyền từ tay đế quốc và các giai cấp bóc lột đến khi chính quyền đã được củng cố vững mạnh; hoặc trong thời kỳ cải

tạo xã hội chủ nghĩa và thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội; hoặc từ thời chiến chuyển sang thời bình v.v. — ta thấy rõ các tội danh ở đây có thể giống nhau nhưng hình phạt không giống nhau.

Cho nên, tội phạm rõ ràng là một phạm trù lịch sử và luật hình sự xã hội chủ nghĩa có những bước phát triển theo sát hoàn cảnh lịch sử cũng có chế độ xã hội mới.

Luật hình sự có tính rất nghiêm khắc, cho nên nó phải tuân theo một số nguyên tắc rất chặt chẽ:

— Không thể tùy tiện, không thể suy diễn một hành vi nào đó là một tội, mà *tội phải do luật định*.

— Người phạm tội phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Không truy cứu trách nhiệm hình sự một em bé hoặc một người mất trí.

— *Hình phạt cũng do luật định*, tùy theo tính chất của tội phạm và mức độ nguy hiểm cho xã hội, tùy theo tính tiết phạm tội và nhân thân của người phạm tội.

— *Hình phạt do tòa án tuyên xử*, đúng như luật định, lấy Hiến pháp làm nền tảng. Việc xét xử của tòa án phải tuân theo những thủ tục do luật định để bảo đảm xét xử được công minh, khách quan, không hề lọt kẻ có tội, không hề một người bị xử oan.

Tội phạm là đặc trưng của xã hội có giai cấp đối kháng, có chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và chế độ người bóc lột người. Mác viết trong *Gia đình thân thánh*: muốn xóa bỏ tội phạm, « phải xóa bỏ các nguồn chống đối xã hội của tội phạm ». Vì thế Mác cho rằng nhà làm luật thông minh

(4) *Xuy* là đánh bằng roi, *trượng* là đánh bằng gậy, *đồ* là phạt tù khổ sai, *lưu* là phạt đi đày, *tử* là bị giết chết.

bao giờ cũng làm tất cả để phòng ngừa tội phạm, chứ không để sau này buộc phải trừng trị kẻ phạm tội.

Xu hướng phòng ngừa, vì thế là một đặc trưng của luật hình sự xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, khoa học hình sự hiện đại xã hội chủ nghĩa rất đề cao xu hướng này.

Lê-nin rất coi trọng vấn đề phòng ngừa tội phạm và đã chỉ ra nhiều biện pháp thiết thực để đạt mục tiêu này: áp dụng hình phạt kịp thời; tạo điều kiện cho quần chúng tham gia rộng rãi vào quá trình quản lý người phạm tội; nâng cao đời sống vật chất, nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng; giáo dục rộng rãi pháp luật trong quần chúng nhân dân; không ngừng tăng cường tính tích cực, tính tự giác của quần chúng bảo vệ và chấp hành pháp chế xã hội chủ nghĩa; tiến hành công tác thống kê và phân tích tội, tìm ra nguyên nhân để phòng ngừa xảy ra tội.

Ở Việt-nam ta, phương hướng phòng ngừa tội phạm rất được coi trọng và đã được thể chế hóa trong Hiến pháp mới (điều 12).

Một điểm khác nhau rất cơ bản nữa giữa luật hình sự xã hội chủ nghĩa và luật hình sự tư sản là luật hình sự tư sản có xu hướng *nới rộng hình sự hóa* (criminalisation) để đàn áp dã man nhân dân lao động. Bản chất của Nhà nước tư sản, của pháp luật tư sản là áp bức, bóc lột. Vấp phải sự chống đối của nhân dân, thì chúng tăng cường đàn áp. Cái gì nhằm chống lại chúng là chúng đều muốn đưa lên thành tội hình sự. Do đó các bộ luật hình sự của chúng rất dài, và có xu hướng ngày một dài thêm (5).

Cộng thêm vào đường lối phân biệt chủng tộc, phân biệt màu da, luật hình sự của Mỹ càng man rợ hơn nữa. Theo giáo sư F. Phóc-xlăn, so việc bắt bớ, kết án tù đầy giữa người da đen và người da trắng ở Mỹ, thì

cảnh sát Mỹ đã bắt người nam da đen 7 lần nhiều hơn người nam da trắng, và bắt người nữ da đen 11 lần nhiều hơn người nữ da trắng; đã đưa truy tố người nam da đen nhiều hơn 7 lần, và truy tố người nữ da đen nhiều hơn 12 lần; đã bỏ tù người nam da đen nhiều hơn 10 lần và bỏ tù người nữ da đen nhiều hơn 14 lần.

Tuy nhiên, do bản chất tàn bạo của luật hình sự Mỹ và do sự thối nát của chế độ xã hội Mỹ, số trường hợp phạm tội ở Mỹ vẫn ngày một tăng. Theo báo cáo hằng năm của Cục điều tra liên bang Mỹ (F.B.I.) thì trong năm 1981, cứ 24 giây lại xảy ra một vụ trọng tội; cứ 6 phút lại có một vụ hiếp dâm; cứ 26 phút lại có một vụ giết người. Tổng cộng năm 1981 có 13 triệu vụ phạm tội. Số vụ tội ác từ 1977 đến 1981 đã tăng 22%. Theo một phóng viên đài truyền hình Mỹ (CBS), hiện nay Mỹ đang chiếm kỷ lục về tỷ lệ phạm tội trong thế giới phương Tây.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, trái lại, do bản chất tốt đẹp của chế độ, do tác dụng của giáo dục và cải tạo, xu hướng *phủ hình sự hóa* (décriminalisation) ngày càng phát triển. Các bộ luật hình sự của các nước xã hội chủ nghĩa có xu hướng ngày càng ngắn lại (6).

Và các Nhà nước xã hội chủ nghĩa tìm mọi cách làm cho các vụ phạm pháp hình sự ngày càng giảm đi.

(5) Bộ luật hình sự của Ý gồm 734 điều, của Pháp gồm 475 điều, của Tây-ban-nha 604 điều... Bộ luật hình sự (năm 1972) của Nguyễn-Văn-Thiệp gồm 193 điều.

(6) Nói chung mỗi bộ luật có khoảng 300 điều. Các bộ luật hình sự của các nước Cộng hòa Liên-xô gồm: E-xô-ni (244 điều — đây là bộ luật hình sự ngắn nhất), Tuyéc-mé-ni (299 điều — đây là bộ luật hình sự dài nhất của Liên-xô) Bộ luật hình của Cộng hòa dân chủ Đức có 283 điều, của Tiệp-khắc 301 điều, của Hung-ga-ri: 367 điều v.v. Bộ luật hình sự của ta có khoảng 300 điều.

III - XÂY DỰNG LUẬT HÌNH SỰ LÀ MỘT CÔNG TÁC KHOA HỌC

Xã hội loài người từ chỗ không có luật hình sự thành văn, mà chỉ *theo tục lệ* (như « sây da ba quan », « chầy máu sáu quan », « giết người phải đền mạng » v.v.) tiến lên có *luật hình sự thành văn*, là một bước phát triển lớn.

Hồi Cách mạng Tháng Mười Nga mới thành công, trong lúc Nhà nước Xô viết mới xây dựng được những pháp luật hình sự còn sơ sài, Lê-nin đề ra phải căn cứ vào *ý thức cách mạng* (Conscience révolutionnaire) mà đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của một hành vi đối với xã hội. Nhưng sau đó, pháp luật hình sự được xây dựng ngày càng hoàn chỉnh, các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng pháp luật, thì ý thức cách mạng được thay bằng *ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa* (conscience juridique socialiste). Và cái trật tự mà luật hình sự phải bảo vệ là *trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa* (ordre légal socialiste), chứ không phải *trật tự xã hội* (ordre social) chung chung.

Ngày nay, luật hình sự đã trở thành một môn khoa học. Cho nên xây dựng luật hình sự là một công tác khoa học. Tính khoa học đó thể hiện ở chỗ luật hình sự dựa trên hệ thống các quan hệ xã hội mà nó phải điều chỉnh. Các quan hệ xã hội này phát triển theo những quy luật khách quan.

Để xây dựng bộ luật hình sự Việt-nam, trước hết chúng ta xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt-nam, từ tính hình xã hội nước ta, từ nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đã vạch ra cho toàn dân trong giai đoạn tới.

Chúng ta dựa trên những kinh nghiệm thực tế đấu tranh chống tội phạm trong mấy chục năm qua, đồng

thời dự đoán diễn biến của tội phạm trong thời gian tới, trong hoàn cảnh nước ta đang ở vào tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt do bọn hành trưởng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ gây ra, vừa phải sẵn sàng đối phó với khả năng có thể xảy ra chiến tranh quy mô lớn. Do đó tính hình quân lý xã hội ở nước ta vừa mang tính chất thời bình, vừa mang tính chất thời chiến. Chúng ta vừa phải có những biện pháp bình thường, vừa phải sử dụng những biện pháp đặc biệt.

Chúng ta còn phải biết sử dụng các thành tựu của các ngành khoa học xã hội (như xã hội học, tâm lý học, sư phạm học, triết học, sử học v.v.), đặc biệt chúng ta phải nắm vững khoa học pháp lý, nhất là khoa học hình sự, khoa học về tội phạm, kỹ thuật xây dựng văn bản, những kinh nghiệm về pháp điển hóa. Trong thời đại cách mạng khoa học và kỹ thuật ngày nay, chúng ta còn phải biết kết hợp khoa học luật pháp với những thành tựu của một số ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.



Việc Nhà nước ta ban hành Bộ Luật hình sự có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt. Nó sẽ góp phần tích cực vào việc quản lý xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, khuyến khích các hành động lành mạnh, tự giác tuân theo pháp luật, củng cố kỷ cương Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa

ĐÀO TẠO VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NÔNG NGHIỆP

ĐƯỜNG - HỒNG - DẬT

MUỐN đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, một trong những vấn đề quan trọng, có tính chất quyết định, là *đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật*. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã viết: "Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế, cán đối và đồng bộ, hợp với yêu cầu cách mạng trong chặng đường hiện nay và sắp tới" (1).

Chúng ta đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ nông nghiệp bao gồm hàng chục vạn kỹ thuật viên và cán bộ trung cấp, hàng chục nghìn cán bộ đại học và trên đại học. Đội ngũ này đã góp phần tích cực đưa sản xuất nông nghiệp nước ta phát triển trong thời gian vừa qua. Tuy vậy, đội ngũ đó còn bộc lộ nhiều nhược điểm và còn nhiều lúng túng trong việc biến đường lối xây dựng và phát triển nông nghiệp của Đảng thành hiện thực. Nhiều chỉ tiêu trong công nghiệp không thực hiện được, nhiều vùng nông nghiệp giảm sản tại chỗ, nhiều nơi nông nghiệp nhích lên một cách chậm chạp

hoặc hầu như không có tiến bộ. Tình hình đó đòi hỏi phải từng bước xây dựng quy hoạch đào tạo và sử dụng cán bộ nông nghiệp.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ nông nghiệp trước hết phải nhằm đào tạo và xây dựng một đội ngũ đủ sức giải quyết các vấn đề ăn, mặc cho nhân dân ta, nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu. Quy hoạch đội ngũ cán bộ phải tính đến việc giải quyết các nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp vừa theo chiều sâu, vừa theo chiều rộng. Diện tích canh tác bình quân một người của nước ta vào loại thấp thế giới. Chúng ta cần có những cán bộ giỏi, chuyên sâu cho từng loại sản phẩm, cho từng khâu sản xuất, từng mặt tác động đối với mỗi loại sản phẩm. Cùng với những cán bộ chuyên, chúng ta cần có những cán bộ hiểu biết rộng về từng nhóm sản phẩm, đủ sức tổ chức và giải quyết các vấn đề của sản xuất ở mức độ nhất định để khai thác tốt và hợp

(1) * Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong năm (1981 — 1985) và những năm 80 *. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 120.

lý tài nguyên thiên nhiên và đất đai, làm cho nền nông nghiệp nước ta phong phú và đa dạng trên cơ sở chuyên canh, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ phải được tính toán trên cơ sở định hướng hoạt động để đạt các mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện và trình độ của nền kinh tế nước ta. Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội với nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, vì vậy, đội ngũ cán bộ nông nghiệp không thể quy hoạch và xây dựng chỉ theo hướng cơ giới hóa, hóa học hóa, điện khí hóa... mà phải được quy hoạch theo hướng phát huy đến mức cao nhất các kết quả của sinh vật học kết hợp sử dụng tốt các biện pháp công nghiệp và biện pháp kinh tế, như Nghị quyết số 37 của Bộ chính trị Về chính sách khoa học và kỹ thuật đã chỉ rõ. Phương hướng này đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ đủ sức thực hiện một nền nông nghiệp sinh thái, giải quyết các vấn đề thâm canh, đưa năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi lên, trên cơ sở các quy luật sinh học. Đội ngũ này phải đủ sức tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học, xác định các tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các quy trình kỹ thuật, tổ chức đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, biến khoa học kỹ thuật thành lực lượng sản xuất trực tiếp trong thời gian ngắn nhất. Đội ngũ này phải có khả năng tìm tòi, xác định và vận dụng nhiều biện pháp sinh học (cơ cấu cây trồng, thời vụ, giống, phân hữu cơ, thuốc trừ sâu, thảo mộc, côn trùng, vi sinh vật có ích, v.v.) trong mọi trường hợp. Phương hướng này cũng đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải giải quyết tốt các vấn đề kinh tế, tổ chức và quản lý sản xuất, tạo nên sức mạnh to lớn

đưa sản xuất đi lên trong điều kiện vật tư, kỹ thuật còn thiếu thốn.

Các biện pháp công nghiệp (cơ khí, hóa học, điện, năng lượng...) là những yếu tố rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động, thực hiện một nền nông nghiệp tập trung, thâm canh. Tuy nhiên, nền công nghiệp nước ta chưa phát triển đến mức đủ thỏa mãn các nhu cầu của một nền nông nghiệp thâm canh, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, trong một thời gian nhất định, đội ngũ cán bộ nông nghiệp phải tìm ra con đường đưa nông nghiệp đi lên phù hợp với hoàn cảnh của ta; phải biết cách sử dụng các phương tiện và biện pháp công nghiệp còn ít ỏi mà ta có được một cách có hiệu quả nhất, tiết kiệm nhất.

Trên cơ sở mục tiêu và phương hướng quy hoạch đội ngũ cán bộ nông nghiệp trên đây, quy mô và cơ cấu đội ngũ có thể như sau:

Về số lượng: mỗi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, với diện tích canh tác 300 - 500 héc ta sẽ có bình quân 10 đội sản xuất cơ bản. Số lao động ở mỗi hợp tác xã là trên dưới 1000 người. Trong số đó khoảng 20% cần được đào tạo thành kỹ thuật viên để hoạt động trong các tổ, đội chuyên (đội giống, đội bón phân, đội bảo vệ thực vật, tổ thủy nông, tổ phân bón, nhóm thú y, v.v.). Các kỹ thuật viên này hoạt động dưới sự chỉ đạo của các cán bộ trung cấp kỹ thuật trong nhiệm vụ đội trưởng các đội chuyên. Ngoài ra; để điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất ở các đội cơ bản, đội trưởng và các đội phó cũng cần có trình độ trung cấp kỹ thuật (trồng trọt, chăn nuôi) hoặc kinh tế, nghiệp vụ (kế hoạch, thống kê). Nói chung, cán bộ trung cấp chưa được trang bị kiến thức thật đầy đủ để có thể hoạt động độc lập, cho nên, những cán bộ trung cấp này muốn phát huy được

tác dụng căn cơ sự chỉ đạo của các cán bộ có trình độ đại học. Mỗi hợp tác xã cần có một chủ nhiệm có trình độ đại học để tổ chức và chỉ đạo sản xuất một cách có cơ sở khoa học, đồng thời tập hợp và chỉ đạo hoạt động của đội ngũ cán bộ đại học, trung học và kỹ thuật viên. Kế toán trưởng, kỹ thuật trưởng trồng trọt, kỹ thuật trưởng chăn nuôi ở hợp tác xã cũng cần có trình độ đại học mới có thể giải quyết được các vấn đề của sản xuất và tổ chức hoạt động cho hàng chục cán bộ trung cấp, hàng trăm kỹ thuật viên một cách có hiệu quả. Như vậy, ở mỗi hợp tác xã, bình quân phải có 200 kỹ thuật viên: 30 cán bộ trung cấp và 4 cán bộ đại học (có thể là cao đẳng nông nghiệp). Nếu cả nước đến lúc ổn định chúng ta có từ 20 đến 30 nghìn hợp tác xã thì phải có 4 - 6 triệu kỹ thuật viên, 600 - 800 nghìn cán bộ trung cấp, 80 - 120 nghìn cán bộ đại học. Số cán bộ này không nằm trong biên chế Nhà nước.

Hiện nay chúng ta có trên 400 nông trường quốc doanh, mỗi nông trường có diện tích canh tác 1000 - 5000 héc ta (một số nông trường có diện tích lớn hơn). Trong quá trình khai hoang mở thêm đất nông nghiệp, chúng ta còn có thêm nhiều nông trường mới, đặc biệt ở các vùng trồng cây công nghiệp dài ngày. Bình quân mỗi nông trường cần có 1000 - 2000 kỹ thuật viên, 200 - 300 cán bộ trung cấp và 30 - 40 cán bộ đại học. Trong vài kế hoạch 5 năm tới, chúng ta sẽ có khoảng 500 nông trường và như vậy, sẽ cần 100 - 150 nghìn cán bộ trung cấp, 500 nghìn - 1 triệu kỹ thuật viên, 15 - 20 nghìn cán bộ đại học.

Chúng ta có trên 400 huyện và 40 đơn vị hành chính cấp tỉnh. Hoạt động của đội ngũ cán bộ nông nghiệp được sắp xếp trong các hệ thống bộ máy Nhà nước trên bốn lĩnh vực: đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học; thực hiện và quản lý kỹ thuật; chỉ đạo

sản xuất và quản lý Nhà nước; sản xuất và kinh doanh. Bốn lĩnh vực hoạt động này được tổ chức theo hai hướng: chuyên ngành (cây lúa, cây cao su..., con lợn, gia cầm, v.v.) và chuyên đề (giống, nông hóa, bảo vệ thực vật, thú y, v.v.). Ở mỗi huyện có ban nông nghiệp, trường nông nghiệp đào tạo kỹ thuật viên cho các hợp tác xã, các trạm kỹ thuật bảo vệ thực vật, thú y, các trại giống lúa cấp 2, trại giống lợn, trại bò sữa, cơ sở chế biến thức ăn gia súc, v.v. Đề các huyện có thể tập hợp và chỉ đạo hoạt động của đội ngũ cán bộ nông nghiệp ở các hợp tác xã và bảo đảm có những hoạt động sâu vào một số lĩnh vực, mỗi huyện cần có khoảng 40 cán bộ trung học và 20 - 25 cán bộ đại học. Như vậy, với 400 huyện, chúng ta cần có khoảng 16 nghìn cán bộ trung cấp và 8 - 10 nghìn cán bộ đại học.

Các tỉnh có ty nông nghiệp với bộ máy phát triển để bảo đảm thực hiện quản lý Nhà nước trên nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Tỉnh có trường trung học nông nghiệp, trung tâm thực nghiệm kỹ thuật, các trạm bảo vệ thực vật, thú y, các trại giống lúa, giống lợn. Tỉnh có nhiều công ty kinh doanh và sản xuất các sản phẩm nông nghiệp như công ty ong, tằm, gia cầm, cá... Một số tỉnh tổ chức công ty theo sản phẩm cây công nghiệp như mía, thuốc lá, cà phê, cao su, chè, v.v. Để bảo đảm hoạt động của các tỉnh triển khai đầy đủ trên tất cả các lĩnh vực, mỗi tỉnh cần có 150 - 200 cán bộ đại học và 300 - 400 cán bộ trung cấp. Với 40 đơn vị cấp tỉnh chúng ta cần có 12 - 16 nghìn cán bộ trung cấp, 6 - 8 nghìn cán bộ đại học.

Ở trung ương hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước được tổ chức theo hướng gọn nhẹ bảo đảm hiệu quả chỉ đạo và quản lý cao. Hệ thống các viện nghiên cứu khoa học phải được xây dựng để giải quyết các vấn đề

phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái nhiệt đới. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học phải được tổ chức để đào tạo đội ngũ cán bộ đồng bộ và phân bố đều trên địa bàn cả nước. Hệ thống các công ty cũng cần được xây dựng đủ để tổ chức sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu trong nước và nhu cầu xuất khẩu cũng như hợp tác kinh tế với các nước trên thế giới. Ngoài ra còn có một số hệ thống kỹ thuật như giống cây trồng, giống gia súc, bảo vệ thực vật, thú y, cơ giới, v.v. Theo những tính toán bước đầu, để bảo đảm cho các hệ thống trên đây hoạt động tốt, cần có vào khoảng 30 - 40 nghìn cán bộ trung cấp và 15 - 20 nghìn cán bộ đại học. Mặt khác cần khoảng 5 - 10 nghìn cán bộ đại học nông nghiệp và một số tương đương cán bộ trung cấp nông nghiệp hoạt động ở các ngành kinh tế, khoa học kỹ thuật, quản lý Nhà nước (đại học, quân đội, giáo dục, nội vụ, v.v.).

Như vậy, về số lượng, đội ngũ cán bộ nông nghiệp trong thời gian tới phải có 5 - 7 triệu kỹ thuật viên, 750 nghìn - 1 triệu cán bộ trung cấp, 130 - 190 nghìn cán bộ đại học. Trong số này hoạt động ở hợp tác xã tương ứng là 4 - 5 triệu, 600 - 800 nghìn và 80 - 120 nghìn. Sau khi đạt số lượng trên đây, để duy trì đội ngũ này, với thời gian hoạt động của mỗi người tính từ khi ra trường là 30 năm thì hằng năm phải đào tạo 170 - 230 nghìn kỹ thuật viên. (Số này được đào tạo ở các trường nông nghiệp huyện và các trường công nhân). Với hơn 400 trường ở các huyện, mỗi năm mỗi trường phải đào tạo 425 - 500 người. Hằng năm để đào tạo 25 - 30 nghìn cán bộ trung cấp, với 45 trường trong cả nước, mỗi trường sẽ phải đào tạo 550 - 600 người. Có thể phân công cho các trường đại học đào tạo cán bộ cho khu vực Nhà nước, các trường cao đẳng đào tạo cán bộ cho khu vực

kinh tế tập thể. Các trường đại học sẽ phải đào tạo hằng năm 2000 - 2500 người. Với 6 trường và khoa trong cả nước, mỗi trường, khoa sẽ phải đào tạo bình quân là 350 - 450 người. Riêng hệ thống cao đẳng, hằng năm phải đào tạo cho hợp tác xã 2700 - 4000 người. Nếu mỗi trường đào tạo 300 người một năm, chúng ta cần có 9 - 12 trường cao đẳng. Hiện nay ở các hợp tác xã hầu như chưa có cán bộ đại học hoạt động, vì vậy, đây là một khâu còn trống và với tốc độ đào tạo này phải sau 30 năm nữa mới đạt đến con số quy hoạch.

Về cơ cấu đội ngũ: quy hoạch cán bộ nông nghiệp bảo đảm sự cân đối giữa các ngành, giữa các chuyên ngành, chuyên đề, tạo nên một đội ngũ đủ sức giải quyết các mặt của sản xuất theo hướng đã xác định. Sản xuất nông nghiệp bao gồm nhiều khâu: từ quy hoạch, làm đất, chuẩn bị: đến gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và cuối cùng là phơi sấy, bảo quản, chuyên chở. Mỗi khâu bao gồm một số chuyên đề. Thí dụ gieo trồng bao gồm giống, mật độ gieo, thời vụ gieo, độ sâu gieo hạt, v.v. Ở mỗi chuyên đề, mỗi khâu người cán bộ nông nghiệp phải giải quyết nhiều vấn đề khoa học kỹ thuật, xử lý nhiều tình huống diễn biến khác nhau. Đối với từng loại cây trồng, vật nuôi, từng loại sản phẩm, cơ cấu đội ngũ cán bộ phải cân đối giữa các chuyên đề, các khâu mới làm cho quá trình sản xuất tiến hành thuận lợi trên cơ sở khoa học bảo đảm sản xuất được thực hiện theo hướng thâm canh và đạt kết quả ổn định trong điều kiện thường xuyên có nhiều thay đổi của sản xuất nông nghiệp.

Từng chuyên đề trong nông nghiệp giống, bảo vệ thực vật, đất, phân bón, thú y, v.v. cũng bao gồm nhiều khâu phải được giải quyết từ những vấn đề cơ bản, cơ sở chuyên ngành cho đến các biện pháp kỹ thuật, các quy

trình, các nguyên tắc vận dụng và điều khiển. Cơ cấu đội ngũ trong từng chuyên đề cần được bố trí cân đối, đồng bộ mới đưa được những kết quả nghiên cứu khoa học thành những tiến bộ khoa học kỹ thuật rồi thành những biện pháp sản xuất. Như vậy, trong từng chuyên đề cơ cấu của đội

ngũ cán bộ phải được bố trí theo chiều sâu.

Cơ cấu đội ngũ cán bộ cũng cần được bố trí cân đối giữa trung ương và địa phương. Nếu đội ngũ cán bộ thiếu đồng bộ hoặc thiếu về số lượng sẽ không tập hợp và phát huy được tác dụng của đội ngũ ở cấp thấp hơn cũng như của đội ngũ ở cấp cao hơn.



Đề xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp đủ sức thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ mà Đảng đề ra, trong những năm trước mắt chúng ta cần làm tốt một số công việc cụ thể sau đây:

1 — *Cải tiến công tác tuyển sinh*, đưa vào đào tạo những lực lượng trẻ của mọi vùng đất nước cho họ có đầy đủ kiến thức và nhiệt tình phục vụ nông nghiệp, yêu quê hương, yêu đồng ruộng, gần bó với nông thôn. Muốn vậy, cần thực hiện chế độ *chiêu sinh từ cơ sở*. Chỉ có chiêu sinh từ cơ sở mới bảo đảm được sự phân bố cán bộ đồng đều ở các vùng khác nhau và đề họ yên tâm công tác.

Cần làm tốt công tác hướng dẫn lựa chọn nghề nghiệp trong các trường phổ thông trung học, trên cơ sở tự nguyện để tuyển chọn các em có năng khiếu về nông nghiệp, yêu quê hương, đồng ruộng vào học ở các trường nông nghiệp. Cần kết hợp tốt công tác tuyển chọn với việc *cử cán bộ từ cơ sở đi học*. Việc này có ý nghĩa rất lớn đối với các cơ sở sản xuất nông nghiệp, nhất là các hợp tác xã. Hợp tác xã, nông trường chọn cử những cán bộ, công nhân của mình có đủ trình độ tương ứng để đào tạo ở các trường trung học, đại học, công nhân. Sau khi tốt nghiệp họ sẽ trở về công tác ở cơ sở cũ. Như vậy, cán bộ được đào tạo sẽ rất

quen thuộc với địa bàn hoạt động và được định hướng khá rõ nét trong quá trình học tập.

Đề thực hiện tốt việc chiêu sinh từ cơ sở, kết hợp tốt tuyển và cử người đi học, cần xây dựng và thực hiện quy hoạch chiêu sinh và đào tạo cán bộ nông nghiệp theo vùng sản xuất. Quy hoạch chiêu sinh cần được xây dựng cho từng huyện, kết hợp tốt công tác đào tạo với công tác cán bộ. Không những dự kiến về số lượng, trình độ cán bộ sẽ được đào tạo mà còn dự kiến cả thời gian, trong một số trường hợp có thể dự kiến cả từng người được đào tạo cụ thể.

2 — *Nâng cao chất lượng việc giảng dạy và học tập*.

Cho đến nay, sau nhiều năm làm công tác đào tạo, chúng ta đã có đủ kinh nghiệm và cơ sở để xây dựng mục tiêu cho từng trình độ, từng loại cán bộ được đào tạo. Chúng ta cũng có đủ điều kiện để phân hóa mục tiêu trong mỗi trình độ đào tạo. Thí dụ: ở trình độ đại học có thể phân hóa mục tiêu đào tạo riêng cho khu vực hợp tác xã và đào tạo riêng cho biên chế Nhà nước. Đối với một số loại cán bộ, chúng ta đã có thể đào tạo theo chức danh: kế toán trưởng cho hợp tác xã, kỹ thuật trưởng trồng trọt, kỹ thuật trưởng chăn nuôi, v.v.

Trong công tác giảng dạy, cần làm rõ đặc điểm của sản xuất nông nghiệp nước ta, quán triệt sâu sắc đường lối xây dựng và phát triển sản xuất nông nghiệp của Đảng ta, không ngừng nâng cao trình độ lý luận để theo kịp sự phát triển của khoa học nông nghiệp trên thế giới của các hướng mũi nhọn của khoa học từ đó mà không ngừng nâng cao trình độ thực hành, tay nghề của cán bộ được đào tạo. Cần thực hiện tốt nguyên lý giáo dục của Đảng và nghị quyết về cải cách giáo dục. Hướng nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ nông nghiệp là làm cho họ có đủ trình độ và khả năng xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại theo đường lối của Đảng, phù hợp với điều kiện thiên nhiên, kinh tế, xã hội của ta, thể hiện đầy đủ các thành tựu của khoa học trong nước và trên thế giới.

3 - Cải tiến việc sử dụng cán bộ và thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ:

Cần tạo được sự đồng bộ trên các mặt chuyên ngành, chuyên đề, trình độ, số lượng để có thể giải quyết dứt điểm những vấn đề then chốt. Nhanh chóng hình thành những tập thể chuyên gia giỏi có đủ sức giải quyết xuất sắc các vấn đề lý luận cũng như thực tế của sản xuất. Cần phân bố rộng rãi đội ngũ cán bộ để không bỏ trống bất kỳ lĩnh vực, khu vực nào của sản xuất nông nghiệp. Quy hoạch sử dụng cán bộ cần phù hợp với quy hoạch chiêu sinh và quy hoạch đào tạo.

Xây dựng chế độ trách nhiệm của mỗi người trên từng vị trí công tác, ban hành những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ kỹ thuật trong sản xuất. Thông qua quá trình thực hiện chức trách và nhiệm vụ của mỗi người mà không ngừng bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho họ. Để có thể tiến kịp trình độ phát triển của khoa học và sản

xuất, cần có kế hoạch bồi dưỡng tập trung định kỳ và thường xuyên cho mỗi loại cán bộ, công việc bồi dưỡng sẽ được thực hiện tốt trong các tập thể chuyên đề, chuyên ngành, khi ở các tập thể đó có những cán bộ đầu đàn có trình độ và uy tín.

4 - Xây dựng đồng bộ hệ thống chế độ, chính sách để thúc đẩy sự hình thành và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Trước hết, cần có những chính sách bảo đảm cho đội ngũ cán bộ có điều kiện đem hết sức mình ra phục vụ đất nước, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế của Đảng. Bảo đảm cho người cán bộ được hoạt động theo nghề nghiệp được đào tạo, được phát huy hết khả năng và sức lực. Có những chính sách bảo đảm cho các tập thể chuyên ngành, chuyên đề hoạt động tốt, gắn bó với nhau, cùng công tác, cùng chịu trách nhiệm.

Các chính sách cần giải quyết tốt các mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động chuyên môn của đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp. Có chính sách động viên, khen thưởng những cán bộ có thành tích, xử phạt những cán bộ thiếu trách nhiệm, phạm sai lầm, đồng thời bảo đảm cho sự học tập, không ngừng nâng cao trình độ của cán bộ ở bất kỳ vị trí công tác nào. Cần có chính sách khuyến khích những người công tác ở nông thôn, ở các vùng xa xôi, miền núi, hải đảo...

Để xây dựng được đội ngũ cán bộ nông nghiệp như trên, phải có một thời gian vài chục năm và phải được nhiều ngành, nhiều cấp quan tâm, góp sức. Nhưng ngay từ bây giờ, cần có sự nhận thức đúng đắn của các cấp ủy Đảng, tổ chức chính quyền từ trung ương đến cơ sở về tầm quan trọng lớn lao của công tác đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp, trên cơ sở đó từng bước cụ thể hóa và thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng.

BẢO ĐẢM QUYỀN TẬP TRUNG THỐNG NHẤT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ

LÊ - NHU - BÁCH

TỪ khi có Nghị quyết của Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), và nhất là từ sau Đại hội thứ V của Đảng, lẽ lối quản lý quan liêu, bao cấp được khắc phục một bước, mở đường cho sản xuất, kinh doanh phát triển. Chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp tiếp tục nâng cao khi thể lao động sản xuất của hàng chục triệu nông dân và góp phần to lớn vào thắng lợi của sản xuất nông nghiệp. Việc mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp gắn liền với việc bảo đảm ba lợi ích đã làm dấy lên khi thể tích cực, năng động trong các xí nghiệp công nghiệp và góp phần vào việc tăng thêm sản phẩm xã hội, thúc đẩy việc tận dụng các nguồn phế liệu, phế phẩm, khai thác các nguồn vật tư ứ đọng và các tiềm năng sẵn có về lao động, máy móc, thiết bị để đẩy mạnh sản xuất. Việc sửa đổi cơ chế mua bán và sửa đổi giá thu mua nông sản đã góp phần tăng cường công tác thu mua, nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước. Những chủ trương, chính sách trên đây đã có tác dụng *thực tế* là tạo nên một động lực thúc đẩy phong trào lao động sản xuất sôi nổi trong công nhân, nông dân, kích thích sự tìm tòi, sáng tạo,

khắc phục khó khăn, khai thác khả năng tiềm tàng để phát triển sản xuất.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, một số địa phương, cơ sở đã không nắm thật vững những quan điểm, tư tưởng chính sách của trung ương, để xảy ra nhiều sơ hở, lệch lạc trong khi thực hiện. Nhiều xí nghiệp vận dụng «kế hoạch ba phần» và «ba lợi ích» một cách lệch lạc, không bảo đảm giao nộp đủ sản phẩm lên trung ương, tự ý giữ lại số sản phẩm làm ra để phân phối nội bộ v.v.; tìm cách tăng thu nhập cho công nhân dưới nhiều hình thức như hạ định mức lao động, nâng đơn giá trả lương, tùy tiện đặt ra các chế độ phụ cấp, trợ cấp... trái với quy định của Nhà nước. Hàng hóa và vật tư của Nhà nước bị sử dụng tùy tiện và bị mất hoặc rơi ra thị trường tự do khá nhiều; hiện tượng móc ngoặc vật tư, hàng hóa, trao đổi hai, ba chiều, tranh nhau mua nguyên liệu, vật tư, tự đặt giá bán sản phẩm, đẩy giá lên cao xảy ra khá phổ biến. Hạch toán kinh tế xí nghiệp bị rối loạn, nhiều hoạt động kinh tế của xí nghiệp quốc doanh nằm ngoài sự điều hành và kiểm soát của Nhà nước; thu nhập giữa các xí nghiệp có sự chênh lệch không hợp

lý, nhất là giữa công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, giữa đơn vị sản xuất và đơn vị sự nghiệp, hành chính.

Tình trạng thiếu tập trung trong lĩnh vực tài chính đã gây nên những hiện tượng rối loạn nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương. Chính sách, chế độ tài chính không được chấp hành nghiêm chỉnh, kỷ luật tài chính bị buông lỏng. Nhiều xí nghiệp, cơ sở sản xuất tự ý giữ lại số thu nộp ngân sách để làm « quỹ đen » hoặc chi tiêu ngoài chính sách, chế độ. Một số địa phương tìm cách buôn bán « bất hợp pháp » để lập quỹ hoặc giữ lại một số khoản thu để ngoài ngân sách, nhằm tránh sự giám đốc của cơ quan tài chính trung ương và chi tiêu được « thoải mái ». Thậm chí có nơi, chính quyền địa phương đã ra lệnh cho ngân hàng chuyển hàng trăm triệu đồng lẻ ra « phải thu cho ngân sách trung ương sang thu cho ngân sách địa phương. Nhiều ngành, địa phương và đơn vị cơ sở đã tự ý đặt ra các tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu ngoài quy định chung. Những tiêu chuẩn chi tiêu quy định về hội nghị, huấn luyện, phụ cấp hưu trí, công tác phí, tiếp tân, tặng phẩm... đã bị nhiều địa phương, ngành và đơn vị cơ sở « phá vỡ ». Một số địa phương còn quy định lương cung cấp về thịt, cá, đường, nước mắm... cao hơn định mức chung của Nhà nước; và đối với những mặt hàng không đủ cung cấp, đã bù tiền theo giá xấp xỉ giá thị trường tự do trong khi đáng lẽ phải bù tiền theo giá Nhà nước quy định, v.v.

Hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng cũng đang có những biến động theo chiều hướng không lành mạnh và có trường hợp, có mặt bị rối loạn nghiêm trọng. Hoạt động tín dụng trong xã hội đang phát triển mạnh theo hướng phân tán, tự do; tín dụng ngân hàng đang đứng trước nguy

cơ bị co hẹp. Việc huy động tiền tiết kiệm và nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân của ngân hàng giảm dần tại chỗ và có chiều giảm sút. Lãi suất cho vay của ngân hàng cho các xí nghiệp tuy thấp nhưng cũng không hấp dẫn được khách hàng vì không rút được tiền mặt. Trong khi đó, khuynh hướng đang lan rộng là sự thu hút tiền mặt tại các đơn vị bằng cách huy động vốn của tư nhân đóng góp với lãi suất rất cao (có nơi từ 15 đến 20%/tháng) để sử dụng vào các mục đích kinh doanh ngoài sự quản lý của Nhà nước, dựng lên một hệ thống cho vay bất hợp pháp, cạnh tranh với tổ chức ngân hàng Nhà nước, phá vỡ nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất về tiền tệ của Nhà nước, đồng thời gây tổn thất cho nền tài chính quốc gia, do phải chia sẻ lợi nhuận và chênh lệch giá cho các cơ đồng tư nhân một cách bất hợp pháp, với lãi suất cao.

Thị trường tự do về tiền tệ, lãi suất và nạn cho vay nặng lãi phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị, chu chuyển tiền mặt ngoài ngân hàng ngày càng tăng, kể cả đối với khu vực Nhà nước, hình thành một hệ thống tự do về lưu thông tiền tệ. Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt bị đầy lùi rõ rệt. Có hiện tượng khá phổ biến là cơ quan, xí nghiệp mua hàng hóa, vật tư bằng tiền mặt được hưởng giá rẻ hơn là thanh toán bằng chuyển khoản. Tiền mặt tập trung về quỹ ngân hàng ngày càng chậm. Nhiều xí nghiệp, cơ quan nộp tiền mặt vào ngân hàng ít đi và giữ lại một khối lượng rất lớn tiền mặt tại đơn vị để chi tiêu, tách rời sự kiểm soát của tài chính và ngân hàng. Một số ngành, địa phương còn giữ ngoại tệ, vàng bạc lại, không nộp vào ngân hàng, vi phạm pháp luật về quản lý ngoại tệ và kim khí quý của Nhà nước, làm trầm trọng thêm sự hỗn loạn trên thị trường tự do về

vàng, bạc, ngoại tệ và tiền tệ nội địa. Tình hình lưu thông tiền tệ tinh theo các tầng lớp dân cư tiếp tục diễn ra theo chiều hướng không lành mạnh, phân hóa giàu, nghèo nghiêm trọng và gay gắt hơn.

Những sơ hở và thiếu sót trong việc bảo đảm quyền tập trung thống nhất của Nhà nước về tài chính, tiền tệ trong thời gian qua đã làm cho trật tự kinh tế và phân phối lưu thông không được xác lập theo như ý định

của Nhà nước, trái lại, còn gây thêm nhiều rối loạn. Đó là *nguyên nhân quan trọng* dẫn đến việc Nhà nước chưa thực hiện được việc kiểm kê, kiểm soát đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, đối với việc động viên và sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả các phương tiện vật chất, sức lao động, vốn bằng tiền trong lĩnh vực sản xuất cũng như lưu thông và tiêu dùng đúng như nghị quyết 26 của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã đề ra.



Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh quốc tế phức tạp, trong tình hình đất nước đang có nhiều khó khăn nghiêm trọng, đang đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt ». Đất nước lại đang ở trong tình thế « vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ; đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn ».

Trong tình hình như vậy, việc nắm vững chuyển biến chính vô sản, tiến hành đến cùng cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa là chìa khóa bảo đảm thắng lợi cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cần nhận thức rõ tình chất gay gắt, phức tạp trên tất cả các mặt của cuộc đấu tranh giữa hai con đường và cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, trên cơ sở đó, khác phục những nhận thức mơ hồ hoặc những hành động mất cảnh giác, tăng cường chuyển biến chính vô sản, tăng

cường hiệu lực của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, sử dụng thành thạo và đồng bộ các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục trong công tác quản lý kinh tế.

Quản lý kinh tế là một khoa học và cũng là một nghệ thuật. Tập trung dân chủ là một nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đang tiến hành việc xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp; điều đó là hoàn toàn đúng đắn, nhưng không phải vì thế mà coi nhẹ việc tập trung thống nhất trên những vấn đề cơ bản, những vấn đề về nguyên tắc, chính sách, chế độ trong cả nước; không phải vì thế mà để cho các ngành, các địa phương tự ý định ra những chế độ và thể lệ riêng trái với nguyên tắc quản lý tập trung của Nhà nước. Chúng ta càng không thể đồng tình với những hiện tượng phân tán, tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, địa phương với mức độ khác nhau đang phát triển ở một số ngành, đơn vị, cơ sở và địa phương. V.I. Lênin đã nói: « Chúng ta chủ trương chế độ tập trung dân chủ. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ một mặt thật hết sức khác với chế

độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và mặt khác hết sức khác với chủ nghĩa vô chính phủ» (1).

Đảng ta chủ trương kết hợp đúng đắn ba lợi ích kinh tế, trong đó có chú ý đến lợi ích cá nhân của người lao động; điều đó là hoàn toàn đúng. Nhưng cần hiểu rằng lợi ích xã hội là nền tảng của lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, lợi ích cá nhân không được đối lập với lợi ích xã hội và lợi ích tập thể, trái lại, phải lấy lợi ích xã hội và lợi ích tập thể làm tiền đề, vì suy cho cùng thì lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể chỉ được bảo đảm chắc chắn và lâu dài khi lợi ích xã hội được bảo đảm. Xử lý không đúng mối quan hệ giữa ba lợi ích, tách lợi ích cá nhân ra khỏi lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, đem đối lập lợi ích cá nhân hay lợi ích tập thể với lợi ích xã hội, tức là đã xa rời nền tảng của chủ nghĩa xã hội và phá hoại nền tảng đó, làm suy yếu chuyên chính vô sản và đi ngược lại nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đảng ta chủ trương phát huy quyền chủ động sáng tạo của các địa phương và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp trong khuôn khổ chế độ thống nhất về quản lý tài chính trong cả nước. Các chính sách tiền tệ, tín dụng ngân hàng của Nhà nước đều dựa trên nguyên tắc tập trung thống nhất và các hoạt động nói trên đều đặt dưới sự quản lý thống nhất của ngân hàng Nhà nước. Những sai lầm và lệch lạc diễn ra trong lĩnh vực tài chính tiền tệ thời gian qua là trái với nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc bảo đảm quyền tập trung thống nhất của Nhà nước về tài chính tiền tệ là một yêu cầu khách quan. Nhà nước chuyên chính vô sản phải nắm tài chính, tiền tệ, sử dụng tài chính, tiền tệ như một công cụ sắc bén để cải tạo và xây dựng kinh tế, phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân

theo hướng có lợi cho chủ nghĩa xã hội, có lợi cho nhân dân lao động, để thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới, thực hiện sự kiểm kê và kiểm soát của Nhà nước đối với mọi hoạt động kinh tế. Vì vậy, không bảo đảm quyền tập trung thống nhất của Nhà nước về tài chính, tiền tệ là làm suy yếu Nhà nước chuyên chính vô sản, buông lỏng cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, một cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt và vô cùng phức tạp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thấu suốt tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, các ngành, các cấp cần triệt để tôn trọng *tính thống nhất và kỷ luật Nhà nước về tài chính, về phát hành tiền, về giá cả, tiền lương*, trong khi thực hiện việc mở rộng quyền tự chủ về tài chính và quyền chủ động sản xuất kinh doanh, chấm dứt những hoạt động trái với chính sách, chế độ thống nhất chung trong cả nước, góp phần lập lại trật tự mới, xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông.

Việc tăng cường tính tập trung thống nhất về tài chính, đề cao kỷ luật tài chính Nhà nước là một yêu cầu rất cấp bách. V. I. Lê-nin nói: «Tôi tán thành đề cho các tổ chức xã viết địa phương được hưởng chế độ tự trị rộng rãi nhất, nhưng đồng thời tôi nghĩ rằng muốn cho công tác cải tạo đất nước một cách tự giác của chúng ta đạt được kết quả, thì phải có một chính sách tài chính thống nhất, được quy định thật rõ ràng, và các quy tắc phải được chấp hành từ trên xuống dưới» (2).

(1) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Sự thật Hà Nội, 1971 tập 27, tr. 260.

(2) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 487 — 488.

Chúng ta chủ trương phân cấp ngân sách cho địa phương (tỉnh, huyện), xác lập quyền tự chủ tài chính cho xí nghiệp, đó là điều hoàn toàn đúng đắn; nhưng việc đó không hề có ý nghĩa làm suy yếu tính thống nhất của hệ thống tài chính Nhà nước và quyền quản lý tập trung của chính phủ trung ương. Điều đó cần được thể hiện đầy đủ trong việc chấp hành các chính sách về chế độ thu chi tài chính, các tiêu chuẩn, định mức Nhà nước; trong việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ hạch toán kế toán và hạch toán kinh tế của Nhà nước; trong việc kiểm kê, kiểm soát và giám đốc bằng đồng tiền mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh, mọi sự phân phối sản phẩm và thu nhập quốc dân, mọi sự chi tiêu của tất cả các cơ quan, các tổ chức, không loại trừ một ai trong việc quy trách nhiệm vật chất và hành chính và thi hành kỷ luật hết sức nghiêm khắc đối với mọi sự vi phạm pháp luật tài chính Nhà nước.

Ngân sách Nhà nước là kế hoạch tài chính cơ bản, đóng vai trò chủ đạo đối với các khâu khác trong hệ thống tài chính xã hội chủ nghĩa như tài chính xí nghiệp, tài chính của hợp tác xã, tín dụng ngân hàng. Trong hệ thống ngân sách Nhà nước, ngân sách trung ương đóng vai trò chủ đạo.

Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính Nhà nước và quyền quản lý tập trung của chính phủ trung ương, cần đề cao kỷ luật tài chính, kỷ luật về ngân sách. Mọi nguồn thu và các khoản chi của các cơ quan Nhà nước cần được phân ánh đầy đủ vào ngân sách và được điều hành theo ngân sách đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt; không để các nguồn thu của địa phương ngoài ngân sách. Các địa phương cần nộp đầy đủ và đúng hạn các khoản thu vào ngân sách Nhà nước, không được giữ lại

số thu của ngân sách để làm "quỹ đen" hoặc để chi tiêu riêng ngoài ngân sách, chấp hành đúng các chế độ, chính sách về thu chi tài chính của Nhà nước.

Các địa phương cần chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ của trung ương ban hành về *tín dụng, tiền tệ*, nhất là quyết định số 172/HĐBT ngày 9 tháng 10 năm 1982 về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, nhằm bảo đảm vai trò ngân hàng Nhà nước là trung tâm thanh toán, trung tâm tín dụng và trung tâm tiền tệ của cả nước, bảo đảm cho ngân hàng Nhà nước chiếm lĩnh được toàn bộ thị trường tiền tệ, bảo đảm Nhà nước nắm được hàng và tiền để quản lý nền kinh tế quốc dân theo kế hoạch, phục vụ tốt các nhu cầu về đời sống và quốc phòng, chấm dứt việc một số cơ quan, công ty, xí nghiệp quốc doanh vay vốn của tư nhân dưới hình thức tiền mặt với lãi suất cao, chấm dứt tín dụng thương mại. Các cơ quan Nhà nước, các xí nghiệp quốc doanh và tổ chức kinh tế của Nhà nước không được giữ tiền mặt tại đơn vị vượt quá định mức cho phép; các xí nghiệp và tổ chức kinh tế tư nhân mở tài khoản tại ngân hàng và thanh toán bằng chuyển khoản là chính.

Nhà nước giữ độc quyền về ngoại tệ và kinh doanh vàng bạc; mọi hoạt động thu, chi về ngoại tệ trong nền kinh tế đều phải chịu sự kiểm soát của Nhà nước; mọi nguồn ngoại tệ, bất kỳ từ nguồn nào, đều tập trung vào quỹ ngoại tệ của Nhà nước tại cơ quan ngân hàng; việc tàng trữ, buôn bán, đổi chác, sử dụng trái phép ngoại tệ, vàng bạc đều là những việc làm vi phạm pháp luật. Nhà nước nghiêm cấm tư nhân kinh doanh tiền tệ, cho vay lãi lãi; chính quyền địa phương có trách nhiệm tăng cường quản lý thị trường tiền tệ và xử lý các hoạt động của tư nhân cho vay

lãi nặng theo pháp lệnh trừng trị tội dẫu cơ.

Trên cơ sở tăng cường công tác huy động và quản lý vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế và trong nhân dân, ngân hàng Nhà nước không ngừng mở rộng việc cho vay, đáp ứng mọi nhu cầu vốn cần thiết của xã hội. Các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan Nhà nước, các ngành, các địa phương không được tự huy động vốn trong cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân để sản xuất, kinh doanh.

Để giúp cho ngân hàng Nhà nước làm tốt công tác quản lý tiền tệ và mở rộng tín dụng ở nông thôn, cần phát triển các hợp tác xã tín dụng ở nông thôn miền Nam, củng cố các hợp tác xã tín dụng ở nông thôn miền Bắc, theo đúng chức năng nhiệm vụ và quy chế hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đáp ứng đầy đủ và kịp thời mọi nhu cầu hợp lý về tiền mặt của các đơn vị. Các đơn vị cần mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ của Nhà nước về quản lý tiền mặt và về thanh toán không dùng tiền mặt, không để tiền mặt tồn quỹ hoặc tọa chi quá mức đã được ngân hàng thỏa thuận.

Những hộ tư nhân kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ có doanh thu tới mức quy định, buộc phải kê khai mức vốn tự có và mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để được cấp giấy phép sản xuất kinh doanh. Đối với những hộ chỉ mở tài khoản nhưng không giao dịch tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng thì chính quyền quận, huyện, thị xã phải xem xét và xử lý.

Ngân hàng cần cải tiến các thủ tục thanh toán, bảo đảm thanh toán nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và chịu phạt theo chế độ trách nhiệm vật chất của Nhà nước nếu gây nên chậm trễ, sai lạc, làm thiệt hại cho khách hàng.

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan được Nhà nước giao độc quyền kinh doanh ngoại hối, vàng bạc, các kim khí quý khác, đá quý và các giấy tờ có giá trị ngoại hối. Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ, cất giấu hoặc sử dụng, kinh doanh ngoại hối và các giấy tờ có giá trị ngoại hối một cách bất hợp pháp. Các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp tư nhân có ngoại tệ đều phải báo cáo và nộp ngân hàng Nhà nước để được chuyển đổi ra tiền Việt-nam theo như quy định. Việc chi tiêu bằng ngoại tệ đều phải thông qua ngân hàng.

Trong việc sử dụng vốn vay ngân hàng bằng ngoại tệ, xí nghiệp cần chấp hành các chế độ của Nhà nước về quản lý ngoại tệ, về tín dụng ngân hàng và về xuất nhập khẩu; bảo đảm sản xuất và kinh doanh có lãi bằng ngoại tệ, thanh toán được số ngoại tệ đã vay (cả gốc lẫn lãi) và nộp tích lũy bằng ngoại tệ cho Nhà nước.

Đi đôi với việc tăng cường tính thống nhất và kỷ luật Nhà nước về tài chính và tiền tệ, Nhà nước mở rộng quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sản xuất kinh doanh và quyền chủ động của các ngành, các địa phương, hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc quyết định số 146/HĐBT ngày 25 tháng 8 năm 1982 về việc sửa đổi và bổ sung quyết định 25/CP, nhằm phát huy đầy đủ các nhân tố tích cực và uốn nắn, khắc phục kịp thời những sai lầm, lệch lạc ở các xí nghiệp, đơn vị cơ sở.

Trong khi phê phán phương thức quản lý hành chính quan liêu, bao cấp và cải bỏ những trói buộc vô lý của lối quản lý cũ, mở rộng quyền chủ động cho các địa phương và cơ sở, xí nghiệp, chúng ta cần đề cao kỷ luật Nhà nước, pháp chế xã hội chủ nghĩa và quyền quản lý tập trung của trung ương trên những vấn đề sống còn và liên quan đến cả nước, đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG

HƯƠNG - SƠN

HAI mươi năm đã qua, kể từ ngày 21-1-1962, Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ra nghị quyết số 41/NQ - TƯ thành lập Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương và ngày 18-9-1962, Ban bí thư Trung ương Đảng ra thông tri số 91/TT - TƯ thành lập các Ban nghiên cứu lịch sử Đảng ở cấp khu, tỉnh và thành phố.

Trong 20 năm đó, ngành khoa học lịch sử Đảng ở nước ta đã cố gắng phấn đấu, vượt lên những khó khăn chồng chất, không ngừng tiến quân vào mặt trận nghiên cứu khoa học và đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Từ ngày đầu mới thành lập, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương đã tập trung nghiên cứu, tổng kết những vấn đề lớn về lịch sử Đảng. Một số chuyên đề lịch sử như: *Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt-nam, Xô viết Nghệ-Tĩnh, Tìm hiểu tinh thần và đặc điểm của Cách mạng Tháng Tám, Cách mạng Tháng Tám...* đã được xuất bản. Từ những chuyên đề lịch sử, tiến lên biên soạn những công trình giới thiệu tóm tắt lịch sử Đảng như *Ba mươi lăm năm hoạt động của Đảng, Bốn mươi năm hoạt động của Đảng, Bốn mươi lăm năm*

hoạt động của Đảng, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh tiêu sử và sự nghiệp.

Bên cạnh những công trình đó, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương còn biên soạn, xuất bản các cuốn *Những sự kiện lịch sử Đảng*, (tập 1, tập II) *Tiêu sử đồng chí Tôn-Đức-Thắng, Tiêu sử đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng* và cuốn *Nói gương những người cộng sản* (tập I, tập II) giới thiệu một cách khá chi tiết những sự kiện lịch sử Đảng và những tấm gương sáng chói của các chiến sĩ cộng sản tiên hồi.

Các Ban nghiên cứu lịch sử Đảng địa phương cũng đã tiến hành biên soạn và xuất bản hàng trăm công trình nghiên cứu về lịch sử Đảng ở địa phương như: *Cách mạng Tháng Tám, Những sự kiện lịch sử đảng bộ, Tiêu sử các đồng chí tiên bối có nhiều công lao với phong trào, Những gương sáng của các đồng chí cộng sản ưu tú, Hồi ký cách mạng...* Một số tỉnh đã viết *Lịch sử tóm tắt đảng bộ từng thời kỳ*, hoặc *Bốn mươi năm hoạt động của đảng bộ*.

Từ năm 1980 lại đây, cùng với toàn Đảng, toàn dân kỷ niệm ngày Đảng ta tròn 50 tuổi, kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Lê-nin, lần thứ 90 Ngày

sinh của Hồ Chủ tịch và chào mừng Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng. ngành lịch sử Đảng ở trung ương và địa phương đã biên soạn, xuất bản nhiều công trình có giá trị. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản cuốn *50 năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt-nam*, bổ sung và tái bản cuốn *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh liêu sử và sự nghiệp* và cuốn *Cách mạng Tháng Tám*. Đầu năm 1982* xuất bản cuốn *Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam (sơ thảo tập I)*. Đây là một công trình nghiên cứu khoa học được chuẩn bị công phu và thực hiện khẩn trương. Những thành tựu nói trên là kết quả của quá trình lao động sáng tạo trong 20 năm qua của ngành lịch sử Đảng. Cũng trong thời gian đó, có gần 30 cuốn sách dưới dạng chuyên đề lịch sử và sơ thảo lịch sử đảng bộ địa phương lần lượt ra đời. Trong đó có 11 tỉnh, thành đã xuất bản lịch sử tóm tắt đảng bộ trong nửa thế kỷ hoặc ít nhất đến năm 1954.

Thành công nổi bật của các cuốn *Sơ thảo lịch sử Đảng ở trung ương và địa phương* là đã cung cấp thêm nhiều tài liệu mới, làm rõ quá trình hình thành và phát triển của Đảng ta, làm sáng tỏ những quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt-nam, góp phần khơi dậy truyền thống đoàn kết đấu tranh bất khuất của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Sự ra đời cùng một thời điểm hơn 30 tác phẩm về lịch sử Đảng ở trung ương và các địa phương, trong đó có những tác phẩm biên soạn khá công phu, thể hiện những cố gắng lớn của những người làm công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng. Những tác phẩm đó đã phác họa được một phần bức tranh lịch sử, làm rõ bối cảnh lịch sử của những chủ trương đúng

đắn, sáng tạo của Đảng, nghiên cứu quy luật phổ biến, khám phá những nét đặc thù cụ thể, có những thống kê số liệu và hình ảnh minh họa, bước đầu rút ra được những bài học lịch sử. Tuy còn là tóm tắt nhưng có cuốn dày 300 trang. Cuốn *Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam (sơ thảo tập I)* dày 800 trang. Rõ ràng đó là một bước tiến mới của ngành khoa học lịch sử Đảng.

Thành quả đó, không chỉ đánh dấu bước trưởng thành, tinh thần lao động sáng tạo, mạnh dạn tiến quân vào khoa học của ngành khoa học lịch sử Đảng, mà còn chứng minh và khẳng định trong thực tiễn, phương châm do Trung ương Đảng chỉ đạo đối với ngành lịch sử Đảng: *công tác tư liệu phải đi trước một bước; trung ương và địa phương cùng viết lịch sử Đảng; kết hợp công tác nghiên cứu lâu dài với công tác trước mắt...* là hoàn toàn đúng đắn.



Trải qua 20 năm xây dựng và trưởng thành, ngành khoa học lịch sử Đảng đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu để không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu lịch sử Đảng.

Bài học nổi lên hàng đầu và bao trùm lên tất cả là *làm thế nào và bằng con đường nào để phản ánh đúng sự thật lịch sử*.

Lịch sử là hiện thực khách quan vốn có. Nhưng việc phát hiện và phản ánh đúng sự thật lịch sử, hiểu hết giá trị của nó không phải là dễ. Bởi vì, sự thật lịch sử được bộc lộ thông qua vô số hiện tượng, đòi hỏi người nghiên cứu phải tìm tòi công phu, lột bỏ cái vỏ bề ngoài của các hiện tượng che lấp, tìm ra cái cốt lõi của nó là bản chất của hiện tượng - tức là quy luật của lịch sử. Hơn thế nữa, khoa học lịch sử Đảng cũng như các khoa

học khác, không chỉ có nhận thức đúng dẫn tính quy luật của thế giới khách quan mà phải phát hiện được cách vận dụng những quy luật khách quan ấy vào hoạt động thực tiễn của con người.

Kinh nghiệm thực tiễn của những năm nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng cho thấy có hai quá trình để làm rõ sự thật lịch sử. Đó là: dựng lại bức tranh chân thực của các sự kiện và các quá trình lịch sử; tổng kết kinh nghiệm, tìm ra bản chất và làm rõ quy luật lịch sử.

Hai quá trình đó có quan hệ hữu cơ với nhau. Không dựng lại bức tranh chân thực của các sự kiện và quá trình lịch sử thì không có điểm xuất phát để bước sang quá trình thứ hai là tổng kết kinh nghiệm, phát hiện quy luật. Ngược lại, biên soạn lịch sử Đảng mà chỉ dừng lại ở miêu tả sự kiện lịch sử, không nâng lên mức khái quát, tổng kết kinh nghiệm, tìm ra quy luật vận động của lịch sử thì chỉ là việc ghi chép đơn thuần những sự tích quá khứ; hay nói cách khác, đó chỉ là việc « kể chuyện đời xưa », « sưu tầm đồ cổ » mà thôi.

Giá trị cao của một công trình nghiên cứu lịch sử được xác định ở chỗ nó đã phác họa ra được những vấn đề gì về quy luật vận động, phát triển của cách mạng; nó đã tìm được những gì về mối liên hệ giữa quá khứ với hiện tại và tương lai.

Vậy, làm thế nào để đạt được mục tiêu đó? Tại hội nghị kỷ niệm lần thứ 15 Ngày thành lập Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương (7-2-1977) đồng chí Trường-Chính đã chỉ rõ những yêu cầu cần thiết đối với một công trình nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là:

a - Trình bày một cách khoa học đường lối chính sách của Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ của cuộc vận động cách mạng ở nước ta:

b - Trình bày một cách khoa học phong trào cách mạng của quần chúng nhằm thực hiện đường lối chính sách đó;

c - Trình bày các chủ trương và biện pháp xây dựng Đảng, nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối chính trị và nhiệm vụ của Đảng qua các giai đoạn và các thời kỳ.

d - Trình bày những kinh nghiệm của Đảng lãnh đạo cách mạng trong từng giai đoạn, từng thời kỳ và kinh nghiệm chung của Đảng, đi tới những kết luận có tính chất lý luận (1)

Một bài học kinh nghiệm khác cũng hết sức quan trọng là phải có đủ tư liệu cần thiết và chính xác. Không dựa trên nguồn tư liệu thật phong phú, thật chính xác thì chẳng những không thể khôi phục được bức tranh chân thật của lịch sử, mà có khi còn xuyên tạc lịch sử theo nhận thức chủ quan của người viết. Tình trạng sử liệu nghèo nàn, sơ lược và còn những sự kiện chưa thật chính xác trong một số cuốn sách xuất bản vừa qua chính là do thiếu tư liệu. Bởi vậy, cần phấn đấu đến mức cao nhất để có được nhiều tư liệu phong phú, trên cơ sở đó mà nghiên cứu, phân tích. Đương nhiên không phải « ngồi chờ » khi có thật đủ tư liệu mới viết. Trong tình hình cụ thể hiện nay của ta, yêu cầu trước hết là phải có đủ tư liệu cần thiết và chính xác, tuyệt đối không được sử dụng những tư liệu không có căn cứ chắc chắn. Cần thăm tra, nghiên cứu, đánh giá đầy đủ. Đây là một công tác hết sức phức tạp, phải trải qua quá trình lao động khoa học, nghiêm túc và tỉ mỉ. Yêu cầu cơ bản đối với một tác phẩm nghiên cứu lịch sử là phải nêu rõ được bối cảnh lịch sử, những chủ

(1) Trường-Chính: *Đầy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản. Hà Nội, 1978, tr. 8.

trường cụ thể, những tư liệu chính xác về thời gian, địa điểm và hiệu quả hành động. Tốt nhất là minh họa bằng thống kê, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh và hiện vật, như vậy sẽ có giá trị khoa học cao.

Làm rõ bối cảnh lịch sử trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử là vấn đề cần hết sức chú ý. Thực tiễn cách mạng luôn luôn diễn ra rất sinh động. Đồng chí Lê-Duẩn phân tích: « Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành hai cuộc cách mạng, hai cuộc chiến tranh: Cách mạng Tháng Tám, cách mạng miền Nam; chiến tranh chống đế quốc Pháp và chiến tranh chống đế quốc Mỹ. Hai cuộc cách mạng, hai cuộc chiến tranh đó tuy có nhiều điểm cơ bản giống nhau nhưng cũng có nhiều điểm khác nhau: kẻ thù khác, so sánh lực lượng khác, hoàn cảnh quốc tế khác, đối tượng tác chiến khác, diễn biến chiến tranh khác » (2). Làm thế nào để phản ánh được hiện thực hết sức sinh động ấy, nếu không nắm vững bối cảnh lịch sử của nó.

Làm rõ bối cảnh lịch sử, tức là nêu bật được nhu cầu tất yếu và bức thiết của lịch sử đặt ra trong mỗi giai đoạn và thời kỳ lịch sử, đòi hỏi Đảng ta phải có chiến lược, sách lược hoặc chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu ấy.

Kinh nghiệm thực tiễn trong việc biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam (sơ thảo tập I)* vừa qua cho thấy, ngay từ chương mở đầu, khi phân tích đặc điểm lịch sử, đã chú ý làm rõ những vấn đề có tính quy luật, đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng phải như thế nào cho phù hợp với đặc điểm và quy luật ấy. Các chương tiếp theo đã chú ý nêu được những nét khái quát tình hình thế giới có liên quan đến cách mạng Việt-nam, những âm mưu chiến lược, biện pháp chiến lược của địch và phân tích tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch

trong từng giai đoạn và từng thời kỳ lịch sử. Đối với lịch sử đảng bộ địa phương thì chủ yếu làm rõ tình hình trong nước có tác động đến địa phương, làm rõ âm mưu, thủ đoạn của địch ở địa phương và phân tích so sánh lực lượng giữa ta và địch trên địa bàn cụ thể ở địa phương. Từ đó làm rõ cơ sở khoa học của việc xác định mục tiêu chiến lược, phương pháp cách mạng đúng đắn sáng tạo của Đảng, để đáp ứng nhu cầu tất yếu và bức thiết của cách mạng, phản ánh đúng quy luật phát triển của lịch sử.

Trình bày những sự kiện không thành công, những khuyết điểm, sai lầm trong lịch sử như thế nào cho khoa học và có tính Đảng cũng là một bài học kinh nghiệm. Tính Đảng và tính khoa học là thống nhất, có quan hệ hữu cơ với nhau. Tách rời tính khoa học thì không còn tính Đảng nữa. Ngược lại tách rời tính Đảng thì tính khoa học sẽ không còn mục tiêu của nó.

Vấn đề đặt ra là trình bày thế nào cho đúng sự thật lịch sử. Sự thật lịch sử của Đảng hơn nửa thế kỷ qua là lịch sử đấu tranh anh-hùng, bất khuất và thắng lợi vẻ vang của Đảng ta, nhân dân ta. Nhưng như Lê-nin đã chỉ rõ: « không phải hề cách mạng bắt đầu, là con người trở thành thanh ngay. Các giai cấp lao động bị áp bức, bị bóc lột, bị giam hãm trong cảnh bần cùng, đói nát, đã man trong hàng thế kỷ, không thể nào hoàn thành cách mạng mà lại không phạm sai lầm » (3). Hồ Chủ Tịch cũng nói: « Đảng ta đã thu được nhiều thắng lợi to lớn, nhưng không phải là không có sai lầm. Song chúng ta đã không hề che giấu sai lầm, trái lại chúng ta

(2) Lê-Duẩn: Bài nói tại Hội nghị thứ 19 Ban chấp hành trung ương, khóa III.

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1978. tập 37, tr 72.

đã thật thà tự phê bình và tích cực sửa chữa » (4).

Những thắng lợi rực rỡ của cách mạng Việt-nam hơn nửa thế kỷ qua tự nó đã chứng minh sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng ta. Đó là mặt cơ bản, mặt chủ yếu trong sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta cũng có những khuyết điểm, những vấp vấp, sai lầm, nhưng những cái ấy chỉ là tạm thời và cục bộ. Trong khi trình bày về quá trình lãnh đạo của Đảng, cũng cần phải trình bày cả những khuyết điểm và sai lầm. Song chủ ý nói những khuyết điểm, sai lầm tạm thời ấy như thế nào để người đọc không hiểu lầm. Muốn vậy, cần chú ý phân tích đúng đắn, khoa học những nguyên nhân chủ quan và khách quan gây ra khuyết điểm, sai lầm và làm rõ Đảng đã phát hiện và khắc phục những sai lầm, khuyết điểm ấy như thế nào. Khi nêu những trường hợp hợp cách mạng gặp khó khăn, lộn thối, cần có cách nhìn biện chứng, làm rõ khó khăn, thất bại chỉ là tạm thời, chiều hướng đi lên, xu thế phát triển của cách mạng là tất yếu. Đối với những vấn đề hiện tại, cần biểu dương những nhân tố mới, tích cực đang nảy nở và phát triển. Đó là điều hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của sự vật, và cũng là sự thống nhất giữa tính Đảng và tính khoa học.

Một kinh nghiệm nữa là vấn đề chọn lọc và nêu tên những nhân vật lịch sử. Lịch sử Đảng là lịch sử của một tổ chức cách mạng rộng lớn, bao gồm hàng nghìn, hàng vạn, hàng triệu cán bộ, đảng viên và quần chúng chiến đấu trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. đương nhiên, trong mối quan hệ ấy, không thể thiếu được vai trò, tác dụng to lớn của cá nhân những người lãnh đạo, đặc biệt là của những nhân vật có tác dụng quyết định trong từng thời điểm của lịch sử. Điều cốt yếu là làm sao có được tư liệu chân

thật, chính xác và có phương pháp nhận thức đúng đắn để đánh giá các nhân vật lịch sử một cách khoa học.

Dựa vào nguyên lý triết học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sự chỉ dẫn của các đồng chí lãnh đạo của Đảng, dựa vào kinh nghiệm thực tiễn nhiều năm qua, chúng ta thấy rằng, trong điều kiện hiện nay, khi công tác nghiên cứu, xác minh còn những khó khăn, hạn chế, cách giải quyết tốt nhất là lựa chọn những nhân vật tiêu biểu, những gương sáng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng noi theo. Đó là những nhân vật thật sự tiêu biểu đã được nghiên cứu, xác minh trên những căn cứ khoa học! Cần hết sức tránh cách viết chung chung, trừu tượng, nhưng cũng không đi vào khía cạnh đời tư, không đề cao quá mức, hoặc « hiện đại hóa » quan điểm và hành động của họ. Cần gắn chặt vai trò của cá nhân trong mối quan hệ mật thiết với vai trò to lớn của tổ chức Đảng và của quần chúng trong lịch sử. Không nêu tên những người trước đây tiêu biểu nhưng sau này đã phản bội đầu hàng, chống Đảng, thoái hóa, biến chất. Những người có công lớn nhưng có sai lầm nghiêm trọng, tuy không thuộc loại nói trên, nhưng cũng cần cân nhắc kỹ. Việc nêu tên hay không nêu và nêu như thế nào cho hợp lý, phải dựa vào các cơ quan chuyên trách và nhất thiết phải được cấp ủy Đảng có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm. Đây cũng là vấn đề thuộc nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học.

Đối với việc biên soạn các cuốn lịch sử đảng bộ địa phương, một kinh nghiệm được rút ra là phải thể hiện thật đúng đắn, sinh động mối quan hệ biện chứng giữa những sự kiện quan trọng chính của toàn Đảng với những

(4) Văn kiện Đại hội, Ban chấp hành trung ương Đảng lao động Việt-nam xuất bản. Hà-nội, 1960. tập I, tr. 11.

sự kiện của địa phương và đảng bộ địa phương. Những khuynh hướng trình bày quá nhiều, quá cụ thể các tài liệu, sự kiện của toàn quốc, làm lẫn át bối cảnh lịch sử của địa phương, hoặc chỉ chú trọng trình bày hoàn cảnh địa phương, ít liên hệ đến những sự kiện quan trọng chung của toàn quốc, không đặt rõ hoạt động của địa phương trong bối cảnh chung của toàn quốc, như trong một số chương, tiết của một số cuốn sách xuất bản vừa qua, là sự thể hiện không khoa học về mối quan hệ biện chứng của lịch sử.

Lịch sử các đảng bộ địa phương nằm trong sự thống nhất của lịch sử Đảng toàn quốc. Mọi hoạt động của các đảng bộ địa phương đều phục tùng sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Đặc trưng nổi bật của một cuốn lịch sử đảng bộ địa phương là trình bày sự vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương chứ không phải là xác định đường lối; và trình bày những sự kiện, tư liệu ở địa phương là chủ yếu. Do đó cần làm rõ những chủ trương, biện pháp, hình thức, phương pháp cụ thể của địa phương để thực hiện đúng đắn, sáng tạo đường lối của Đảng. Toàn bộ các hoạt động xây dựng Đảng, phong trào đấu tranh của quần chúng đều nhằm vào mục tiêu đó; kinh nghiệm cũng rút ra từ đặc thù cụ thể của địa phương. Ở mặt này, mặt khác, đảng bộ địa phương có thể có những sáng tạo cụ thể, có sự đóng góp vào việc xây dựng đường lối và tiến trình phát triển phong trào cách mạng cả nước, song đó không phải là nội dung chủ yếu của cuốn lịch sử đảng bộ địa phương. Lịch sử đảng bộ địa phương dù có phong phú, độc đáo đến đâu

cũng nằm trong tính thống nhất của lịch sử Đảng toàn quốc. Tính đúng đắn, sáng tạo của đảng bộ địa phương không thể tách rời sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng; và phong trào cách mạng ở địa phương dù mạnh tới đâu cũng không thể không chịu ảnh hưởng tác động trực tiếp của phong trào cách mạng cả nước. Bởi vậy, khi giới thiệu lịch sử đảng bộ địa phương không thể thiếu việc trình bày một cách hợp lý tính hình chung cả nước, phong trào cách mạng cả nước và các địa phương lân cận có tác động trực tiếp đến địa phương, nhất là việc địa phương vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng trong từng giai đoạn, từng thời kỳ lịch sử. Có làm rõ những vấn đề ấy mới phân rõ ranh giới cuốn lịch sử Đảng toàn quốc với cuốn lịch sử đảng bộ địa phương, làm cho cuốn lịch sử đảng bộ địa phương có nội dung chính xác, phong phú và đa dạng, đúng với tính chất và lịch sử của một đảng bộ.

Ngoài ra, về mặt hình thức, một yêu cầu quan trọng đối với các công trình nghiên cứu lịch sử Đảng là *ngôn ngữ phải trong sáng, kết cấu phải hợp lý, khoa học* và cố gắng thể hiện một cách hấp dẫn, tránh khô khan, nhạt nhẽo. Đây là một vấn đề khó, đòi hỏi nhiều công phu tìm tòi và thể nghiệm.

Việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng cũng như lịch sử các đảng bộ địa phương là một công việc lớn và rất khó. Nó đòi hỏi ở chúng ta, trước hết là những người làm công tác nghiên cứu, biên soạn, sự cố gắng to lớn về nhiều mặt. Chúng ta cần tiếp tục vừa làm vừa học để có nhiều kinh nghiệm hơn, có những công trình nghiên cứu ngày càng tốt hơn.

NĂNG LỰC TỔ CHỨC

và việc rèn luyện năng lực tổ chức

NGUYỄN - HẢI - KHOÁT

Việc rèn luyện năng lực tổ chức đã trở thành một trong những vấn đề cấp thiết đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đồng chí Lê-Duẩn thường chỉ rõ, hiện nay «Cái mà chúng ta đang rất thiếu là năng lực tổ chức việc xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, phục vụ đời sống nhân dân» (1). Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V cũng khẳng định: «Thực tế mấy năm qua cũng cho thấy rõ những nhược điểm, khuyết điểm của Đảng trong lãnh đạo kinh tế và xã hội, thể hiện ở những thiếu sót về việc thực hiện và cụ thể hóa đường lối của Đảng, ở năng lực tổ chức thực tiễn, ở phong cách lãnh đạo có nhiều điều chưa phù hợp với những yêu cầu của giai đoạn mới» (2).

Thật vậy, hiện nay chúng ta đã có một đội ngũ đông đảo cán bộ quản lý, trong đó không ít người đã có quá trình công tác lâu năm, đã có được một trình độ văn hóa và chuyên môn nhất định, thế nhưng

hiệu quả công tác của nhiều đồng chí vẫn chưa cao, chưa đáp ứng được các yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay. Phải chăng vì ở các đồng chí này còn thiếu năng lực tổ chức hoặc chưa phát triển được năng lực này tới mức cần thiết? Chúng ta biết rằng hiệu quả của công tác quản lý phụ thuộc vào những nhân tố khách quan bên ngoài và những nhân tố chủ quan bên trong. Một khi các nhân tố bên ngoài tương đương nhau thì người nào có năng lực tổ chức tốt sẽ đạt được hiệu quả cao hơn là những người chưa có được năng lực này. Lê-nin thường nói: «Bất kỳ công tác quản lý nào cũng đều đòi hỏi phải có những đặc tính riêng biệt. Có người có thể là một nhà cách mạng và nhà cổ động cử nhất nhưng, làm một cán bộ hành chính thì lại hoàn toàn không thích hợp» (3). Cái mà Lê-nin

(1) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về Đảng cầm quyền*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, tr. 40—41.

(2) Đảng cộng sản Việt-nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 1, tr. 157.

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 30, tr. 546.

gọi là «những tính chất đặc biệt» đó, chính là những đặc trưng cơ bản của một người có năng lực tổ chức. Như vậy rõ ràng là, người nào không có năng lực tổ chức thì người đó không thể hoàn thành tốt công tác quản lý. Vì vậy mà giờ đây việc tuyển chọn hoặc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý không thể không chú ý tới tiêu chuẩn này.



Đặc trưng cơ bản đầu tiên của một người có năng lực tổ chức là *sự tinh nhạy về mặt tâm lý* thể hiện ở khả năng nhanh chóng đi sâu vào thế giới nội tâm của người khác, đoán biết được tâm trạng, nguyện vọng và ý nghĩ của họ, để dàng thông cảm với họ; ngoài ra còn có khả năng nhận biết được đúng đắn những phẩm chất và năng lực cơ bản của người khác. Có thể nói Hồ Chủ tịch là người điển hình về sự tinh nhạy tâm lý. Chính sự tinh nhạy tâm lý này đã làm cho Người có được sức cảm hóa và thuyết phục mạnh mẽ «ngay cả những kẻ thù, những tên khét tiếng chống cộng, khi tiếp xúc với Bác, đều phải tỏ ra kính nể. Đứng trước Bác, dường như chúng cũng bớt hung hãn đi nhiều» (1).

Cùng với sự tinh nhạy về mặt tâm lý, *đầu óc tâm lý thực tiễn* cũng là một yếu tố rất quan trọng. Chúng ta biết rằng trong quá trình quản lý, người lãnh đạo phải thực hiện một chức năng quan trọng là tiến hành việc thành lập bộ máy quản lý với hai khâu cơ bản là hình thành cơ cấu của bộ máy quản lý và tuyển chọn, phân bổ cán bộ, nhân viên trong cơ cấu này. Đồng thời, theo sự phát triển của tình hình mà thay đổi cơ cấu đó cho thích hợp với các yêu cầu mới. Chính đầu óc tâm lý thực tiễn sẽ giúp cho người lãnh đạo thực hiện các việc này có kết quả. Trên cơ sở hiểu biết đúng

đắn các phẩm chất và năng lực cơ bản của cán bộ cấp dưới do sự tinh nhạy tâm lý đem lại, người lãnh đạo có đầu óc tâm lý thực tiễn sẽ biết cách đặt từng người đó vào vị trí thích hợp nhất trong guồng máy của đơn vị, cơ quan mình sao cho có thể tận dụng và phát huy cao độ được sở trường của họ, giống như một người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được. Có thể nói, đầu óc tâm lý thực tiễn là một trong những đặc trưng nổi bật nhất của người có năng lực tổ chức tài giỏi. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, công việc đa dạng và phức tạp hơn xưa rất nhiều. Thường có nhiều việc bây giờ không thể giải quyết được bằng kiểu «đùng cầm xông vào», «đột kích xung phong» mà phải giải quyết bằng những công tác tổ chức tỉ mỉ, thận trọng, trong đó phải «chú ý tìm cho ra và thử thách một cách hết sức nhẫn nại, hết sức thận trọng những người thật sự có tài tổ chức» (5) để «đề bạt lên những chức vụ lãnh đạo lao động của nhân dân» (6), và như vậy càng cần phải có đầu óc tâm lý thực tiễn. Đáng tiếc là hiện nay vẫn còn những cán bộ quản lý chưa có được phẩm chất này, do đó mà «thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao» (7), làm lãng phí khá nhiều tiềm năng lao động sáng tạo của cán bộ, nhân viên dưới quyền họ.

Đối tượng chủ yếu của công tác tổ chức quản lý là con người — những con người cụ thể, sinh động với tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng. Làm sao thu phục được những con người như vậy, khơi dậy được

(4) Võ-Nguyên-Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1970, tr. 91.

(5), (6) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, tr. 330.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Về vấn đề cán bộ*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1974, tr. 33.

ở họ lòng hăng say làm việc? Sự *khéo léo ứng xử* có vai trò không nhỏ trong việc này. Đây là khả năng tìm được cách cư xử thích hợp nhất với từng con người cụ thể trong những tình huống cụ thể. Chẳng hạn với người này thì là sự động viên thân mật, với người khác là một lời nhắc nhở nhẹ nhàng, còn người khác nữa là sự phê bình nghiêm khắc, v.v. Đó còn là khả năng truyền thụ một cách «*tế nhị*» kinh nghiệm và kiến thức cho người dưới quyền để giúp họ tiến hành công việc đạt hiệu quả cao hơn.

Sự khéo léo ứng xử tuyệt nhiên không phải là sự cư xử khách sáo, giả tạo hoặc thô thiển, giản đơn. Nó xuất phát từ lòng yêu thương và tôn trọng con người theo tinh thần nhân văn cộng sản chủ nghĩa được kết hợp với một nghệ thuật cư xử có văn hóa cao. Lê-nin đòi hỏi người lãnh đạo phải có «*khả năng thu hút được quần chúng*» và Đảng ta cho rằng người lãnh đạo «*phải tập hợp được cán bộ và lao động dưới quyền*». Để thực hiện được yêu cầu này, người lãnh đạo phải có trình độ văn hóa và chuyên môn cần thiết, sự gương mẫu về đạo đức, sự chín chắn về chính trị và tầm nhìn xa trông rộng. Tuy nhiên, những điều đó vẫn chưa đủ. Còn phải có sự khéo léo ứng xử nữa thì mới có thể tập hợp và thu phục được đông đảo người cùng mình làm việc.

Một đặc trưng quan trọng nữa của người tổ chức có tài là *khả năng tác động kiến nghị lời những người dưới quyền*. Tức là lan truyền được niềm tin và ý chí của mình tới họ, thu hút họ vào công việc chung. Ở đây, những phẩm chất như: dũng cảm, quyết đoán, táo bạo và gương mẫu đóng vai trò to lớn. Suy nghĩ thận trọng, toàn diện và khoa học để đưa ra được những quyết định quản lý đúng đắn và ban hành nó kịp thời. Khi đã ban hành rồi thì kiên quyết bắt tay vào

việc tổ chức thực hiện quyết định đó cho đến nơi đến chốn, không chần chừ, dao động trước mọi lời bàn ra của người khác. Mặt khác, biết tiếp thu những ý kiến xây dựng của mọi người để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quyết định của mình. Thậm chí còn có dũng khí «*sửa sai*» hoặc «*bãi bỏ*» các quyết định sai lầm của bản thân nữa.

Một trong những điều kiện đề người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý có thể tác động kiến nghị tới những người khác là tính yêu cầu cao. Trong quá trình quản lý, người lãnh đạo phải giao trách nhiệm cho những người dưới quyền và đòi hỏi họ phải thực hiện đầy đủ những quyết định mà mình đã ban hành nhằm làm cho cả bộ máy quản lý vận hành được tốt. Vì vậy, *linh yêu cầu cao* (còn gọi là *linh nghiêm khắc*) cũng là một đặc trưng của người có năng lực quản lý. Muốn vậy, người lãnh đạo phải biết đề ra được một hệ thống yêu cầu từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp cho từng người thừa hành công vụ. Và khi truyền đạt các yêu cầu cho từng người thì biết tính đến tâm trạng của tập thể, đặc điểm tâm lý của mỗi người để sao cho họ có sự tiếp thu tâm lý tin tưởng và chấp hành tuyệt đối. Thường thì người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nào có đầu óc tư duy linh hoạt và sáng tạo mới có được khả năng này. Còn người nào vốn có sự cứng nhắc thái quá trong suy nghĩ và cư xử thì dễ đưa ra các yêu cầu cho cấp dưới một cách gay gắt, máy móc. Chúng ta biết rằng «*Bất kỳ nơi nào có quần chúng, thì nhất định có ba hạng người: hạng hăng hái, hạng vừa vừa, và hạng kém. Mà trong ba hạng đó, hạng vừa vừa, hạng ở giữa nhiều hơn hết, hạng hăng hái và hạng kém đều ít hơn*» (8). Tất cả

(8) Hồ-Chí-Minh: *Sửa đổi lối làm việc*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1954, tr. 75.

những điều đó đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải đề cao hơn nữa tinh yêu cầu cao đối với những người dưới quyền. Và để thực hiện được điều đó, thì trước hết phải yêu cầu cao với chính bản thân mình. Tinh yêu cầu cao với bản thân đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích công tác của bản thân và đơn vị, cũng như mọi hành vi đạo đức và cách cư xử của mình một cách nghiêm túc. Suy nghĩ một cách có phê phán là phẩm chất không thể thiếu của người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Người ta thấy rằng, ở nơi nào mà người lãnh đạo hoàn toàn thỏa mãn với công tác của mình thì lúc đó bắt đầu báo hiệu sự đi xuống của người đó. Tinh thần phê phán là người giám sát đặc biệt trong hoạt động của mỗi người lãnh đạo, nó là cái bảo đảm cho người lãnh đạo tránh được thái độ thỏa mãn và lạc quan tếu. Thiếu tinh thần phê phán thì sẽ không thể có tiến bộ trong công tác.

Một đặc trưng nữa của người có năng lực tổ chức là *tinh cảm say sưa bền vững* với hoạt động tổ chức. Chỉ những ai trong quá trình công tác quản lý của mình đã gây dựng được cho bản thân nhu cầu và hứng thú bền vững với hoạt động tổ chức thì mới có thể trở thành nhà tổ chức tài giỏi.



Trên đây chỉ phân tích một số đặc trưng cơ bản của người có năng lực tổ chức xét về mặt tâm lý học. Vấn đề quan trọng hơn là rèn luyện thể nào để có được năng lực đó.

Để có được năng lực tổ chức giỏi, yêu cầu đầu tiên đối với bất cứ người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nào là đều phải *ra sức học tập, nắm thật vững các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và đường lối chính sách của*

Dảng. Có thể nói, đó là tiền đề của việc rèn luyện năng lực tổ chức. Đối với bất cứ người cán bộ nào, đương nhiên nhiệt tình cách mạng cũng là yêu cầu hàng đầu, vì nếu thiếu nhiệt tình cách mạng thì không thể làm bất kỳ công việc cách mạng nào, chứ chưa nói tới việc lãnh đạo, tổ chức quần chúng hành động cách mạng. Song, nhiệt tình cách mạng cần thiết bao nhiêu thì tinh khoa học trong công tác cách mạng càng cần thiết bấy nhiêu. Chỉ khi nào nhiệt tình được xác định trên cơ sở khoa học thì nhiệt tình đó mới được bền vững, đúng hướng và mới đem lại hiệu quả thiết thực. Nhân mạnh nhiệt tình mà coi nhẹ khoa học, đem nhiệt tình thay cho khoa học, việc làm đó thực tế đã cho thấy là thường dẫn đến những kết quả đau xót.

Tinh khoa học trong công tác cách mạng thể hiện ở chỗ, mọi quyết định đều xuất phát từ quy luật, từ những điều kiện lịch sử cụ thể của hiện thực khách quan. Khi áp dụng « chính sách cộng sản thời chiến », lúc chuyển hướng thực hiện « chính sách kinh tế mới », v.v. tất cả những quyết định quan trọng đó đối với Lê-nin không phải đề ra từ ý muốn chủ quan mà từ cơ sở khoa học. Cơ sở của những quyết định đúng đắn bao giờ cũng là những quy luật của sự vận động thực tế khách quan. Để nắm được quy luật, hành động phù hợp với quy luật, nâng cao được khả năng phân tích xã hội một cách khoa học, kịp thời phát hiện được mâu thuẫn, nắm vững được bản chất của sự vật, dự kiến được triển vọng của sự phát triển, tránh chủ quan, phiến diện trong khi phân tích tình hình và quyết định chủ trương... thì không có cách nào khác là phải rèn luyện để hiểu biết sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng.

Để rèn luyện năng lực tổ chức, ngoài việc nắm vững những nguyên

(Xem tiếp trang 46)

LONG PHÚ — MỘT HUYỆN MẠNH

NGUYỄN - KIẾN - PHƯỚC

LONG-PHÚ là một huyện ven biển phía đông nam của tỉnh Hậu-giang, chia thành hai vùng cù lao và đất liền, chạy dọc theo tuyến sông Bát-xắc. Long-phú có diện tích tự nhiên là 69 000 ha, trong đó có 36 000 ha đất canh tác (bao gồm 32 000 ha đất trồng lúa và 4 000 ha đất trồng cây công nghiệp và cây ăn quả). Long-phú có 20km bờ biển và một hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và giao thông.

Long-phú có 19 xã và 1 thị trấn, 15 xã trên đất liền và 4 xã ở cù lao Dung, gồm 105 ấp, với số dân là 182 nghìn người, có khoảng 50 000 người dân tộc Khơ-me, 10 000 người Hoa. Lực lượng lao động gồm 85 000 người, trong đó lao động nông nghiệp chiếm 95%.

Trong công cuộc cải tạo và xây dựng huyện, Long-phú gặp không ít khó khăn. Khó khăn lớn nhất là trong tổng diện tích đất nông nghiệp có đến 75% bị nhiễm mặn quanh năm, chỉ làm được một vụ lúa mùa, trước ngày được giải phóng năng suất lúa rất thấp (không quá 2 tấn/ha). Trước ngày giải phóng phần lớn ruộng lúa nằm trong tay địa chủ, phú nông và bọn tề nguỵ ác ôn. Gần 7 000 hộ trong tổng số 27 000 hộ nông dân lao động không có đất hoặc thiếu đất sản xuất: khoảng 7 000 ha đất bị mặn, phèn nặng phải bỏ hoang; hơn 5 000 ha vườn bị bom đạn giặc tàn phá nặng nề. Những

năm đầu sau ngày giải phóng, Long-phú chỉ sản xuất được trên diện tích 26 000ha. Vì vậy, đời sống của nông dân rất khó khăn; nạn đói là căn bệnh kinh niên; Long-phú phải cứu đói cho 40 000 người.

Cơ sở vật chất hầu như không có gì. Toàn huyện chỉ có hơn 10 xí nghiệp xay xát, một ít lò rèn, một vài cơ sở làm tương chao, nước mắm, hệ thống thủy lợi, đường sá, cầu cống bị hư hỏng nhiều. Cả Long-phú (bao gồm hai huyện Long-phú và Lịch-hội-thượng cũ) chỉ có 5 trường học, 60 phòng học tập trung ở thị trấn và chung quanh đồn bốt giặc. Ở nông thôn, con em nông dân lao động hầu như thất học, hơn 10 000 người lớn tuổi bị mù chữ. Cả huyện chỉ có một bệnh xá, 4 nhà bảo sinh, không có một công trình văn hóa nào.

Lợi dụng tình hình khó khăn buổi ban đầu, kẻ địch đã tìm cách phá hoại trên nhiều mặt. Chúng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tuyên truyền, nói xấu chế độ ta, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Chúng còn tổ chức ám sát cán bộ, kích động bạo loạn vũ trang, gây hấn thù giữa đồng bào các dân tộc...

Đảng bộ Long-phú được thành lập sớm, nhưng trải qua cuộc chiến đấu trường kỳ ác liệt với quân thù, đã phải chịu nhiều hy sinh, tổn thất, cho nên khi chuyển sang giai đoạn xây dựng hòa bình, về tổ chức và cán bộ, không

đáp ứng kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Cả đảng bộ sau ngày giải phóng chỉ có 280 đảng viên, lại phân bố không đều, chủ yếu tập trung hoạt động ở cù lao, ở xã. Mỗi chi bộ chỉ có 5 - 6 đồng chí, phần lớn chỉ học đến lớp 3 lớp 4. Hơn 75% số ấp không có đảng viên. Cán bộ các ban, ngành của chính quyền và đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở đều thiếu và yếu, nhất là về trình độ quản lý kinh tế và xã hội.

Thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, được sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh ủy Hậu-giang, căn cứ vào tình hình cụ thể của huyện, đảng bộ Long-phủ đã đề ra 4 nhiệm vụ cấp bách trước mắt là: Ra sức khôi phục sản xuất, khắc phục nhanh chóng hậu quả chiến tranh, tích cực giải quyết nạn đói và thất nghiệp, ổn định đời sống của nhân dân lao động; thực hiện nhanh việc xóa bỏ sự chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, phú nông, tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc ác ôn, điều chỉnh và trang trải ruộng đất cho những người không có đất và thiếu đất để họ có điều kiện yên tâm sản xuất; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố và xây dựng lực lượng quân sự địa phương, làm chỗ dựa vững chắc, bảo đảm công cuộc cải tạo và xây dựng của nhân dân trong huyện; củng cố và phát triển các tổ chức Đảng, khăn trương bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, nhất là ở cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, nâng cao sức mạnh chiến đấu và năng lực tổ chức của các tổ chức Đảng, đấu tranh làm trong sạch đội ngũ, tích cực phát triển Đảng, củng cố và tăng cường hệ thống chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở xã, ấp.

Thực hiện những nhiệm vụ trên đây, từ ngày giải phóng, Long-phủ đã tập trung toàn bộ sức lực và trí tuệ vào việc nhanh chóng hàn gắn

vết thương chiến tranh, đưa nhân dân Long-phủ vào mặt trận khôi phục sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa nhằm giải quyết nạn đói, nạn thất nghiệp, ổn định một bước căn bản đời sống nhân dân.

Long-phủ thực hiện sớm việc tịch thu ruộng đất của địa chủ, tư sản nông thôn, trưng thu tất cả ruộng đất của bọn ngụy quân, ngụy quyền ác ôn, chia cho bà con không có đất hoặc thiếu đất.

Ngay từ đầu, Long-phủ xác định rõ phương hướng sản xuất nông nghiệp của huyện là thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích trồng lúa bằng khai hoang. Tiến hành quy hoạch sản xuất, chia huyện thành ba khu vực: khu vực có nước ngọt (chỉ bị nhiễm mặn ba tháng) có thể đưa lên hai vụ lúa một năm gồm lúa hè thu và lúa mùa; khu vực nước mặn thì tịch cực làm thủy lợi, «ngọt hóa» từng bước để bảo đảm một vụ lúa mùa ăn chắc, dần dần đưa lên hai vụ: một lúa - một màu hoặc hai vụ lúa; các xã cù lao giàu phù sa là địa bàn tập trung trồng cây công nghiệp như mía, dừa, chỉ giữ một ít diện tích trồng lúa để giải quyết lương thực tại chỗ.

Theo phương hướng ấy, mấy năm qua, Long-phủ tiến quân mạnh vào mặt trận thủy lợi, coi đó là mũi đột phá quan trọng nhất để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Mục tiêu của công tác thủy lợi được đảng bộ Long-phủ đặt ra là: kết hợp các công trình quy mô lớn với quy mô vừa và nhỏ, ngăn nước mặn, thau chua, rửa phèn, bảo đảm đạt vụ lúa mùa ăn chắc, dần dần nâng lên cao sản; «ngọt hóa» từng khu vực, tranh thủ mở rộng diện tích tăng vụ, và cuối cùng bảo đảm tưới nước cho vùng đất vừa khai phá. Mỗi công trình thủy lợi phải vừa phục vụ sản xuất lúa, vừa là phương tiện giao thông. Công tác thủy lợi của Long-phủ được tiến hành song song với phong trào hợp tác hóa, xây dựng

quan hệ sản xuất mới ở nông thôn. Bảy năm qua, Long-phú đã huy động gần 8 triệu ngày công, đào đắp hơn 10 triệu mét khối đất đá, hoàn thành 1300 công trình thủy lợi lớn, vừa và nhỏ. Tuyến đê từ Đại-ngãi đến vàm Mỏ-ô dài 59km có chân đê 12 mét, mặt đê rộng 6 mét, cao 1,5mét và tuyến đê giao thông quốc phòng từ Mỏ-ô đến vàm Long-phú dài 25 km cũng hàng loạt công trình phụ trợ khác đã hoàn toàn chặn đứng nước mặn biển Đông thấm vào chân ruộng; nhờ đó đồng lúa được cải tạo và nhiều vùng đã chủ động trong việc giữ nước mưa, nước kênh phục vụ sản xuất. Gần 300 tập đoàn sản xuất (trong tổng số 433) của huyện đã hoàn thành việc xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ trong đồng.

Đến cuối năm 1982, công tác thủy lợi đã phục vụ tốt việc tưới tiêu cho 4300 héc ta lúa hè thu, ngăn mặn, rửa chua, rửa phèn cho 18600 héc ta lúa mùa sớm cao sản. Long-phú là huyện dẫn đầu tỉnh Hậu-giang về hiệu quả và tác dụng to lớn, nhiều mặt của công tác thủy lợi.

Đi đôi với việc tiến quân mạnh mẽ, liên tục vào mặt trận thủy lợi, Long-phú rất coi trọng chỉ đạo đưa nhanh các giống lúa mới vào sản xuất nhằm tạo ra những tập đoàn, những ấp và xã đạt năng suất cao, đạt sản lượng lúa ngày càng nhiều.

Các giống lúa nông nghiệp 3A, 6A, 7A, 8A là những giống lúa cao sản vụ hè thu và đông xuân, giống nông nghiệp 2B, 4B, 5B trong bộ giống lúa mùa sớm và trung mùa đạt năng suất cao được Long-phú nhân và gieo sạ đại trà sớm nhất. Long-phú tập hợp được một tập đoàn giống lúa gồm 20 loại phục vụ sản xuất hai vụ mùa và hè thu, chịu được sâu bệnh và cho năng suất cao. Hiện nay, Long-phú đang gây 200 héc ta giống lúa KT từ KT1 đến KT8 vừa chịu được mặn vừa có khả năng chống phèn đề chuẩn bị

cho vụ mùa năm sau. Đến nay, đồng ruộng Long-phú có 80% diện tích gieo sạ bằng giống lúa mới.

Nhờ thực hiện phương hướng thâm canh, tăng vụ và khai hoang, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp vào sản xuất, nhất là thủy lợi và giống mới, Long-phú đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Cả ba chỉ tiêu: diện tích, năng suất và sản lượng lúa đều tăng rõ rệt. Diện tích trồng lúa từ 26 000 héc ta năm 1975 lên 36 300 héc ta năm 1982. Năng suất lúa bình quân trên một héc ta tăng từ 2,8 tấn năm 1980 lên 3,55 tấn năm 1982. Năm 1975, sản lượng lương thực, chủ yếu là lúa, chỉ đạt 56 000 tấn, năm 1981 đạt 106 000 tấn, năm 1982 đạt 136 405 tấn. Thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt từ 300 kg/năm lúc mới giải phóng nay tăng lên 740 kg/năm, cao nhất tỉnh. Bên cạnh cây lúa, Long-phú cũng mở rộng nhanh diện tích mía, năm 1982 đạt 2500 héc ta, gấp đôi năm 1979. Chăn nuôi cũng phát triển khá, nhất là đàn lợn. Năm 1982, sản lượng lợn xuất chuồng là 3 500 tấn, tăng hai lần so với năm 1979.

Thành tích trong sản xuất nông nghiệp của huyện Long-phú mấy năm qua gắn bó chặt chẽ với kết quả công tác cải tạo nông nghiệp.

Sau ngày giải phóng, Long-phú vừa tiến hành điều chỉnh ruộng đất cho nông dân vừa vận động tổ chức họ vào các tổ chức làm ăn tập thể như tổ văn công, đội công, tổ đoàn kết, tập đoàn sản xuất. Đến cuối năm 1982, Long-phú xây dựng được 433 tập đoàn sản xuất (trong đó có 200 tập đoàn đã thực hiện khoán sản phẩm) thu hút 61,8% hộ nông dân và 58,9% diện tích lúa toàn huyện. Ngoài ra, Long-phú còn tổ chức 150 tổ đoàn kết sản xuất gồm 3 600 hộ với 3 670 héc ta ruộng đất. Nếu kể cả hai hình thức thì có 70,4% diện tích và 73,5% hộ nông dân đã đi vào làm ăn tập thể. Đã có sáu cơ sở

hoàn thành công tác xây dựng tập đoàn sản xuất. Đó là các thị trấn Long-phú, Lịch-hội-thượng ; các xã Long-phú, Tân-hưng, Tân-thành và Liêu-tú. Ở 4 xã khác các tập đoàn sản xuất thu hút hơn 75% các hộ nông dân. Long-phú phấn đấu đến năm 1985 sẽ hoàn thành cải tạo nông nghiệp với hai hình thức: hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Nhìn chung, các tập đoàn sản xuất đều thể hiện sự hơn hẳn so với lối làm ăn cá thể, sản xuất không ngừng phát triển, năng suất lúa tăng đều, đời sống nhân dân đã khác xa so với hồi « đèn nhà ai, nhà ấy rạng ».

Bên cạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và cải tạo nông nghiệp, Long-phú cũng từng bước khôi phục và xây dựng các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Đến nay, Long-phú có hệ thống nhà máy xay xát gồm 90 cái (trong đó có 16 nhà máy quốc doanh với tổng công suất 80 000 tấn/năm), 150 cơ sở chế biến đường mía, công suất 20 000 tấn đường thô/năm. Đã xây dựng một xưởng cơ khí, 2 trạm và 40 cơ sở sửa chữa nhỏ khác. Sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp năm 1981 đạt 14 triệu đồng, năm 1982 đạt 27 triệu đồng.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, đảng bộ Long-phú đã từng bước tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tạo dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu rất quan trọng và đóng góp ngày càng nhiều cho cả nước. Từ tình hình tồi tệ sau chiến tranh, đời sống xã hội ở Long-phú mấy năm qua đã thay đổi một cách rõ nét. Nạn đói hoàn toàn bị đẩy lùi, nạn thất nghiệp không còn, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được bảo đảm vững chắc và ngày càng được cải thiện. Bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới. Thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm ».

Long-phú đã phát động một phong trào xây dựng lại quê hương chủ yếu bằng sức lực và tiền bạc của chính mình. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, việc sửa sang cầu, đường, xây trường học, nhà văn hóa, đào tạo giáo viên... trở thành việc chung của nhân dân trong huyện. Ba năm qua, các chỉ tiêu về huy động lương thực, thực phẩm, Long-phú đều hoàn thành vượt mức. Trong ba năm qua, Long-phú đã đóng góp cho Nhà nước 90 000 tấn thóc, hơn 1700 tấn thịt lợn hơi, 1800 tấn đường mía, 3,7 triệu quả dưa...

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhiệm vụ quốc phòng được thực hiện tốt; phong trào toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Ba năm liền, Long-phú hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quân sự v.v.

Nhiệm vụ xây dựng Đảng được Long-phú quan tâm đặc biệt. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên được coi trọng đã tạo nên sự nhất trí cao và lòng tin tưởng tuyệt đối của đảng bộ và nhân dân Long-phú vào đường lối của Đảng. Từ đó, tăng thêm quyết tâm vượt qua khó khăn, tận tụy, kiên cường phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tư tưởng cách mạng tiến công, tư lực tự cường, sáng tạo trở thành mặt chủ đạo trong mọi hoạt động của đảng bộ và nhân dân. Về mặt tổ chức, đảng bộ Long-phú mà hạt nhân là Ban chấp hành đảng bộ huyện, là một khối đoàn kết thương yêu nhau trên tinh đồng chí, trên cơ sở đấu tranh có lý, có tình nhằm đạt tới sự nhất trí cao với đường lối, chính sách của Đảng, biết phát huy trí tuệ tập thể phục vụ sự nghiệp cách mạng. Đảng bộ huyện chủ trọng tăng cường cả về số lượng và chất lượng đảng viên cho cơ sở. 14 đồng chí huyện ủy viên được cử về trực tiếp làm bí thư xã : 23 trong số 35 huyện ủy viên thường xuyên bám sát và chỉ đạo các phong

trào ở cơ sở. Đảng bộ Long-phủ rất chú trọng công tác phát triển Đảng, thu hút nguồn sinh lực mới bổ sung cho đảng bộ, đồng thời kiên quyết thải loại những phần tử trượt dài theo chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thoái hóa, biến chất ra khỏi hàng ngũ mình. Ba năm qua, đảng bộ Long-phủ kết nạp thêm 420 người vào Đảng, đưa ra khỏi Đảng 103 người. Đã thanh toán xong các ấp trắng; đến nay ấp nào cũng có tổ Đảng hoặc đảng viên. Có 30 ấp đã thành lập được chi bộ. Đây là sự phát triển rất đáng mừng của đảng bộ Long-phủ. Công tác phát triển đảng viên ở Long-phủ đã hoàn thành năm 1981. 96% số đảng viên đã được nhận thẻ; trong tổng số 47 chi bộ và đảng bộ cơ sở, có 21 đơn vị mạnh, số còn lại đều là loại khá.

Công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ các cấp, các ban, ngành, nhất là ở cơ sở được đảng bộ Long-phủ coi trọng. Ba năm qua, hàng trăm cán bộ được cử đi học các lớp chính trị, văn hóa, nghiệp vụ.

Công tác tăng cường và củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng, cải tiến lề lối làm việc, đều có nhiều tiến bộ, đã khắc phục đáng kể hiện tượng cấp ủy Đảng bao biện, làm thay công việc của chính quyền.

Với những thành tựu trên đây, mấy năm qua, Long-phủ được Nhà nước thưởng 5 huân chương Lao động hạng ba, được Cố chủ tịch Tôn-Đức-Thắng tặng lẵng hoa. Ngoài ra, Long-phủ còn nhận được rất nhiều bằng khen của các bộ và của tỉnh. Giờ đây, Long-phủ lại được Ban bí thư Trung ương Đảng công nhận là đảng bộ huyện vững mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, so với yêu cầu của công tác xây dựng huyện, Long-phủ còn nhiều mặt hạn chế và nhược điểm. Tiềm lực kinh tế của Long-phủ rất lớn, tuy đã cố gắng khai thác, nhưng những thành tựu đạt

được vẫn chưa tương xứng với sự giàu có về đất đai, sông biển, về nguồn lao động dồi dào và có kỹ thuật của huyện. Mặc dù có lý do khách quan như nguồn vật tư, nguyên liệu và cơ sở vật chất, kỹ thuật còn ít ỏi, sự phân công, phân cấp quản lý còn lúng túng, giá cả chưa ổn định, nhưng trong sự chỉ đạo, huyện ủy chưa quan tâm đến quá trình phát triển toàn diện, đồng bộ của các ngành theo hướng xây dựng cơ cấu nông - ngư - lâm - công nghiệp của huyện. Từ sau ngày giải phóng, sự chỉ đạo của huyện ủy tập trung vào sản xuất nông nghiệp, nhưng chủ yếu mới chú ý đến cây lúa. Trong sản xuất nông nghiệp còn thiếu cân đối giữa cây lúa và cây màu, giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa sản xuất và chế biến (xay xát). Trong guồng máy kinh tế, thành phần kinh tế cá thể còn lớn, nhất là trong công nghiệp, thương nghiệp, công tác cải tạo công thương nghiệp làm chưa tốt, công tác cải tạo nông nghiệp chưa đều, năng lực quản lý của các tập đoàn sản xuất còn yếu, các ngành nghề và kinh tế gia đình ở các tập đoàn chưa phát triển, lao động nhàn rỗi còn nhiều, thu nhập của nông dân tập thể chỉ mới trông vào cây lúa. Trong hệ thống quản lý kinh tế của huyện, bộ máy kinh tế - kỹ thuật còn thiếu nhiều, việc tích lũy vốn từ huyện để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện còn ít ỏi. Đội ngũ cán bộ nhất là ở cơ sở tuy được tăng cường và đào tạo nhanh, trẻ, giàu nhiệt tình, song trình độ chính trị, trình độ văn hóa, năng lực quản lý kinh tế và xã hội còn thấp so với yêu cầu và nhiệm vụ. Tóm lại, Long-phủ chưa phát huy tốt nhất các thế mạnh của huyện.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V và nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng, với tinh thần cách mạng tiến công, toàn thể cán bộ, đảng viên

huyện Long-phú đang ra sức phát huy những mặt mạnh, những kinh nghiệm tốt của mình, khắc phục những nhược điểm, khuyết điểm, quyết tâm xây dựng huyện Long-phú thành một pháo đài vững chắc của chủ nghĩa xã hội, giành những thành tựu to lớn mới.

Năng lực tổ chức...

(Tiếp theo trang 40)

lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý còn cần có sự hiểu biết nhất định về nhiều môn khoa học khác như khoa học tổ chức, khoa học quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tâm lý học, các môn khoa học tự nhiên... Trong thời kỳ Đảng lãnh đạo chính quyền để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, các cán bộ của Đảng, đặc biệt là những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cần cố gắng học hỏi về nhiều môn khoa học. Sự hiểu biết về các môn khoa học càng rộng, càng sâu thì khả năng hành động theo quy luật càng lớn, tính khoa học trong hành động càng cao.

Ngoài ra, trong việc rèn luyện để nâng cao năng lực tổ chức còn cần phải chú ý đặc biệt tới sự rèn luyện *tinh thần cảm*. Tinh thần cảm này sinh trên cơ sở của một tình thương yêu giai cấp sâu đậm đối với quần chúng lao động, trên cơ sở của một vốn sống phong phú và một trí tưởng tượng mạnh mẽ. Nhiều người nước

ngoài đã bàn về sức cảm hóa kỳ lạ của Hồ Chủ tịch. Có ý kiến cho rằng Hồ Chủ tịch có được sức cảm hóa kỳ lạ đó là do Người có sự hiểu biết sâu rộng, có tài trí thông minh tuyệt vời, có ý chí và nghị lực phi thường. Nhiều ý kiến khác lại cho rằng đó là do Người có đức tính khiêm tốn, giản dị, có sự lạc quan tin tưởng sâu sắc, có tình tình thẳng thắn cởi mở, có sự từng trải và lịch thiệp, v.v. Những điều ấy đều đúng. Nhưng bao trùm lên tất cả ở Hồ Chủ tịch chính là tính thấu cảm sâu sắc, là sự quên mình vì mọi người, là lòng nhân ái bao la.

Nhờ tính thấu cảm mà người lãnh đạo có thể đặt mình vào địa vị của người đối thoại, từ đó mà hiểu được tâm tư, nguyện vọng và ý nghĩ của họ, có thể thông cảm với họ những điều cần thiết; trên cơ sở đó mà có thể thiết lập được quan hệ đúng đắn với mọi người để thu hút họ vào công việc chung một cách có hiệu quả. Nhưng thấu cảm không phải là coi người khác như mình, như « bản sao » của nhân cách mình, đề rồi « suy bụng ta ra bụng người » một cách lăm lăm.

Tinh thần cảm chỉ hình thành trong sự tiếp xúc với đông đảo quần chúng, hòa mình trong phong trào cách mạng của quần chúng, bám sát thực tế, thật sự thâm nhập vào cuộc sống, chịu khó phân tích các sự kiện đang diễn ra trong cuộc sống. Cố gắng tiếp xúc với mọi người, đặt mình ở địa vị của người đối thoại, chăm chú lắng nghe rồi phân tích tâm tư, tình cảm, ý nghĩ của họ, dần dần ta sẽ rèn luyện được tinh thần cảm.

“MẤY VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN” — Một tác phẩm mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc

TIẾN - HẢI

DẢNG ta là một đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước. Trách nhiệm lịch sử của một đảng cầm quyền chẳng những không hề giảm nhẹ đi, mà trái lại, còn tăng lên gấp bội so với trước khi giành được chính quyền, bởi vì những nhiệm vụ của Đảng ngày nay nặng nề và phức tạp hơn rất nhiều. Sự lãnh đạo của Đảng ngày nay có phạm vi rất rộng lớn, quán xuyến tất cả các mặt hoạt động của đời sống xã hội, đi vào những lĩnh vực rất mới mẻ, phức tạp và khó khăn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng luôn luôn là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, cho nên muốn hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng hiện nay, điều mấu chốt là phải *ra sức tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*. Vấn đề quan trọng này đã được đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng ta nói tới trong tác phẩm *Mấy vấn đề về Đảng cầm quyền* (*).

Mấy vấn đề về Đảng cầm quyền của đồng chí Lê-Duẩn là một cuốn

sách mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc với nội dung rất phong phú. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ giới thiệu một số luận điểm cơ bản trong tác phẩm ấy.



Vấn đề đầu tiên được đồng chí Lê-Duẩn khẳng định là: « *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay, Đảng phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu đề phát triển, hoàn chỉnh và cụ thể hóa hơn nữa đường lối chính trị của Đảng* » (tr. 35)**

Là những người theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, chúng ta không bao giờ để cho nhận thức của mình đứng yên một chỗ. Thực tiễn xã hội, cuộc sống hiện thực luôn luôn thay đổi và phát triển, đặc biệt khi xã hội ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá

(*) Tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn do NXB Sự thật xuất bản năm 1981.

(**) Những câu trong ngoặc kép có ghi số trang đều trích từ tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn: « *Mấy vấn đề về Đảng cầm quyền* ».

độ. Vì vậy, « chúng ta phải thường xuyên đi sâu vào cuộc sống đề từ các quá trình kinh tế — xã hội thực tế, từ những kinh nghiệm của quần chúng, từ những chỗ làm được và chưa làm được của chúng ta, tiến hành một cách sâu sắc những sự phân tích, tổng kết kinh nghiệm và khái quát lý luận cần thiết để không ngừng bổ sung, phát triển và cụ thể hóa hơn nữa đường lối, chính sách của Đảng » (tr 36).

Trong việc bổ sung, phát triển và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, một vấn đề đặc biệt quan trọng phải chú ý là làm sao *nắm cho được các quy luật khách quan của sự phát triển của xã hội*. Trong khi nhấn mạnh vai trò của những nhân tố chủ quan của con người, của Đảng tiên phong và của quần chúng nhân dân, Lê-nin luôn luôn nhắc nhở các Đảng cộng sản phải tuyệt đối không được lấy ý muốn chủ quan của mình để định ra đường lối, chính sách, không được lấy tình cảm làm điểm xuất phát cho chiến lược và sách lược cách mạng, mà phải đặc biệt coi trọng các quy luật khách quan.

Trong tác phẩm của mình, đồng chí Lê-Duẩn cũng phân tích một cách rất sâu sắc tầm quan trọng đặc biệt của việc nắm vững các quy luật khách quan. Đồng chí khẳng định: « Quy luật khách quan của sự phát triển xã hội bao giờ cũng phải là điểm xuất phát cho đường lối chính trị của Đảng » (tr. 36). Đồng chí còn chỉ rõ: « Trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong chiến tranh, Đảng ta sở dĩ có đường lối đúng là vì Đảng nắm vững các quy luật cách mạng, các quy luật của chiến tranh nhân dân. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, lại càng không thể tùy tiện, bất chấp quy luật... Chuyên chính vô sản, nhiệt tình cách mạng của nhân dân là những động lực cực kỳ quan trọng, thiếu nó thì không thể nói đến việc xây dựng chủ

nghĩa xã hội. Song, nếu tưởng rằng chỉ có chuyên chính vô sản và lòng hăng hái là đủ để có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không cần tính đến các quy luật khách quan, không cần tính đến những sự kiện kinh tế thì lúc là phạm một sai lầm hết sức nghiêm trọng » (tr. 36).

Bên cạnh việc khẳng định sự trưởng thành của Đảng ta trong việc nắm quy luật cách mạng dân tộc dân chủ, quy luật của chiến tranh nhân dân, đồng chí Lê-Duẩn còn chỉ ra cái yếu của chúng ta hiện nay là « chỉ mới bước đầu đi vào nắm những quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội » (tr 37). Từ một nước mà sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta đứng trước một loạt vấn đề rất mới mẻ. Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng..., đó là những phương hướng cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Song, quy luật của cách mạng khoa học kỹ thuật, của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, của cách mạng về quan hệ sản xuất, của cách mạng tư tưởng và văn hóa cùng hàng loạt những mối quan hệ kinh tế tác động trong điều kiện nước ta như thế nào, thì đó là những vấn đề rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải dày công suy nghĩ nhiều hơn nữa. Trong báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng do đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn trình bày, Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm rằng « Trong năm năm 1976 — 1980, việc nắm và hiểu tình hình thực tế, việc cụ thể hóa đường lối và chấp hành đường lối của Đảng có những khuyết điểm, sai lầm » (1). Và, những

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Công sản*, số 4-1982, tr. 30.

khuyết điểm, sai lầm đó “xét cho cùng là do chưa thật sự nắm chắc quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được phản ánh trong đường lối của Đảng, chưa nắm đầy đủ thực tế và thiếu kiến thức kinh tế” (2).

Từ việc rút ra những sai lầm, khuyết điểm kể trên và thấy rõ nguyên nhân của sai lầm, khuyết điểm đó, chúng ta càng thấm thía ý nghĩa sâu sắc của luận điểm nói trên của đồng chí Lê-Duẩn. Và, cũng từ đó, một vấn đề đặt ra rất rõ ràng là “cần phải có một sự cố gắng vượt bậc, một sự trưởng thành vượt bậc về mặt này (tức là việc nắm các quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa—T.H.) thì Đảng ta mới đủ sức làm tròn nhiệm vụ là người lãnh đạo xã hội” (tr. 37).

Đề có thể nắm được các quy luật của sự phát triển xã hội, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: “Cần phải nghiên cứu đầy đủ và sâu sắc hơn nữa những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, nắm vững thực tiễn của cách mạng nước ta, đồng thời học tập kinh nghiệm các nước anh em, đặc biệt phải chú trọng tổng kết kinh nghiệm của những năm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội để nâng cao trình độ lý luận của Đảng, làm sáng tỏ các vấn đề thực tiễn, trên cơ sở đó phát triển và hoàn chỉnh hơn nữa đường lối và chính sách của Đảng, làm cho đường lối, chính sách của Đảng ngày càng mang đầy đủ tính chất khoa học và do đó, càng có hiệu lực đối với cuộc sống” (tr. 38).



Có đường lối, chính sách đúng là điều quan trọng có tính chất quyết định, nhưng chưa đủ, còn cần phải có công tác tổ chức rộng lớn để huy động và tận dụng mọi lực lượng xã hội, mọi khả năng vật chất cũng như tinh thần

hướng vào giải quyết các nhiệm vụ cụ thể. Vì vậy, *làm tốt công tác tổ chức, nâng cao năng lực tổ chức của Đảng và của bộ máy Nhà nước* là vấn đề được đồng chí Lê-Duẩn coi là cấp bách và mấu chốt đối với một đảng cầm quyền.

“Nói đến công tác tổ chức, chúng ta không nên hiểu rằng đây chỉ là công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng. Những công tác đó là những công tác quan trọng của tổ chức; tuy nhiên, nếu chỉ hiểu như vậy thì chưa đủ và chưa đúng. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác tổ chức còn bao gồm một loạt vấn đề về sắp xếp cơ cấu của nền kinh tế quốc dân, về xây dựng bộ máy quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, quy định những chế độ, nội quy của từng đơn vị kế hoạch, quy định chức trách, quyền hạn của mỗi cấp, mỗi ngành nhằm bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chính trị, kinh tế trong từng thời kỳ. Công tác tổ chức liên quan đến trình độ phát triển của kinh tế, của xã hội, liên quan đến pháp chế. Do đó, không thể làm theo lối hành chính, càng không thể làm tùy tiện như thế nào cũng được” (tr. 16).

Như vậy, công tác tổ chức có một tầm quan trọng đặc biệt và có một nội dung rất rộng lớn. Lê-nin đã từng chỉ rõ: “Trong cuộc đấu tranh để giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là sự tổ chức” (3). Và, khi mà chính quyền vô sản đã được thiết lập, nhiệm vụ xây dựng xã hội mới được đề lên hàng đầu thì Lê-nin lại nhấn mạnh: “Chúng ta phải hiểu rằng muốn quản lý được tốt mà chỉ biết thuyết phục, biết chiến thắng trong cuộc nội chiến mà thôi thì chưa đủ; còn cần phải

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4—1982, tr. 30.

(3) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, quyển I, phần I, tr. 624.

biết tổ chức về mặt thực tiễn nữa. Đó là nhiệm vụ khó khăn nhất vì vấn đề là phải tổ chức một cách mới mẻ những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống hàng chục triệu con người» (4).

Đất nước ta đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Theo đồng chí Lê-Duẩn, chính trong thời kỳ đó lại càng cần thiết phải làm tốt hơn nữa công tác tổ chức, bởi vì «với bản chất phân tán, rời rạc, tự do tản mạn, tùy tiện, vô chính phủ, nền sản xuất nhỏ không để lại cho ta cái gì hay về mặt tổ chức, mà chỉ để lại những tập quán, những lề thói xấu về cách làm ăn trái ngược hẳn với yêu cầu tổ chức của một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, từ sản xuất nhỏ tiến lên, trước mắt chúng ta không những có hai đường lối phát triển kinh tế—từ bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa—mà còn có hai phương pháp tổ chức: thủ công nghiệp hay đại công nghiệp. Sai lầm về đường lối sẽ làm chệch phương hướng phát triển của cách mạng đi đến thủ tiêu nền chuyên chính vô sản. Nhưng nếu phạm sai lầm về tổ chức quản lý, nếu đưa những quan niệm và phương pháp của người sản xuất nhỏ vốn quen thuộc đối với chúng ta qua bao đời nay vào hoạt động tổ chức quản lý thì cũng không thể có chủ nghĩa xã hội» (tr. 40).

Công tác tổ chức có tầm quan trọng đặc biệt như vậy. Song, đó lại chính là vấn đề mà hiện nay chúng ta đang thiếu và đang yếu. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Cần phải nhận rõ rằng nhược điểm lớn nhất, khó khăn lớn nhất của chúng ta trong việc quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước là trong lĩnh vực tổ chức, trong nhiệm vụ tổ chức» (tr. 21). Đồng chí còn chỉ ra, hiện nay «cái mà chúng ta đang rất thiếu là năng lực tổ chức việc xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, phục vụ đời sống nhân dân» (tr. 40—41).

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đang đặt ra trước chúng ta những nhiệm vụ to lớn và cấp bách. Toàn Đảng cần nhanh chóng vươn lên khắc phục cho được mâu thuẫn trong sự trưởng thành của chúng ta hiện nay giữa một bên là yêu cầu phải khẩn trương đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với khối lượng ngày càng to lớn và tinh chất ngày càng phức tạp với một bên là năng lực tổ chức của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước ta còn non kém. Chính vì vậy mà đồng chí Lê-Duẩn yêu cầu: «Phải có một sự chuyển biến cách mạng trong quan niệm của chúng ta về vai trò của tổ chức, phải có một sự cải tiến mạnh bạo trong công tác tổ chức của Đảng, trong phương thức quản lý của Nhà nước, của tất cả các cơ quan, các ngành, các cấp» (tr. 43).



«Đề bảo đảm cho cách mạng thắng lợi, sau khi có đường lối, chính sách đúng đắn thì điều kiện quyết định là việc tổ chức thực hiện đường lối, trong đó vấn đề then chốt là *phải có một đội ngũ cán bộ vững mạnh về mọi mặt*» (tr. 52). Luận điểm quan trọng này, được đồng chí Lê-Duẩn nhắc tới nhiều lần trong tác phẩm.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng cần phải có một đội ngũ cán bộ có chất lượng tốt, tiêu biểu cho đường lối chính trị của Đảng và có số lượng không những đủ cho nhu cầu trước mắt mà cả cho lâu dài. Đội ngũ ấy phải bao gồm đủ loại cán bộ về tất cả các ngành, các mặt, thỏa mãn yêu cầu rộng lớn trong mọi lĩnh vực của sự nghiệp cách mạng.

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: «Chất lượng của cán bộ thể hiện ở kết quả

(4) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 402.

hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng giao phó trong từng thời kỳ nhất định của cách mạng. Có hoàn thành tốt hay không những nhiệm vụ cách mạng, có thực hiện đúng và triệt để hay không đường lối, chính sách của Đảng, đó là thước đo phẩm chất và năng lực của mỗi cán bộ» (tr. 53).

Đề có một đội ngũ cán bộ có chất lượng tốt, đồng chí Lê-Duẩn đòi hỏi, một mặt, bản thân mỗi cán bộ dù ở cấp nào và cương vị nào đều phải cố gắng rèn luyện; « phải không ngừng củng cố lập trường vô sản và năng cao đạo đức cách mạng » (tr. 61); « phải ra sức học tập, coi học tập là một vấn đề về tinh Đảng, một kỷ luật của Nhà nước. Phải học tập, rèn luyện trong sinh hoạt chi bộ, trong công tác thực tế và trong các trường, lớp huấn luyện, nhằm nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, trình độ lý luận và chính trị, kiến thức quản lý kinh tế và khoa học, kỹ thuật » (tr. 185). Mặt khác, về phía Đảng và Nhà nước, « Phải có quan niệm đúng về cán bộ và công tác cán bộ (tôi nhấn mạnh - T.H.). Phải xuất phát chủ yếu từ phẩm chất và năng lực thực tế hiện tại, căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ để đánh giá cán bộ. Phải sắp xếp, đề bạt cán bộ đúng lúc, đúng chỗ; bố trí cán bộ thành cơ cấu đồng bộ có tác dụng bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Phải định kỳ xem xét lại cán bộ (cán bộ dần cử cũng như cán bộ chỉ định), tạo ra một nền nếp bình thường là cán bộ có lên, có xuống, làm được thì đề, không làm được thì thay. Phải chống bệnh hẹp hòi, thành kiến, óc địa phương đề kịp thời phát hiện và mạnh dạn đề bạt những cán bộ có phẩm chất và năng lực, ủng hộ, giúp đỡ và tạo điều kiện cho những đồng chí ấy làm việc. Phải kiên quyết loại bỏ những cán bộ hư hỏng, thoái hóa; thay đổi những người không chấp hành đường lối, quan điểm của Đảng về đối nội cũng như đối ngoại; sắp xếp lại công việc cho

những cán bộ kém năng lực, không đảm đương được nhiệm vụ » (tr. 184).

Đồng chí Lê-Duẩn còn đòi hỏi phải có sự kết hợp đúng đắn cán bộ già và cán bộ trẻ, bởi vì « cán bộ già hiểu đời, từng trải và có kinh nghiệm; cán bộ trẻ có sức vươn lên và nhạy bén với cái mới; hai loại cán bộ đó cộng tác chặt chẽ với nhau thì sẽ tạo ra chất lượng mới (tr. 15).

Một việc cấp thiết nữa mà đồng chí Tổng bí thư đề nghị hệ thống tổ chức của Đảng và Nhà nước phải quan tâm là « mau chóng đưa công tác cán bộ đi vào quy hoạch và kế hoạch, (tôi nhấn mạnh - T.H.) vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài » (tr. 184).

Cuối cùng, phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để họ đủ sức hoàn thành một cách xuất sắc những nhiệm vụ được giao, và vấn đề này « phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của các cấp ủy Đảng » (tr. 185).



Một nhiệm vụ quan trọng nữa đối với Đảng cầm quyền là phải tạo ra cho được trên quy mô toàn quốc, cũng như ở từng địa phương, từng ngành, từng đơn vị cơ sở, từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên, một hệ thống những quan hệ đúng đắn nhất giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân.

Đồng chí Lê-Duẩn phân tích: « Một hệ thống đúng đắn những quan hệ như thế (quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân - T.H.) là một hệ thống bảo đảm vững chắc nhất sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng đối với đời sống xã hội và sự phát triển của xã hội, bảo đảm những khả năng tối đa và hiệu lực tối đa cho vai trò quản lý kinh tế và văn hóa của Nhà nước, bảo đảm tuyệt đối quyền làm chủ tập thể thật sự và sự sáng tạo lịch sử có kết quả nhất của nhân dân lao động » (tr. 83).

Về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân, đồng chí Lê-Duẩn viết: « Đảng không thể nào lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không có Nhà nước, không thông qua Nhà nước. Nhân dân lao động không thể nào làm chủ xã hội và tiến hành có kết quả sự nghiệp của mình nếu không có sự lãnh đạo của Đảng... Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân thể hiện tập trung ở Nhà nước và hoạt động của Nhà nước, được thực hiện và chỉ có thể thực hiện được thông qua Nhà nước. Nhà nước sẽ không phải là Nhà nước vô sản nếu nó không biểu hiện là quyền lực của nhân dân lao động, nếu hoạt động của nó không dựa trên đường lối mác xít - lê nin nít của chính đảng của giai cấp công nhân » (tr. 83).

Là một cơ chế, một chính thể thống nhất, song mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân vẫn có « sự phân biệt rõ về nội dung, chức năng, nhiệm vụ » (tr. 190). Sự phân biệt đó được tóm tắt trong mấy chữ: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Sự lãnh đạo của Đảng là một tất yếu khách quan. Nó không phải là sự áp đặt chủ quan, trái lại bắt nguồn một cách khách quan từ tính tất yếu lịch sử. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « Đảng lãnh đạo nhân dân chứ không phải Đảng thay thế nhân dân làm chủ Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước chứ không phải Đảng thay thế Nhà nước để cai trị » (tr. 81). Đồng chí yêu cầu các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ điều này, không được lẫn lộn chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước. Đồng chí còn chỉ rõ: « Tổ chức Đảng bao biện công việc của cơ quan Nhà nước, làm giảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước, về thực tế là hạ thấp vai trò lãnh đạo

của Đảng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân » (tr. 100 - 101).



Một luận điểm rất quan trọng nữa được đồng chí Lê-Duẩn đề cập tới trong tác phẩm này là *tiếp tục xây dựng, củng cố và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng nhân dân*. Đồng chí viết: « Đối với Đảng cộng sản nắm chính quyền, đối với người cộng sản quản lý Nhà nước, thì một trong những nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất là tự cắt đứt liên hệ với quần chúng nhân dân » (tr. 88).

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Ở bất cứ thời kỳ nào, công tác vận động và tổ chức quần chúng làm cách mạng cũng có ý nghĩa chiến lược. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, và hiện nay khi cách mạng nước ta đang làm hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, công tác vận động quần chúng càng có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Vì vậy Đảng ta càng phải thắt chặt hơn nữa mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

Đồng chí Lê-Duẩn viết: « Quần chúng nhân dân ta rất tốt và rất hăng hái cách mạng, một lòng yêu mến và tin tưởng Đảng. Việc gì khó khăn đến mấy, nếu được quần chúng đồng tình thì đều có thể làm được và làm tốt, miễn là cán bộ, đảng viên liên hệ chặt chẽ với quần chúng, hòa mình với quần chúng, ra sức tuyên truyền, vận động, thuyết phục quần chúng » (tr. 25). Song, đáng tiếc là hiện nay « Ở một số nơi, đã có những hành động không đúng làm tổn thương đến mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, giữa Nhà nước với nhân dân, giữa Đảng với chính quyền và ngược lại » (tr. 46). Từ đó, đồng chí chỉ rõ: « Cần nhận thức sâu sắc rằng đối với một Đảng cầm quyền thì nguy cơ lớn

nhất cần phải tránh không những là sai lầm trong đường lối mà cả tệ quan liêu, mệnh lệnh, thói cửa quyền... làm cho Đảng xa rời quần chúng và làm suy yếu chuyên chính vô sản. Đảng mạnh ở sự gần bó mật thiết với quần chúng » (tr. 46).

Để tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, đồng chí chỉ rõ, trước hết « phải ra sức giáo dục làm cho tất cả đảng viên hiểu một cách sâu sắc rằng phục vụ Đảng và phục vụ nhân dân là hoàn toàn nhất trí, rằng mục đích duy nhất, mục đích thường xuyên của Đảng không có gì khác hơn là phục vụ quần chúng nhân dân » (tr. 24).

Cùng với việc giáo dục đảng viên cần xây dựng cho được đội ngũ cốt cán của quần chúng để thông qua đó giữ vững mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Đồng chí Lê-Duẩn viết: « Cốt cán là những phần tử tích cực trong quần chúng giúp cho cán bộ, đảng viên liên hệ với quần chúng... Chúng ta phải chú trọng hình thành đội ngũ cốt cán của quần chúng, coi đó là một hình thức tổ chức nhằm giữ vững liên hệ giữa Đảng với quần chúng, khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa mệnh lệnh, quan liêu » (tr. 26).

Cần quy định thành một chế độ bảo đảm cho quần chúng được góp ý

kiến tham gia xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên của Đảng, bởi vì: « Để cho quần chúng có quyền được tham gia xây dựng Đảng, được phê bình, giám sát công việc của Đảng, của cán bộ, đảng viên chẳng những là phù hợp với nguyện vọng chính đáng của quần chúng mà còn là một biện pháp làm cho Đảng và quần chúng gần bó chặt chẽ với nhau hơn nữa, giữ cho cán bộ, đảng viên khỏi đi vào con đường sa ngã, hư hỏng » (tr. 27).

Ngoài ra, phải bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động vì đó chẳng những là điều kiện quan trọng để tăng cường và củng cố chính quyền mà đồng thời « cũng là biện pháp quan trọng nhất để tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng trong điều kiện Đảng nắm chính quyền » (tr. 45).



Cuốn sách dày hơn 200 trang này của đồng chí Lê-Duẩn với nhiều luận điểm rất quan trọng về Đảng cầm quyền, chắc chắn sẽ giúp cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng nâng cao nhận thức, từ đó mà cải tiến và nâng cao chất lượng công tác của mình.

THỰC HIỆN CHO ĐƯỢC GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG NGOÀI NHÀ TRƯỜNG

Giáo sư ĐÀO - VĂN - TIẾN

7 RONG vài chục năm qua, môi trường trở thành vấn đề liên ngành và vấn đề quốc tế. Gìn giữ tốt môi trường không phải là việc riêng của một cơ quan, của Nhà nước, mà đòi hỏi sự quan tâm của toàn xã hội, toàn thế giới. Giáo dục môi trường là cần thiết để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân và tổ chức trong việc bảo vệ và cải thiện môi trường.

Nhiều hội nghị quốc tế chuyên bàn về giáo dục môi trường: ở Xtóc-khôn (Thụy-điễn) năm 1972, ở Bê-ô-grát (Nam-tư) năm 1975 và ở Tbi-lit-xi (Liên-xô) năm 1977, đã xác định mục đích, nội dung, hình thức của giáo dục môi trường. Tùy tình hình từng nước, nội dung và hình thức giáo dục môi trường có khác nhau, song tinh thần của giáo dục môi trường thì thống nhất: 1) Giáo dục môi trường không chỉ là một bộ môn bổ sung cho chương trình giảng dạy hiện hành mà còn là một vốn kiến thức đa ngành lồng vào giảng dạy bất luận tuổi tác, trình độ của người học. 2) Giáo dục môi trường đòi hỏi một hoạt động phối hợp của gia đình, nhà trường và xã hội để cho mỗi người làm quen các vấn đề môi trường từ lúc tuổi thơ.

Ở nước ta, chương trình cải cách giáo dục của Nhà nước ban hành năm 1981 đã cố gắng thể hiện tinh thần này Ở các cấp học và năm học đều có những bài về bảo vệ động vật, thực vật, đất đai, môi trường, khí quyển... Tuy nhiên một lĩnh vực quan trọng chưa được chương trình đề cập tới là giáo dục môi trường ngoài nhà trường. Đây là giáo dục môi trường cho lớp người lớn hiện nay mà sinh hoạt và sản xuất hằng ngày, hằng giờ tiếp cận với môi trường.

Tính chất của giáo dục môi trường ngoài nhà trường.

Giáo dục môi trường trước hết có tính chất *thường xuyên, liên tục*.

Ở nước nào cũng vậy, nếu nhằm mục đích giáo dục thường xuyên con người — mà đây là điều tất yếu với tốc độ của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện nay — trách nhiệm chủ yếu vẫn thuộc giáo dục không chính quy, tức ngoài nhà trường. Điều này càng đúng với giáo dục môi trường. Giáo dục môi trường cần thiết cho con người trong suốt cả đời, trước khi vào trường, trong lúc đi học và cả sau khi rời trường. Từ khi lọt lòng, ai chẳng cần tới tài nguyên thiên nhiên để sinh tồn trên mặt đất. Xã hội càng tiến lên, công nghiệp

càng phát triển, môi trường càng bị ảnh hưởng, các vấn đề mới về môi trường lại nảy sinh. Cách đây vài chục năm, trên thế giới phương Tây, vấn đề môi trường nổi bật là ô nhiễm không khí do chất phế thải công nghiệp, chất hóa học. Hiện nay, đó lại là phế thải phóng xạ, là vũ khí hạt nhân. Ở nước ta, trước kia, một trong những vấn đề nổi bật là ô nhiễm nước, đất do phế thải sinh hoạt; hiện nay, một trong những vấn đề nổi bật lại là vấn đề số dân.

Ý thức môi trường của mỗi người cũng phải luôn nâng cao với thời đại. Giáo dục môi trường luôn luôn cần thiết cho việc bồi dưỡng ý thức này.

Giáo dục môi trường có tính chất *nhieu mặt*.

Bản thân môi trường là đa dạng. Môi trường gồm nhiều yếu tố: nước, không khí, đất đai, động vật, thực vật, con người cùng mọi sản phẩm do con người làm ra từ trước tới nay, (nhà cửa, xí nghiệp, đồng ruộng, phố xá, xe cộ...). Vì thế ở đâu cũng có môi trường, con người bất cứ ở chỗ nào cũng tiếp xúc môi trường. Một ông kè đi củi trên rừng, ngồi nghỉ chân giữa đường, chăm lửa hút thuốc, để tàn đóm trong cỏ tranh, gây nên cháy rừng, đã phá hủy tài nguyên thực vật. Anh bộ đội nổ mìn ở sông lam chết cả cá con lẫn cả chửa, đã vi phạm tài nguyên động vật. Bà mẹ ở thành phố xi con ỉa xuống vỉa hè, đã làm ô nhiễm môi trường sinh hoạt. Anh thanh niên vận nhạc xập xình âm ỉ cả một góc phố, đã làm ô nhiễm không gian bằng tiếng ồn. Em thiếu nhi vít cong cây xanh mới trồng trên hè phố hay chú thiếu niên ngồi xe bò, đập xẻng không tiếc tay vào móng con bò gây đang ẻ cổ leo dốc, cả hai đều đã không bảo vệ thực vật và động vật có ích...

Mặt khác, giáo dục môi trường trong và ngoài nhà trường đều đòi hỏi sự kết hợp của nhiều bộ môn, mọi

hình thức giảng dạy, nhưng tất cả đều xoay vào một trọng tâm là các giải pháp cho các vấn đề môi trường. Việc giáo dục môi trường có thể lồng vào các loại chương trình dành cho người lớn tuổi như chương trình thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, kế hoạch hóa gia đình, chương trình phổ biến thời sự, chính sách, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan...

Giáo dục môi trường ngoài nhà trường, sau hết có tính chất *hành động*.

Đây là một thứ "công dân giáo dục", một quá trình "luyện tay nghề". Người học viên không chỉ cần có kiến thức về môi trường mà còn phải có hành động cụ thể sửa chữa thái độ không đúng của bản thân mình và của mỗi thành viên khác trong xã hội đối với môi trường, từ đó có sự thích thú tham gia tích cực vào công tác bảo vệ và cải thiện môi trường sinh hoạt và lao động của ngay bản thân mình và của những người chung quanh.

Thí dụ, sự tăng số dân buộc phải xây dựng các khu kinh tế mới dẫn tới khai phá tài nguyên rừng. Người càng tiến lên, rừng càng lùi bước. Trước kia, ông cha ta đã phá hết rừng ở đồng bằng và một phần rừng ở trung du. Hiện nay, ta đang phá các rừng còn lại và tiến công lên rừng miền núi. Kết quả cũng dễ chủ yếu nuôi sống số miệng ăn cứ sau 35 năm lại tăng gấp đôi. Biết rằng vấn đề số dân là vấn đề môi trường, mỗi chúng ta phải có ý thức thực hiện ngay việc sinh đẻ có kế hoạch.

Trong một thời gian dài, năng lượng của nước ta sẽ còn dựa vào than và nước. Than rồi cũng tới chỗ kiệt, còn nước cũng đang đi tới chỗ không thể tái sinh ở nhiều địa phương miền núi. Việc phá rừng đầu nguồn đã làm cạn nhiều suối, sông, ảnh hưởng xấu tới công suất của một số nhà máy thủy điện. Rõ ràng, chính sách tiết kiệm điện, nước không chỉ là vấn đề kinh

tổ mà còn là vấn đề dự trữ tài nguyên thiên nhiên, vấn đề năng lượng, tức các vấn đề môi trường thời sự. Hành động cụ thể để tiết kiệm điện, nước tùy thuộc ý thức môi trường của mỗi người.

Biện pháp thực hiện giáo dục môi trường ngoài nhà trường.

Theo kinh nghiệm nhiều nước, cách thức tổ chức thực hiện giáo dục môi trường ngoài nhà trường có thể thay đổi rất nhiều; có thể do Nhà nước hoặc các tổ chức quần chúng phụ trách hoặc do hai bên phối hợp.

1 - Giáo dục môi trường ngoài nhà trường do các cơ quan chính quyền chủ động tổ chức. Toàn bộ chương trình giáo dục môi trường thuộc Bộ giáo dục, Bộ nông nghiệp, Bộ lâm nghiệp hay Bộ môi trường (nếu có) phụ trách. Đối với lớp thanh niên còn tuổi ở nhà trường, hoạt động giáo dục môi trường do các câu lạc bộ trường học tổ chức ngoài lớp học và ngoài giờ học. Đối với người lớn, tổ chức các buổi hội thảo, các buổi thuyết trình của các trường đại học.

2 - Giáo dục môi trường ngoài nhà trường có thể được tổ chức biệt lập một phần hay toàn phần với cơ quan chính quyền. Những người quan tâm tới môi trường có thể thành lập các hội như hội các cụ trồng cây, hội bảo vệ thiên nhiên hay các câu lạc bộ như câu lạc bộ bảo tồn di tích lịch sử. Các hội viên có thể tổ chức triển lãm, các buổi thuyết trình, hội họp công cộng và các hoạt động khác bảo tồn môi trường như phủ xanh đồi trọc, vệ sinh công cộng...

3 - Cũng có thể phối hợp giáo dục môi trường ngoài nhà trường giữa các cơ quan chính quyền và các tổ chức quần chúng. Thí dụ muốn tìm giải pháp và phòng ngừa một vấn đề môi trường ở một địa phương, nên có sự phối hợp giữa nhà trường và cơ quan chính quyền tại địa phương đó, như trong phong trào trồng cây xanh,

tổng vệ sinh làng bản, giữ sự trong sạch của nước và không khí v.v.

Cả ba kiểu tổ chức nêu trên đều có thể đem lại hiệu quả. Kiểu thứ nhất có thể thực hiện ở các thành phố lớn. Kiểu thứ hai có thể thực hiện ở các tỉnh và kiểu thứ ba có thể thực hiện ở huyện, xã. Tuy ở các thành phố, vai trò chủ chốt trong giáo dục môi trường ngoài nhà trường là của các ngành, nhưng sự tham gia của các đoàn thể quần chúng cũng rất cần thiết. Có thể động viên Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức quần chúng khác tham gia các hoạt động liên quan tới môi trường, như tổ chức những chuyến du lịch tham quan các địa bàn có những vấn đề môi trường, tổ chức triển lãm lưu động, các cuộc thi và các buổi thuyết trình về các vấn đề môi trường. Riêng Đoàn thanh niên có thể tổ chức thêm các câu lạc bộ thanh niên và thiếu niên hoạt động cụ thể cho công tác bảo vệ môi trường: trồng cây xanh, bảo vệ cây trồng, dựng lập tổ chim nhân tạo, gìn giữ vệ sinh thôn xóm, phố phường.

Các hoạt động giáo dục môi trường ngoài nhà trường của thanh niên và thiếu niên phải do các thầy giáo làm việc tại địa phương hướng dẫn và công đoàn giáo dục chủ trì.

Hình thức tuyên truyền giáo dục môi trường ngoài nhà trường.

Ngoài hai hình thức nói chuyện và triển lãm về môi trường còn bị hạn chế về phạm vi và hiệu quả tuyên truyền, ở các nước đang phổ biến hai hình thức có tác dụng rộng rãi và hiệu quả tốt hơn:

1 - Tăng cường sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, chiếu phim... Người ta đã tiến tới có những mục và chương trình riêng về bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn môi trường.

Báo chí có những cột dành riêng cho các vấn đề môi trường. Có những bản tin riêng về vấn đề môi trường. Có thể dán áp phích ở nơi công cộng, phát truyền đơn, bướm bướm ở các nơi hội họp đông người để tuyên truyền về vấn đề này.

Chúng ta đã bắt đầu sử dụng các hình thức nói trên. Vào các chiều chủ nhật, đài truyền hình trung ương thường phát các chương trình về động vật mà nội dung bao hàm cả việc bảo vệ các loài thú quý và hiếm; đăng kiểm Việt-nam đã sử dụng rộng rãi các truyền đơn, bướm bướm và áp phích nhắc nhở việc ngăn ngừa ô nhiễm biển bằng dầu lửa; báo Nhân dân, trong mục thư bạn đọc, thường có bài phê phán nạn phá rừng trái phép. Vào dịp Ngày quốc tế về môi trường tháng 5-1982, các báo đều có những bài, những trang dành cho vấn đề môi trường. Công ty nghe nhìn và công ty phim Khoa học cũng đã phát hành vài phim về bảo vệ thiên nhiên và môi trường.

Tất cả những việc làm trên đây đều rất đáng hoan nghênh. Tuy vậy đây mới chỉ là bước đầu. Mong rằng các ngành thông tin tuyên truyền đại chúng luôn quan tâm tới giáo dục môi trường hơn nữa, để thường xuyên bồi dưỡng cho quần chúng ý thức bảo vệ môi trường. Đài phát thanh, báo chí, vô tuyến truyền hình nên có những buổi, những mục cố định về môi trường. Bên cạnh mục tiết kiệm điện trên vô tuyến truyền hình mỗi buổi tối, nên có thêm tiêu đề "Bảo vệ môi trường".

2 - Tổ chức các cuộc tham quan du lịch ở các địa bàn có vấn đề môi trường. Cuộc du lịch ở vườn thú, vườn bách thảo, công viên, khu rừng cấm giúp xây dựng ý thức bảo vệ nguồn lợi động vật, thực vật... Việc tham quan các khu di tích lịch sử, các thắng cảnh bồi dưỡng tinh thần trách

nhiệm đối với di sản văn hóa của ông cha, thiên nhiên của Tổ quốc. Việc tham quan các xí nghiệp còn thiếu sót về bảo hộ lao động, khu đông dân cư còn thiếu tiện nghi sinh hoạt, các khu nhà lợp ghép còn thiếu cây xanh... sẽ cho thấy tác hại của tình trạng môi trường lao động và sinh hoạt không được quan tâm bảo vệ và cải thiện.

Từ các cuộc du lịch, tham quan nói trên, mỗi chúng ta sẽ có ý thức rõ rệt về môi trường và dễ dàng đi tới hành động tích cực để bảo vệ và cải thiện môi trường mỗi khi có thể.



Bảo vệ và cải thiện môi trường đang là vấn đề cấp bách. Chúng ta đã bắt đầu quan tâm tới giáo dục môi trường trong nhà trường nhưng còn chưa chú ý tới giáo dục môi trường ngoài nhà trường.

Giáo dục môi trường ngoài nhà trường có thể thực hiện không khó lắm. Ta đã có sẵn một số tổ chức quần chúng: thanh niên, công đoàn, phụ nữ, và một số phong trào đã phát động: trồng cây gây rừng, kế hoạch hóa gia đình, nếp sống có văn hóa... Ta cũng có đầy đủ các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình...

Giáo dục môi trường ngoài nhà trường cũng không đòi hỏi chi tiêu gì đáng kể. Đây chỉ là tăng thêm một chút chức năng nghiệp vụ của một số cơ quan Nhà nước (chủ yếu là Bộ giáo dục) trong việc cung cấp nội dung, tư liệu về giáo dục môi trường, mở rộng một chút nội dung hoạt động của các tổ chức quần chúng có sẵn. Đây cũng chỉ là tổ chức điều hòa phối hợp giữa các ngành và các đoàn thể trong khi thực hiện công việc hằng ngày của mình.

NỀN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI CỦA LIÊN-XÔ

NGUYỄN - NGỌC - TUÂN

TRƯỚC Cách mạng Tháng Mười, nước Nga lạc hậu và nghèo khổ; trình độ trang bị kỹ thuật cho lao động kém nước Đức 4 lần, kém Anh 5 lần, kém Mỹ 10 lần. Chiến tranh thế giới thứ hai làm nước Nga thiệt hại trên 700 tỷ rúp và 20 triệu người, gồm phần lớn là thanh niên khỏe mạnh, đã được đào tạo về nghề nghiệp.

Tuy vậy, chỉ sau 60 năm tồn tại và phát triển, Liên bang Cộng hòa xã

hội chủ nghĩa xô viết đã vươn lên đứng đầu thế giới về sản xuất thép, máy kéo.... và cả một số tư liệu tiêu dùng. Riêng về nông nghiệp, mặc dù liên tục trong một thời gian khá dài, Liên-xô phải tập trung những lực lượng lớn nhất phát triển công nghiệp nặng, và điều kiện đất đai của Liên-xô không bằng của nhiều nước khác như Mỹ..., thời tiết nhiều năm gần đây lại không thuận lợi, song sản xuất vẫn tăng.

Tình hình sản xuất một số nông sản chủ yếu (trung bình hằng năm).

	1961—1965	1976—1980	Mức tăng %
Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp (tỷ rúp)	82,8	123,7	150
Ngũ cốc (triệu tấn)	130,3	205,0	157
Thịt (trọng lượng hơi — triệu tấn)	9,3	14,8	159
Sữa (triệu tấn)	64,7	92,7	143
Trứng (tỷ quả)	28,7	63,1	220

Nhịp độ phát triển trên vượt hẳn nhịp độ tăng của các nước thuộc Cộng đồng kinh tế châu Âu (chỉ có 31%) và

Mỹ (29%) trong cùng thời gian. Với nhịp độ đó, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp của Liên-xô từ chỗ kém

Mỹ tới 5 lần lúc xuất phát, đã được nâng lên gần bằng của Mỹ, và mức tiêu thụ một số nông sản chủ yếu theo đầu người đã tăng rõ rệt: ngũ cốc đạt 785 kg, thịt: 58 kg, sữa 314 kg, đường: 44,4 kg, v.v. Có được những thành tựu to lớn này, ngoài thành lợi của hợp tác hóa nông nghiệp, còn do những nhân tố quan trọng dưới đây:

Nhận thức ngày càng sâu sắc tính chất và vai trò của nông nghiệp.

Nhiều năm trước đây, trên thế giới có nhiều người cho rằng có công nghiệp là giải quyết được nông nghiệp; cái khó nhất và phức tạp nhất là công nghiệp, còn nông nghiệp thì được quan niệm như một ngành giản đơn, dễ làm, doanh lợi thấp hay không có doanh lợi; vai trò của nó sẽ giảm đi do có một số nông phẩm được thay bằng công nghệ phẩm, hoặc tỷ trọng của nó trong thu nhập quốc dân có xu hướng giảm xuống; và đã là nước dựa vào nông nghiệp, thì đó là một nước lạc hậu. Song nhiều năm gần đây, bằng những kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm thực tế, các nhà khoa học xô viết đã đi tới những quan niệm mới thống nhất về tính chất và vai trò của nông nghiệp, và từ những quan điểm mới này, đã dẫn đến sự chỉ đạo mới có hiệu quả hơn trong việc phát triển nông nghiệp.

1— Nông nghiệp không chỉ là một hệ thống kinh tế đơn thuần, mà là một hệ thống sinh vật - kỹ thuật. Nó là một trong những ngành kinh tế quốc dân phức tạp nhất và khó khăn nhất, vì:

— Cơ sở để phát triển nông nghiệp là các tiềm năng sinh vật và việc phát hiện, ứng dụng các quy luật của sinh vật, mà những quy luật này thì hoạt động một cách tự phát, con người không dễ nhận biết và chủ động vận dụng có hiệu quả ngay được;

— Quá trình lao động trong nông nghiệp có đặc điểm là không trùng hợp với quá trình tạo ra sản phẩm, cho nên việc đánh giá chất lượng lao động ở đây rất khó. Do đó, làm thế nào để kích thích người lao động quan tâm đến kết quả lao động, nhất là đến chất lượng công việc của họ, là vấn đề rất phức tạp, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp tập thể;

— Thế giới hiện đại có hai cuộc khủng hoảng là năng lượng, nguyên liệu và lương thực, thì cho đến nay người ta vẫn chưa đủ sức để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng về lương thực. Trái lại, với đà phát triển hiện nay của số dân thế giới thì cuộc khủng hoảng lương thực không đợi đi, mà có xu hướng sâu sắc thêm. Theo dự đoán của FAO (tổ chức nông lương của Liên hợp quốc), thì tổng số lương thực xuất khẩu của thế giới đến năm 1985 chỉ có 185 triệu tấn, nhưng riêng các nước Á, Phi, Mỹ la tinh đã thiếu tới 200 triệu tấn, mà lương thực lại là nhu yếu phẩm tiêu dùng không thể thay thế được.

2— Nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến nhịp độ phát triển kinh tế của một nước. Ngay Liên-xô, mặc dù là nước công nghiệp phát triển, song nhịp độ tăng thu nhập quốc dân hàng năm vẫn phụ thuộc tới 65—70% vào kết quả phát triển nông nghiệp.

3— Nếu biết quản lý hợp lý, thì đầu tư vào nông nghiệp mang lại hiệu quả cao hơn so với các ngành khác. Theo tính toán chính xác của các nhà kinh tế Liên-xô thì doanh lợi của nông nghiệp Liên-xô năm 1975 là 27,2%, trong khi doanh lợi trung bình của toàn bộ nền kinh tế quốc dân chỉ có 12,9%.

4— Mặc dù công nghiệp và các ngành khác được coi trọng bao nhiêu, song nếu nông nghiệp còn lạc hậu, thì sự lạc hậu đó sẽ dẫn đến những thiệt hại lớn cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân và sớm hay muộn, nó cũng

buộc các nước phải khắc phục, nếu không, sẽ không bảo đảm được sự phát triển bình thường cho nền kinh tế. Chi phí để khắc phục hậu quả của sự lạc hậu trong nông nghiệp còn lớn hơn chi phí để khắc phục sự lạc hậu đó, v.v.

Chính với *cách nhìn mới, sâu sắc và toàn diện* trên mà trong nhiều năm gần đây, Liên-xô đã có những sửa đổi, bổ sung có căn cứ trong chính sách nông nghiệp, đặc biệt là chính sách đầu tư có lợi cho nông nghiệp: nếu trước năm 1960, đầu tư của Nhà nước vào nông nghiệp chỉ chiếm 8 - 11% tổng số vốn đầu tư vào nền kinh tế quốc dân thì trong những năm 1961 - 1965 là khoảng 20%, 1966 - 1970: 23% và 1971 - 1975: 26%. Trong số 420 tỷ rúp đầu tư vào nông nghiệp trong tất cả những năm dưới chính quyền xô viết, thì 212 tỷ rúp — tức trên một nửa — là đầu tư trong những năm 1966 - 1975. Tháng 7-1978, Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đã quyết định tỷ lệ đầu tư vào nông nghiệp ít nhất phải là 27%. Tỷ lệ này gần ngang với tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp vào thu nhập quốc dân (hơn 30%) mà, theo nhiều nhà kinh tế Liên-xô tỷ lệ ấy là hợp lý, vì nó thể hiện được nguyên tắc trao đổi ngang giá — một nguyên tắc hiện được lấy làm định hướng phải xét tới trong chính sách phân bổ vốn đầu tư cho các ngành.

Chính tỷ lệ đầu tư trực tiếp có căn cứ đó cộng với số vốn đầu tư gián tiếp ngày càng nhiều vào các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp đã tăng cường mau chóng cơ sở vật chất kỹ thuật ở nông thôn và góp phần quyết định vào thắng lợi nói trên của nông nghiệp.

Xác định cơ cấu sản xuất ngày càng hợp lý và định hướng thâm canh đúng.

Con người không chỉ có nhu cầu về đạm thực vật, mà ngày càng đòi hỏi

đạm động vật, và nhu cầu về đạm động vật càng được thỏa mãn thì nhu cầu về đạm thực vật ngày càng ít. Vì vậy trong nhiều năm gần đây, Nhà nước Xô viết đã tăng cường hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa cây lương thực và cây cung cấp nguyên liệu cho chăn nuôi để đổi lấy đạm động vật. Đến năm 1980, ngoài việc dành hơn 58% tổng diện tích gieo cấy để trồng ngũ cốc — trước hết là lúa mì —, số còn lại, phần lớn nhất được dùng để trồng cây thức ăn cho gia súc: từ 18 triệu ha năm 1940 lên đến 67 triệu ha năm 1980, chiếm 31% tổng diện tích gieo cấy. Tuy vậy Liên-xô vẫn cho rằng cơ cấu sản xuất này hiện còn chưa đạt trình độ tối ưu của nó: trong sản xuất ngũ cốc, lúa mì chiếm 62%, còn ngô và đậu nành là hai loại cây cho nhiều năng lượng và đạm để tạo ra protein động vật chỉ chiếm 7% và 3%; trong khi đó các tỷ lệ này ở Mỹ là 12%, 56% và 29%.

Cùng với việc hoàn thiện cơ cấu sản xuất, vấn đề thâm canh nông nghiệp được đặc biệt chú trọng, nhất là từ năm 1960 trở đi khi khả năng mở rộng đất canh tác bắt đầu bị hạn chế. Mấy hướng thâm canh chính là:

Tăng đầu tư về vật tư, máy móc và lao động trên đơn vị diện tích, nhất là phân bón hóa học, vì phân bón hóa học đã giúp Liên-xô nâng cao năng suất thu hoạch tới trên 30%.

Phân vùng chuyên canh-hợp lý: Ở Liên-xô, việc phát triển nông nghiệp theo vùng chuyên môn hóa được xem là một vấn đề quan trọng. Liên-xô đã tiến hành những công tác rất lớn về điều tra cơ bản tài nguyên sinh vật, về dự đoán năng suất thu hoạch, v.v. và tiếp thu những kinh nghiệm phân vùng tiên tiến của các nước khác (Hung-ga-ri, Mỹ....) để hoàn thiện công

tác phân vùng kinh tế của mình. Trên cơ sở đó, đã lập ra các dự án phát triển nông nghiệp với những chỉ tiêu kế hoạch ngày càng chính xác. Đến nay, ở Liên-xô đã hình thành những vùng chuyên canh ngũ cốc với năng suất cao và sản lượng lớn như U-craina, năng suất 26,2 tạ/ha (năng suất trung bình của cả nước chỉ có 16 tạ/ha), sản lượng 43,2 triệu tấn, chiếm gần 1/5 tổng sản lượng ngũ cốc toàn Liên-xô...; những vành đai củ cải đường, nho ở Kiéc-giê-gi, v.v. Trong từng nước cộng hòa, việc phân vùng chuyên canh cũng đã và đang được xúc tiến tích cực.

Dày mạnh công tác chọn giống: Ở Liên-xô việc phát triển tri thức khoa học về di truyền trong nông nghiệp là mối quan tâm đặc biệt của Đảng và công tác chọn giống là một quốc sách và hiện được coi là hiện pháp hàng đầu trong việc nâng cao năng suất. Liên-xô đã xây dựng được một hệ thống cơ quan nghiên cứu chọn giống rất phát triển ở trung ương và các tỉnh xuống các địa phương, bên cạnh một mạng lưới phổ biến kỹ thuật chọn giống và nhân giống dày đặc. Hoạt động của các cơ sở nghiên cứu này gắn khá chặt với sản xuất và luôn được hướng vào giải quyết những vấn đề quan trọng và thiết thực do thực tiễn phát triển nông nghiệp đặt ra. Nhờ đó, Liên-xô đã lai tạo và đưa vào sản xuất nhiều loại giống mới có năng suất cao, như giống lúa mì cho năng suất 6 - 6,5 tấn/ha, v.v.; chính một phần quan trọng nhờ thông qua công tác chọn giống này mà năng suất và sản lượng lúa mì đã được nâng cao.

Xây dựng cơ chế kích thích có hiệu lực đối với người lao động.

Việc xây dựng một cơ cấu sản xuất hợp lý đi đôi với việc tạo ra một cơ chế kích thích có hiệu lực đối với

người lao động luôn là nhiệm vụ bắt buộc trong chiến lược phát triển kinh tế của Liên-xô. Lê-nin đã từng nói: Thiếu sự quan tâm đến lợi ích cá nhân sẽ không đi tới đâu cả, và chỉ rõ, chính là nhờ nhiệt tình có được do sự quan tâm đến lợi ích vật chất và bằng hạch toán kinh tế, chúng ta mới bắt được chiếc cầu vồng chắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Việc bảo đảm lợi ích vật chất của người lao động trong nông nghiệp được thực hiện thông qua một cơ chế kích thích ngày càng hoàn thiện trên ba mặt chủ yếu sau:

Kích thích của kế hoạch. Trước đây, Nhà nước giao cho các nông trang tập thể nhiều chỉ tiêu kế hoạch được quy định từ trên về diện tích trồng trọt, cây trồng, khối lượng sản phẩm, v.v. Song thực tế cho thấy, làm như vậy không phù hợp với đặc điểm của hình thức sở hữu tập thể và không động viên được người lao động sản xuất theo kế hoạch, cho nên từ năm 1965, Liên-xô đã đưa vào kế hoạch những nhân tố kích thích mới. Ví dụ:

— Đối với nông trang, Nhà nước chỉ giao hai chỉ tiêu: thu mua nông sản và cung cấp vật tư - kỹ thuật. Các nông trang tự mình kế hoạch hóa và quyết định cơ cấu sản xuất. Kế hoạch thu mua được lập ra với định mức ổn định trong 5 năm và hàng năm. Nếu bán nông sản cho Nhà nước vượt kế hoạch, thì nông trang và nông trường được hưởng giá thu mua cao gấp 1,5 lần, cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của các cơ sở sản xuất nông nghiệp sẽ được phần thưởng có giá trị bằng 6 tháng lương, các tỉnh sẽ được giữ lại phần lớn hơn (60%) của số bán vượt mức kế hoạch cho thị trường địa phương. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ bán theo kế hoạch, nông trang và nông trường được tùy ý sử dụng số nông phẩm còn lại, kể cả việc đem ra bán ở thị trường tự do.

Kích thích của giá. Giá cả tác động rất rộng trên nhiều lĩnh vực, đến nhiều đối tượng, nó có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sản xuất. Vì vậy, ở Liên-xô, trừ những năm tình thế bất buộc, Nhà nước mới phải định giá nông sản thấp để thu về bộ phận tích lũy đáng kể cho công nghiệp nặng, còn đến đầu những năm 50, khi chính sách giá đó bộc lộ những hạn chế đối với sản xuất, thì Đảng và Nhà nước đã kiên quyết nâng giá, điển hình là lần tăng mạnh giá vào cuối năm 1953 (nâng giá thu mua nông sản lên 10 lần). Từ đó, giá nông sản tiếp tục được nâng lên. Điều đó được thể hiện qua số tiền thu mua của Nhà nước trả cho nông dân ngày một tăng: năm 1953: 5 tỷ rúp, năm 1965: 31 tỷ rúp, năm 1971: 66,4 tỷ rúp... Như vậy là năm 1974 so với năm 1953, tổng số tiền thu mua tăng gấp hơn 12 lần.

Giá thu mua đã và đang được nâng lên theo hướng không những giúp cho các cơ sở sản xuất bù đắp được chi phí sản xuất, mà còn có lãi nhất định. Ngoài ra, nếu cơ sở sản xuất nào bán nhiều nông sản cho Nhà nước so với mức trung bình của 5 năm trước đó, sẽ được hưởng giá khuyến khích cao hơn giá thu mua 50%.

Chính sách giá cả trên đã khuyến khích nông dân liên tục tăng sản lượng và khối lượng nông sản bán cho Nhà nước. Đặc biệt, chính sách hai giá đã tỏ rõ ưu thế đối với việc thúc đẩy sản xuất trong điều kiện nông nghiệp tăng tiến chậm, trình độ phát triển sản xuất chưa cao và nông dân ít quan tâm đến kết quả sản xuất.

Kích thích của việc trả công lao động. Hình thức trả công lao động ở Liên-xô mang nội dung kinh tế thật sự: bù đắp được chi phí tái sản xuất sức lao động và kích thích tăng năng suất.

Bù đắp chi phí tái sản xuất sức lao động trong nông nghiệp là chức năng

quyết định mức tiền công được trả cho nông dân thông qua quỹ lao động. Ở Liên-xô trong một giai đoạn nhất định, quỹ này tạm thời bị hạn chế để tập trung vốn đầu tư cho công nghiệp nặng. Nhưng từ sau năm 1953, nhất là từ năm 1965 trở đi, tiền công ở các nông trang đã được nâng lên đáng kể: từ 1,5 cô pếch lên 2,7 rúp năm 1965, 5,1 rúp năm 1977 và 5,24 rúp năm 1978... Đặc biệt từ năm 1966, Liên-xô đã thay chính sách trả công theo số dư bằng chính sách trả công có bảo đảm (tức lập quỹ lao động trước, rồi mới trích lập các quỹ khác sau) với mức tiền công gần ngang với mức lương của công nhân. Hiện nay, Nhà nước kiểm tra rất gắt gao việc trả công cho nông dân nhằm bảo đảm mức lương tối thiểu được quy định trả cho họ. Nếu nông trang nào không đủ điều kiện trả đủ theo mức quy định, thì sẽ được vay ngân hàng với lãi suất thấp để trả cho đủ.

Hình thức và chế độ trả công đã được cải tiến. Trước đây, hình thức trả công chính là trả lương khoán theo công việc cho từng cá nhân và khoán có thưởng. Hình thức này kích thích tăng năng suất lao động, nhưng lại cũng có tính cá thể của người lao động và nếu kéo dài có thể làm thay đổi tính chất xã hội của lao động do nông dân ít quan tâm đến chất lượng công việc... Vì vậy, những năm gần đây, Liên-xô đã chuyển từ hình thức trả lương khoán cho cá nhân sang trả lương khoán cho tập thể, và từ trả lương khoán theo kết quả từng việc sang trả lương khoán theo kết quả của tất cả các việc sản xuất ra sản phẩm, tức theo sản phẩm cuối cùng, được gọi tắt là trả lương khoán tổng hợp.

Cho đến nay, trải qua một thời gian dài nghiên cứu và thử nghiệm, các nhà kinh tế Xô viết đã đi tới kết luận: cách trả công tốt nhất trong nông nghiệp không phải là trả theo

công việc, mà là theo sản phẩm cuối cùng được làm ra. Trong bất kỳ trường hợp nào, việc trả công bình quân theo sản phẩm hay trả theo công việc cũng đều không kích thích được đầy đủ sự quan tâm của người nông dân đối với việc nâng cao năng suất lao động. Chỉ có khi thu nhập của bản thân người nông dân tỷ lệ thuận với số lượng và chất lượng lao động của họ, thì lúc đó việc trả công mới tạo ra được một sự kích thích đầy đủ và có hiệu lực. Trả công cho các nhóm theo sản phẩm cuối cùng chính là hình thức đáp ứng được yêu cầu đó.

Phát triển và khuyến khích kinh tế phụ gia đình.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước Đông Âu ở giai đoạn cao — chủ nghĩa xã hội phát triển — đã khẳng định kinh tế phụ gia đình là một bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó dựa vào và bổ sung cho nền kinh tế đó. Kinh tế phụ gia đình tồn tại một cách khách quan khi xã hội còn cần đến nó và chưa đủ sức thay thế nó. Trong những giai đoạn kinh tế khó khăn như trong chiến tranh, trong thời kỳ quá độ hay thời kỳ khôi phục kinh tế, nó có vai trò đặc biệt quan trọng.

Hiến pháp mới của Liên-xô quy định mỗi người dân lao động đều có quyền có kinh tế phụ gia đình trong nông nghiệp hoặc trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội. Điều duy nhất bị cấm là không được sử dụng lao động làm thuê dưới bất cứ hình thức nào, kể cả dưới hình thức quan hệ gia đình. Hiện nay Liên-xô có 13,7 triệu gia đình nông trang viên, 10,8 triệu gia đình nông trường viên, cán bộ, công nhân, nhân viên Nhà nước và 15 triệu gia đình những người ở khu vực phi sản xuất có kinh tế phụ gia đình. Đất được dành cho kinh tế phụ gia đình là 8 triệu ha, chiếm 3,5% tổng diện

tích đất nông nghiệp, bình quân mỗi cơ sở kinh tế phụ gia đình có 0,22 ha (riêng mỗi hộ nông dân có 0,35 ha). Đề khuyến khích kinh tế phụ gia đình, ở Liên-xô có khẩu hiệu “Kinh tế phụ gia đình là của cá nhân, nhưng xã hội chăm lo”. Nhưng hình thức chăm lo chủ yếu của xã hội là: khuyến khích nông dân nhận đất để làm kinh tế phụ gia đình, cung cấp hạt giống, cây giống, con giống cho họ; giúp đỡ họ trong việc cày đất, vận chuyển, v.v.; nông dân được phép chăn nuôi gia súc lớn trên các đồng cỏ của nông trang không phải trả tiền; ở các nông trang có sản xuất thức ăn cho gia súc, thì nông trang viên được quyền nhận một phần công lao động bằng các thức ăn đó theo giá thành sản xuất và được nông trang bảo đảm vận chuyển về nhà; tổ chức thu mua tập trung sản phẩm của kinh tế phụ gia đình theo hình thức hợp đồng với giá cả có lợi cho nông dân.

Chính sự chăm lo giúp đỡ trên đã tạo ra gần 3/4 tổng số nông phẩm của kinh tế phụ gia đình, và đó chính là con đường để đưa dần kinh tế phụ gia đình vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Cùng với kinh tế phụ gia đình, kinh tế phụ nông nghiệp của các xí nghiệp công nghiệp, cơ quan, cũng đóng góp phần đáng kể vào việc phát triển nông nghiệp xô viết. Nó được xem là một bộ phận hợp thành trong cơ cấu hạ tầng của xí nghiệp và những chi phí xây dựng, hoạt động của nó đều được tính vào giá thành sản phẩm của xí nghiệp.

Để phát triển hình thức kinh tế này, tại các xí nghiệp công nghiệp đã có từ trước, người ta xây dựng bổ sung những cơ sở kinh tế phụ nông nghiệp, còn ở những xí nghiệp mới, thì ngay từ khi thiết kế, người ta đã chú ý xây dựng cho nó những phần xưởng phụ nông nghiệp. Các xí nghiệp

sẽ tự tổ chức lấy việc sản xuất ở các phân xưởng này sao cho phù hợp với nhu cầu của mình về lương thực và thực phẩm.

Bên cạnh những thành tựu lớn đã đạt được, nền nông nghiệp Xô viết cũng còn một số khó khăn: nhu cầu về các sản phẩm thịt và sữa chưa được thỏa mãn đầy đủ, rau quả chưa đủ; việc bán lương thực, thực phẩm ở một số vùng vẫn còn tình trạng thất thường. Nguyên nhân quan trọng của tình hình này, như Báo cáo của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép tại Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô (tháng 5 năm 1982) đã nêu rõ: tài nguyên đất đai chưa được sử dụng có hiệu quả, trình độ cơ giới hóa chưa cao, trình độ kinh doanh chưa tốt, chất lượng của nhiều phương tiện kỹ thuật nông nghiệp còn thấp, chưa có đủ phân hóa học và thuốc trừ sâu, v.v.

Để khắc phục những nguyên nhân trên, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa, Liên-xô đã đưa ra chương trình lương thực 1981 - 1990. Mục tiêu và phương hướng chủ yếu để thực hiện chương trình là:

Trong một thời gian ngắn có thể bao đảm cung cấp ổn định các loại lương thực và cải tiến về cân bằng cơ cấu dinh dưỡng cho nhân dân. Để đạt mục tiêu này, trong kế hoạch 5 năm 1981-1985 sản xuất ngũ cốc trung bình mỗi năm sẽ đạt 250 - 255 triệu tấn, thịt: 20-20,5 triệu tấn, sữa: 101 - 106 triệu tấn, rau: 37 - 39 triệu tấn;... Cuối năm 1990, sản xuất thịt theo đầu người sẽ đạt 70 kg, cá: 19 kg, sữa:

330 - 340 kg, trứng: 260-266 quả, dầu thực vật: 13,2 kg, đường: 45,5 kg....

Phát triển mạnh nông nghiệp trên cơ sở thâm canh cao độ, củng cố toàn diện cơ sở vật chất kỹ thuật của nông nghiệp và nhanh chóng áp dụng những thành tựu của khoa học vào sản xuất; phát triển cân đối các ngành của tổ hợp nông - công nghiệp, hoàn thiện việc quản lý, kế hoạch hóa và kích thích kinh tế trong tất cả các ngành đó; lợi dụng toàn diện tiềm năng kỹ thuật - sản xuất của các tổ hợp, nâng cao đáng kể hiệu suất vốn đầu tư, phát triển tập trung và chuyên môn hóa sản xuất trên cơ sở mở rộng các quan hệ liên ngành; đấu tranh để tiết kiệm, giảm bớt tổn thất bằng cách áp dụng rộng rãi những công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; phát triển kinh tế phụ nông nghiệp ở các xí nghiệp, cơ quan có điều kiện và kinh tế phụ gia đình...

Vốn đầu tư để thực hiện các biện pháp nói trên sẽ được tăng cường. Trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, sẽ đầu tư cho các tổ hợp nông - công nghiệp khoảng 1/3 tổng số vốn đầu tư vào nền kinh tế quốc dân.

Lương thực là vấn đề trung tâm của cả kế hoạch kinh tế và chính trị trong 10 năm trước mắt của Liên-xô. Những nhiệm vụ do chương trình lương thực đề ra to lớn và nặng nề. Song, với sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng cộng sản Liên-xô, với nền khoa học kỹ thuật tiên tiến của đất nước, nhân dân Liên-xô nhất định sẽ hoàn thành thắng lợi chương trình đó và vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao mới trong nông nghiệp.

Mười năm sau khi quân Mỹ
rút khỏi Việt-nam (tháng 3-1973)

Những bài học không sao tìm thấy

THÀNH - TÍN

ĐÚNG 10 năm sau khi quân xâm lược Mỹ buộc phải rút khỏi Việt-nam theo những điều khoản của Hiệp định Pa-ri, báo chí Mỹ và dư luận phương Tây lại rộ lên những lời bàn tán về cuộc chiến tranh Việt-nam và những bài học của nó. Đây là một đề tài lý thú, mang nhiều ý nghĩa sâu sắc và hiện thực.

Đúng mười năm đã qua.

Sau thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam, lại bị giáng trả nên thân trong bước leo thang bằng pháo đài bay B52 trên miền Bắc nước ta, chính phủ Hoa-kỳ buộc phải hạ bút ký Hiệp định Pa-ri, cam kết rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi đất nước ta.

Tháng 3-1973 tên lính chiến đấu Mỹ cuối cùng đã phải rút còng khai khỏi sân bay Tân-sơn-nhất, trong sự giám sát của Tổ liên hợp quân sự bốn bên và trước sự chứng kiến của Ủy ban quốc tế, trong đó có các đại biểu của Ba-lan và Hung-ga-ri. Với thái độ ngoan cố, xảo quyệt, Hoa-kỳ vẫn để lại hàng nghìn cố vấn quân sự đội lốt dân sự, và phóng tùy viên quân sự của sứ quán Mỹ vẫn là cơ quan chỉ huy cuộc chiến tranh xâm lược, tuy rằng Bộ chỉ huy quân Mỹ ở Việt-nam MACVI đã được giải thể về hình thức.

Buộc phải rút quân Mỹ về nước trong thất bại, khi các mục tiêu của chiến tranh xâm lược còn rất xa vời, chính quyền Mỹ vẫn cố lên gân rằng họ rút quân do họ có thiện chí (!), rằng các mục tiêu do họ đề ra cho cuộc chiến tranh đã đạt được rồi, rằng quân đội Việt-nam cộng hòa - tức là quân nguy - đã hoàn toàn đủ sức gánh lấy cuộc chiến tranh (!). Chính phủ Mỹ đã chỉ thị cho quân Mỹ rút thật dàng hoàng. Ở sân bay hay quân cảng, rút bằng đường không hay đường bộ, từ Sài-gòn, Đà-nẵng hoặc Vũng-tàu, Nha-trang, sĩ quan và binh lính Mỹ đều mặc quân phục chỉnh tề, nếp là còn nguyên, đội mũ đẹp, cạo mặt, cạo râu nhẵn nhụi, mang cuống huân chương trên ngực, giầy da đen bóng lộn. Họ trôn ngực xách theo những con voi bằng gốm trắng mien lam kỷ niệm, bước lên thang máy bay hay xuống thang tàu biển, sau khi đã làm lễ cuốn cờ của đơn vị, chào cờ nước Mỹ, với đủ cả quốc ca Hoa-kỳ và những bản nhạc quân hành hùng tráng, do các đội quân nhạc của hải quân Mỹ cử.

Lịch sử rất công bằng. Lịch sử cũng đòi khi dành cho những thế lực phản động ngoan cố một tình thế bị đát đầy mìn mại và giễu cợt. Chỉ hơn 2 năm sau, hoặc nói một cách chính

xác là chỉ hơn 25 tháng sau, — vào cuối tháng 4-1975 — hơn năm nghìn quân nhân Mỹ đội lốt dân sự ở miền Nam Việt-nam đã phải tháo chạy nhúc nhủ, không còn có thể mặc quân phục chỉnh tề, ưỡn ngực cổ làm ra vẻ đàng hoàng được nữa! Nhà phân tích chiến lược của CIA ở Sài-gòn Phơ-ran-cơ Xnép sau này gọi đó là một cuộc tháo chạy kiểu sống chết mặc bay, xô đẩy nhau mà bỏ chạy lấy thân, tiêu biểu là viên đại sứ Gra-ham Ma-tin bỏ phờ, kiệt sức, nét mặt đau khổ rời khỏi sân thượng của tòa đại sứ — pháo đài trong cảnh hỗn loạn khủng khiếp nhất, chỉ vừa kịp để không bị quân cách mạng tóm cổ khi xe tăng bắt đầu cuộc thọc sâu thẳng vào những sào huyết của Mỹ — ngục.

Đúng 10 năm đã qua kể từ khi quân Mỹ cuốn cờ và làm nghi thức giải thể bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam Việt-nam. Đúng 10 năm đã qua, cùng với quân Mỹ, quân chư hầu của Mỹ gồm các đơn vị lính Nam Triều-tiên, Thái-lan, Úc, Niu Di-lon, Phi-lip-pin... cũng đều cuốn cờ, lủi thủi rút về nước trong thất bại và ô nhục. Lịch sử 200 năm của Hoa-kỳ chưa hề chứng kiến một thất bại quân sự nặng nề đến như thế của nước Mỹ. Qua hai cuộc rút quân và bỏ chạy của quân xâm lược Mỹ, dư-luận Hoa-kỳ và phương Tây đều đặt câu hỏi rằng: không biết chính giới Mỹ có sẽ rút ra được những bài học bổ ích nào chăng? Những bài học kinh nghiệm sâu sắc để nhớ đời ấy sẽ là những bài học gì? Sau khi bị vấp ngã, bị mất máu, mất uy tín và sức lực trong cuộc chiến tranh này, liệu chính giới Mỹ có khôn ngoan lên không, đề khởi phục lại thế và lực của Hoa-kỳ trong thời kỳ sau Việt-nam?

Cuộc rút kinh nghiệm vẫn còn tiếp tục.

Từ cuối tháng 3-1973 cho đến nay, đã có hàng nghìn bài báo, hàng chục cuốn hồi ký, hàng chục cuốn sách,

hàng trăm công trình nghiên cứu về cuộc chiến tranh của Hoa-kỳ ở Việt-nam và ở ba nước Đông-dương. Giấy và mực của nước Mỹ dùng cho việc tổng kết kinh nghiệm không phải là ít; rất nhiều nữa là khác. Nền nếp lưu trữ hồ sơ, tư liệu của Mỹ phải nói là rất chặt chẽ, có quy củ, rất đầy đủ, được sắp xếp khá là khoa học, với nhiều công phu. Hàng loạt máy tính điện tử được huy động, cứ bấm nút là có ngay tư liệu, số liệu, bảng so sánh, tỷ lệ... Bộ máy lưu trữ đồ sộ của Bộ quốc phòng Mỹ giữ lại khá đầy đủ những văn kiện, chỉ thị, mệnh lệnh, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh, phim... Liên quan đến cuộc xâm lược, được sắp xếp, bảo quản và đánh số rất tỉ mỉ, chu đáo.

Thế nhưng chính ở đây lại phơi bày một bi kịch của chính giới Mỹ. Nếu như bộ máy chiến tranh không lỗ, rất mực hiện đại của Hoa-kỳ không giành được chiến thắng trên chiến trường thì bộ máy nghiên cứu và học thuật rất đồ sộ của Hoa-kỳ với đầy đủ tư liệu được sắp xếp hết sức khoa học cũng không sao giúp cho Mỹ rút ra được những bài học đúng đắn và chính xác, có ý nghĩa thiết thực và bổ ích.

Những hồi ký của Lin-đơn Giôn-xơn và của Giôn Ken-nơ-đi, của Ri-sốt Ních-xơn và Giê-rôn Phơ, của Mác-xuen Tay-lơ và Ro-bớt Mác Na-ma-ra, của Oét-mo-len và Gran-tơ Sác-pơ... được coi là rất có giá trị. Vậy mà những nhân vật ấy trên thực tế chỉ đặt ra hai yêu cầu cho những cuốn sách của họ. Một là yêu cầu về kinh tế, kiếm cho riêng mình vài chục vạn cho đến vài triệu đô la, "bán" cho độc giả một số tư liệu độc đáo mà chỉ riêng họ mới có, do cương vị trước đây của họ. Hai là, thanh minh trước dư luận và lịch sử, cổ phò trương những ưu điểm, công lao và thành tích hào huyền của họ, dồn mọi sai lầm và tội lỗi cho kẻ khác!

Một điều lý thú và đáng nực cười là thường các ngài tổng thống chỉ chê bai các nhà chỉ huy quân sự, cho họ là những kẻ vũ phu, vô biên, không hiểu gì về chính trị, không nắm vững mục tiêu của cuộc chiến tranh... còn các nhà quân sự thì lại phê phán các nhà lãnh đạo chính trị là nhu nhược, thiếu quyết đoán, hay do dự, lừng chừng, chuyên trối một tay các viên chỉ huy quân sự, ngăn cản họ giành chiến thắng. Đây là một cuộc tranh cãi kéo dài suốt 10 năm nay, chưa hề ngã ngũ và có chiều hướng còn kéo dài vô tận...

Một điều lý thú nữa là những kẻ trực tiếp tham gia chiến tranh xâm lược Việt-nam thường đổ lên đầu hậu phương Mỹ tất cả tội lỗi gây nên thất bại. Họ lên án quốc hội Mỹ lừng khừng, nhân dân Mỹ ghét bỏ quân viễn chinh Mỹ và đặc biệt hăm hực đối với báo chí, vô tuyến truyền hình Mỹ đã làm cho một bộ phận ngày càng lớn nhân dân Mỹ không đồng tình, thậm chí rút bỏ cuộc chiến tranh quá lâu dài, quá tốn kém và tàn bạo này. Ngược lại những người ở hậu phương Mỹ thì chê bai, khinh miệt bộ máy chiến tranh Mỹ, ghét bỏ bộ quân phục Mỹ, lên án những «tật bệnh» hiểm nghèo mà quân viễn chinh Mỹ mắc phải ở Việt-nam: vô kỷ luật, nghiện rượu và ma túy, màn thuân chủng tộc, không phục tùng chỉ huy, buôn bán tư lợi, cầu an bảo mạng, bỏ ngừ hàng loạt...

Về biện pháp tiến hành chiến tranh, chính giới Mỹ cũng chia rẽ nhau sâu sắc trong khi tổng kết kinh nghiệm. Một bộ phận cho rằng Mỹ quá thiên về các biện pháp quân sự, coi nhẹ việc tranh thủ trái tim và khối óc nhân dân, coi nhẹ lĩnh vực kinh tế, chiến tranh tâm lý... Một bộ phận khác lại cho rằng Mỹ đã chưa coi trọng đúng mức sức mạnh quân sự, còn bị kiềm chế vì sợ dư luận thế giới và dư luận Mỹ. Về cách thức leo thang trong chiến tranh, người thì cho rằng Mỹ leo thang quá

đạt, dùng quá nhiều bom đạn, tàn phá quá nhiều sinh mạng, tài sản nhân dân, gây nên căm thù tràn ngập; kể lại cho rằng Mỹ đã leo thang quá dè dặt, vừa leo thang vừa run sợ, có khi leo thang rồi ngừng lại hoặc còn xuống thang, làm cho đối phương có thời gian chuẩn bị, thích ứng và đối phó với các nấc thang mới.

Những cuộc rút kinh nghiệm của Hoa-kỳ vẫn còn tiếp tục. Hàng tin Mỹ UPI tháng 2-1983 cho biết gần một trăm nhân vật từng tham gia chiến tranh Việt-nam lại tụ tập ở Oa-sinh-ton để cùng nhau rút ra những kinh nghiệm, những bài học từ cuộc chiến tranh này. Oét-mo-len và hàng loạt tướng tá Mỹ đến dự cuộc họp; một số quân nhân Mỹ từng bị ta bắt giam như viên đô đốc Giêm Xtốc-đen-lơ (mười năm trước là đại tá lái máy bay chiến đấu Mỹ) cũng tham dự. Những bài học họ rút ra vẫn tẻ nhạt, vô vị, mâu thuẫn nhau khá sâu sắc, cũng chỉ như suốt 10 năm qua mà thôi!

Những bài học không sao tìm thấy.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam như một giải băng đen vắt ngang qua lịch sử nước Mỹ. Thất bại của Mỹ ở Việt-nam là một thảm họa quốc gia cực lớn, có thể nói lớn nhất, chưa từng có đối với Hoa-kỳ. Thất bại này kéo theo một loạt khủng hoảng: khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng lòng tin, khủng hoảng quyền lực, khủng hoảng chiến lược, dẫn đến khủng hoảng thế chế hết sức trầm trọng. Tất nhiên những cuộc khủng hoảng ấy đã có mầm mống từ trước, khi chủ nghĩa tư bản phát triển lên thành chủ nghĩa đế quốc, với cuộc tổng khủng hoảng toàn diện triển miên hàng mấy chục năm nay. Thất bại cực kỳ nghiêm trọng của Mỹ ở Việt-nam thúc đẩy rất mạnh đã suy sụp toàn diện của chủ nghĩa đế quốc Hoa-kỳ, đưa cuộc tổng khủng hoảng phát triển lên một bước mới

về chất, đến mức trong thời gian sau Việt-nam, dã quốc Mỹ không còn có thể gượng dậy được nữa.

Vậy thì có thể rút ra được những kinh nghiệm gì bổ ích cho nước Mỹ từ thất bại không chất, nặng nề ở Việt-nam?

Trước hết, đó là bài học: chiến tranh phi nghĩa nhất định thất bại. Trong thời đại ngày nay các dân tộc đã thức tỉnh, chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại trước cuộc chiến đấu anh dũng của một dân tộc đoàn kết, có đường lối đúng đắn, kiên quyết chống ngoại xâm để giành độc lập tự do. Đó còn là bài học về đối tượng chiến tranh của Mỹ. Mỹ lao vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam với tính kiêu căng, tự phụ, khinh miệt đối phương. Ken-no-di từng huênh hoang rằng đây chỉ là một cuộc « dạo chơi » của lính Mỹ. Cứ leo lên một nấc thang họ lại hy vọng rằng đây là nấc thang cuối cùng, đối phương sắp quy và buộc phải hàng phục đến nơi rồi! Họ không thể thấy được rằng đây là cuộc đối chọi giữa hai thể lực trái ngược nhau, hai quan niệm sống, hai nền văn minh, hai lực lượng tiêu biểu thuộc hai hệ thống xã hội đối lập trong thời đại ngày nay... Do đó suốt hàng chục năm ròng, từ phút đầu đến phút cuối, Mỹ bị bất ngờ liên tiếp, không bao giờ đánh giá đúng được đối phương. Những máy tính điện tử Mỹ, những bộ óc được coi là kiệt xuất nhất của nước Mỹ đã nghèo nàn thâm hại và bất lực trong việc quan trọng hàng đầu là tìm hiểu con người Việt-nam, ý chí Việt-nam, tài thao lược Việt-nam, văn hóa và lịch sử Việt-nam.

Bài học nữa có thể rút ra là bài học về thời đại mới. Mỗi cuộc chiến tranh đều diễn ra trong những điều kiện nhất định của thế giới loài người, khi nhận thức, lương tâm, trí tuệ của tập thể nhân loại luôn có những bước phát triển mới. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam diễn ra khi mà chủ nghĩa thực dân cũ đã bị loại bỏ gần

như trợn vện, chủ nghĩa thực dân mới cũng bị vạch mặt và giáng trả đích đáng, nhận thức về quyền tự do, quyền độc lập của các dân tộc đã được khẳng định khắp nơi và phát triển sâu sắc trên khắp các lục địa, khi chủ nghĩa xã hội ưu việt đã trở thành hệ thống hùng mạnh cả về chính trị, kinh tế, ngoại giao và quân sự... Do đó sự cô lập của Mỹ là điều không tránh khỏi và sự ủng hộ mạnh mẽ của mặt trận nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt-nam là điều tất yếu. Sự ủng hộ này mang tính chất toàn diện: ủng hộ về tinh thần và vật chất, ủng hộ về chính trị và ngoại giao cũng như giúp đỡ về quân sự, kinh tế, tài chính, thông tin tuyên truyền... Điều đó làm cho sức mạnh của dân tộc Việt-nam được phát huy cao độ do được sự tiếp sức quý báu của sức mạnh thời đại vô cùng hùng hậu. Mỹ đã hành động tàn bạo ở Việt-nam, khiêu khích thô bạo lương tri của cả loài người tiến bộ. Mỹ đã xử sự như một thể lực đen tối thời trung cổ khi mà thế giới đã phát triển đến những đỉnh cao mới của nền văn minh nhân loại, do đó Mỹ chuốc lấy thất bại là điều hợp quy luật.

Một bài học khác nữa có thể rút ra là bài học về thời gian trong chiến tranh. Chiến tranh là một hiện tượng đấu tranh giai cấp trong xã hội, vận động trong không gian và thời gian nhất định. Bọn xâm lược bao giờ cũng muốn đánh nhanh, đánh gọn. Lúc đầu Mỹ dự định chỉ cần vài tháng là có thể tiêu diệt cách mạng Việt-nam. Oét-mo-len đề ra kế hoạch một năm rưỡi để giành thắng lợi quyết định. Mỹ cho rằng « chiến tranh đặc biệt » là phép màu nhiệm nhất. Thế rồi Mỹ lại phải dờ ra « chiến tranh cục bộ ». Rồi lại phải xoay đến chiến tranh phá hoại từ thấp lên cao. Đây là một chuỗi dài những chủ trương và biện pháp chiến lược bị động, chấp vạ, không được dự

kiến từ đầu, cho đến khi đối phương tích lũy được lực lượng, tạo được thế chiến lược, chủ động giáng đòn quyết định, buộc Mỹ phải kết thúc chiến tranh trong sự hổ chạy nhục nhã, trong thất bại triệt để, thua sạch không còn một mảnh giáp, không còn vót vát được thế diện... Nếu Mỹ tỏ ra thức thời, bỏ cuộc sớm thì thất bại nhẹ hơn, sự chấn động đối với nước Mỹ chỉ có giới hạn, uy tín nước Mỹ không bị sa sút thảm hại đến như thế... Chẳng phải Mác Gioóc-giơ Bân-di, Mác Na-ma-ra từ những năm 1966 và 1968 đã từng khuyến khích phủ Mỹ nên chịu « một kiểu thua » sớm, sớm rút chân ra khỏi bãi lầy bằng mọi giá, để tránh những thất bại ghê gớm hơn nữa, tệ hại hơn nữa đó sao?

Còn biết bao nhiêu kinh nghiệm khác nữa có thể rất bổ ích cho nước Mỹ. Thế nhưng giới cầm quyền Mỹ đâu có khả năng rút ra được những bài học đúng đắn. Đây là tấn bi kịch nằm ở bản chất của chế độ xã hội Mỹ, ở bản chất của giới cầm quyền Mỹ. Nếu họ rút ra được một loạt bài học chính xác thì họ đâu có còn là chủ nghĩa đế quốc nữa! Bản chất của chủ nghĩa đế quốc là xâm lược, là tham lam và mù quáng. Họ hành động theo bản năng, vì chủ nghĩa đế quốc về bản chất không thể có trí tuệ. Khi xâm lược cũng như khi rút kinh nghiệm, cái bản năng ấy chi phối tất cả. Cho nên dù đã 10 năm, họ vẫn chưa thể mở mắt ra để thấy rõ sự thật và rút ra những bài học cần thiết. Mười năm nữa, vài chục năm nữa, cho đến khi chủ nghĩa đế quốc bị diệt vong, khả năng rút kinh nghiệm một cách nghiêm chỉnh vẫn còn xa với đối với họ. Chỉ có phần dân Mỹ, những người dân bình thường và một bộ phận tiến bộ, thức thời, tách mình ra khỏi giới cầm quyền phản động thối nát mới có thể nhìn rõ sự thật và nêu lên những bài học nóng hổi bổ ích cho nước Mỹ.

Việt-nam và Hoa-kỳ – Duyên và nợ.

Giới cầm quyền Mỹ ắt nhiều lần cất lên tiếng than thở đau lòng: lịch sử sinh ra Hợp chủng quốc Hoa-kỳ, sao lịch sử lại sinh ra nước Việt-nam! Tại sao lại dẫn đến một cuộc đụng đầu lịch sử đưa lại những hậu quả bi đát chưa lường hết được cho nước Mỹ!

Trong mối quan hệ Việt-nam và Hoa-kỳ, có thể nói đến **duyên** và **nợ**.

Cái **duyên** có thể hiểu theo nghĩa cuộc chiến tranh đã làm nổi bật vị trí vai trò của dân tộc Việt-nam trên thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng của các dân tộc trên các lục địa, củng cố niềm tin tất thắng của nhân dân các nước kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Cái **duyên** còn là ở chỗ nhân dân Việt-nam có dịp tìm hiểu, đặt quan hệ hữu nghị với nhân dân tiến bộ nước Mỹ, với phong trào chống chiến tranh trên đất Mỹ; tình hữu nghị được đặt trên cơ sở của sự thật và lẽ phải chắc chắn sẽ còn phát triển mãi với thời gian vì chúng ta tin rằng lương tri cuối cùng sẽ thắng ở tất cả các nước và trên toàn thế giới. Cái **duyên** đối với nhân dân Mỹ là ở chỗ cuộc chiến tranh này làm cho họ nhìn rõ, thấu suốt tim gan của giới cầm quyền Mỹ, hiểu rõ bản chất xấu xa, tâm địa đen tối của chính giới Mỹ, từ đó xác định phương hướng đấu tranh của nhân dân cho một tương lai tốt đẹp hơn, mặc dù khó khăn trở ngại còn nhiều. Họ có dịp để nhận ra rằng một chính quyền đi xâm lược một dân tộc khác thì chính quyền ấy cũng tất yếu chống lại nhân dân, đàn áp nhân dân, đi ngược lại lợi ích và quyền sống của nhân dân nước mình. Nhận thức bước đầu này rất quan trọng, tạo cơ sở để định hướng cho nhân dân tiến bộ Mỹ trong cuộc đấu tranh lâu dài bền bỉ cho dân sinh, dân chủ và cho một chế độ xã hội tốt đẹp.

MỤC LỤC

Xã luận — Đoàn kết là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của ba nước Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam	1
Tuyên bố của Hội nghị cấp cao Lào, Cam-pu-chia, Việt-nam	6
Tuyên bố về quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia	10
NGUYỄN-NGỌC-MINH — Bản chất của luật hình sự xã hội chủ nghĩa	13
ĐƯỜNG-HỒNG-DẤT — Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp	19
LÊ-NHƯ-BÁCH — Bảo đảm quyền tập trung thống nhất của Nhà nước về tài chính, tiền tệ	25
HƯƠNG-SƠN — Nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu lịch sử Đảng	31
NGUYỄN-HẢI-KHOÁT — Năng lực tổ chức và việc rèn luyện năng lực tổ chức	37
NGUYỄN-KIẾN-THƯỚC — Long-phú — một huyện mạnh	41
Đọc sách ★ TIẾN-HẢI — «Mấy vấn đề về đảng cầm quyền» — Một tác phẩm mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc	47
ĐÀO-VĂN-TIẾN — Thực hiện cho được giáo dục môi trường ngoài nhà trường	51
NGUYỄN-NGỌC-TUẤN — Nền nông nghiệp hiện đại của Liên-xô	58
THÀNH-TÍN — Những bài học không sao tìm thấy	65

21019

**SÁCH VỀ KHOẢN SẢN PHẨM
TRONG NÔNG NGHIỆP**

Tìm đọc:

★ Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp (*Chỉ thị 100*)

★ Phát huy nhân tố mới, hoàn chỉnh chế độ quản lý mới trong hợp tác xã nông nghiệp — *Lê Đức Thọ*

★ Mở rộng mạnh mẽ khoán sản phẩm trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp — *Võ Chí Công*

★ Khoán sản phẩm trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp — Những câu hỏi và trả lời
— *Ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp Trung ương*

★ Khoán sản phẩm trong nông nghiệp — Những vấn đề có tính lý luận ★★★

★ Khoán sản phẩm trong nông nghiệp — Những vấn đề có tính tổng kết thực tiễn ★★★

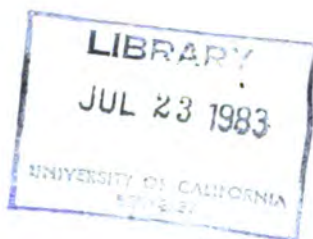


NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

MAIN/UC-B



5

5. 1983

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

CHỦ NGHĨA MÁC VŨ KHÍ TƯ TƯỞNG CỦA CHÚNG TA

NĂM nay, với lòng biết ơn sâu sắc, cả loài người liễn bộ kỷ niệm lần thứ 165 ngày sinh và lần thứ 100 ngày mất của C. Mác, nhà khoa học và nhà tư tưởng vĩ đại, người thầy và vị lãnh tụ xuất sắc nhất của giai cấp công nhân toàn thế giới. Kẻ thù của chủ nghĩa Mác cũng kỷ niệm các ngày ấy theo lối của chúng, nghĩa là nhằm xuyên tạc, đả kích chủ nghĩa Mác.

Trong điều văn đọc trước mộ Mác tại nghĩa trang Hai-ghe-lơ ở Luân-đôn ngày 17-3-1883, Ph. Ăng-ghe-nhê nhận xét rằng "C. Mác là người bị thù oán nhất và bị vu khống nhiều nhất trong thuở bình sinh..., nhưng bây giờ Mác mất đi..., người người đều tôn kính Mác, yêu mến Mác và khóc thương Mác... Tên tuổi Mác và sự nghiệp của Mác sẽ sống mãi nghìn thu!".

100 năm sau khi Mác mất, nhận xét đó của Ăng-ghe-nhê đã được thực tế xác nhận. Tên tuổi và sự nghiệp của Mác đã sống trong những biến đổi cực kỳ to lớn của lịch sử thế giới và ngay của bản thân chủ nghĩa Mác. **Một là**, chủ nghĩa Mác ngày nay đã là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nó đã được Lê-nin và những người kế tục Lê-nin phát triển và làm cho phong phú thêm. **Hai là**, chủ nghĩa Mác ngày nay không còn chỉ là học thuyết, mà đã trở thành một thực tế lịch sử. Thực tế ấy là sự vật chất hóa những tư tưởng vĩ đại của Mác và trở thành nhân tố mới, có ý nghĩa quyết định đối với lịch sử loài người. **Ba là**, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã trở thành ngọn cờ tư tưởng của các lực lượng cách mạng trong thời đại ngày nay.

100 năm qua, không thể quan niệm lịch sử thế giới mà không có vai trò và ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác

100 năm qua, không một học thuyết nào có thể sánh được với chủ nghĩa Mác



Chủ nghĩa Mác là một học thuyết thống nhất, hoàn chỉnh gồm ba bộ phận: triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội. Như V.I. Lê-nin nói, học

thuyết của Mác « được đúc từ một khối thép duy nhất », « học thuyết của Mác là vận năng vì nó đúng. Nó là một học thuyết cân đối và hoàn chỉnh ; nó cho người ta một thế giới quan toàn diện... » (1).

Chủ nghĩa xã hội của Mác là **chủ nghĩa xã hội khoa học**. Trước Mác, đã có những nhà tư tưởng thấy được các mâu thuẫn đối kháng của xã hội tư bản chủ nghĩa và mong muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Đó là những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng. Song, những người này không thể hiểu được những quy luật phát triển thật sự của xã hội, không tìm được con đường đưa tới chủ nghĩa xã hội chân chính cũng như không phát hiện được những lực lượng có thể thực hiện lý tưởng ấy.

Đến những năm 40 của thế kỷ XIX, khi đã có thực tiễn đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, Mác và Ăng-ghe-n đã sáng lập được lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội. « Tất cả thiên tài của Mác là ở chỗ ông đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng liên tưởng của loài người đã đặt ra » (2), thực hiện một cuộc cách mạng hết sức sâu sắc trong quan niệm của người ta về nội dung và triển vọng của sự phát triển xã hội.

Sở dĩ Mác đã có thể làm được như vậy, chính là nhờ Mác đã xây dựng được phương pháp tư duy **duy vật biện chứng**, vận dụng phương pháp ấy vào việc phân tích xã hội tư bản chủ nghĩa đương thời, phát hiện ra **quy luật giá trị thặng dư**, vạch trần cơ chế bóc lột của chủ nghĩa tư bản, đồng thời xây dựng được một quan niệm duy vật về lịch sử, tức **chủ nghĩa duy vật lịch sử**.

Chủ nghĩa Mác không chỉ là một học thuyết khoa học, mà còn là một **học thuyết cách mạng** chỉ đạo hành động cách mạng của giai cấp công nhân và tất cả mọi người lao động, là cơ sở để thành lập các chính đảng cách mạng, các tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân để đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, vì chủ nghĩa xã hội. « Các nhà triết học xưa nay chỉ giải thích thế giới một cách khác nhau, nhưng vấn đề là cải tạo thế giới » — luận đề nổi tiếng ấy của Mác trong Luận cương về Phơ-bách nói lên tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác. Bản thân Mác không chỉ là nhà khoa học, nhà tư tưởng, mà còn là chiến sĩ cách mạng lao vào cuộc đấu tranh quyết liệt của giai cấp vô sản. Khi còn sống, Mác đã trực tiếp hướng dẫn và chỉ đạo cuộc đấu tranh của họ. Mác đã chỉ cho họ thấy rằng lịch sử xã hội loài người, trừ xã hội nguyên thủy, là lịch sử đấu tranh giai cấp, đấu tranh giai cấp là động lực của sự tiến bộ xã hội trong các xã hội có giai cấp, nó nhất định đưa tới dùng bạo lực cách mạng lật đổ giai cấp tư sản và đưa giai cấp vô sản lên cầm quyền. « Sự diệt vong của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu », đó là bản án lịch sử đối với chủ nghĩa tư bản, nêu trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản » năm 1848. Mác còn chỉ ra rằng đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản và bản thân chuyên chính vô sản chỉ là sự quá độ sang một xã hội không giai cấp trải qua hai giai đoạn.

Mác chẳng những đưa ra bản án đối với chủ nghĩa tư bản, mà còn thấy được lực lượng thi hành bản án đó. Đó là **giai cấp vô sản thế giới**, « người

(1), (2) V.I. Lê-nin : Tuyên ngôn, tiếng Việt, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, tr. 14.

đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản ». Mác nói rằng giai cấp vô sản muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình thì phải có trình độ giác ngộ giai cấp, phải biến mình từ « giai cấp tự nó » thành « giai cấp vì nó », lại phải có trình độ tổ chức cao, phải xây dựng chính đảng cách mạng có tính chiến đấu của mình và phải lấy **chủ nghĩa quốc tế vô sản** làm ngọn cờ tư tưởng và khẩu hiệu hành động cách mạng. « Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại ! », đó là lời kêu gọi của Mác.

Trong những điều kiện lịch sử mới, **V. I. Lê-nin đã phát triển sáng tạo học thuyết của Mác**, đồng thời bảo vệ sự trong sáng của nó chống đủ mọi loại kẻ thù, chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hữu và « tả ». Trong tác phẩm « Chủ nghĩa đế quốc — giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản », **V. I. Lê-nin đã chứng minh chủ nghĩa đế quốc là « chủ nghĩa tư bản ăn bám, thối nát, giãy chết »**, là « chủ nghĩa tư bản đã chín muồi, quá chín muồi, nó ở vào đêm trước của sự sụp đổ, nó đã chín muồi đến độ phải nhường chỗ cho chủ nghĩa xã hội ». Lê-nin còn chỉ ra rằng « chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước là sự chuẩn bị đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là ngưỡng cửa đi vào chủ nghĩa xã hội, là một bậc trong chiếc thang lịch sử đi lên chủ nghĩa xã hội ». Trên cơ sở phát hiện quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin đã vạch ra rằng **cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể thắng lợi trước hết ở một khâu hoặc vài khâu yếu trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc**. Lê-nin đã sáng tạo ra học thuyết về tình thế cách mạng, về chiến lược và sách lược khởi nghĩa vũ trang, về sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các hình thức đấu tranh cách mạng, v.v. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười năm 1917 là bản anh hùng ca mở thời đại của học thuyết Lê-nin. Sau cuộc cách mạng này, những luận điểm của Lê-nin về chuyển chính vô sản, về bảo vệ cách mạng chống kẻ thù trong và ngoài, về xây dựng Nhà nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội và đặc biệt, lý luận của Lê-nin về phong trào giải phóng dân tộc, là một cống hiến vô giá nữa vào kho tàng chủ nghĩa Mác. Chính vì vậy mà **chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay; chủ nghĩa Mác — Lê-nin là đỉnh cao nhất của trí tuệ loài người**.



100 năm sau khi Mác mất, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã cách mạng hóa toàn thế giới, nó sống và chiến thắng với những thành tựu rực rỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực, của phong trào giải phóng dân tộc, với những trận chiến đấu giai cấp quyết liệt ngay ở sào huyệt chủ nghĩa tư bản.

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc không còn chi phối được sự phát triển của lịch sử. Nó đã phát lùi dần từng trận địa. Nó lâm vào cuộc tổng khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Nó đang bị dồn đến chân tường và giãy giụa. Nhân tố quyết định chiều hướng phát triển hiện nay của lịch sử là chủ nghĩa xã hội. Các nước xã hội chủ nghĩa đã chiếm hơn 40% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới, đã có lực lượng quốc phòng hùng hậu đủ sức chặn bản tay hữu chiến của chủ nghĩa đế quốc. Và nổi bật là các nước ấy đã xây dựng được một chế độ xã hội hết sức tốt đẹp tiêu biểu cho quyền làm chủ tập thể của con người, cho những quyền dân chủ tự do thật sự của người lao động, cho những quan hệ xã hội và quan hệ dân tộc bình đẳng, hữu nghị. Liên-xô, trụ cột của hệ thống xã

hội chủ nghĩa thế giới, đã trở thành hùng mạnh hơn bao giờ hết, đang mở đường đi lên chủ nghĩa cộng sản, đang xây dựng một xã hội không giai cấp, ngay trong khuôn khổ chủ nghĩa xã hội phát triển. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác đang vững bước lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. Ba nước xã hội chủ nghĩa đã hình thành trên bán đảo Đông-dương, là sự chứng minh rạch rỡ cho thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Chẳng những thế, chủ nghĩa xã hội đã được mở rộng cả ở lục địa châu Mỹ la tinh và châu Phi. Nó còn chinh phục được trái tim và khối óc của hàng triệu người ở các nước tư bản chủ nghĩa. Nó tác động đến tận sâu huyệt của chủ nghĩa tư bản thế giới.

Chủ nghĩa xã hội và hòa bình không tách rời nhau. Nguồn gốc của chiến tranh bao giờ cũng xuất phát từ chủ nghĩa đế quốc. Còn đối với chủ nghĩa xã hội, hòa bình được giữ vững thì càng có thêm điều kiện để xây dựng và phát triển; tác động của nó đối với quá trình cách mạng thế giới càng được phát huy. Vì vậy, các nước xã hội chủ nghĩa luôn luôn thi hành chính sách cùng tồn tại hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hòa bình. Chủ nghĩa xã hội ngày nay đã có đủ sức mạnh bảo đảm thực hiện được chính sách ấy. **Sức mạnh của nó cộng với sức mạnh của tất cả các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới đã tạo ra khả năng đánh bại sự phản kích điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc, loại trừ chiến tranh thế giới ra khỏi đời sống xã hội ngay trước khi chủ nghĩa tư bản diệt vong.**



Trong quá trình lịch sử, chủ nghĩa Mác đã phải đấu tranh quyết liệt cho sự sinh tồn của mình, **chống đủ mọi loại kẻ thù tư sản và kẻ thù trong nội bộ phong trào cộng nhân.** Cũng như trước đây, ngày nay kẻ thù không ngồi phi báng, công kích chủ nghĩa Mác, phủ nhận nó, thậm chí tiến hành cuộc «thập tự chinh» để chôn vùi nó. Và nếu có kẻ không thể nhăm mắt trước sức hấp dẫn không gì cưỡng lại được của chủ nghĩa Mác thì chúng lại biến Mác thành một ông thánh chỉ để ngưỡng mộ trong đền thờ của lịch sử, hoặc thành một học giả vĩ đại lui về dĩ vãng.

Khi chủ nghĩa Mác mới ra đời, tất cả các lực lượng của châu Âu cũ đều xúm lại săn đuổi cái «bóng ma» cộng sản. Ngày nay những kẻ chống lại chủ nghĩa Mác càng đông đảo hơn, kẻ từ bọn đế quốc với cả một mạng lưới tay sai đủ loại, cho đến những kẻ phản động dân tộc chủ nghĩa, những kẻ phản bội chủ nghĩa xã hội, giả danh mác xít.

Có kẻ nói chủ nghĩa Mác ngày nay đã «lỗi thời», xã hội tư bản chủ nghĩa ngày nay đã là xã hội «sau công nghiệp», xã hội «hạnh phúc phổ biến», còn giai cấp công nhân đang «phi vô sản hóa» và «sụp nhụp» vào hệ thống sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những luận điệu như vậy là nhằm thủ tiêu lý luận giá trị thặng dư của Mác, thủ tiêu cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, cuối cùng là bảo chữa cho chủ nghĩa tư bản. Bức tranh xám xịt về nền kinh tế đang khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa tư bản, và những cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt ở các nước tư bản chủ nghĩa là sự bác bỏ thẳng thừng những luận điệu ấy.

Có kẻ lấy những tác phẩm buổi đầu của Mác những năm 1841 — 1844 đối lập với những cuốn « Tư bản », « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản » và những tác phẩm sau này của Mác, để biến Mác thành một « nhà nhân bản học » trừu tượng, hay tồi nhất thành một nhà nhân đạo chủ nghĩa đáng kinh phục. Dụng ý của chúng là moi mất nội dung cách mạng — thực tiễn của chủ nghĩa Mác. Nhưng Mác bao giờ cũng là nhà lý luận cách mạng triệt để của giai cấp công nhân.

Lại có người nhân danh « sự phát triển sáng tạo » chủ nghĩa Mác để đối lập chủ nghĩa Lê-nin với chủ nghĩa Mác, phủ nhận ý nghĩa của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, đối lập lý tưởng của Mác với sự thực hiện lý tưởng ấy, đối lập chủ nghĩa xã hội lý thuyết và chủ nghĩa xã hội hiện thực, không thừa nhận những kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa, thậm chí phủ nhận sự tồn tại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phủ nhận vai trò của bạo lực cách mạng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, phủ nhận chuyên chính vô sản, xóa bỏ chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tất cả đều chỉ nhằm gạt bỏ chủ nghĩa Lê-nin, hạn chế nội dung của chủ nghĩa Mác ở thời đại Mác và Ăng-ghen, cuối cùng là bảo chữa cho những sự đi chệch chủ nghĩa Mác.

Như Lê-nin đã chỉ rõ, « thắng lợi của chủ nghĩa Mác về mặt lý luận buộc kẻ thù của nó phải **cải trang** thành người mác xít » (3). Những kẻ khoe áo mác xít ngày nay không ít, chúng đưa ra nào là « chủ nghĩa Mác mới », « chủ nghĩa Mác phương Tây », « chủ nghĩa Mác đa nguyên », « chủ nghĩa Mác dân chủ », v.v. Tệ hại nhất là bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh nhân danh chủ nghĩa Mác — Lê-nin để phá hoại chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bảo chữa cho đường lối của chúng câu kết với chủ nghĩa đế quốc, chống phá ba đồng thức cách mạng của thời đại. « Chủ nghĩa Mao » là học thuyết phản động nhất trong thời đại ngày nay.

Kẻ thù đã nhiều lần tuyên bố « tiêu diệt » chủ nghĩa cộng sản, nhưng cứ mỗi lần như vậy, chủ nghĩa cộng sản lại càng lan rộng và ăn sâu vào đông đảo quần chúng lao động, càng được tôi luyện và càng có sức sống dồi dào.



Kỷ niệm C. Mác, những người cộng sản lại « luôn luôn tìm lời khuyên ở Mác » như Lê-nin nói. Điều đó có nghĩa là phải nắm được phương pháp luận khoa học của Mác để nhận thức và phân tích mọi vấn đề theo quan điểm duy vật biện chứng. Điều đó có nghĩa là phải nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, tinh thần và thực chất của nó để một mặt, trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, không mưu cầu « phát hiện » ra những chân lý mà Mác đã xác định từ lâu, và mặt khác, biết vận dụng những nguyên lý ấy một cách sáng tạo phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

Đảng ta từ khi ra đời đến nay, chính là đã làm như vậy, đã luôn luôn « tìm lời khuyên » ở Mác và ở Lê-nin. Trước đây, ở nước ta, đã từng có nhiều nhà yêu nước đi tìm con đường cứu nước, hết Đông du lại Tây du, nhưng đều không thành công. Đến khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười thắng lợi

(3) V. I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tr. 11.

ở Nga, chủ nghĩa Mác — Lê-nin bắt đầu tỏa sáng khắp năm châu, cho đến tận các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người cộng sản Việt-nam đầu tiên đã tiếp thu được ánh sáng đó và đem về cho dân tộc ta là đồng chí Hồ-Chí-Minh. Thế là con đường cứu nước chân chính đã được mở ra.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng ta ra đời năm 1930 đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta. Từ đó đến nay, cách mạng nước ta không ngừng tiến lên và giành những thắng lợi rực rỡ có ý nghĩa thời đại.

15 tuổi, Đảng ta lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công.

24 tuổi, Đảng ta đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

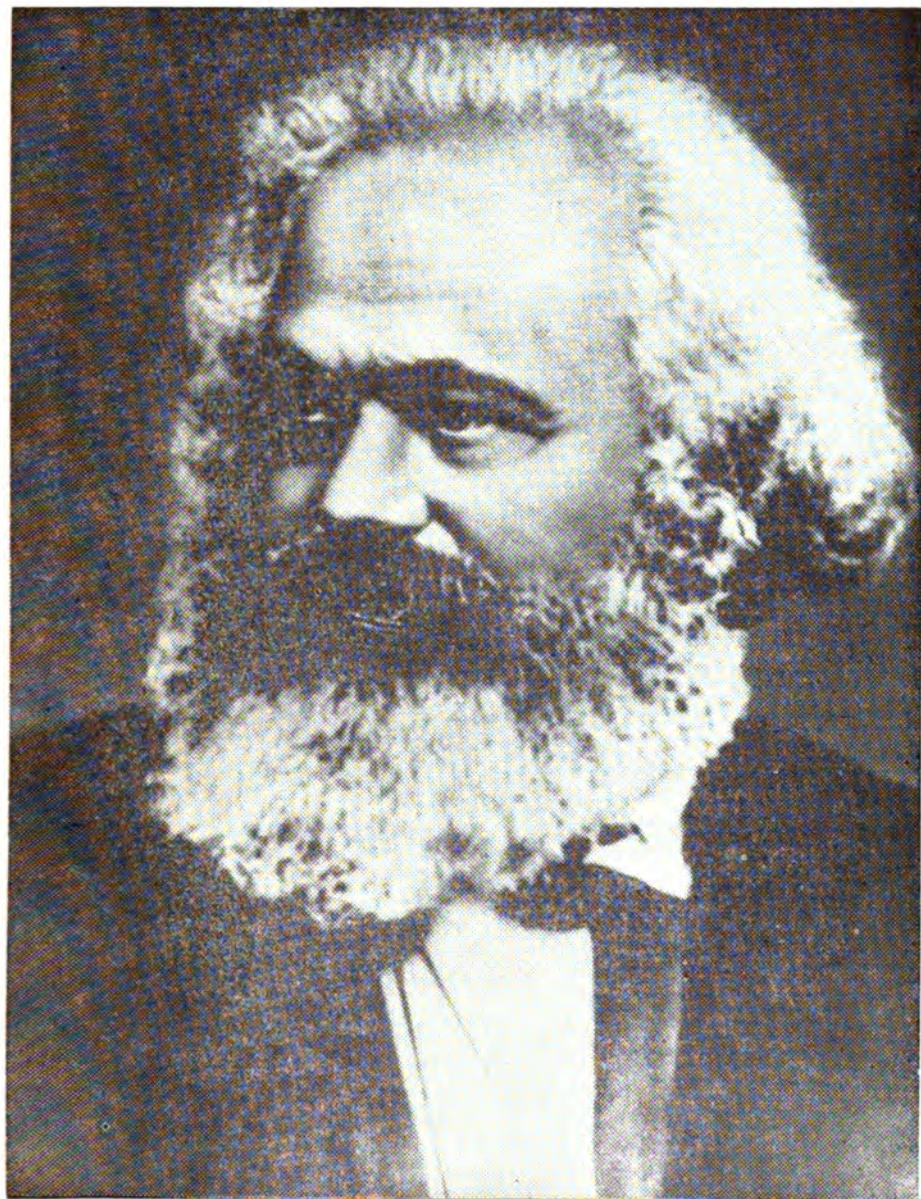
45 tuổi, Đảng ta lãnh đạo nhân dân đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, thu hồi toàn bộ giang sơn, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, sau khi đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh ở phía tây nam và phía bắc Tờ quốc, Đảng ta đang lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tờ quốc thân yêu của chúng ta.

Xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước ta vốn là một nước thuộc địa, sản xuất nhỏ là chủ yếu, nghèo nàn và lạc hậu, lại trải qua chiến tranh tàn phá lâu dài, tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tại Đại hội IV và Đại hội V, Đảng ta đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đúng đắn, để lãnh đạo nhân dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tờ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Những thắng lợi của cách mạng nước ta chính là thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở một nước thuộc địa, kinh tế kém phát triển. Đường lối giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đảng ta đề ra chính là đường lối mác xít — lê nin nit chân chính. Được như vậy là nhờ Đảng ta nắm vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có tinh thần cách mạng triệt để, một lòng một dạ phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, luôn luôn đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Kỷ niệm Mác, toàn thể cán bộ, đảng viên ta vô cùng thấm thía công ơn của Mác, ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin đi đôi với việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết kinh nghiệm của cách mạng Việt-nam, trau dồi tinh thần cách mạng triệt để, tuyệt đối tin tưởng ở đường lối của Đảng ta, đảng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến bách thắng.



CÁC MÁC
(1818 — 1883)

HỌC THUYẾT CỦA CÁC MÁC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN-XÔ*

Iu. V. AN-ĐRÔ-PÔP

MỘT trăm năm đã qua kể từ ngày qua đời của một con người mang tên Các Mác. Đây là cả một thế kỷ, thế kỷ những cuộc chấn động đầy kịch tính, những trận bão táp cách mạng, những biến đổi căn bản trong vận mệnh của loài người. Đây là thế kỷ đã lật nhào và quét sạch nhiều quan điểm triết học, nhiều học thuyết xã hội, nhiều chủ thuyết chính trị. Và đây cũng là thế kỷ của những thắng lợi nối tiếp nhau của chủ nghĩa Mác, thế kỷ của sự tác động ngày càng tăng của chủ nghĩa Mác đối với sự phát triển xã hội.

Với thời gian, ta càng ngày càng thấy rõ ý nghĩa và tầm vóc cuộc đời là cả một chiến công của Mác.

Loài người đã mất hàng nghìn năm đi tìm đường cải tạo xã hội theo nguyên tắc công bằng, thoát khỏi bóc lột, bạo lực, thoát khỏi cảnh bần cùng về vật chất và tinh thần. Những khối óc xuất chúng đã được đem hiến dâng cho công cuộc tìm tòi này. Các chiến sĩ đấu tranh cho hạnh phúc của nhân dân, hết thế hệ này đến thế hệ khác, đã hy sinh tính mạng cho mục đích này. Song, chính qua hoạt động vĩ đại của Mác mà ta thấy rằng lần đầu tiên lao động của một nhà khoa học vĩ đại đã hòa làm một với thực tiễn

đấu tranh quên mình của một lãnh tụ và nhà tổ chức của phong trào cách mạng của quần chúng.

Người ta có quyền coi Mác là người kế thừa tất cả những thành tựu ưu tú của triết học cổ điển Đức, chính trị kinh tế học Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Nhưng, Mác đã xem lại với thái độ phê phán những thành tựu đó và đã đi xa hơn nhiều. Trước hết, bởi vì Người đã bắt tay giải quyết một nhiệm vụ do chính Người đề ra một cách sâu sắc và giản dị, như người ta vẫn thấy ở các bậc nhân tài: « Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, vấn đề là cải tạo thế giới ». (1) Và Mác đã hiến dâng tất cả sức mạnh khối óc phi thường của mình, tất cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng cải biến thế giới.

Sự thống nhất giữa lý luận khoa học nhất quán với thực tiễn cách mạng là đặc điểm của chủ nghĩa Mác. Bản thân hoạt động khoa học sáng tạo của Mác không thể triển khai bằng cách nào khác ngoài sự liên hệ

* Bài viết trên tạp chí *Người công sản*, Liên-xô, số 3 (tháng 1983).

(1) Mác — Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, Nxb Văn học chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1955, tập 3, tr. 4.

kháng khí với sự xuất hiện độc lập trên vũ đài chính trị của giai cấp vô sản, là giai cấp mà hồi đó còn hoàn toàn non trẻ về mặt lịch sử. Và Mác đã có may mắn được chứng kiến những lời tiên tri của chính Người đã phát biểu từ thời còn là thanh niên, đang được thực hiện như thế nào, đang trở thành hiện thực như thế nào: «Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình» (2).

Triết học mà Mác đã đem lại cho giai cấp công nhân, là cả một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng xã hội. Trước kia về bản thân mình, loài người không hiểu biết ngay cả đến một phần nhỏ của những điều mà nó đã tìm hiểu được nhờ có chủ nghĩa Mác. Được đặt trong một thể thống nhất hữu cơ của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chính trị kinh tế học, lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học, học thuyết của Mác là một cuộc cách mạng thật sự trong lĩnh vực thế giới quan và đồng thời soi đường cho những cuộc cách mạng xã hội mang tính chất sâu sắc nhất.

Mác đã vạch ra được những quy luật khách quan có cơ sở vật chất của quá trình vận động của lịch sử, Người đã phát hiện ra các quy luật đó ở những chỗ mà trước kia người ta cho là tất cả mọi cái diễn ra do ngẫu nhiên, do sự lộn xộn hành của những cá nhân, hoặc được người ta coi là sự tự biểu hiện của một ý niệm vũ trụ siêu thần. Mác đã nhận ra cái bản chất đằng sau cái thấy được, cái bề ngoài, đằng sau hiện tượng. Người đã lột trần cái che đậy sự bí ẩn của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, của tình trạng tư bản bóc lột lao động. Người đã chỉ rõ cho ta thấy giá trị thặng dư được tạo ra như thế nào và ai chiếm hữu giá trị thặng dư đó.

Phri-đrich Ăng-ghe-n, bạn chiến đấu vĩ đại và người đồng chí của Mác, đã đặc biệt coi trọng hai phát kiến vĩ đại nhất này của Mác: quan điểm duy vật lịch sử và lý luận giá trị thặng dư. Và để hiểu là vì lẽ gì. Chính những phát kiến này đã giúp ta biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học, giúp ta có được một quan niệm khoa học về đấu tranh giai cấp. Chính những phát kiến ấy đã tạo cơ sở để có được cái mà V. I. Lê-nin gọi là điều chủ yếu trong học thuyết của Mác: «làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa» (3).

Dùng, Mác là nhà bác học vĩ đại nhất, nhưng đồng thời Người cũng là nhà cách mạng thực tiễn vĩ đại nhất. Và chúng ta lấy làm ngạc nhiên thấy rằng Người đã làm được biết bao nhiêu điều để đạt được những mục đích do chính mình đề ra.

Cùng với Ăng-ghe-n, Mác đã thành lập Đồng minh những người cộng sản, tổ chức chính trị đầu tiên của giai cấp vô sản đã giác ngộ cách mạng trong lịch sử. Như vậy, Mác là đảng viên cộng sản đầu tiên hiểu theo nghĩa hiện đại nhất của từ này, là người sáng lập ra phong trào toàn thế giới của chúng ta ngày nay.

Mác viết: «Chỉ có liên minh quốc tế của giai cấp công nhân mới có thể bảo đảm thắng lợi cuối cùng của nó» (4). Và chính Mác, người sáng lập ra Quốc tế I, đã không tiếc công sức hun đúc nên sự thống nhất quốc tế của anh em công nhân. Chúng ta không thể hiểu được những di huấn chính trị của Mác và Ăng-ghe-n gửi những người cộng sản trên thế giới

(2) Sách đã dẫn, tập I, tr. 428.

(3) Lê-nin: *Toàn tập, tiếng Nga*. Nxb Văn học chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1961, tập 23, tr. 1.

(4) Mác — Ăng-ghe-n: *Toàn tập, tiếng Nga*. Nxb Văn học chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, xuất bản lần thứ 2, tập 16, tr. 336.



nếu thiếu lời kêu gọi rục rũa: «Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại».

Là một người quốc tế chủ nghĩa trung kiên, hơn ai hết, Mác đã biết đi sâu vào những đặc điểm tình hình của những nước hết sức khác nhau — từ nước Anh đến Ấn-độ, từ Pháp đến Trung-quốc, từ Mỹ đến Ai-len. Đồng thời, trong khi chăm chú tìm hiểu cuộc sống của nhân dân từng nước, Mác đã thường xuyên tìm kiếm những mối liên hệ qua lại giữa cuộc sống của họ với cuộc sống của toàn thế giới. Và ở đây Người luôn luôn có

một câu hỏi căn bản là: Ai sẽ là người khởi đầu công cuộc phá đổ bằng cách mạng chế độ tư bản chủ nghĩa và đi đầu trên con đường dẫn đến tương lai cộng sản chủ nghĩa của loài người?

Lịch sử đã đem lại câu trả lời. Giai cấp vô sản nước Nga đã trở thành chiến sĩ tiên phong cách mạng. Thậm chí ngày nay vẫn còn có «những nhà phê phán» Cách mạng Tháng Mười. Họ khẳng định rằng cuộc cách mạng đó nổ ra trái với tất cả những sự mong đợi của Mác. Họ làm ra vẻ là

trong các dự báo cách mạng của mình, Mác nói chung đã không kể đến nước Nga. Tuy nhiên, thật ra Mác đã tỏ ra rất chú ý đến tình hình nước Nga. Đề hiểu được tình hình đó được rõ hơn, Mác đã học tiếng Nga. Là một người chống lại chế độ Sa hoàng với một thái độ không khoan nhượng, Mác đã đánh giá theo tinh thần tiên tri tiên đồ của phong trào xã hội lúc ấy đang dâng lên ở Nga; Người nhận thấy rằng phong trào đó áp ủ "một cuộc cách mạng xã hội hết sức to lớn" (5) có tầm quan trọng toàn thế giới. Quả thật, ngay cả về những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai, Mác cũng xét đoán một cách chính xác hơn là một số « những nhà phê phán » trong thời đại chúng ta xét đoán về những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ.

Ăng-ghe-n đã phát biểu rằng sau khi Mác mất, trong hàng ngũ giai cấp vô sản chiến đấu đã xuất hiện một khoảng trống nghiêm trọng. Sự tồn thất thật là khôn lường. Song, ngọn cờ của Mác vẫn nằm trong tay những người đáng tin cậy. Bản thân Ăng-ghe-n đã giương cao ngọn cờ đó, lúc đó ông đứng đầu phong trào công nhân cách mạng đang lấy sức. Ngay từ khi Ăng-ghe-n còn sống, Vla-di-mia I-lich Lê-nin đã bước lên vũ đài của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Lê-nin là người kế tục trung thành của Mác và Ăng-ghe-n. Theo lời thừa nhận của chính bản thân, Lê-nin không thể dung thứ bất kỳ một thái độ chỉ trích dù là nhỏ nhất đối với những người thầy vĩ đại của mình. Hành động đó chỉ có thể thấy ở một con người đã cống hiến nhiều hơn ai hết chẳng những cho sự nghiệp bảo vệ, mà cho cả sự nghiệp phát triển một cách sáng tạo, trong những điều kiện lịch sử mới, tất cả những bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác, cho quá trình thực hiện chủ nghĩa đó trong thực tiễn. Lê-nin đã đưa chủ

nghĩa Mác lên đỉnh cao mới, tột đỉnh. Tên tuổi của Lê-nin không tách rời tên tuổi của Mác. Chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản, thời đại sụp đổ của hệ thống thuộc địa, thời đại quá độ của loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay thật sự không thể có chủ nghĩa Mác mà lại thiếu chủ nghĩa Lê-nin.

Lê-nin và Đảng bốn sê vích do Người thành lập đã lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi đầu tiên, đã làm thay đổi một cách căn bản bộ mặt chính trị-xã hội của thế giới. Như vậy, một kỷ nguyên mới đã được mở ra—kỷ nguyên những thắng lợi to lớn và những thành quả lịch sử của giai cấp công nhân, của quần chúng nhân dân. Như vậy là chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác sáng lập, đã hòa với thực tiễn sinh động của hàng triệu người lao động đang xây dựng xã hội mới.

Ngày nay, nội dung hết sức phong phú của học thuyết của Mác mở ra trước mắt chúng ta rộng hơn và sâu hơn là trước mắt những người cùng thời với Mác. Bởi vì, một đảng là hấp thụ tư tưởng về tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội ở trong lý thuyết, nhưng còn tham gia và chứng kiến quá trình thực hiện tư tưởng này thì đó lại là vấn đề hoàn toàn khác.

Những con đường lịch sử cụ thể của quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội lại không phải hoàn toàn giống như sự dự tính của các nhà sáng lập ra học thuyết cách mạng của chúng ta. Thoạt đầu, chủ nghĩa xã hội chỉ thắng lợi ở một nước, hơn nữa lại là một nước không phải phát triển nhất về mặt kinh tế. Ở đây tất cả vấn đề là ở chỗ Cách mạng Tháng Mười đã nở ra trong những điều kiện lịch sử mới chưa xuất hiện ở thời kỳ Mác sống, ở thời đại chủ nghĩa đế quốc, điều này

(5) Sách đã dẫn, 1964, tập 32, tr. 549.

đã được thể hiện trong học thuyết của Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, là học thuyết đã được cuộc sống hoàn toàn chứng thực.

Cho đến bây giờ các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa cải lương vẫn dựng nên cả một loạt hệ thống lý lẽ mưu toan chứng minh rằng xã hội mới, được xây dựng ở Liên-xô cũng như các nước anh em khác, đã tỏ ra không giống cái hình ảnh chủ nghĩa xã hội mà Mác hình dung. Họ cho rằng thực tế khác với lý tưởng. Song, do cố ý hay do không am hiểu mà họ đã bỏ qua một điều là chính bản thân Mác, khi xây dựng học thuyết của mình, đã tỏ ra ít căn cứ nhất vào những yêu cầu của cái lý tưởng trừu tượng nào đó về một thứ « chủ nghĩa xã hội » thuần khiết, phẳng lì. Mác đã có được những khái niệm của mình về chế độ tương lai bằng cách phân tích những mâu thuẫn khách quan của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Chính phương pháp duy nhất khoa học đó đã cho phép Mác xác định được chính xác những nét cơ bản của cái xã hội sẽ phải ra đời trong những cơn giông tố dọn đường của các cuộc cách mạng xã hội thế kỷ 20.

Theo ý kiến Mác, hòn đá tảng của cái chế độ kinh tế — xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Những câu nói danh thiếp trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản » nhấn mạnh ý nghĩa mà chủ nghĩa Mác đã gán cho cuộc cách mạng tất yếu đó trong quan hệ sản xuất: «... Những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành công thức duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu » (6).

Kinh nghiệm lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện thực cho thấy rằng sự nghiệp biến « cái của tôi » tư hữu thành « cái của chúng ta », cái của chúng — không phải là một việc đơn giản. Cuộc cách mạng trong quan hệ

sở hữu tuyệt nhiên không phải chỉ là một hành động xảy ra một lần mà kết quả là các tư liệu sản xuất chủ yếu trở thành tài sản của toàn dân. Được hưởng quyền làm chủ và trở thành người chủ thật sự, sáng suốt, biết tính toán — hai vấn đề đó hoàn toàn không phải là một. Sau khi đã hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhân dân sẽ còn phải mất một thời gian dài để nắm vững địa vị mới của mình là người sở hữu tối cao và duy nhất đối với tất cả của cải xã hội — nắm vững cả về phương diện kinh tế, cả về phương diện chính trị và có thể nói là cả về phương diện tâm lý, hun đúc nên ý thức tập thể và hành vi tập thể. Bởi vì một con người được giáo dục theo tinh thần xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là một người quan tâm không những đến thành tích lao động của bản thân, sự ấm no cũng như uy tín của bản thân, mà còn quan tâm đến cả tình hình các đồng chí cùng công tác với mình, tình hình của một tập thể lao động, lợi ích của cả nước, của nhân dân lao động toàn thế giới.

Khi nói đến việc biến « cái của tôi » thành « cái của chúng ta », chớ nên quên rằng đây là một quá trình lâu dài và nhiều mặt, không được đơn giản hóa. Thậm chí đến khi hoàn toàn thiết lập được các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thì ở một số người vẫn còn giữ lại và thậm chí tái xuất hiện những thói quen cá nhân chủ nghĩa, xu hướng muốn sống trên lưng những người khác, trên lưng xã hội. Nếu dùng từ ngữ của Mác, có thể gọi tất cả những cái đó là hậu quả của tình trạng tha hóa lao động, và những hậu quả ấy không tự biến mất một cách đột nhiên ra khỏi ý thức, tuy rằng tình trạng tha hóa đã bị thủ tiêu.

Ngày nay, tất cả những điều đó chúng ta đã biết rõ từ thực tiễn công

(6) Sách đã dẫn, 1955. tập 4, tr. 438.

cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Song, chúng ta cũng còn biết cả những điều khác nữa. Cụ thể là hoàn toàn như Mác đã tiên đoán, ở tất cả những nơi nào cách mạng vô sản thắng lợi, chế độ công hữu tư liệu sản xuất được thiết lập dưới nhiều hình thức, đã trở thành vừa là nhân tố cơ bản của sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội, vừa là chỗ dựa của chủ nghĩa xã hội, cũng như nguồn tiến bộ chủ yếu của nó.

Trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, nước ta đã xây dựng được một nền kinh tế hùng mạnh, phát triển theo kế hoạch, một nền kinh tế cho phép chúng ta đề ra và giải quyết các nhiệm vụ kinh tế quốc dân và xã hội có những quy mô to lớn và nội dung phức tạp. Dĩ nhiên, những khả năng ấy của chúng ta không thể được thực hiện một cách tự nhiên. Về mặt này chúng ta thấy xuất hiện nhiều vấn đề cũng như những khó khăn quan trọng. Chúng có những nguồn gốc khác nhau, những nguồn gốc ấy không bao giờ lại liên quan đến bản chất của chế độ sở hữu tập thể, công cộng đã được xác lập và đã chứng minh những ưu việt của mình. Ngược lại, phần lớn những sai sót, đôi khi làm cản trở hoạt động bình thường tại những khu vực nào đó trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta, lại xuất phát từ nguyên nhân là có những sự vi phạm các quy định, các yêu cầu của đời sống kinh tế mà nền tảng cốt yếu nhất của nó là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Chẳng hạn, ta hãy xét vấn đề tiết kiệm, vấn đề sử dụng hợp lý các nguồn dự trữ vật tư, tài chính, lao động. Việc giải quyết vấn đề này quyết định, trên một mức độ quan trọng, cả việc hoàn thành các nhiệm vụ của kế hoạch năm năm hiện nay cũng như quyết định triển vọng phát triển của nền kinh tế nước ta. Nếu suy nghĩ kỹ thì ở đây vấn đề được

bàn đến chính là ý thức tuân thủ điều quy định cần thiết trong hoạt động kinh tế mà chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đòi hỏi và thực chất của điều quy định ấy là phải có thái độ gìn giữ tài sản của toàn dân, phải chủ động và tích cực làm tăng thêm tài sản đó. Sự vi phạm quy định ấy làm cho toàn xã hội phải trả giá, vì vậy xã hội có quyền nghiêm khắc trừng phạt những ai do cẩu thả, do vụng về hoặc do những động cơ vụ lợi mà đem phung phí của cải của xã hội.

Hiện nay, những sự quan tâm của chúng ta tập trung chung quanh vấn đề nâng cao hiệu suất của sản xuất, của toàn bộ nền kinh tế. Tính chất quan trọng của vấn đề này đã được Đảng và nhân dân nhận thức một cách sâu sắc. Tuy nhiên, nếu nói đến việc giải quyết nhiệm vụ này trên thực tế thì công việc diễn ra một cách không kết quả như yêu cầu đặt ra. Ở đây có gì cần trở? Vì sao đã đầu tư những khoản to lớn mà hiện nay chúng ta không thu được kết quả cần thiết, vì sao việc áp dụng những thành tựu của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất lại được tiến hành với nhịp độ làm chúng ta không thỏa mãn?

Dương nhiên, có thể kê ra được không ít nguyên nhân. Trước hết phải thấy rằng công tác của chúng ta trong lĩnh vực hoàn thiện và cải tổ guồng máy kinh tế, những hình thức và phương pháp quản lý — công tác ấy đã lạc hậu so với những yêu cầu được đặt ra bởi trình độ phát triển mà xã hội xã hội chủ nghĩa đã đạt được về phương diện vật chất — kỹ thuật, xã hội và tinh thần. Và đây là cái chủ yếu. Dĩ nhiên, đồng thời ở đây còn có sự tác động, thí dụ như của những nhân tố sau đây: sự thiếu hụt một khối lượng lớn sản phẩm nông nghiệp trong bốn năm gần đây, sự cần thiết phải đầu tư ngày càng nhiều tiền và vật tư vào việc khai thác các nguồn nguyên liệu, nhiên liệu — năng lượng

tại các khu vực miền bắc và miền đông của đất nước.

Chúng ta có thể nhắc đi nhắc lại tư tưởng có tính chất nguyên lý của Mác nói rằng muốn đẩy mạnh tiến bộ của lực lượng sản xuất, cần có những hình thức tổ chức thích hợp đối với đời sống kinh tế, song tình hình sẽ không tiến triển chừng nào chân lý lý thuyết ấy chưa được dịch sang ngôn ngữ cụ thể của thực tiễn. Ngày nay, có một nhiệm vụ cơ bản đang được đề ra là phải suy nghĩ và thực hiện một cách nhất quán những biện pháp có thể đem lại một khả năng to lớn cho hoạt động của những lực lượng sáng tạo không lồ chưa được trong nền kinh tế của chúng ta. Những biện pháp ấy phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, phải mang tính chất thực tế, mà điều này có nghĩa là khi vạch ra những biện pháp ấy cần phải luôn luôn xuất phát từ những quy luật phát triển của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tính chất khách quan của những quy luật ấy đòi hỏi chúng ta phải vứt bỏ mọi mưu toan muốn quản lý nền kinh tế bằng các phương pháp xa lạ với bản chất của nền kinh tế ấy. Ở đây cũng nên nhớ lại lời cảnh cáo của Lê-nin về sự nguy hại chứa đựng trong thái độ tin tưởng ngây thơ của một số cán bộ cho rằng họ có thể dùng « các sắc lệnh cộng sản chủ nghĩa » để giải quyết tất cả các nhiệm vụ của mình. (7)

Mặt khác, sau khi đã nhất trí thỏa thuận về những biện pháp cần thiết và thông qua những quyết định cần thiết thì không được bỏ dở công việc. Phải hoàn thành tất cả những gì đã quyết định. Đó là truyền thống bền vững của Đảng ta, và xa rời truyền thống đó sẽ là điều không xứng đáng đối với chúng ta.

Lợi ích của toàn xã hội là cái điểm chuẩn quan trọng nhất cho công cuộc phát triển của một nền kinh tế dựa trên chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa.

Nhưng dĩ nhiên, từ đó không nên đi đến chỗ cho rằng vì lý tưởng về hạnh phúc chung, chủ nghĩa xã hội đề bẹp hoặc không đếm xỉa những lợi ích cá nhân, lợi ích địa phương, các nhu cầu đặc thù của các nhóm xã hội khác nhau. Hoàn toàn không phải thế. Như Mác và Ăng-ghe-n đã nhấn mạnh, « lý tưởng » nhất định sẽ tự bồi nhọ mình chỉ cần nó tách khỏi « lợi ích ». (8) Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác cải tiến guồng máy kinh tế của chúng ta là phải bảo đảm tính đến những lợi ích ấy một cách chính xác, phải kết hợp một cách tối ưu những lợi ích ấy với lợi ích toàn dân và nhờ đó mà vận dụng những lợi ích ấy như một động lực để phát triển nền kinh tế xã hội năng cao hiệu suất của nền kinh tế ấy, nâng cao năng suất lao động, củng cố mọi mặt sự hùng mạnh về kinh tế và quốc phòng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Dĩ nhiên, khi xét đến hiệu suất của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa, cần phải tính đến những tiêu chuẩn không những thuần túy có tính chất kinh tế mà còn phải tính đến cả những tiêu chuẩn xã hội nữa, có chú ý đến mục đích cuối cùng của sản xuất xã hội. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, mục đích ấy là lợi nhuận của tư bản; còn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa — như Mác đã chứng minh trên lý thuyết — mục đích cuối cùng là phúc lợi của những người lao động, tạo ra các điều kiện cho sự phát triển toàn diện của cá nhân. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã biến luận điểm đó của học thuyết Mác thành hiện thực.

Thật vậy, mặc dù những nhiệm vụ đặt ra cho nền kinh tế xã hội hết sức đa dạng, xét cho cùng tất cả những nhiệm vụ ấy hòa vào làm một nhiệm

(7) Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, Nxb Văn học chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, xuất bản lần thứ 5, tập 44, tr. 173.

(8) Mác — Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, tiếng Nga, Nxb Văn học chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1955, tập 2, tr. 89.

vụ: bảo đảm phát triển phúc lợi của những người lao động, tạo ra những điều kiện vật chất để đời sống tinh thần và văn hóa, cũng như tinh thần cực xã hội của họ được tiếp tục phát triển. Điều đó cũng quyết định phương hướng chung của đường lối kinh tế của Đảng cộng sản Liên-xô, như đã được phản ánh trong các văn kiện Đại hội thứ 26 của Đảng, trong chương trình lương thực thực phẩm đang tiến hành hiện nay, trong các nghị quyết của Đảng về các vấn đề cụ thể của nền kinh tế quốc dân. Rõ ràng là điều này quyết định rất nhiều cả quan điểm của chúng ta đối với vấn đề hợp lý hóa sản xuất, đối với vấn đề phát triển sản xuất theo chiều sâu. Nói một cách khác, chúng ta giải quyết các vấn đề nâng cao hiệu suất kinh tế không phải bằng cách làm thiệt hại lợi ích những người lao động, mà chính là phục vụ lợi ích của họ. Điều này không làm cho công tác của chúng ta đơn giản đi, song lại cho phép chúng ta có thể tiến hành công tác ấy bằng cách dựa vào những lực lượng vô tận, những kiến thức, nghị lực sáng tạo của toàn thể nhân dân Liên-xô.

Mặc đã nhận rõ sứ mệnh lịch sử của hình thái thay thế chủ nghĩa tư bản thể hiện ở chỗ nó biến lao động từ nghĩa vụ đau khổ và bất huộc thành nhu cầu thiết thân số một của cá nhân. Ngày nay, qua kinh nghiệm, chúng ta biết được rằng phải nỗ lực nhiều như thế nào trên con đường lâu dài dẫn đến việc thực hiện đầy đủ tư tưởng đó. Song, cái mốc quyết định đã vượt qua rồi. Đã chấm dứt cái tình trạng có tính chất quy luật đối với chủ nghĩa tư bản, khi mà sản phẩm lao động đối lập với người lao động, như một bản chất xa lạ, thậm chí mang tính chất thù địch với người lao động, khi mà người công nhân hao phí càng nhiều sức lực và tâm lực thì lại càng làm tăng sức mạnh của những kẻ thống trị mình. Thành

quả có ý nghĩa hết sức vĩ đại và không thể chối cãi được của chủ nghĩa xã hội là ở chỗ đã tạo ra được những điều kiện bảo đảm cho mọi người có quyền lao động. Ở nước ta, chính lao động, lao động một cách có ý thức, trung thực, mang tinh thần sáng tạo, lao động vì phúc lợi của xã hội được thừa nhận là thước đo tối cao về phẩm giá và uy tín xã hội của cá nhân.

Thực tiễn cũng chứng minh rằng quá trình xã hội hóa các tư liệu và đối tượng lao động là một nhân tố cần thiết và có hiệu quả đối với sự hình thành bầu không khí xã hội đặc trưng cho chính chủ nghĩa xã hội, trong đó con người không biết đến cảm giác nặng nề là không tin vào ngày mai; trong đó cái ngự trị là tinh thần tập thể và sự tương trợ trên tinh đồng chí, đạo đức lành mạnh và tinh thần lạc quan xã hội. Xét về toàn cục, tất cả những cái đó nói lên một chất lượng mới về nguyên tắc của cuộc sống quần chúng lao động, chất lượng mới ấy tuyệt nhiên không phải chỉ quy tụ vào tiện nghi vật chất, mà còn bao gồm cả toàn bộ các mặt đời sống phong phú của con người.

Dương nhiên, tất cả những cái đó không thể đạt được ngay sau khi thiết lập chế độ công hữu xã hội. Vì vậy không thể ngay tức khắc coi đó là thứ chủ nghĩa xã hội « có sẵn » và hoàn chỉnh. Bản thân cuộc cách mạng về quan hệ sở hữu không thể loại bỏ được tất cả những nét tiêu cực tích tụ hàng trăm năm trong đời sống công cộng của con người. Vấn đề là ở chỗ khác, ở chỗ là nếu không tiến hành một cuộc cách mạng như vậy thì mọi thứ « hình mẫu » về chủ nghĩa xã hội, dù cho người ta có khỏa những đồ trang phục hấp dẫn như thế nào đi nữa cho nó, đều sẽ trở nên không có sức sống, chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của những kẻ tạo ra nó. Đây là chân lý sơ đẳng của chủ

nghĩa Mác. Và ngày nay chân lý ấy vẫn đúng như một trăm năm về trước.

Nói chung cần có thái độ trân trọng những chân lý gọi là sơ đẳng của chủ nghĩa Mác, bởi vì ai không hiểu hoặc lãng quên những chân lý ấy thì sẽ bị chính cuộc sống trừng phạt nghiêm khắc. Thí dụ, người ta đã phải tốn không ít công sức, thậm chí phải trả giá bằng những sai lầm, để nhận thức được ý nghĩa các quan điểm của Mác đối với vấn đề phân phối. Người kiên trì chỉ rõ rằng ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản mỗi người lao động "nhận được của xã hội bằng đúng những gì mà anh ta tạo ra được cho xã hội", tóm lại, được hưởng một cách tương xứng với số lượng và chất lượng lao động của mình (9), điều này phù hợp với nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội là "làm theo năng lực, hưởng theo lao động". Là một nhà dân chủ tuyệt vời và nhà nhân đạo, Mác kiên quyết phản đối tư tưởng bình quân, nhất quyết bác bỏ những lý lẽ mị dân hoặc ngây thơ thương hại gặp ở thời đại của Mác, coi chủ nghĩa xã hội là "sự bình đẳng rộng khắp" trong phân phối và tiêu dùng.

Ngày nay, thực tiễn, cũng như kinh nghiệm của nhiều nước xã hội chủ nghĩa không những cho thấy sức mạnh về mặt kinh tế-xã hội mà còn cho thấy sức mạnh to lớn về mặt chính trị của những suy đoán ấy của nhà sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học. Bởi vì quan hệ phân phối trực tiếp đem đến lợi ích của tất cả và của từng người. Về thực chất, tinh chất của phân phối là một trong những bằng chứng quan trọng nhất nói lên mức độ bình đẳng xã hội có thể có được dưới chủ nghĩa xã hội. Mọi mưu toan dùng con đường ý chí để vượt quá mức độ có thể có được ấy, vọt lên trước, tiến thẳng đến các hình thức phân phối cộng sản chủ nghĩa, thiếu sự tính toán chính xác

đến sự đóng góp lao động của từng người vào việc tạo ra các phúc lợi vật chất và tinh thần, đều có thể làm nảy sinh và đang làm nảy sinh những hiện tượng ngoài sự mong muốn.

Thí dụ, người ta đã hoàn toàn thấy rõ là không thể vi phạm yêu cầu kinh tế khách quan là năng suất lao động phải phát triển vượt lên trước. Việc nâng cao tiền lương mà không có một mối liên hệ hết sức khăng khít với nhân tố có ý nghĩa quyết định này, tuy lúc đầu có gây được một ấn tượng thuận lợi bề ngoài, song rồi cuộc lại không tránh khỏi gây tác động tiêu cực đến toàn bộ đời sống kinh tế. Nói riêng, nó làm nảy sinh những đòi hỏi không thể thỏa mãn đầy đủ được với trình độ sản xuất hiện có, gây cản trở cho việc khắc phục tình trạng khan hiếm với tất cả những hậu quả quái dị của nó, gây nên sự phản nộ chính đáng của nhân dân lao động.

Dĩ nhiên, việc giải quyết đúng đắn các vấn đề phân phối trong chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải có sự bảo đảm bằng hiện vật cho khối lượng tiền có trong nhân dân, bảo đảm bằng nhiều loại vật phẩm tiêu dùng và các loại dịch vụ. Tuy nhiên, điều quyết định là trình độ phát triển của sức sản xuất. Dường nhiên, không thể thỏa mãn được những nhu cầu vượt quá những khả năng của chúng ta. Đồng thời, chúng ta đã và vẫn có một nghĩa vụ không thể thoái thác được là phải nỗ lực theo hai hướng: một là, không ngừng phát triển sản xuất xã hội và trên cơ sở đó nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân; hai là, ra sức đẩy mạnh việc nâng cao các nhu cầu vật chất và tinh thần của người dân xã hội.

Sự bình đẳng hoàn toàn về xã hội không xuất hiện ngay tức khắc và dưới một hình thức hoàn chỉnh được. Xã hội vươn tới, đạt đến sự bình

(9) Sách đã dẫn. 1961, tập 19, tr. 18.

dằng dấy một cách khá lâu dài, vất vả, trả giá bằng những nỗ lực to lớn. Xã hội phải phát triển sức sản xuất của mình lên đến trình độ tạo ra được cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Xã hội phải xây dựng cho từng người lao động có được trình độ giác ngộ cao và trình độ văn hóa, ý thức nghề nghiệp, năng lực biết sử dụng hợp lý các phúc lợi của chủ nghĩa xã hội.

Chừng nào chưa có được những điều kiện ấy, thì quan hệ phân phối, sự kiểm soát nghiêm ngặt mức lao động và mức tiêu dùng phải là trọng tâm chú ý của Đảng trong việc lãnh đạo xã hội xã hội chủ nghĩa. Và Đảng cộng sản Liên-xô thường xuyên quan tâm sao cho nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa, do Mác tìm ra, phải được thực hiện một cách rộng khắp và nghiêm chỉnh, phải được vận dụng trên thực tiễn một cách tốt hơn, đầy đủ hơn. Nếu vi phạm nguyên tắc ấy thì sẽ xuất hiện các kiểu thu nhập phi lao động, sẽ xuất hiện những kẻ «đứng núi này trông núi nọ», chơi rông, chây lười, vụng về, thực chất là những kẻ ăn bám xã hội, sống dựa vào khối quần chúng lao động trung thực. Đây là hiện tượng không thể dung thứ được, một kiểu tâm gửi sống nhờ tinh thần nhân đạo của chế độ chúng ta.

Lao động, và chỉ có lao động, chỉ có những kết quả thực tế của lao động chứ không phải ý muốn chủ quan của một kẻ nào đó hoặc thiện chí, mới có thể quyết định mức độ phúc lợi của từng công dân. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với tinh thần và nội dung các quan điểm của Mác đối với vấn đề phân phối trong chủ nghĩa xã hội.

Ở nước ta, từ lâu đã hình thành chế độ kích thích vật chất và tinh thần đối với lao động. Chế độ đó đã và đang giúp ích nhiều cho cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội và chủ

nghĩa cộng sản. Song ngày nay hiện nhiên là cả bản thân chế độ ấy và những hình thức của nó, cả việc thi hành chế độ ấy cần phải được hoàn thiện hơn nữa. Điều quan trọng không phải chỉ là ở chỗ lao động tốt phải được trả công tốt và phải được xã hội công nhận một cách xứng đáng. Phải làm sao cho việc áp dụng chế độ khuyến khích vật chất và tinh thần, kết hợp với trình độ tổ chức lao động một cách kiểu mẫu, duy trì được và phát huy hơn nữa ở mọi người ý thức về tính chất hữu ích và cần thiết của những sự nỗ lực của họ, của sản phẩm mà họ làm ra. Làm sao cho chế độ đó rút cuộc xác lập được ở họ ý thức gắn bó với công việc và với các kế hoạch của tập thể mình, của toàn thể nhân dân. Và ý thức này có tác dụng động viên, củng cố tinh thần kỷ luật mạnh mẽ hơn mọi lời thuyết phục và kêu gọi.

Trong khi hoàn thiện các quan hệ phân phối, cần tính đến toàn bộ các quan hệ trong quá trình lao động. Trước hết, ở đây muốn nói đến vấn đề gì? Đó là sự củng cố một cách nhất quán «tinh điều tiết và trật tự», nói theo cách nói của Mác, trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân; Mác coi đó là những hình thức của «sự củng cố xã hội đối với phương thức sản xuất đó» (10). Đặc biệt đối lập với những cố gắng theo hướng này là lời mệnh lệnh hành chính thuần túy và sự dao to búa lớn, lời thay thế việc làm thực tế bằng những lời bàn luận suông. Nhà lãnh đạo nào không hiểu ra điều đó, thay cho những nỗ lực có hệ thống và kiên trì về công tác tổ chức lại mưu toan tiến hành các cuộc hô hào có tính chất gây ấn tượng nhưng không đem lại hiệu quả thì nhà lãnh đạo đó sẽ đạt được kết quả ít ỏi. Ý nghĩa của những nỗ lực của Đảng nhằm cải tiến quản lý, nâng cao tinh tổ chức, sự

(10) Sách đã dẫn, 1962, tập 25, phần II, tr. 356.

thông thạo trong công việc, ý thức kỷ luật kế hoạch, kỷ luật Nhà nước và kỷ luật lao động — ý nghĩa ấy không phải chỉ là ở chỗ khắc phục những thiếu sót và những khó khăn nhất định—điều đó đương nhiên có ý nghĩa to lớn, mà còn ở chỗ là sau cùng phải củng cố được hơn nữa những nguyên tắc được lấy làm cơ sở cho lối sống xã hội chủ nghĩa.

Đĩ nhiên, đồng thời Đảng xuất phát từ những điều kiện thực tế trong quản lý lao động, những điều kiện có trong giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội xô viết. Hiện thời, những điều kiện này khiến cho quy luật kinh tế mà Mác coi là quy luật số một trên cơ sở sản xuất tập thể—quy luật tiết kiệm thời gian lao động—ở nước ta lại tác động chưa đầy đủ. Nguyên nhân của tình hình này chủ yếu là do còn có rất nhiều loại công việc chân tay nặng nhọc, không hấp dẫn, tẻ nhạt, công cuộc cơ giới hóa và nhất là tự động hóa những công việc loại ấy được tiến hành với nhịp độ chậm chạp.

Và lại, chỉ cần hình dung tình hình căng thẳng về nguồn lao động, tình hình dân số trong nước, là sẽ thấy rõ rằng trên phương diện kinh tế không thể cho phép cứ tiếp tục duy trì một tỷ lệ lớn lao động chân tay chưa cơ giới hóa mà chỉ tính riêng trong công nghiệp, tỷ lệ ấy đã đạt đến 40%. Do đó, nhiệm vụ hết sức cấp thiết hiện nay là phải ra sức đẩy nhanh nhịp độ tiến bộ khoa học—kỹ thuật, sử dụng tích cực hơn nữa những thành tựu của nó, trước hết tại các khu vực có số hao phí lao động đặc biệt lớn. Chúng ta có cơ sở để làm việc này. Đó là trình độ phát triển cao của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Đó là kinh nghiệm nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của giai cấp công nhân xô viết. Đó là những chuyên gia và những cán bộ lãnh đạo có uy tín của nền kinh tế quốc dân, Tiềm năng khoa học và tri thức hùng mạnh mà sức

sản xuất của nó trong điều kiện ngày nay đang trở nên ngày càng lớn. Vấn đề là làm thế nào sử dụng được tốt hơn và nhanh hơn tất cả mọi khả năng của chúng ta, nâng cao trình độ lao động và trình độ tổ chức sản xuất.

Việc giải quyết các nhiệm vụ cơ giới hóa và tự động hóa sản xuất cần được chúng ta tiến hành một cách mạnh mẽ còn là vì ý nghĩa chính trị—xã hội của những nhiệm vụ đó. Bởi vì, một khi thoát khỏi cảnh lao động chân tay nặng nhọc đầy mệt mỏi thì con người thường cũng bộc lộ một tinh thần chủ động lớn hơn, tinh thần trách nhiệm lớn hơn về công việc được giao. Con người có được thêm những điều kiện để học tập và nghỉ ngơi, tham gia hoạt động xã hội, quản lý sản xuất. Do đó con người có thể thực hiện được đầy đủ hơn nữa các quyền chính trị và dân chủ của mình mà cách mạng xã hội chủ nghĩa đã đem lại cho những người lao động, — đó là các quyền lợi của những người chủ có đầy đủ quyền hạn trong xã hội của mình, trong Nhà nước của mình.

Từ lâu trước khi bắt đầu quá trình hình thành cái xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản, Mác đã vạch rõ thực chất những hình thức sinh hoạt chính trị của xã hội đó. Ngay trong “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” đã nêu rõ rằng “bước đầu tiên trong cuộc cách mạng công nhân là biến giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị, giành dân chủ” (11). Không thể xác lập được chủ nghĩa xã hội nếu không có một chính quyền Nhà nước vững chắc mà nội dung giai cấp của nó đã được Mác xác định bằng khái niệm “chuyên chính vô sản”. Theo học thuyết của Mác, chính chuyên chính vô sản mở đường cho quá trình phát triển chính trị mà cuối cùng con đường ấy sẽ dẫn đến chế độ tự quản xã hội cộng sản chủ nghĩa.

(11) Sách đã dẫn, 1955, tập 4, tr. 446.

Lịch sử sinh động của chủ nghĩa xã hội có quan hệ gì với những lời dự đoán ấy của Mác?

Ở nước ta, và nói chung ở bất cứ đâu mà chính quyền đã chuyển sang tay giai cấp công nhân, sang tay nhân dân lao động, điều đó có nghĩa là sự thắng lợi của dân chủ hiểu theo ý nghĩa thật sự và chính xác nhất của từ này, — có nghĩa là thắng lợi thật sự của chính quyền nhân dân. Cuối cùng, nhân dân lao động đã có được các quyền lợi và các quyền tự do mà chủ nghĩa tư bản luôn luôn khước từ không cho họ được hưởng nếu không phải trên phương diện hình thức thì cũng trên phương diện thực tế.

Nền dân chủ xô viết đã vấp phải sự chống trả đặc biệt ác liệt của các lực lượng phản cách mạng bên trong và bên ngoài và đã đi sâu vào cuộc sống một cách trung thực, không che giấu tính chất giai cấp của mình, không ngần ngại hợp pháp hóa những đặc quyền của nhân dân lao động so với những đại diện của giai cấp bóc lột từng chống lại chính quyền mới. Về thực chất, nền dân chủ xô viết đang và vẫn là nền dân chủ bảo đảm những quyền lợi rộng rãi nhất và bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, nó sẵn sàng khép vào trật tự những kẻ nào dám xâm phạm những thành quả xã hội chủ nghĩa của nhân dân.

Trong quá trình xây dựng xã hội mới, nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trở nên phong phú, những hạn chế lịch sử trước đây đang mất đi, các hình thức thực hiện chính quyền nhân dân ngày càng trở nên đa dạng hơn. Quá trình này diễn ra trong mối liên hệ khăng khít với quá trình phát triển chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa mà bản thân nó cũng có những biến đổi về chất. Biến đổi quan trọng nhất là sự phát triển của Nhà nước chuyên chính vô sản thành Nhà nước toàn dân. Đây là sự chuyển biến có ý nghĩa to lớn đối với chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội. Nó

được phản ánh trong bản Hiến pháp Liên-xô, được toàn dân thông qua năm 1977. Nó đang tạo ra cơ sở pháp lý nhằm củng cố hơn nữa chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta không lý tưởng hóa những gì đã làm được và đang làm ở nước ta trong lĩnh vực này. Nền dân chủ xô viết đã, đang và chắc sẽ gặp những khó khăn trong quá trình phát triển, xuất phát từ những khả năng vật chất của xã hội, trình độ giác ngộ của quần chúng, trình độ chính trị của họ, và cũng còn vì lý do là xã hội chúng ta phát triển không phải trong điều kiện nhà kính, không phải trong thể cách ly với thế giới thù địch với chúng ta, mà là phát triển trước những ngọn gió giá lạnh của «cuộc chiến tranh tâm lý» do chủ nghĩa đế quốc gây ra. Nhiệm vụ hoàn thiện nền dân chủ của chúng ta đòi hỏi phải xóa bỏ «tính tổ chức khuôn phép» quan liêu và chủ nghĩa hình thức, xóa bỏ tất cả những gì bóp nghẹt, phá hoại tính chủ động của quần chúng, giam hãm sự suy nghĩ sáng tạo và việc làm sinh động của nhân dân lao động. Chúng ta đã và sẽ đấu tranh mạnh mẽ và kiên trì hơn nữa chống những hiện tượng đó.

Đôi lúc chúng ta nghe thấy có người nói rằng bộ mặt ngày nay của cơ cấu Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không phù hợp với triển vọng chế độ tự quản cộng sản chủ nghĩa mà Mác đã vạch ra. Song, con đường mà chúng ta đã trải qua và kinh nghiệm mà chúng ta đang có lại chứng minh ngược lại.

Thí dụ, hãy xét những quan điểm của Mác cho rằng việc quản lý xã hội mới là sự nghiệp «của nhân dân được tổ chức thành các công xã», rằng thực chất của chính quyền mới là «sự quản lý của nhân dân thông qua chính bản thân nhân dân» (12). Mọi

(12) Sách đã dẫn, xuất bản lần thứ 2, tập 17, tr. 344, 390.

người đều biết là những tư tưởng ấy nảy nở từ trong cuộc sống, từ khi thể anh hùng của các chiến sĩ Công xã Paris. Song những tư tưởng ấy chỉ chứa đựng sự chỉ dẫn chung nhất về mục đích xa xôi. Chỉ có tinh thần sáng tạo thật sự cách mạng của quần chúng mới có thể cụ thể hóa các phương pháp tiến đến gần mục đích ấy. Và vào đúng đêm trước cuộc Cách mạng Tháng Mười, tinh thần sáng tạo ấy đã cung cấp được chất liệu cho phép Lê-nin vạch ra bước thực tế đi đến thực hiện các công thức của Mác trong điều kiện nước ta: "...Nhân dân được tập hợp trong các xô viết là người phải quản lý Nhà nước" (13).

Nhân dân không hề biết đến quyền lực nào khác đối với mình ngoài quyền lực của khối thống nhất của chính mình - Tư tưởng đó của Mác - Ăng-ghe-n - Lê-nin thể hiện trong hoạt động của các xô viết là những cơ quan thực hiện các chức năng lập pháp, quản lý và giám sát. Tư tưởng đó thể hiện trong hoạt động của các công đoàn và các tổ chức xã hội khác, trong sinh hoạt của các tập thể lao động, trong sự phát triển của toàn bộ chế độ chính trị của xã hội chúng ta. Và vấn đề hoàn toàn không phải là ở chỗ phải tìm ra sự khác biệt giữa tư tưởng đó với lý tưởng tự quản cộng sản chủ nghĩa - những sự khác biệt như vậy ta có thể nêu lên khá nhiều, do khoảng cách lịch sử từ thời chúng ta cho đến giai đoạn hai của chủ nghĩa cộng sản. Cái quan trọng hơn nhiều là cái khác, cụ thể là hệ thống đó hoạt động và được hoàn thiện đồng thời tìm ra ngày càng nhiều hình thức và phương pháp mới để phát triển chế độ dân chủ, mở rộng quyền và khả năng làm chủ của người lao động trong sản xuất, trong toàn bộ thực tiễn chính trị - xã hội từ các ban đại biểu và sự giám sát của nhân dân cho đến các hội nghị sản xuất thường xuyên hoạt động. Đây chính là sự tự quản xã hội chủ

nghĩa thật sự của nhân dân, sự tự quản này đang được phát triển trong quá trình xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Kinh nghiệm phát triển nền dân chủ của chúng ta phù hợp với bản Hiến pháp mới của Liên-xô đòi hỏi phải đặc biệt chú ý và tổng kết. Điều đó trước hết liên quan đến việc phát huy mạnh mẽ và sử dụng rộng rãi hơn nữa tinh chủ động của địa phương, thu hút tất cả các tập thể lao động tham gia một cách mật thiết hơn nữa vào hoạt động có tính chất toàn quốc của chúng ta. Trong những năm qua, quyền hạn của các xô viết địa phương đối với các xí nghiệp, cơ quan và tổ chức nằm trong địa phận của mình đã mở rộng rất nhiều. Khả năng của các xô viết huyện, tỉnh, khu, và nước cộng hòa (nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết tự trị) cũng sẽ tăng lên trong quá trình thực hiện nghị quyết của Hội nghị toàn thể tháng 5-1982 của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô về xây dựng các liên hiệp nông-công nghiệp thuộc quyền phụ trách của các xô viết đó. Như vậy, vai trò của các cơ quan đại biểu trong việc thực hiện chức năng chủ yếu nhất, chức năng kinh tế tổ chức của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đang tăng lên. Không thể không nêu lên hình thức quản lý sản xuất ở cơ sở mà chính bản thân quần chúng tìm ra là đội sản xuất có hạch toán kinh tế.

Đương nhiên, lối giải thích sự tự quản theo hướng đưa tới chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, tội cho phân chia xã hội thành những công ty không phụ thuộc gì vào nhau, cạnh tranh lẫn nhau, tới nền dân chủ không có kỷ luật, tới quan niệm về quyền hạn không có trách nhiệm, là lối giải thích hoàn toàn xa lạ đối với chúng ta. Một nguyên tắc đã được thử thách

(13) Lê-nin: *Tổng tập*, tiếng Nga, Nxb Văn học chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1962, tập 31, tr. 188.

đề tổ chức toàn bộ sinh hoạt của xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ tập trung dân chủ, chế độ này cho phép kết hợp thành công sự sáng tạo tự do của quần chúng với tính ưu việt của chế độ lãnh đạo một cách khoa học, kế hoạch hóa và quản lý thống nhất.

Chế độ xã hội chủ nghĩa làm cho việc thực hiện các quyền và các trách nhiệm tập thể của những người lao động trở thành động lực chủ đạo của tiến bộ xã hội. Đồng thời, lợi ích của từng người riêng biệt hoàn toàn không bị coi nhẹ. Hiến pháp của chúng ta đem lại cho công dân Liên-xô những quyền hạn và quyền tự do rộng rãi, đồng thời nhấn mạnh sự ưu tiên của lợi ích xã hội, việc phục vụ các lợi ích đó chính là biểu hiện cao nhất của ý thức công dân.

Cái hố ngăn cách giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của công dân vốn tồn tại dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã được xóa bỏ ở nước ta. Nhưng tiếc thay vẫn còn có những người toan đem đổi lập những lợi ích ích kỷ của mình với xã hội, với những thành viên khác của xã hội. Dưới ánh sáng đó, rõ ràng là cần phải có công tác giáo dục và đôi khi là công tác cải tạo một số người cá biệt, cần phải đấu tranh chống những sự vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, vi phạm các tiêu chuẩn của lối sống tập thể của chúng ta. Và đó không phải là «sự vi phạm nhân quyền» mà bộ máy tuyên truyền tư sản nhai đi nhai lại một cách giả nhân giả nghĩa, trái lại đó là chủ nghĩa nhân đạo và chế độ dân chủ thật sự nhất, chế độ dân chủ này có nghĩa là quản lý theo ý nguyện của đa số, vì lợi ích của toàn thể những người lao động.

Đảng cộng sản Liên-xô đặt lợi ích của nhân dân, lợi ích của toàn thể xã hội nói chung lên trên hết. Đảng thường xuyên chú ý đến việc tạo ra những điều kiện cho phép phát huy hoạt động sáng tạo của những người

lao động, tích tích cực về mặt xã hội của họ, mở rộng khuôn khổ chủ động của các xí nghiệp công nghiệp, các nông trường quốc doanh và nông trang tập thể. Tích tích cực đó, tính chủ động sáng tạo đó là vấn đề thực tế của các kế hoạch của Đảng, là vấn đề phát huy sức mạnh của Đảng và xét cho cùng là bảo đảm cho việc thực hiện cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Là hạt nhân của chế độ chính trị của xã hội xô viết, bản thân Đảng là một tấm gương về việc tổ chức một cách dân chủ toàn bộ hoạt động của mình; Đảng vạch ra và phát triển các nguyên tắc dân chủ, các nguyên tắc này đang đi vào mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Đó là một trong những biểu hiện quan trọng nhất của vai trò lãnh đạo của Đảng trong đời sống xã hội, của tác động cơ vũ của Đảng đối với quần chúng.

Trước kia, khi phân tích quan điểm phương pháp luận của Mác đối với việc làm sáng tỏ những đặc trưng cơ bản của xã hội mới, Lênin viết: «Trong tài liệu của Mác, người ta không thấy mảy may một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được... Thay vào những định nghĩa «tưởng tượng» có tính chất kinh niên và giả tạo, thay vào những cuộc tranh luận vô ích và danh từ (thế nào là chủ nghĩa xã hội, thế nào là chủ nghĩa cộng sản), Mác phân tích cái mà người ta có thể gọi là những nấc thang trưởng thành về kinh tế cho chủ nghĩa cộng sản» (14).

Như mọi người đều biết, chính trên cơ sở phân tích như vậy, Mác đã xây dựng nền học thuyết của mình về hai giai đoạn phát triển của một chế độ cộng sản chủ nghĩa duy nhất, học

(14) Sách đã dẫn, tập 33, tr. 85, 98.

thuyết này đã được Đảng cộng sản Liên-xô và các đảng anh em khác dùng làm vũ khí của mình. Chính trên cơ sở đó, tổng kết kinh nghiệm lịch sử mới, Lê-nin đã phát triển một cách toàn diện lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Và ngày nay chúng ta cũng xuất phát từ những luận điểm đó khi giải quyết một trong những vấn đề mà theo ý kiến của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin là những vấn đề khó khăn nhất: Vấn đề những hình thức cụ thể của việc quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Những đặc trưng quan trọng nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa nay thể hiện trong khái niệm chủ nghĩa xã hội phát triển. Khái niệm đó thể hiện một cách hùng hồn sự thống nhất biện chứng giữa những thành quả hiện thực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong việc thực hiện nhiều nhiệm vụ kinh tế, xã hội và văn hóa của giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản với những niềm mong đã được củng cố của tương lai cộng sản chủ nghĩa và với những vấn đề chưa giải quyết được do quá khứ để lại cho chúng ta. Và điều đó có nghĩa là cần có một thời gian nhất định để thúc đẩy các hậu phương lạc hậu và tiếp tục tiến lên. Chúng ta phải hình dung một cách tỉnh táo xem chúng ta đang ở đâu. Chạy lên trước có nghĩa là đề ra những nhiệm vụ không thể thực hiện được, chỉ dừng lại ở cái đã đạt được có nghĩa là không sử dụng tất cả những cái mà chúng ta có. Xem xét xã hội chúng ta trong sự phát triển năng động hiện thực với tất cả các khả năng và nhu cầu của nó - đó là yêu cầu hiện nay.

Việc vạch ra khái niệm chủ nghĩa xã hội phát triển đã được Đại hội thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô đặt ở vị trí hàng đầu trong số những điều đã được thực hiện trong những năm gần đây trong lĩnh vực lý luận Mác - Lê-nin. Dựa vào khái niệm đó, Đảng đã xác định chiến lược và sách lược của mình trong những năm tới và triển

vọng xa hơn. Đảng đã đề phòng những sự phóng đại có thể có trong nhận thức về trình độ đất nước nhiệt lại gần giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản. Tất cả những điều đó cho phép xác định chính xác và cụ thể hóa những con đường và thời hạn thực hiện những mục tiêu có tính chất cương lĩnh của chúng ta.

Trước mắt Đảng và nhân dân đang xuất hiện những nhiệm vụ trọng đại, có quy mô to lớn trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20. Xét trong lòng thế của nó, những nhiệm vụ đó quy lại là cái mà người ta có thể gọi là hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, theo đó hoàn thiện đó cũng sẽ diễn ra sự quá độ từng bước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Nước ta đang ở vào buổi đầu của giai đoạn lịch sử lâu dài đó, giai đoạn này, đến lượt nó đương nhiên cũng sẽ trải qua những thời kỳ, những bước phát triển của nó. Những thời kỳ, những bước phát triển này sẽ kéo dài bao lâu, chúng sẽ có hình thức cụ thể như thế nào thì chỉ có kinh nghiệm và thực tiễn sinh động mới cho ta thấy rõ. Nhưng một trong những phương hướng lớn nhất, có thể nói là những phương hướng về chất lượng trên con đường đó đã được Đại hội thứ 26 của Đảng chỉ ra một cách rõ ràng, khi Đại hội đề ra những luận điểm về thiết lập một cơ cấu xã hội về cơ bản và về mặt chủ yếu không có giai cấp trong khuôn khổ lịch sử của chủ nghĩa xã hội phát triển.

Đáng chú ý là kết luận đó, một kết luận được rút ra trên cơ sở thực tiễn hiện thực, thật sự giống với quan niệm của Mác về chủ nghĩa xã hội với tính cách là một xã hội không có những khác biệt về giai cấp (15). Nhân đây xin nói thêm rằng hãy còn một điều nữa cho thấy là cần phải nhận xét về tính chân lý của các quan điểm của Mác chẳng những xuất phát

(15) Mác - Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, tiếng Nga. Nxb Văn học chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va xuất bản lần thứ 2, tập 12, tr. 19.

từ kinh nghiệm của mấy chục năm qua, mà còn phải đứng trên góc độ triển vọng lâu dài hơn mà đánh giá những quan điểm đó.

Ngày nay, ai đặt ra cho mình câu hỏi “Chủ nghĩa xã hội là gì?” và trước hết tìm đến các tác phẩm của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin để tìm câu trả lời, thì người đó đã hành động đúng. Nhưng không nên chỉ hạn chế ở đó. Ngày nay, không thể vạch rõ khái niệm “chủ nghĩa xã hội” một cách nào khác ngoài cách có lưu ý tới kinh nghiệm thực tế vô cùng phong phú của nhân dân Liên-xô và nhân dân các nước anh em khác. Kinh nghiệm đó cho thấy rằng nhiều vấn đề xuất hiện trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội là rất không đơn giản. Nhưng kinh nghiệm đó cũng cho ta thấy rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể giải quyết nổi những vấn đề phức tạp nhất của đời sống xã hội.

Chính chủ nghĩa xã hội xóa bỏ những hàng rào lâu đời ngăn cách lao động với văn hóa, tạo nên khối liên minh vô cùng vững chắc giữa công nhân, nông dân, trí thức, giữa toàn thể những người lao động chân tay và trí óc, với vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Nó làm cho quần chúng lao động tiếp thụ được những thành tựu của khoa học và kỹ thuật, văn học và nghệ thuật, bảo đảm cho hoạt động sáng tạo của giới trí thức được xã hội thừa nhận một cách chưa từng có. Chính chủ nghĩa xã hội làm cho các dân tộc — trước kia bị chia rẽ vì hận thù dân tộc — đoàn kết trong một gia đình hòa thuận, bảo đảm giải quyết một cách đúng đắn vấn đề dân tộc do chế độ bóc lột đẻ ra. Chính chủ nghĩa xã hội trong khi tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức sinh hoạt dân tộc phát triển rộ rỡ thì cũng tạo nên một kiểu quan hệ mới giữa các dân tộc, giữa các quốc gia, một kiểu quan hệ loại trừ mọi sự bất bình đẳng và dựa trên sự hợp tác và tương trợ anh em.

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội kết thúc, đời sống mới xã hội chủ nghĩa được củng cố, thì những xung đột cực kỳ gay gắt trong xã hội — cơ sở của những sự xung đột này xét cho cùng là sự phân chia xã hội thành các giai cấp thù địch — cũng được khắc phục. Nhưng kết luận đó không có gì giống với quan niệm tâm thường, ngây thơ về chính trị cho rằng chủ nghĩa xã hội mang lại sự giải thoát hoàn toàn khỏi mọi mâu thuẫn và bất đồng, khỏi mọi sự xích mích thông thường nào. Nhân đây xin nói thêm rằng những kẻ thù về tư tưởng của chúng ta cũng khai thác quan niệm đó theo khẩu vị của chúng khi chúng mưu toan bôi nhọ chế độ mới bằng cách nêu lên rằng ngay dưới chế độ đó, trong cuộc sống của con người cũng có cả những khó khăn, cả những sự thất vọng, cả sự đấu tranh đôi khi rất khó khăn giữa cái mới và cái cũ.

Đúng, chúng ta có cả những mâu thuẫn lẫn những khó khăn. Nghĩ rằng có thể có một quá trình phát triển khác nào đó có nghĩa là xa rời mảnh đất vững chắc, mặc dù đôi khi khác nghiệt của hiện thực, từ bỏ những tri thức sơ đẳng của phép biện chứng mác xít. Về phương diện lý luận, dựa vào học thuyết của Mác, Lê-nin đã làm sáng tỏ vấn đề đó. Người viết: “Đối kháng và mâu thuẫn hoàn toàn không phải là một. Dưới chủ nghĩa xã hội, đối kháng mất đi, mâu thuẫn vẫn tồn tại” (16). Nhưng không phải vì thế mà kết luận rằng người ta có thể coi thường những mâu thuẫn không đối kháng và phớt lờ những mâu thuẫn đó trong chính trị. Cuộc sống dạy ta rằng nếu không chú ý như vậy thì ngay cả những mâu thuẫn mà về bản chất không phải là những mâu thuẫn đối kháng, cũng có thể đẻ ra những xung đột nghiêm trọng. Một phương diện khác — và là phương

(16) Lê-nin: *Tuyển tập*, tiếng Nga, tập 11, tr. 357.

diện quan trọng nhất — của vấn đề là phải sử dụng đúng đắn những mâu thuẫn trong chủ nghĩa xã hội làm nguồn kích thích sự phát triển tiến lên của chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm của chúng ta cho thấy rằng khi chính sách của Đảng cộng sản cầm quyền dựa trên cơ sở khoa học vững chắc thì công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ có được những thành tựu. Bất kỳ sự đánh giá thấp nào đối với vai trò của khoa học mácxít — là nín nít, đối với sự phát triển sáng tạo của khoa học đó, việc giải thích những nhiệm vụ của nó một cách thực dụng thiển cận, việc coi thường những vấn đề cơ bản của lý luận, sự chi phối của thói xu thời hoặc việc lý luận hóa một cách kinh viện — tất cả những điều đó chứa đầy những hậu quả nghiêm trọng về chính trị và tư tưởng. Kinh nghiệm và thực tiễn đã nhiều lần xác nhận rằng lời dạy sau đây của Lê-nin là đúng đắn: «Người nào bắt tay vào những vấn đề riêng trước khi giải quyết các vấn đề chung, thì kẻ đó, trên mỗi bước đi, sẽ không sao tránh khỏi «vấp phải» những vấn đề chung đó một cách không tự giác. Mà mù quáng vấp phải những vấn đề đó trong từng trường hợp riêng thì có nghĩa là đưa chính sách của mình đến chỗ có những sự dao động tồi tệ nhất và mất hẳn tính nguyên tắc» (17).

Đảng cộng sản Liên-xô rất coi trọng việc phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, như chính bản chất sáng tạo của nó đòi hỏi. Đó là điều cần thiết sống còn đối với việc giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của chúng ta. Chẳng hạn chúng ta ngày càng cảm thấy cần phải có những công trình nghiên cứu nghiêm túc trong lĩnh vực chính trị kinh tế học của chủ nghĩa xã hội. Và ở đây, đối với khoa học của chúng ta, bộ «Tư bản» của Mác đã và vẫn là mẫu mực bất diệt về việc đi sâu vào bản chất của các hiện tượng của đời sống kinh tế.

Kinh nghiệm muốn hình muốn vẽ, trùng hợp nhau không phải về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa, anh em cho ta một tài liệu lớn để thấu hiểu lý luận. Về mặt này, không thể không nhớ lại những lời của Lê-nin nói rằng: «Chỉ có trải qua hàng loạt lần làm thử—trong đó mỗi một lần làm thử, nếu xét riêng rẽ, đều là phiến diện, đều có một sự không tương xứng nào đó—thì mới có thể xây dựng nên chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh qua sự hợp tác cách mạng của những người vô sản tất cả các nước» (18). Ngày nay, nhiệm vụ đó đang được giải quyết trên thực tế trong những vùng rộng bao la của trái đất, trong phạm vi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, hệ thống này đã trở thành nhân tố quyết định tiến bộ xã hội của loài người. Và nó được giải quyết theo phương hướng có tính chất nguyên tắc mà Mác đã dự đoán.

Lê-nin thường nói rằng Người thường xuyên đối chiếu toàn bộ hoạt động của mình với Mác. Đảng cộng sản Liên-xô thường đối chiếu mỗi bước đi của mình với Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin.

Đối chiếu với Mác, với chủ nghĩa Mác-Lê-nin hoàn toàn không có nghĩa là «so» một cách máy móc cuộc sống đang vận động với những công thức này hay những công thức khác. Chúng ta sẽ là những học trò kém cỏi của những người thầy của chúng ta nếu chúng ta bằng lòng với việc nhắc lại những chân lý mà những người thầy của chúng ta đã phát hiện, nếu chúng ta trông mong vào sức mạnh màu nhiệm của những đoạn trích dẫn đã có lần học thuộc.

Chủ nghĩa Mác không phải là giáo điều, mà là kim chỉ nam sinh động

(17) Lê-nin: *Tồn tập*, tiếng Nga, NXB Văn học chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va. 1961. tập 15, tr. 368.

(18) Sách đã dẫn, 1969, tập 36, tr. 306.

cho hành động, cho việc tiến hành tự chủ những nhiệm vụ phức tạp mà mỗi bước ngoặt mới của lịch sử đặt ra trước chúng ta. Và để khỏi lạc hậu với cuộc sống, những người cộng sản phải phát triển và làm cho học thuyết của Mác trở nên phong phú thêm về mọi mặt, vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn phương pháp của phép biện chứng duy vật mà Mác đã vạch ra, phép biện chứng này có quyền được gọi là linh hồn sống của chủ nghĩa Mác. Chỉ có thái độ như vậy đối với di sản tư tưởng vô giá của chúng ta, mà Lê-nin là một mẫu mực, chỉ có không ngừng tự đổi mới lý luận cách mạng như vậy dưới tác động của thực tiễn cách mạng mới làm cho chủ nghĩa Mác trở thành khoa học và nghệ thuật thật sự của sự sáng tạo cách mạng. Đó là bí quyết của sức mạnh và sức sống bất diệt của chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Đôi lúc người ta đã nghe nói tựa hồ như những hiện tượng mới trong đời sống xã hội « không phù hợp » với quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin dường như đang trải qua « khủng hoảng » và cần phải - người ta nói - làm cho nó « sống lại » bằng cách tiếp thêm những tư tưởng vay mượn của xã hội học, triết học, hoặc chính trị học phương Tây. Nhưng vấn đề ở đây hoàn toàn không phải là ở « sự khủng hoảng » không có thật của chủ nghĩa Mác. Vấn đề là ở chỗ khác - ở chỗ những nhà lý luận nào đó - tự mệnh danh là những người mác xít, nhưng lại không có khả năng vươn tới tầm cỡ thật sự của tư duy lý luận của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, ở chỗ không biết vận dụng sức mạnh tri tuệ vô cùng to lớn của học thuyết của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin vào quá trình nghiên cứu một cách cụ thể những vấn đề cụ thể. Không phải là thừa nếu nói thêm rằng khá nhiều nhà lý luận tư sản trong lĩnh vực triết học, xã hội học, chính trị kinh

tế học thường làm cho mình có tên tuổi bằng cách lộn trái những tư tưởng mác xít theo cách của mình.

Những người cộng sản không nên để mình bị quyến rũ bởi những câu chửa chát của đủ mọi loại « nhà cải tiến » chủ nghĩa Mác, không nên vớ lấy những chẻ phăm của khoa học tư sản. Đừng làm xói mòn học thuyết Mác - Lê-nin, mà trái lại phải đấu tranh cho sự trong sáng của học thuyết đó, phải phát triển nó một cách sáng tạo - đó là con đường đi tới nhận thức và giải quyết những vấn đề mới. Chỉ có thái độ như vậy mới phù hợp với những truyền thống và tinh thần của học thuyết của chúng ta, với những nhu cầu của phong trào cộng sản.

Những người cộng sản Liên-xô chúng ta tự hào về việc mình thuộc về một trào lưu tư tưởng có ảnh hưởng nhất trong toàn bộ lịch sử của nền văn minh thế giới - chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đón nhận tất cả những gì là ưu tú, tiến bộ, trong khoa học và văn hóa hiện đại, chủ nghĩa Mác - Lê-nin hiện nay đang đứng ở trung tâm đời sống tinh thần của thế giới, nó đang chi phối tri tuệ hàng triệu và hàng triệu con người. Đó là niềm tin tư tưởng của một giai cấp đang lên, một giai cấp giải phóng cả loài người. Đó là triết học của chủ nghĩa lạc quan xã hội, triết học của hiện tại và tương lai.

Hiện nay một đoạn đường dài đã được vượt qua trên con đường đổi mới thế giới về mặt xã hội, trên con đường thực hiện những mục tiêu cách mạng và những lý tưởng của giai cấp công nhân. Bản đồ chính trị của trái đất đang đổi mới. Khoa học đã có những phát minh vô cùng vĩ đại, kỹ thuật đã đạt được những thành tựu khiến người ta phải choáng váng. Đồng thời, loài người đã có nhiều sự quan tâm mới, trong đó có những sự quan tâm rất không đơn giản.

(Xem tiếp trang 46)

CÁC MÁC VÀ THỜI ĐẠI CHÚNG TA

NGUYỄN-VINH



TRONG tất cả các vĩ nhân của lịch sử loài người, Các Mác là ngôi sao rực rỡ nhất. Bằng thiên tài trí tuệ của Người, Các Mác đã giải đáp kịp thời, chính xác và sáng tạo những vấn đề lớn lao nhất, cơ bản nhất và bức thiết nhất mà thời đại đang đặt ra trước loài người tiến bộ. Kết tinh trong mình những thành tựu trí tuệ của loài người, kế thừa có phê phán những gì là tinh hoa trong lý luận triết học cổ điển Đức, chính trị kinh tế học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp, Các Mác cùng với Phri-đrich Ăng-ghe-n, người bạn thân thiết và người đồng chí chiến đấu của Người, đã nghiên cứu toàn diện, có hệ thống toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội và tự nhiên, và đã sáng lập nên triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, chính trị kinh tế học mácxít, và chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác, là lý luận, là bộ đuốc soi đường mọi hoạt động cách mạng của những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước trong cuộc đấu tranh tự giải phóng và giải phóng loài người khỏi sự thống trị của tư bản, giành lấy tự do và hạnh phúc, giành lấy quyền làm chủ vận mệnh của mình.

Học thuyết của Mác là một thể thống nhất, hoàn chỉnh. Đặc trưng cơ

bản của học thuyết ấy là *tinh cách mạng và khoa học, tính phổ biến quốc tế* của nó. Lê-nin đã viết: « Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác. Nó là học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thể giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thể lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản » (1).

Với thế giới quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng triết đề và toàn diện nhất, « Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới » (2); đã mở đường cho việc nghiên cứu một cách khoa học và sâu sắc các hình thái kinh tế - xã hội và sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội ấy trong lịch sử; đã chỉ ra những nguyên nhân, những điều kiện khách quan là cơ sở cho mọi hoạt động lịch sử của con người; đã phát hiện ra những quy luật phát triển của bản thân con người và xã hội loài người, những điều kiện khách quan cũng như những nhân tố chủ quan tác động đến ý thức của con người khi làm ra lịch sử. Bằng những lý luận khoa học

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 23, tr. 50.

(2) C. Mác-Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 256.

chính xác, không thể bác bỏ được. Mác đã chứng minh rằng con người làm ra lịch sử của chính mình, rằng những điều kiện sinh hoạt kinh tế là cơ sở cho mọi hoạt động của con người. Đúng như Ăng-ghe-n đã khẳng định: « Cũng như Đắc-uyn đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã phát hiện ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, nghĩa là tìm ra cái sự thật giản đơn mà trước kia đã bị một đồng tư tưởng che kín mất là: trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, v.v. » (3). Những sự kiện hỗn độn, rối ren trong lịch sử của từng quốc gia, dân tộc hay quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc đã được giải thích, trình bày một cách sáng tỏ, đúng như bản chất của nó với lý luận về đấu tranh giai cấp của Mác. « Lịch sử từ xưa đến nay (sau này Ăng-ghe-n có nói thêm: trừ lịch sử của công xã nguyên thủy—N.V.) đã phát triển trong những đối kháng và những cuộc đấu tranh giai cấp » (4).

Người đã đề nhiều công phu nghiên cứu, phát hiện ra các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản từ sự ra đời, phát triển và tiêu vong của nó. Chủ nghĩa tư bản không phải là vĩnh viễn, mà chỉ tồn tại trong một chặng đường nhất định của lịch sử loài người. Người đã xây dựng lý luận về giá trị thặng dư — viên đá tảng trong khoa học kinh tế chính trị mác-xít, quy luật tuyệt đối của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phân tích một cách khách quan tình hình giai cấp trong xã hội hiện đại và những điều kiện hình thành, phát triển của các giai cấp đó. Mác đã kết luận rằng: trong tất cả các giai cấp đang đương đầu với giai cấp tư sản, chỉ có giai cấp vô sản là thật sự cách mạng. Lê-nin đã viết: « Chỉ có chủ nghĩa duy vật triết học của Mác là đã chỉ cho giai cấp vô sản con đường phải theo để thoát khỏi chế độ nô lệ về tinh thần, trong đó

tất cả các giai cấp bị áp bức đã sông lay lắt từ trước tới nay. Chỉ có lý luận kinh tế của Mác là đã giải thích được vị trí chân chính của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa » (5). Với việc phát hiện ra những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử và lý luận về giá trị thặng dư, Mác đã đưa chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học. Thực tiễn cách mạng trên thế giới trên 100 năm qua, kể từ khi « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản » ra đời, cũng chứng minh rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác mới chỉ cho giai cấp vô sản và tất cả những người bị áp bức bóc lột con đường và phương thức đấu tranh để tự giải phóng khỏi ách thống trị của tư bản và xây dựng thành công xã hội mới tốt đẹp — chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản văn minh.

Hệ thống các quy luật vận động của giới tự nhiên, xã hội và tư duy con người do Mác phát hiện ra là những chân lý phổ biến. Người ta nói rất đúng rằng chỉ có thể phát triển, hoàn chỉnh những chân lý phổ biến đó của chủ nghĩa Mác như người ta đã diện thêm những nguyên tố hóa học mới tìm được vào những ô trống và kéo dài bằng tuần hoàn mà Men-đê-lê-ép đã vạch ra, chứ không thể sửa đổi nó, cắt xén nó, thay đổi các quy luật cơ bản của nó.

Bản chất cách mạng và khoa học đã tạo nên sức sống vô địch của chủ nghĩa Mác, đã đánh đổ hàng loạt những học thuyết phản khoa học và phản động về triết học, về chính trị kinh tế học, về chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh bách chiến, bách thắng của chủ nghĩa Mác là sức mạnh của chân lý, là sức mạnh của sự thống nhất biện

(3) C. Mác—Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 264.

(4) Sách đã dẫn, tr. 259.

(5) V. I. Lê-nin: *Mác — Ăng-ghe-n chủ nghĩa Mác*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 74.

chứng giữa lý luận và thực tiễn. Khi tổng kết sự phê phán triết học trước đây, Mác đã nói, các nhà triết học chỉ giải thích thế giới một cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới. Học thuyết của Các Mác chính là học thuyết cải tạo thế giới. Học thuyết đó đòi hỏi người ta phải thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, gắn lý luận với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và phong trào cách mạng của các dân tộc bị áp bức, tìm ra các quy luật cải tạo xã hội và đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng người lao động khỏi mọi ách áp bức bóc lột, giải phóng con người. Là người đầu tiên giải thích quá trình lịch sử - xã hội một cách chính xác, khoa học, Các Mác cũng là người đầu tiên chứng minh tính tất yếu khách quan phải cải biến xã hội cũ, tư bản chủ nghĩa, theo chủ nghĩa cộng sản bằng con đường cách mạng. Công lao lịch sử đầu tiên của Mác chính là Người đã giải phóng giai cấp công nhân và toàn thể loài người tiến bộ về mặt tinh thần bằng lý luận khoa học. Đó là điều kiện đầu tiên để đưa giai cấp vô sản và nhân dân lao động lên con đường đấu tranh để tự giải phóng về mặt xã hội. Thật đúng như lời Ph. Ăng-ghe-nơ đã nói: "Đối với Mác, khoa học là một động lực thúc đẩy lịch sử tiến triển, là một động lực cách mạng" (6).

Thâm nhập vào phong trào của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, học thuyết của Mác biến thành sức mạnh vật chất vô địch, thành sức mạnh đoàn kết, tổ chức, thống nhất, thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu công nhân và nhân dân lao động ở khắp các lục địa. Thâm nhập vào quần chúng lao động, học thuyết của Mác đã cách mạng hóa thế giới. Biểu tượng vô cùng sinh động của nó là những trào lưu cách mạng sôi nổi, phong phú và những thành quả to lớn của các trào lưu cách mạng đó trong thời đại chúng ta.

Khi đưa chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học, Mác và Ăng-ghe-nơ đã vũ trang cho giai cấp vô sản những nguyên lý cơ bản về cách mạng vô sản. Là người đầu tiên vạch ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, Mác cũng là người đầu tiên nghiên cứu chiến lược và sách lược cách mạng cho giai cấp vô sản, chỉ cho giai cấp vô sản con đường đúng đắn duy nhất để tự giải phóng. Người nhấn mạnh rằng chỉ có giai cấp vô sản mới có thể vận dụng trên thực tế lý luận cách mạng và biến lý luận ấy thành hành động cách mạng kiên quyết nhất, triệt để nhất. Người chỉ rõ vai trò lãnh đạo không thể thiếu được của đảng cộng sản, đội tiên phong cách mạng của giai cấp vô sản; giai cấp vô sản phải dùng bạo lực cách mạng lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền về tay mình, "tự tổ chức thành giai cấp thống trị"; thiết lập chuyên chính vô sản để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lê-nin đã nói rằng: "Công lao vĩ đại nhất, có một ý nghĩa lịch sử thế giới, của Mác và Ăng-ghe-nơ chính là ở chỗ hai ông đã vạch rõ cho những người vô sản ở tất cả các nước thấy vai trò của họ, nhiệm vụ của họ, sứ mệnh của họ là: phải vùng dậy trước nhất trong cuộc đấu tranh cách mạng chống tư bản và phải tập hợp chung quanh mình, trong cuộc đấu tranh này, tất cả mọi người lao động và tất cả mọi người bị áp bức" (7).

Là những nhà tư tưởng vĩ đại đã thực hiện một bước ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng xã hội, Mác và Ăng-ghe-nơ còn là người trực tiếp giáo dục, tổ chức, lãnh đạo giai cấp vô sản trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp và giải phóng loài người khỏi

(6) Ph. Ăng-ghe-nơ: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 265.

(7) V. I. Lê-nin: *Mác — Ăng-ghe-nơ chủ nghĩa Mác*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 66—67.

mọi ách áp bức và bóc lột. Đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn nhấn mạnh rằng: «Đặc điểm quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, và chính Mác là mẫu mực của sự thống nhất ấy» (8). Nhà bác học thiên tài và nhà cách mạng vô sản lỗi lạc, dày dúng khi và nhiệt tình đã kết hợp hài hòa trong con người của Mác. Và cũng trong quá trình đấu tranh và thử nghiệm trong thực tiễn cách mạng đó, chủ nghĩa Mác đã được thử thách, được tôi luyện, được phát triển, hoàn thiện và trở thành vũ khí bách chiến bách thắng của giai cấp công nhân thế giới.

Từ thuở thiếu thời là sinh viên hoạt động trong «nhóm Hê-ghe-nrê», qua đấu tranh, Mác không ngừng đặt ra cho mình nhiệm vụ tìm tòi, nhận thức chân lý. Cho đến những năm 24, 25 tuổi, với tác phẩm «Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-nrê», Người đã dứt khoát và công khai chuyển sang lập trường của chủ nghĩa duy vật, «Mác trở thành Mác», đứng vào hàng ngũ của giai cấp vô sản đời hoạt động cách mạng của Mác ngày càng mở rộng sôi nổi và phong phú, cao thượng và đẹp đẽ. Mác trở thành lãnh tụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Suốt bốn mươi năm hoạt động cách mạng, Mác đã trực tiếp tham gia lãnh đạo các phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân ở Đức, ở Pháp, ở Bỉ, ở Anh, ở Mỹ và theo dõi giúp đỡ phong trào công nhân ở nhiều nước khác. Mác đã sáng lập ra Quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Người, các tổ chức công nhân của nhiều nước khác nhau đã được tập hợp lại, được hướng theo một quỹ đạo cách mạng thống nhất, đưa lại những bước phát triển to lớn của phong trào công nhân quốc tế. Người là linh hồn, là lãnh tụ, là cổ vũ tin cậy, dày dặn kinh nghiệm và thử thách nhất của phong trào ấy

Mác đã cống hiến cả đời mình, cả gia đình mình cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trong nghiên cứu lý luận cũng như hoạt động thực tiễn trong quần chúng lao động, Mác đã chiến đấu với một dũng khí cách mạng phi thường, với niềm say mê không bờ bến, với tinh thần lạc quan cách mạng và niềm tin không gì lay chuyển nổi vào sự nghiệp tất thắng của giai cấp vô sản. Bất chấp những thủ đoạn khủng bố, bắt bớ, trục xuất, đe dọa của bọn cầm quyền ở các nước tư bản chủ nghĩa, vượt lên những tình cảnh nghèo túng, bệnh tật, khó khăn trong đời sống, Mác và cả gia đình Mác luôn luôn coi đấu tranh cách mạng là lẽ sống, là cội nguồn và mục đích sáng tạo lý luận, là nguồn hạnh phúc lớn lao nhất của cả cuộc đời. Đúng như Ph. Ăng-ghe-nrê đã khẳng định, Mác không chỉ là một nhà tư tưởng vĩ đại, một nhà lý luận thiên tài, «trước hết Mác là một người cách mạng. Sự mạng thật sự của Mác là góp phần bằng cách này hay cách khác vào việc lật đổ chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa và những chế độ Nhà nước mà xã hội tư bản chủ nghĩa đã tạo nên, là tham gia vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản hiện đại mà Mác là người đầu tiên đã làm cho giai cấp đó có ý thức về địa vị và yêu cầu của mình, có ý thức về những điều kiện đề tự giải phóng. Đấu tranh là yếu tố tồn tại của đời Mác. Và Mác đã đấu tranh một cách say sưa, kiên cường và đạt được những thành công hiếm có» (9).

Người học trò kiệt xuất nhất của Mác và Ăng-ghe-nrê, người bảo vệ kiên quyết nhất học thuyết của Mác và Ăng-ghe-nrê với tinh cách là một *chính* thể hữu cơ toàn vẹn, là thế giới quan

(8) Lê-Duẩn: *Giương cao ngọn cờ cách mạng của chủ nghĩa Mác sáng tạo, đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta đến toàn thắng*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 6.

(9) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nrê: *Tuyên cáo*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 266.

duy nhất khoa học và cách mạng của phong trào công sản và công nhân quốc tế, chống lại mọi sự xuyên tạc có tính chất tư sản và tiểu tư sản, không ngừng làm cho học thuyết đó ngày càng phong phú thêm là V.I. Lê-nin.

N xuất phát từ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, Lê-nin đã giải đáp chính xác và toàn diện những vấn đề mới của thời đại, đã phát triển sáng tạo và sâu sắc học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n trên cơ sở của chính nó, tức là học thuyết cách mạng của giai cấp vô sản. Lê-nin không chỉ vận dụng chủ nghĩa Mác vào điều kiện lịch sử cụ thể của nước Nga. Người đã làm phong phú chủ nghĩa Mác trên tất cả các bộ phận hợp thành của nó: triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa xã hội khoa học, đưa chủ nghĩa Mác phát triển lên đỉnh cao mới, trở thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người đã giải quyết thành công hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn to lớn của thời đại. Người đã có những cống hiến lý luận về chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản; về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản; về liên minh công nông; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản; về chiến lược và sách lược, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng; về chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân... Chủ nghĩa Lê-nin chính là chủ nghĩa Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, là chủ nghĩa Mác trong thời đại chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Đó là ngọn cờ và là vũ khí đấu tranh đã được thử thách của những người công sản, của giai cấp công nhân, của các dân tộc bị áp bức và của cả loài người tiến bộ trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng xã hội mới - chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lê-nin và Đảng của Người đã lãnh đạo thắng lợi cuộc

cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên của giai cấp vô sản, cuộc cách mạng khó khăn nhất, phức tạp nhất và vĩ đại nhất, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử xã hội loài người, kỷ nguyên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Người đã tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô đập tan cuộc phản kháng của giai cấp tư sản, địa chủ và các thế lực phản động trong nước và sự can thiệp vũ trang của các nước đế quốc, bảo vệ thành quả cách mạng vô sản mới giành được. Trung thành với những tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, phát triển một cách sáng tạo và có nguyên tắc những phác họa ban đầu của Mác và Ăng-ghe-n về xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, Lê-nin đã lãnh đạo xây dựng Nhà nước công nông đầu tiên trong lịch sử ở một nước có nhiều dân tộc. Người đã vạch ra cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, theo đó Đảng cộng sản Liên-xô đã thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa giữa vòng vây thù địch của chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay chủ nghĩa xã hội từ một nước đã trở thành một hệ thống thế giới, từ một học thuyết đã trở thành một hiện thực vĩ đại, một sức mạnh vật chất hùng hậu bất khả chiến thắng. Lê-nin đã sáng lập Quốc tế công sản, tổ chức và đoàn kết các đội tiên phong của giai cấp công nhân các nước, thực hiện thông nhất mục tiêu và hành động đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, tạo ra một sức mạnh mới chưa từng có của phong trào công sản và công nhân thế giới.

Đương nhiên trong phong trào công sản quốc tế về sau này, những lãnh tụ chân chính của các Đảng cộng sản, trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng có những cố gắng

cụ thể hóa và sáng tạo thích hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước. Song không gì có thể sánh nổi những sự phát triển trung thành, sáng tạo và toàn diện chủ nghĩa Mác, làm cho chủ nghĩa Mác phát huy đầy đủ *linh cách mạng và khoa học* thích hợp với cả một thời đại mới, như Lê-nin. Một sự phát triển của nhà mác xít bậc thầy như thế cho đến nay chỉ có thể tìm thấy ở V. I. Lê-nin mà thôi.

Thời đại ngày nay là thời đại của những bão táp cách mạng toàn diện và sâu sắc, thời đại của những phát minh khoa học và cách mạng kỹ thuật to lớn trên khắp các lĩnh vực. Thực tiễn bao giờ cũng là tiêu chuẩn cao nhất để kiểm tra chân lý. Thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đỉnh cao của trí tuệ loài người, đã và đang giữ vai trò cực kỳ to lớn trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, là nền tảng lý luận của các Đảng cộng sản và công nhân quốc tế; rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã trả lời một cách tổng quát và chính xác những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của thời đại chúng ta. Những bài học lịch sử của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, những kinh nghiệm lịch sử và những thành tựu xuất sắc của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản của Liên-xô, những kinh nghiệm mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác ngày nay là những biểu hiện rõ ràng và sinh động thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong hiện thực. Đó là những thành tựu có ý nghĩa lịch sử và những bài học có giá trị phổ biến toàn thế giới. Trong thời đại ngày nay, lời hiệu triệu của Mác và Ăng-ghe-n trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », lược Lê-nin phát triển trong điều kiện lịch sử mới: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! » đã và đang có sức mạnh thực tiễn và cổ vũ to lớn giai

cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức vùng lên giành lấy những thắng lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cách mạng ngày càng làm sáng tỏ sức sống vạn năng, ý nghĩa quốc tế, tính thống nhất hoàn chỉnh của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không những chỉ cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước con đường đúng đắn và cung cấp cho họ những vũ khí sắc bén nhất, mạnh mẽ nhất để đánh bại mọi kẻ thù, dù kẻ thù đó có sức mạnh vật chất - kỹ thuật tối tân hay có một số dân không lồ. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn chỉ cho giai cấp công nhân và các dân tộc con đường xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, để đem lại độc lập tự do và hạnh phúc thật sự cho con người, đem lại hòa bình vững bền trên trái đất.

Đặc điểm nổi bật của thời đại ngày nay là sự tồn tại và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người. Chính cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười đã mở đường khai sinh ra hệ thống đó. Nó cũng mở ra một chặng đường phát triển mới mẻ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chặng đường của công cuộc đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản có tầm quan trọng toàn thế giới. Chính sự tồn tại và phát triển mạnh mẽ, vững vàng của Liên-xô trước mọi thử thách của lịch sử trong 65 năm qua, chính sự phát huy tác dụng tích cực của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết đối với tiến trình của lịch sử là một nhân tố quan trọng quyết định sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, và mở rộng phạm vi tác động của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên khắp các lục địa.

Phát triển một cách trung thành những di sản lý luận của các nhà

kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, dựa trên sự tổng kết kinh nghiệm thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong các nước, các Đảng anh em đã khẳng định những quy luật phổ biến của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới nền chuyên chính vô sản, với liên minh công nông vững chắc, và sự lãnh đạo tuyệt đối của chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Ngày nay vấn đề đang đặt ra cho các nước xã hội chủ nghĩa là phát triển và cụ thể hóa lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong từng chặng đường, từng giai đoạn phát triển; là không ngừng hoàn thiện chế độ xã hội của mỗi nước, phát huy tinh năng động cách mạng của nhân dân lao động xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phát triển và tiến lên chủ nghĩa cộng sản; là liên kết và hợp tác tương trợ giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tạo ra những điều kiện mới cho sự lớn mạnh của mỗi nước và của cả thế giới mới theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản của chủ nghĩa Mác.

Ngày nay vấn đề cũng đang đặt ra cho các dân tộc bị áp bức là đi theo con đường nào để có thể hoàn toàn được giải phóng, giành được độc lập, tự do vững chắc. Lịch sử đã chỉ ra những tấm gương phản diện là một số nước dân tộc chủ nghĩa đã và đang sa vào cạm bẫy của chủ nghĩa thực dân mới của chủ nghĩa đế quốc. Lịch sử cũng đã chỉ ra những tấm gương tích cực, chứng minh rằng sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bị áp bức chỉ có thể thành công nếu họ đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chân lý đó đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn của cách mạng Việt-nam trên nửa thế kỷ qua, cả trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cũng như trong quá trình

chuyển từ cách mạng dân tộc dân chủ thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Khả năng các nước đang phát triển tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng ở các nước tiên tiến, đã trở thành hiện thực sinh động ở nhiều nơi trên thế giới. Tổng kết và cụ thể hóa quá trình đó qua hình mẫu của các loại nước ở các khu vực khác nhau, với trình độ phát triển khác nhau, đang là vấn đề thời sự nóng hổi trong công tác lý luận của phong trào giải phóng dân tộc cũng như của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay sào huyệt phản động lớn nhất và nguy hiểm nhất của chủ nghĩa tư bản đương nhiên vẫn là những nước tư bản phát triển ở Bắc Mỹ, ở Tây Âu và Nhật-bản. Trước đã tiến công của các dòng thác cách mạng của thời đại, giai cấp tư sản lũng đoạn, các tập đoàn tư bản độc quyền siêu quốc gia - những kẻ chà đạp lớn nhất lên quyền sống của con người, những kẻ xâm phạm thô bạo nhất đến chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đang tìm cách lẫn tránh mũi nhọn tiến công của quần chúng lao động chia vào chúng. Những con hổ dữ đội lốt cừu non lại giả danh «giương cao ngọn cờ dân tộc dân chủ», hòng che giấu mũi nhọn tiến công của quần chúng lao động về phía những người cộng sản. Chúng xuyên tạc chủ nghĩa quốc tế vô sản và thực hiện «chủ nghĩa bài Xê», hòng chia rẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Giương cao ngọn cờ dân tộc dân chủ chân chính, thực hiện chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa và quốc tế vô sản, chống lại những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc sô vanh, những khuynh hướng của chủ nghĩa xã hội dân chủ tư sản và tiểu tư sản là vấn

đề bức thiết mà lịch sử đang đặt ra trước những người cộng sản trên thế giới. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho rằng các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản giành những quyền dân chủ là bước tập hợp quần chúng vô sản tiến đến cách mạng vô sản, thiết lập nền dân chủ vô sản hay chuyên chính vô sản. Song chủ nghĩa Mác - Lê-nin hoàn toàn khác với chủ nghĩa xã hội dân chủ cải lương tư sản và tiểu tư sản, những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa này đánh lộn sông dân chủ tư sản với dân chủ vô sản, nêu khẩu hiệu "giành dân chủ" để từ bỏ đấu tranh thiết lập nền dân chủ vô sản hay chuyên chính vô sản.

Trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », Mác và Ăng-ghe-n viết rằng: « Giai cấp vô sản mỗi nước phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành giai cấp thống trị trong dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc ». Tuy nhiên Mác và Ăng-ghe-n lại nhấn mạnh rằng khái niệm dân tộc đó « hoàn toàn không phải hiểu theo nghĩa tư sản » (10).

Khi sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, Các Mác đã vạch ra bản chất quốc tế của giai cấp vô sản, xây dựng lý luận hoàn chỉnh về chủ nghĩa quốc tế vô sản và đề ra những nguyên tắc chiến lược và sách lược đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế. Lợi ích căn bản, lâu dài của giai cấp công nhân ở tất cả các nước là thống nhất. Lợi ích của giai cấp công nhân và quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột ở các nước về cơ bản là nhất trí. Đứng trước sự liên kết của các tập đoàn tư bản lũng đoạn các nước như là một thế lực phân động có tính chất quốc tế đang phân kích lại chủ nghĩa xã hội, phân kích lại các trào lưu cách mạng trong thời đại chúng ta, thì sự đoàn kết thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế theo tinh thần của

chủ nghĩa quốc tế vô sản lúc này là vô cùng quan trọng. Đương nhiên sự đoàn kết quốc tế có tính nguyên tắc đó không loại trừ việc tập hợp các lực lượng có xu hướng khác nhau trong phong trào công nhân, cũng như trong các lực lượng tiến bộ khác để hình thành mặt trận rộng rãi đấu tranh chống các tập đoàn tư bản lũng đoạn phản động để giành thắng lợi từng bước cho các mục tiêu cách mạng cụ thể trong từng thời kỳ hay trong mỗi nước.

Phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động có những quy luật cơ bản chung. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản cũng tuân theo những quy luật chung, phổ biến đối với các nước. Công cuộc đấu tranh cách mạng để xây dựng một thế giới mới không còn giai cấp, không còn bóc lột là nhiệm vụ lịch sử chung của giai cấp công nhân quốc tế.

Đương nhiên sẽ là tâm thường hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sẽ rơi vào chủ nghĩa giáo điều, biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin thành những câu kinh thành vô hồn, nếu người ta bỏ qua những điều kiện lịch sử cụ thể, những đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội, dân tộc và văn hóa của từng nước. Song cũng sẽ là điều xấu xa và tệ hại khi người ta nhân danh « đặc thù dân tộc » để phủ nhận những quy luật chung của cách mạng, đem đối lập cái được gọi là « lợi ích dân tộc » với lợi ích của phong trào cộng sản quốc tế.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang đứng trước những thử thách mới, nhưng chưa bao giờ nó giành được thắng lợi to lớn như ngày nay, và cũng chưa bao giờ tinh khoa học, chính xác, tinh cách mạng triệt để của nó được

(10) C. Mác—Ph. Ăng-ghe-n *Tuyên tập*. Nhà Sự thật, Hà-nội, 1962, tập I, tr. 45

thực tiễn cách mạng phong phú chứng minh rõ rệt như ngày nay.

Chính sự hấp dẫn to lớn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chính sức mạnh bách chiến bách thắng của nó đã khiến cho các thế lực phản động không ngừng ra sức « phê phán », đã kích nó liên tục và dữ dội. Ngày nay các học giả của giai cấp tư sản tiếp tục những luận điệu phủ nhận, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nói chủ nghĩa Mác - Lê-nin « đã lỗi thời ». Chúng cố tuyên truyền rằng với sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước, với tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật mới, chủ nghĩa tư bản đã được « lành mạnh hóa », được « thay đổi tận gốc bản chất » của nó, những tai họa gắn liền với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa như sự bần cùng hóa giai cấp vô sản, sản xuất vô chính phủ, khủng hoảng kinh tế và chiến tranh đế quốc v.v. đã và đang được « loại trừ »; rằng giai cấp vô sản đã bị « hòa tan » không còn là nhân vật trung tâm của thời đại, đại diện cho một phương thức sản xuất mới, tiến bộ nữa. Nghĩa là, chúng cố chứng minh rằng học thuyết kinh tế của Mác, được nêu ra trong bộ « Tư bản », và những lý luận của Người về chủ nghĩa xã hội khoa học không còn đúng nữa. Song thực tiễn đã hoàn toàn bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, lòng đánh lạc hướng dẫn dắt tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa. Thực tiễn đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước đang làm gay gắt đến cực độ những tai họa vốn có, những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản. Những tai họa ấy, những mâu thuẫn ấy chỉ có thể được giải quyết bằng con đường cách mạng vô sản, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Mặt khác các thế lực đế quốc và phản động lại ra sức nuôi dưỡng những bọn xét lại, bọn cơ hội chủ nghĩa đủ mọi màu sắc,

khoác áo mác xít để xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm cách tước bỏ nội dung khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Lê-nin đã từng chỉ rõ: biện chứng của lịch sử là ở chỗ sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác về mặt lý luận và thực tiễn đã buộc kẻ thù của nó phải cải trang thành người mác xít để chống lại chủ nghĩa Mác. Người viết: « Ngày nay, học thuyết Mác đang ở trong tình huống mà trước kia học thuyết của các nhà tư tưởng cách mạng và của các lãnh tụ những giai cấp bị áp bức đấu tranh tự giải phóng đã gặp phải nhiều lần trong lịch sử. Khi các nhà cách mạng vĩ đại còn sống, thì những giai cấp áp bức thường đến ơn họ bằng những sự truy nã không ngớt; chúng đón tiếp học thuyết của họ bằng một thái độ e dè hạn đã man nhất, bằng một thái độ căm thù điên cuồng nhất, bằng những chiến dịch nói dối và vu cáo trắng trợn nhất. Sau khi họ chết, chúng tìm cách biến họ thành những thần tượng vô hại, có thể nói là liệt họ vào hàng các vị thánh, gắn lên tên tuổi họ một ít vinh quang để « an ủi » và mê hoặc các giai cấp bị áp bức; đồng thời, chúng tước hết nội dung của học thuyết cách mạng... Hiện nay, giai cấp tư sản và bọn cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân đều nhất trí với nhau về cách « cải biến » như thế chủ nghĩa Mác » (11). Những khuynh hướng đó hiện nay đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, nhưng tệ hại nhất là kiểu « chế biến » của Mao Trạch-Đông trước đây và những kẻ theo Mao đang thực hành ở Trung-quốc hiện nay. Vin vào « yêu cầu của thời đại », vào « đặc điểm dân tộc », bẻ lái Mao đã đưa ra luận điệu « Trung-quốc hóa » chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bằng cách cắt xén những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phủ nhận những

(11) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến-bộ. Mát-xcơ-va, 1978, tập 33, tr. 7.

quy luật phổ biến của cách mạng vô sản, những kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội hiện thực, trộn lẫn những câu chữ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những quan điểm thực dụng, phân động, phản khoa học. Mưu đồ của họ là mượn hào quang của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để bán rao chủ nghĩa Mao, mà bản chất là chủ nghĩa bành trướng và bá quyền dân tộc đại Hán.

Ngày nay loài người lại đang đứng trước đe dọa của một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã chỉ cho chúng ta thấy rõ đâu là nguồn gốc của những cuộc chiến tranh trong thời đại ngày nay. Loài người cũng đã chứng kiến những cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc, từ chiến tranh cục bộ đến chiến tranh thế giới. Nguồn gốc sâu xa của những cuộc chiến tranh đế quốc ấy không ra ngoài mục đích phân chia và phân chia lại thuộc địa và khu vực ảnh hưởng trên thế giới giữa các cường quốc đế quốc, nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho các tập đoàn tư bản lũng đoạn kếp sù.

Trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc chủ mưu hiện nay, vấn đề bảo vệ hòa bình thế giới là nhiệm vụ bức thiết hàng đầu của nhân dân thế giới. Bảo vệ hòa bình thế giới chẳng những là bảo vệ những điều kiện tiến bộ của xã hội mà còn bảo vệ ngay cả điều kiện sống còn của nhân loại. Đồng chí lu. V. An-đrô-pốp, Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên-xô nói rất đúng rằng: « Hiện nay không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn là nhiệm vụ ngăn chặn bọn gây chiến. Lợi ích sống còn của tất cả các dân tộc đòi hỏi điều đó » (12).

Để ngăn chặn bàn tay gây chiến do của chủ nghĩa đế quốc phải phát huy rộng rãi tiềm lực đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả những người

có lương tri khác, phải làm cho họ hiểu rõ « những bí mật chính trị quốc tế » của các chính phủ của bọn tư bản lũng đoạn, phát động họ đấu tranh kiểm soát hoạt động đối ngoại của các chính phủ tư sản. Làm cho họ biết đứng lên nắm lấy vận mệnh của mình, biết đoàn kết thành các lực lượng quốc tế rộng lớn, liên kết thành các đồng thác cách mạng mạnh mẽ trên thế giới, đấu tranh đánh bại từng cuộc chiến tranh xâm lược, đánh lui từng bước những âm mưu và hành động chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc, và cuối cùng đi tới đánh đổ tên sen đầm của chủ nghĩa đế quốc, và toàn bộ chủ nghĩa đế quốc, nguồn gốc của mọi hiểm họa chiến tranh trong thời đại ngày nay.

Sự phát triển không gì ngăn cản nổi của các đồng thác cách mạng trên thế giới ngày nay không những không chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã lỗi thời, trái lại càng làm sáng tỏ thiên tài lý luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin sáng tạo và phát triển đang là ngọn cờ đấu tranh của nhân dân lao động trên toàn thế giới cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa cộng sản.

Nhân dân Việt-nam, bằng kinh nghiệm lịch sử trên nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng, kể từ khi có Đảng, đã hiểu rõ giá trị lớn lao của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động, đem lại tự do hạnh phúc cho con người.

Công lao to lớn có ý nghĩa lịch sử đầu tiên của Bác Hồ chính là Người đã đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đến với cách mạng Việt-nam, thực hiện một bước ngoặt vĩ đại đối với cách mạng Việt-nam, đưa nhân

(12) lu. V. An-đrô-pốp: « Diễn văn tại lễ kỷ niệm lần thứ 60 Ngày thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết ». Báo Nhân dân ngày 23-12-1982.

dân Việt-nam từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi vào quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới.

Thắng lợi của cách mạng Việt-nam trong hơn nửa thế kỷ qua là «thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến». Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Việt-nam do Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo, đã giành được thắng lợi to lớn và triệt để, vượt ra khỏi tầm vóc của một phong trào giải phóng dân tộc thông thường. Sự kết thúc thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta đã mở đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính quyền dân chủ nhân dân chuyển sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, mở đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Trung thành với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng sáng tạo những luận điểm của Mác và Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt-nam, Đảng ta đã đề ra đường lối giải quyết những vấn đề của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Trong khi nhấn mạnh những đặc điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, cương lĩnh mác xít - lê-nin nít do Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đề ra luôn luôn khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc, những quy luật phổ biến đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong những thập kỷ qua.

Mác và Lê-nin đã dành một vị trí trọng yếu để khẳng định tính tất yếu của chuyên chính vô sản, đề vạch ra chức năng, nhiệm vụ cực kỳ to

lớn, không thể thiếu được của nó trong quá trình cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội theo chủ nghĩa xã hội. Trong cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam, Đảng ta đã xác định «*điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*» (13), coi đó là vấn đề cốt tử đầu tiên để bảo đảm sự tiến triển hợp quy luật của toàn bộ quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, và xây dựng chủ nghĩa xã hội; của quá trình thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng đề xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Tóm lại là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là đặc điểm cơ bản nhất, quan trọng nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tuy có những kinh nghiệm của mấy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và những kinh nghiệm của các nước anh em, song nói chung đây vẫn là những vấn đề còn rất mới mẻ, có nhiều khó khăn và phức tạp. Mác và Lê-nin tuy đã có nói về khả năng phát triển không trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, nhất là Mác đã có đề cập tới vấn đề «phương thức sản xuất châu Á», nhưng những điều đó không cho chúng ta những câu trả lời cụ thể sẵn có và trực tiếp về vấn đề từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã cho chúng ta những mẫu mực về phương pháp luận xem xét, phân tích một cách sâu sắc các quá trình kinh tế - xã hội trong bước ra đời của nền sản xuất đại công

(13) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1986, tập III, tr. 49.

nghiệp tư bản chủ nghĩa và những nguyên lý về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học cách phân tích mác xít — là nín thở các quá trình kinh tế — xã hội đó, qua đối chiếu, so sánh, chúng ta đã và đang tìm ra những quy luật, những hình thức, những bước ra đời của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Hơn lúc nào hết, việc nghiên cứu một cách thật sự nghiêm túc và có hiệu quả những di sản lý luận quý báu của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin về những vấn đề này, đang là một nhiệm vụ quan trọng đặt ra trước mọi người cộng sản chúng ta.

Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng cộng sản Việt-nam luôn luôn đặt sự nghiệp cách mạng của nước mình nằm trong trào lưu chung của phong trào cách mạng vô sản trên thế giới. Cách mạng Việt-nam nhận được sự ủng hộ to lớn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của các đồng thạc cách mạng trên thế giới. Đồng thời chúng ta cũng góp phần tích cực của mình vào sự nghiệp cách mạng chung của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới. Tinh đoàn kết quốc tế vô sản đó thể hiện trước hết trong mối quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa Đảng cộng sản Việt-nam với Đảng cộng sản Liên-xô, giữa nhân dân Việt-nam với nhân dân Liên-xô, và với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Tinh đoàn kết quốc tế vô sản đó cũng thể hiện trong quan hệ hợp tác đặc biệt và sự giúp đỡ lẫn nhau của những người cộng sản và nhân dân Lào, Cam-pu-chia và Việt-nam trên bán đảo Đông-dương. Tinh đoàn kết quốc tế vô sản đó ngày nay đang là một trong những điều kiện quan trọng, không thể thiếu để cho cách mạng Việt-nam có thể bỏ qua con đường phát triển tư bản chủ

nghĩa mà đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: «Thắng lợi của chúng ta trong cuộc chiến đấu tự vệ và xây dựng đất nước hiện nay không tách rời sự hợp tác toàn diện và sự giúp đỡ tích cực của Liên-xô, tinh đoàn kết đặc biệt của Lào và Cam-pu-chia, sự ủng hộ hết lòng của các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự đồng tình và ủng hộ của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới». Thắt chặt tình hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là vấn đề hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Một trăm năm đã trôi qua kể từ khi Các Mác qua đời. Trong thời gian lịch sử còn ngắn ngủi đó, loài người đã chứng kiến biết bao thay đổi vô cùng to lớn trên hành tinh của chúng ta. Những biến đổi cách mạng sâu sắc và rộng lớn đó đã chứng minh những tư tưởng vĩ đại và thiên tài của Các Mác, đã chứng minh sức mạnh cải tạo thế giới toàn diện và triệt để của chủ nghĩa Mác mà Lê-nin đã kế thừa, bảo vệ và phát triển. Biết bao kẻ thù của chủ nghĩa Mác đã điên cuồng đòi xóa bỏ và xuyên tạc những tư tưởng khoa học vĩ đại của Mác. Nhưng ánh sáng chân lý do Người vạch ra đã vượt lên tất cả, không một thế lực đen tối phản động nào ngăn cản nổi. Ngày nay, chủ nghĩa Mác đang được những người học trò chân chính của Người thực hiện và phát triển một cách trung thành và sáng tạo. Cuộc sống đang chứng minh hùng hồn rằng loài người đang đi theo con đường mà Mác đã vạch ra.

CON ĐƯỜNG DẪN CÁC MÁC ĐẾN CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

NGUYỄN-VĂN-PHÙNG

CÁC dân tộc đều đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. « Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và sự thắng lợi của giai cấp vô sản là tất yếu như nhau » (1). Quy luật phát triển khách quan đó của lịch sử loài người được ghi trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* là một xu thế không thể đảo ngược.

Song « mỗi nước lại hoàn thành quá trình phát triển ấy theo cách thức riêng của mình » (2). Xã hội loài người cuối cùng sẽ đi đến chủ nghĩa cộng sản, nhưng mỗi dân tộc, mỗi người cách mạng đi đến chủ nghĩa cộng sản bằng cách thức riêng và bắt đầu từ điểm xuất phát riêng phù hợp điều kiện lịch sử và trình độ phát triển của mỗi nước. Có trường hợp từ cách mạng dân chủ mà đi đến chủ nghĩa cộng sản. Có trường hợp từ cách mạng giải phóng dân tộc mà đi đến chủ nghĩa cộng sản. Lại có trường hợp từ cuộc đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày của giai cấp công nhân mà giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản.

Mác và Ăng-ghe-nhê chính là thuộc trường hợp mà Lê-nin gọi là từ những

người dân chủ trở thành người xã hội chủ nghĩa. Bắt đầu từ việc tham gia cuộc cách mạng dân chủ tư sản hai ông đi tới sáng tạo ra học thuyết chủ nghĩa cộng sản khoa học. Đây cũng là con đường dẫn Ăng-ghe-nhê, Lê-nin và nhiều nhà cách mạng dân chủ khác đến chủ nghĩa cộng sản. Nhưng không phải tất cả những người dân chủ đều trở thành người cộng sản, cũng như không phải tất cả những người yêu nước đều trở thành người cộng sản. Lịch sử chứng minh có nhiều nhà cách mạng dân chủ tiên tiến, lỗi lạc cùng thời với C. Mác, đã nêu ra những dự kiến thiên tài, nhưng không trở thành người cộng sản. Lịch sử cũng chứng minh có nhiều nhà yêu nước vĩ đại đã không trở thành người cộng sản. Đó là vì những người cách mạng ấy thiếu nhiều điều kiện và đã không « vươn lên nhận thức được về mặt lý luận, toàn bộ cuộc vận động lịch

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nhê. *Tuyên ngôn*, Nxb Sự thật, Hà-nội. 1980, tập I, tr. 557.

(2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 95.

sử» (3) như Mác, Ăng-ghe-n đã vạch ra.

« Chủ nghĩa xã hội hiện đại, xé vụn toàn bộ nội dung của nó, thì... trước hết phải xuất phát từ tư liệu tư tưởng đã tích lũy trước nó, mặc dù nó có nguồn gốc sâu xa trong các sự kiện kinh tế vật chất » (4). Chủ nghĩa xã hội có gốc rễ trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản. Chủ nghĩa xã hội còn là sản phẩm của sự kế thừa tinh hoa trí tuệ loài người, tổng kết và phân tích chính xác phong trào cách mạng, tìm ra quy luật của « toàn bộ cuộc vận động lịch sử ».

Lê-nin nói: « ... học thuyết xã hội chủ nghĩa... phát sinh ra từ các lý luận triết học, lịch sử, kinh tế, do những người có học thức trong các giai cấp hữu sản, những trí thức, xây dựng nên » (5). Vì vậy, chỉ những người trí thức cách mạng nào hiểu biết khoa học sâu sắc, kết hợp được lý luận với thực tiễn phong trào công nhân và phong trào cách mạng, phấn đấu hết sức mình cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, mới có khả năng đi tới chủ nghĩa cộng sản. Mác, Ăng-ghe-n đã trình bày quy luật về sự chuyển biến từ nhà tư tưởng tư sản tiến bộ sang nhà tư tưởng cộng sản trong điều kiện như sau: « Lúc mà đấu tranh giai cấp tiến gần đến giờ quyết định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, mang một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách ra khỏi giai cấp này và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay. Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ của giai cấp tư sản, ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản. Đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý

luận, toàn bộ cuộc vận động lịch sử » (6).

Chủ nghĩa cộng sản ra đời từ xu thế diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Mác, Ăng-ghe-n đã nắm bắt được xu thế tất yếu ấy và vươn lên nhận thức được quy luật lịch sử.

Thời đại mà Mác sinh ra, lớn lên và hoạt động là thời đại gì?

Vào những năm đầu thế kỷ 19, chủ nghĩa tư bản xuất hiện trên thế giới đã được hơn ba trăm năm. Chế độ thống trị của giai cấp tư sản đã thay thế chế độ thống trị của giai cấp phong kiến. Đó là bước tiến lớn trong lịch sử nhân loại. Nhưng loài người vẫn chưa thoát khỏi cảnh bị áp bức, lầm than, tủi nhục. Ăng-ghe-n đã nói lên sự chán ghét của quần chúng đối với chế độ thống trị tư sản như sau: « So với những lừa hện tốt đẹp của các nhà triết học Pháp, thì những chế độ xã hội, chế độ chính trị do thắng lợi của lý tính dựng lên chỉ là một bức vẽ trào phúng làm cho người ta thất vọng chưa cay » (7).

Từ giữa thế kỷ 18, cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên trên thế giới bắt đầu ở nước Anh, sau đó ở nhiều nước khác, đã mở đường cho sự hình thành nền đại công nghiệp cơ khí ở châu Âu, thay đổi nền sản xuất vốn có. Hai giai cấp mới hoàn toàn đối lập nhau xuất hiện trên vũ đài lịch sử: giai cấp tư sản hiện đại và giai cấp vô sản hiện đại. Sự phát triển của lực lượng sản xuất làm cho giai cấp tư sản giàu có thêm và đẩy giai cấp vô sản tới chỗ cùng cực lầm than.

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên truyền*. Nhà Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 553—554.

(4) Sách đã dẫn 1962, tập II, tr. 181.

(5) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nhà Tiến-bộ Mát-xcơ-va, 1975, tập 6, tr. 38.

(6) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên truyền*. Nhà Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 553—554.

(7) Sách đã dẫn, 1962, tập II, tr. 188.

lực lượng sản xuất đang * nổi dậy chống lại * quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa như những âm binh nổi dậy quật lại phù thủy. Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng gay gắt không thể điều hòa.

* Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời * (8) và ngày càng phát triển. Giữa những năm 30 và 40 của thế kỷ 19 (thời kỳ Mác bắt đầu tìm hiểu lịch sử thế giới) phong trào vô sản có bước phát triển mới, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của công nhân Li-ông (Pháp) (1831 - 1834), phong trào Hiến chương ở Anh (1835 - 1848), cuộc khởi nghĩa của công nhân Xi-lê-di (Đức) (1844). Những cuộc khởi nghĩa ấy nói lên tình trạng bất bình của công nhân và báo hiệu một lực lượng xã hội mới đang bước lên vũ đài lịch sử. Nhưng đây mới là những cuộc đấu tranh tự phát. Công nhân chưa nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, chưa hiểu được lực lượng của mình và chưa có đường lối giải phóng chính xác.

Sự xuất hiện phong trào công nhân xen lẫn với các phong trào dân chủ ngày càng phát triển đặt ra một nhu cầu khách quan về sự cần thiết phải có một lý luận cách mạng, một vũ khí tư tưởng sắc bén để giải phóng công nhân và nhân dân lao động. Nhu cầu lịch sử này đã có những nhà tư tưởng tiên bộ nhận thức được. Họ lên án tình trạng bất công của chế độ tư bản, đòi xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và đề xướng chủ nghĩa xã hội. Họ đề ra việc xây dựng một xã hội mới, công bằng, bác ái, bằng con đường thuyết phục giai cấp tư sản. Học thuyết của họ mang nhiều màu sắc khác nhau nhưng đều không có cơ sở khoa học. Đó là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Mác, Ăng-ghe-nh, đánh giá cao công lao của Phua-ri-ê, Xanh-xi-mông và R. O-en, coi đó là những trí tuệ vĩ đại nhất thời

kỳ đó. Nhưng Ăng-ghe-nh nhận xét: chủ nghĩa xã hội không tưởng là * lý luận chưa chín muồi, thích ứng với một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa chín muồi và những quan hệ giai cấp chưa chín muồi * (9). Phân tích mặt hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng, Lê-nin cũng viết: * Chủ nghĩa xã hội không tưởng không thể vạch ra được một lối thoát thật sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê trong chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ ấy và cũng không tìm thấy lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới * (10). Như vậy, lịch sử những thập kỷ đầu của thế kỷ 19 đặt ra nhu cầu cấp bách phải có một lý luận cách mạng khoa học mới có thể mở đường cho phong trào công nhân. Đến những năm 30-40 của thế kỷ ấy, tình hình đã thay đổi. Những tiền đề khách quan mà thời kỳ trước chưa có, thì ở thời kỳ này bắt đầu xuất hiện. Mác, Ăng-ghe-nh bước vào hoạt động khoa học và cách mạng giữa thời kỳ đó. Nhưng không phải ngay từ đầu Mác đã * nắm bắt * được đầy đủ nhu cầu tất yếu và phát hiện ngay ra được quy luật lịch sử. Là một thiên tài, Mác vẫn phải qua quá trình nghiên cứu lý luận và tham gia đấu tranh thực tiễn, mới hiểu được nhu cầu và từng bước giải đáp những vấn đề do nhu cầu lịch sử đặt ra.

Mác sinh ra và lớn lên ở Ranh, một tỉnh có chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh nhất ở nước Phổ. Do chịu ảnh hưởng trực tiếp của cách mạng tư sản Pháp, chế độ dân chủ tư sản đã được thực hiện ở Ranh vào những năm 90 của thế kỷ 18. Nhưng khi sắp

(8) Sách đã dẫn. 1980. tập I. tr. 551.

(9) Sách đã dẫn. 1976. tập II. tr. 145.

(10) V.I. Lê-nin: *Mác - Ăng-ghe-nh. Chủ nghĩa Mác*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1959. tr. 73.

nhập vào nước Phổ, chủ nghĩa tư bản ở đây bị đặt dưới sự chèn ép, không chế của Nhà nước phong kiến quý tộc Phổ. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Phổ lúc ấy đòi hỏi giải quyết bằng cách xóa bỏ chế độ phong kiến phân tán, chia cắt, đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Điều kiện lịch sử của quê hương, đất nước, của gia đình và trường học đã làm cho Mác, lúc đầu chịu ảnh hưởng của những nhà cách mạng dân chủ tư sản Pháp, từ cuộc cách mạng dân chủ đi đến chủ nghĩa cộng sản; đây là con đường đi của Mác. Lê-nin nhận xét: «Hai ông đều từ những người dân chủ trở thành người xã hội chủ nghĩa» (11). Thân sinh của Mác là luật sư Hen-rieh Mác, một trí thức tư sản tiếp thụ tư tưởng của phong trào khai sáng Pháp, Đức. Khi vào trường trung học ở thành phố Tơ-ria, Mác chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do của các thầy giáo tiến bộ, nhất là ông hiệu trưởng Vit-ten-bác. Quan điểm tự do, dân chủ, căm ghét chế độ chuyên chế và chủ nghĩa nhân đạo của Mác, được công khai phát biểu lần đầu tiên trong bản luận văn tốt nghiệp trung học tháng 8 năm 1835. Mác viết:

«Nếu một người chỉ lao động vì mình thôi, thì người đó có thể trở nên một nhà bác học nổi tiếng, một nhà thông thái lớn, một nhà thơ tuyệt vời, nhưng người đó không bao giờ có thể trở thành một con người thật sự hoàn thiện và vĩ đại». «Nếu một người chọn một nghề trong đó người ấy có thể cống hiến nhiều nhất cho nhân loại, thì người ấy sẽ không cảm thấy gánh nặng của nghề ấy, vì đó chính là sự hy sinh vì mọi người; khi đó người ấy cảm thấy không phải là một niềm vui ích kỷ, hẹp hòi và nhỏ nhen, mà hạnh phúc của người ấy thuộc về hàng triệu người». «Kinh nghiệm cho thấy, người nào đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất thì người đó là người hạnh phúc nhất» (12)

Mới 17 tuổi, Mác đã nêu được lý tưởng vĩ đại như vậy. Nhưng đây mới chỉ là quan điểm yêu tự do và nhân đạo chung chung của những nhà cách mạng dân chủ, chưa phải là chủ nghĩa nhân đạo của chủ nghĩa cộng sản. Hy sinh và mưu hạnh phúc cho hàng triệu người nào và bằng con đường nào? Vấn đề đó chưa được nói rõ.

Cái gì đưa Mác đến những bước tiến tiếp theo và đưa Người vươn tới những đỉnh cao trí tuệ loài người? Chính là đấu óc ham học hỏi thể hiện một thái độ khoa học nghiêm túc, chính là tinh thần cách mạng triệt để của Mác.

Mốc quan trọng thứ nhất trên con đường đi đến chủ nghĩa cộng sản của Mác là việc nghiên cứu triết học của Hê-ghe-n, tiếp thu lý luận khoa học và tinh thần cách mạng của phép biện chứng.

Tiếp thu học thuyết vận động và phát triển không ngừng của Hê-ghe-n. Mác đã tìm thấy một nguồn sinh lực mới. Đây là bước ngoặt trong cuộc đời Mác, là điểm xuất phát để xây dựng học thuyết về chủ nghĩa cộng sản khoa học. Mác tham gia nhóm Hê-ghe-n trẻ cách mạng ở Béc-lin, và trở thành người lãnh đạo tinh thần của «Câu lạc bộ tiến sĩ» do nhóm này lập ra. Những người trong nhóm, lớn tuổi hơn, có uy tín xã hội nhất định, khám phục Mác, coi Mác là một người đã kế, hợp trong mình cả Rút-xơ, Vôn-te, Hôn-bác, Lét-xinh, Hai-nơ và Hê-ghe-n.

Nhưng triết học Hê-ghe-n lại dựa trên cơ sở duy tâm. Điều đó chưa giải đáp được những điểm mà Mác còn băn khoăn. Mác không dừng lại ở nhóm Hê-ghe-n trẻ mà tiếp tục học tập, nghiên cứu với tinh thần phê phán, sáng tạo.

(11) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1978, tr. 13

(12) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Những tác phẩm đầu tay*, bản tiếng Nga. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 5.

Từ năm 1839, Mác bắt đầu nghiên cứu triết học cổ đại, đặc biệt là trường phái E-pi-cu-a. Trong những công trình khoa học đầu tiên, Mác đã hướng vào xây dựng một thế giới quan nhằm giải đáp vấn đề đang dằn vặt ông: làm thế nào giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc, làm cho con người được tự do. Mác chế giễu loại triết gia mà « công việc hàng ngày là than khóc về sự bất lực của mình và sức mạnh của sự vật » (13). Mác đề cao nguyện vọng của E-pi-cu-a muốn vươn tới tự do và độc lập về tinh thần, muốn thoát khỏi những xiềng xích ràng buộc của tôn giáo và mê tín. Mác cũng tán thành những kết luận vô thần, một nhân tố của chủ nghĩa duy vật, của nhà triết học này.

Trong bản luận án tiến sĩ triết học, năm 1841, Mác đã đề cập những vấn đề lý luận trên lập trường triết học tích cực can thiệp vào cuộc sống, cải tạo thế giới bất công, nhấn mạnh nguyên lý về sự thống nhất giữa triết học và đời sống. Mác viết: « Trong chừng mực thế tục trở thành triết học, thì triết học cũng trở thành thế tục » (14). Mác muốn nói rằng khi được thực hiện thì triết học nâng cuộc sống lên mức cao hơn, đồng thời bản thân nó không còn là một lý thuyết thuần túy nữa, mà được hóa thân vào trong những công việc thực tiễn. Đó là những mầm mống đầu tiên của học thuyết về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Xét về toàn bộ, Mác vẫn còn là một nhà duy tâm. Nhưng Mác đã công khai nói lên những quan điểm vô thần và tuyên bố nguyên lý về thái độ tích cực của triết học với hiện thực. Chủ nghĩa vô thần chiến đấu của Mác đã làm dễ dàng cho bước chuyển sau đó của Mác sang chủ nghĩa duy vật.

Đúng vào năm Mác viết xong bản luận án thì cuốn sách « Thực chất đạo cơ đốc » của Phoi-ơ-bắc cũng ra đời. Phoi-ơ-bắc là triết gia đầu tiên đã bước đầu khác phục chủ nghĩa

duy tâm của phái Hê-ghe-nơ trẻ. Ông đã phê phán tôn giáo theo quan điểm duy vật khi tuyên bố rằng tự nhiên tồn tại độc lập với ý thức con người. Mác coi cuốn sách của Phoi-ơ-bắc là một bản tuyên ngôn của chủ nghĩa vô thần triệt để, và đã đứng hẳn về phía Phoi-ơ-bắc. « Theo quan điểm duy vật của Phoi-ơ-bắc là một bước nhảy vọt nữa trong quá trình nhận thức của Mác. Đây là mốc quan trọng thứ hai trong quá trình dẫn đến chủ nghĩa cộng sản ». Lê-nin nhận xét: « Đến năm 1841, chủ nghĩa duy vật đã hoàn toàn chinh phục Mác » (15). Kể lại quá trình đó, Ăng-ghe-nơ kết luận: « Ngay lập tức, chúng tôi trở thành những người theo phái Phoi-ơ-bắc » (16). Nhưng Phoi-ơ-bắc có nhược điểm là không đánh giá đúng mức phép biện chứng của Hê-ghe-nơ. Quan điểm duy tâm về lịch sử của Phoi-ơ-bắc đã không giúp Mác trả lời được câu hỏi: cái gì quyết định sự phát triển của xã hội loài người?

Không chịu dừng lại ở những vấn đề chưa thành công của Phoi-ơ-bắc, với đầu óc tìm tòi, sáng tạo, phê phán, Mác đã vươn lên khác phục được nhược điểm của Phoi-ơ-bắc đồng thời với việc vượt ra khỏi hạn chế của Hê-ghe-nơ.

Mốc quan trọng thứ ba của Mác là thời gian tham gia đấu tranh chính trị trên báo Sông Xanh (1842 — 1843). Thời gian này đánh dấu bước tiến căn bản trong việc Mác chuyển từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật, từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản.

Tháng 7-1841, Mác đến Bon-chi-u-ên bị giảng triết học ở trường đại học

(13) Sách đã dẫn, tr. 195.

(14) Sách đã dẫn, tr. 78.

(15) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1980, tập 26, tr. 55.

(16) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 21, tr. 281.

tổng hợp. Nhưng tình hình chính trị ở nước Phổ lúc đó không cho phép Mác thực hiện ý định. Chính phủ Phổ, đứng đầu là Vin-bem IV, tăng cường không bỏ phong trào dân chủ. Những giáo sư có quan điểm tiến bộ đều bị đuổi khỏi trường. Trước thực tế đó, Mác dứt khoát chọn cho mình chỗ đứng: làm một chiến sĩ cách mạng, tham gia cuộc đấu tranh trực tiếp chống chủ nghĩa chuyên chế Phổ, đòi quyền tự do, dân chủ, kết hợp lý luận với thực tiễn.

Tháng 10-1843, Mác làm Tổng biên tập báo *Sông Ranh*, báo của giới tư sản cấp tiến. Mục tiêu của tờ báo là công kích chế độ quân chủ chuyên chế phản động, đấu tranh giành quyền tự do dân chủ. Trong thực tế, dưới sự lãnh đạo của Mác, tờ báo đã đi tới những mục tiêu xa hơn: Mác chống chế độ kiểm duyệt của chính phủ Phổ, gán việc phê phán các điều kiện kiểm duyệt với việc lên án kiên quyết và triệt để toàn bộ chế độ Nhà nước Phổ. « *Việc chưa chắc thật sự, triệt để, cho chế độ kiểm duyệt sẽ là thủ tiêu nó đi, bởi vì chế độ đó là vô dụng* » (17). Kết luận đó cho người đọc thấy: cần cải tạo tận gốc toàn bộ trật tự xã hội, chứ không phải chỉ cải tạo bộ phận. Mác cũng tự rút ra kết luận: nếu chỉ đấu tranh triết học không thôi thì không thể chống được chế độ phản động, mà phải đấu tranh chính trị nữa, phải gán chặt lý luận với thực tiễn cách mạng.

Một loạt bài viết của Mác về tất cả các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội đang diễn ra ở nước Phổ lúc bấy giờ đã thể hiện rõ những quan điểm dân chủ cách mạng của Mác: căm ghét chế độ đẳng cấp phong kiến; kêu gọi đấu tranh giành quyền tự do, dân chủ cho toàn dân chứ không phải giành những đặc quyền cho những đẳng cấp cá biệt; phê phán tính chất hạn chế của chủ nghĩa tự do tư sản Đức... Việc bảo vệ lợi ích của đông

dân nhân dân, của những người bị áp bức, đã trở thành mục tiêu của Mác. Chính lòng mong muốn tìm hiểu và bảo vệ lợi ích thật sự của nhân dân đã thúc đẩy Mác đến với chủ nghĩa cộng sản.

Khuyh hướng cách mạng của báo *Sông Ranh* trở thành mối lo lớn cho chính phủ Phổ. Chính phủ tăng cường kiểm soát và cuối cùng đình bản tờ báo.

Thái độ phản động của chính phủ Phổ, sự hèn nhát, thỏa hiệp của giai cấp tư sản tự do đã thúc đẩy Mác tiến nhanh trên con đường cách mạng triệt để. Mác quyết định đi sâu tìm hiểu lực lượng xã hội nào là động lực thật sự của cách mạng, những biện pháp và hình thức nào làm biến đổi thế giới. Từ đây, vấn đề bản chất, nguyên nhân và động lực của cách mạng trở thành vấn đề chủ yếu mà Mác nghiên cứu. Qua hơn một năm hoạt động thực tiễn Mác đã rút được hai bài học quan trọng. Một là, lợi ích vật chất đóng vai trò rất lớn trong đời sống xã hội loài người. Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa dân chủ tư sản không thể là vũ khí triết học và không đáng tin cậy trong cuộc đấu tranh cho lợi ích của quần chúng nhân dân không có của. Mác cũng thấy mình còn chưa hiểu biết nhiều về kinh tế và bắt đầu đi sâu nghiên cứu kinh tế. Sau này Ăng-ghe-nơ nhớ lại: « Nhiều lần nghe Mác nói rằng chính việc ông nghiên cứu đạo luật về việc ăn trộm gỗ và tình cảnh nông dân ở Mê-den đã thúc đẩy ông chuyển từ chính trị thuần túy sang nghiên cứu quan hệ kinh tế, và do đó, đến chủ nghĩa xã hội » (18).

Hai là, Nhà nước hoàn toàn không phải là hiện thân của lý trí thế giới.

(17) *Sách đã dẫn*, tập I, tr. 4-5.

(18) *Sách đã dẫn*, tr. 192.

hiện thân của cái chung đứng trên các lợi ích riêng như Hê-ghe-nh khẳng định.

Với hai kết luận đó, Mác đã bước vào ngưỡng cửa của chủ nghĩa duy vật về lịch sử và chủ nghĩa cộng sản.

Một lần nữa, tinh thần cách mạng, thái độ khoa học đòi hỏi Mác phải giải quyết vấn đề: Nhà nước nào mới thật-sự vì quyền lợi của quần chúng nhân dân? Giải quyết vấn đề đó tức là phải xem xét lại quan điểm của Hê-ghe-nh về Nhà nước và xã hội, phải xem lại hệ thống triết học của Hê-ghe-nh về pháp quyền.

Sứ mạng lịch sử ấy được Mác hoàn thành (từ tháng 5 đến tháng 10 năm 1843), ở thành phố Croi-xơ-nac (tỉnh Ranh). Trong những tháng tươi sáng nhất này trong cuộc đời vĩ đại và đầy khó khăn của mình, Mác đã tiến hành một công việc lao động học thuật sáng tạo, rất khẩn trương và có ý nghĩa lịch sử lớn lao, đánh dấu mốc quan trọng trong sự phát triển thế giới quan của Mác. Đó là bản thảo tác phẩm: *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-nh*. Trong tác phẩm này, Mác đã thanh toán triệt để chủ nghĩa duy tâm của Hê-ghe-nh và nhược điểm của Phoi-ơ-bắc, đồng thời bổ sung, nâng cao một số quan điểm trước đây chưa thật đúng hoặc còn phiến diện của mình.

Mác khẳng định: không phải những tư tưởng hay «tinh thần thế giới» của Hê-ghe-nh đã chi phối lịch sử, mà chính là những quan hệ kinh tế và xã hội đã đóng vai trò quyết định đời sống xã hội. Tư tưởng trung tâm của bản thảo là mối quan hệ giữa Nhà nước với những lợi ích vật chất và những quan hệ xã hội gắn liền với chúng, lúc đó Mác gọi nó bằng thuật ngữ «xã hội cộng sản».

Theo Hê-ghe-nh, Nhà nước ở một mức phát triển cao hơn xã hội công dân và quyết định xã hội công dân. Còn Mác thì cho rằng xã hội công dân là tiền đề của Nhà nước và đưa ra

một tư tưởng thiên tài về vai trò quyết định của chế độ tư hữu đối với chế độ chính trị. «Chế độ chính trị ở mức cao nhất của nó là...Chế độ tư hữu» (19). Việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích vật chất với Nhà nước đã đem lại chiếc chìa khóa để nhận thức nguyên nhân cơ bản của toàn bộ quá trình lịch sử và dẫn Mác đến luận điểm có tính quyết định.

Nghiên cứu lịch sử các nước ở châu Âu và Bắc Mỹ, đặc biệt là cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Mác đã thấy rõ: đường lối chính trị của giai cấp tư sản phụ thuộc vào nhân tố kinh tế, nhất là vào những mối quan hệ sở hữu; đã thấy rõ: các cuộc cách mạng tư sản không có khả năng bảo đảm một sự bình đẳng thật sự, muốn có sự bình đẳng thật sự phải thay đổi triệt để các quan hệ sở hữu: chỉ có xóa bỏ chế độ tư hữu mới có bình đẳng, tự do thật sự cho con người. Kết luận trên đây đã khiến Mác vượt ra ngoài khuôn khổ của chủ nghĩa dân chủ cách mạng và chuyển sang quan điểm của chủ nghĩa cộng sản. Đây là mốc quan trọng thứ tư trên con đường dẫn Mác đến chủ nghĩa cộng sản.

Trong quá trình phê phán Hê-ghe-nh, Mác đã phác họa phương hướng một xã hội mới, giải phóng con người, làm cho con người bình đẳng thật sự: chế độ dân chủ chân chính. Tuy còn bị ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo của Phoi-ơ-bắc, nhưng khái niệm chế độ dân chủ đã thể hiện một bước tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Vấn đề còn lại phải giải quyết là: lực lượng nào của xã hội có thể xây dựng một chế độ «dân chủ chân chính» và bình đẳng thật sự? Lực lượng nào của xã hội có thể khắc phục được tính hạn chế của cách mạng tư sản, giải phóng triệt để con người? Giải quyết được vấn đề đó tức là giải quyết được điểm chủ yếu

(19) Sách đã dẫn, tr. 333.

trong học thuyết của Mác. Đây chính là cái mốc quan trọng thứ năm, mốc cuối cùng hoàn thành quá trình chuyển từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản và từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật. Bước chuyển này được thể hiện trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-nen* — Lời mở đầu.

Sau khi cự tuyệt lời mời cộng tác của chính phủ Phổ (10-1843), Mác cũng gia đình đến Pa-ri. Nhận xét về thời kỳ này, Lê-nin cho rằng: « Ở Pa-ri, chịu ảnh hưởng của những nhà xã hội chủ nghĩa Pháp và của đời sống Pháp, Mác cũng đã trở thành một người xã hội chủ nghĩa » (20). Theo Lê-nin, có hai nhân tố khách quan thúc đẩy Mác hoàn thành bước chuyển dứt khoát sang lập trường cộng sản chủ nghĩa: lý luận xã hội chủ nghĩa và đời sống xã hội Pháp lúc bấy giờ. Lê-nin nhận xét: Pa-ri đang sôi sục về chính trị và về những cuộc thảo luận các học thuyết xã hội khác nhau. Pa-ri đã cung cấp những khả năng tuyệt vời để nghiên cứu những mâu thuẫn và xung đột giai cấp đã làm rung chuyển thế giới tư sản. Cũng chính ở đây, Mác đã xác lập sự tiếp xúc chính trị đầu tiên với đại biểu của giai cấp vô sản.

Trong bài *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-nen* — Lời nói đầu, dựa trên sự phân tích kinh nghiệm của các cuộc cách mạng trước đây, Mác đã đi đến kết luận rằng một giai cấp chỉ có thể đảm nhận được vai trò người giải phóng toàn bộ xã hội khi, về khách quan, « những yêu cầu và quyền lợi của chính giai cấp ấy đều thật sự là quyền lợi và yêu cầu của bản thân xã hội » (21). Giai cấp có thể thực hiện việc giải phóng toàn thể nhân loại phải là giai cấp mâu thuẫn với toàn bộ xã hội, do đó, là giai cấp không thể tự giải phóng mình nên không giải phóng toàn thể xã hội. *Giai cấp đó là giai cấp vô sản.*

Lý luận của Mác về sứ mệnh lịch sử toàn thể giới của giai cấp vô sản có ý nghĩa hết sức to lớn. Mác đã vượt qua được điểm hạn chế của cách mạng tư sản; bệnh không tưởng đã được khắc phục Lê-nin cho rằng: « Lần đầu tiên Mác đề ra học thuyết của mình vào năm 1844 »... « Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa » (22). « Hai ông đã dạy cho công nhân tự nhận thức được mình và có ý thức về mình, và đã đem khoa học thay thế cho mộng tưởng » (23).

Đến đây, Mác hoàn thành bước chuyển cuối cùng từ người dân chủ thành người cộng sản.

Trong bài viết đã dẫn ở trên, Mác cũng nêu lên một luận điểm hết sức quan trọng, luận điểm về ý nghĩa cách mạng to lớn của lý luận đó với tư cách là một nhân tố mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh nhằm cải tạo xã hội một cách cơ bản. Mác viết: « Cố nhiên là vũ khí của sự phê phán không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí; lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng » (24). Mác coi giai cấp vô sản là một lực lượng xã hội có sứ mệnh sử dụng một cách thật sự những kết luận của học thuyết cách mạng và thực hiện những kết luận đó, « cũng giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản thấy

(20) V. I. Lê-nin: *Toán tập*. Nxb Tiến-bộ. Mát-xcơ-va, 1978, tập 2, tr. 8.

(21) C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nen: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 30.

(22) V. I. Lê-nin: *Toán tập*. Nxb Tiến-bộ. Mát-xcơ-va 1980, tập 23, tr. 1.

(23) V. I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 5.

(24) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 25.

triết học là vũ khí tinh thần của mình» (25). Mác đã viết như vậy.

Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, quần chúng nhân dân có một hệ tư tưởng khoa học chỉ đường để bước vào kỷ nguyên tự do, làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân; thay thế cho những câu chuyện hoang đường, những phép thuật kỳ lạ, những ước mơ không tưởng, chấm dứt cuộc khủng hoảng về lý luận khoa học của phong trào vô sản, chuyển phong trào công nhân từ giai đoạn tự phát lên tự giác.

Kể từ lúc nói lên ý muốn phục vụ nhân loại (1835) đến khi tìm được con đường đúng đắn để giải phóng nhân loại (1844), C. Mác đã phải trải qua một quá trình lịch sử 10 năm. Quá trình lịch sử 10 năm đó của Mác là quá trình Mác từ một người dân chủ tự do trở thành người cộng sản và sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học. Sự chuyển biến đó có những nhân tố khách quan và chủ quan. Về khách quan, ngoài nhân tố thời đại và nhu cầu, phải kể đến những thành tựu loài người đã đạt được trong khoa học tự nhiên và xã hội. Những thành tựu này đã giúp Mác những tiền đề xây dựng học thuyết của mình. Không có triết học Đức, chính trị kinh tế học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp thì không có chủ nghĩa Mác. Thiên tài cũng là một sự thật lịch sử khiến Mác làm nên sự nghiệp. «Toàn bộ thiên tài của Mác chính là ở chỗ ông đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng tiền tiến của nhân loại đã nêu ra» (26). Nhận xét đó của Lênin vừa nói lên công lao to lớn của Mác, vừa đánh giá đúng thiên tài của Mác.

Nhưng quan trọng nhất là nhân tố chủ quan. Trong quá trình tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo, ở Mác, nổi bật lên hai điểm cơ bản:

Một là, sự thống nhất giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng.

Từ 1835 đến 1844, vừa nghiên cứu lý luận, Mác vừa trực tiếp tham gia phong trào dân chủ chống chế độ chuyên chế ở Phổ, phong trào công nhân ở Pa-ri. Từ thực tiễn lịch sử và thực tiễn trước mắt rút ra kết luận, rồi lại đem lý luận chỉ đạo thực tiễn và kiểm nghiệm trong thực tiễn. Mác nắm bắt nhanh chóng nhu cầu thời đại, tiếp thu nhanh chóng tinh hoa trí tuệ của nhân loại, tìm ra những quy luật lịch sử và sáng tạo ra chủ nghĩa cộng sản khoa học. Mác sớm khắc phục được những nhược điểm của triết học Đức, của kinh tế học Anh và của chủ nghĩa xã hội Pháp là vì Mác luôn gắn lý luận với thực tiễn. Nếu như sự thống nhất lý luận và thực tiễn là nguồn gốc dẫn Mác đến chủ nghĩa cộng sản thì cũng chính sự thống nhất ấy là đặc trưng của chủ nghĩa Mác, là một trong những bản chất của người cộng sản.

Hai là, sự kết hợp giữa tinh thần cách mạng triệt để với thái độ khoa học sâu sắc. Tinh thần cách mạng triệt để của Mác thể hiện ở thái độ căm ghét chế độ quân chủ chuyên chế, căm ghét thói hèn nhát, giả dối, lừa lọc của giai cấp tư sản, phản đối quyền mình vì lợi ích của giai cấp công nhân và của nhân dân. Toàn bộ cuộc đời của Mác là một tấm gương tuyệt vời về sự hy sinh cho lý tưởng, cho hạnh phúc của loài người. Từ bỏ những bậc thang danh vọng của học đường, từ bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi của một nhà bác học đầy hứa hẹn, Mác tự nguyện chọn lấy số phận gian nan của người lưu vong chính trị, bản thân Mác và gia đình phải sống trong cảnh nghèo đói, thiếu thốn, bệnh tật và luôn là đối tượng không bỏ của cảnh sát. Tất cả, không khuất phục được Mác. Tinh thần cách mạng triệt để còn thể

(25) Sách đã dẫn, tập I, tr. 34.

(26) V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 23, tr. 49.

hiện ở chỗ Mác « không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thể lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản » (27). Mác học tập không ngừng và say sưa nghiên cứu lý luận với tinh thần tự phê phán và phê phán nghiêm túc: luôn tìm tòi sáng tạo, không hời hợt, đại khái, không chịu thừa nhận cái gì là đúng mà chưa được chứng minh, bám sát thực tế, coi trọng tổng kết kinh nghiệm. Đây cũng là sự kết hợp tinh thần cách mạng và thái độ khoa học của Mác. Thật khó mà phân biệt được một Cáo Mác, nhà cách mạng vĩ đại với Cáo Mác, nhà bác học kiệt xuất.

Lê-nin đã nhận xét sâu sắc và hoàn chỉnh sự kết hợp giữa tinh cách

mạng+triệt để với thái độ khoa học nghiêm túc của Mác như sau:

« Sức hấp dẫn không thể nào cưỡng lại được, lôi cuốn những người xã hội ở tất cả các nước đi theo học thuyết ấy, chính là ở chỗ nó kết hợp tinh khoa học chặt chẽ và rất cao (nó là thành tựu mới nhất của khoa học xã hội) với tinh cách mạng và kết hợp một cách không phải ngẫu nhiên, không phải chỉ vì người sáng lập ra học thuyết ấy đã kết hợp trong con người của mình những phẩm chất của nhà bác học và nhà cách mạng, mà kết hợp ngay trong bản thân học thuyết, một cách nội tại và không thể tách rời » (28).

(27) *Sách đã dẫn*, tr. 50.

(28) *Sách đã dẫn*, tập 1, tr. 341.

Học thuyết của Cáo Mác...

(Tiếp theo trang 24)

Những nỗi lo âu của loài người liên quan đến các vấn đề nguyên liệu, năng lượng, lương thực, sinh thái và những vấn đề có quy mô toàn cầu khác trở nên gay gắt là những nỗi lo âu có căn cứ. Và điều chủ yếu nhất hiện nay đang làm cho các dân tộc lo ngại là sự cần thiết phải giữ gìn hòa bình, ngăn ngừa thảm họa hạt nhân. Đối với Đảng ta, đối với Nhà nước xã-hội, đối với tất cả các dân tộc trên hành tinh này, về mặt quốc tế không có gì quan trọng hơn điều đó.

Làm sáng tỏ tất cả những vấn đề phức tạp của thế giới hiện nay, tổ chức và hướng dẫn sự sáng tạo cách mạng có tính chất xã hội lịch sử của giai cấp công nhân và toàn thể những người lao động, đó là nhiệm vụ vô cùng trọng đại mà ngày nay lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tiễn đấu tranh cho tiến bộ của loài người đang giải quyết. Nhiệm vụ mà Cáo Mác đã đề ra cho mình, cho những người cùng chí hướng với mình về tư tưởng và chính trị, và cho những người kế tục mình, là giải thích và cải tạo thế giới.

CON ĐƯỜNG DẪN BÁC HỒ ĐẾN CHỦ NGHĨA MÁC

HỒNG-QUANG

BÁC HỒ là người mác xít - lê nin Việt-nam đầu tiên đưa chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt-nam, sáng lập ra Đảng cộng sản Việt-nam và đưa cách mạng từng bước đi tới thắng lợi. "Bằng thiện tài trí tuệ và sự hoạt động cách mạng của mình", (1) Bác Hồ đã đáp ứng một cách xuất sắc nhu cầu lịch sử của giai cấp và của dân tộc.

Trên con đường tìm đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Bác Hồ đã đi theo con đường của Mác: *Thống nhất giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng*. "vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tế" (2). Đây là hồi tưởng của Bác về thời kỳ Bác đi tìm con đường cứu nước. Từ năm 1911 đến năm 1920, Bác vừa nghiên cứu, tìm hiểu tình hình và kinh nghiệm cuộc cách mạng tư sản dân chủ năm 1776 ở Mỹ, cuộc cách mạng tư sản năm 1789 ở Pháp, phong trào giải phóng dân tộc của nhiều nước trên thế giới, vừa trực tiếp tham gia phong trào công nhân Pháp và tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin,

trước hết là tác phẩm của Lê-nin. Từ thực tế phong trào giải phóng dân tộc Việt-nam rút ra kết luận, từ thực tế cách mạng tư sản Pháp, Mỹ, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga rút ra bài học bổ ích, rồi lại từ các bài học đó phân tích các sự kiện của phong trào cách mạng Việt-nam. Thành quả lớn lao của quá trình thống nhất lý luận và thực tiễn là Bác Hồ đã tìm thấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhanh chóng tiếp thu chân lý của thời đại "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (3).

Trên con đường dẫn đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Bác Hồ đã trải qua một quá trình *kết hợp chặt chẽ tinh thần cách mạng triệt để với thái độ*

(1) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 8.

(2) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970 tr. 229.

(3) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên ngôn*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 176.

khoa học nghiêm túc. Từ thuở thiếu niên, Bác đã căm ghét chế độ thực dân, sớm có chí giải phóng đồng bào. Tiếp xúc với công nhân và quần chúng lao động đủ các màu da, Bác thông cảm sâu sắc nỗi khổ của họ cũng như nỗi khổ của dân tộc mình và của bản thân mình, thấy được sự phũ phàng của hệ tư tưởng phong kiến và sự bất lực của hệ tư tưởng tư sản. Ngay từ buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước, cho đến khi tìm thấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Bác Hồ đã nêu một tấm gương mãi mãi không phai mờ về đức hy sinh quên mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho độc lập tự do của Tổ quốc và mưu quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc cho nhân dân. Từ bỏ cuộc đời của người thầy giáo, Bác Hồ đã làm các công việc lao động cực nhọc của người phụ bếp, quét tuyết, rửa ảnh, vẽ tranh,... Không bị cám dỗ bởi những lợi ích vật chất trước mắt mà quên mục tiêu đi tìm đường giải phóng dân tộc. Không sợ sự đe dọa, khủng bố của chính quyền phản động. Chính là ý chí «nghèo khó không thể chuyển lay, giàu sang không thể quyến rũ, cường quyền không thể khuất phục» của Bác đã dẫn Bác đến chân lý cách mạng nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chính thái độ hăng say học tập, nghiên cứu, tìm hiểu, phê phán và sáng tạo của Bác đã giúp Bác biết rút ra kết luận cần thiết từ thất bại của phong trào Cần vương, của phong trào Đồng khởi, Tây du và chiến tranh du kích, Hoàng-Hoa-Thám; từ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản mà nhanh chóng tìm đến đỉnh cao của nền văn minh thế giới là chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Nhưng con đường dẫn Bác Hồ đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại mang dấu ấn của thời đại, của cuộc đấu tranh cách mạng ở các nước thuộc địa, của cuộc đấu tranh cách mạng ở nước thuộc địa, nửa phong kiến Việt-nam.

Nếu như Mác đi đến chủ nghĩa cộng sản bắt đầu từ cách mạng dân chủ, thì 76 năm sau Bác Hồ đến với chủ nghĩa Mác *bắt đầu từ cách mạng giải phóng dân tộc.* Mác trở thành người cộng sản từ một người trí thức dân chủ, tự do, còn Bác Hồ trở thành người mác xít - lê nin từ người trí thức yêu nước.

Trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin*, Bác Hồ kể lại:

«Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba» (1).

Tin theo Lê-nin, theo Quốc tế thứ ba tức là tin theo chủ nghĩa Mác. Bác Hồ tìm đến chủ nghĩa Mác chủ yếu là qua tác phẩm của Lê-nin và qua Cách mạng Tháng Mười. Vì từ Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười mà Bác tìm hiểu sâu về chủ nghĩa Mác. Đây là đặc điểm không chỉ riêng của Bác, mà còn là đặc điểm ban đầu của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt-nam.

• Đồng chí Lê-Duẩn nói:

«Công lao vĩ đại đầu tiên của Hồ Chủ tịch là đã gắn phong trào cách mạng Việt-nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân Việt-nam đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin» (5).

Điều kiện lịch sử nào đã dẫn Bác Hồ từ chủ nghĩa yêu nước đi đến chủ nghĩa cộng sản?

Thời gian Bác đi tìm đường cứu nước là lúc bộ mặt thế giới có nhiều thay đổi lớn. Qua 76 năm tồn tại và phát triển (1844 - 1920) chủ nghĩa Mác đã tiến những bước nhảy vọt: từ chỗ chưa chiếm được ưu thế đến chỗ chiếm

(4) Sách đã dẫn, tr. 176.

(5) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ đỏ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nhà Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 8.

được ưu thế trong phong trào công nhân từ sau Công xã Pa-ri (1871); từ chỗ phát triển một cách hòa bình đến chỗ bùng nổ những bão táp cách mạng bắt đầu từ cách mạng 1905 ở Nga, cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ, cách mạng Trung-quốc, cách mạng Ba-tư; từ chỗ bùng nổ một số cuộc cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong một nước lớn đầu tiên trên thế giới là Liên-xô. Kiểm nghiệm qua thực tiễn sinh động của lịch sử cách mạng thế giới, chủ nghĩa Mác đã được bổ sung không ngừng và phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Cách mạng Tháng Mười mở đầu thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở ra con đường giải phóng hiện thực cho giai cấp vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc gắn liền với nhau. Thời đại mới đã có ảnh hưởng trực tiếp đến con đường đi tìm chân lý của Bác Hồ, đã giúp Bác giảm bớt những đoạn đường vòng và đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mác là lý luận giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng loài người. Nhưng chủ nghĩa Mác đến Việt-nam chưa phải để giải quyết ngay một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ toàn bộ chế độ tư hữu, giải phóng giai cấp công nhân, mà là soi sáng giải quyết một yêu cầu cấp bách nhất của giai cấp công nhân và của toàn thể dân tộc là cứu nước, giành độc lập tự do. Người Việt-nam, lúc đầu tìm chủ nghĩa Mác mới là tìm một câu trả lời cấp thiết nhất: *làm thế nào để cứu được nước*. Nhu cầu cứu nước, giành độc lập tự do là nhu cầu lịch sử của đất nước. Nhu cầu đó nảy sinh từ hoàn cảnh xã hội Việt-nam thuộc địa, nửa phong kiến.

Ở Việt-nam, chế độ phong kiến bắt đầu khủng hoảng từ thế kỷ XVI và

đến thế kỷ XIX thì suy vong, tan rã nghiêm trọng. Chính vào thời điểm đó, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Giai cấp phong kiến Việt-nam đã đầu hàng đế quốc, phản bội lợi ích dân tộc. Từ một nước phong kiến, độc lập, thống nhất, có chủ quyền, Việt-nam biến thành nước thuộc địa, nửa phong kiến, không có độc lập, không có tự do, bị chia cắt làm nhiều mảnh.

Đề bóc lột lợi nhuận tối đa ở thuộc địa, đế quốc Pháp câu kết với giai cấp phong kiến Việt-nam thì hành một chính sách kinh tế thực dân rất bảo thủ và phản động: *duy trì phương thức sản xuất phong kiến kết hợp với việc thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Tuy chưa chiếm ưu thế, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có tính chất quyết định phương hướng nền kinh tế quốc dân. Ra đời ở Việt-nam, phương thức sản xuất này trước tiên và chủ yếu là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa của thực dân. Mặc dù vậy, một giai cấp hoàn toàn mới đã xuất hiện ở Việt-nam từ cuối thế kỷ XIX: giai cấp vô sản.

Thực dân Pháp còn thi hành thủ đoạn độc quyền kinh tế và đặc biệt coi trọng thủ đoạn bóc lột phi kinh tế thời kỳ trung cổ. Đó là chế độ thuế khóa vô cùng nặng nề và hết sức vô lý. Toàn bộ chính sách đó dần tới kết quả tất yếu là: kinh tế Việt-nam phụ thuộc vào kinh tế "chính quốc", không phát triển toàn diện, nhân dân Việt-nam bị bán cùng hóa. Bên cạnh chính sách phản động về kinh tế là chính sách chuyên chế về chính trị, chính sách ngu dân về văn hóa khiến xã hội Việt-nam đã tri tri bao thế kỷ lại bị chế độ thực dân kim hãm trong vòng lạc hậu.

Tình trạng đó dẫn đến hai mâu thuẫn cơ bản trong xã hội nước ta: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt-nam với chủ nghĩa đế quốc, và mâu

thuần giữa nhân dân Việt-nam, chủ yếu là giai cấp nông dân, với giai cấp phong kiến. Hai mâu thuẫn đó gắn liền với nhau, không thể tách rời. Muốn tiến lên, xã hội Việt-nam phải đồng thời giải quyết cả hai mâu thuẫn. Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phải đi đôi với xóa bỏ chế độ phong kiến; đấu tranh giành độc lập không thể tách rời đấu tranh giành dân chủ tự do, đáp ứng yêu cầu của nông dân muốn làm chủ ruộng đất, của công nhân muốn làm chủ xí nghiệp, của trí thức muốn được quyền phát triển văn hóa dân tộc, của toàn dân tộc muốn làm chủ đất nước. *Độc lập và tự do* ở nước ta không khất với nhau và là yêu cầu bức thiết trước mắt của toàn thể dân tộc Việt-nam.

Tình hình kinh tế xã hội Việt-nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đề ra yêu cầu phải giành lại độc lập tự do và cũng từ tình hình đó đã nảy sinh những tiền đề giải quyết nhu cầu đó.

Trước khi giải cấp công nhân Việt-nam bước lên vũ đài chính trị và nắm quyền lãnh đạo cách mạng, cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của nhân dân ta đã diễn ra liên tục và rất anh dũng, nhưng đều không giành được thắng lợi.

Phong trào Cần-vương thất bại vào cuối thế kỷ XIX là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn, không phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, không phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Thất bại của phong trào Cần-vương đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ đấu tranh giành độc lập dưới khẩu hiệu «phò vua giúp nước». Nhân dân ta phải chiến đấu ròng rã 38 năm (1858 - 1896), phải trả bằng những giá quá đắt mới rút ra được kết luận bổ ích: chế độ phong kiến là nguồn gốc làm cho nhân dân ta lạc hậu và mất nước. Vai trò lịch sử của hệ tư tưởng phong kiến đã chấm dứt.

Đầu thế kỷ XX, phong trào Đông du, Duy tân do các cụ Phan-Bội-Châu,

Phan-Chu-Trinh... khởi xướng, vừa bùng lên đã bị thực dân Pháp dập tắt. Các cụ Phan muốn tìm con đường cứu nước dựa trên lý luận dân chủ tư sản, qua con đường học tập nước Nhật-bản duy tân, qua cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung-quốc, qua chế độ nghị viện tư sản ở các nước phương Tây. Nhưng, chủ nghĩa dân chủ tư sản đã lỗi thời về mặt lịch sử, không thể là thứ lý luận có thể vạch đường giải phóng cho dân tộc ta. Sự thất bại của hai cụ Phan chính là sự phá sản và bất lực của lý luận dân chủ tư sản ở nước ta. Từ thất bại của các con đường cứu nước ấy, một câu hỏi lớn đặt ra cho nhân dân ta lúc này là cứu nước bằng con đường nào mới giành thắng lợi?

Các nhà yêu nước trong các phong trào dân tộc, hoặc theo tư tưởng phong kiến hoặc theo chủ nghĩa dân chủ tư sản, đều không hiểu được rằng trong thời đại mới, «một giai cấp hoàn toàn khác đã trở thành giai cấp đang lên, hiểu theo nghĩa lịch sử rộng lớn» (6). Đứng ở trung tâm, quyết định phương hướng, nội dung phát triển của thời đại đã không phải là giai cấp phong kiến, cũng không phải là giai cấp tư sản, mà chính là giai cấp vô sản.

Đúng như nhận xét của đồng chí Lê-Duẩn: «Vào những năm 20 của thế kỷ này, sau khi các cuộc khởi nghĩa của Cần vương bị dập tắt, phong trào giải phóng sôi nổi của nhân dân ta đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối» (7). *Thực chất cuộc khủng hoảng ấy là khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến đối với xã hội nước ta.*

Giữa lúc tình hình đen tối như không có đường ra, Bác Hồ đã nhanh

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1980, tập 28, tr. 179.

(7) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ đỏ sao vàng của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 7.

chóng năm bắt nhu cầu của đất nước và kịp thời đáp ứng đòi hỏi bức thiết của lịch sử.

Nhưng không phải ngay từ đầu. Bác đã tìm được ngay con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn là con đường cách mạng vô sản, theo lý luận của Mác - Lê-nin. Bác cũng đã trải qua một quá trình tìm tòi trong nhiều năm, với thiên tài trí tuệ và nghị lực phấn đấu phi thường, vượt qua sự hạn chế của những người cùng thời, vừa nghiên cứu lý luận vừa tham gia đấu tranh thực tiễn. -

Từ thời niên thiếu, do ảnh hưởng của truyền thống dân tộc, truyền thống quê hương và gia đình, mà trực tiếp là từ người bố, một sĩ phu phong kiến yêu nước, thương dân, bất bình với chế độ, Bác sớm có lòng yêu nước, sớm có chí đuổi giặc, giải phóng đồng bào. Trong những năm học ở Trường Pháp - Việt Đông-bà, Trường Quốc học Huế, Bác có dịp tiếp xúc với nền văn hóa Pháp, lại càng trân trọng với những điều được chứng kiến sách và những điều được chứng kiến trong xã hội đương thời. Khi Bác sinh ra và lớn lên, tiếng súng khởi nghĩa của Phan-Đình-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám là những tiếng nổ cuối cùng, báo hiệu kết thúc sự nghiệp cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến. Phong trào Đông du, Duy tân theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản cũng nối tiếp nhau bị dập tắt. Vượt qua sự hạn chế của những người yêu nước đương thời, Bác đã phân tích một cách chính xác nguyên nhân thất bại của những phong trào trên. Sự phân tích đó, sau này chúng ta được biết như sau: «Cụ Phan-Chu-Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... Chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương». «Cụ Phan-Bội-Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp». Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì «đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau». «Cụ Hoàng-Hoa-Thám còn thực

tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì Cụ còn nặng cốt cách phong kiến» (8).

Điều kiện lịch sử đã dẫn Bác đến những phân tích và kết luận như vậy. Chính cụ Phan-Bội-Châu đã khuyên Bác sang Nhật học. Sang Nhật học (Đông du) là nguyện vọng của hầu hết thanh niên yêu nước lúc đó. Cụ Phan-Chu-Trinh cũng khuyên Bác đi theo con đường của Cụ. Nhưng Bác đã từ chối. Tuy khâm phục tinh thần yêu nước của các nhà yêu nước đương thời nhưng Bác không tán thành bất cứ con đường nào của các cụ. Bác quyết định đi tìm con đường cứu nước khác. Đó là bước ngoặt thứ nhất trên con đường dẫn Bác đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Năm 1911, Bác đi ra nước ngoài với mục đích xem xét các nước trên thế giới làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào. Nhưng Bác đi đâu? Bác nói: «Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác» (9).

Vào lúc ấy, chủ nghĩa Mác ra đời đã 67 năm, nhưng trên thế giới chưa có cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào thắng lợi. Khẩu hiệu «tự do, bình đẳng, bác ái» của cách mạng tư sản Pháp đã thúc giục Bác đi đến những nước có cuộc cách mạng tư sản thắng lợi. Bác đã đặt chân lên đất Pháp, Mỹ, Anh. Tại Pháp, Mỹ, Bác nghiên cứu những cuộc cách mạng đã thành công ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất. Người khâm phục ý chí giành độc lập tự do của nhân dân Mỹ nhưng Người thấy không thể đi theo cuộc cách mạng tư sản Mỹ (1776). Vì cách mạng thành công hơn 150 năm mà công nông vẫn cực khổ, vẫn lo tính cuộc cách mạng khác. Người cũng khâm phục tinh thần cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) nhưng không đi theo con đường

(8), (9) Trần-Dân-Tiên: Những mâu thuẫn ở đời hoạt động của Hồ Chí Minh, Nhà Văn học. Hà-nội. 1975. tr. 13

đó Theo Bác, cách mạng Pháp cũng như cách mạng Mỹ, là "cách mạng không đến nơi". Mấy năm sau, Người đã viết về hai cuộc cách mạng này như vậy trong tác phẩm *Đường cách mệnh*. Lúc đó tuy chưa dừng vào hàng ngũ của đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân nhưng Bác đã thấy được giai cấp tư sản không còn là giai cấp tiến bộ của thời đại nữa.

Không đi theo con đường cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ, đi tìm con đường cách mạng khác, là *mốc quan trọng thứ hai* của Bác.

Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Đây là thực tế sinh động giúp Bác hiểu được bộ mặt thật, tinh chất tàn bạo, thối nát, giãy chết của chủ nghĩa tư bản.

Năm 1917, Bác trở lại Pháp và tham gia phong trào công nhân Pháp. Người đã gia nhập tổ chức tiên bộ nhất ở Pháp lúc bấy giờ là Đảng xã hội Pháp. Trong tổ chức này, Bác đã có dịp tìm hiểu thêm về phong trào công nhân, có dịp tiếp xúc và được sự giúp đỡ của nhiều nhà cách mạng nổi tiếng của giai cấp công nhân Pháp. Với tinh thần học tập, phấn đấu kiên cường, vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, Bác đã tiến những bước dài trong quá trình tìm con đường cứu nước.

Tháng 11-1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thành công, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Cách mạng Tháng Mười Nga cũng mở ra bước ngoặt trong phong trào giải phóng dân tộc, đã gắn độc lập, tự do với chủ nghĩa xã hội làm một, với khẩu hiệu nổi tiếng của Lê-nin: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!". Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã làm lung lay tận gốc chủ nghĩa cải lương

của Quốc tế thứ II, dẫn đến việc thành lập Quốc tế cộng sản. Tất cả những sự kiện quan trọng này của đời sống chính trị đã ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến con đường cách mạng của Bác.

Tuy chưa hiểu biết đầy đủ về Cách mạng Tháng Mười Nga, nhưng Bác vẫn hân hoan chào đón với tâm trạng người dân của một dân tộc bị áp bức thấy một dân tộc khác được tự do, thấy giai cấp công nhân và nhân dân lao động được giải phóng. Sau này, Người kể lại: "Về cảm tính tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lê-nin" (10). Người khao khát được đến tận nơi tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga. Người tham gia cuộc vận động nhân dân Pháp quyền góp để giúp nhân dân Nga vượt qua nạn đói. Người phản phát lời hiệu triệu của Đảng xã hội Pháp kêu gọi nhân dân Pháp chống lại sự can thiệp vũ trang của các nước đế quốc và của chính phủ Pháp vào cuộc vận động cách mạng. Người tham gia cuộc vận động bảo vệ những thủy thủ phản chiến trên biển Đen.

Đến đây, Bác tuy vẫn là người yêu nước nhưng đã có những nhận tố cộng sản. Và đó là *mốc quan trọng thứ ba*. Bước chuyển tiếp theo của Bác đã diễn ra trong một thời gian rất ngắn.

Trước sự ra đời của Quốc tế cộng sản, trong phong trào công nhân quốc tế diễn ra một sự phân hóa sâu sắc. Hai con đường đặt ra trước mắt giai cấp công nhân quốc tế: Theo quốc tế thứ II đã phá sản và phản bội hay theo quốc tế thứ III của Lê-nin, thực hiện con đường cách mạng mà Mác, Ăng-ghe-n đã vạch ra? Trong Đảng xã hội Pháp cũng diễn ra cuộc đấu tranh

(10) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1980. tập II. tr. 519.

gay gắt về việc theo Quốc tế nào. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong Đảng xã hội Pháp có ảnh hưởng quyết định tới quá trình tìm đường cứu nước của Bác. Sau này kể lại quá trình đó, Bác viết: «... Khi tôi nêu câu hỏi: «Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức?» thì người ta trả lời: Quốc tế thứ ba. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc *Lược cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc của Lê-nin* vừa đăng trên báo *Nhân đạo*... Từ đó tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lê-nin» (11).

Lược cương của Lê-nin đã giải đáp trúng những vấn đề mà Bác đang tìm hiểu, đã giúp cho Bác khẳng định được: *Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản, con đường của Cách mạng Tháng Mười, con đường chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Đây là bước ngoặt căn bản trên con đường tìm tòi chân lý giải phóng của Bác: Chuyển từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản. Bước ngoặt đó được hoàn thành bằng hành động có ý nghĩa lịch sử trong Đại hội Đảng xã hội Pháp, họp ở Tua tháng 12-1920. Trong Đại hội này, cùng với 3208 đại biểu cánh tả, Bác bỏ phiếu tán thành Quốc tế cộng sản, tán thành lập ra Đảng cộng sản Pháp chống lại 1022 đại biểu cánh hữu phân đối lập Đảng cộng sản.

Bằng hành động lịch sử gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp, Bác đã mở đường cho cách mạng Việt-nam ra khỏi cuộc khủng hoảng về đường lối, đã gần phong trào cách mạng Việt-nam với phong trào cách mạng thế giới; là người Việt-nam đầu tiên gắn

chặt ngọn cờ độc lập dân tộc với ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, đã mở đường cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin thâm nhập vào Việt-nam.

Ở đây ta thấy có một sự trùng hợp lịch sử rất thú vị. Nếu như Pa-ri là nơi diễn ra bước ngoặt lịch sử trọng đại trong cuộc đời cách mạng và khoa học của Mác, chuyển từ chủ nghĩa dân chủ sang chủ nghĩa cộng sản, thì Pa-ri cũng là nơi diễn ra bước ngoặt lịch sử trọng đại trong đời hoạt động của Bác Hồ, chuyển từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản.

Qua 10 năm tìm tòi nghiên cứu (1911 - 1920), vượt qua bao nhiêu gian khổ hy sinh, vượt qua bao nhiêu đại dương, đi qua nhiều đất nước, khảo sát những kinh nghiệm cách mạng, kể cả những kinh nghiệm mới nhất của châu Âu, châu Mỹ, Bác Hồ đã tìm được con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản, là theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những nhân tố nào đã đưa Bác đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhanh chóng và dứt khoát như vậy? Đó là thời đại mới mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga, thời đại mà độc lập dân tộc không thể tách rời chủ nghĩa xã hội, Bác là người Việt-nam đầu tiên sớm nhận ra chân lý đó. Đó là nhu cầu cấp bách của lịch sử Việt-nam: giành lại độc lập tự do cho toàn thể dân tộc. Bác là người sớm nắm bắt được nhu cầu đó và đáp ứng được đòi hỏi của lịch sử. Đó là quá trình kết hợp nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn, trong phong trào giải phóng dân tộc, trong phong trào công nhân đủ các màu da. Đó là sự kết hợp giữa tinh thần cách mạng triệt để và thái độ khoa học nghiêm túc. Bác là người mà từ thuở thiếu niên cho đến lúc qua đời, trọn đời hy sinh cho sự nghiệp của dân

(Xem tiếp trang 70)

(11) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 519.

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CÁC MÁC và thực tiễn xây dựng kinh tế ở nước ta

GIÁO SƯ ĐÀO-VĂN-TẬP

NHIU V. I. Lê-nin đã nhận xét, học thuyết kinh tế của Mác nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và diệt vong của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử. Công trình nghiên cứu khoa học đó thể hiện kiệt xuất nhất qua bộ "Tư bản", trong đó Mác vận dụng sâu sắc và triệt để chủ nghĩa duy vật biện chứng của mình để "giải phẫu" chủ nghĩa tư bản, vạch ra quy luật phát sinh, phát triển và diệt vong tất yếu của nó. Đồng thời, trên cơ sở phân tích một cách khoa học các mâu thuẫn khách quan của chủ nghĩa tư bản và trình độ phát triển mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được, Mác đã đi tới đoạn định thiên tài về những nét cơ bản của xã hội cộng sản chủ nghĩa tất yếu phải ra đời, thay thế chủ nghĩa tư bản thông qua cách mạng vô sản.

Mác đã thừa kế những thành tựu tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp cũng như triết học cổ điển Đức và chính trị kinh tế học cổ điển Anh. Nhưng Mác không giống các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng là những người phê phán chủ nghĩa tư bản chủ yếu theo quan điểm đạo

đức, và chủ trương kiến tạo một xã hội công bằng, bác ái cũng theo quan điểm đó, Mác xây dựng học thuyết chủ nghĩa cộng sản của mình dựa trên tiền đề vật chất - kỹ thuật và lực lượng xã hội do chính chủ nghĩa tư bản tạo ra, hay nói rộng hơn, do kết quả của những quá trình phát triển nối tiếp nhau trong lịch sử. Tiền đề vật chất - kỹ thuật đó là nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa với đại công nghiệp cơ khí hóa làm nóng cốt. Còn lực lượng xã hội đó là giai cấp vô sản, giai cấp mà Mác đã phát hiện ra sự mạng lịch sử có ý nghĩa toàn thế giới của nó là đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản.

Học thuyết về chủ nghĩa cộng sản của Mác, gắn liền với nền sản xuất lớn, có nghĩa là: 1) Nền sản xuất lớn được hình thành và phát triển trong lòng chủ nghĩa tư bản với tất cả những mâu thuẫn gay gắt của nó, trước hết là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thái chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, khiến cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trở thành tất yếu; và 2) chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được xác lập và

củng cố trên cơ sở một nền sản xuất lớn tương ứng; nền sản xuất lớn này là kết quả của việc cải tạo, hoàn chỉnh và phát triển thêm nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, trong trường hợp cách mạng xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi ở một nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Nền sản xuất lớn đó cũng có thể là *kết quả của công cuộc xây dựng tự giác từ đầu hoặc gần như từ đầu thông qua con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*, trong trường hợp cách mạng xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi ở một nước chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Những nước thuộc trường hợp sau có thể tìm thấy trong học thuyết kinh tế của Mác (chủ yếu là qua bộ «*Tư bản*») và sau này qua nhiều tác phẩm của Lê-nin, những chỉ dẫn quý báu có giá trị như những phương châm, nguyên tắc của việc xây dựng, tổ chức và quản lý nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Qua các chỉ dẫn đó, vấn đề nổi lên có tính chất bao trùm là phải nhận thức và vận dụng cho được những quy luật, hay nói dễ dặt hơn, *những vấn đề có tính quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ liên tục lên sản xuất lớn*. Về điểm này, điều đặc biệt có ý nghĩa là sự trình bày hết sức sáng rõ và súc tích của Mác về các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp, đi từ hiệp tác giản đơn, qua hiệp tác có phân công trong công trường thủ công lên đại công nghiệp cơ khí với hình thức tổ chức công xưởng là phổ biến.

Quá trình hình thành và phát triển nền sản xuất lớn được Mác nghiên cứu dưới tất cả các khía cạnh chủ yếu nhất. Trên quan điểm tổng thể của sự hình thành một nền sản xuất xã hội, Mác nghiên cứu sự phát triển của lực lượng sản xuất, việc xác lập quan hệ sản xuất tương ứng và việc tổ chức quản lý phù hợp với lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã xác định:

Xem xét sự hình thành nền sản xuất lớn như là kết quả của một quá trình phát triển kinh tế xã hội được đặc trưng bởi hiệp tác và phân công lao động. Mác nghiên cứu tường tận sự hiệp tác và phân công trong nội bộ xưởng thợ hoặc công xưởng, trong nội bộ một ngành cũng như trên quy mô toàn xã hội.

Xem xét sự hình thành nền sản xuất lớn như là kết quả của một cuộc cách mạng về tư liệu lao động, đặc biệt là về công cụ lao động trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học và tiên bộ kỹ thuật. Mác trình bày tỉ mỉ và đầy sức thuyết phục quá trình đi từ lao động bằng thủ công lên lao động sử dụng máy móc và hệ thống máy móc cũng những vấn đề kinh tế—xã hội nảy sinh từ những cuộc cách mạng trong công cụ sản xuất nói riêng, trong toàn bộ lực lượng sản xuất nói chung.

Với cách diễn đạt hình ảnh, một nhạc sĩ đơn độc thì tự mình biểu diễn, còn một dàn nhạc thì phải có nhạc trưởng. Mác đặc biệt coi trọng và nghiên cứu rất sâu vấn đề tổ chức chỉ huy và quản lý nền sản xuất lớn. Chỉ huy hay quản lý bao giờ cũng thể hiện rõ nét mặt xã hội của nền sản xuất, lại phải phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Chỉ huy hay quản lý đồng thời còn là quá trình tổ chức và quản lý các yếu tố của sản xuất vật chất. Xét theo tiêu chuẩn thứ nhất thì không có một chế độ quản lý chung cho mọi chế độ xã hội. Còn xét theo tiêu chuẩn thứ hai thì rõ ràng là có những nét chung mà các nền sản xuất thuộc các hệ thống xã hội khác nhau có thể thừa kế về tổ chức và quản lý. Trên ý nghĩa đó mà xét thì những nguyên lý chính trị kinh tế học nói chung, những nguyên lý tổ chức và quản lý nói riêng mà Mác trình bày trong bộ «*Tư bản*» vẫn có ý nghĩa chỉ đạo đối với chúng ta ngày nay, vẫn là bộ sách giáo

khoa cho tất cả những người nghiên cứu và quản lý kinh tế. Đúng như đồng chí I. V. An-đrô-pốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên-xô có nói: « Đối với khoa học của chúng ta, bộ " Tư bản " của Mác đã và vẫn là mẫu mực bất diệt về việc đi sâu vào bản chất của các hiện tượng của đời sống kinh tế » (1).

Việc chỉ huy và quản lý sản xuất được Mác nghiên cứu trên cả hai phạm vi: phạm vi từng đơn vị sản xuất và phạm vi toàn xã hội. Phạm vi thứ nhất là đối tượng nghiên cứu trực tiếp của Ông trong tác phẩm vừa nêu. Còn đối với phạm vi thứ hai, sinh thời Mác chưa phải và cũng chưa thể là đối tượng nghiên cứu trực tiếp của Ông, bởi lẽ trong xã hội tư bản mà Ông nghiên cứu, chế độ sở hữu tư nhân và phù hợp với nó là hình thức kinh doanh của tư bản cá thể (và ở một mức độ đáng kể là tư bản tập thể dưới hình thức công ty) chiếm địa vị thống trị. Trên phạm vi toàn xã hội, quy luật sản xuất cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ còn ngự trị. Tuy vậy, qua phân tích những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản và xu hướng lịch sử tất yếu của nó là sẽ bị chủ nghĩa xã hội thay thế, Mác đã chỉ ra rằng một khi nền sản xuất đã được xã hội nắm lấy, nghĩa là xã hội thực hiện việc « tước đoạt bọn di tước đoạt », thiết lập chế độ sở hữu công cộng, thì khi đó nền sản xuất xã hội sẽ được quản lý và điều hành theo kế hoạch đã định trước. Những sự phân tích đặc sắc của Mác về tổ chức công xưởng, lý luận của Mác về quá trình sản xuất trực tiếp, về quá trình lưu thông của tư bản, sau nữa là về các hình thái tồn tại và vận động của tư bản — tất cả những thành quả nghiên cứu đó của Mác phải được coi là những tiền đề lý luận cho việc tổ chức và quản lý nền kinh tế một cách có kế hoạch sau này. Trong số các tiền đề lý luận đó thì học thuyết của Mác về tái sản

xuất tư bản xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có giá trị lý luận và phương pháp luận cho công tác kế hoạch hóa việc xây dựng, phát triển và hoàn thiện cơ cấu sản xuất xã hội.

Chủ thể của mọi nền sản xuất xã hội bao giờ cũng là người lao động, chỉ có vị trí của họ là khác nhau tùy theo chế độ xã hội. Qua công trình nghiên cứu của Mác, ta thấy rõ một tư tưởng rất quan trọng của Ông là nền sản xuất lớn đòi hỏi phải có những con người thích ứng với nó. Xét theo quan điểm của nhà tư bản, thì con người đó trước hết phải là con người « tự do » (tự do bán sức lao động...), con người biết phục tùng kỷ luật công xưởng và quan trọng hơn cả là có năng lực cung cấp cho chủ tư bản lợi nhuận tối đa. Đối với lớp người quản lý làm thuê cho chủ tư bản thì bên cạnh các yêu cầu khác ra, có một yêu cầu cơ bản là phải năng động, thích ứng được với những điều kiện luôn luôn thay đổi trong sản xuất và trên thị trường.

Với con mắt nhìn xa tới cả nền sản xuất và con người lao động trong xã hội tương lai, Mác không dừng lại ở sự phân tích con người lao động và con người quản lý của xã hội đương thời. Qua nghiên cứu đại công nghiệp cơ khí hóa, nhất là qua nghiên cứu chế độ công xưởng dưới chủ nghĩa tư bản, Mác đã chỉ ra mầm mống của nền giáo dục tương lai với đặc trưng cơ bản là cần có sự *kết hợp lao động sản xuất với học tập và rèn luyện thân thể cho thể hệ trẻ*, đúng như Mác và Ăng-ghe-n đã viết trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, nguyên lý « Kết hợp giáo dục với sự sản xuất vật chất » (2), tức với lao động sản xuất. Mác coi đó không chỉ là một phương pháp tăng thêm sản phẩm cho xã hội mà còn là một phương pháp

(1) Tập chí cộng sản số này, tr. 23.

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập I, tr. 49.

duy nhất để đào tạo những con người phát triển toàn diện. Con người "phát triển toàn diện" đó là mẫu người của xã hội cộng sản chủ nghĩa mà Mác đã hình dung. Cần phải làm gì và làm như thế nào để đào tạo những con người như vậy, đó là một nhiệm vụ rất quan trọng của giai cấp vô sản sau khi giành được chính quyền.

Như chúng ta đều thấy nhiệm vụ ấy đã và đang được giải quyết thông qua cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa với tất cả các thiết chế của nó ở nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Thấm nhuần sâu sắc và phát triển một cách toàn diện tư tưởng của Mác về mối liên hệ hữu cơ giữa chủ nghĩa xã hội và nền sản xuất lớn, V.I. Lê-nin đã xác lập học thuyết về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Bộ phận chủ đạo trong cơ sở vật chất — kỹ thuật này là đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo cả nông nghiệp và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Lê-nin tuyên bố: "Cơ sở kinh tế duy nhất có thể được của chủ nghĩa xã hội là đại công nghiệp cơ khí. Ai quên điều đó, người đó không phải là người cộng sản" (3).

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là bộ phận nòng cốt, có ý nghĩa quyết định nhất trong cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội nổi tiếng của Lê-nin. Hai bộ phận còn lại là tập thể hóa nông nghiệp và cách mạng văn hóa. Cùng với quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa, việc tập thể hóa nông nghiệp nhằm thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, thực hiện điều mà Mác và Ăng-ghe-n đã viết trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* "... Những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình trong công thức duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu" (4).

Cách mạng văn hóa do Lê-nin đề xướng và trực tiếp chỉ đạo thực hiện

trong những năm đầu của chính quyền xô viết trước hết chính là nhằm xây dựng và đào tạo những con người mới có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, có tri thức văn hóa khoa học, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, đảm đương các nhiệm vụ lao động và công tác trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Chúng ta đều rõ, khi phát hiện quy luật diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa cộng sản, Mác không hề cho rằng chủ nghĩa tư bản sẽ tự tiêu vong và chủ nghĩa cộng sản tự nó sẽ đến. Trái lại, với quan điểm duy vật lịch sử triệt để, Mác biết rất rõ các quy luật vận động của xã hội là khách quan song chúng phát sinh tác dụng thông qua hoạt động của con người.

Con người hoạt động theo quy luật mà Mác đã phát hiện chính là giai cấp vô sản với sứ mệnh lịch sử không chỉ là đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản mà còn *lò chức và lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng xã hội mới*. Mặt khác, Mác không cho rằng chủ nghĩa cộng sản có thể ra đời trong khoảng khác, chỉ cần thông qua một hành động cách mạng hoặc một quyết định Nhà nước nào đó là xong, mà trái lại *nhất thiết phải trải qua một thời kỳ lịch sử nhất định: thời kỳ quá độ*. Tính chất của thời kỳ này được Mác xác định là *thời kỳ "cải biến cách mạng từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa"*, là thời kỳ "quá độ chính trị, trong đó Nhà nước không thể là cái gì khác hơn là *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*" (5). Mác càng không cho rằng

(3) V.I. Lê-nin: *Bản về công nghiệp nặng và điện khí hóa cả nước*. NXB Sự thật, 1962, tr. 219.

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn*, NXB Sự thật, Hà-nội, 1962, tập I, tr. 38.

(5) Sách đã dẫn, tập II, tr. 31—32.

loài người, sau khi đi hết thời kỳ cải biến cách mạng đó là có thể đi thẳng lên chủ nghĩa cộng sản với nghĩa toàn vẹn của khái niệm này, mà trái lại còn phải trải qua "giai đoạn đầu" (tức giai đoạn thấp) của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Trong giai đoạn đầu này, do trình độ sản xuất còn chưa thật cao, do ý thức tự giác của người lao động chưa đều nhau và một số nguyên nhân khác do xã hội xã hội chủ nghĩa vừa mới thoát thân từ xã hội cũ sau "con đau đẻ kéo dài", cho nên xã hội mới cần phải và chỉ có thể thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc phân phối theo lao động. Dựa theo tư tưởng này, Lê-nin đã đề xuất và lãnh đạo thực hiện việc kiểm kê kiểm soát dưới sự giám sát của giai cấp công nhân. Khẩu hiệu danh thép được nêu ra vào lúc nền kinh tế gặp khó khăn là "ai không làm thì không được ăn".

Liên-xô đã mở đầu con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, từ đỉnh cao của giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển, và với nhiệm vụ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, khi nhìn lại quãng đường đã qua, các đồng chí lãnh đạo Liên-xô thông qua bài viết của đồng chí An-drô-pốp nói trên, bằng kinh nghiệm thiết thân của mình và có lẽ bằng cả kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đã nhấn mạnh ý nghĩa có tính chất nguyên tắc của việc quán triệt vận dụng quy luật phân phối theo lao động trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa, vừa chống chủ nghĩa bình quân, vừa phải chống xu hướng chạy theo việc tăng thu nhập một chiều, bất chấp quy tắc *tiền lương phải tăng chậm hơn năng suất lao động*, bất chấp nguyên lý *lợi ích xã hội, lợi ích tập thể phải đặt trên lợi ích cục bộ và lợi ích cá nhân*. Giáo huấn của Mác và kinh nghiệm của Liên-xô và các nước anh em khác trên vấn đề này rất đáng để chúng ta suy nghĩ và xem xét lại công việc chúng ta đang làm.

Lê-nin đã có công hiển bát hủ trong việc cụ thể hóa những tư tưởng lớn của Mác về chuyển chính vô sản và thời kỳ quá độ và trở thành những lý thuyết riêng biệt trong chính thể chủ nghĩa Lê-nin, tức là chủ nghĩa Mác trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội không những thích hợp với những điều kiện của Liên-xô trong và sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mà còn có ý nghĩa phổ biến đối với tất cả các nước đã đi lên hoặc cùng hướng tới con đường xã hội chủ nghĩa dù đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như ở Đông Âu hay chưa trải qua giai đoạn đó như các nước xã hội chủ nghĩa khác ở châu Á và châu Mỹ la tinh, trong đó có Việt-nam.

Những văn kiện có tính chất cương lĩnh của Đảng ta từ Đại hội III, Đại hội IV đến Đại hội V thể hiện sự thấm nhuần và vận dụng sáng tạo học thuyết kinh tế của Mác và Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, một nước trước cách mạng là thuộc địa và nửa phong kiến, tiến thẳng lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV đề ra và được Đại hội V khẳng định, là một thể thống nhất hữu cơ, trong đó có các vấn đề có ý nghĩa mẫu chốt là: *nắm vững chuyển chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*. Những vấn đề mẫu chốt này, phù hợp với tư tưởng vĩ đại của Mác là xem chủ nghĩa xã hội như là sản phẩm của nền sản xuất lớn và của nền chuyển chính cách mạng của giai cấp vô sản. Những vấn đề mẫu chốt ấy phù hợp với tinh thần công thức nổi tiếng do Lê-nin đề xướng: "Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc".

Việc xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng với những vấn đề then chốt đó có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực lý luận và tư tưởng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, chống lại mọi luận điệu và thủ đoạn của các thế lực thù địch về tư tưởng và chính trị, xuyên tạc hoặc phủ nhận tính khoa học, tính cách mạng và giá trị hiện thực của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Những diễn biến của tình hình kinh tế, xã hội nước ta trước và sau Đại hội thứ V của Đảng chứng tỏ rằng việc nhấn mạnh các vấn đề mấu chốt cần đặc biệt chú ý trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, là hoàn toàn đúng và cần thiết. Các văn kiện của Đại hội thứ V và Nghị quyết của Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ ra và phân tích một cách sâu sắc những thiếu sót của việc không chú ý đầy đủ các vấn đề đó, *đặc biệt là buông lỏng chuyên chính vô sản trên một số mặt*, và những hậu quả tiêu cực của những thiếu sót đó. Bởi vậy, hơn lúc nào hết chúng ta cần thăm nhuần quan điểm của Mác và Lê-nin về mối quan hệ khăng khít giữa chính trị và kinh tế, ở đây là quan hệ khăng khít giữa chuyên chính vô sản và làm chủ tập thể, với công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, quán triệt đường lối của Đảng trong nhận thức và hành động, *làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa*

xã hội của chúng ta diễn ra một cách có tổ chức, có kỷ luật, đưa lại những hiệu quả mong muốn cả về kinh tế và chính trị, cả về vật chất và tinh thần, làm cho các nhân tố xã hội chủ nghĩa giành lấy ưu thế rõ rệt và cuối cùng chiếm địa vị thống trị trong toàn bộ đời sống xã hội.

Đại hội thứ V của Đảng và Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách khoa học, kỹ thuật đã đề ra cho những người làm công tác nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin chúng ta những nhiệm vụ rất nặng nề. Đảng yêu cầu chúng ta không dừng lại ở chỗ thuyết minh đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng - đánh rằng về mặt này chúng ta vẫn còn phải cố gắng rất nhiều - mà quan trọng hơn là phải tham gia theo chức năng và nhiệm vụ của mình vào việc nghiên cứu cụ thể hóa đường lối của Đảng thành chiến lược phát triển kinh tế xã hội với những mục tiêu, chính sách, biện pháp và tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhất.

Có vô số vấn đề trong học thuyết kinh tế của Mác đang được chúng ta cùng nhau nghiên cứu trao đổi đề liên hệ vận dụng vào tình hình thực tế hiện nay. Đưa công tác nghiên cứu của chúng ta ngày càng đi vào chiều sâu, nắm vững cái tinh túy và những nội dung cơ bản trong học thuyết kinh tế của Mác, nâng cao năng lực truyền bá và vận dụng những nguyên lý kinh tế của Mác vào cuộc sống, đó là một vấn đề cấp bách đang đặt ra cho chúng ta.

CÁC MÁC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

NGUYỄN-THÀNH

C. MÁC bước vào vũ đài đấu tranh chính trị lúc chủ nghĩa tư bản đã phát triển, những hành động xâm lược của chủ nghĩa tư bản để lòng kiêu "không gian sinh tồn" không ngừng diễn ra. Hầu hết những nước lạc hậu lần lượt bị chinh phục. Vấn đề áp bức dân tộc kết hợp chặt chẽ với áp bức chủng tộc của giai cấp tư sản châu Âu đối với nhân dân các thuộc địa, là một trong những sự kiện nổi bật của thời đại tư bản chủ nghĩa.

C. Mác nghiên cứu cuộc đấu tranh giai cấp vô sản ở các nước chống chủ nghĩa tư bản, đồng thời nghiên cứu cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa chống sự thống trị của chủ nghĩa tư bản nước ngoài, nghiên cứu vấn đề giải cấp vô sản chống giai cấp tư sản một cách toàn diện đòi hỏi phải đề cập đến vấn đề nhân dân các nước thuộc địa chống chủ nghĩa tư bản, thắng lợi của cách mạng vô sản phải gắn liền với xóa bỏ ách áp bức dân tộc. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ có một nhận xét nổi tiếng: một dân tộc đi áp bức một dân tộc khác thì bản thân dân tộc đó không có tự do, và "hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ" (1).

C. Mác kiên quyết đấu tranh chống ách áp bức của giai cấp quý tộc chuyên chế và chủ nghĩa tư bản nước ngoài

đối với các dân tộc. Ông nghiên cứu quá trình chủ nghĩa tư bản dùng súng đạn làm biến đổi xã hội ở các nước, như phá vỡ chế độ xã hội cổ đại ở Ấn-độ, thì trong một mức độ nhất định, chính nó đã phát triển lực lượng sản xuất ở thuộc địa bằng cách bóc lột dã man các dân tộc đó và tạo ra những tiền đề xã hội cho sự xuất hiện và phát triển của các lực lượng giải phóng dân tộc. C. Mác nhận định rằng sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa có thể diễn ra bằng hai phương thức: một là nhờ kết quả tác động của các lực lượng đấu tranh giải phóng thuộc địa từ trong lòng nước thuộc địa; hai là nhờ cách mạng xã hội chủ nghĩa bùng nổ thắng lợi ở chính quốc mà thuộc địa được giải phóng, vì đối tượng đi áp bức thuộc địa đã bị giai cấp vô sản chôn vùi ở chính quốc. Năm 1847, C. Mác tin chắc rằng giai cấp công nhân Anh do phải Hiến chương đứng đầu sẽ thực hiện một cuộc cách mạng, và cuộc cách mạng đó sẽ đi đến giải quyết vấn đề dân tộc ở châu Âu và nhất là ở Ba-lan. C. Mác viết: "Chính vì vậy phải giải phóng Ba-lan không phải ở Ba-lan, mà là ở Anh. Do đó, các anh, những người thuộc phái Hiến chương

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ: *Tuyên ngôn*. Nhà Sự thật, Hà-nội, 1970. tập I, tr. 48.

không nên tự giới hạn ở sự kêu gọi những điều mong muốn tốt lành về việc giải phóng các dân tộc. Hãy đánh bại những kẻ thù bên trong ở chính nước các anh, và lúc đó, các anh sẽ có quyền ý thức một cách tự hào rằng các anh đã đập tan toàn bộ xã hội cũ» (2).

C. Mác chỉ ra mối liên hệ bên trong của những sự biến về mặt dân tộc và xã hội ở châu Âu và châu Âu bằng cách, một mặt nhấn mạnh sự tất yếu về những hậu quả có tính chất cách mạng của những biến đổi căn bản về mặt kinh tế và xã hội là những biến đổi đang diễn ra dưới tác động của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa ở các nước thuộc địa; mặt khác, nhấn mạnh ảnh hưởng của những sự biến cách mạng của châu Âu đối với các quan hệ xã hội ở châu Âu.

Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa châu Âu và các thuộc địa nhất định dẫn đến những hậu quả cách mạng chính trị dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp: giai cấp vô sản đang đấu tranh nhằm giải phóng các dân tộc bị áp bức, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc chín muồi lại góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản châu Âu.

Thông qua việc giải quyết cụ thể vấn đề giải phóng Ai-rơ-lan, C. Mác phát biểu quan điểm của mình như là tư tưởng cơ bản về khả năng dân tộc thuộc địa đấu tranh giải phóng là *điều kiện đầu tiên* để giải phóng giai cấp vô sản ở nước đi xâm lược. Lúc đầu, C. Mác đặt vấn đề giai cấp vô sản Anh làm cách mạng vô sản thắng lợi sẽ đem lại tự do và giải phóng cho Ai-rơ-lan, nhưng về sau, căn cứ vào sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc Ai-rơ-lan và sự sắp xếp lực lượng giai cấp cùng quan hệ giai cấp ở Anh có thay đổi, C. Mác đặt lại vấn đề, đi tới kết luận sự giải phóng về mặt dân tộc của Ai-rơ-lan là điều kiện đầu tiên để giải phóng giai cấp vô sản Anh.

Trong thư gửi L. Cu-ghe-n-man ngày 29-11-1869, C. Mác nhấn mạnh rằng cần phải đem lại cho giai cấp vô sản Anh ý thức về mình là họ không bao giờ tiến được một bước có tính chất quyết định, chừng nào họ chưa đoạn tuyệt hẳn với chính sách của các giai cấp thống trị về vấn đề Ai-rơ-lan (3).

Trong thư gửi S. Mây-e và O. Phô-gơ-tơ ngày 9-4-1870, C. Mác viết: « Sau khi nghiên cứu nhiều năm đối với vấn đề Ai-rơ-lan, tôi đã đi đến kết luận rằng không phải ở Anh, mà chỉ ở Ai-rơ-lan mới có thể giáng một đòn quyết định vào các giai cấp thống trị ở Anh (và đòn đó còn có ý nghĩa quyết định đối với phong trào công nhân trên toàn thế giới) » (4).

Trong thư gửi P. La-phác-gơ ngày 5-3-1870, C. Mác viết: « Muốn thúc đẩy nhanh sự phát triển về mặt xã hội ở châu Âu thì cần phải thúc đẩy nhanh sự thất bại của nước Anh chính thức. Và muốn làm được việc đó thì cần phải giáng cho nó một đòn ở Ai-rơ-lan. Đó là điểm yếu nhất của nó. Với việc mất Ai-rơ-lan, đế quốc Anh kết thúc và cuộc đấu tranh giai cấp ở Anh đã diễn ra từ trước đến nay dưới hình thức mơ màng kéo dài sẽ đón lấy tính chất ác liệt. Chính vì nước Anh là chính quốc của chế độ đại địa chủ và chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới » (5).

C. Mác còn viết: « Giai cấp tư sản Anh không những đã lợi dụng sự nghèo khổ của Ai-rơ-lan để bán cùng hóa tình cảnh giai cấp công nhân Anh bằng cách cưỡng bức di dân những người nông dân nghèo Ai-rơ-

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: « Vê Ba-lan », *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 4, tr. 372.

(3) Xem Mác và Ăng-ghe-n: *Về chủ nghĩa thực dân*, Nxb Tiến-bộ, Má-xơ-va, bản tiếng Pháp, 1977, tr. 349.

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 32, tr. 556.

(5) Sách đã dẫn, tr. 549.

lan, ngoài ra, nó còn chia rẽ giai cấp vô sản thành hai phe thù địch" (6).

C. Mác nói đến quan hệ giữa Anh và Ai-rơ-lan là sự liên hợp cưỡng bách của giai cấp tư sản Anh bằng nô dịch. Chỉ sau khi giai cấp vô sản Anh cùng với dân tộc Ai-rơ-lan lật đổ chế độ thống trị của giai cấp tư sản và địa chủ Anh mới có thể liên minh bình đẳng và tự do nếu như cả hai bên thấy có lợi, hoặc là tách nhau ra nếu như điều đó là cần thiết. Đó là tư tưởng về quyền dân tộc tự quyết được vận dụng thành phương châm chỉ đạo chính sách liên minh bình đẳng và tự nguyện thành quốc gia liên bang hoặc tách ra thành quốc gia độc lập và bình đẳng của các dân tộc tự do.

C. Mác đã nhìn thấy các dân tộc bị áp bức về thành phần xã hội chủ yếu là nông dân, cho nên vấn đề giải phóng dân tộc liên hệ chặt chẽ với giải phóng nông dân và phải được giải quyết trên cơ sở dân chủ thông qua việc tiến hành giải phóng dân tộc gắn chặt với cách mạng ruộng đất ở Ai-rơ-lan. Ở Ba-lan cũng vậy, lập trường của những người Ba-lan chống lại những kẻ đi áp bức đồng thời cũng là lập trường chống lại tầng lớp quý tộc bên trên trong nội bộ nước Ba-lan. « Ở Ba-lan, những người cộng sản ủng hộ chính đảng đã coi cách mạng ruộng đất là điều kiện giải phóng dân tộc, nghĩa là chính đảng đã làm cuộc khởi nghĩa ở Cra-cô-vi năm 1846 » (7).

C. Mác coi trọng cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân Nga, xem đó là cuộc cách mạng danh dự sự kết hợp phong trào cách mạng của nông dân Ba-lan với phong trào cách mạng của nông dân Nga.

C. Mác phê phán quan niệm sai lầm dựa trên mâu thuẫn của công nhân nước di thống trị và nước bị áp bức. « Người công nhân Anh thường thù ghét công nhân Ai-rơ-lan, xem như là kẻ cạnh

tranh làm cho mức sống của mình bị hạ thấp xuống. Họ tự cảm thấy mình là kẻ đại biểu của *dân tộc di thống trị* đối với công nhân Ai-rơ-lan, và chính vì vậy, họ trở thành công cụ trong tay bọn quý tộc tư bản nước mình *chống lại Ai-rơ-lan*, do đó cũng có địa vị thống trị của chúng đối với *bản thân mình* ». Còn người vô sản Ai-rơ-lan thì « nhìn người công nhân Anh là kẻ tòng phạm và là công cụ mù quáng của *ách thống trị của Anh ở Ai-rơ-lan* » (8). Do đó, các đảng vô sản phải giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân, tuyên truyền và tổ chức sự liên minh anh em trên cơ sở giai cấp của giai cấp công nhân để cùng đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản bóc lột, chống sự liên minh quốc tế của giai cấp tư sản.

C. Mác phê phán phái Pru-đông đã coi thường vấn đề dân tộc, nhất là vấn đề dân tộc của Ba-lan. C. Mác cũng phê phán phái Mát-di-ni không nhận thức được tính chất quần chúng nhân dân của phong trào giải phóng dân tộc mà chỉ coi đó là âm mưu của một số người nhằm lật đổ ách thống trị nước ngoài. Và phong trào quần chúng đó dường như là « những sự khác biệt về mặt giai cấp cũng đều có vị trí trong các cuộc khởi nghĩa dân tộc, chống lại chế độ độc tài của nước ngoài » (9). Đó là sách lược của giai cấp công nhân liên minh với các giai cấp và tầng lớp xã hội thành một mặt trận đấu tranh chung cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cùng với C. Mác, người bạn chiến đấu thân thiết thủy chung nhất là Ph. Ăng-ghe-n đã có những đóng góp có ý nghĩa lịch sử về mặt lý luận và chính trị trong cuộc đấu tranh chống

(6) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Tồn tập*, tiếng Nga, tập 16, tr. 406.

(7) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyên tập*, Nxb Sự thật Hà-nội, 1970, tập I, tr. 64.

(8) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Tồn tập*, tiếng Nga, tập 32, tr. 549.

(9) Sách đã dẫn, tập 8, tr. 573.

áp bức dân tộc. Những luận điểm có tính nguyên tắc về vấn đề thuộc địa của C. Mác đều có sự tham gia của Ph. Ăng-ghe-n. Ph. Ăng-ghe-n đi sâu vào lịch sử phát triển của dân tộc Ai-rơ-lan, bắt đầu từ năm 1869 viết một cuốn sách lịch sử dân tộc Ai-rơ-lan, nhưng vì nhiều việc khác hút đi nên tác phẩm của ông chưa hoàn thành. Tuy vậy, những trang đã viết là một di sản rất quý báu để lại cho dân tộc Ai-rơ-lan, cho giai cấp vô sản tất cả các nước và loài người tiến bộ. Đặc biệt Ph. Ăng-ghe-n đi vào những vấn đề quân sự của cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân và chống xâm lược của các dân tộc như «Cuộc viễn chinh mới của Anh ở Trung-quốc» đầu tháng 4-1857, «Quân đội Anh ở Ấn-độ» ngày 4-6-1858, v.v. Ph. Ăng-ghe-n cũng đã từng nói đến thực dân Pháp xâm lược Việt-nam trong thư gửi C. Cau-xky ở Stút-ga ngày 18-9-1883 và trong «Lời tựa» bộ *Tư bản quyền* III, tập I vào năm 1894 — 1895.



Sau khi Ph. Ăng-ghe-n mất được ít lâu, bọn lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế thứ hai và trong các đảng xã hội — phân bộ của nó, đã xa rời những luận điểm cách mạng của C. Mác về vấn đề thuộc địa. Từ Đại hội thứ VI của Quốc tế thứ hai họp năm 1904 ở Am-xtéc-dam, nhất là từ Đại hội thứ VII họp năm 1907 ở Stút-ga, khuynh hướng tiêu cực trước hành động mở rộng xâm lược thuộc địa phát triển mạnh, đi tới đồng tình với chủ nghĩa đế quốc trong chính sách thuộc địa.

Đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc ra sức bóc lột các dân tộc thuộc địa tàn bạo hơn, đồng thời lại tranh giành nhau thuộc địa, làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc và mâu

thuẫn giữa các đế quốc với nhau trong vấn đề thuộc địa phát triển sâu sắc.

V.I. Lê-nin, người kế tục thiên tài sự nghiệp của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, phát triển lý luận về vấn đề thuộc địa của chủ nghĩa Mác, phát triển khẩu hiệu chiến lược «Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại» thành «Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại». Về mặt lý luận, V.I. Lê-nin đã bác bỏ những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của bọn lãnh tụ Quốc tế thứ hai, và trong thực tiễn, ông đã lãnh đạo cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, xóa bỏ chế độ thống trị thực dân của Nga hoàng, giải phóng cho các dân tộc bị chế độ Nga hoàng áp bức, sau đó chủ trương thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, một quốc gia liên bang tự nguyện của nhiều dân tộc bình đẳng và tự do đầu tiên trên thế giới. V.I. Lê-nin còn đề ra chiến lược và sách lược cho cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới, xác định nhiệm vụ của Quốc tế cộng sản và tất cả các đảng cộng sản trong sự nghiệp vĩ đại này.

Dân tộc Việt-nam từ khi bị chủ nghĩa đế quốc Pháp đến xâm lược, cướp bóc đã không ngừng đứng lên chiến đấu anh dũng và chịu đựng biết bao hy sinh. Nhưng những cuộc chiến đấu đẫm máu đó đã không đem lại kết quả mong muốn. Chỉ đến khi người con ưu tú nhất của dân tộc — Nguyễn-Ái-Quốc — tiếp thu được lý luận của C. Mác và V.I. Lê-nin và đem vận dụng vào Việt-nam, vạch ra con đường đấu tranh đúng đắn để giải phóng dân tộc, thì dân tộc Việt-nam mới đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược, giành được độc lập và thống nhất đất nước. Thắng lợi vẻ vang đó chứng minh sức mạnh thần kỳ của lý luận Mác — Lê-nin.

DÁM NGHĨ, DÁM LÀM

DÁM nghĩ, dám làm là một đức tính rất cần thiết của mọi cán bộ, trước hết là của cán bộ lãnh đạo. Hồ Chủ tịch đã nói: «Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo» (1).

Đức tính đó dĩ nhiên không thể dung nạp thái độ bảo thủ, rụt rè, lười suy nghĩ. Thường trong công tác, trong guồng máy hoạt động của Đảng ta, chúng ta gặp những kiểu người ngại động não, cứ muốn theo lối suy nghĩ đường mòn, hòm qua sao thì hôm nay cứ vậy. Công tác của họ kém hiệu quả, nhà máy, cửa hàng do họ phụ trách sản xuất, kinh doanh thua lỗ, phong trào cách mạng của đơn vị, địa phương họ trì trệ kéo dài v.v. nhưng họ cứ bình chân như vại. Họ đánh giá tình hình, cắt nghĩa nguyên nhân một cách hời hợt, khuôn sáo, nói lại những điều cũ kỹ, cách đây nhiều năm họ đã từng nói. Thề rồi «nhàn» sao thì «quả» vậy. Những chủ trương, những biện pháp mà họ đề ra nhằm cải biến tình hình, do cách suy nghĩ nói trên, trở nên chung chung, thiếu sâu sắc, không đáp ứng được yêu cầu, thành những mũi tên không trúng đích. Sự ngừng trệ trong tâm hồn họ như vậy đã tạo ra sự ngừng trệ trong công tác. Khi mà xã hội phát triển theo nhịp độ bình thường, sự ngừng trệ đó đã là một sức cản đáng lo ngại. Trong những

lúc xã hội đứng trước những bước ngoặt, cách mạng đang ở thời kỳ sôi động, thì sự ngừng trệ đó càng là một tội lỗi lớn vì nó là một sức kéo lùi nguy hiểm.

Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã nêu rõ cần «khuyến khích, giúp đỡ những ngành, địa phương, đơn vị, những cán bộ có những sáng kiến mới để mạnh dạn làm thử cái mới hoặc sửa đổi cái lạc hậu trong phạm vi quyền hạn của mình» (2).

Những cán bộ, đảng viên không «dám nghĩ» có thể do nhiều nguyên nhân. Có người do nhiệt tình cách mạng đã nguội lạnh, ý chí chiến đấu sa sút, lo việc chung thì ít mà lo việc riêng thì nhiều, tình việc riêng thì đầu ra đẩy, làm mọt, nhiều tài, còn việc chung thì dề mệck kẻ khác, làm việc theo kiểu «nước chảy bèo trôi». Họ cho rằng, nghĩ ra cái mới chỉ thêm phiền phức, đúng thì chỉ là lợi chung, không đúng thì chỉ «khó khăn» cho riêng mình, vừa mệt óc, vừa mất công, v.v. Có người lại do tầm nhìn quá bó hẹp, do kiến thức quá nông cạn, không thấy gì sâu, không nghĩ gì sâu hơn ngoài những điều mà mọi người bình thường đã thấy, đã nghĩ.

(1) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng* Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 43.

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập III, tr. 52.

Nghĩ không sâu, không mạnh dạn, thì không thể có biện pháp tốt, sáng kiến hay, và do vậy cứ loanh quanh với những cách làm cũ kỹ, tình trạng trì trệ khó mà được khắc phục. Trái lại, khi nghĩ đúng, những ý nghĩ mạnh bạo, đẩy sức cách mạng tiến công sẽ dẫn tới những sáng kiến hay, những hành động sáng tạo và sẽ xoay chuyển nhanh chóng được tình thế.

Dám nghĩ đối lập hoàn toàn với lối suy nghĩ ần, phiêu lưu, bất chấp quy luật. Những kẻ tìm kiếm những tư tưởng, những ý nghĩ khác đời, khác người, đối lập với quan điểm tư tưởng của Đảng, với những suy nghĩ chung của xã hội, của trào lưu tư tưởng tiến bộ v.v., thực chất là những kẻ đi ngược lại phong trào cách mạng. Những kẻ chỉ quen với lối đặt ngược vấn đề, phủ nhận cả những điều đã được thực tế khẳng định, đã được lịch sử và khoa học chứng minh là đúng v.v., thì rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa hoài nghi. Và những kẻ nghĩ bừa, nghĩ ần, bất chấp tình hình thực tế, bất chấp quy luật, bất chấp cơ sở khoa học thì chỉ là những kẻ thiếu kiến thức... Bởi vì những suy nghĩ đúng đắn, cách mạng không phải ngẫu nhiên mà có. Nó phải là kết quả tổng hợp của nhiều mặt. Muốn suy nghĩ đúng phải nắm vững tư tưởng chỉ đạo của Đảng, nắm vững tình hình thực tế, hiểu đúng bản chất sự việc, nắm vững quy luật phát triển của sự vật, của cuộc sống, từ đó, dựa vào vốn kiến thức và kinh nghiệm cách mạng phong phú, tìm ra phương án tối ưu. Không có nhiệt tình cách mạng thì không có sự đổi mới trong suy nghĩ. Song nếu không có tri thức cần thiết thì sẽ không biết phải làm gì, từ đó mà dễ đi tới chỗ nghĩ bừa, nghĩ sai. Và, những ý nghĩ sai lầm do sự thiếu kiến thức sinh ra nhiều khi lại có sức phá hoại không phải là nhỏ.

Dám nghĩ, phải đi đôi với dám làm. Sức mạnh, phẩm chất, giá trị của con

người v.v. thể hiện ở hành động. Kết quả của hành động chứng minh tính đúng đắn của tư tưởng, và từ đó có tác dụng nâng cao tâm suy nghĩ. Có người có những suy nghĩ đúng, mạnh dạn, song họ suy nghĩ rồi để vậy, không dám hành động để thử nghiệm những suy nghĩ, những phương án của mình. Những ý nghĩ những phương án của họ rốt cuộc vẫn chỉ nằm trong óc, trên lời nói hoặc trên giấy. Họ thiếu dũng khí để hành động: họ ngại mất công sức, ngại khó khăn, ngại va chạm, sợ trách nhiệm v.v. Đối với những người không chịu hành động một cách cụ thể, thiết thực, thì như Lê-nin đã nói, đó là những người « chỉ biết bàn cãi suông, chứ không làm cái gì ra trò cả ».

Dám làm có nghĩa là hành động với nhiệt tình cao, với ý thức trách nhiệm đầy đủ, dám nhìn thẳng vào những khó khăn, vượt qua mọi khó khăn, quyết giành cho được hiệu quả cao. Dám làm còn có nghĩa là dám nhận sai lầm, thiếu sót và quyết tâm sửa chữa. Người dám làm không ngại gian khổ, khó khăn, luôn luôn vững một lòng tin là trước bất cứ công việc gì đều có thể phân đấu để ngày càng làm tốt hơn. Người dám làm không chịu đi theo nếp cũ, đương môn, không cam chịu trì trệ, không cam phận « ăn di trước, lội nước theo sau », có gang tìm những chủ trương mới, biện pháp mới và sẵn sàng đi tiên phong trong việc thực hiện cái mới. Người dám làm thẳng không kiệu, bại không nản, tỉnh táo trước những diễn biến phức tạp của tình hình, không đổ trách nhiệm cho khách quan, cho người khác.

Những cán bộ dám làm là những vốn quý của Đảng. Hồ Chủ tịch đã từng dạy: « Phải đào tạo một mớ cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thể Đảng mới thành công ».

« Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, để bảo « đập đi, họ đứng » không

dám phụ trách, như thế là một việc thất bại cho Đảng » (3).

Hiện nay, chúng ta đang đứng trước những khó khăn gay gắt về kinh tế, về đời sống. Khó khăn càng nhiều thì càng phải nghĩ ra cách làm tốt, càng phải có gan làm. Nơi nào ngành nào, đơn vị nào dễ cho tình trạng trì trệ kéo dài là điều đáng chê trách, là có tội đối với sự nghiệp chung. Vì vậy, hơn bao giờ hết, các tổ chức Đảng, các cán bộ, đảng viên cần phát huy cao độ phong cách dám nghĩ, dám làm, nhanh chóng tạo bước chuyển biến mới, tốt đẹp, đặc biệt là trên mặt trận kinh tế. Trong thực tế, những nhân tố mới, kết quả của phong cách dám nghĩ, dám làm, đã nảy sinh ở nhiều đơn vị, nhiều địa phương, báo hiệu một thời kỳ mới đang bắt đầu. Để thúc đẩy những nhân tố mới đó ngày càng nở rộ, các tổ chức Đảng, các cấp ủy Đảng cần có thái độ khuyến khích, cổ vũ những cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm, chân thành chỉ vẽ và tiếp sức cho họ khi họ gặp va vấp, khó khăn.

Dĩ nhiên, dám làm hoàn toàn không có nghĩa là làm bừa, làm ẩu. Bằng những hành động liều lĩnh, tùy tiện, làm trái quy luật, làm sai chính sách, sai nguyên tắc tức là làm bừa, làm ẩu, thì nhất định sẽ dẫn tới những kết quả xấu, nhiều khi rất tai hại. Điều này thường xảy ra đối với những cán bộ, đảng viên thấp kém về kiến thức, về ý thức tổ chức, kỷ luật, về ý thức tập thể v.v. Trong chúng ta đã chẳng từng có những người không hiểu gì về khoa học thủy lợi mà cứ

ra lệnh đào mương, đắp đập một cách bừa bãi, không hiểu gì về quản lý kinh tế mà cứ "sáng tác" ra những phương án mà kết quả duy nhất chỉ dẫn đến thất bại... Cũng đã có những người không nắm vững thực chất của vấn đề ba lợi ích kinh tế, không nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, đã có những cách làm sai trái, bòn rút của Nhà nước để vun vén cho cá nhân, gây thiệt hại cho nền kinh tế v.v. Lại có những người quá cường điệu những đặc điểm của đơn vị, của địa phương, của ngành, mượn cớ dám làm, mượn cớ sáng tạo để đề ra những chủ trương, những chế độ trái với những chính sách, những quy định của Đảng và Nhà nước. Đó không phải là thái độ dám làm theo nghĩa đúng. Đó chỉ là cách làm bừa, làm ẩu. Đối với từng cá nhân, cách làm bừa, làm ẩu đó nhất định sẽ mang lại sai lầm, hư hỏng trong công tác cũng như về phẩm chất. Đối với các đơn vị, địa phương v.v. cách làm đó càng nguy hiểm hơn, nó sẽ tạo nên những thói quen rất xấu, những lộn xộn rất nguy hiểm mà nhiều khi phải trả giá rất đắt.

Cho nên, để dám làm một cách đúng đắn, thiết tưởng cần ghi nhớ một cách sâu sắc lời dạy của Lê-nin: "Phải giữ vững quy tắc: chỉ hành động khi đã suy nghĩ chín chắn" (4).

CHÍNH-TRỊ

(3) Hồ-Chí-Minh: Về xây dựng Đảng, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 50.

(4) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1976, tập 45, tr. 444.

MỘT BƯỚC TIẾN MỚI CỦA PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT

VŨ - HIỀN



Hội nghị cấp cao lần thứ bảy các nước không liên kết họp ở Niu Đê-li đã kết thúc thắng lợi. Đó là thắng lợi của ý chí và nguyện vọng của nhân dân các nước không liên kết, của nhân dân tiến bộ thế giới, là thất bại sâu cay của bọn thực dân đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, và tay sai, của bọn phản động Bắc-kinh, của những kẻ cơ hội chủ nghĩa trong nội bộ phong trào.

Có những vấn đề cơ bản mà thời đại đang đặt ra: làm thế nào bảo vệ được hòa bình, ngăn ngừa được thảm họa chiến tranh hạt nhân do cuộc chạy đua vũ trang của bọn đế quốc gây ra? làm thế nào cho các nước đang phát triển thoát khỏi tình trạng bị bọn đế quốc bóc lột, cướp đoạt tài nguyên, chà đạp nhân phẩm? Hội nghị Niu Đê-li đã trả lời thắng vào những vấn đề đó. Những vấn kiện cuối cùng của hội nghị về các vấn đề chính trị và kinh tế là tài liệu có ý nghĩa lịch sử, thể hiện ý chí chung kiên quyết đấu tranh cho hòa bình, hòa hoãn, giải trừ quan hệ, chống chạy đua vũ trang, tiếp tục giương cao ngọn cờ chống chủ nghĩa đế quốc

chủ nghĩa thực dân, vì độc lập, chủ quyền của các dân tộc, tiến tới một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng hợp lý. Những chủ trương của hội nghị về bảo vệ hòa bình, về cơ bản phù hợp với những sáng kiến hòa bình của Hội nghị Ủy ban chính trị hiệp thương các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va họp ở Pra-ha đầu năm nay, phù hợp với nguyện vọng bức thiết và sâu xa của loài người tiến bộ. Hội nghị ủng hộ mạnh mẽ các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bành trướng và bá quyền... để giành lại và giữ gìn độc lập tự do. Hội nghị đòi phải thúc đẩy cuộc thương lượng toàn bộ về một trật tự kinh tế thế giới mới, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống âm mưu của Mỹ và các thế lực khác đang tiếp tục áp đặt quan hệ không bình đẳng, chèn ép về kinh tế đối với các nước đang phát triển. Hội nghị đòi phải xây dựng một thế giới mới công bằng hợp lý, trong đó các nước đang phát triển có vị trí xứng đáng của mình. Không thể nghi ngờ, «đây là một hội nghị có kết quả tốt. Tốt hơn

sự mong đợi của những người tham gia Phong trào không liên kết. Còn những kẻ phá hoại thì thất bại thảm hại». Đó là lời đánh giá của Chủ tịch Phạm-Văn-Đồng sau khi hội nghị kết thúc.

Những kết quả đó phản ánh một bước tiến quan trọng của Phong trào không liên kết.

Một là, mục tiêu cơ bản của phong trào đã được giữ vững. Trải qua cuộc đấu tranh gay gắt kéo dài giữa hai khuynh hướng trong nội bộ của phong trào, một bên là các lực lượng tiến bộ kiên quyết giữ lập trường nguyên tắc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, vì độc lập và chủ quyền dân tộc, một bên là các thế lực tiêu cực, cơ hội chủ nghĩa chủ trương giữ phong trào « đứng giữa các khối », nhằm kéo phong trào đi trệch hướng, thỏa hiệp vô nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc. Những năm qua, Oa-sinh-ton cầu kết với Bắc-kinh, thông qua các thế lực theo đuôi họ ở trong Phong trào không liên kết, ráo riết tiến hành gây chia rẽ, làm suy yếu, đánh lạc hướng mục tiêu đấu tranh, khiến cho phong trào gặp không ít khó khăn. Nhưng ngay từ Hội nghị cấp cao lần thứ ba ở Lu-xa-ca (Đăm-bi-a), rồi đến các hội nghị cấp cao ở An-giê, Cô-ôm-bô, và nhất là ở La Ha-ba-na, trước những thắng lợi vang dội của nhân dân Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trước khi thế đấu tranh ngày càng dâng cao của các dân tộc trên thế giới trong thời kỳ « sau Việt-nam », cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng trong phong trào đã đưa đến bước phát triển quan trọng: đấu tranh chống đế quốc, giành lại và giữ gìn độc lập dân tộc đã trở thành xu thế chủ yếu của Phong trào không liên kết. Đến Hội nghị Niu Đê-li kỳ này, xu thế đó càng được khẳng định, như Thủ tướng Ấn-độ In-di-ra Gan-đi, chủ tịch mới của phong trào đã đồng

dục tuyên bố: « Không liên kết không có nghĩa là mơ hồ, tiêu cực, trung lập, không liên kết có nghĩa là độc lập và tự do. Chúng ta chủ trương hòa bình, bình đẳng giữa các dân tộc và dân chủ hóa những quan hệ quốc tế về kinh tế cũng như về chính trị ».

Hai là, Phong trào không liên kết đã nhìn rõ mình hơn và nhìn rõ hơn đối tượng đấu tranh. Với 101 nước là thành viên chính thức, chiếm hai phần ba số nước và 40% số dân trên trái đất, phong trào đã thật sự trở thành một tổ chức quốc tế rộng lớn, chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong đời sống chính trị thế giới. Sức mạnh của phong trào còn được tiếp thêm bởi sự ủng hộ, cổ vũ của hệ thống xã hội chủ nghĩa và của những trào lưu tiến bộ trên trái đất này. Sức mạnh của phong trào đã phát triển tới mức cả bọn đế quốc và phản động cũng phải đổi giọng, làm ra vẻ « thân thiết » với phong trào. Nhưng phong trào càng thấy rõ bộ mặt của những kẻ « thân thiết » ấy. Đó là bọn thực dân cũ và mới đang hằng năm bóc lột tới 90% kim cương, 80% vàng và coban, 60% platinum, 90% mangan của châu Phi. Đó là những kẻ gây ra tình trạng chậm tiến ở các nước đang phát triển: các nước này chiếm hai phần ba số dân trên thế giới mà chỉ sản xuất được 15% tổng sản phẩm của thế giới, nợ nước ngoài lên tới 630 tỷ đô la, gần 800 triệu người sống trong tình trạng « nghèo tuyệt đối », một nghìn triệu người thiếu ăn, 900 triệu người mù chữ. Trong khi đó thì sản phẩm công ty siêu quốc gia của các nước tư bản chủ nghĩa hằng năm thu về 100 tỷ đô la lợi nhuận từ các nước đang phát triển. Chính vì vậy mà Hội nghị Niu Đê-li đã lên án thái độ chậm trễ, ích kỷ, thiếu thiện chí của các nước tư bản phát triển đối với các cuộc đàm phán toàn bộ trong khuôn khổ « quan hệ Bắc - Nam ». Hội nghị đã có sự nhất trí cao trong việc phản đối những thủ đoạn xấu xa của chủ nghĩa đế

quốc, chủ nghĩa thực dân đối với các nước đang phát triển trên lĩnh vực kinh tế, tiền tệ và mậu dịch. Đặc biệt nghị quyết chính trị của hội nghị đã vạch mặt, chỉ trích đích danh chủ nghĩa đế quốc Mỹ, đặt chúng lên ghế bị cáo: ở Trung Đông, Mỹ đã trở thành đồng minh chiến lược của tên tội phạm chiến tranh I-xra-en; ở châu Phi, Mỹ duy trì những quan hệ tru dài đối với chế độ phân biệt chủng tộc Pre-tô-ri-a; ở Trung Mỹ, Mỹ can thiệp thô bạo vào độc lập, chủ quyền của các nước. Hoa-kỳ cũng bị phê phán mạnh về vấn đề liên quan đến hòa bình, giải trừ quân bị, đến chạy đua vũ trang vũ khí chiến lược và vũ khí hạt nhân. Mỹ thật sự là kẻ thù tự nhiên của phong trào các nước không liên kết.

Ba là, qua Hội nghị Niu Đê-li, Phong trào không liên kết càng đoàn kết nhất trí hơn. Từ nhiều tháng trước khi hội nghị họp và trong quá trình hội nghị, Oa-sinh-tơn và Bắc-kinh đã hoạt động tất bật: những chuyến đi châu Phi của những người lãnh đạo Trung-quốc để lôi kéo, lừa bịp; những cái loa của Oa-sinh-tơn và Bắc-kinh ra rả tuyên truyền để gây thù địch, chia rẽ, phân hóa, khoét sâu những bất đồng trong phong trào; những hành động gây sức ép và xúi bẩy bên tay sai và theo đuổi chúng trong hội nghị, kể cả những thủ đoạn mờ ám v.v. Đặc biệt, chúng làm âm mưu gọi là « vấn đề Cam-pu-chia », « vấn đề Áp-ga-ni-xtan », đòi kéo bằng được Xi-ha-núc đến dự hội nghị. Chúng kích động thêm về những vấn đề mà phong trào đang tranh luận và giải quyết như cuộc chiến tranh I-ran-I-rắc, tưởng rằng, vì những vấn đề gây cản áy, hội nghị phải đi vào tranh luận triển miên không dứt, nà « nhạt » về những vấn đề chính yếu. Nhưng các âm mưu đen tối đó đã bị thất bại thảm hại. Dù cho phong trào các nước không liên kết có tình đa dạng và khác biệt nhau đến mấy, thậm chí có cả bất đồng, nhưng tất cả đều đi tới

nhất trí với nhau về phương hướng chung và tìm được tiếng nói chung trên những vấn đề cơ bản của phong trào. Thắng lợi rực rỡ của Hội nghị cấp cao Niu Đê-li chứng tỏ phong trào « thống nhất hơn bao giờ hết, độc lập hơn bao giờ hết và thuộc về chúng ta hơn bao giờ hết », như đồng chí Phi-đen Ca-xô-rô nêu rõ. Những tiếng nói lạc lõng của những kẻ hung hăng kiểu Xanh-ga-po chỉ là « gây ông lại dập lưng ông », còn những kẻ đứng ngoài « thọc gậy bánh xe » là bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh thì cũng phải « ngậm bồ hòn khen ngọt ». Trái với ý muốn của Bắc-kinh, nghị quyết về quyền đại diện Cam-pu-chia ở La Ha-ba-na không những không bị phủ định mà càng được củng cố thêm về mặt pháp lý. « Cái thầy ma diệt chủng Pôn Pốt và cái « chính phủ liên hợp » hầu lớn của Xi-ha-núc mà bọn Bắc-kinh ôm ấp, chẳng được mấy ai chú ý tới. Xu thế đối thoại giữa các nước ASEAN và các nước Đông-dương mà Bắc-kinh muốn phá hoại qua Hội nghị Niu Đê-li, càng được củng cố.

Nguồn gốc sức mạnh của Phong trào không liên kết chính là ở chỗ mục tiêu cơ bản của nó phù hợp với mục tiêu cơ bản của thời đại, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử, chính là ở chỗ nó tập hợp được mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa a pác thai, chủ nghĩa xi ôn, chủ nghĩa bành trướng và bá quyền. Thắng lợi của Hội nghị Niu Đê-li bắt nguồn từ sự biến đổi so sánh lực lượng trên thế giới, đặc biệt là mấy năm qua, từ sự trỗi dậy của các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ trong thế giới thứ ba. Sự đấu tranh kiên quyết của các lực lượng tích cực trong phong trào như Việt-nam, Cu-ba... vai trò nổi bật của Ấn-độ trên trường quốc tế và trong hội nghị, đã

góp phần quan trọng vào thành công của hội nghị.

Trung thành với lý tưởng của mình, Phong trào không liên kết trong nhiều năm qua đã kiên trì ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam. Các nghị quyết, lời kêu gọi của các hội nghị cấp cao đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Giữa lúc bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, tăng cường chính sách thù địch chống nhân dân Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, gây tình hình căng thẳng ở Đông Nam Á, những nghị quyết của Hội nghị cấp cao không liên kết lần thứ bảy vừa bế mạc là sự cổ vũ to

lớn đối với nhân dân ta. Qua hội nghị Niu Đê-li, sự nghiệp chính nghĩa của Việt-nam và các nước Đông-dương càng được sáng tỏ. Lập trường của nhân dân ta được sự đồng tình, ủng hộ của đại đa số các nước không liên kết. Về phần mình, nhân dân ta đã đóng góp tích cực vào việc củng cố và phát triển Phong trào không liên kết, cùng các lực lượng cách mạng, tiến bộ trong phong trào kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu và hành động nhằm gây chia rẽ phá hoại phong trào. Thắng lợi rực rỡ của Hội nghị cấp cao Niu Đê-li cùng với việc nước Cộng hòa Ấn-độ, một trong những nước sáng lập phong trào, giữ trọng trách chủ tịch phong trào trong ba năm tới là nhân tố thúc đẩy Phong trào không liên kết tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

Con đường dẫn Bác Hồ đến chủ nghĩa Mác

(Tiếp theo trang 53)

tộc, của giai cấp, vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Cuộc đời của Bác là một tấm gương, một bài ca bất diệt.

Tự hào về Đảng ta, về nhân dân ta, về Bác Hồ vĩ đại, chúng ta càng vô cùng biết ơn Các Mác, người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, người trao cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới vũ khí sắc bén để đấu tranh và giành thắng lợi, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp: xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Danh giá vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với quá trình phát triển và cải tạo của cách mạng nước ta, Bác Hồ đã dùng một hình tượng rất dễ hiểu, nhưng cũng rất sâu sắc: -

“ Ở nước ta và ở Trung-quốc cũng vậy, có câu chuyện đời xưa về cái “cầm nang” đầy phép lạ thần tình. Khi người ta gặp những khó khăn lớn, người ta mở cầm nang ra, thì thấy ngay cách giải quyết. Chủ nghĩa Lê-nin (tức là chủ nghĩa Mác - Lê-nin - H. Q.) đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt-nam, không những là cái “cầm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản » (12).

(12) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 176 — 177.

ПЕРЕДОВАЯ — Марксизм — наше идеологическое оружие. Ю. В. АНДРОПОВ — Учение Маркса и некоторые проблемы социалистического строительства в СССР. НГУЕН ВИНЬ — Карл Маркс и наша эпоха. НГУЕН ВАН ФУНГ — Путь, приведший К. Маркса к коммунизму. ХОНГ КУАНГ — Путь, приведший Хо Ши Мина к Марксизму. ДАО ВАН ТАП — Марксистское учение об экономике и практика экономического строительства в нашей стране. НГУЕН ТХАНЬ — Карл Маркс и колониальный вопрос. ВУ ННЕН — Новый поступательный шаг движения неприсоединения.

REVIEW OF COMMUNISM № 5-1983

Editorial — Marxism — Our Ideological Weapon. I. V. ANDROPOV — Karl Marx's Doctrine and Some Problems of Socialist Construction in the U.S.S.R. NGUYỄN-VINH — Karl Marx and Our Time. NGUYỄN-VĂN-PHÙNG — The Path Which Led Karl Marx to Communism. HỒNG-QUANG — The Path Which Led Uncle Ho to Marxism. ĐẠO-VĂN-TẬP — Karl Marx's Economic Doctrine and the Practice of Economic Construction in Our Country. NGUYỄN-THÀNH — Karl Marx and the Question of Colonies. VŨ-HIỆN — A New Step Forward of the Non-Aligned Movement.

REVUE DU COMMUNISME № 5-1983

Editorial — Le Marxisme — notre arme idéologique. I. V. ANDROPOV — La doctrine de Marx et quelques problèmes de l'édification du socialisme en U.R.S.S. NGUYỄN-VINH — Karl Marx et notre époque. NGUYỄN-VĂN-PHÙNG — Le chemin qui a conduit Karl Marx au communisme. HỒNG-QUANG — Le chemin qui a conduit l'Oncle Ho au marxisme. ĐẠO-VĂN-TẬP — La doctrine économique de Karl Marx et la pratique de l'édification économique dans notre pays. NGUYỄN-THÀNH — Karl Marx et la question coloniale. VŨ-HIỆN — Un nouveau pas du mouvement des Non-alignés.

REVISTA DEL COMUNISMO № 5-1983

Editorial — El Marxismo, nuestra arma ideológica. I. V. ANDROPOV — La doctrina de Carlos Marx y algunos problemas sobre la edificación del socialismo en la Unión Soviética. NGUYỄN-VINH — Carlos Marx y nuestra era. NGUYỄN-VĂN-PHÙNG — El camino que conduce a Carlos Marx al comunismo. HỒNG-QUANG — El camino que conduce al Tio Ho al marxismo. ĐẠO-VĂN-TẬP — La doctrina económica de Carlos Marx y la práctica edificación económica en nuestro país. NGUYỄN-THÀNH — Carlos Marx y el problema colonial. VŨ-HIỆN — Un nuevo paso de avance del Movimiento de Países No Alineados.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 5

1983

NĂM THỨ XXVIII (329)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG

TẠI MIỀN NAM :

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 25768, 22010

MỤC LỤC

Xã luận — Chủ nghĩa Mác — vũ khí tư tưởng của chúng ta	1
H. V. AN-DRÔ-PÔP — Học thuyết của Các Mác và một số vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô	7
NGUYỄN-VĨNH — Các Mác và thời đại chúng ta	25
NGUYỄN-VĂN-PHÙNG — Con đường dẫn Các Mác đến chủ nghĩa cộng sản	37
HỒNG-QUANG — Con đường dẫn Bác Hồ đến chủ nghĩa Mác	47
ĐÀO-VĂN-TẬP — Học thuyết kinh tế của Các Mác và thực tiễn xây dựng kinh tế ở nước ta	51
NGUYỄN-THÀNH — Các Mác và vấn đề thuộc địa	60
Sinh hoạt tư tưởng ★ CHÍNH-TRỰC — Dám nghĩ, dám làm	61
VŨ-HIỀN — Một bước tiến mới của phong trào không liên kết	67

8102 - B

Tim đọc:

- MÁC - ĂNG-CHEN TOÀN TẬP - Tập 1

- MÁC - ĂNG-CHEN TUYỂN TẬP - Tập 1

Công trình hợp tác xuất bản với Cộng hòa
dân chủ Đức - Trọn bộ 6 tập

- HỒ-CHÍ-MINH TOÀN TẬP - Tập 3 (1935 - 1945)

- HỒ-CHÍ-MINH TUYỂN TẬP - Trọn bộ 2 tập

- HỒ-CHÍ-MINH:

- Về phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm
- Về tư cách của người đảng viên cộng sản

★

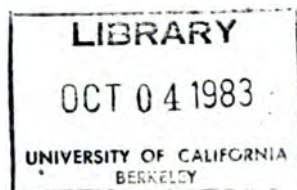
NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

6

6.1983



XÂY DỰNG HÀ - NỘI XỨNG ĐÁNG LÀ THỦ ĐÔ ANH HÙNG CỦA NƯỚC TA



Ở vị trí quan trọng của mình, thủ đô Hà-nội phải được xây dựng thành một thành phố **tiêu biểu** cho chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, làm **chỗ dựa** cho sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Là trung tâm đầu não về chính trị, Hà-nội phải bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống, thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, và có phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng. Đảng bộ Hà-nội phải vững mạnh; cán bộ và công nhân Hà-nội phải tiêu biểu cho ý thức giác ngộ giai cấp, tinh thần đoàn kết, ý chí chiến đấu kiên cường, năng lực sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và kỷ luật của giai cấp công nhân Việt-nam.

Là một trung tâm lớn về kinh tế và một trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước, Hà-nội phải giàu mạnh, bảo đảm được nhu cầu sản xuất và đời sống trên địa bàn thành phố, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển chung của nền kinh tế quốc gia, với một cơ cấu công—nông nghiệp hợp lý. Trong đó có những ngành nghề và sản phẩm có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của cả nước, và đối với xuất khẩu. Hà-nội phải tiêu biểu cho cách làm ăn có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có nhiều sản phẩm có tin nhiệm trên thị trường trong nước và trên một số thị trường ngoài nước.

Là trung tâm lớn nhất về văn hóa và khoa học kỹ thuật, Hà-nội phải là nơi tỏa ánh sáng chính trị, văn hóa, tư tưởng ra cả nước và có ảnh hưởng tốt đối với thế giới. Người Hà-nội phải tiêu biểu cho con người mới xã hội chủ nghĩa có ý thức và năng lực làm chủ tập thể, có nếp sống văn minh, lành mạnh, thanh lịch. Hà-nội phải là đỉnh cao của đất nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và củng cố quốc phòng, an ninh.

Phấn đấu cho Hà-nội thật sự tiêu biểu cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một sự nghiệp gian khổ và vẻ vang. Trong sự nghiệp này, chúng ta có những **thuận lợi rất cơ bản**. Trải qua gần 30 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hà-nội ngày nay đã trở thành một thành phố sản xuất, ở đó quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị thống trị trong các ngành kinh tế, lực lượng sản xuất đã được tăng cường, với nhiều ngành nghề công nghiệp, nhiều cơ sở quan trọng nghiên cứu-khoa học kỹ thuật và đào tạo cán bộ. Ngoại thành đã được mở rộng hơn. Nhân dân Hà-nội, mà đại bộ phận dân cư nội thành là cán bộ và công nhân viên chức, có trình độ chính trị, văn hóa và có truyền thống cách mạng vẻ vang. Ở đây, có nhiều công nhân và thợ thủ công lành nghề, có đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa đông đảo, giàu năng lực sáng tạo. Đảng bộ Hà-nội là một trong những đảng bộ lớn nhất toàn quốc. Giữa trung ương và địa phương trên địa bàn thành phố có mối quan hệ đặc biệt cho phép huy động sức mạnh tổng hợp để xây dựng thủ đô.

Song mặt khác, việc xây dựng thủ đô cũng có **nhiều khó khăn lớn**. Cơ sở vật chất và kỹ thuật phát triển chậm, bố trí phân tán, không cân đối, đặc biệt là kết cấu hạ tầng và các công trình công cộng quá nhỏ bé, thiếu thốn và lạc hậu. Tình trạng này đòi hỏi phải có nhiều thời gian mới khác phục được. Sản xuất công nghiệp (kể cả liên công nghiệp, thủ công nghiệp) phần lớn dựa vào nguyên liệu nhập khẩu. Những hàng thiết yếu về đời sống mà Nhà nước cung cấp cho hầu hết dân cư nội thành một phần rất quan trọng là do nước ngoài viện trợ. Trong khi đó, khả năng cung ứng lương thực, thực phẩm và nông sản nguyên liệu của các tỉnh đồng bằng sông Hồng và cửa ngoại thành Hà-nội còn bị hạn chế. Do đó, sự lên xuống của xuất khẩu và nhập khẩu có tác động lớn đến sản xuất và đời sống của Hà-nội.

Hà-nội có nhiều người ăn lương và là nơi tập trung đông cán bộ, công nhân viên chức khu vực hành chính sự nghiệp (của cả trung ương và địa phương). Đó là những người có nhiều khó khăn nhất về đời sống hiện nay.

Bộ máy quản lý Nhà nước, quản lý-kinh tế, từ nhiều năm nay được xây dựng và hoạt động theo cơ chế quan liêu bao cấp lại tập trung một phần quan trọng ở Hà-nội.

Những yếu tố đó gây sức ỳ lớn trong hoạt động kinh tế và tác động tiêu cực đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế xã hội ở thủ đô.

Hà-nội là địa bàn mà địch tập trung phá hoại về nhiều mặt, đặc biệt là tiến hành chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý đi đôi với phá hoại về kinh tế và văn hóa.

Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn về kinh tế, đời sống, hai năm qua đảng bộ và nhân dân Hà-nội có nhiều cố gắng thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và đã đạt được một số **thành tựu, tiến bộ**. Hà-nội đã chặn được sự giảm sút về sản xuất công nghiệp; từng bước xây dựng nông nghiệp ngoại thành thành vành đai thực phẩm; bước đầu chuyển biến tốt về xuất khẩu; cố gắng giải quyết một số nhu cầu bức thiết về đời sống như: cung cấp lương thực, thực phẩm, sắp xếp việc làm, xây dựng nhà ở, tăng thêm nguồn nước...; bảo đảm an ninh chính trị và tăng cường lực lượng vũ trang

Có được những thành tựu nói trên, chủ yếu là do số đông cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức ở Hà-nội vẫn giữ vững phẩm chất chính trị của mình; kiên trì phấn đấu khắc phục khó khăn, tích cực chấp hành và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực. Đồng thời các cấp ủy Đảng và chính quyền ở Hà-nội đã bước đầu có sự chuyển biến về công tác củng cố cơ sở, về tác phong đi vào thực tế và cải tiến quản lý kinh tế.

Tuy nhiên, tình hình chung của thành phố Hà-nội chuyển biến chậm, còn nhiều mặt yếu, kém. Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, công suất máy móc được sử dụng thấp; năng suất, chất lượng, hiệu quả kém. Sản xuất nông nghiệp trong một thời gian dài giảm sút tại chỗ, trình độ thâm canh thấp, chưa phát huy được thuận lợi của việc mở rộng ngoại thành. Tiềm năng về kinh tế và về khoa học-kỹ thuật trên địa bàn thành phố mới được khai thác và sử dụng ở mức thấp. Trộn địa xã hội chủ nghĩa không được củng cố, thậm chí bị đẩy lùi trên một số lĩnh vực, nhất là trên mặt trận phân phối lưu thông. Đời sống công nhân viên chức còn rất khó khăn; chất lượng công tác văn hóa, giáo dục, y tế nói chung thấp; vệ sinh thành phố kém, hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự trị an còn nhiều mặt chưa tốt.

Tình hình trên đây có phần do khó khăn khách quan, song chủ yếu do những khuyết điểm của bản thân chúng ta.

Nhiều cơ quan của Trung ương Đảng và Chính phủ chưa có quan điểm rõ ràng và thống nhất về xây dựng thủ đô, chưa thật sự tập trung ưu tiên cho Hà-nội trong việc đầu tư xây dựng cơ bản và phân phối các phương tiện vật chất. Nhiều bộ và ngành trung ương chưa làm tốt việc xây dựng và quản lý ngành trên địa bàn Hà-nội; sự liên kết giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương còn yếu. Chưa tích cực sửa đổi cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, chậm phân cấp quản lý cho thành phố. Bộ máy quản lý các ngành trung ương chậm chuyển biến, đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức thuộc trung ương quản lý cũng có nhiều biểu hiện tiêu cực.

Về phía thành phố thì sự lãnh đạo của thành ủy kém năng động, thiếu nhạy bén; ý chí cách mạng liên công, tinh thần chủ động sáng tạo, tự lực vươn lên trong đảng bộ thành phố nói chung còn yếu; tư tưởng ỷ lại, tình trạng bảo thủ trì trệ chậm được khắc phục. Trên nhiều mặt, phong trào quần chúng ở Hà-nội còn yếu. Đáng chú ý là đảng bộ thành phố chưa nhận rõ cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nước ta đang tiếp diễn rất gay go, phức tạp, chưa thấy rõ tác động của chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, cho nên đã buông lỏng chuyển chính vô sản trên nhiều mặt, buông lỏng quản lý kinh tế-xã hội, đặc biệt là trên lĩnh vực quản lý thị trường, trong công tác chính trị, tư tưởng, văn hóa và trong việc bảo đảm trật tự, trị an. Công tác xây dựng Đảng chưa phát huy được sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của một đảng bộ lớn, tập trung đáng viên có trình độ cao. Công tác cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Cấp phường chậm được xây dựng và kiện toàn. Bộ máy chỉ đạo của cấp thành và quận, huyện cũng chưa bảo đảm được nhiệm vụ.



Xây dựng thủ đô Hà-nội xứng đáng với vị trí quan trọng của nó là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây

đựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đồng thời là trách nhiệm và nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước.

Dương nhiên trong việc xây dựng thủ đô, Trung ương Đảng và Chính phủ cũng như đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà-nội đều có trách nhiệm quan trọng, song các địa phương khác trong cả nước cũng phải góp phần xây dựng thủ đô, tăng cường quan hệ hợp tác về kinh tế và văn hóa, khoa học — kỹ thuật với thủ đô.

Trước hết, cần nghiên cứu **phương án xây dựng thủ đô về mọi mặt** trong những năm 80, có lĩnh đến bước phát triển trong những năm sau, theo **những tư tưởng chỉ đạo như sau** : đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng : kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng mới ; thực hiện tốt phương châm : trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng xây dựng thủ đô ; tích cực cải tiến và nâng cao trình độ quản lý kinh tế — xã hội, đưa công tác quản lý thành phố vào nền nếp v.v. nhằm làm cho thủ đô Hà-nội thật sự tiêu biểu cho chế độ xã hội chủ nghĩa, và làm chỗ dựa cho sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Trong phương án xây dựng thủ đô, phải xác định rõ **phương hướng, bước đi** đề tạo ra **cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp trên địa bàn thành phố**, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, phân bổ lực lượng sản xuất trong cả nước.

Nói chung cần ưu tiên bố trí trên địa bàn Hà-nội những ngành nghề và cơ sở sản xuất công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, không gây ô nhiễm, và hợp lý về vận tải (ví dụ : cơ khí, đặc biệt là cơ khí chính xác, hàng kim khí, điện tử, mỹ nghệ v.v.). Về những mặt hàng thủ công xuất khẩu làm bằng nguyên liệu nhập khẩu, cũng cần lập trung giải quyết việc làm cho Hà-nội. Bên cạnh những ngành trên, Hà-nội còn có những ngành, nghề phục vụ sản xuất và đời sống của bản thân thành phố là chủ yếu, như sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng thông dụng, chế biến lương thực, một số mặt hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng...

Phải rất coi trọng việc phân bổ hợp lý các cơ sở công nghiệp trên địa bàn thành phố, nhằm đáp ứng yêu cầu cân đối việc phát triển công nghiệp với việc xây dựng kết cấu hạ tầng (đặc biệt là mạng lưới điện, nước, giao thông), nhà ở và các công trình công cộng khác phục vụ đời sống vật chất và văn hóa của dân cư.

Nông nghiệp ngoại thành hiện nay có khả năng đáp ứng không những nhu cầu thực phẩm mà cả đại bộ phận nhu cầu lương thực của toàn thành phố. Cần có kế hoạch, biện pháp giải quyết cho được yêu cầu này trong một số năm bằng cách đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm ở ngoại thành, đồng thời tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm bổ sung lấy từ các huyện tiếp giáp và một số nông trường mà Trung ương tăng cường đầu tư và Hà-nội phát triển quan hệ hợp tác, hỗ trợ. Cùng với sản xuất lương thực, thực phẩm, phải coi trọng cây công nghiệp và cây xuất khẩu, đẩy mạnh phong trào trồng cây « đời nhờ ơn Bác Hồ », phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, cá...

Với tiềm năng của mình và sự giúp đỡ của Trung ương, Hà-nội phải mau chóng đạt trình độ thâm canh cao trong nông nghiệp, tiến tới dần dần về năng suất cây trồng và năng suất chăn nuôi so với những nơi cùng điều kiện đất đai và khí hậu như mình.

Đi đôi với phát triển sản xuất và củng cố các hợp tác xã nông, nghiệp, phải tạo ra những làng kiểu mẫu về nông thôn xã hội chủ nghĩa bằng sức của hợp tác xã, của nhân dân và được Nhà nước hướng dẫn về quy hoạch, thiết kế và góp phần đầu tư vào một số công trình công cộng.

Trong những năm 1983 — 1985, đảng bộ Hà-nội tập trung sức thực hiện **bốn mục tiêu kinh tế và xã hội** mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra, với những yêu cầu sát hợp với đòi hỏi của tình hình thực tế. Mọi hoạt động của các ngành, các lĩnh vực công tác ở thành phố đều phải, thấu suốt nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), hướng vào việc bảo đảm thực hiện bốn mục tiêu nói trên, với kế hoạch, biện pháp phần đầu cụ thể.

Đề bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ xây dựng thủ đô và các nhiệm vụ kinh tế — xã hội trước mắt, phải **xây dựng đảng bộ Hà-nội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, kiện toàn chính quyền** ba cấp ở thành phố, đẩy mạnh **phong trào cách mạng của quần chúng**.

Giáo dục toàn thể cán bộ, đảng viên trong đảng bộ nâng cao ý chí chiến đấu trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, tinh thần cách mạng tiến công, chủ động, sáng tạo; chống tư tưởng ỷ lại, hoài nghi, dao động và thái độ bàng quan, vô trách nhiệm. Hơn lúc nào hết, cán bộ, đảng viên phải thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu của mình trong công tác và trong lối sống lành mạnh.

Quản lý chặt chẽ công tác và sinh hoạt của mỗi cán bộ, đảng viên, thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Chấn chỉnh tổ chức và sinh hoạt của các chi bộ, đảng bộ cơ sở ở đường phố. Nghiên cứu cách phối hợp công tác giữa đảng bộ Hà-nội và đảng bộ các khối cơ quan trung ương để làm tốt việc giáo dục, mọi đảng viên sống và làm việc trên đất Hà-nội nêu cao ý thức trách nhiệm xây dựng thủ đô, thật sự là nòng cốt đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội.

Nhanh chóng kiện toàn cả ba cấp chính quyền ở Hà-nội, chú trọng tăng cường cấp phường. Lựa chọn cán bộ tốt và có năng lực khá, nhạy bén với tình hình và nhiệm vụ, đề bổ sung vào cơ quan lãnh đạo các cấp của thành phố. Kiên quyết thay đổi những cán bộ bất lực, trì trệ, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất.

Các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ phải cải tiến công tác, có những hình thức linh hoạt để thu hút quần chúng tham gia các mặt hoạt động xây dựng và quản lý thành phố phù hợp với chức năng của từng đoàn thể. Cổ gắng tạo nên phong trào cách mạng của quần chúng thi đua sản xuất, công tác, thực hành tiết kiệm, xây dựng lối sống lành mạnh, giữ gìn trật tự và vệ sinh công cộng, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, với ý thức tự hào của người dân thủ đô làm chủ thành phố của mình.



Trong những năm trước mắt, Hà-nội cần phải giải quyết tốt những vấn đề cấp bách sau đây:

1 — Ổn định một bước đời sống của nhân dân, đặc biệt là công nhân viên chức và các lực lượng vũ trang.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng bộ trưởng và sự giúp đỡ của các bộ, các ngành và các địa phương có liên quan, Hà-nội phát huy mọi biện pháp bảo đảm cho được việc cung cấp ổn định 9 mặt hàng theo định lượng, bảo đảm chất lượng và đúng thời gian. Trong việc phân phối các mặt hàng nói trên phải kiên quyết chống mất mát, hư hao, lãng phí, móc ngoặc và các biểu hiện tiêu cực khác.

Các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng chính sách liên lương, liên thưởng, bảo-đảm lương thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên chức một cách hợp lý, tránh lối làm không chính đáng, mà thực chất là xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ gia đình công nhân viên chức sản xuất phụ, vừa tăng thu nhập, vừa có thêm của cải cho xã hội; chấm dứt tình trạng trung gian kiếm lời không chính đáng.

Tích cực sắp xếp việc làm, ưu tiên cho con em công nhân viên chức.

Động viên mọi người nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực góp phần khắc phục khó khăn chung, đẩy mạnh sản xuất, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, tạo điều kiện cho việc ổn định và cải thiện đời sống.

2 — Sắp xếp lại và đẩy mạnh sản xuất, xây dựng.

Về sản xuất công nghiệp, hướng chính trong những năm trước mắt là sử dụng tối năng lực sản xuất hiện có; đầu tư theo chiều sâu là chủ yếu; việc xây dựng cơ sở mới cũng nhằm trước hết là đồng bộ hóa để tận dụng các cơ sở đã có. Được ưu tiên cung cấp năng lượng, nguyên liệu, các xí nghiệp ở thủ đô phải tiếp tục phát huy quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh; đồng thời chấn chỉnh quản lý, sửa chữa những lệch lạc, sơ hở, đặc biệt là trong việc tìm thêm vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

Giải quyết tốt những vấn đề về chính sách và biện pháp để phát triển mạnh tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; tăng cường quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp bằng nhiều hình thức thích hợp. Tiếp tục củng cố và phát triển các hợp tác xã; có biện pháp cải tạo và quản lý thích hợp với từng loại tổ sản xuất; sắp xếp và hướng dẫn những người còn làm ăn cá thể sản xuất đúng hướng.

Về giao thông vận tải, phải cải tạo và xây dựng có trọng điểm mạng lưới giao thông vận tải. Tăng cường, lập trung phương tiện vận tải và nhiệm vụ vận chuyển thủy, bộ cho ngành giao thông vận tải thành phố để làm nhiệm vụ đầu mối giao thông quan trọng của cả nước.

Về nông nghiệp, trong khi từng bước bố trí lại sản xuất, cần tập trung sức giải quyết một số yêu cầu trước mắt về thực phẩm và lương thực. Bảo đảm cung cấp rau ổn định cho thành phố. Phát triển mạnh chăn nuôi trong khu vực kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, đồng thời khôi phục các cơ sở chăn nuôi quốc doanh (lợn, gà, bò), tăng năng suất và sản lượng cá trên những mặt nước do Nhà nước quản lý.

Tiếp tục củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, chấn chỉnh các hợp tác xã yếu kém, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến người lao động, phát huy và uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện cơ chế này.

Thành ủy cần chấn chỉnh và tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo đối với nông nghiệp ngoại thành.

Về xây dựng cơ bản, đi đôi với việc đầu tư có trọng điểm cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, cần coi trọng việc cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng, nhà ở và các công trình công cộng khác, đồng thời chuẩn bị cho một số công trình quan trọng sẽ xây dựng trong những năm sau.

Cần bố trí kế hoạch xây dựng đồng bộ, tập trung, dứt điểm, đưa vào sử dụng nhanh. Kêu gọi cổ gắng tăng cường đầu tư của Nhà nước với việc huy động thêm sức của các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã và nhân dân thành phố, nhất là sử dụng số người lao động chưa có việc làm.

3 — Lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Trước hết, chấn chỉnh hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh, tăng cường hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất, kinh doanh, gây rối thị trường, đặc biệt là phải quản lý chặt chẽ sản phẩm và hàng hóa của Nhà nước, ngăn chặn tình trạng lấy cắp, móc ngoặc, luồn hàng ra thị trường "lự do".

Tăng cường lực lượng, mở rộng hoạt động và nâng cao chất lượng phục vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cả trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa và các hoạt động dịch vụ.

Mở rộng trận địa của thị trường có tổ chức, trước hết là về những mặt hàng thiết yếu, đồng thời tăng cường công tác quản lý thị trường "lự do". Kiên quyết đấu tranh chống bọn đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, ngăn chặn và trừng trị bọn « phe phây » móc nối với những phần tử thoái hóa trong thương nghiệp quốc doanh và trong các cơ sở kinh tế quốc doanh khác. Nghiêm khắc xử lý theo pháp luật bọn đầu sỏ lũng đoạn, phá rối thị trường, phá rối kinh tế.

Thành phố phải phối hợp với các cơ quan kinh tế và pháp luật của trung ương khẩn trương điều tra nghiên cứu kỹ, kiên quyết xóa bỏ những tư sản kinh doanh thương nghiệp mới xuất hiện.

4 — Bảo đảm an ninh trật tự.

Phải bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của thủ đô; kiên quyết đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đặc biệt là chống gián điệp, chống chiến tranh tâm lý, bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước.

Đề làm tốt công tác trên, phải củng cố và tăng cường các lực lượng vũ trang của thành phố (quân đội, công an); phát huy mạnh mẽ vai trò của quần chúng và của các tổ chức cơ sở, của chính quyền cấp phường trong công tác giữ vững trật tự, trị an.

Giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ bí mật; dũng cảm đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả bọn lợi phạm, lưu manh còn đồ, đầu cơ, buôn lậu, phá rối trật tự, trị an.

5 - Tăng cường chỉ đạo các hoạt động trên mặt trận văn hóa và tư tưởng.

Mọi hoạt động văn hóa ở thủ đô đều phát hướng vào các yêu cầu: **xây dựng và giữ gìn nếp sống xã hội chủ nghĩa, lành mạnh, văn minh**, kiên quyết loại trừ văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan: riêng trong lĩnh vực kinh tế, phải giáo dục ý thức chủ động, sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ, ỷ lại, đồng thời nắm vững đường lối của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt những nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các cán bộ đảng viên phải đi đầu trong việc xây dựng nếp sống lành mạnh, văn minh. Các ngành của trung ương trên mặt trận văn hóa phải cùng với thành phố chăm lo xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân thủ đô, coi đó là nhiệm vụ công tác quan trọng thường xuyên của ngành mình. Thành phố phải kiểm soát mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra ở thủ đô, ngăn chặn kịp thời những hoạt động văn hóa không lành mạnh và chạy theo mục đích kinh doanh đơn thuần.

Nâng cao chất lượng các mặt công tác giáo dục, y tế, thể dục thể thao, công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, chăm sóc thanh niên, thiếu niên, nhi đồng của thành phố, góp phần tích cực vào việc xây dựng nếp sống lành mạnh, có văn hóa.



Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác của Thủ đô Hà-nội đã phân tích một cách sâu sắc tình hình của thành phố, khẳng định những thành tích và chỉ ra những thiếu sót, đồng thời vạch rõ phương hướng và nhiệm vụ xây dựng thủ đô vững mạnh. Đảng bộ Hà-nội căn cứ vào nghị quyết của Bộ chính trị, tiến hành tự phê bình và phê bình, tổng kết công tác đã làm trong những năm qua, đề ra nhiệm vụ, biện pháp công tác thiết thực trong những năm tới.

Toàn đảng bộ hãy nêu cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cải tiến công tác, tạo nên khí thế mới trong việc chấp hành nghị quyết của Đảng về xây dựng Thủ đô. Các địa phương khác trong cả nước hãy ra sức tăng cường quan hệ hợp tác với Hà-nội, tích cực góp phần xây dựng thủ đô.

Chúng ta tin tưởng rằng đảng bộ và nhân dân thủ đô Hà-nội đã từng đánh thắng mọi kẻ thù, sẽ không chùn bước bất cứ khó khăn nào, tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, dũng cảm tiến lên, hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng Hà-nội xứng đáng là thủ đô anh hùng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

THỰC HIỆN TỐT VIỆC SẮP XẾP LẠI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

ĐỖ - MƯỜI

SỰ CẦN THIẾT PHẢI SẮP XẾP LẠI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Trong thời gian qua, trên mặt trận kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng, chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để khôi phục, cải tạo, xây dựng, bước đầu phát triển, và đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Tuy nhiên, trong những năm chiến tranh, để đáp ứng yêu cầu hậu cần tại chỗ và ứng phó với hoàn cảnh chiến đấu, công nghiệp nước ta phải phân tán, chia cắt; mặt khác, nhiều ngành công nghiệp được hình thành và phát triển tùy theo khả năng tranh thủ được viện trợ, do đó, việc đầu tư xây dựng không được tính toán đồng bộ, không bảo đảm sự cân đối giữa sản xuất với nguồn năng lượng và nguyên liệu, giữa sản xuất với kết cấu hạ tầng và dịch vụ, giữa trước mắt và lâu dài.

Miền Nam được hoàn toàn giải phóng có làm tăng thêm năng lực của nền công nghiệp, nhưng đồng thời cũng làm tăng thêm sự mất cân đối, vì miền Nam trước đây chịu hậu

quả nặng nề của chủ nghĩa thực dân mới, lệ thuộc hoàn toàn vào bên ngoài về thiết bị, phụ tùng, nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu, kể cả những vật tư, nguyên liệu có khả năng sản xuất trong nước.

Hậu quả của chiến tranh lâu dài chưa khắc phục xong, nền kinh tế vốn lạc hậu và mất cân đối trầm trọng, lại bị đảo lộn lớn trong những năm sau chiến tranh, những biến động bất lợi trong nền kinh tế thế giới cùng với hoạt động phá hoại nhiều mặt của đế quốc Mỹ và bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã gây thêm khó khăn cho tình hình kinh tế nước ta.

Mặt khác, do kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 đạt thấp, những khuyết điểm trong quản lý chậm được khắc phục, công tác quy hoạch và kế hoạch làm chậm và có nhiều sai sót, tệ quan liêu, bao cấp và buông lỏng trong quản lý kéo dài đã làm tăng thêm khó khăn, mất cân đối của nền kinh tế.

Gần đây, nguồn nhập khẩu và cung ứng vật tư, năng lượng giảm

sút, giá cả lại tăng lên gấp nhiều lần. Các điều kiện sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp đã có sự thay đổi lớn, trong khi đó sản xuất chưa được sắp xếp lại, cơ chế quản lý và chính sách chưa chuyển biến kịp. Do đó, sản xuất công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp gặp thêm khó khăn không những về thiếu năng lượng, vật tư... mà còn cả về vốn, tiền mặt, tiêu thụ...; việc sử dụng công suất thiết bị trong các xí nghiệp chỉ còn khoảng 40%.

Tình hình nói trên đòi hỏi phải sắp xếp lại một bước sản xuất công nghiệp theo phương hướng của Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và của kế hoạch 1983 - 1985, tổ chức lại các mối quan hệ kinh tế giữa các ngành, sản xuất công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa sản xuất với tiêu dùng, giữa trung ương với địa phương, giữa các ngành, các địa phương, các cơ sở với nhau, để chuyển sản xuất công nghiệp từ chỗ chủ yếu dựa vào viện trợ bên ngoài sang tự lực tự cường là chính và hợp tác cũng có lợi với các nước anh em và các nước khác; từ chỗ tự cung tự cấp, phân tán, chia cắt sang sản xuất, kinh doanh theo một kế hoạch và cơ chế quản lý thống nhất trong cả nước; trên cơ sở đó, tạo được những cân đối mới, bảo đảm sản xuất ổn định và phát triển đúng hướng, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Tình hình chung trên đây ít nhiều đều ảnh hưởng đến việc sắp xếp lại từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở công nghiệp. Nhưng các nguyên nhân trực tiếp dẫn tới mất cân đối trong sản xuất rất đa dạng, trong mỗi ngành có thể có các khía cạnh cụ thể khác nhau (năng lượng, nguyên liệu, trang thiết bị, vận tải, thị trường, tổ chức quản lý...); cho nên việc sắp xếp trong từng ngành, từng địa phương và từng cơ sở công nghiệp vừa xuất phát từ tình hình và

yêu cầu chung của việc sắp xếp lại toàn bộ nền kinh tế, vừa có sự vận dụng cho sát hợp với đặc điểm riêng, nhằm đạt được các mục tiêu thực tế, cụ thể của mình.

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM SẮP XẾP LẠI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp trước hết phải dựa vào tình hình thực tế hiện nay là, tình trạng mất cân đối về kinh tế, tài chính đang diễn ra rất nghiêm trọng, nhất là về năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải, ngoại tệ... Vì vậy, cần tiến hành phân loại nhu cầu, phân loại xí nghiệp để tập trung lực lượng đáp ứng các nhu cầu chủ yếu nhất, bảo đảm hoạt động của các xí nghiệp trọng điểm, đề với khả năng vật chất có hạn mà vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Mặt khác, cần căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội thứ V và Hội nghị thứ 3 của Trung ương Đảng đã thông qua, ra sức động viên mọi lực lượng của Nhà nước và nhân dân, của Trung ương, địa phương và cơ sở để khai thác các thế mạnh về lao động, đất đai, ngành nghề và các khả năng tiềm tàng về mọi mặt, nhằm phát triển sản xuất, tạo nên cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý trong phạm vi cả nước và trên từng vùng lãnh thổ, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu về đời sống, quốc phòng và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, sắp xếp lại sản xuất không có nghĩa là thu hẹp sản xuất, mà ngược lại là đề có cơ cấu sản xuất hợp lý hơn, thích ứng với hoàn cảnh nguồn năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật ít hơn; tuy có bộ phận có cơ sở sản xuất cần điều chỉnh lại

sản xuất, thậm chí cần tạm ngừng sản xuất cho phù hợp với khả năng thực tế, nhưng nhìn chung trên toàn tuyến, sản xuất vẫn phát triển, tiến lên đạt cho kỳ được phương hướng, mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước 1983 - 1985.

Phương hướng chung của sắp xếp sản xuất công nghiệp là tập trung sức thúc đẩy phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng để khăn trương và từng bước khắc phục sự mất cân đối nghiêm trọng về năng lượng, vật tư, phụ tùng, nguyên liệu, giao thông vận tải..., hướng vào phục vụ đắc lực cho nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, kết hợp nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý.

Những mục tiêu cụ thể phải đạt là:

- Sản xuất cần đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trên cơ sở bảo đảm sự phát triển theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước, bảo đảm cân đối giữa các ngành, các vùng, các địa phương, các cơ sở, các thành phần kinh tế, tập trung được mọi khả năng vào việc thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch Nhà nước. Cần ưu tiên dành các điều kiện vật chất cho việc đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm thiết yếu phục vụ đời sống, xuất khẩu và củng cố quốc phòng, những sản phẩm tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách. Trong các xí nghiệp cùng sản xuất ra một loại hàng, cần dành ưu tiên cho những cơ sở sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Cần kiên quyết chuyển hướng hoặc đình chỉ sản xuất ở những cơ sở nào mà về trước mắt cũng như lâu dài, không có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực; giảm bớt hoặc

đình chỉ xây dựng những công trình chưa thật cần thiết, hoặc xây dựng xong mà không bảo đảm điều kiện sản xuất. Cần coi trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cải tiến quản lý, ra sức phấn đấu nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, hạ giá thành, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, hạn chế đi tới xóa bỏ các hoạt động tiêu cực trong kinh doanh công nghiệp.

- Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp phải nhằm tạo nên thế cân đối tích cực; cố gắng giảm bớt sự mất cân đối giữa sản xuất với sản xuất, giữa sản xuất với khả năng cung ứng về năng lượng, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ; giữa sản xuất với kết cấu hạ tầng và dịch vụ. Trong khi tập trung sức bảo đảm thực hiện chiến lược kinh tế của Đảng, tạo được các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống và xuất khẩu, vẫn cố gắng đẩy mạnh xây dựng một số ngành công nghiệp nặng then chốt hướng vào phục vụ nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời ra sức tận dụng cơ sở, khả năng tiềm tàng về nhân lực, tài lực, vật lực để tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, tăng thêm sản phẩm xã hội, theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "trung ương, địa phương và cơ sở cùng làm".

- Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp cần nhằm *chỉnh đốn lại tổ chức sản xuất*, kinh doanh của các ngành, nghề từ trung ương đến địa phương và cơ sở, xác định được phương hướng sản xuất và phương án sản phẩm đúng đắn, xác định quy mô, hình thức sản xuất thích hợp, rà soát lại trang thiết bị để cải tạo hoặc đồng bộ hóa trang bị kỹ thuật, nhằm sử dụng đến mức tối đa công suất thiết bị, rà soát lại lực lượng lao động để có phương

hướng sắp xếp, sử dụng hợp lý và có hiệu quả hơn, nhằm tận dụng ngày công, giờ công chế độ, cân đối lại toàn bộ các yếu tố của lực lượng sản xuất, tăng cường hạch toán kinh tế và cải tiến phương thức kinh doanh có hiệu quả hơn.

— Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp cần kết hợp với việc cải tiến nhiều mặt quản lý quan trọng khác, nhằm xây dựng một cơ chế kinh tế của quản lý hợp lý hơn, năng động hơn... trước hết là đổi mới công tác kế hoạch hóa và hệ thống các đơn vị kinh tế, bảo đảm sản xuất phát triển đồng thời với việc củng cố và tăng cường các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó, thành phần quốc doanh đóng vai trò chủ đạo.

Đề đạt được những mục tiêu của việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp nêu trên, khi tiến hành sắp xếp, cần làm theo các phương châm sau đây:

— Bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng, bảo đảm thực hiện đúng đường lối chính sách và các phương hướng kế hoạch đã được Đại hội thứ V của Đảng vạch ra.

— Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý sản xuất, kinh doanh và trong phân công, phân cấp hợp lý.

— Cải tiến mạnh mẽ công tác kế hoạch hóa, kết hợp kế hoạch hóa với quan hệ thị trường, sản xuất với tiêu thụ.

— Kết hợp chặt chẽ việc xây dựng với cải tạo, tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế hợp tác, tạo được thế mạnh cho công nghiệp trung ương đủ sức đảm đương vai trò chủ đạo, làm nòng cốt cho toàn bộ nền công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

— Bảo đảm thực hiện sự kết hợp giữa lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động, kết hợp chặt chẽ trách nhiệm, quyền hạn và

quyền lợi của trung ương, địa phương và cơ sở.

— Nghiên cứu, sắp xếp tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế, không máy móc, rập khuôn, kết hợp chặt chẽ quy mô lớn, vừa và nhỏ, trước mắt chủ trọng quy mô vừa và nhỏ; kết hợp chặt chẽ lao động cơ giới, nửa cơ giới và thủ công, trước mắt cố gắng sử dụng tối đa lao động sống, lao động thủ công để tạo ra sản phẩm xã hội.

NỘI DUNG SẮP XẾP LẠI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Trong những năm qua, sản xuất công nghiệp đã có những bước phát triển nhất định, nhưng do thiếu quy hoạch thống nhất và đồng bộ, cho nên đã làm tăng thêm sự phân tán, manh mún, mất cân đối nhiều mặt trong sản xuất, những bất hợp lý trong phân cấp kinh doanh giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa các khu vực quốc doanh, tập thể và cá thể, đưa lại hiệu quả kinh tế thấp.

Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp chính là quá trình khắc phục tình trạng nói trên, nhằm phát triển các ngành kinh tế, kỹ thuật, các vùng lãnh thổ theo quy hoạch và kế hoạch trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, cơ cấu đã đề ra trong nghị quyết của các Đại hội thứ IV, thứ V và nghị quyết Hội nghị thứ 3 của Trung ương Đảng.

Trong khi chưa xây dựng được tổng sơ đồ phân bổ lực lượng sản xuất theo ngành và theo lãnh thổ trong phạm vi cả nước, nhằm tạo nền cho đất nước một cơ cấu kinh tế tối ưu, thì ít nhất các cấp lãnh đạo ngành, địa phương và cơ sở cũng phải dựa trên sự phân tích các đặc điểm cơ bản, những kinh nghiệm rút ra trong thời gian qua, đề tạm thời xác định phương hướng phát triển

cho tới khoảng năm 1990, làm căn cứ sắp xếp kinh tế ngành, kinh tế lãnh thổ, sản xuất kinh doanh ở các đơn vị cơ sở, và tổ chức tốt sự liên kết kinh tế và hợp tác sản xuất, kinh doanh với các ngành, địa phương và cơ sở khác.

Phạm vi sắp xếp lại sản xuất công nghiệp cần bao quát các vấn đề sau đây :

— Sắp xếp lại các yếu tố của quá trình sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

— Sắp xếp lại tổ chức quản lý, đặc biệt là làm tốt việc phân công, phân cấp quản lý và việc tinh giản, hợp lý hóa bộ máy quản lý nhằm phục vụ đặc lực nhất sản xuất phát triển.

— Di dời với sắp xếp lại sản xuất, cần cải tiến một bước cơ chế kinh tế của quản lý, làm cho công tác kế hoạch hóa và các chính sách về đòn bẩy kinh tế phát huy được mạnh mẽ tác dụng phục vụ và kích thích sản xuất phát triển.

Ba mặt sắp xếp trên đây cần được tiến hành một cách đồng bộ, ăn khớp, hợp lý, và xoay quanh việc sắp xếp lại tổ chức sản xuất, kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Vì vậy, sắp xếp lại sản xuất công nghiệp cần bao gồm các nội dung sau đây :

1. Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất công nghiệp (xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp xí nghiệp, hợp tác xã...).

Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất công nghiệp cần được tiến hành theo hướng tăng cường các quá trình tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất. Các đơn vị cơ sở cần căn cứ vào khả năng thực tế về điện, nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu... do Nhà nước cấp và do cơ sở tự lo, nhiệm vụ Nhà nước giao và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong thời

gian tới để xác định được phương hướng sản xuất đúng đắn, phương án sản phẩm thích hợp, quy mô, hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; tận dụng tối đa công suất thiết bị hiện có, đồng thời nghiên cứu khả năng đồng bộ hóa thiết bị, cải tiến kỹ thuật; hợp lý hóa sử dụng lao động để nâng cao năng suất lao động và tận dụng sức lao động hiện có; sắp xếp lại bộ máy quản lý xí nghiệp gọn, nhẹ, có hiệu lực; bố trí lại đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý theo hướng đồng bộ hóa để bảo đảm hiệu quả sản xuất và chất lượng công tác.

Các cấp trên có trách nhiệm giúp đỡ cho cơ sở và từng cơ sở phải phấn đấu bảo đảm việc cung ứng vật tư, phụ tùng và phương tiện cần thiết để quá trình sản xuất, kinh doanh được ổn định và liên tục. Cần xây dựng những mối liên kết kinh tế hợp lý và đa dạng giữa các đơn vị kinh tế, thông qua các hợp đồng kinh tế, nhằm thực hiện tốt nhất phương hướng và các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước. Trong từng cơ sở, cần chăm lo bồi dưỡng sức khỏe, rèn luyện, nâng cao tay nghề và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động yên tâm, phấn khởi sản xuất.

2. Sắp xếp sản xuất công nghiệp theo ngành kinh tế, kỹ thuật và theo vùng lãnh thổ.

Một ngành kinh tế, kỹ thuật bao gồm các xí nghiệp quốc doanh trung ương, xí nghiệp quốc doanh địa phương, xí nghiệp công tư hợp doanh, hợp tác xã và xí nghiệp tư nhân cùng ngành; các Viện nghiên cứu kinh tế, nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, thiết kế. Tùy từng trường hợp, tổ chức của ngành có thể bao gồm bộ phận cung ứng vật tư kỹ thuật hay tiêu thụ sản phẩm. Các cơ sở của ngành được phân bổ cụ thể theo từng vùng lãnh thổ, có phân chia thành

kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Sắp xếp lại sản xuất nhằm xây dựng cơ cấu ngành hợp lý để bảo đảm chiến lược phát triển kinh tế của Đảng. Vì vậy, xây dựng ngành kinh tế, kỹ thuật và tổ chức quản lý sản xuất theo ngành kết hợp với quản lý theo lãnh thổ là một yêu cầu khách quan.

Trong phạm vi cả nước, Bộ là cơ quan quản lý Nhà nước cao nhất đối với ngành, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về quản lý hành chính — kinh tế và kết quả sản xuất, kinh doanh của toàn ngành. Dưới sự lãnh đạo của Bộ, Liên hiệp xí nghiệp (toàn quốc hay khu vực) có thể vừa là cơ quan quản lý ngành (nếu được Bộ ủy quyền), trực tiếp chỉ đạo sản xuất, kinh doanh của các cơ sở trong toàn ngành (hay trong khu vực), vừa là tổ chức kinh doanh, hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế. Với tư cách là cơ quan quản lý ngành cao nhất, Bộ cần chỉ đạo, hướng dẫn các Ủy ban nhân dân địa phương quản lý các cơ sở sản xuất thuộc bộ phận kinh tế địa phương của ngành (kể cả các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) theo quy hoạch và chính sách kỹ thuật thống nhất.

Trong phạm vi lãnh thổ và địa phương, việc tổ chức sản xuất phải bảo đảm các mối quan hệ giữa các xí nghiệp thuộc các ngành khác nhau trên vùng lãnh thổ và địa phương đó về các mặt: hợp tác sản xuất, kỹ thuật, cung ứng, tiêu thụ, kết cấu hạ tầng, dịch vụ v.v., nhằm phát huy hiệu quả cao nhất trên từng lãnh thổ.

3. *Mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị kinh tế của các ngành, các cấp và các thành phần kinh tế khác nhau, gắn sản xuất với cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm một cách nhanh chóng và Tuần lện nhất*, nhằm từng bước tạo nên cân đối liên ngành, phát huy

hiệu quả của sắp xếp sản xuất. Quan hệ kinh tế giữa các xí nghiệp và các tổ chức sản xuất khác được thực hiện thông qua các quá trình mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị kinh tế giữa các ngành, giữa các địa phương giữa địa phương và trung ương để bổ sung cho nhau, hình thành sức mạnh tổng hợp. Căn cứ vào kế hoạch Nhà nước, các ngành, các địa phương, các xí nghiệp, nông trường, các hợp tác xã, các tổ chức tư nhân và cá thể ký kết hợp đồng kinh tế với nhau dưới nhiều hình thức trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhằm đạt được các mục tiêu của kế hoạch.

Những hình thức khác về hợp tác sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch mà chưa dự kiến được trước, chỉ được phép tiến hành sau khi đã bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ và kế hoạch Nhà nước, được cấp trên có thẩm quyền cho phép, và phải triệt để tuân thủ luật pháp và kỷ luật của Nhà nước về quản lý thị trường, giá cả, thuế và tiền tệ.

4. *Sắp xếp lại sản xuất, xây dựng phát gắn liền với việc củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và liên hành cấu tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa*. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta nói chung và trong công nghiệp nói riêng còn nhiều thành phần. Do đó, cần có chính sách tốt để khai thác hết năng lực của các thành phần kinh tế hiện có, đồng thời tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư bản tư doanh và tiểu chủ, nhằm tổ chức lại sản xuất, thực hiện phân công lại lao động xã hội theo đúng phương hướng, quy hoạch và kế hoạch Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ

giữa các thành phần kinh tế theo đúng đường lối, chính sách của Đảng.

5. *Sắp xếp tổ chức quản lý*: hiện nay các Bộ, các Tổng cục được tổ chức theo ngành kinh tế tổng hợp. Tuy nhiên, cũng có một số Bộ chỉ quản lý một ngành, nhưng các đơn vị trực thuộc còn quá ít, tạo nên cơ cấu quản lý công kênh, không tương xứng với cơ cấu sản xuất; vì vậy, cần sắp xếp bộ máy quản lý các ngành ở trung ương theo hướng vừa đầy nhanh quá trình chuyên môn hóa theo ngành, vừa xây dựng được bộ máy quản lý gọn nhẹ, giảm các khâu trung gian không cần thiết, bảo đảm hiệu quả chỉ đạo của Bộ và Tổng cục đối với sản xuất. Bộ máy quản lý của các địa phương cũng cần được nghiên cứu tinh giản và hợp lý hóa trong quá trình sắp xếp lại sản xuất.

Đồng thời, cần tiến hành phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 3 của trung ương Đảng, nhằm xác định rõ ràng, hợp lý trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của các ngành, các cấp và cơ sở trong tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh ngay trong quá trình sắp xếp lại sản xuất lần này.

6. *Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp phải kết hợp cải tiến một bước cơ chế kinh tế của quản lý*, bao gồm: cải tiến kế hoạch hóa, tăng cường hạch toán kinh tế và sử dụng hệ thống đơn bầy kinh tế. Sắp xếp lại sản xuất là một cuộc vận động lớn, có nhiều vấn đề phức tạp, động chạm tới nhiều mặt của kinh tế, xã hội. Do đó, để tiến hành có kết quả, nhất thiết cần có những chính sách phù hợp mà các cơ quan có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu, đề xuất và ban hành, nhằm kịp thời thông nhất chỉ đạo việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp trong các ngành, các cấp, phục vụ, thúc đẩy sản xuất phát triển, lãnh đạo tiêu dùng tiết kiệm hợp lý, như: chính

sách đầu tư, chính sách năng lượng, chính sách đối với thiết bị và nhà xưởng của xí nghiệp, chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và nâng cao chất lượng sản phẩm, chính sách đối với lao động dôi ra trong sắp xếp lại sản xuất, chính sách giá cả...



Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp là một cuộc vận động rất rộng lớn, cần được tiến hành từng bước vững chắc trong một số năm, với sự tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, liên tục của Đảng và Nhà nước.

Để đáp ứng kịp thời những yêu cầu cấp bách trước mắt, phù hợp với khả năng thực tế hiện nay và với hướng phát triển của những năm sau, việc tiến hành sắp xếp lại sản xuất cần gắn với tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước của 3 năm còn lại trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, trước mắt là kế hoạch 1983, và với việc chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu và quan trọng nhất về kinh tế, xã hội của kế hoạch Nhà nước.

Có thể nói, sắp xếp lại sản xuất và xây dựng đề hình thành cơ cấu kinh tế mới là mục tiêu và nội dung quan trọng nhất của kế hoạch Nhà nước hiện nay. Do đó, cần thực sự kế hoạch hóa việc sắp xếp lại sản xuất và xây dựng, thực hiện được những tiến bộ liên tục, rõ rệt trong việc từng bước dôi mới cơ cấu kinh tế trong kế hoạch 1983 - 1984, 1985; để đến thời kỳ kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 có thể về cơ bản dôi mới được nội dung và phương pháp kế hoạch hóa dựa trên cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý được bắt đầu hình thành trên thực tế trong phạm vi cả nước và trên các vùng lãnh thổ chủ yếu.

Trước mắt trong năm 1983, thông qua việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, cần phân đầu vừa thực hiện được các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước, vừa giải quyết được những vướng mắc bất hợp lý nhất trong tổ chức quản lý, trong cơ chế kinh tế của quản lý, tạo điều kiện cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1984 đạt được những tiến bộ mới, rõ rệt hơn.

Ở tầm bao quát cả nước, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng cần giúp Hội đồng bộ trưởng thực sự tăng cường chỉ đạo việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp ở các ngành, các địa phương và vùng lãnh thổ.

Ở tầm bao quát toàn ngành, toàn địa phương, các đồng chí Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần đích thân nắm và chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp sản xuất công nghiệp trong ngành, địa phương và cơ sở sản xuất. Các đồng chí đó cần tập trung một số chuyên viên có năng lực dưới sự chỉ đạo thường xuyên, chuyên trách của một cấp phó để đi sâu điều tra, nghiên cứu, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện ở các cấp dưới.

Việc sắp xếp ở cơ sở hết sức quan trọng, có tác dụng quyết định đối với việc sắp xếp của cả ngành, cả địa phương, do đó cần được quan tâm chỉ đạo chu đáo, nhằm đạt được kết quả thiết thực. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sắp xếp lại sản xuất phải theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tiến hành theo trật tự: cấp dưới làm khảo sát, xây dựng phương án sắp xếp, cấp trên trực tiếp xét duyệt; cấp dưới tiến hành sắp xếp theo đúng phương án đề, nếu có sự thay đổi về chủ trương, phương hướng hoặc biện pháp quan trọng, phải báo cáo xin chỉ thị của cấp trên trước khi thi hành.

Do tính chất phức tạp của vấn đề, trong quá trình sắp xếp lại sản xuất, cần kịp thời phát hiện và khắc phục những tư tưởng, nhận thức lệch lạc như: ngại khó, ngại khổ, làm qua loa, tác trách, đầu voi đuôi chuột, không đem lại hiệu quả thiết thực; chủ quan, nóng vội, làm bừa, làm ẩu, gây ra những tác động tiêu cực, phức tạp, cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, dẫn đến những khó khăn làm suy yếu sự hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa ngành với ngành, giữa ngành với địa phương, giữa các địa phương và cơ sở với nhau. Đồng thời, cần tăng cường công tác đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra quá trình thực hiện.

Mấy vấn đề về

PHÂN CẤP QUẢN LÝ KINH TẾ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

NGUYỄN-VĂN-TRÂN

PHÂN CẤP QUẢN LÝ KINH TẾ LÀ MỘT NHIỆM VỤ CẤP BÁCH VÀ THIẾT THỰC

Chủ trương « vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất » và « phân cấp quản lý kinh tế » do Đại hội thứ IV và Đại hội thứ V của Đảng đề ra đã được nghiên cứu cụ thể hóa thành những chủ trương, chính sách, chế độ quản lý kinh tế và tổ chức thực hiện. Trong hai năm qua, chúng ta đã đạt được những kết quả rõ rệt về phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và phân nào trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được vẫn còn thấp so với tiềm năng và công sức đã bỏ ra, dưới xa khả năng tiềm tàng hiện có. Hiện nay, cơ cấu của kinh tế trung ương và kinh tế địa phương chưa được xác định trên

cơ sở những căn cứ kinh tế - kỹ thuật vững chắc và theo quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ. Nhiều vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho địa phương chưa được giải quyết tốt. Đặc biệt, các địa phương cũng như các ngành trung ương thường chỉ chăm lo cơ sở sản xuất của mình, chậm tổ chức quá trình tái sản xuất trên lãnh thổ, chậm tổ chức các quan hệ hiệp tác, tiến tới liên kết kinh tế, gây chia cắt giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Cơ chế quản lý, nói chung, còn nặng tính chất hành chính, quan liêu bao cấp. Các cấp địa phương và cơ sở chưa được giao phương tiện vật chất và tài chính tương xứng để hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao. Cơ chế quản lý chưa kết hợp hài hòa ba lợi ích, lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, chưa thống nhất lợi ích của trung ương, của địa

phương và cơ sở. Việc khuyến khích hăng lợi ích vật chất chưa đủ thúc đẩy mạnh mẽ các cơ sở và địa phương khai thác các tiềm năng của mình và tăng cường đóng góp với trung ương. Chính sách, chế độ quản lý thường quy định quá chi tiết, không dành cho địa phương và cơ sở khuôn khổ cần thiết để cụ thể hóa và vận dụng vào điều kiện thực tế, về hình thức thì chặt chẽ nhưng về thực chất thì lỏng lẻo, gây khó khăn cho việc phát huy những sáng kiến lành mạnh và cũng không ngăn chặn được việc làm ẩu. Hiện tượng vừa tập trung quan liêu, vừa phân tán, vô tổ chức đã gây cản trở và làm giảm hiệu quả của nền kinh tế quốc dân rất lớn. Tổ chức bộ máy quản lý công kênh, nhiều đầu mối, nhiều cấp trung gian, trách nhiệm và nhiệm vụ chưa được quy định rõ ràng, chồng chéo, trùng lặp là nhân tố chủ yếu cản trở công tác điều hành, gây nên trì trệ. Các cơ quan quản lý Nhà nước thường không làm đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, hay can thiệp vào công việc thuộc quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở. Việc phân công giữa các bộ và phân cấp về quyền hạn và lợi ích cho tỉnh, huyện chưa hợp lý; việc hợp tác giữa các bộ phận chưa được ăn khớp, tinh thần cộng đồng trách nhiệm chưa được đề cao.

Những thiếu sót đó đều dẫn đến kết quả là không huy động được tiềm năng của đất nước, chưa tận dụng được lực lượng sản xuất hiện nay.

Tình hình kinh tế và tình hình quản lý hiện nay đòi hỏi phải tiến hành cải tiến quản lý kinh tế một cách đồng bộ. Trong đó phân cấp quản lý kinh tế là một nhiệm vụ cấp bách và thiết thực.

Trong khi nền kinh tế quốc dân đang còn nhiều mặt mất cân đối, phương hướng đúng đắn là phải một mặt sắp xếp lại nền kinh tế, kiện

toàn những ngành kinh tế, kỹ thuật trọng điểm, những xí nghiệp trọng điểm, mặt khác phát huy mạnh mẽ các tiềm năng lao động, đất đai thông qua kinh tế địa phương; cả hai mặt đó đều nhằm đạt thu nhập quốc dân cao nhất.

Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Phát triển kinh tế địa phương trở thành một khâu mẫu chốt trong việc sử dụng lao động và tài nguyên, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » (1).

Đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội như vậy, phát triển kinh tế địa phương vừa có tầm quan trọng chiến lược, vừa có ý nghĩa thời sự trong việc cải tiến quản lý kinh tế và là một hình thức thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở trung ương, địa phương và cơ sở.

Cho nên, cần mở rộng quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và đơn vị cơ sở, thống nhất ba lợi ích bằng một cơ chế quản lý thích hợp, khắc phục phương thức quản lý hành chính quan liêu bao cấp, xây dựng một cơ chế quản lý kinh tế mới.

Như vậy, phân cấp quản lý kinh tế không phải chỉ là một sự phân giao cơ sở, có nơi có lúc hiểu sai thành « phân chia tài sản », mà bao gồm các mặt:

— Xây dựng cơ cấu kinh tế trung ương và cơ cấu kinh tế địa phương, tổ chức và sắp xếp lại sản xuất các ngành và các địa phương.

— Cải tiến phương thức quản lý kinh tế bao gồm kế hoạch hóa và các chính sách đòn bẩy.

— Cải tiến tổ chức bộ máy quản lý và sắp xếp cán bộ, kể cả việc xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận, từng cấp trong bộ máy.

(1) Lê-Duẩn: « Mấy vấn đề về kinh tế địa phương ». *Tạp chí Công sản*, số 10-1979, tr. 14.

Kinh nghiệm trong thời gian qua cho thấy rằng, nếu chỉ giải quyết riêng lẻ từng bộ phận, tách rời những công việc và quan hệ qua lại giữa chúng hoặc chỉ giải quyết riêng cho từng cấp mà không đặt trong hệ thống các cấp của Nhà nước thì không đem lại hiệu quả mong muốn. Nhận thức được điều đó, kỳ này, chúng ta sẽ cố gắng tiến hành một cách đồng bộ hơn.

Phân cấp quản lý kinh tế giữa trung ương và địa phương, phân công hợp lý giữa các bộ đều không phải là mục tiêu cuối cùng hoặc là mục đích tự thân. Vấn đề mấu chốt là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cơ sở, mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở và điều hòa, phối hợp, liên kết hoạt động của cơ sở theo phương hướng và kế hoạch chung. Vì vậy, đi đôi với phân cấp quản lý kinh tế, phải giao mạnh quyền chủ động cho cơ sở và hoàn thiện cơ chế quản lý ở cơ sở, giao cho cơ sở quyền tự chủ về tài chính, phương tiện và quyền hạn cần thiết để tài sản xuất mở rộng. Với cách đặt vấn đề như trên, phân cấp quản lý kinh tế kỳ này nhằm xác định một bước mô hình tổ chức và quản lý nền kinh tế nước ta, định rõ vai trò của mỗi cấp trong bộ máy chung, làm cho các cấp hoạt động ăn khớp với nhau dưới sự chỉ đạo của trung ương, định rõ vị trí quan trọng của các đơn vị cơ sở, tế bào của nền kinh tế quốc dân.

PHƯƠNG HƯỚNG, NGUYÊN TẮC CHỦ YẾU TRONG PHÂN CẤP QUẢN LÝ KINH TẾ

Nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa của nước ta là một thể thống nhất không thể chia cắt. Sự thống nhất đó thể hiện ở các mục tiêu chung của nền kinh tế quốc dân, trong kế hoạch thống nhất cho cả nước; ở

những nguyên tắc và chế độ quản lý thống nhất cho tất cả các bộ phận, các cơ sở của nền kinh tế; xuyên suốt trong cả bốn giai đoạn của quá trình tái sản xuất xã hội bao gồm sản xuất — phân phối — lưu thông — tiêu dùng.

Sự thống nhất đó được thực hiện bằng một loạt thể chế, biện pháp dựa trên hai nguyên tắc cơ bản là nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Tập trung và dân chủ, ngành và lãnh thổ là hai mặt của một thể thống nhất biện chứng, bổ sung cho nhau nhằm quản lý một đối tượng sống, một cơ thể hết sức phức tạp.

1— Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong tình hình hiện nay, theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, cần khắc phục bệnh tập trung quan liêu, đồng thời uốn nắn những biểu hiện phân tán vô tổ chức.

Những năm qua, trong công tác quản lý kinh tế, đã có những ví dụ sinh động về những cách hiểu và làm đúng, đồng thời cũng có những cách hiểu và làm chưa đúng. Có những biểu hiện như tập trung thái quá, vượt quá yêu cầu cần thiết của quản lý và điều kiện vật chất cho phép, tập trung không trên cơ sở phát huy dân chủ, không kịp thời xem xét những ý kiến từ cơ sở, dẫn đến tập trung quan liêu, tập trung gò bó một cách hình thức. Bệnh tập trung quan liêu nhiều khi thể hiện thái độ chưa thật sự tin tưởng vào cán bộ và quần chúng, sợ quần chúng làm sai. Mặt khác, có quan niệm nhấn mạnh một chiều yêu cầu dân chủ, nhấn mạnh đặc điểm địa phương, không tôn trọng tập trung, dẫn đến cục bộ, phân tán, vô tổ chức và về thực chất làm yếu nguyên tắc tập trung, như thể cũng không có được dân chủ thật sự. Cả hai mặt đều gây trì trệ và rối ren trong công tác quản lý kinh tế.

Phân cấp quản lý kinh tế chính là nhằm khắc phục cách hiểu và làm không đúng đó. Một mặt, cần khẳng định sự tập trung cần thiết và đúng mức của trung ương về những vấn đề cơ bản của quản lý kinh tế—xã hội, của quá trình tái sản xuất xã hội, nắm vững những vị trí chỉ huy của nền kinh tế quốc dân, chỉ đạo, kiểm tra việc làm của các ngành, các cấp trong cả nước. Việc thực hiện một cách có chất lượng các chức năng, nhiệm vụ đích thực của cấp trung ương như: xác định chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của cả nước, bố trí hợp lý lực lượng sản xuất, quyết định các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân, xây dựng các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức... cho cả nước, đòi hỏi phải nâng cao rõ rệt năng lực của các cơ quan trung ương cả về lý luận lẫn thực tiễn. Mặt khác, cần mở rộng mạnh mẽ quyền chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở để họ hoạt động theo kế hoạch, chính sách, chế độ của trung ương. Đối với một nền kinh tế sản xuất nhỏ, phân tán như kinh tế nước ta, lại đang bị mất cân đối nhiều mặt, còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và nước ngoài, giao thông liên lạc chưa đủ nhanh nhạy và tin cậy, việc mạnh dạn giao cho các địa phương quản lý và phát triển kinh tế địa phương là cần thiết và thích hợp. Đối với các đơn vị kinh tế cơ sở, cũng phải mạnh dạn giao quyền tìm tòi và quyết định để họ phát huy tiềm lực của họ. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc của quản lý là nên giao quyền quyết định cho cấp nào khách quan có đầy đủ hiểu biết nhất và có khả năng quyết định kịp thời nhất.

Những điều kiện tiên tiến và kết quả tích cực nhiều mặt đều chứng tỏ rằng phương hướng mở rộng quyền chủ động, sáng tạo, khắc phục quan liêu bao cấp vừa qua về cơ bản là đúng đắn.

V.I. Lê-nin đã nói: « Chúng ta chủ trương theo chế độ tập trung dân chủ. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ... Hiện giờ nhiệm vụ của chúng ta chính là phải thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm sự hoạt động tuyệt đối ăn khớp và thống nhất của các ngành kinh tế như đường sắt, bưu điện và các ngành vận tải khác, v.v.; và đồng thời chế độ tập trung, hiểu theo nghĩa thật sự dân chủ, đã bao hàm khả năng—khả năng này do lịch sử tạo ra lần đầu tiên—phát huy một cách đầy đủ và tự do không những các đặc điểm của địa phương, mà cả những sáng kiến của địa phương, tính chủ động của địa phương, tính chất muốn hình muốn vẽ của các đường lối, của các phương pháp và phương tiện để đạt đến mục đích chung » (2).

2 — Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là kết hợp sự quản lý ngành (theo chiều dọc) nhằm bảo đảm sự chuyên môn hóa và phân công lao động về mặt kinh tế—kỹ thuật với sự quản lý theo vùng lãnh thổ (theo chiều ngang) để bảo đảm sự phân công hợp lý lao động về mặt kinh tế—xã hội. Mỗi ngành và mỗi cấp đều phải thực hiện nguyên tắc này trong sự thống nhất của cả hai mặt: ngành và lãnh thổ. Không nên hiểu rằng các bộ chỉ quản lý theo ngành, các chính quyền địa phương chỉ quản lý theo lãnh thổ và sự kết hợp hai mặt đó lại do một cấp khác thực hiện. Lâu nay, chúng ta đã đề ra nhiều nội dung về quản lý theo

(2) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 185—186.

ngành và theo lãnh thổ, song chưa thực hiện được mấy.

Để thực hiện việc phân cấp quản lý kinh tế, phải xây dựng được cơ cấu kinh tế trung ương và cơ cấu kinh tế địa phương. Trước hết, cần có quy hoạch ngành, hình dung rõ nét sự phát triển của hai bộ phận kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, xác định rõ sự phát triển của ngành trong kinh tế địa phương, tổ chức sản xuất và phân công lao động trong ngành giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Về quản lý theo lãnh thổ, cần có quy hoạch tổng thể trên lãnh thổ, bao gồm cả phần kinh tế trung ương trên lãnh thổ và phần kinh tế địa phương, cần tổ chức đời sống vật chất và văn hóa cho dân cư trong lãnh thổ, bảo đảm việc thực hiện các luật lệ, chính sách đối với các đơn vị và công dân trên lãnh thổ, không phân biệt kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, khắc phục những biểu hiện cục bộ, bản vị, chia cắt giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, cần phát triển mạnh mẽ các quan hệ hiệp tác, liên kết xây dựng các hình thức liên kết kinh tế giữa các cơ sở kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa sản xuất với phân phối lưu thông, vận tải, giữa cơ giới và thủ công v.v. giữa các cơ sở quốc doanh, tập thể và các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác... bằng những hình thức thích hợp. Từ hiệp tác theo hợp đồng đến liên doanh trên một hoặc nhiều lĩnh vực, hợp tác theo chiều dọc và chiều ngang, tham gia nhóm sản phẩm, tổ chức liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp liên hợp, hợp tác trong sản xuất và kinh doanh trong một khâu hay nhiều khâu, trong mùa vụ hoặc lâu dài... Sự hiệp tác và liên kết này cần được đẩy mạnh theo ngành và theo lãnh thổ. V.I. Lê-nin đã nói: «Muốn cải thiện bộ máy đó một cách triệt để

hơn, muốn cho nó được bổ sung nhiều sinh lực mới, muốn chiến thắng chủ nghĩa quan liêu, muốn khắc phục tình trạng thủ cựu nguy hại đó, thì phải có sự giúp đỡ của các tổ chức ở địa phương, của cơ sở, của tổ chức gương mẫu của một «chỉnh thể», quy mô nhỏ thật đấy, nhưng là của một «chỉnh thể», nghĩa là không phải của chỉ một doanh nghiệp, của chỉ một ngành kinh tế, của chỉ một xí nghiệp mà là của *tổng số tất cả những mối quan hệ kinh tế, tổng số tất cả những sự trao đổi, dù chỉ ở trong một địa phương nhỏ* » (3).

Một phương châm rất cơ bản cần được quán triệt trong quản lý kinh tế, nói chung, và phân cấp quản lý kinh tế, nói riêng, là *kết hợp hài hòa các lợi ích*: lợi ích của toàn xã hội (do Nhà nước trung ương đại diện), lợi ích tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động. Ph. Ăng-ghe-nơ đã lưu ý rằng mọi người đều hành động vì lợi ích của mình mà họ nhận thức được và các quy luật kinh tế tác động thông qua hành động vì lợi ích của con người. Trong phân cấp quản lý kinh tế, việc xác định đúng đắn vị trí của lợi ích địa phương có vai trò quan trọng. Ở nước ta, khi mà chính quyền địa phương được giao trách nhiệm động viên những tiềm năng nhiều mặt chưa khai thác ở địa phương, thì lợi ích địa phương có nội dung kinh tế rõ rệt, là một động lực trong toàn bộ hệ thống lợi ích của xã hội và phải được chú ý một cách tương xứng. Vì vậy, tư tưởng chỉ đạo cho công tác phân cấp quản lý kinh tế kỹ này là chú ý thích đáng đến *lợi ích địa phương, qua đó mà làm lợi cho cả lợi ích của trung ương, lợi ích của cơ sở và lợi ích của cá nhân người lao động, tức là làm cho lợi ích của các bộ phận đều được tăng lên*. Tuy nhiên, chúng ta hoàn

(3) V.I. Lê-nin: *Toán tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 282.

toàn không chủ trương tăng lợi ích địa phương bằng cách cắt xén lợi ích của toàn quốc hay lợi ích của cơ sở.

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG PHÂN CẤP QUẢN LÝ KINH TẾ TRƯỚC MẮT

Quán triệt những nguyên tắc và phương châm trên đây, chúng ta có thể phác họa ra một loạt nhiệm vụ cho các ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương trong thời gian tới.

Cần xác định *cơ cấu hợp lý* của kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, vạch ra phương hướng phát triển đúng đắn cho mỗi bộ phận kinh tế đó. Trên cơ sở cơ cấu đó, trước mắt cần *tổ chức phân giao cơ sở* giữa trung ương và địa phương theo phương hướng mạnh dạn giao thêm cơ sở và phương tiện cho địa phương trực tiếp quản lý đề tận dụng lao động, đất đai và ngành nghề ở địa phương.

Cơ cấu hợp lý của kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong chặng đường trước mắt phải được xác định dựa trên những căn cứ khoa học, những luận chứng kinh tế - kỹ thuật - xã hội đáng tin cậy. Đó là những nội dung được tiến hành trong khuôn khổ xây dựng tổng sơ đồ phân bố lực lượng sản xuất, quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ cho cả nước, cho từng ngành, từng tỉnh, quy hoạch phát triển tổng thể huyện và xã. Cần phát huy tính ưu việt của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sử dụng một cách có kế hoạch và hợp lý nhất tiềm năng và lực lượng trong cả nước, bảo đảm loại trừ sự trùng lặp, tranh chấp. Cần xác định phạm vi quyết định hợp lý về quy hoạch ở cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và dành cho hợp tác xã và xã quyền bố trí cụ thể trong phạm vi trách nhiệm của cấp đó.

Cấp trung ương trực tiếp quản lý những cơ sở kinh tế then chốt, có ý nghĩa kinh tế - kỹ thuật quan trọng, có trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến, có tác dụng quyết định đối với quá trình tái sản xuất xã hội và sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm trung ương trực tiếp nắm được những sản phẩm quan trọng cho cả nước, những sản phẩm xuất khẩu chủ lực và một số cơ sở đặc biệt khác. Việc phân cấp quản lý sản phẩm cần được xác định rõ trong hệ thống cân đối vật tư - thiết bị - hàng tiêu dùng, bảo đảm kỷ luật giao nộp sản phẩm của các ngành, các cấp đối với những sản phẩm do trung ương thống nhất quản lý. Tất cả những cơ sở kinh tế còn lại cần được giao cho các cấp địa phương trực tiếp quản lý, trước hết là những cơ sở gắn liền việc huy động lao động, đất đai, tài nguyên ở địa phương mà địa phương có điều kiện thuận lợi chỉ đạo sâu sát, kịp thời. Những loại cơ sở sau đây có thể giao cho địa phương: nông trường, lâm trường, trạm trại, các xí nghiệp chế biến nông sản tươi sống, sơ chế sản phẩm địa phương, các cơ sở công nghiệp hàng tiêu dùng dựa vào nguyên liệu tại chỗ và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu tại địa phương, các nghề truyền thống của địa phương phục vụ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu v.v. Các cơ sở phân giao phải đồng bộ, bao gồm các ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải.

Việc phân giao cơ sở phải được kết hợp chặt chẽ với chủ trương sắp xếp lại sản xuất, được quyết định trên cơ sở đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan hay lợi ích cục bộ nào.

Song song với việc này, phải đẩy mạnh việc *hợp tác và liên kết kinh tế* với những hình thức đa dạng, từ thấp lên cao, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trên tất

cả các giai đoạn của quá trình tái sản xuất từ sản xuất, phân phối đến lưu thông, tiêu dùng, hình thành các mối quan hệ theo ngành và theo lãnh thổ, phá vỡ thế chia cắt, khép kín.

Tư tưởng chỉ đạo trong *phân cấp và kế hoạch hóa* là thật sự bảo đảm mỗi cấp làm chủ về kế hoạch, kết hợp chặt chẽ kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kết hợp giữa kế hoạch hóa ngành và kế hoạch hóa địa phương và lãnh thổ.

Quy chế kế hoạch hóa cần tạo điều kiện khuyến khích mạnh mẽ các cơ sở và địa phương tận lực khai thác các khả năng theo 4 nguồn: khả năng nội bộ của địa phương và cơ sở, khả năng của cấp trên, khả năng hiệp tác với các cơ sở và địa phương khác và khả năng rất quan trọng là khả năng xuất - nhập khẩu địa phương; tạo điều kiện để địa phương tự xây dựng kế hoạch cao hơn chỉ tiêu cấp trên giao. Việc đó cần được thực hiện theo phương hướng và quỹ đạo chung của kế hoạch Nhà nước để tránh xảy ra lộn xộn, gây nên các mất cân đối khác. Một mặt, cần có chính sách khuyến khích thích đáng phần tự làm của địa phương (về tài chính và một số mặt hàng nhất định), mặt khác, nhất thiết phải đưa phần kế hoạch tự làm vào cân đối chung, theo phương hướng, chính sách của Nhà nước.

Trong hệ thống các đơn vị kinh tế, *quản lý và phân cấp đúng đắn về tài chính và ngân sách* có ý nghĩa then chốt trong việc thực hiện thống nhất ba lợi ích, là một động lực cần phát huy đúng hướng, đồng thời là một công cụ cần thiết để uốn nắn và ngăn chặn những lệch lạc.

Chế độ quản lý tài chính vừa qua, tuy đã có một số khoản thu và chi cho ngân sách tỉnh và huyện (nghị quyết 108/CP ngày 13-5-1978), song về cơ bản vẫn chưa khắc phục được tình trạng "bao thu và bao chi".

Công tác phân cấp quản lý tài chính và ngân sách phải tạo điều kiện để cho mỗi cấp thật sự làm chủ được ngân sách, gần lợi ích của địa phương với việc khai thác các tiềm năng địa phương, thực hiện các nghĩa vụ đối với trung ương. Thí dụ: các xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương đều phải trích nộp lợi nhuận và thu quốc doanh vào ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ được xác định cụ thể cho từng địa phương và cần được ổn định cho những năm trước mắt; bằng cách đó, sự hoạt động có hiệu quả của các xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương sẽ ảnh hưởng rõ rệt đến ngân sách địa phương, làm cho địa phương quan tâm đến hoạt động của các xí nghiệp trung ương đó.

Nghiên cứu bổ sung cho ngân sách địa phương một khoản thu về những sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và hải sản mà địa phương giao nộp cho trung ương, khuyến khích địa phương khai thác mạnh mẽ tiềm năng của địa phương, làm tốt nghĩa vụ đối với trung ương. Bổ sung, hoàn chỉnh các định mức và chuẩn mực, hướng dẫn và quy định khuôn khổ các địa phương được vận dụng cụ thể vào điều kiện địa phương. Tiến tới làm cho địa phương cần đối được thu chi, tích cực đóng góp với trung ương và xây dựng địa phương, hạn chế những can thiệp sự vụ không cần thiết vào công việc hằng ngày của địa phương. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát tài chính, kế toán, hạch toán kinh tế của tất cả các đơn vị kinh tế và đơn vị ngân sách, nghiêm cấm việc lập quỹ đơn dưới mọi hình thức và chỉ tiêu ngoài chế độ.

Trên các lĩnh vực vật tư, thương nghiệp, sắp xếp lại mạng lưới vật tư, thương nghiệp, loại bỏ những chồng chéo, đồng thời bảo đảm cho mỗi cấp địa phương được quyền quản lý và

sử dụng quỹ vật tư, hàng hóa do trung ương giao, theo những quy định và chế độ của trung ương. Khắc phục tình trạng nhiều cơ quan trung ương có vật tư đưa về trao đổi, thu mua trên cùng một địa bàn, dẫn đến tình trạng cạnh tranh với nhau. Theo tinh thần đó, kiện toàn công ty vật tư và công ty thương nghiệp tổng hợp huyện, bổ sung cán bộ, phương tiện, vốn... để các công ty đó vừa làm đại lý cho các công ty cấp trên, vừa tự kinh doanh, khai thác các hàng hóa ở huyện theo quy định của Nhà nước.

Như vậy, nhiệm vụ, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương đều tăng lên. Điều quyết định để bảo đảm những đòi hỏi đó đi vào cuộc sống là tổ chức bộ máy và cán bộ.

Kiến toàn tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước và tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, cải tiến chế độ và tác phong công tác, nâng cao hiệu lực của các ngành, các cấp: bộ máy Nhà nước từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã phải được chấn chỉnh, làm cho gọn nhẹ, bớt tầng nấc trung gian và đầu mối; từng cấp, từng bộ phận xác định rõ chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và quy định rõ các mối quan hệ với các cơ quan cấp trên, cấp dưới, tăng cường rõ rệt việc hiệp tác và cộng đồng trách nhiệm. Thực hiện chế độ thủ trưởng kết hợp với lãnh đạo tập thể ở những cơ sở sản xuất—kinh doanh.

Trong các tổ chức sản xuất kinh doanh, tăng cường cấp cơ sở với tinh thần là tế bào của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tốt nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện; huyện phải có đủ cán bộ chủ chốt cho

bộ máy của huyện, bảo đảm cho cấp huyện có đủ năng lực làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cũng như trên các công tác khác, ở đây, công tác cán bộ cũng có vai trò quyết định. Cần đánh giá cán bộ lãnh đạo và quản lý theo năng lực đã được chứng minh trong công tác, chứ không phải theo học vị và bằng cấp. Đối với những cán bộ có chuyên môn kỹ thuật hẹp, chưa nắm vững công tác quản lý, chưa có kinh nghiệm trong cuộc sống, chưa được rèn luyện vững chắc về quan điểm, đường lối cách mạng, thì chưa thể giao công tác lãnh đạo, công tác chủ chốt về quản lý. Họ cần có thời gian thử thách, bồi dưỡng. Trong tình hình kinh tế—xã hội phức tạp hiện nay, cần hết sức coi trọng những tiêu chuẩn: tinh thần kiên quyết cách mạng xã hội chủ nghĩa, lòng dũng cảm và trung thực, dám chịu trách nhiệm, dám quyết định và dám nhìn thẳng vào sự thật, thật sự vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích của nhân dân lao động. Đề đẩy mạnh công tác phân cấp quản lý, cần sắp xếp lại, bố trí cán bộ có năng lực cho các đơn vị kinh tế lớn, cho các huyện. Các ngành trung ương nên thu xếp cho gọn nhẹ để dành cán bộ cho các đơn vị kể trên.



Nắm vững những nguyên tắc và phương châm cơ bản trong phân cấp quản lý kinh tế, rút kinh nghiệm công việc đã làm, chúng ta kiên quyết làm tốt công tác này nhằm làm chuyển biến tình hình kinh tế, thực hiện được nhiệm vụ ổn định nền kinh tế và chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ hơn trong kế hoạch 5 năm sau.

Đổi mới công tác kế hoạch hóa và phân cấp quản lý kinh tế

CHẾ - VIẾT - TÂN

Sự chuyển biến trong tình hình quản lý kinh tế nước ta hiện nay có hai mặt đáng chú ý như sau:

— Nhiều cơ sở và địa phương đang tìm cách ra khỏi khó khăn, nhiều cách làm ăn tốt và nhiều nhân tố mới xuất hiện, nhưng do chậm sơ kết, tổng kết, cho nên chưa làm rõ cái gì đúng, cái gì sai để thống nhất nhận định, cổ vũ cái đúng và uốn nắn cái sai, do đó cơ sở, địa phương còn lúng túng. Một số cơ sở, địa phương và ngành trong khi tháo gỡ vướng mắc của cơ chế quản lý cũ, lại dễ nảy sinh lệch lạc, tiêu cực mới, có khuynh hướng chạy theo cơ chế thị trường.

— Một số cơ quan ở trung ương, tỉnh, thành phố và một số cán bộ chưa chuyển kịp sự phát triển của tình hình, còn nặng tư tưởng bảo thủ, vẫn cố giữ “trật tự cũ”, “nền nếp cũ” của cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp.

Điềm nổi bật trong tình hình chuyển biến của cơ chế quản lý hiện nay là: có tiến bộ mới xen lẫn với bảo thủ trì trệ, tiêu cực và có lệch lạc mới.

Nhìn về xu thế phát triển của tình hình đất nước, sự chuyển biến trong cơ chế quản lý kinh tế đang diễn ra là cần thiết và phải qua một “thời kỳ áp ủ” để cơ chế quản lý kinh tế mới hình thành, mở ra một thời kỳ mới về sự phát triển phồn vinh của đất nước.

Vấn đề đặt ra hiện nay là cần sớm tạo ra được cơ chế quản lý kinh tế mới phù hợp với đối tượng quản lý kinh tế phức tạp đa dạng ở nước ta. Muốn vậy, chúng ta phải tập trung trước hết vào việc đổi mới công tác kế hoạch hóa, khâu trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế.

Việc đổi mới công tác kế hoạch hóa tuy đã làm mấy năm nay, nhưng rõ ràng không thể trong một thời gian ngắn có thể xóa bỏ được cơ chế tập trung quan liêu, gò bó, cứng nhắc và ngăn chặn tình trạng “xé rào” thoát ly kế hoạch, và xây dựng một cơ chế kế hoạch hóa mới.

Thay thế cơ chế kế hoạch hóa cũ bằng cơ chế kế hoạch hóa mới là phải vừa coi trọng hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, vừa coi trọng các đòn bẩy

kinh tế ; vừa phải huy động chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở, vừa đòi hỏi cao về kỷ luật, trách nhiệm ; vừa không ngừng tăng cường các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa tận dụng kinh tế cá thể, tư nhân, kinh tế phụ gia đình hoạt động theo đúng quỹ đạo của kế hoạch Nhà nước.

Như Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ, việc đổi mới kế hoạch hóa " nhất thiết phải bảo đảm cho các cấp quản lý trung ương, địa phương, cơ sở đều thật sự làm chủ kế hoạch, nghĩa là thật sự xây dựng, cân đối, bảo vệ và thực hiện kế hoạch của mình, nhất thiết phải xây dựng kế hoạch từ cơ sở ; kế hoạch phải thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. "

Mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành trong sản xuất kinh doanh đi đôi với tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của Trung ương theo nguyên tắc tập trung dân chủ là một yêu cầu có tính quy luật trong công tác kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, phù hợp với đặc điểm nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay, bảo đảm cho cơ chế kế hoạch hóa năng động và linh hoạt, động viên được mọi khả năng kinh tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp đóng góp vào việc cân đối kinh tế từ cơ sở đến địa phương, ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Các cơ sở kinh tế quốc doanh phải thật sự làm gương trong việc sản xuất kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao cũng như trong việc chấp hành các chính sách, chế độ, pháp luật Nhà nước.

Nền kinh tế nước ta hiện nay mới sản xuất được hơn 10 vạn sản phẩm (trong khi các nước sản xuất hàng chục triệu sản phẩm), trung ương chỉ tập trung cân đối chặt chẽ khoảng mấy trăm sản phẩm có trong danh mục của kế hoạch Nhà nước (các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp chủ yếu, các công trình xây dựng trọng

điểm, các mặt hàng xuất khẩu...), còn khoảng gần 10 vạn sản phẩm thì có phân loại, phân công cho ngành, địa phương và cơ sở dựa vào điều kiện cụ thể của mình mà tự cân đối kế hoạch. Nhà nước áp dụng hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh gọn và có hiệu lực gắn liền với sử dụng đòn bẩy kinh tế, đồng thời hướng dẫn những tỷ lệ tăng ổn định, mức thấp, mức cao nhất, mức nghĩa vụ ổn định trong thời gian 3 năm hoặc 5 năm đề cơ sở và huyện có căn cứ xây dựng kế hoạch (không cần chờ số kiểm tra hằng năm của Nhà nước).

Ở nước ta hiện nay, chuyển cơ chế kế hoạch hóa với hệ thống chỉ tiêu quá nhiều và có tính chất mệnh lệnh, quan liêu bao cấp, sang cơ chế kế hoạch hóa mới gắn liền với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa với hệ thống chỉ tiêu, pháp lệnh gọn có hiệu lực kết hợp với việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế và phương pháp tự cân đối, là nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành, địa phương và cơ sở, từ xây dựng kế hoạch đến thực hiện kế hoạch. Các đơn vị kinh tế cơ sở và các tổ chức sản xuất kinh doanh cần chú trọng hơn nữa các chỉ tiêu năng suất chất lượng và hiệu quả theo nguyên tắc hạch toán kinh tế. Các chế độ quản lý cần bảo đảm cho cơ sở hoạt động một cách linh hoạt, nhanh, nhạy, biết " lấy xuất để nhập " « lấy nhập để xuất », quay nhanh đồng vốn để tăng nhanh tích lũy, mở rộng sản xuất vừa có lợi cho bản thân đơn vị và ngành, vừa đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước. Không phải chỉ có đơn vị kinh tế cơ sở mới hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mà các địa phương, tỉnh (thành phố), huyện, ngay từ khi xác định phương án kế hoạch đã phải biết tính toán hiệu quả kinh tế của các phương án so sánh lỗ, lãi (theo quan điểm xã hội chủ nghĩa) tận dụng mọi khả năng

kinh tế dễ làm ra nhiều sản phẩm với chi phí thấp nhất.

Đối với các bộ và địa phương, trung ương tiến hành hạch toán chặt chẽ về hiệu quả sản xuất, kinh doanh, về hiệu quả đầu tư cơ bản, thời gian hoàn vốn và hiệu suất đồng vốn, các khoản tích lũy và nộp ngân sách, khả năng xuất khẩu và nhập khẩu v.v. tiến hành hạch toán rành mạch giữa trung ương và địa phương về giá trị và số lượng sản phẩm điều đi, điều đến, kê cả xuất khẩu, nhập khẩu. Quan hệ giữa trung ương và địa phương ở đây là quan hệ hai chiều, việc hạch toán này không hề làm giảm nhẹ trách nhiệm của trung ương đối với địa phương (kể cả các địa phương có nhiều khó khăn), ngược lại còn có tác dụng quan trọng khắc phục cả hai loại khuynh hướng — hoặc là ý lại vào cấp trên, vào trung ương, hoặc là không làm đầy đủ trách nhiệm với địa phương — trên cơ sở xây dựng những quan hệ đúng đắn về nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của cả trung ương và địa phương.

Đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa còn chiếm vị trí quan trọng như ở nước ta, Nhà nước chưa thể kế hoạch hóa triệt để trực tiếp bằng các quy định « cái vào — cái ra » của nó, mà chỉ mới tiến hành kế hoạch hóa theo hướng quản lý các hoạt động « vào — ra » của nó, bằng những biện pháp kinh tế, các chính sách, các đòn bẩy kinh tế và các biện pháp hành chính — luật pháp. đương nhiên, cũng không thể vì muốn sử dụng tính năng động của thị trường, mà buông lơi những nguyên tắc về sử dụng thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa, thả nổi nền kinh tế trên thị trường và đi đến giảm nhẹ vai trò của kế hoạch. Thị trường xã hội chủ nghĩa có những nét hoạt động giống thị trường tư bản chủ nghĩa về hình thức: có hàng hóa, có tiền tệ, có kích thích của lãi, có tác động của

cung và cầu, nhưng về bản chất khác với thị trường tư bản chủ nghĩa. Đó là thị trường thuộc phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa nằm trong nền kinh tế kế hoạch hóa, chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa chứ không phải do quy luật giá trị điều tiết. Thị trường xã hội chủ nghĩa được đặt dưới sự quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, được kế hoạch hóa và được sự lãnh đạo chi phối của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Thị trường xã hội chủ nghĩa được vận dụng trong phạm vi nền kinh tế kế hoạch hóa và các hoạt động của thị trường sẽ bổ sung như các yếu tố đòn bẩy kinh tế cho hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch. Cần chọn một cách thích đáng và vừa phải phạm vi kế hoạch hóa trực tiếp và phải nắm cho được, bảo đảm cho trung ương chi phối những mặt trọng yếu của nền kinh tế, đồng thời tăng cường các biện pháp kế hoạch hóa gián tiếp, sử dụng các đòn bẩy kinh tế.

Trong tình hình nước ta hiện nay, kế hoạch xây dựng lúc đầu chưa phải đã cần đối mọi mặt, do đó, cần phải tiếp tục cần đối trong quá trình thực hiện kế hoạch. Vì vậy, vấn đề quan trọng trong điều hành kế hoạch, là phải bảo đảm sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp cho sát và nhanh nhạy hơn nữa, áp dụng loại kế hoạch tác vụ để chỉ đạo tập trung, đồng bộ ở những khâu trọng điểm. Thực hiện cho được việc điều hành các hoạt động kinh tế theo kế hoạch đã duyệt; trường hợp đột xuất cần điều chỉnh thì phải cần đối lại kế hoạch.



Muốn đổi mới công tác kế hoạch hóa phải tiến hành phân cấp quản lý kinh tế. Phân cấp là một nguyên lý của khoa học quản lý kinh tế. Chỉ có phân cấp mới có thể phân rõ trách nhiệm hệ điều khiển nền kinh tế, làm

cho hệ điều khiển có sức năng động và có hiệu lực.

Chúng ta tiến hành phân cấp quản lý kinh tế nhằm giải quyết hai yêu cầu cơ bản:

— Nền kinh tế nước ta cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ và việc giải quyết những mục tiêu kinh tế — xã hội chủ yếu về lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu hiện nay vẫn phải dựa chủ yếu vào nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp v.v. do đó phải tạo ra những điều kiện thuận lợi để khai thác các ngành nghề ấy.

— Thể hiện rõ quan điểm của Đảng ta là mỗi cấp quản lý làm chủ thật sự nền kinh tế, phát huy tính chủ động, sáng tạo, giải quyết các vấn đề của cấp mình, đề trung ương tập trung vào những công việc then chốt, đúng tâm của trung ương.

Điều cần nhấn mạnh là: không phải chúng ta đã tập trung quá mức, cho nên bây giờ phải « phi tập trung hóa » như ở một số nước khác. Vấn đề của chúng ta là hai quá trình tập trung hóa kinh tế và dần chủ hóa kinh tế *cùng tiến hành đồng thời*, vừa tích tụ, tập trung, vừa tạo điều kiện cho nền kinh tế « bung ra » mạnh mẽ, đề trên cơ sở ấy, tập trung được nhiều hơn.

Phân cấp quản lý kinh tế còn là *xây dựng lĩnh chủ động, dựa cơ sở vào hoạt động theo cơ chế quản lý kinh doanh hạch toán và xây dựng cấp huyện thành cấp quản lý kinh tế, xây dựng kế hoạch toàn diện.*

Cần nhấn mạnh những nguyên tắc cơ bản làm cơ sở cho việc phân cấp quản lý kinh tế.

1) Phân cấp quản lý kinh tế phải bảo đảm tăng cường tính hệ thống tập trung và tính thống nhất của nền kinh tế.

Nền kinh tế xã hội bao gồm những hệ thống lớn và phức tạp có quan hệ với nhau trong tổng thể nền kinh tế.

Nhất là trong điều kiện nước ta, sản xuất nhỏ còn phổ biến, nên kinh tế còn nhiều thành phần, do đó, có rất nhiều yếu tố, bộ phận tác động lẫn nhau trong những mối quan hệ rất đa dạng mà khả năng hiện tại của chúng ta (cộng với các phương tiện hiện có) chưa thể xử lý và điều khiển nó như là một đối tượng duy nhất. Vì vậy, *tách đối tượng ra từng bộ phận và phân công phân cấp điều khiển nó là một việc tự nhiên.* Đó cũng là cơ sở của việc phân cấp quản lý kinh tế mà chúng ta tiến hành lần này... Nền kinh tế xã hội là một hệ thống phức tạp gồm nhiều bộ phận tương tác quan hệ lẫn nhau. Hệ điều khiển có *cấu trúc phân cấp*, cấp dưới điều khiển từng bộ phận; cấp trên điều khiển bằng cách *phối hợp hay hiệp tác* các hoạt động của cấp dưới. Phân cấp quản lý kinh tế là phân cấp hệ điều khiển. Cách phân cấp tùy thuộc vào cách tách đối tượng điều khiển, tùy theo cách tách nền kinh tế quốc dân ra từng ngành như thế nào mà có kiểu phân cấp quản lý thích hợp theo loại hình của ngành đó.

Hệ điều khiển trung ương khi điều khiển đề đạt mục tiêu toàn bộ của tổng thể nền kinh tế, phải thông qua các hệ điều khiển địa phương và cơ sở. Trong phạm vi ràng buộc của các biện pháp hiệp tác của hệ điều khiển trung ương, hệ điều khiển các địa phương và cơ sở trong khi điều khiển các bộ phận của mình đạt các mục tiêu cụ thể của địa phương và cơ sở (với những ràng buộc nói trên), phải đồng thời bảo đảm mục tiêu của tổng thể nền kinh tế.

Đề hệ phân cấp quản lý có thể hoạt động được, bất kỳ biện pháp hiệp tác nào của trung ương cũng phải bảo đảm sự cân đối hiệp tác giữa các bộ phận.

+ Trong tình hình nền kinh tế hiện nay còn có nhiều mất cân đối nghiêm trọng, công tác quản lý kinh tế nói

chung và nhất là công tác phân phối, lưu thông hiện nay có nhiều vấn đề phải giải quyết, việc phân cấp quản lý kinh tế phải nhằm bảo đảm những yêu cầu cấp bách của nền kinh tế.

+ Thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng xuất khẩu, nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội.

+ Góp phần sắp xếp lại nền kinh tế, tổ chức lại sản xuất, giải quyết tốt những vấn đề trên mặt trận phân phối lưu thông.

+ Bảo đảm sự thống nhất 3 lợi ích, tăng cường sự hiệp tác và liên kết kinh tế giữa các cơ sở, các địa phương, khơi lên sức mạnh tổng hợp nhằm góp phần giải quyết các mặt cần đối trong nền kinh tế, củng cố chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, tính hệ thống và tính thống nhất của nền kinh tế.

2) *Phân cấp quản lý kinh tế phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc có tính khoa học rất cao trong việc tổ chức các hệ thống quản lý và phân cấp quản lý kinh tế.*

Những quan điểm mới của điều khiển học hiện đại cho ta những hiểu biết sâu sắc hơn nội dung khoa học của nguyên tắc đó.

Phân cấp quản lý kinh tế phải góp phần mở rộng thích đáng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở, tạo đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm, phương tiện và điều kiện để cơ sở tự chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong sản xuất theo khuôn khổ quy định của Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước phải tôn trọng tư cách pháp nhân của các đơn vị cơ sở và hết sức tránh những can thiệp có tính chất tác nghiệp chồng chéo vào sản xuất. Cần thực hiện đầy đủ chế độ thủ trưởng và chỉ có một thủ trưởng nắm toàn bộ đầu mối điều hành tác nghiệp của cơ sở. Đó là hình thức vận dụng đúng đắn phương châm "giao quyền quyết định cho cấp có điều kiện thuận lợi nhất để hiểu biết và giải quyết công việc". Tránh

tình trạng nhiều cấp trên tác nghiệp làm thay hoặc can thiệp vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của cơ sở, địa phương, ngành làm cho cơ sở, địa phương, ngành mất chủ động.

Nhiệm vụ chủ yếu của hệ điều khiển là ra các *quyết định*, tức là các *thông tin điều khiển* để chỉ huy đối tượng; đối tượng không phải chỉ nhận thông tin điều khiển từ hệ điều khiển, mà còn cung cấp cho hệ điều khiển các thông tin về hiện trạng của mình, phản ánh sự phản ứng của mình đối với tác động của các thông tin điều khiển của cấp trên bằng con đường *liên hệ ngược*. Đó là mặt *dân chủ* của hệ thống quản lý kinh tế.

Tập trung là quyền tập trung làm quyết định của hệ điều khiển, chỉ có hệ thống điều khiển ra các *quyết định*, chứ đối tượng không thể tự ý trực tiếp ra các quyết định. Dân chủ được thể hiện trong *dòng liên hệ ngược*. Dân chủ là quyền tác động của liên hệ ngược đối với hệ điều khiển nhằm giúp cấp trên hiệu chỉnh, cải tiến các quyết định của mình.

Một trong những đặc điểm quan trọng của liên hệ ngược là *không phải liên hệ ngược thụ động mà là liên hệ ngược chủ động tích cực*; điều đó có tác dụng nâng cao hiệu lực thực tế của các quyết định, bảo đảm tính ổn định, cân bằng của toàn bộ hệ thống điều khiển và bị điều khiển trong hệ thống quản lý.

Như vậy, tập trung và dân chủ phải được gắn liền với nhau một cách hữu cơ. Tập trung mà không dân chủ, tức là không cần đến liên hệ ngược và sẽ dẫn đến tình trạng một bên là sự tập trung chuyên chế, quan liêu, một bên là xu thế cường lại và muốn "xé rào" thoát ra khỏi sự tập trung đó.

Tuy nhiên cần chú ý: hệ thống kinh tế - xã hội là *một hệ thống động*, sự cân đối và ổn định cũng là sự *cân đối và ổn định động*, do đó, hệ quản lý phải có những biến đổi *nhạy* và thích nghi với tính chất *động* đó.

Vấn đề của ta hiện nay là: phân cấp mạnh mẽ cho địa phương và cơ sở nhưng giữ vững sự quản lý tập trung, thống nhất của trung ương. Trên các mặt kế hoạch, ngân sách, vật tư, lao động... đều phải quán triệt tinh thần tạo quyền chủ động cho địa phương, cơ sở, nhưng không ảnh hưởng đến quyền quản lý tập trung của trung ương.

3) *Phân cấp quản lý kinh tế phải lấy hiệu quả kinh tế (xét trên phạm vi toàn nền kinh tế quốc dân) làm tiêu chuẩn để xem xét việc phân cấp.* Giao cho cấp nào có điều kiện thuận lợi và hiểu biết đầy đủ nhất quyền hạn và trách nhiệm giải quyết những vấn đề trong phạm vi cấp ấy. Nói cách khác, là giải quyết vấn đề mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, trong những điều kiện cụ thể nhất định (như vậy là phải có nhiều phương án, rồi so sánh để chọn phương án tối ưu).

4) Thực hiện chủ trương vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất và nguyên tắc kết hợp ngành với địa phương và vùng lãnh thổ. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: Ngành kinh tế - kỹ thuật là xương sống của nền kinh tế, nắm vững những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân, phát triển kinh tế địa phương, nhằm giải quyết các vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Không thể coi nhẹ vai trò, vị trí của ngành, tăng cường hơn nữa việc quản lý toàn ngành (không thể chỉ bó hẹp trong những đơn vị trực tiếp quản lý như hiện nay). Và hướng các ngành vào việc phục vụ phát triển kinh tế địa phương cũng như nêu cao tinh thần trách nhiệm của địa phương đối với các cơ sở kinh tế trung ương đóng tại địa phương, chống tư tưởng thờ ơ, thậm chí đối lập.

5) *Bảo đảm đồng bộ trong phân cấp quản lý kinh tế.*

Quá trình tái sản xuất bao gồm một hệ thống các hoạt động gắn bó chặt chẽ với nhau, do đó, khi phân cấp, phải đồng bộ, từ kế hoạch, đến ngân sách, tài chính, tín dụng, vật tư... cho đến cán bộ và cơ sở vật chất. Thực tế hiện nay là có một số chính sách, chế độ về tài chính, ngân hàng đang cản trở, gò bó cơ sở phát huy tiềm năng, làm cho người giám đốc xí nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã bó tay không thể kinh doanh được. Vì vậy phải nghiên cứu, phân tích rõ các mối quan hệ kinh tế những mặt và sẽ diễn ra ở đơn vị cơ sở, hoặc ở một tỉnh, một huyện, từ đó mà tính toán nội dung phân cấp cho sát đúng, đồng bộ, thuận lợi nhất cho đơn vị tiến hành sản xuất, kinh doanh, tránh tình trạng: người cời trời, người trời lại.

6) *Phân cấp quản lý kinh tế phải linh hoạt, đa dạng, phù hợp với trình độ của từng loại đơn vị hoặc cơ sở.* Tình hình các đơn vị cơ sở, các tỉnh, các huyện của ta hiện nay rất không đều nhau, do đó việc phân cấp quản lý không thể tiến hành nhất loạt như nhau. Về trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích của mỗi địa phương, mỗi loại đơn vị cơ sở (và cả các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương), cũng có những điểm rất khác nhau. Do đó, cần *phân loại các địa phương và đơn vị cơ sở* để xác định nội dung phân cấp đối với từng loại cho sát hợp.

Những nguyên tắc và tư tưởng chỉ đạo việc phân cấp quản lý nêu trên chính là sự vận dụng các quy luật kinh tế trong điều kiện nền kinh tế của ta đang còn ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Không tuân theo những quan điểm và nguyên tắc cần thiết, sẽ không có nội dung phân cấp đúng đắn, hoặc có thể làm rối thêm nền kinh tế, hoặc không khai thác tốt tiềm năng kinh tế của địa phương và cơ sở.

LÝ LUẬN QUÂN SỰ CỦA MÁC VÀ NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỒ QUỐC HIỆN NAY

Trung tướng PHẠM-HÔNG-SƠN

 Ý luận của Mác về vấn đề quân sự, khởi nghĩa và chiến tranh xuất phát từ luận điểm quan trọng của ông cho rằng không một giai cấp bóc lột nào từ bỏ vũ đài lịch sử mà không dùng sức mạnh quân sự của mình, vì vậy giai cấp vô sản, các dân tộc bị áp bức không thể giành chính quyền Nhà nước về tay mình mà không dùng bạo lực để đập lại các đòn tiến công quân sự của giai cấp thống trị, bên cạnh các hình thức đấu tranh khác.

Bên cạnh những công trình về lý luận quân sự của Ph. Ăng-ghe-n, người coi như được phân công đi sâu vào lĩnh vực quân sự, Mác, kể từ năm 1848 đến khi mất, đã viết rất nhiều về vấn đề quân sự, khởi nghĩa, chiến tranh, lực lượng vũ trang, công tác quân sự, lịch sử quân sự, các cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh giữa các nước tư bản với nhau. Mác là người đầu tiên nói rõ bản chất của bạo lực, của chiến tranh, của mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị, quân sự và kinh tế...

Lý luận quân sự của Mác và Ăng-ghe-n hoàn toàn khác tất cả các lý luận quân sự đã có trước Mác, vì nó dựa trên cơ sở của triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Nó đề ra các luận điểm hoàn toàn mới về chiến tranh nói chung, về chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang nói riêng trong thời đại mới, thời đại giai cấp vô sản bước lên vũ đài lịch sử, giữ vai trò trung tâm và lãnh đạo cách mạng. Lý luận quân sự của các giai cấp chủ nô, của các thế lực phong kiến và của giai cấp tư sản trước kia cũng như hiện nay đều nhằm phục vụ cho chiến tranh ăn cướp đối với nhân dân lao động trong nước và đối với các dân tộc khác. Chúng ta không thể tìm thấy trong các lý luận ấy những luận điểm về khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng, về tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức. Chỉ có học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác là đưa ra được những luận điểm ấy. Với ý nghĩa giải phóng loài người khỏi mọi ách áp bức bóc lột và tiêu diệt ngay bản thân bạo lực, chiến tranh, học thuyết ấy hết sức nhân đạo.

Mác và Ăng-ghe-n đều khẳng định, chiến tranh là một hiện tượng lịch sử, là sản phẩm và là bạn đồng hành thường xuyên của xã hội có đối kháng giai cấp. Chỉ trong 5500 năm lại đây, các dân tộc đã trải qua hơn 14000 cuộc chiến tranh. Riêng chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho hơn năm chục triệu người chết. *Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội khoa học là thủ tiêu các nguyên nhân sinh ra chiến tranh, đem lại hạnh phúc, hòa bình vĩnh viễn cho loài người.* Mác và Ăng-ghe-n đã viết: « Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa, thì đồng thời quan hệ thù địch giữa các dân tộc cũng mất theo » (1). Lê-nin cũng đã nói: « Không còn nghi ngờ gì nữa, chỉ có cuộc cách mạng của giai cấp vô sản mới có thể chấm dứt và nhất định sẽ chấm dứt được hết thảy mọi cuộc chiến tranh nói chung » (2).

Mác dẫn chứng lịch sử cho thấy không bao giờ giai cấp thống trị lại tự thủ tiêu lợi ích của mình, nó nhất thiết sẽ dùng bạo lực để duy trì lợi ích ấy, cho nên giai cấp vô sản không thể không dùng bạo lực để giành chính quyền. Nhưng đối với Mác, bạo lực chỉ là « *bà đỡ cho một xã hội cũ đang thay thế một xã hội mới trong lòng; bạo lực là công cụ* »... (3) chứ không phải bạo lực và chiến tranh là vạn năng như Mao-Trạch-Đông đã quan niệm.

Lần đầu tiên, Mác và Ăng-ghe-n đã phân biệt chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. Mác luôn luôn nói là cần phải tránh sự xem xét phiến diện mọi cuộc chiến tranh, phải hết sức ủng hộ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh của giai cấp và dân tộc bị áp bức. Mác luôn luôn phê bình những người không hiểu rằng mọi cuộc chiến tranh đều phải được xem xét theo quan điểm giai cấp, xem xét nó thúc đẩy hay ngăn trở sự phát triển của cách mạng, của phong trào

giải phóng dân tộc, của lợi ích của quần chúng lao động. Chiến tranh là sự kế tục của đường lối chính trị của một giai cấp nhất định bằng phương tiện khác. Do đó, khi xem xét một cuộc chiến tranh, phải nghiên cứu toàn bộ các quan hệ chính trị của Nhà nước và giai cấp tiến hành chiến tranh.

Học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác hoàn toàn xa lạ và trái ngược với lý luận quân sự của giai cấp tư sản về cách tổ chức quân sự. Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Mác chủ trương vũ trang cho đông đảo quần chúng cách mạng, giáo dục sâu rộng cho quần chúng và cho lực lượng vũ trang của quần chúng hiểu rõ mục đích của khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng, từ đó Mác đề xuất ra lý luận về chiến tranh nhân dân.

Mác cho rằng chỉ có giai cấp công nhân mới có thể vũ trang cho quần chúng nhân dân để tiến hành một cuộc chiến tranh có tính chất nhân dân, chống lại giai cấp thống trị. Vũ trang cho toàn dân là một việc tối kỳ đối với các giai cấp phong kiến và tư sản; các giai cấp này thù ghét hiệp, chịu mất nước cho kẻ thù còn hơn là vũ trang cho nhân dân. Khi nói về chiến tranh giải phóng và chiến tranh tự vệ của các dân tộc bị áp bức, Mác và Ăng-ghe-n cũng đã phân tích rất nhiều vai trò to lớn của quần chúng vũ trang. Giá trị vĩ đại của luận điểm đó là ở chỗ, lần đầu tiên trên thế giới, nó chỉ cho giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức phương hướng về tổ chức quân sự của mình, một tổ chức sinh ra trong lòng giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Như vậy, Mác và

(1) Mác — Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập I, tr. 45.

(2) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, tr. 187.

(3) Ph. Ăng-ghe-n: *Chống Đuy-rinh*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 312.

Ăng-ghe-n đã đặt nền móng lý luận cho vấn đề chiến tranh nhân dân với hình thức tổ chức quân sự của giai cấp vô sản và luận điểm nổi liệng vũ trang cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Bên cạnh việc vũ trang cho quân chúng cách mạng, Mác, Ăng-ghe-n và sau này Lê-nin đều nhấn mạnh phải xây dựng một quân đội kiểu mới của Nhà nước xã hội chủ nghĩa khi giai cấp vô sản đã nắm được chính quyền, quân đội cách mạng sẽ hoàn toàn khác với quân đội của giai cấp tư sản. Lê-nin đã phát triển lý luận quân sự của Mác và Ăng-ghe-n thành học thuyết quân sự mác xít hoàn chỉnh. Lê-nin cho rằng khi còn giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới, không thể chỉ vũ trang nhân dân, không chỉ tổ chức các đội dân cảnh, mà phải xây dựng một quân đội cách mạng, chính quy và được trang bị hiện đại, được huấn luyện chu đáo có hệ thống, có đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp được đào tạo công phu, có kinh nghiệm. Những nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã bổ sung vào lý luận về tổ chức quân sự của Mác và Ăng-ghe-n, hoàn chỉnh lý luận đó trong hoàn cảnh giai cấp vô sản đã nắm được chính quyền.

Học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n về phương thức tiến hành khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng, chiến tranh tự vệ, hoàn toàn khác lý luận quân sự tư sản.

Với quan điểm chiến tranh nhân dân, Ăng-ghe-n đã nói rất nhiều về vấn đề các dân tộc cần phải linh hoạt và sáng tạo trong khi vận dụng các phương thức khởi nghĩa và chiến tranh, nhằm giành thắng lợi quyết định. Ăng-ghe-n nói: "Sự giải phóng rủa giai cấp vô sản, đến lượt nó sẽ có biểu hiện đặc thù của nó trong công việc quân sự và sẽ tạo ra một phương

pháp quân sự mới, đặc thù của nó" (4).

Cách mạng Việt-nam sử dĩ giành được thắng lợi, một trong những nguyên nhân quan trọng nhất, chính là đã vận dụng sáng tạo học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đảng ta đã đưa chiến tranh nhân dân - cốt lõi của học thuyết quân sự của Mác - lên một trình độ mới, một bước phát triển mới về chất lượng. Một trong những sáng tạo đó là: "Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng, lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; thực hiện làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những trận tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, đè bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng" (5).



Hiện nay, đế quốc Mỹ vẫn đang mưu toan phản công có tính chất

(4) Ph. Ăng-ghe-n, V.I. Lê-nin, J. Xta-lin: *Bản về chiến tranh nhân dân*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 59.

(5) Lê-Duẩn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội IV, *Tạp chí học tập* số 12-1976, tr. 45.

toàn cầu, tăng cường vũ trang để giành ưu thế quân sự trên thế giới, củng cố vị trí lãnh đạo thế giới tư bản, thực hiện vai trò sen đầm quốc tế, ngăn chặn sự phát triển của ba đồng thức cách mạng. Chúng đang đẩy mạnh chạy đua vũ trang với quy mô chưa từng có, tuyên truyền trắng trợn cho chiến tranh hạt nhân, công khai dùng chính sách vũ lực tiến công phong trào giải phóng dân tộc, tăng cường mở rộng hệ thống căn cứ quân sự trên thế giới. Trong khi đó bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc tiếp tục chính sách cầu kết với đế quốc Mỹ và Thái-lan cùng các thế lực phản động khác để phá hoại cách mạng Cam-pu-chia, phá hoại cách mạng Lào. Trung-quốc liên tiếp khước từ đàm phán hòa bình với Việt-nam, thường xuyên gây căng thẳng ở biên giới phía bắc Việt-nam, chiếm Hoàng-sa của Việt-nam và tuyên bố quần đảo Trường-sa của Việt-nam là lãnh thổ của Trung-quốc. Sau khi bị thất bại thảm hại trong các cuộc chiến tranh lần chống Việt-nam, họ đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt nhằm làm suy yếu nước ta, tiến tới thôn tính nước ta.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, bọn bành trướng bá quyền thống trị ở Trung-quốc bao giờ cũng âm mưu thôn tính Việt-nam, chuẩn bị và tiến hành chiến tranh cướp nước ta và Hán hóa dân tộc Việt-nam. Từ Tần-Thủy-Hoàng, qua Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, không có thời nào mà không có một vài cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc đánh Việt-nam.

Ngày nay, sau khi bị thất bại trong hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt nhằm làm suy yếu dân nước ta, đồng thời tích cực chuẩn bị để khi

có cơ hội thì phát động chiến tranh lớn để thôn tính nước ta. Vì vậy, chúng ta phải thường xuyên cảnh giác, « phải động viên những cố gắng cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta *kiên quyết đánh thắng kẻ thù* chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đồng thời bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng, có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào ». (6)

Chúng ta phải không ngừng tăng cường sức mạnh về mọi mặt của đất nước thì mới có thể chủ động được trong mọi tình huống. *Thái độ mặt cảnh giác, lợi-lòng nhiệm vụ phòng thủ đất nước chỉ có tác dụng ngược lại là khuyến khích những thế lực xâm lược, hiếu chiến bên ngoài và bọn phản động trong nước.* Có tăng cường được sức mạnh của đất nước bằng cách phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, mới làm kẻ thù nản lòng, không dám nuôi ảo tưởng xâm lược, phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Điều đó đòi hỏi chúng ta phải nắm chắc mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược, phải tập trung sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước, tăng cường sức mạnh toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa, lấy đó làm cơ sở để tăng cường sức mạnh quốc phòng, không một phút coi nhẹ việc củng cố quốc phòng vững mạnh. Phải tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân, đặc biệt là ở các tỉnh biên giới. Cần phải thấy *chừng nào nhà cầm quyền Trung-quốc chưa thay đổi chính sách thù địch với Việt-nam thì họ chưa muốn có hòa bình với chúng ta.* Đúng như Lê-nin đã từng

(6) Lê-Duẩn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại đại hội V, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 33.

nói « hiện nay chúng ta chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, nhưng không được quên là chiến tranh sẽ tái diễn. Chừng nào mà còn có chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, thì hai chủ nghĩa đó không thể nào sống hòa bình được: hoặc chủ nghĩa xã hội, hoặc chủ nghĩa tư bản, cuối cùng sẽ thắng... Đây chỉ là một cuộc hoãn chiến. Bọn tư bản sẽ tìm cơ để gây chiến với chúng ta » (7).

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bên cạnh sức mạnh của quần chúng nhân dân được vũ trang, chúng ta phải có một quân đội chính quy và hiện đại mới bảo đảm chiến thắng kẻ thù, nếu chúng ta liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược. Xây dựng một quân đội chính quy và hiện đại là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trong sự nghiệp này chúng ta có nhiều khó khăn, trước hết là do kinh tế lạc hậu và đời sống nhân dân còn khó khăn. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần quán triệt quan điểm kinh tế là cơ sở của quốc phòng, đúng như Ăng-ghe-nơ đã từng nói: « Không có gì lại phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế tiên quyết hơn là chính*ngay quân đội và ham đội » (8). Mặt khác, chúng ta cần kết hợp kinh tế với quốc phòng theo một phương hướng cơ bản, lâu dài, đồng thời có dự kiến trước để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp khi xảy ra biến động, bảo đảm đánh thắng quân thù. Phải lập kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược. Chúng ta luôn luôn sẵn sàng chuyển từ thời bình sang thời chiến. *Bất cứ trong tình huống nào cũng không bị động. Tạo ra một thể bố trí chiến lược thống nhất để làm chủ cả về kinh tế và quốc phòng trong cả nước và trong từng địa phương.* Tăng cường công nghiệp quốc phòng một cách thích hợp. Trong khi thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, một bộ phận lực lượng quân đội và công nghiệp quốc phòng phải tham

gia xây dựng kinh tế. Nền công nghiệp quốc phòng của ta là một bộ phận của nền công nghiệp của cả nước, nó yêu cầu phải có sự phân công thích hợp trên một nền kinh tế chung để vừa đẩy mạnh được kinh tế vừa củng cố được quốc phòng.

Trong thời đại khoa học kỹ thuật hiện nay, tất cả các quân đội trên thế giới đều tiến lên hiện đại hóa. Hoạt động tác chiến chiến lược không phải chỉ có lục quân trên đất liền, mà còn có không quân tập kích đường không chiến lược, hải quân bao vây đường biển... Vì vậy nhiệm vụ quốc phòng đòi hỏi không chỉ xây dựng lực lượng mà còn phải xây dựng không quân và hải quân.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ngày nay không giống như khi tiến hành chiến tranh giải phóng, nghĩa là không thể để địch vào sâu trong đất nước ta rồi mới diệt địch. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi chúng ta phải chặn đứng và diệt địch ngay ở cửa ngõ biên giới. Vì vậy, không những phải vũ trang quân chúng rộng rãi trên cả nước, mà còn phải có quân đội nhân dân chính quy hiện đại ngày càng cao. Muốn có một quân đội mạnh, kinh tế và khoa học phải mạnh để tự mình trang bị cho mình, nhưng trước mắt và trong một thời gian lâu dài, chúng ta phải dựa vào sự giúp đỡ của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa để bảo đảm cơ sở hiện đại cho quân đội, đủ sức bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam và làm nghĩa vụ quốc tế.

Dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học và nghệ thuật quân sự trong chiến tranh giải phóng, một thành tựu của sự vận dụng sáng tạo lý luận quân sự của chủ nghĩa Mác -

(Xem tiếp trang 41)

(7) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1969, tập 31, tr. 564.

(8) Ph. Ăng-ghe-nơ: *Chống Duy-rinh*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 283.

BÀI HỌC VỀ LAO ĐỘNG KHOA HỌC CỦA C. MÁC

PHẠM-NHU-CƯƠNG

CÁC MÁC có nhân cách đa dạng, phong phú hiếm thấy. Người là sự kết hợp hài hòa những phẩm chất của một nhà bác học nghiên cứu không biết mỗi nhằm khám phá các chân lý khoa học, một chiến sĩ cách mạng lấy cuộc đấu tranh vì tự do và hạnh phúc của người lao động làm lẽ sống và niềm phấn khởi, một nhà chiến lược và sách lược thiên tài, một lãnh tụ có uy tín của phong trào vô sản.

Cuộc đời của Mác đã bị rút ngắn đi nhiều (Người chỉ thọ được 65 tuổi: 1818 — 1883) do bị nhiều bệnh tật hiểm nghèo bắt nguồn từ một sự lao động trí óc, hoạt động chính trị — xã hội cực kỳ căng thẳng và điều kiện sinh hoạt nghèo túng đến, quần bách. Nhưng như Người đã tự đề ra cho mình ngay khi còn là thanh niên: Khi chúng ta đã lựa chọn một nghề nghiệp cho phép ta hoạt động tốt nhất vì hạnh phúc của loài người thì những gánh nặng của nó không thể đánh quỵ chúng ta...

Bộ óc của Mác « giống như một chiếc tàu chiến đang đầu ỏ bến cảng,

nhưng cũng đầy sức nén, luôn sẵn sàng xuất phát theo bất cứ hướng nào trên đại dương của tư duy » (1). Đó là bộ óc bách khoa, theo nghĩa đầy đủ nhất của từ này, của một nhà khoa học làm việc cật lực, tự đề ra cho mình những đòi hỏi nghiêm ngặt nhất về căn cứ thực tế và căn cứ lý luận đối với mỗi kết luận của mình. Trong một lần tranh luận với Mác về nguyên nhân sự xuất bản chậm một trong những tác phẩm kinh tế của Người, Ăng-ghe-n đã viết với một vẻ trách móc: « ... Lý do chủ yếu của sự chậm trễ này là ở sự dãn do căn cứ của chính bản thân anh » (2).

Bộ Tư bản là công sức của bốn mươi năm lao động, bắt đầu từ năm 1813 cho đến những tháng cuối cuộc đời của Mác. Mỗi bước tiến lên trong nhận thức quy luật của sự tiến bộ xã hội đều là kết quả của một sự tập

(1) Pên La-phác-gơ: *Những kỷ niệm về Mác — Ăng-ghe-n*, bản tiếng Pháp, 1958, tr. 76.

(2) « Các thư từ về bộ Tư bản » : *Thư tín của Mác và Ăng-ghe-n*, bản tiếng Pháp, Nxb Xá hội, Pa-ri, tr. 114.

trung cao độ tinh lực trí tuệ. Đằng sau mỗi phát hiện lý luận, sau mỗi trang bản thảo được viết để làm sáng tỏ cho bản thân mình (như Mác thường hay nói), là một khối lớn các cuốn sách được đọc đi đọc lại, được nghiền cứu kỹ lưỡng với những đoạn trích, tóm tắt, trải qua hàng giờ, hàng ngày, hàng tháng và có khi là hàng năm suy tư bên bĩ đê hiểu sự vật đến tận cùng. Nếu không phải như vậy thì, như Ăng-ghe-n nói: « Đã có nhiều hơn những tác phẩm như bộ *Tư bản* » (3).

Ngay từ buổi đầu cuộc đời sinh viên, Mác đã tỏ ra khao khát tích lũy kiến thức với tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ. Mác ghi tên theo học nhiều môn cùng một lúc. Ngoài việc nghiên cứu các bài giảng về luật học, Mác còn học về thần thoại Hy-lạp và La-mã, về lịch sử và lý luận của nghệ thuật hiện đại, tự mua đề đọc rất nhiều sách, nhất là về lịch sử, và học ngoại ngữ. Trong một thư gửi cho bố, Mác tâm sự: « ... Con hạn chế tất cả các quan hệ bạn bè, chỉ bắt đầu đi thăm hỏi hiếm hoi, để có thể vui đầu vào khoa học và nghệ thuật... » (4).

Mác cũng sáng tác thơ, nhưng rõ ràng năng khiếu đặc biệt của Mác là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Trong khi đọc sách và suy nghĩ về các vấn đề, Mác ngày càng thấy rõ là cần phải đi sâu vào các vấn đề triết học. Năm 1837, lúc 19 tuổi, Mác đã viết: « Thêm một lần nữa tôi lại thể nghiệm rằng không có triết học thì không thể đi đến kết quả... » (5). Cũng từ năm đó, Mác dành công sức nghiên cứu triết học Hê-ghe-n và nhanh chóng trở thành nhân vật nổi bật nhất trong câu lạc bộ các trí thức thuộc phái Hê-ghe-n trẻ. Từ năm 1839, Mác chuyên nghiên cứu lịch sử triết học, đến tháng 4-1841 bảo vệ luận án tiến sĩ triết học với đề tài: « Sự khác nhau giữa triết học về tự nhiên của Đê-mô-crit và của Ê-pi-cu-a ». Năm 1842 được

đánh dấu bằng sự tiếp xúc của Mác với tác phẩm « Thực chất đạo Cơ đốc của Phôi-ơ-bách ».

Pôn-La-phác đã nhận xét rất đúng: « Các Mác là một trong số ít những nhân vật đã giữ vị trí hàng đầu cả trong lĩnh vực khoa học và trong lĩnh vực hoạt động xã hội; Mác đã kết hợp hai mặt đó một cách chặt chẽ tới mức chúng ta sẽ không thể hiểu được về Người nếu chúng ta đem tách nhà bác học ra khỏi người chiến sĩ xã hội chủ nghĩa » (6).

Đặc điểm này xuất hiện ngay từ đầu: Mác nghiên cứu triết học không phải chỉ vì thú vui hiểu biết, mà trước hết là do nhu cầu nhận thức, lý giải những vấn đề của xã hội đương thời. Cũng chính do cò xát với các vấn đề xã hội thực tế trong thời gian làm ở báo *Sông Ranh*, mà Mác nhận thức sự bất lực của học thuyết duy tâm của Hê-ghe-n về vấn đề Nhà nước và bắt đầu phê phán nó. Để thực hiện sự phê phán đó, Mác nghiên cứu lịch sử nước Pháp, nước Anh, nước Đức, nước Mỹ, nước Ý và nước Thụy-điền, các chế độ chính trị - xã hội của những nước đó, lịch sử của cuộc cách mạng tư sản Pháp thế kỷ 18. Mác đã phân tích những tác phẩm của các nhà sử học, triết học, các chính khách Pháp, Đức, Anh, Ý. Chính trên cơ sở của những khảo cứu lịch sử ấy mà Mác đã viết bản thảo *Góp phần vào việc phê phán triết học về pháp quyền của Hê-ghe-n*, mở đầu cho sự ra đời phát kiến khoa học vĩ đại đầu tiên của Mác: *Các quan hệ xã hội vật chất, các quan hệ sở hữu là nền tảng, là nguyên nhân đầu tiên của mọi hiện tượng xã hội*. Các bản thảo năm 1844.

(3) V. Vy-gôt-ski: *Vì sao bộ Tư bản của C. Mác luôn luôn có tính thời sự?*, bản tiếng Pháp, Mác-xơ-va, 1975, tr. 8.

(4) C. Mác - *Cuộc đời và sự nghiệp*, bản tiếng Nga, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1973, tr. 21.

(5) « Từ Pút-skin đến Tôn-xtoi », *Các chuyên kê và truyện ngắn*, bản tiếng Pháp, Pa-ri, tr. 28.

(6) C. Mác: *Cuộc đời và sự nghiệp*, tr. 536.

các luận cương về Phôi-sơ-bách, cuốn « Hệ tư tưởng Đức »..., mỗi bước tiến đó trên quá trình hoàn chỉnh quan điểm duy vật về lịch sử đều là kết quả của sự lao động tư duy nghiêm túc kết hợp với hoạt động xã hội sôi động. Và mỗi bước tiến lên của Mác trong việc xây dựng học thuyết của chính mình, cũng đồng thời là một sự phân liệt, một sự đoạn tuyệt về tư tưởng, quan điểm với những người bạn đường tư sản tự do, cấp tiến và tiểu tư sản.

Nếu trong những năm 40 Mác và Ăng-ghe-n đã tiến hành một *sự nghiên cứu vĩ mô* về nền sản xuất xã hội, thì trong giai đoạn tiếp theo, Mác đã tập trung vào *sự nghiên cứu vi mô* về nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nghiên cứu các quá trình sâu xa để tìm ra cơ chế vận động của nó.

Những tư liệu cụ thể đóng vai trò hết sức lớn trong việc xây dựng và luận chứng cho học thuyết kinh tế của Mác. Ví dụ, để luận chứng cho quan điểm của mình về địa tô như là một hình thức lợi nhuận của các chủ đất trong xã hội tư bản và phê phán sai lầm của D. Ri-các-dô về vấn đề này, Mác đã nghiên cứu tỉ mỉ các tài liệu thống kê về giá bánh mì hằng năm ở Anh từ năm 1611 đến năm 1859. Mác cũng sử dụng các tài liệu thống kê để vạch sai lầm của phái Pru-dông. Bộ *Tư bản* của Mác đã cung cấp cho chúng ta một khối lượng tư liệu cụ thể hết sức đồ sộ về quá trình phát sinh, phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nhưng còn có một loại sự kiện khác cũng không kém phần quan trọng đối với việc hình thành học thuyết kinh tế của Mác, mà ta có thể tạm gọi là « các sự kiện lý luận ». Mác đã thu thập đầy đủ và nghiên cứu một cách cặn kẽ với tinh thần phê phán lịch sử tư tưởng kinh tế chính trị tư sản. Mác đã nói với các con gái rằng công việc ưa thích của mình là « khảo cứu

các sách cũ ». Liên tiếp trong nhiều năm, Mác miệt mài làm việc suốt ngày trong phòng đọc của Viện bảo tàng Anh là thư viện lớn nhất thế giới hồi đó, về nhà, lại ngồi tận đêm khuya để xem lại các điều ghi chép, các bản tóm tắt, các đoạn trích dẫn; và Mác viết hàng nghìn trang bản thảo, vạch ra các giả thiết khác nhau về bố cục của bộ *Tư bản*. Những bản thảo của Mác còn giữ được đến nay, dù không đầy đủ, vẫn có thể tạo thành một thư viện lớn.

Để viết bộ *Tư bản*, ngoài các tư liệu kinh tế - xã hội cụ thể và sách lý luận, Mác còn chú ý đến cả các tác phẩm văn học hiện thực của những nhà văn lớn. Trong bộ *Tư bản*, để chứng minh cho các luận điểm của mình, Mác đã trích dẫn khá nhiều các tác phẩm của các văn hào như Ban-dắc,狄ch-ken, Sếch-xpia, Xéc-van-téc,...

Nhiệm say mê khoa học được Mác nuôi giữ tận cuối cuộc đời của Người. Mặc dù tuổi đã khá cao, sức khỏe lại không được tốt, Mác vẫn có sự say mê đặc biệt đối với những cuốn sách mới, vẫn đọc, đánh dấu, ghi chú đầy các trang sách. Phạm vi các loại văn đề khoa học mà Mác quan tâm vẫn rất rộng, vì Mác luôn biểu hiện « một thái độ tự phê phán nghiêm khắc, qua đó Người muốn đưa các phát kiến của mình về mặt kinh tế đến tột đỉnh của sự hoàn thiện trước khi trao chúng cho độc giả » (7).

Vào cuối những năm 70, đầu những năm 80, cùng với việc nghiên cứu kỹ hơn về nước Mỹ, nước Nga, Mác còn nghiên cứu nhiều vấn đề về khoa học tự nhiên trong mối liên hệ chặt chẽ với việc giải quyết các vấn đề chính trị kinh tế học. Mác đặc biệt đánh giá cao những phát minh khoa học có ích trực tiếp cho con người, ảnh

(7) C. Mác: *Cuộc đời và sự nghiệp*, tr. 566.

hướng đến sự phát triển kỹ thuật, sản xuất và tác động tích cực đến phúc lợi của quần chúng. Mác cũng nghiên cứu nhiều về toán học cao cấp, một phần vì việc nghiên cứu kinh tế đòi hỏi phải thực hiện nhiều bài tính dài, phần khác vì toán học có mối tương quan mật thiết với triết học với lô gích biện chứng, vốn là những lĩnh vực mà Mác cho là có tầm quan trọng quyết định trong việc xác lập một phương pháp tư duy đúng đắn.

Những vấn đề của lịch sử thế giới bao gồm cả lịch sử các phong trào giải phóng, cũng được Mác chú ý nghiên cứu trong quá trình chuẩn bị viết các tập II và III của bộ *Tư bản*. Điều đó chứng tỏ rằng Mác có ý định thực hiện một sự nghiên cứu rộng lớn hơn về chính trị kinh tế học, muốn vạch ra các quy luật kinh tế của các chế độ có trước chế độ tư bản, thông qua đó đi sâu và phát triển hơn nữa quan điểm duy vật về lịch sử. Mác có ý định tổng kết những hiểu biết của mình về lịch sử bằng cách lập nên bảng niên biểu sự phát triển của tất cả các nước. Tuy ý định này chỉ được thực hiện một phần, chủ yếu là về lịch sử châu Âu và vài nước châu Á, châu Phi, nhưng những gì đã được Mác thực hiện cũng đủ làm chúng ta kinh ngạc về sự phong phú của nó. Bốn cuốn ghi chép lớn của Mác trong những năm 1881 – 1882 về lịch sử thế giới bao quát những sự kiện xảy ra từ thế kỷ I đến giữa thế kỷ XVII. Những bút ký của Mác không chỉ đơn giản chỉ là sự ghi chép lại các sự kiện lịch sử được nói đến trong các cuốn sách Mác đã đọc, mà thường là phản ánh quan điểm của chính bản thân Người về các sự kiện đó.

Cũng không ai khác ngoài Mác và Ăng-ghe-n là những nhà khoa học đã sớm nhận thấy giá trị khoa học chân xác và ý nghĩa cách mạng của các phát kiến của Đắc-uy-n và của Moóc-gan. Điều đáng chú ý là cách nhìn

biện chứng và duy vật tự phát của Đắc-uy-n cũng được kết tinh đúng vào lúc Mác và Ăng-ghe-n xây dựng thế giới quan khoa học của mình – triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Riêng Mác thì đã định hình xong học thuyết kinh tế của mình (tác phẩm của Mác *Góp phần vào việc phê phán chính trị kinh tế học* và tác phẩm của Đắc-uy-n *Về nguồn gốc của các loài bằng con đường tuyển lọc tự nhiên* xuất bản cùng một năm).

Trong khi giới khoa học chính thống ở châu Âu và một phần của nước Mỹ quyết định không đề ý đến cống hiến của Moóc-gan thì Mác và Ăng-ghe-n đã tìm thấy ở tác phẩm về xã hội cổ xưa này (cùng với nhiều tác phẩm của nhiều học giả khác viết về xã hội nguyên thủy) nhiều tư liệu quý báu để làm sâu sắc thêm quan điểm duy vật về lịch sử.

Với sứ mệnh là người khai phá, sáng tạo nên một học thuyết hoàn toàn mới, Mác cũng đã biểu hiện một sự dũng cảm cách mạng rất lớn trong việc gạt bỏ, lật đổ một cách không do dự mọi uy tín truyền thống, mở đường cho sự ra đời của nhân lý khoa học chân chính. Mác thường gọi việc nghiên cứu kinh tế của mình là một « sự phê phán » (bộ *Tư bản* cũng còn có tên gọi là *Phê phán chính trị kinh tế học*). Mác đi ngược dòng một cách quả cảm, vì hiểu rằng khi đứng ở ngưỡng cửa của khoa học cũng như khi bước vào địa ngục, cần phải nêu ra đòi hỏi.

« Ở đây tinh thần cần phải cứng cỏi.

« Ở đây không được ngả theo lời khuyên của sự khiếp sợ » (8).

Sự dũng cảm ở đây đồng nghĩa với một sự trung thực khoa học tuyệt đối. Lên án Man-tuyt là kẻ đã

(8) C. Mác : *Bản về phê phán chính trị kinh tế học*, bản tiếng Nga, tr. 10 (Đây là câu Mác trích từ hai kịch *Thiên thần của Đan-tô*).

tỏ ra quy luy đối với những giai cấp phản động nhất trong xã hội tư bản. Mác viết: « Nếu như một người tìm cách để làm cho khoa học thích ứng với một quan điểm không phải là rút ra từ chính bản thân nó (đầu cho nó có phạm phải những sai lầm nghiêm trọng thể nào đi nữa) mà là từ bên ngoài khoa học, một quan điểm được chi phối bởi những lợi ích xa lạ với khoa học, nằm ngoài khoa học, thì tôi xem người đó là một kẻ hèn nhát » (9).

Trên đây tuy chỉ mới trình bày được một số nét về quá trình lao động khoa học của Mác, nhưng bấy nhiêu đó cũng đủ cho phép ta kết luận rằng, với tư cách nhà bác học, Mác không hề là một thiên tài bẩm sinh, đạt tới các thành quả một cách dễ dàng. Trong thư gửi Mô-ri-xơ La Sa-tơ-rơ, Mác viết: « Đối với khoa học, không có con đường nào bằng phẳng thềm thang cả, chỉ có những người không sợ chồn chân, mỗi gỏi dễ trèo lên những con đường nhỏ hẻo lánh ghềnh của khoa học, mới có hy vọng đạt tới những đỉnh cao xán lạn của khoa học mà thôi » (10). Thật vậy, Mác đã cố gắng tới mức cao nhất để đi đến đỉnh cao của tri thức nhân loại trong các lĩnh vực. Nhưng, Mác không tích lũy kiến thức một cách thụ động, mà làm chủ nó, sử dụng nó như những tư liệu cần thiết cho quá trình lao động tư duy đầy sáng tạo của mình. Và, như Mác nói, « Ta không thể dựa vào sự giúp đỡ của kinh nghiệm vì hoặc của các chất phản ứng hóa học; sức mạnh duy nhất có thể dùng làm công cụ ở đây là sự trừu tượng hóa » (11).

Mác đã để lại cho chúng ta di sản lý luận chủ yếu nhất là bộ *Tư bản*. Đồng thời, Mác cũng để lại cho chúng ta một phương pháp luận khoa học, cái đã giúp Mác xây dựng nên lý luận chính trị kinh tế học của mình từ sự nghiên cứu, lý giải xã hội tư bản

hiện thực, cụ thể. Đúng như Lê-nin viết: « Nếu Mác đã không để lại cho chúng ta bộ *Lô gích* (với chữ L viết hoa) thì đã để lại *lô gích* của bộ *Tư bản*... Trong bộ *Tư bản*, lô gích, phép biện chứng và lý luận nhận thức... đã được áp dụng vào cùng một khoa học... Lịch sử của chủ nghĩa tư bản và sự phân tích các khái niệm tóm tắt lịch sử đó » (12).

Đặc biệt khen ngợi việc trình bày của Mác về nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu từ sự trao đổi hàng hóa, Lê-nin nói: « ... Cách trình bày (nghiên cứu) phép biện chứng nói chung phải là như vậy, (vì rằng) phép biện chứng của Mác về xã hội tư bản chỉ là một trường hợp riêng biệt của phép biện chứng » (13).

Phương pháp của Mác trong bộ *Tư bản* bao gồm toàn bộ những luận điểm cơ bản của phép biện chứng duy vật và quan điểm duy vật về lịch sử mà Mác bắt đầu xây dựng từ những năm 10 của thế kỷ 19. Sau khi cho xuất bản tập I của bộ *Tư bản*, trong một bức thư, Mác viết: « Đại khi tôi hưởng lợi được gánh nặng kinh tế của mình, tôi sẽ viết tập *Phép biện chứng* » (14). Rất đáng tiếc là Mác đã không bao giờ thực hiện được ý định đó!

Qua nghiên cứu, học tập nắm vững phương pháp lao động khoa học của Mác, chúng ta thấy ở Mác một trình độ trừu tượng hóa, khái quát hóa cao, tạo nên ưu thế to lớn cho phép xác định được bản chất sâu xa nhất:

(9) V. Vy-gôt-xki: *Sách đã dẫn*, tr. 57.

(10) C. Mác: *Tư bản*. Nxb Sự thật. Hà Nội. 1960. tập I, tr. 47.

(11) V. Vy-gôt-xki: *Sách đã dẫn*, tr. 71.

(12), (13) V.I. Lê-nin: *Toán tập bản tiếng Nga*, xuất bản lần thứ 4, tập 38, tr. 315 và 359.

(14) C. Mác - *Cuộc đời và sự nghiệp*, tr. 422.

«trạng thái thuần khiết» của sự vật được tách ra khỏi mọi chi tiết thứ yếu, cung cấp cho ta một mô hình trừu tượng (lý luận) của sự vật; mặt khác, cũng đặc tính đó làm cho lý luận của Mác không thể sử dụng *một cách trực tiếp*, mà cần phải được cụ thể hóa, cần phải được bổ sung bằng một số *mắt khâu trung gian* trong khi vận dụng để nghiên cứu các xã hội cụ thể khác nhau.

Chính Mác cũng nhiều lần nhấn mạnh rằng, quan điểm của Người về các giai đoạn phát triển kế tiếp của nhân loại không thể được đem biến thành «một thứ lý luận triết học – lịch sử về tiến trình chung, được áp đặt cho mọi dân tộc như một định mệnh bất kể những hoàn cảnh lịch sử cụ thể của họ» (15).

Áp dụng học thuyết của Mác để giải quyết các vấn đề của đời sống thực tế nghĩa là vận dụng phép biện chứng duy vật và chính trị kinh tế học để nghiên cứu những quan hệ sản xuất cụ thể nhất định trong sự vận động của chúng, và lấy những sự kiện của đời sống kinh tế hiện thực làm tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm sự đúng đắn của việc nghiên cứu.

Những tác phẩm của V.I. Lê-nin: *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn lột cùng của chủ nghĩa tư bản, Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản v.v.* là những mẫu mực về sự vận dụng học thuyết của Mác để tìm ra cách giải đáp đúng đắn đối với những vấn đề mới do cuộc sống đặt ra, qua đó đưa chủ nghĩa Mác lên một giai đoạn phát triển mới.

Thông qua Chủ tịch Hồ-Chí-Minh muôn vàn kính yêu, chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã đưa cách mạng Việt-nam thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng về đường lối trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 20. Và, suốt hơn nửa thế kỷ qua, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Đảng ta đã giải quyết đúng đắn hàng loạt vấn đề phức tạp của cách mạng Việt-nam, nêu lên một tấm gương xuất sắc về sự vận dụng sáng tạo cả lý luận lẫn phương pháp luận của Mác.

(15) C. Mác – Ph. Ăng-ghe-n: *Các thư tín. bản tiếng Pháp. Nab Tiến-bộ. Mát-xcơ-va, 1971, tr. 321.*

Lý luận quân sự...

(Tiếp theo trang 35)

Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển tinh hoa quân sự của dân tộc và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, tăng cường học tập kinh nghiệm của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chúng ta cần đưa khoa học và nghệ thuật quân sự Mác – Lê-nin ở nước ta phát triển lên một trình độ mới, nhằm giải quyết thật tốt nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, chuẩn bị cho đất nước sẵn sàng chiến đấu trong thời bình và đánh thắng kẻ thù nếu chúng liều lĩnh phát động chiến tranh xâm lược nước ta.

Tạo một chuyển biến mạnh mẽ trong sáng tạo văn học nghệ thuật

VĂN nghệ ta là văn nghệ cách mạng.

Nó gắn bó máu thịt với vận mệnh của dân tộc, với cuộc sống của nhân dân. Trong sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, nó đã góp phần vẻ vang làm nên chiến thắng, xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những văn nghệ chống đế quốc trên thế giới ngày nay.

Từ khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, văn nghệ ta cũng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. “Mấy năm qua, đã xuất hiện một số tác phẩm có giá trị, phát huy tác dụng rõ rệt về mặt xây dựng tư tưởng, tình cảm mới. Một số tác phẩm và nghệ sĩ giành được giải thưởng cao trong các cuộc thi quốc tế...” (1). Chúng ta trân trọng những thành tựu ấy và biểu dương mọi cố gắng vì nước vì dân trong lĩnh vực này. Nhưng chúng ta chưa hài lòng: nói chung, chất lượng tác phẩm chưa cao, « nội dung xã hội chủ nghĩa chưa sâu sắc, chưa có sức hấp dẫn mạnh, chưa gây được những ấn tượng sâu sắc, hướng con người vào những suy nghĩ và hành động đúng đắn » (2). Đường như có một sự chững lại. Tại sao? Cái gì đang cản trở sự sáng tạo văn học nghệ thuật của chúng ta, cản trở bước tiến lên phải rất mạnh mẽ, rất khoáng đạt của nền văn nghệ cách mạng dồi dào sinh lực đã được thử thách của chúng ta?

Câu trả lời không đơn giản.

Đã có một lúc, có ý kiến cho rằng cái chính là do những quan niệm thờ

thần về văn học nghệ thuật. Đúng là bệnh áu trĩ ấy chưa hết, nhất là ở các địa phương, và sự khuôn sáo, công thức, sơ lược đã ít nhiều tác hại đến sáng tạo văn học nghệ thuật. Nhưng, phân tích xem nó tác hại cụ thể đến ai và như thế nào thì thấy nó không phải là nguyên nhân duy nhất hay chủ yếu, càng không phải là nguyên nhân phổ biến.

Dư luận xã hội chưa am tường nghệ thuật, công chúng chưa được giáo dục đầy đủ về thị hiếu thẩm mỹ phải chăng là một cản trở cho sáng tạo văn học nghệ thuật? Cũng không thể nói như thế. Văn nghệ ta có một công chúng tuyệt diệu, mặc dù trong công chúng hiện vẫn còn những thị hiếu lạc hậu và những thị hiếu này có lúc dường như lại lấy lan ra nữa. Không nên ngồi chờ đợi một công chúng thuần nhất hoàn hảo, nhiệm vụ của chúng ta là vừa phải tạo ra tác phẩm xứng đáng cho công chúng, vừa phải tạo ra công chúng lý tưởng cho tác phẩm. Đừng chạy theo số công chúng lạc hậu và có nhiều tiền, biến nghệ thuật thành món hàng kinh doanh kiếm lời. Hãy như ca sĩ nọ vừng vàng trước sự la ó của những người đang lên cơn sốt nhạc giật, đã chinh phục được khán giả bằng bản lĩnh và tâm hồn mình qua một bài hát

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4 — 1982, tr. 57.

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tập I tr. 99 — 100.

cách mạng không mới lạ. Nghệ thuật vốn là phương tiện giáo dục thị hiếu thẩm mỹ đặc lực; nghệ thuật không chỉ chờ phán xét của dư luận, nghệ thuật tự nó cũng phải tạo ra dư luận xã hội chính đáng có ích.

Đời sống vật chất hằng ngày đang còn nhiều khó khăn, hoạt động văn học nghệ thuật ngày nay cũng đòi hỏi những phương tiện vật chất kỹ thuật nhất định mà chúng ta tạm thời chưa có đủ. Tình hình ấy dĩ nhiên có phần không thuận lợi, nhưng cũng không phải là cản trở chủ yếu cho sáng tạo văn học nghệ thuật. Khó khăn có công năng thử thách, biết bao bậc tài danh đã làm nên "văn chương sự nghiệp nghìn đời" trong muôn vạn khốn khó, và văn nghệ sĩ ta cũng sẵn sàng chấp nhận, chia sẻ những khó khăn của đất nước.

Còn có thể kể ra nhiều cái khác nữa. Nói cho cùng thì vì sáng tạo văn học nghệ thuật là một hoạt động rất tinh tế và phức tạp cho nên những cái có thể cản trở nó thật ra không ít. Một quan niệm sai lầm, một hiểu biết nông cạn, một sự bất tức trong bản lĩnh người sáng tạo, một thiếu sót trong tổ chức và quản lý, một nổi bực bội có hoặc không duyên cớ v.v. tất thảy đều có thể là nguyên nhân, khách quan và chủ quan, ở người này hay người khác, gây thiệt hại cho sáng tạo văn học nghệ thuật. Nhưng sáng tạo văn học nghệ thuật là sự thôi thúc bên trong, từ sự đòi hỏi, tràn đầy "hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan" (Lê-nin). Đối với văn nghệ sĩ ta, đó là nhu cầu tự biểu hiện mình với tư cách là chủ thể có ý thức của lịch sử, là người tích cực tham gia cải tạo và xây dựng cuộc sống. Cho nên nhân tố quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là văn nghệ sĩ, cản trở lớn nhất, chủ yếu nhất, nếu có, vẫn là văn nghệ sĩ.

Trước hết là bản thân văn nghệ sĩ, bởi tác phẩm là con đẻ của văn nghệ

sĩ, rồi sau đó mới đến những nguyên nhân khác.



Là chủ thể của sáng tạo, văn nghệ sĩ ta phải chủ động vượt qua mọi cản trở chủ quan và khách quan đối với sự sáng tạo của mình, bắt đầu bằng tự vượt mình.

Tự vượt mình trước hết là làm cho nhận thức của mình hôm nay đúng đắn hơn, đầy đủ hơn, sâu sắc hơn hôm qua, cũng tức là nâng mình lên ngang tầm nhìn và tầm suy nghĩ của Đảng về hiện thực cách mạng, về đất nước, về cuộc sống, về con người.

Chúng ta tự hào là đã có một đội ngũ làm văn học nghệ thuật đáng tin cậy, bao gồm nhiều thế hệ và nhiều tài năng. Song, những người làm văn học nghệ thuật chúng ta mới quen thuộc những đề tài yêu nước chống xâm lược chứ chưa quen thuộc những đề tài cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Nhận thức về nước Việt-nam sau hơn 30 năm chiến tranh nay thật sự đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng đôi chân của chính mình trong một thời điểm lịch sử hết sức gay gắt, khai phá lấy con đường của mình thông thẳng tới đại lộ xã hội chủ nghĩa, cũng tức là nhận thức về chủ nghĩa xã hội hiện thực Việt-nam đang vừa thử nghiệm vừa tiến bước, nhận thức ấy ở nhiều anh chị em văn nghệ sĩ ta còn hơi hời, hơi hợt cho nên đôi khi bối rối, sai lầm.

Cách mạng nào mà chẳng đảo lộn, chẳng ngồn ngán trong những giai đoạn đầu? Cách mạng xã hội chủ nghĩa lại là « sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền », « với những tư tưởng cổ truyền » (Tuyên ngôn của Đảng cộng sản). Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam lại chưa có tiền lệ; tuân theo những quy luật chung, phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, ra sức học tập kinh nghiệm của Liên-xô và các

nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhưng nó phải tự giải quyết lấy những vấn đề mới, của nó, trong một nước vốn là thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, chiến tranh lâu dài và đến nay vẫn chưa hết tiếng súng, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất ra đời trên cơ sở một lực lượng sản xuất quá bé nhỏ cho nên tác dụng chưa nhiều, một thời gian dài làm không đủ ăn nhưng viện trợ của nước ngoài che lấp mọi thiếu hụt. Hơn nữa, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam lại ở trong một tình hình thế giới biến động rất phức tạp... Có thấy thật sâu sắc tất cả những điều đó, có nhìn ra các cuộc cách mạng khác từ trước đến nay—có thành công và thất bại, phải làm đi làm lại—, mới hiểu được cái lẽ của những khuyết điểm chủ quan của chúng ta và cái tất yếu khách quan của giai đoạn phức tạp này, mới hết lòng trân trọng những thành quả đã đạt, mới thật sự tự hào về cái anh hùng, cái vĩ đại của cách mạng Việt-nam.

Hơn lúc nào hết, chúng ta cần nhận rõ chúng ta đang ở đâu trong tiến trình lịch sử, đang làm gì và muốn gì. Cuộc đấu tranh giai cấp "ai thắng ai" quyết liệt, dai dẳng và phức tạp, giành đi giành lại giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong điều kiện có cả cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ chống lại nước ta, đang diễn ra như thế nào trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và ngay trên lĩnh vực văn nghệ? Một phương pháp luận đúng đắn giúp chúng ta thấy được thực chất của hiện thực cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam.

Một sự gắn bó máu thịt với cuộc sống của nhân dân—đến những nơi tiên tiến, sống giữa những con người tiên tiến—là cần thiết để ra khỏi sự bao vây của những hiện tượng tiêu cực, để mở lòng hân hoan đón chào

cái mới đang nảy nở sinh sôi, từ đó thấy rõ hơn giá trị của cuộc sống hôm nay đang trở nên đi tới.

Một tinh thần cao, một tinh thần trách nhiệm đầy đủ của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng trong giai đoạn mới của cách mạng, sống hết mình trong cuộc đời và trên trang giấy, với vốn hiểu biết dày dặn và tài năng luôn luôn được bồi đắp, chắc chắn sẽ làm nên những tác phẩm xứng đáng.

Nghệ thuật sẽ chẳng là gì hết nếu nó chưa đủ tin vào cuộc đời. Nghệ thuật sẽ là sức mạnh, là vẻ đẹp, là niềm vui, và có thể là tất cả, nếu nó khẳng định được giá trị của cuộc sống của chúng ta, cõ vũ được cái mới đang bùng nổ, gạt bỏ bao nhiêu niu kéo để vươn lên trong cuộc sống hôm nay với tất cả tâm huyết và tài năng của người sáng tạo.

★

Sức mạnh của văn nghệ sĩ ta dĩ nhiên còn là ở tổ chức của mình. Cho nên, cùng với việc từng cá nhân văn nghệ sĩ tự nâng mình lên về mọi mặt: nhận thức, tư tưởng, vốn sống, hiểu biết, đạo đức, lao động, tài năng, cần ra sức cải tiến tổ chức và quản lý đội ngũ văn nghệ sĩ có hiệu quả hơn.

Hiện nay, công tác tổ chức đội ngũ văn nghệ sĩ ta chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Các hội văn học, nghệ thuật cần chấn chỉnh lại bộ máy làm việc, chuẩn bị tốt và tiến hành tốt đại hội. Mỗi hội hãy làm hết chức năng của mình là một tổ chức cách mạng chịu trách nhiệm về sự phát triển của một chuyên ngành. Nó phải có chương trình hoạt động từ nay đến năm 1985 và cả những năm 80 theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết của Trung ương Đảng, có quỹ hoạt động, có ban lãnh

đạo đủ uy tín và hiệu lực, tập hợp được đông đảo anh chị em hội viên trong tỉnh thương yêu và tôn trọng nhau, tin cậy và giúp đỡ nhau, khuyến khích và phát triển các tài năng.

Các cơ quan quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn học nghệ thuật cũng cần có sự cải tiến nhằm phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của văn nghệ sĩ, phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn học nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, đồng thời đấu tranh chống dịch phá hoại trên mặt trận văn hóa, quét sạch văn nghệ nô dịch, phản động, đồi trụy, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong đời sống văn học nghệ thuật, lập lại trật tự trong lĩnh vực này.

Cụ thể hóa đường lối văn học nghệ thuật của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng, sắp xếp lại tổ chức (kể cả tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các đoàn nghệ thuật ở miền Nam) rõ ràng là những công việc quan trọng và cấp bách.

Cần chấm dứt ngay tình trạng kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa trong nghệ thuật; tình trạng này đang phá hoại nghệ thuật, tạo sơ hở cho kẻ địch lợi dụng và bọn con buôn nghệ thuật làm giàu.

Chúng ta phấn đấu dần dần xóa bỏ chế độ hành chính bao cấp trong hoạt động văn học nghệ thuật. Mục đích của chúng ta là phục vụ nhân dân lao động, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải đem văn học nghệ thuật đến từng cơ sở sản xuất, từng đơn vị vũ trang, nhất là ở các tỉnh biên giới và các vùng kinh tế mới nhằm góp phần xây dựng một đời sống văn học nghệ thuật tốt đẹp; nhất thiết không được chạy theo thị hiếu tầm thường, lạc hậu, hạ thấp nghệ thuật và bỏ mất danh hiệu cao quý của người nghệ sĩ.

Chúng ta hiện chưa có nhiều của cải vật chất, nhưng không phải là không có thể tạo cho anh chị em văn nghệ sĩ những trại sáng tác, những phòng hoa nhạc, những điều kiện và phương tiện vật chất kỹ thuật khác tối cần thiết cho sáng tạo văn học nghệ thuật. Chứng cứ là quỹ văn hóa năm 1982 còn để thừa lại gần 2 phần 3, nhiều nguồn thu từ văn học nghệ thuật còn bị bỏ qua, không vào tay Nhà nước và nghệ sĩ cũng không được hưởng.

Các chế độ, chính sách từ đào tạo, bồi dưỡng văn nghệ sĩ, xét duyệt tác phẩm, bản quyền tác giả, đến quỹ sáng tác, phụ cấp biểu diễn v.v. đều cần được xem xét lại, cải tiến cho phù hợp với tình hình mới và thi hành thống nhất trong cả nước, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động văn học nghệ thuật.

Cuối cùng, một cơ chế làm việc khoa học, có hiệu lực giữa các Hội chuyên ngành, Bộ văn hóa và Ban văn hóa văn nghệ của Đảng, ở trung ương và ở các địa phương, là hết sức cần thiết trong chỉ đạo và quản lý các ngành văn học nghệ thuật theo tinh thần « Đảng phải tăng cường sự lãnh đạo đối với lĩnh vực này, đồng thời cải tiến sự lãnh đạo cho phù hợp với tính đặc thù của nó » (3).

Nắm vững đường lối của Đảng, gắn bó với cuộc sống của nhân dân, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, chủ động và sáng tạo, chúng ta nhất định sẽ tạo được một bước chuyển biến mới, mạnh mẽ trong sáng tạo văn học nghệ thuật, tạo nên những đỉnh cao mới trên cái nền đã vững chãi của văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa của chúng ta

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, NXb Sự thật, Hà-Nội, 1982, tập I, tr. 102.

CÔNG TÁC LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ MẤY NĂM QUA.

PHAN - CỤ - ĐỆ

MẤY năm qua, nền văn nghệ nước ta đã đạt được một số thành tựu đáng phần khởi, phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V đã nhận định: « Trong sáng tác văn hóa, nghệ thuật mấy năm qua, đã xuất hiện một số tác phẩm có giá trị, phát huy tác dụng rõ rệt về mặt xây dựng tư tưởng, tình cảm mới (...). Rõ ràng, sự nghiệp xây dựng và cải tạo nền văn hóa theo phương hướng xã hội chủ nghĩa đã tiến một bước » (1).

Trong những thành tựu chung đó có sự đóng góp rất đáng kể của đội ngũ những người làm công tác lý luận, phê bình, nghiên cứu văn nghệ. Hơn bốn năm (1979 - 1983), 20 cuốn sách lý luận, phê bình văn học đã được xuất bản. Có những tiểu luận sâu sắc và tinh tế về các nhà thơ cổ điển. Có những công trình nghiên cứu, phê bình nghiêm túc, công phu về văn học hiện đại. Ngoài những tập phê bình, tiểu luận được xuất bản hàng năm nhằm biểu dương kịp thời những tác phẩm mới (*Suy nghĩ về văn học, Nhà văn, tư tưởng và phong cách*), nhiều công trình đã tập trung nghiên cứu những tác giả tiêu biểu của nền văn học cách mạng (*Chủ tịch Hồ Chí Minh,*

nhà thơ lớn của dân tộc; Thơ Tố Hữu). Đáng chú ý là công tác lý luận, phê bình đã có những cố gắng tổng kết, nhằm khắc họa những chân dung, những phong cách của một đội ngũ văn nghệ sĩ ngày càng lớn mạnh, nêu lên những quy luật, khẳng định những thành tựu to lớn của nền văn nghệ « tiên phong chống đế quốc trong thời đại ngày nay ». (*Nhà văn Việt-nam (1945-1975); Văn học chống Mỹ, cứu nước; Văn xuôi Việt-nam trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa*). Lý luận, phê bình cũng giới thiệu những ý kiến của các nhà kinh điển mác xít bản về văn học, nghệ thuật (*Học tập tư tưởng văn nghệ Lê-nin; Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin và một số vấn đề lý luận văn nghệ*), giúp chúng ta nắm vững hơn một số vấn đề nguyên lý, đường lối văn nghệ của Đảng (*Trên một chặng đường; Sáng mắt, sáng lòng; Về tinh dân tộc trong văn học*). Lý luận, phê bình cũng tham gia cuộc đấu tranh bảo vệ chân lý của Đảng, chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa, những khuynh hướng giả danh « mác xít ». Một số tiểu luận đã giúp bạn đọc phân biệt rõ tính chất mác

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng, tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 57.

xít — lê nín nít, xã hội chủ nghĩa của đường lối văn nghệ của Đảng cộng sản Việt-nam và tính chất pli mác xít — lê nín nít chống chủ nghĩa xã hội của văn nghệ mao ít. Một số công trình nghiên cứu lý luận đã vạch rõ những đặc điểm cơ bản của văn nghệ thực dân mới và góp phần vào việc quét đi những tàn dư văn nghệ phản động và đòi truy. (*Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư văn hóa thực dân mới; Những tên biệt kích của chủ nghĩa thực dân mới trên mặt trận văn hóa, tư tưởng*) v.v.

Trong những năm gần đây, lý luận, phê bình cũng có những bước tiến mới về mặt phương pháp luận. Kế thừa truyền thống của thế hệ trước, các nhà lý luận, phê bình tiếp tục hoàn chỉnh *khuyñh hướng nghiên cứu lịch sử xã hội*, tức là nghiên cứu văn học theo quan điểm lịch sử, trong mối quan hệ chặt chẽ với đời sống xã hội, với những hình thái ý thức khác nhau trong thượng tầng kiến trúc, với thế giới quan của nhà văn. Một số chuyên luận đi sâu vào phương pháp loại hình, khẳng định hiệu quả khoa học của phương pháp tiếp cận cấu trúc loại hình và lịch sử loại hình, nhằm giải quyết mối quan hệ giữa tính đồng đại và tính lịch đại. Một số chuyên luận khác cũng kế thừa truyền thống của thế hệ trước trong việc vận dụng phương pháp văn học so sánh, theo hướng sử dụng phương pháp văn học so sánh kết hợp với phương pháp loại hình. Có những công trình đã vận dụng các lý thuyết thông tin, ký hiệu học, phương pháp ngôn ngữ học, điều tra xã hội học trong công tác phê bình, nghiên cứu văn học (*Ký hiệu ngữ nghĩa và phê bình văn học; Về khoa học và nghệ thuật trong phê bình văn học*). Các công trình đó thống nhất phê phán quan điểm duy tâm và hình thức chủ nghĩa của "phê bình mới", phê phán chủ nghĩa cấu trúc về mặt ý thức hệ và chủ trương của một số người muốn

lắp ghép phương pháp cấu trúc với phương pháp biện chứng, hay nói theo thuật ngữ của họ — "cấu trúc hóa biện chứng".

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng phấn khởi là mặt chủ đạo trong đời sống văn hóa, văn nghệ ở nước ta, cũng còn có những lệch lạc, sai lầm, có lúc mất phương hướng ở một số bộ phận quan trọng.

Một số anh chị em muốn sáng tạo cái mới, muốn vươn tới những đỉnh cao, muốn nhanh chóng khắc phục các nhược điểm của quá khứ, như những rơi rớt của bệnh ấu trĩ, sơ lược, công thức. Nhưng những anh chị em đó đứng chông chênh trên một miếng đất trống nguy hiểm. Họ có khuynh hướng phủ định những thành tựu văn học trong 30 năm chiến tranh cách mạng, dao động ngay trên những nguyên tắc cơ bản của văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV đã biên dương những thành tựu của văn nghệ trong hai cuộc chiến tranh vĩ đại của dân tộc, nền văn nghệ ấy "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay". Vậy mà, một số anh em lý luận, phê bình lại dao động, mất lòng tin, cho rằng chúng ta chưa có một nền văn học viết về chiến tranh bởi vì các nhà văn chưa dám nói toàn bộ sự thật, nhất là những tổn thất, hy sinh, những nỗi sợ hãi, khiếp nhược của con người trước sự hủy diệt tàn khốc của chiến tranh; "Các tác giả còn nghiêng về phía những người may mắn", "đường như quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn là tính chân thật"; "phần nửa cái bánh mỳ là bánh mỳ, nhưng phần nửa của sự thật đã là sự giả dối" v.v. Có anh em lập luận sai lầm là chúng ta chưa có một chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa chân chính mà mới chỉ có "một thứ văn chương phải đạo nhuộm đầy màu

sắc chủ quan, một « chủ nghĩa hiện thực phải đạo » chỉ tập trung miêu tả cái cao cả (cái phải tồn tại) chứ chưa miêu tả được cái chân thật (cái đang tồn tại)...

Có những lập luận nói trên là do không nhận thức được bản chất của hiện thực đấu tranh anh hùng của dân tộc ta mấy chục năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng; không nhận thức được mặt mạnh rất đáng tự hào của một nền văn nghệ cách mạng luôn luôn cháy sáng ngọn lửa lý tưởng; không nhận ra rằng chính cái cao cả, cái đẹp, cái anh hùng là sự thể hiện sâu sắc nhất, tập trung nhất tính đảng vô sản của văn nghệ nước ta trong 30 năm qua. Cái mới của chúng ta gắn liền với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của cách mạng. Con người mới không phải là con người chỉ có ý thức về cá nhân mình, tự hào là mình đã phá phách, dỡ bỏ tất cả, không phụ thuộc vào các nguyên tắc, các mô hình đã có từ trước. Chúng ta không chủ trương một con người bảo thủ và chỉ biết vâng lời, nhưng nếu chúng ta từ chối cái hôm qua của cách mạng thì không khéo lại rơi vào cái hôm qua của chủ nghĩa thực dân mới ở Sài-gòn trước đây. Lịch sử văn nghệ nước ta đã chứng minh điều đó. Một khi bộ phận tiêu tư sản tri thức hoang mang dao động, quay lưng lại phong trào công nhân, xa rời những nguyên tắc của mỹ học mác xít và đường lối văn nghệ của Đảng, thì sớm hay muộn họ sẽ tự phát rơi vào những khuynh hướng tự do tư sản, tự đánh lừa mình bằng những lập luận hào nhoáng, khoa trương nhưng rất mơ hồ về chính trị, về quan điểm giai cấp và lập trường xã hội chủ nghĩa. Trong một số bài viết, đăng trên một số báo, tạp chí, chúng ta đã thấy phảng phất cái mũi vùi dập của mỹ học Căng và Hê-ghe, những âm thanh lạc điệu, cũ kỹ trong các tiểu luận chống chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa của

Ca-muyt và Ga-rô-đi. Nếu phân tích kỹ, chúng ta còn nhận ra cái lý thuyết đồng dạng của những cấu trúc trong phương pháp cấu trúc luận duy tâm và tư biện của Luy-xiêng Gôn-man!

Điều đáng chú ý là lần này chúng ta đã đề tình trạng hữu khuynh và buông lỏng theo lối tự do chủ nghĩa kéo dài. Đã có ý kiến của các đồng chí lãnh đạo Đảng, nhưng một số báo và tạp chí chưa tiến hành kịp thời cuộc đấu tranh tập trung và nghiêm túc nhằm uốn nắn những quan điểm sai lầm. Do đó, đã có tình trạng mơ hồ, đúng sai lẫn lộn, tạo điều kiện cho các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa phát triển.

Nguyên nhân sâu xa của những sai lầm trên đây là do một số anh chị em còn mơ hồ, thiếu nhạy bén về chính trị, không nhận thức được những chuyển biến mạnh mẽ, phức tạp của tình hình cách mạng trong nước và trên thế giới, xa rời thực tế, xa rời cuộc sống của quần chúng lao động, không thấy được tính chất gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng lệ lý luận phê bình phải góp phần nâng cao sự nhạy bén chính trị và tinh cảm cách mạng của anh chị em văn nghệ sĩ, làm cho tác phẩm ngày càng phục vụ tốt hơn sự nghiệp cách mạng thì có lúc, một số anh chị em lại lo chúng ta « tuyệt đối hóa chính trị », lo chúng ta rơi vào cái gọi là « phê bình khuôn sáo » muốn « đồng hóa nghệ thuật với chính trị » hoặc phê bình « đao to búa lớn », lên gân về lập trường, quan điểm. Đảng lệ phải động viên anh chị em văn nghệ sĩ đi vào những mũi nhọn của cuộc đấu tranh, gắn bó lâu dài với cuộc sống của quần chúng lao động thì một số người lại phê phán chúng ta là quá « tuyệt đối hóa hiện thực », « đúng tục

hóa mối quan hệ giữa thực tại và văn học". từ đó rơi vào lối phê bình thô sơ và đơn giản không cần đếm xỉa đến những đặc trưng của sự sáng tạo nghệ thuật! Đáng lẽ phải gắn liền vận mệnh cá nhân với vận mệnh Tổ quốc, gắn liền cá nhân với tập thể theo phương châm "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người" thì một số anh chị em lại cho rằng, sau 30 năm chiến tranh, bây giờ nhiệm vụ của văn nghệ là phải góp phần giải phóng con người với tư cách cá nhân, giống như nhiệm vụ của chủ nghĩa nhân văn chống phong kiến trong thời kỳ đầu cách mạng tư sản! Đáng lẽ phải dựa vào lực lượng nòng cốt là đội ngũ những anh em sáng tác và lý luận, phê bình đã tham gia hai cuộc kháng chiến, đồng thời phát huy sức sáng tạo của những cây bút trẻ, thì trên một vài tờ báo lại xuất hiện khuynh hướng cổ tình phủ nhận những thành tựu của thể hệ phê bình lớp trước, gây nên một án tượng giả tạo là trong đội ngũ đó có mâu thuẫn giữa một lực lượng bảo thủ và một lực lượng cách tân, một lực lượng "mao ít" và một lực lượng đang chống chủ nghĩa Mao, một lực lượng phê bình, nghiên cứu theo phương pháp miêu tả và một lực lượng đang vận dụng những phương pháp mới! Đáng lẽ lý luận, phê bình phải liên tục mở những trận tiền công trên mặt trận tư tưởng nhằm truy quét những tàn dư của văn nghệ thực dân mới, ngăn chặn sự thâm lậu của những khuynh hướng văn nghệ đồi trụy và phản động, hướng dẫn dư luận và uốn nắn những thị hiếu không lành mạnh trong công chúng thì có nơi, có lúc - nhất là ở các thành thị miền Nam - chúng ta đã đề khuynh hướng thương mại, khuynh hướng thực dụng, khuynh hướng tự nhiên chủ nghĩa tầm thường lẫn lộn trong các lĩnh vực văn nghệ.

Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng đã

khẳng định công tác tư tưởng trong thời gian qua là hữu khuynh. Điều đó hoàn toàn đúng cả trong công tác văn nghệ, nhất là trong lĩnh vực lý luận, phê bình. Đánh rằng trong văn nghệ những năm qua cũng có những biểu hiện bảo thủ, giáo điều, gò bó, tả khuynh mà chúng ta cần kiên quyết chống lại, nhưng căn bệnh chính vẫn là hữu khuynh mà biểu hiện của nó là sự mơ hồ và lệch lạc về quan điểm, là tình trạng buông lỏng quản lý, buông lỏng đấu tranh, thiếu chặt chẽ, thiếu tập trung trong công tác chỉ đạo và tổ chức. Sau khi có nghị quyết của Ban bí thư về công tác tư tưởng trong thời gian trước mắt (1981), nhất là sau khi có nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng (1982), chúng ta vui mừng nhận thấy những sai lầm nói trên đang dần dần được khắc phục. Tuy nhiên, hiện nay trong lý luận, phê bình vẫn còn những biểu hiện mơ hồ về nhận thức và hữu khuynh về quan điểm. Đó là một tình trạng cần nhanh chóng uốn nắn, khắc phục.

Lý luận, phê bình có nhiệm vụ rất quan trọng. Nó làm cho đường lối văn nghệ của Đảng thấu suốt trong mọi lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Trong Đại hội văn nghệ toàn quốc thứ IV, khi nói "Về phê bình văn nghệ", đồng chí Trường-Chinh đã khẳng định: "Phê bình là một phương thức chỉ đạo cụ thể của Đảng trong lĩnh vực văn nghệ; phê bình là một vũ khí bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng" (2). Hiện nay, để quán triệt tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng, để hoàn thành tốt những nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn trước mắt, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, giành

(2) Trường-Chinh: "Về phê bình văn nghệ". Tuần báo Văn nghệ số ra ngày 12-12-1969.

thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, công tác lý luận, phê bình cần tập trung chống tư tưởng hữu khuynh, chống những khuynh hướng tư sản và sự dao động tiêu cực tư sản trong văn học, nghệ thuật; lý luận, phê bình càng phải nâng cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu phá hoại thâm độc của địch trên mặt trận tư tưởng, văn hóa; tập trung truy quét những tàn dư của văn hóa, nghệ thuật đối truy, phản động do chủ nghĩa thực dân mới để lại. Mặt khác, lý luận phê bình cũng chống tư tưởng bảo thủ, tự mãn, xa rời cuộc sống, không chịu học hỏi và nâng cao trình độ nghề nghiệp, không thấy hết những đòi hỏi mới của sự phát triển, những nhu cầu thẩm mỹ mới của công chúng, nhất là thanh niên.

Chúng ta cần nhất trí với nhau trên những quan điểm của Đảng về công tác phê bình văn nghệ: « Đảng tin tưởng và dành giữ cao sự cống hiến của anh chị em văn nghệ sĩ » (3). Điều đó nói lên lòng tin cậy của Đảng đối với đội ngũ văn nghệ, những người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, văn hóa và kỳ vọng của Đảng đối với những tài năng văn nghệ ở nước ta. Để đáp ứng lòng mong mỏi và tin yêu của Đảng, chúng ta, những người Tam công tác lý luận, phê bình cũng như anh chị em sáng tác nâng cao trách nhiệm của những chiến sĩ văn nghệ, phục vụ đắc lực lợi ích của nhân dân, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nghiêm chỉnh thực hiện yêu cầu của Đảng là nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần đấu tranh cách mạng hiện nay, gần bó máu thịt với cuộc sống của quần chúng lao động.

Chúng ta nhanh chóng khắc phục tình hình phê bình văn nghệ vừa qua lạc hậu với cuộc sống, tăng cường tinh chiến đấu của công tác lý luận, phê bình, hướng dẫn sự sáng tạo và

thường thức nghệ thuật. Điều đó đòi hỏi phải gấp rút củng cố đội ngũ những người làm công tác phê bình văn học, nghệ thuật bao gồm nhiều thế hệ đang công tác ở nhiều cơ quan, am hiểu nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau, tạo điều kiện cho anh chị em làm việc, mở rộng việc trao đổi văn hóa với nước ngoài, nhất là việc tiếp xúc với những nhà lý luận, phê bình các nước xã hội chủ nghĩa. Cần củng cố và kiện toàn đội ngũ lý luận, phê bình ở các báo và tạp chí, các nhà xuất bản, các cơ quan thông tấn, các hội văn học, nghệ thuật để họ có thể làm tốt vai trò tuyên truyền, phổ biến đường lối văn nghệ của Đảng Lý luận, phê bình có trách nhiệm hướng dẫn dư luận công chúng, kịp thời biểu dương những tác phẩm tốt, tổ chức thảo luận những vấn đề thời sự nóng hổi hoặc còn có ý kiến trái ngược nhau trong văn nghệ; phải dành cho lý luận, phê bình văn nghệ một vị trí thích đáng trên báo chí. Công tác lý luận, phê bình không chỉ là công việc riêng của các nhà phê bình chuyên nghiệp. Chúng ta cố gắng tổ chức những cuộc gặp gỡ thường xuyên giữa các nhà sáng tác, các nhà lý luận, phê bình, giữa phê bình chuyên nghiệp và phê bình của đông đảo quần chúng. Các ngành như xã hội học có thể giúp đỡ rất nhiều cho công tác lý luận, phê bình, trong việc điều tra dư luận và thị hiếu của công chúng.

Lly vọng trong thời gian tới, với ý thức trách nhiệm và sự nỗ lực vươn lên của các nhà lý luận, phê bình, với quyết tâm chấn chỉnh kịp thời công tác tổ chức và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm, lý luận, phê bình văn nghệ của chúng ta sẽ nhanh chóng khắc phục được những chậm trễ và lệch lạc, nâng cao chất lượng, đáp ứng kịp thời những yêu cầu cấp bách của sự nghiệp cách mạng.

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội V, Tạp chí Cộng sản, số 4-1982, tr. 58.

NGHỆ THUẬT ĐAU PHẢI LÀ HÀNG HÓA ?

LÊ - XUÂN - VŨ

Đã bị bỏ lại phía sau chúng ta rồi cái thời đại biến nghệ thuật thành hàng hóa, đem văn chương bán chợ trời. Ấy vậy mà gần đây, trong lúc đến nghệ thuật xã hội chủ nghĩa của chúng ta đang phát triển lành mạnh, lại nảy nòi ra đây đó xu hướng đưa nghệ thuật vào quỹ đạo thương mại, chạy theo đồng tiền.

Hãy xem ca nhạc trở thành một môn hàng kinh doanh ở thành phố Hồ-Chí-Minh trong mấy tháng cuối năm 1982 như thế nào:

Tối tối trong thành phố có trên 50 điểm kinh doanh ca nhạc có ăn uống hoặc ăn uống có kinh doanh ca nhạc. Tiền vé vào cửa trả cho phần nghe ca nhạc thường là từ 10 đến 20 đồng, một điểm kinh doanh có 2000 chỗ ngồi mỗi tối có thể thu lãi 7 - 10 nghìn đồng. Ở mỗi tối ca nhạc như vậy, người ta được nghe chừng 20 bài do khoảng 10 ca sĩ và nhạc công biểu diễn. Nhưng vấn đề là ai nghe, ai biểu diễn, biểu diễn như thế nào và nhất là biểu diễn cái gì rồi cuộc đều tùy thuộc vào đồng tiền ném ra. Có một loại « trung gian văn nghệ » làm đầu mối. Ca sĩ thường là do bọn « cái đầu dài » này móc rập và phân phối cho các điểm kinh doanh, chạy như đèn cù 5 - 7 nơi trong một

tối, mỗi nơi hát 3 bài, thậm chí 6 bài nếu có nhiều tiền thưởng kích thích, cho nên dễ đuối sức và bối bác. Nhiều khi ca sĩ lại không được chọn lọc; có những người không đủ tư cách cũng biểu diễn trước công chúng, hoặc đã mất tư cách biểu diễn vẫn ngang nhiên « chào tái ngộ » khán giả bằng cả một chùm bài hát nước ngoài. Phong cách biểu diễn lố lãng, kịch cớm. Chương trình biểu diễn thường thả nổi. Những bài hát có nội dung lành mạnh không hợp « gu » khán giả nhiều tiền, diễn viên liền chiều khách hát những bài sướt mướt, kịch động, cuồng loạn, của phương Tây và của thời Mỹ - nguy, hoặc thả sức nhún nhảy, co giật, điên loạn ngay cả ở những bài có âm điệu thiết tha triu mến. Như vậy, thật sự được phục vụ là những kẻ lảm của nhiều tiền, vô công rồi nghề, đầu cơ buôn lậu, sống phi pháp, ung dung nhậu nhẹt lai rai, đua nhau nhét tiền thưởng vào tận quần áo lót của diễn viên hoặc đánh nhau giành ca sĩ rồi trâng tráo quảng trả hơn 9000 đồng về khoản đồ đạc nhà hàng bị hư vỡ như ở một quán nọ.

Lại hãy xem « sân khấu thương mại » mấy năm nay không những vẫn sống sót mà còn có chiều hướng lây

lan như muốn cạnh tranh với sân khấu cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Bất rõ khá sâu ở miền Nam thời Mỹ - nguy, sân khấu thương mại đã tự tạo được cho nó một lớp công chúng còn mãi đến ngày nay. Nó đã được cải tạo ngay từ năm 1975, nhưng chưa căn bản, nó không dễ dàng tự nguyện rời bỏ trận địa mà phản ứng lại kịch liệt và khôn khéo. Tuồng tích na ná như nhau, thường là những phóng tác tùy tiện, nội dung tư tưởng nghèo nàn, dàn dựng qua loa vài bốn hôm, miễn là trong đoàn có một diễn viên «ngôi sao» và trong vở có vài bốn miếng nghề câu khách đánh vào tính hiếu kỳ, vào những thèm khát bản năng và xúc cảm dễ dãi, nhằm lôi cuốn công chúng bỏ tiền ra mua vé. Diễn viên «ngôi sao» hưởng cả ngàn đồng mỗi suất diễn nên lương tháng mấy chục ngàn, còn các diễn viên khác chỉ mấy chục đồng một suất nên suốt ngày lo chạy chợ, đến tối lại lên sân khấu. Dễ hiểu tại sao lớp diễn viên này diễn những cảnh phe phẩy, nhẩy nhót, nhậu nhẹt v.v. thì sống động, diễn những cảnh lao động, xây dựng cuộc sống mới thì gượng gạo, công thức, tẻ nhạt. Lỗi diễn nói chung là tùy tiện, nòng cạch. Công chúng đến xem cũng chỉ cốt thưởng thức một giọng hát, cốt mua vui chốc lát. Trong một tình hình như vậy còn đâu là nghệ thuật chân chính. Đại thể sân khấu thương mại là như vậy. Tiếc thay nó vẫn chưa bị chặn đứng lại mà vẫn đang phát triển, bởi nó hái ra tiền cho những tác giả kịch bản và đạo diễn của nó, cho những diễn viên «ngôi sao» của nó, và cho những bầu gánh trả hình của nó.

Sân khấu thương mại và nói chung nghệ thuật thương mại tuy chỉ là một dòng nước ngược nhỏ nhỏ trong cả nền nghệ thuật xã hội chủ nghĩa rộng lớn của chúng ta, nhưng trong tình hình hiện nay nó đang ảnh hưởng ra cả miền Bắc, gây nên và lan truyền

một tâm lý sợ khách và cầu khách. Xuất bản cũng có kế hoạch phần 3 và việc thực hiện phần 3 có khi hào hứng, khẩn trương hơn phần 1 Nhà in tự ý in thêm sách ngoài số lượng được phép xuất bản rồi tự phát hành lấy đề thu lợi. Mỹ thuật có thiên hướng đưa vẽ tranh đề tài nhẹ nhàng dễ dễ bán, dễ kiếm tiền; khách nước ngoài còn đặt vẽ cả những tranh lãng mạn, đồi trụy. Có những cơ quan Nhà nước thuê hoặc cho thuê phim cảm, thậm chí cả phim lưu trữ, đem chiếu rộng rãi để lấy tiền. Ở một số người, tiêu chuẩn để đánh giá và lựa chọn một vở diễn là «vở này liệu có ăn khách không?» Người ta nghĩ cách đưa vào vở này, phim nọ những thủ pháp «hấp dẫn». Có người gần như đưa ra hẳn một tuyên ngôn: «trước hết phải hấp dẫn, phải kéo được công chúng đến đây»! Và buồn thay, những diễn viên diễn những cảnh nhẩy tuyết, nhạc vàng, cỡi áo và những pha giết gán khác đâm ra nổi đình đám, có khi hơn cả những diễn viên khổ công luyện tập để diễn cuộc sống bình thường đấu tranh và lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có khi một tác phẩm sân khấu, điện ảnh được đánh giá một cách sai lạc bằng giá vé vào cửa của bọn con phe: kịch này 10 đồng, phim kia 50 đồng một vé. Xuất hiện một công chúng ăn chơi được chọn lọc theo tiêu chuẩn sẵn tiền mua vé phe. Tất cả những cái đó cắt nghĩa tình trạng thiếu trật tự, văn minh trong nhiều điểm sinh hoạt văn hóa hiện nay.



Nghệ thuật thương mại không còn là nghệ thuật chân chính. Nhiều lắm, nó chỉ là một thú vui dễ dãi, một thứ giải trí đơn thuần. Chẳng phải là chúng ta không cần giải trí, hay phủ nhận chức năng giải trí của văn nghệ. Chúng ta coi tình hài, tình mê lữ dăm, tình tình thâm v.v. trong sân

khẩu hay diện ảnh chẳng hạn cũng là nhằm đáp ứng một loại trông nhu cầu muốn về của nhân dân về văn nghệ. Chúng ta nói ba chức năng cơ bản của văn nghệ là nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ hay sáu chức năng của văn nghệ (kể thêm cả ba chức năng ký hiệu, giao tiếp và giải trí), nhưng tất cả đều trong mối quan hệ hữu cơ với nhau, giải trí cũng không được phân lại các chức năng khác, do đó giải trí phải là giải trí lành mạnh, có ích. Giải trí như chúng ta đã thấy trong các điểm kinh doanh ca nhạc hay ở những trò rê tiêng của sân khấu thương mại là phi nghệ thuật, phản nghệ thuật, là giải trí có hại. Và thực tế, đó là giải trí cho ai? Trong tình hình ấy, nếu có người chủ trương «sau bao nhiêu năm chiến tranh ác liệt, nay nhân dân ta cần được giải trí cái đã, chuyện khác sẽ tính sau» hoặc tuyên truyền luận điểm «tự trước đến nay chúng ta không chú ý đến chức năng giải trí của văn nghệ, nay nó đang đòi nợ và vì nợ càng lâu càng phải trả lãi nặng» v.v. thì thật là phiến diện và mơ hồ.

Nghệ thuật thương mại chỉ nhằm mục đích kiếm tiền thì nó ắt phải lệ thuộc vào đồng tiền. Chiều khách, nó bán mình cho kẻ có nhiều tiền. Ca nhạc thương mại thành phố Hồ-Chí-Minh những tháng cuối năm 1982 đâu có phục vụ những chỗ không có tiền hoặc ít tiền, đâu có phục vụ nhân dân lao động chân chính là những người đang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc? Vì vậy mà dư luận chính trực trong giới văn nghệ và trong quần chúng. Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố đã kịch liệt phê phán, vạch trần tính chất nghiêm trọng của việc kinh doanh ca nhạc và tác hại của nó đối với đời sống văn hóa của nhân dân. Đề câu khách, ngay cả ở miền Bắc, cũng đã xuất hiện những vô diễn có nhạc vàng, có đánh chường, dấu dao găm, như *Trương Chi*, như *Một thời đã yêu* v.v. Đi vào, quỹ đạo thương

mại có thể kiếm được nhiều tiền nhưng nghệ thuật bị hạ giá, để lại căng, mất gốc, rơi xuống địa vị tòi đời, chạy theo số công chúng lạc hậu, thiếu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, giáo dục quần chúng; nghệ sĩ trở thành một kẻ hành nghề rê tiêng, dễ dãi, bỏ mất chức năng cao quý là kỹ sư tâm hồn đi xây dựng ý thức xã hội mới, xây dựng đời sống tinh thần tốt đẹp cho quần chúng.

Nghệ thuật thương mại chạy theo đồng tiền thường gây ra nhiều lộn xộn, ngay trong từng đoàn và giữa các đoàn nghệ thuật. Cùng trong một đoàn mà thu nhập có thể chênh lệch đến mức quá đáng. Chạy theo đồng tiền, có đoàn mỗi tháng diễn 30 suất trong 20 hôm, 10 hôm còn lại diễn viên đi «hát châu», «hát chui» cho nên chẳng còn thì giờ nào mà học tập, trau dồi nghệ thuật, không ít người lên sân khấu vẫn đòi nhắc từng câu, chỉ khoe giọng hát chứ không diễn. Do tưởng tích đã cũ mèm không gây được ấn tượng hay suy nghĩ gì mới và sâu sắc, diễn viên «ngôi sao» rớt cuộc là nhân tố quan trọng bậc nhất để tăng doanh thu (một «ngôi sao» vào đoàn là doanh thu tăng 60 - 70%), nên thường xảy ra sự mua bán tranh cướp các «ngôi sao», nhiều «ngôi sao» lên giá, chạy từ đoàn này sang đoàn khác. Do ăn khách và không ăn khách, các đoàn có thu nhập rất khác nhau, cho nên cùng là tác giả kịch bản, cùng là đạo diễn, cùng là diễn viên đóng vai chính, nhưng thu nhập lại có thể cách xa nhau hàng chục, hàng trăm lần.

Nghệ thuật thương mại còn sinh ra thêm lắm hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Thấy mùi tiền, nhiều người «ngoài đạo» thậm chí nhiều cơ quan Nhà nước không có chức năng quản lý nghệ thuật, ở thành, ở quận, ở phường cũng đứng ra trực tiếp hoặc gián tiếp kinh doanh nghệ thuật «để gây quỹ», gây nên tình trạng phát triển ca nhạc, sân khấu

chiếu phim, điện ảnh, băng nghe nhìn v.v. bữa bãi không kiểm soát được về tổ chức, nội dung và chất lượng, phá hoại các quy chế của Nhà nước, làm rối loạn sự quản lý văn hóa nghệ thuật. Có những điểm sinh hoạt văn hóa dần dần biến thành trung tâm ăn chơi hưởng lạc thiếu văn hóa. Bọn « trung gian văn nghệ » bóc lột theo lối « cai đầu dài », theo lối phe vé. Giá vé rất cao do chúng quy định trên thực tế. Sống bám vào những người làm nghệ thuật, vậy mà bằng đầu cơ vé có khi chúng lại quyết định cả buổi diễn đông khách hay vắng khách...

Do tất cả những sự lộn xộn nói trên, nghệ thuật thương mại - một biểu hiện của cuộc đấu tranh giữa hai con đường, xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong văn nghệ ta - trong tình hình hiện nay còn tạo sơ hở cho kẻ địch lợi dụng. Không nên quên rằng chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh « ai thắng ai » ngay trên mặt trận văn hóa cũng đang diễn ra rất gay gắt, bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh đang câu kết với đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta, trong đó phá hoại về tư tưởng và văn hóa là bộ phận vô cùng thâm độc. Văn nghệ là một vũ khí tư tưởng sắc bén, chúng ta không thể buông lỏng nó, không thể dễ dãi cho đồng tiền sai khiến nó. Đã một đời lặn, ở một số địa phương chúng ta mất cảnh giác trên lĩnh vực này. Dưới chế độ cũ ở miền Nam, hễ nơi nào có chút màu sắc văn nghệ cách mạng, nói xa nói gần đến độc lập dân tộc, yêu nước chống Mỹ - nguy v.v. là lập tức bị đàn áp, thế mà tại sao bây giờ chúng ta lại dễ phát triển bữa bãi, ai muốn hát gì thì hát, diễn gì thì diễn, cốt thu được nhiều tiền, thả nổi việc nâng cao trình độ tư tưởng và năng lực thẩm mỹ của quần chúng?



Không! không thể dễ như thế được! Nghệ thuật phải thuộc về nhân dân, phải phục vụ nhân dân. Lê-nin đã nói như thế. Nghệ thuật phải có sức hấp dẫn mãnh liệt nhưng hấp dẫn trước hết bằng giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm chứ không phải bằng những thủ thuật ngoại hình theo yêu cầu thương mại. Nghệ thuật không phải là một phương tiện mua danh trục lợi. Chúng ta một mặt thực hành tiết kiệm, không làm nghệ thuật với bất cứ giá nào, mặt khác cố gắng tăng các nguồn thu từ văn nghệ, nộp vào quỹ Nhà nước càng nhiều càng tốt để phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn nghệ, nhưng mục đích chính của văn nghệ ta là phục vụ chứ không phải là doanh thu, càng không phải là làm giàu riêng cho một số cá nhân nào đó. Chúng ta « kết hợp tốt mục đích phục vụ và chế độ hạch toán trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật » (1), chứ không phải là buộc tất cả các đoàn nghệ thuật phải tụt, tụt thẳng bằng lấy thu chi, bỏ mất hay coi nhẹ mục đích phục vụ.

Không! nghệ thuật không phải là hàng hóa. Chúng ta bán sách, bán tranh tượng, phim ảnh, băng nhạc, đĩa hát, các sản phẩm nghệ thuật nói chung, nhưng nghệ thuật từ bản chất của nó không phải là cái nhằm đổi thành tiền. Biến nghệ thuật thành hàng hóa và tiền là hạ thấp nó, phá hoại nó, tước bỏ mất địa vị cao quý của nó và của người sáng tạo ra nó - nghệ sĩ.

Trong một xã hội mà nghệ sĩ chỉ là một công nhân sinh lợi cho nhà tư bản, khi Bê-răng-giê hát

« Tôi chỉ sống để sáng tác những bài ca.

Thưa Ngài, nếu Ngài tước mất việc đó của tôi.

(Xem tiếp trang 83)

(1) Trích Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng.

MẤY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TẠI MIỀN NAM HIỆN NAY

TRẦN-TRỌNG-ĐĂNG-ĐÀN

I - VẤN ĐỀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

Trong nguyên lý lý luận về văn học, nghệ thuật, chúng ta thường chính thức thừa nhận ba chức năng theo thứ tự nhất thiết: 1) Nhận thức; 2) Giáo dục; 3) Thẩm mỹ.

Trên thực tế sáng tác và trong thực tế tiếp nhận tác phẩm văn học, nghệ thuật tại miền Nam bấy năm qua, có một vấn đề nổi lên rất rõ, đáng được suy nghĩ, nghiên cứu: đó là sự đòi hỏi văn học, nghệ thuật phải thỏa mãn cho nhu cầu *giải trí*; vậy có chức năng giải trí không?

Trước hết, chúng ta cần phải kiên quyết loại trừ các thứ lý thuyết đối lập với quan điểm duy vật lịch sử về nguồn gốc của văn học nghệ thuật; chẳng hạn như là *thuyết bản năng du hý*, xem đặc trưng chủ yếu của cảm xúc thẩm mỹ là khuynh hướng vươn tới sự « du hý tự do », tách rời bất cứ mục đích thực tiễn nào. Chúng ta cũng không quên rằng hơn hai mươi năm xâm lược miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ đã tạo ra một xã hội tiêu thụ và có cả hơn ba mươi tư vạn đầu sách, ngót một ngàn loại báo chí, trong đó phần lớn là nhằm thỏa mãn cho nhu cầu giải trí đơn thuần của cái xã hội tiêu thụ đó. Chúng ta còn

biết rằng tại miền đất này, thời còn bị Mỹ - ngụy kiểm soát, đã có rất nhiều thứ luận thuyết mang tính ngụy biện tới mức cực đoan, mưu toan phản bác lại những nguyên lý lý luận về văn học, nghệ thuật và mỹ học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong đó có vấn đề xác định chức năng của văn học nghệ thuật. Chẳng hạn như luận thuyết cho rằng « văn không tải đạo », « tiểu thuyết không thuộc phạm vi *chân* », đòi dành riêng chức năng nhận thức cho khoa học, dành riêng chức năng giáo dục cho đạo đức học, còn văn học nghệ thuật chỉ thuộc « phạm vi thẩm mỹ » (!?) Và đọc, xem văn nghệ, cũng chỉ với một mục đích là « hưởng thụ những cái gì về nghệ thuật như đề thưởng thức cái đẹp hoặc đề tiêu khiển » (!).

Chúng ta nhìn nhận rằng nhu cầu giải trí của một bộ phận công chúng văn nghệ ở miền Nam nước ta hiện nay có một phần chịu ảnh hưởng di hại của các thứ luận thuyết sai trái đó, các thứ tác phẩm văn chương, nghệ thuật của xã hội tiêu thụ đó.

Trong « Tủ sách đại học sư phạm » của Nhà xuất bản *Giáo dục* (Hà-nội 1969) có cuốn *Cơ sở lý luận văn học*. Ở phần *Chức năng của văn học nghệ thuật*, có đoạn mở đầu như sau: « Kinh nghiệm bản thân mỗi người cho thấy rằng sau khi đã làm việc

một nhạc, ta không muốn cầm đọc một cuốn sách giáo khoa chính trị kinh tế học, mà muốn dự một cuộc hòa nhạc, xem một phòng triển lãm hội họa hoặc có thể cầm ngay lấy cuốn tiểu thuyết đọc liền không nghỉ. Có gì kỳ lạ hấp dẫn chúng ta trong những tác phẩm nghệ thuật ấy». Đặt vấn đề như vậy, thiết nghĩ, tức cũng là đề cập khá trực tiếp đến vấn đề văn học nghệ thuật phải thỏa mãn nhu cầu giải trí của công chúng mặc dù tác giả không dùng trực tiếp thuật ngữ « chức năng giải trí ».

Cũng có ý kiến nói rằng vấn đề thỏa mãn nhu cầu giải trí đã bao hàm luôn trong chức năng thẩm mỹ rồi. Ý đó cũng chỉ mới đúng một phần. Bởi lẽ, cái đẹp không phải chỉ ở phạm vi hình thức mà ở cả nội dung. Nó bao gồm cả cái đẹp lúc thể hiện tốt cái hài hước, cái hùng tráng và có cái bi thương...

Xung quanh vấn đề chức năng của văn học, nghệ thuật, có nhiều khía cạnh khác cần nhận mạnh nữa như văn học phải sử dụng ngôn từ, cũng như âm nhạc sử dụng âm thanh, hội họa sử dụng màu sắc, đường nét... vậy, nên chăng, phải chú ý « chức năng ký hiệu »? Thêm nữa, do văn học, nghệ thuật bao giờ cũng thông qua tác phẩm để giao lưu giữa các thể hệ theo chiều dọc thời gian và thông qua tác phẩm giao lưu giữa các dân tộc, các quốc gia theo chiều rộng không gian, cho nên, cần coi trọng « chức năng giao tiếp »? v.v.

Tóm lại, văn học nghệ thuật cần có chức năng *giải trí*, nhưng sẽ là sai lầm nếu tách rời chức năng này với những chức năng khác. Một tác phẩm văn nghệ có giá trị bao giờ cũng nhằm vào những chức năng sau: 1) Nhận thức; 2) Giáo dục; 3) Thẩm mỹ; 4) Ký hiệu; 5) Giao tiếp; 6) Giải trí. Sáu chức năng này có quan hệ hữu cơ với nhau, hỗ trợ nhau; coi nhẹ bất cứ chức năng nào đều không tốt.

II — VẤN ĐỀ PHẢN ÁNH HIỆN THỰC

Chúng ta đã có được những bài học phản diện trong việc vận dụng khái niệm phản ánh hiện thực một cách vô nguyên tắc. Chẳng hạn như mở rộng khái niệm chủ nghĩa hiện thực tới mức « không bỏ bến »: chúng ta cũng còn nhớ những tác hại do cách hiểu, cách luận giải, cách nhận định sai lạc về vấn đề văn học nghệ thuật phản ánh hiện thực cách mạng, đưa đến những hoạt động lý luận và sáng tác tội lỗi của một số cây bút thuộc nhóm « Nhân văn — Giai phẩm » v.v.

Tại miền Nam nước ta, cho đến nay, trong công chúng văn học, nghệ thuật tất nhiên là đang tồn tại những ảnh hưởng của các quan điểm đòi hỏi văn nghệ phản ánh hiện thực theo lối khách quan tư sản. Thậm chí, nhiều quan điểm mang tính nguy hiểm tới mức quái gở và hết sức lắt léo được tung ra dưới thời Mỹ — nguy về văn đề này, đến nay vẫn đang ngự trị trong đầu óc một số người.

Trong một cuộc tiếp xúc nọ, một người tự giới thiệu là giáo sư dưới chế độ cũ, đã hết sức hào hứng tán đồng lúc dẫn ra lời bài xích nhiệm vụ phản ánh hiện thực của văn học, nghệ thuật. Ông ta trích ra quan điểm của một cây bút mà ông ta thừa nhận là « uyên bác đáng bậc thầy », rằng: văn học, nghệ thuật không cần phải phản ánh hiện thực bởi vì « tác phẩm của Khuất-Nguyên, thơ của Lý-Bạch, Đỗ-Phủ đều chứa đựng những yếu tố phi hiện thực »; bởi vì: « họa sĩ thời cổ Á-rập thường vẽ đầu người theo trắc diện, còn thân mình và chân tay lại theo chính diện, nhưng những họa phẩm của họ vẫn có giá trị nghệ thuật; và Tô-Dòng-Pha ở Trung-quốc đã từng dùng bút son vẽ trúc. Có kẻ hỏi ông: trên đời làm gì có trúc màu đỏ thì ông đáp: chẳng lẽ trên đời lại có trúc màu đen? »... và dựa vào ý

kiến này mà quả quyết là văn học, nghệ thuật chỉ «cần mỹ mà không phải cần chân»! Cần hiểu rằng người đưa ra và tán đồng lời trích dẫn nói trên đã có hàng nghìn học sinh, sinh viên từng theo học, và ở miền Nam này, người suy nghĩ như vậy không phải chỉ có một. Lỗi suy nghĩ, luận giải theo kiểu tương tự như thế, thỉnh thoảng lại gặp được trong những lần tiếp xúc với một số giáo viên cấp II, cấp III, hay với các lớp sinh viên đại học trong những năm gần đây.

Đó chỉ mới là một trong rất nhiều dẫn chứng về sự nguy hiểm trong việc phân bác nhiệm vụ phản ánh hiện thực của văn học, nghệ thuật. Đó là di hại của các thứ lý luận phản mác xít, phi mác xít được truyền bá tràn lan tại Nam Việt-nam trong giai đoạn hai mươi năm chiến tranh xâm lược của Mỹ mà ngày nay chúng ta phải ra sức thanh toán.

Với nguyên lý lý luận văn học, nghệ thuật và mỹ học, với những nguyên tắc cơ bản của chúng ta để xét đoán tác phẩm văn học, nghệ thuật — chẳng hạn như nguyên tắc về tính lịch sử của tác phẩm; nguyên tắc về sự kế thừa có chọn lọc, có phê phán, có sáng tạo các di sản văn học, nghệ thuật, v.v., chúng ta có thể bác bỏ tất cả những thứ luận giải nguy hiểm đó một cách dễ dàng. Nguyên lý lý luận văn học, nghệ thuật và mỹ học của chúng ta đặt trên một nền tảng hết sức vững chắc. Đó là phản ánh luận Mác — Lê-nin. Các văn kiện của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ từ hơn ba mươi năm nay đã làm cho nền tảng đó mang đậm thực tiễn Việt-nam và do đó càng thêm vững chắc.

Từ một phía khác, chúng ta cũng phải thấy trong quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật, các vấn đề mới tat yếu sẽ được nảy sinh và kèm theo đó, từ phía lý luận phải bám sát để giải quyết. Trong vấn đề phản ánh

hiện thực, loại trừ tất cả những thứ sai trái từ phía kẻ thù tư tưởng tung ra, mà một phần đã dẫn ra ở trên, vẫn có những khía cạnh mới do thực tiễn đời sống văn học, nghệ thuật mới đặt ra. Lúc nói, viết, luận đàm, giảng dạy về lý luận văn học, nghệ thuật tại miền Nam, khi đọc một số sáng tác mới, một số bài tiểu luận, phê bình mới đây... có người bàn khoăn thắc mắc, đặt ra vấn đề *cự ly* cần và đủ giữa *hiện thực có thực* và *hiện thực nói được, phản ánh được* vào văn học nghệ thuật, *vấn đề liều lượng, tỷ lệ* giữa mặt tích cực và mặt tiêu cực của hiện thực cuộc sống và liều lượng, tỷ lệ giữa hai mặt đó trong mỗi tác phẩm văn nghệ, trong mỗi thể loại văn nghệ, trong mỗi giai đoạn văn nghệ, v.v.

Không nên đặt vấn đề «cự ly, liều lượng, tỷ lệ», mà nên đặt vấn đề «phản ánh thế nào cho đúng hiện thực». Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, tại sao lại vừa có nhiều thuận lợi và có lắm khó khăn? Tìm hiểu cho rõ, cho đúng cuộc sống này, thấy được những nguyên nhân phức tạp, nhiều mặt của nó, thật không đơn giản. Phản ánh nó cho rõ, cho đúng vào tác phẩm, phản ánh nó với những nhận xét, suy nghĩ, vạch hướng đi lên của một quá trình vận động cách mạng lại càng không đơn giản. Đồng chí Tố-Hữu đã nói: «Giá trị của nghệ thuật không phải từ bản thân nghệ thuật mà ở giá trị của cuộc sống mà nghệ thuật khẳng định, ở cái mới mà nghệ thuật cổ vũ. Nếu không đủ lòng tin để khẳng định cái mới trong cuộc sống thì văn nghệ cách mạng không còn lý lẽ để tồn tại» (1). Cuộc sống ở miền Nam đang bùng bùng khi thế cách mạng đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường, từng giờ từng phút; chủ nghĩa tư bản

(1) Dẫn theo bài «Hội nghị văn nghệ bàn về việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ III của Ban chấp hành trung ương Đảng». Văn nghệ số 8. 19-2-1983.

đầu có chịu lùi bước trước chủ nghĩa xã hội. Khẳng định được cái mới, cái tích cực, đấu tranh với cái tiêu cực, lạc hậu trong cuộc sống rõ ràng là nhiệm vụ của văn học, nghệ thuật. Chính trong quá trình khẳng định những giá trị mới này, người văn nghệ sĩ tự khẳng định mình.

III - VẤN ĐỀ CÔNG CHÚNG

Nói tới đời sống văn nghệ, rõ ràng là phải nghĩ tới khâu *tiếp nhận*, mà trước hết là *công chúng*. Quả thực, việc nghiên cứu về công chúng văn nghệ nói chung không đơn giản. Nó đòi hỏi có sự phối hợp của một số ngành khoa học khác, chẳng hạn như tâm lý học, xã hội học, thống kê học, v. v., và như vậy nó đòi hỏi một sự đầu tư về sức người và sự chi phí về vật chất rất lớn so với việc nghiên cứu các khâu khác.

Tuy nhiên, đã là cần thiết thì phải làm, làm trong điều kiện có thể làm được. Đặc biệt là ở các tỉnh, thành miền Nam chúng ta hiện nay - nơi mà qua nhiều biến động lịch sử vừa rồi, khâu tiếp nhận văn học nghệ thuật của công chúng đang đặt ra những vấn đề rất phức tạp, nếu tháo gỡ được nó thì sẽ giải quyết được rất nhiều vấn đề căn bản khác.

Văn học nghệ thuật phải đem lại cho công chúng *cái mới (nhận thức)*: phải nâng cao, cảm hóa họ (*giáo dục*), phải đem lại cho họ *cái đẹp (thâm mỹ)*... Nhưng có một câu hỏi bao trùm lên trên tất cả những cái đó: vậy thì họ là ai? Công chúng của văn nghệ hiện nay là ai? Đánh giá cho được *trình độ nhận thức* của họ trước đây, mới xác định được những gì là mới đối với họ. Đánh giá cho được *trình độ tư tưởng, đạo đức* của họ trước đây, mới nói tới chuyện *quao dục, cảm hóa* họ. Xác định cho được *thị hiếu thâm*

mỹ của họ trước đây, mới tính chuyện đem lại cho họ *cái đẹp* mà họ cần.

Trong nghiên cứu cũng như trong quân lý, chỉ đạo về văn hóa, văn nghệ tại các tỉnh thành phía Nam bấy năm qua, sự đánh giá công chúng không phải hoàn toàn không bị sa vào các thái cực: đánh giá công chúng thấp quá, xem họ như là nạn nhân của văn hóa, văn nghệ thực dân mới; hoặc là đánh giá họ quá cao, xem tác hại của văn hóa, văn nghệ và toàn bộ sự hoạt động của guồng máy chiến tranh tâm lý của Mỹ - nguy đối với họ như là không đáng kể! Những sự đánh giá nông nổi như vậy đều có thể đưa tới những chủ trương và biện pháp không thích hợp, có hại đối với đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay.

Thực ra, quá trình hình thành trình độ tiếp nhận văn học, nghệ thuật của công chúng là một quá trình *động*. Sự luân chuyển giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tốt và cái xấu diễn ra xen kẽ lẫn nhau, cái răng lược với nhau chứ không phải là đứt đoạn một cách dứt khoát theo các biến cố lịch sử. Rõ ràng là trước Cách mạng Tháng Tám, trước ngày hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 có hiệu lực, cũng như trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngay tại các vùng bị Pháp chiếm, các vùng Mỹ - nguy kiểm soát, trong công chúng vẫn có những khả năng tiếp nhận văn học nghệ thuật một cách đúng đắn, lành mạnh. Bởi vì, dù ở trong các vùng bị địch kiểm soát, người dân vẫn ít nhiều chịu ảnh hưởng của văn hóa, văn nghệ cách mạng; mặt khác, trong mỗi người dân, ít nhiều vẫn có phần truyền thống văn hóa dân tộc chân chính, vẫn có những cảm xúc thâm mỹ dân gian chân chính. Đồng thời chúng ta cũng cần thấy một điều tất yếu là sau Cách mạng Tháng Tám, sau khi hòa bình được lập lại trên miền Bắc, sau chiến thắng vĩ đại 30 tháng 4 năm

1975, trong một bộ phận công chúng vẫn tồn tại lâu dài khả năng tiếp nhận sai trái, bệnh tật, bởi vì di hại của các thứ văn học, nghệ thuật xấu từ các chế độ cũ không phải một lúc mà thanh toán xong. Hơn nữa, bằng nhiều con đường, các thứ văn học, nghệ thuật thù địch mới đối với ta vẫn liên tục tác động vào công chúng. Trong lúc đó hoạt động văn hóa, văn nghệ của ta chưa đủ để thỏa mãn những nhu cầu thường thức chân chính ngày một tăng của công chúng mới. Chúng ta cũng không quên rằng sau ngày giải phóng và thống nhất cả nước, trong công chúng văn nghệ ở các vùng khác nhau đã có một sự xáo trộn lớn. Các loại công chúng này giao lưu với nhau, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau tạo thành thứ thị hiếu thẩm mỹ pha tạp mà phải có cách nhìn hết sức biện chứng, hết sức tinh vi và tỉnh táo mới có thể phân biệt được chỗ đúng, chỗ sai, mặt mạnh, mặt yếu đề chiều theo hay bác bỏ trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ hiện nay.

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế còn nhiều thành phần, xã hội còn nhiều giai cấp và tầng lớp, công chúng không phải là một lớp người thuần nhất. Văn nghệ xã hội chủ nghĩa không thể chạy theo thị hiếu thấp hèn, lạc hậu, phản động của những lớp người bóc lột và ăn bám.

Nghiên cứu công chúng, thẩm dò cho được trình độ tiếp nhận của công chúng, đề từ đó mà nâng

cao công chúng lên theo những tiêu chuẩn của văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đó là một trong những nhiệm vụ hết sức cấp thiết của việc xây dựng đời sống văn học, nghệ thuật tại miền Nam hiện nay. Từ tháng 10 năm 1958, tại Hội nghị cán bộ văn hóa toàn quốc, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “... muốn nâng cao lên thì phải ở đâu mà nâng lên, nếu ở giữa « khoảng không » mà nâng thì cũng không cao mà cũng không thấp. Thế là nói: trước phải phổ biến, nghĩa là trước hết phải có cái nền, rồi từ cái phổ biến ấy, cái nền ấy mà nâng cao lên » (2). Lời nói ấy giờ đây trong đời sống văn hóa, văn nghệ ở miền Nam, đang còn có ý nghĩa thời sự hết sức nóng hổi.

Công chúng có nhu cầu thường thức văn học nghệ thuật. Văn nghệ cách mạng phải đứng vững trên lập trường, quan điểm đúng đắn của Đảng mà đáp ứng yêu cầu đó. Văn học nghệ thuật có tính giai cấp. Kẻ thù sử dụng văn nghệ để phục vụ cho lợi ích của chúng, gây tác hại cho ta, lung đoạn tư tưởng, tinh thần của nhân dân ta, từ đó phá ta về nhiều mặt khác. Những hoạt động văn nghệ của ta mà theo những quan điểm không đúng đều ít hay nhiều có lợi cho kẻ thù. Văn học nghệ thuật của chúng ta là một môn ăn tinh thần không thể thiếu của nhân dân lao động, đồng thời phải là một vũ khí sắc bén của cách mạng.

(2) Hồ-Chí-Minh: *Về công tác văn hóa, văn nghệ*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 38—39.

LỰA CHỌN CÁN BỘ

PHẠM-QUÂN

 NĂM 1922, tại Đại hội thứ XI Đảng cộng sản (b) Nga, khi nói về công tác tổ chức thực tiễn nhằm bảo đảm thắng lợi đường lối chính trị của Đảng, Lê-nin đã nhấn mạnh hai khâu mấu chốt là *lựa chọn cán bộ* và *kiểm tra việc chấp hành*.

Lựa chọn đúng cán bộ không những bảo đảm việc tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng, mà còn bảo đảm giữ gìn và phát huy lâu dài thành quả cách mạng.

Trong thời kỳ Đảng hoạt động bí mật, mỗi sai lầm, thiếu sót trong việc lựa chọn cán bộ trực tiếp gây nguy hại, có khi tức khắc, tới tổ chức của Đảng. Chỉ chọn nhầm phải một người thiếu lòng kiên trung, khi bị địch bắt, trước những đòn thù, họ khai báo, là cả tổ chức cơ sở của Đảng bị tan vỡ. Vì thế, tổ chức Đảng muốn tồn tại được, phải lựa chọn cán bộ một cách hết sức chặt chẽ. Chỉ có như vậy, Đảng mới có thể đứng vững trước sự khủng bố của quân thù, mới có thể vượt lên mọi khó khăn, nguy hiểm, phát động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bền bỉ và rộng khắp. Đường lựa chọn cán bộ của Đảng thời kỳ này chủ yếu là từ trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng. Trong quá trình phát triển của phong trào sẽ nảy sinh những người ưu tú được Đảng lựa

chọn, đào tạo thành cán bộ, đồng thời những ai không vững vàng, không kiên trung sẽ rơi rụng. Qua những thử thách trong công tác, trong đấu tranh, tổ chức Đảng dễ phân biệt được ai là người có bản lĩnh, dám chịu đựng gian khổ, dám hy sinh, thả chết chứ không chịu đầu hàng, ai là người yếu đuối, hèn nhát, thiếu kiên định hoặc có những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa.

Khi Đảng đã giành được chính quyền và bước vào lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa thì một nhiệm vụ rất mới mẽ được đặt ra: nhiệm vụ quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế nhằm xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Đây là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, vì như Lê-nin đã chỉ rõ: « vấn đề là phải tổ chức theo phương thức mới những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống của hàng chục và hàng chục triệu con người » (1).

Trong giai đoạn cách mạng này, đội ngũ cán bộ không ngừng được mở rộng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Đội ngũ đó không những phải đủ về số lượng mà còn phải có phẩm chất và năng lực tương xứng với nhiệm vụ. Sự trưởng thành của cán bộ trong giai đoạn cách mạng

(1) V. I. Lê-nin: *Tồn tại*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 210.

này không phải chỉ từ hoạt động thực tiễn, từ trong phong trào cách mạng của quần chúng, không phải chỉ bằng việc tự học, tự rèn luyện qua công tác hằng ngày, mà còn qua đào tạo, bồi dưỡng một cách có hệ thống và liên tục tại các trường lớp, bằng nhiều con đường thích hợp với từng loại cán bộ. Việc lựa chọn cán bộ do vậy có phạm vi và quy mô lớn hơn, cần được tiến hành bằng nhiều cách. Để lựa chọn đủ cán bộ có chất lượng, chủ động đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thì vấn đề cơ bản là phải có quy hoạch cán bộ, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nhu cầu, trước mắt và lâu dài. Và nhìn một cách xa hơn thì, như Nghị quyết Đại hội V của Đảng đã chỉ rõ: « phải tạo ra một nguồn dự trữ rộng rãi ngay từ khi tuyển sinh vào các trường Đảng và các trường đại học để đào tạo thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kinh tế, kỹ thuật ở cơ sở » (2).

Thế nào là lựa chọn cán bộ một cách đúng đắn? Theo kinh nghiệm của Đảng ta và của nhiều Đảng anh em, lựa chọn cán bộ một cách đúng đắn có nghĩa là:

— Hiểu biết cán bộ, nghiên cứu một cách tỉ mỉ và có hệ thống người cán bộ cả về ưu điểm lẫn khuyết điểm, biết được ở cương vị nào, làm việc gì, và ở đâu thì cán bộ đó có thể cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp chung.

— Lưu tâm bồi dưỡng, dìu dắt, giúp đỡ cán bộ để họ không ngừng tiến bộ, chú ý những cán bộ đang có đà tiến bộ nhanh chóng, thúc đẩy mạnh hơn nữa sự trưởng thành của họ.

— Mạnh dạn và kịp thời phát hiện, đề bạt những người mới, những cán bộ trẻ tuổi, tiêu biểu cho một thế hệ mới, cho một phương thức quản lý mới. Không nên đề cho họ ở mãi một chỗ, đừng đề họ « cùn » đi.

— Trước hết, lựa chọn đúng và bố trí đúng cán bộ chủ chốt ở các cấp,

các ngành đề từ đó bảo đảm lựa chọn đúng những cán bộ khác. Nếu những cán bộ chủ chốt, những người phụ trách ở các cấp, các ngành mà không vững thì việc đánh giá và lựa chọn các loại cán bộ khác nhất định sẽ gặp khó khăn và khó tránh khỏi những hiện tượng « bè phái », « ô, dù », « cánh hâu » v.v.

Những năm gần đây, Đảng ta đã có nhiều văn kiện, nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác cán bộ, trong đó có việc lựa chọn cán bộ. Đặc biệt nghị quyết số 32 của Bộ chính trị (khóa IV) về công tác tổ chức và Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội V của Đảng đã đề cập một cách sâu sắc các vấn đề đó. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội V đã nhấn mạnh phải khẩn trương sắp xếp, bố trí lại cán bộ và nêu rõ: « Cần có một sự quyết đoán dứt khoát để thực hiện những sự thay đổi về tổ chức và nhân sự đã rõ là không đáp ứng được nhiệm vụ, trước hết đối với cán bộ chủ trì ở các cấp, các ngành và ở các cơ quan, đơn vị quan trọng » (3).

Từ các văn kiện nói trên của Đảng, chúng ta có thể rút ra những điều có tính nguyên tắc trong việc lựa chọn cán bộ:

1 — Vì việc mà lựa chọn người, chọn đúng người vào việc.

Lựa chọn ai vào việc gì, trước hết là xem người được lựa chọn có đáp ứng yêu cầu công tác mà người ấy sẽ đảm nhiệm không, có đạt hiệu quả cao trong công tác đó không. Nói cách khác, phải vì việc mà chọn người; đối với từng công việc phải chọn người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, có thể hoàn thành công việc một cách tốt nhất. Ai có đủ phẩm

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập III, tr. 111.

(3) Sách đã dẫn, tr. 112.

chất và năng lực cần thiết để hoàn thành tốt công việc đó hơn những người khác thì vì lợi ích chung của xã hội, người đó cần được lựa chọn. Nếu chọn người, xếp người vào việc chỉ vì mục đích «chiếu cố hoàn cảnh», «chiếu cố quá trình», nhằm làm cho mọi người đều có «cương vị», ai nấy đều «vui vẻ cả» v.v. thì chẳng những dẫn tới hỏng công việc chung mà còn cản trở sức vươn lên của cán bộ.

Để lựa chọn đúng cán bộ, trước hết cần xem xét kỹ từng công việc, từng chức danh cụ thể cần những cán bộ có những tiêu chuẩn gì, và trong những tiêu chuẩn đó, cái gì là chủ yếu, là hoàn toàn không thể thiếu, cái gì là thứ yếu, có thể chừa chước. Lại phải hiểu rõ từng cán bộ, nắm vững mặt mạnh, mặt yếu để xếp người đúng việc. Mỗi cán bộ có những mặt mạnh, mặt yếu riêng, nếu khéo lựa chọn và bố trí thì phát huy được mặt mạnh, hạn chế mặt yếu, làm lợi cho công tác. Ngược lại, nếu lựa chọn không đúng, không sử dụng được mặt mạnh, mặt yếu của cán bộ thì vừa ảnh hưởng xấu đến công tác, vừa làm giảm nhiệt tình phấn đấu của cán bộ. Dưa một cán bộ khoa học giỏi nhưng thiếu năng khiếu quản lý sang làm nhiệm vụ quản lý, đưa một công nhân lành nghề sang phụ trách phòng hành chính quản trị của xí nghiệp, đưa một bác sĩ phẫu thuật giỏi sang phụ trách công tác tổ chức cán bộ của bệnh viện hoặc của ngành v.v. những kiểu lựa chọn và bố trí cán bộ như vậy chỉ gây thêm rối rắm, lợi không mấy mà hại thì nhiều. Về điểm này, Hồ Chủ tịch đã dạy «*Phải khéo dùng cán bộ*» — Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Thí dụ: Thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà

dùng người, thì hai người đều thành công» (1).

2. *Có quan điểm và phương pháp đúng trong việc đánh giá con người, đánh giá cán bộ.*

Muốn lựa chọn đúng cán bộ, ngoài việc bám sát các yêu cầu của công việc, còn phải có quan điểm và phương pháp đánh giá đúng con người, đánh giá đúng cán bộ. Con người, như Mác đã từng nói, là tổng hòa các quan hệ xã hội. Việc đánh giá con người, do vậy phải khách quan, toàn diện. Việc đánh giá một cán bộ đòi hỏi phải có quá trình theo dõi sát sao, kỹ lưỡng, thăm tra, cân nhắc thận trọng, đúng đắn những ý kiến của những người hiểu người, biết việc — đó là những đồng chí lãnh đạo trực tiếp, những cán bộ đồng nghiệp, đồng cấp, những cán bộ cấp dưới của cán bộ đó.

Người lãnh đạo có kinh nghiệm không bao giờ chỉ dựa vào nguồn thông tin gián tiếp, tức là thông qua phản ánh để đánh giá, lựa chọn cán bộ, mà phải trên cơ sở kiểm tra công việc của cán bộ đó để hiểu biết trực tiếp về người đó.

Người lãnh đạo công minh phải biết quần chúng đánh giá cán bộ đó thế nào, tự cán bộ đó đánh giá về mình ra sao, và quan trọng hơn là phải biết được thực chất của người cán bộ đó thế nào để mà lựa chọn và bố trí vào công việc tương xứng.

Xem xét hồ sơ, lý lịch là cần thiết, bởi vì hồ sơ, lý lịch cán bộ có vai trò quan trọng nhất định trong việc phản ánh nguồn gốc xuất thân và quá trình công tác của cán bộ. Song, dù sao đó cũng chỉ mới là sự phản ánh trên giấy tờ, chưa nói hết các hoạt động sống của cán bộ. Việc đánh giá cán bộ cũng không thể chỉ dựa vào những biểu hiện bề ngoài của cán bộ. Ai cũng có

(1) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 42.

cả tình, và không phải bao giờ thái độ, cử chỉ bên ngoài cũng đều phản ánh trung thực bản chất từng người. Ngược lại, nhiều khi vì những biểu hiện bề ngoài đó mà dễ nhầm lẫn, đánh giá tốt, xấu không đúng. Chỗ dựa chính để đánh giá con người là hiệu quả công tác của họ. Đó là thước đo, là sự biểu hiện cụ thể phẩm chất và năng lực của con người. Tuy nhiên, xét hiệu quả công tác không nên chỉ căn cứ vào một thời điểm, mà phải xem xét cả một quá trình. Đồng thời bằng những cơ sở chính xác, cần dự đoán triển vọng của từng cán bộ, xem họ còn có thể phát triển hơn nữa hay là đã chững lại.

Cùng với việc xem xét hiệu quả công tác, cần chú ý xem xét về trình độ nhận thức, tư tưởng, về trình độ giác ngộ chính trị, đặc biệt là về động cơ hành động. Nếu cán bộ đạt hiệu quả công tác cao nhưng do những động cơ cá nhân thúc đẩy thì cần giúp đỡ và cần thử thách thêm để tránh nhầm lẫn khi đánh giá.

Trong việc đánh giá cán bộ, thi bằng cấp, học vị, sự dày dạn trong cuộc sống, trong đấu tranh, kinh nghiệm của quá trình công tác v.v. đều là những yếu tố cần xem xét. Song, không nên tuyệt đối hóa riêng một yếu tố nào, coi đó là tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá.

Trong việc đánh giá những cán bộ dưới quyền, người phụ trách nếu không đích thân kiểm tra kết quả công tác của từng người, không tiếp xúc cụ thể với từng người, chỉ căn cứ vào những báo cáo, những lời phản ánh, hoặc chỉ "nhìn mặt mà bắt hình dong" tự bằng lòng với những ấn tượng bề ngoài thì không tránh khỏi sai sót, nhầm lẫn. Nếu những người phụ trách lại thích được nịnh bợ, ưa lời nói ngọt hoặc dễ dãi sự yêu ghét riêng tư chỉ phối thì càng rất dễ bị những kẻ xấu lợi dụng. Phải có thái độ khách quan, trung thực, phải có cách xem

xét khoa học, biết tham khảo những nhận xét của số đông những người biết người, biết việc mới nhận ra ai là kẻ giả dối, cơ hội chủ nghĩa, ai là người "tròn trĩnh", khéo giữ mình, không dám làm mất lòng người khác, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh, và mới phát hiện được những cán bộ có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám thẳng thắn tự phê bình và phê bình người khác, dám sửa chữa khuyết điểm.

3 - Có phương hướng và phương pháp lựa chọn đúng:

Cán bộ ở bất cứ ngành nào, cấp nào đều phải có phẩm chất và năng lực tương xứng với nhiệm vụ, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đó là nguyên tắc cao nhất trong việc lựa chọn cán bộ và cũng là nguyên tắc cơ bản trong xử lý mọi vấn đề về công tác cán bộ. Năm vững yêu cầu của công việc, chọn đúng người có thể đáp ứng tới mức cao nhất yêu cầu của công việc, đó là phương hướng chủ yếu để lựa chọn cán bộ. Chỉ có làm như vậy, mới thực hiện đúng lời dạy của Lê-nin là làm cho «việc đảm nhiệm công tác luôn luôn nằm trong tay những cán bộ hoàn toàn am hiểu công việc chuyên môn và bảo đảm thành lợi cho công tác» (5).

Cùng với việc nắm vững phương hướng chủ yếu đó, cần coi trọng việc lựa chọn những người đã trải qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn đấu tranh cách mạng. Nếu có những cán bộ cũng có phẩm chất và năng lực như nhau, thì chú ý lựa chọn trong số đó những ai đã trải qua rèn luyện, thử thách. Đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thì như Đảng ta đã chỉ rõ: «nguồn đào tạo chính là từ cán bộ đã qua thực tiễn công tác, sản xuất, chiến đấu từ cơ sở lên, từ trong phong trào

(5) V.I. Lê-nin : *Tổng tập*. Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va. 1978, tập 41, tr. 349.

và công tác thực tế của từng ngành mà lựa chọn những người có triển vọng để đưa đi bồi dưỡng, đào tạo» (6).

Đó là cách làm hết sức cần thiết bởi vì thực tiễn đấu tranh cách mạng luôn luôn là trường học rèn luyện, sàng lọc con người một cách tốt nhất. Chỉ có những ai biết tận mình trong cuộc đấu tranh chung, thật sự là một chiến sĩ của đội ngũ chung, dám nhìn thẳng vào khó khăn, lao vào khó khăn để chiến thắng nó mới rèn luyện được những đức tính cần thiết của người cán bộ cách mạng. Ngược lại, những ai chưa từng qua thử thách, chưa đụng đầu với những khó khăn, chỉ hiểu biết cách mạng qua sách vở, trong những hoàn cảnh thuận lợi, thì thường chưa bao giờ dám có đủ bản lĩnh cần thiết. Ngay ở Liên-xô hiện nay, khi cách mạng đã đi vào thời kỳ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, Đảng cộng sản Liên-xô, trong việc lựa chọn cán bộ, vẫn rất chú ý đến quá trình rèn luyện của cán bộ, chú ý lựa chọn những cán bộ đã qua nhiều thử thách trong thực tế công tác.

Mỗi cán bộ có quá trình công tác, hoàn cảnh xuất thân khác nhau, vì vậy, yêu cầu rèn luyện, thử thách đối với từng người cũng khác nhau. Có người phải được đưa đến nơi có hoàn cảnh ác liệt, gian khổ để thử chí, có người phải được bố trí vào nơi công tác khó khăn, phức tạp để thử sức, cũng có người cần đưa về cơ sở để có điều kiện hiểu sâu thực tế và rèn luyện về tác phong quần chúng v.v. Rèn luyện, thử thách cán bộ là nhằm giúp cán bộ có được nhân sinh quan, thế giới quan, phương pháp tư duy, quan điểm quần chúng đúng đắn, động viên sự cố gắng của họ về ý chí, tinh thần, năng lực làm việc v.v. Hình thức và mức độ rèn luyện cần sát hợp với từng cán bộ, dễ với sự cố gắng của từng người, họ có thể vươn lên một cách tốt nhất.

Hiện nay, đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cũng đang diễn ra gay gắt. Do tình hình đó, trong việc lựa chọn cán bộ không thể lơ là ý thức giai cấp và ý thức cảnh giác cách mạng.

Trên cơ sở bắc đảm tiêu chuẩn, cần chú trọng lựa chọn những người xuất thân từ giai cấp công nhân, đặc biệt là công nhân đại công nghiệp. Việc tăng thành phần giai cấp công nhân đại công nghiệp trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, gắn liền với việc nâng cao trình độ tư tưởng, lập trường của giai cấp công nhân, không chỉ nhằm mục đích bảo đảm thực hiện đường lối chính trị của Đảng mà còn đem lại trong lãnh đạo các cấp một tác phong công nghiệp, tác phong làm việc có kế hoạch, tập trung, dứt điểm, coi trọng việc kiểm tra, khắc phục có hiệu quả mọi biểu hiện xấu của người sản xuất nhỏ cũng như mọi biểu hiện của tệ quan liêu, cửa quyền, hách dịch.

Trong lựa chọn cán bộ, không những phải có quan điểm đúng, phương hướng đúng mà còn phải có cách làm đúng, có phương pháp đúng.

Việc lựa chọn cán bộ phải được tiến hành một cách tập thể, dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm của người phụ trách và có sự kiểm tra, xem xét của cấp có thẩm quyền. Các cấp ủy Đảng, các ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, các tập thể lãnh đạo và những cán bộ biểu người.

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập III, tr. 111.

biết việc, với tinh thần trách nhiệm cao, trên cơ sở nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn, đều có thể giới thiệu những đảng viên và cả những người ưu tú ngoài Đảng để các tổ chức Đảng và các cơ quan Nhà nước lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Các đồng chí phụ trách ở các cấp, các ngành đều có trách nhiệm lựa chọn người rồi đây sẽ thay thế mình, giới thiệu với tổ chức Đảng xem xét để đào tạo, bồi dưỡng. Không những thế, người phụ trách còn có trách nhiệm dìu dắt, hướng dẫn người sẽ thay mình. Từng đồng chí trong các cấp ủy Đảng, sau mỗi nhiệm kỳ, trên cơ sở tiến hành tự phê bình và phê bình sự hoạt động của cấp ủy, trên cơ sở nắm vững yêu cầu, cơ cấu và tiêu chuẩn của cấp ủy khóa tới, có trách nhiệm góp ý ai nên rút khỏi cấp ủy, ai cần tiếp tục tham gia, và đề cử những người mới, xứng đáng để Đại hội đảng bộ xem xét, lựa chọn, bầu cử.

Ở các ngành kinh tế - kỹ thuật, có thể tiến hành khảo sát cán bộ theo chu kỳ mấy năm một lần để phát hiện, lựa chọn những người có triển vọng, đào tạo, bồi dưỡng thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, thành chuyên gia đầu đàn của các ngành khoa học, kinh tế, kỹ thuật v.v.

Đối với ngành giáo dục, có thể thông qua phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, thông qua các Hội nghị giáo viên dạy giỏi mà tìm ra những giáo viên tốt, đào tạo, bồi dưỡng thành những người chuyên sâu về khoa học giáo dục, hoặc thành những cán bộ quản lý giáo dục.

Muốn tìm ra những cán bộ tốt thì phải đi sâu vào những cơ sở tiên tiến. Cuộc sống sôi động ở đây là nguồn phong phú sản sinh ra những cán bộ tốt.

Một số nước xã hội chủ nghĩa anh em còn áp dụng cách lựa chọn cán bộ theo phương án hành động tối ưu.

Điều đó có nghĩa là, trước những công việc có tầm quan trọng nhất định, người phụ trách có thể nghe nhiều phương án khác nhau, lựa chọn phương án tốt nhất để thực hiện, đồng thời cử người có phương án đó đứng ra điều hành công việc.

Đề tạo nên những ê kíp lãnh đạo đồng bộ, ăn ý, cần coi trọng ý kiến của người phụ trách trong việc lựa chọn những người cộng sự, mà trước hết là những người « phó » của các đồng chí đó.

Việc lựa chọn cán bộ từ nguồn đào tạo tại các trường đòi hỏi phải chú ý, phải theo sát kết quả học tập, rèn luyện của học sinh các trường đại học và cao đẳng chuyên nghiệp. Đối với những học sinh xuất sắc, sau khi tốt nghiệp, nếu điều kiện cho phép, có thể cho họ được chọn nơi công tác thích hợp nhất để có thể phát huy nhanh chóng kết quả học tập. Cũng có thể đưa họ về các cơ sở sản xuất, có kế hoạch giúp đỡ, bồi dưỡng đào tạo họ thành cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo từ cấp thấp rồi đến những cấp cao hơn. Đối với những lực lượng trẻ nói trên, cần mạnh dạn giao việc cho họ, và thông qua kết quả công việc họ làm mà tiến hành lựa chọn cán bộ.

Hiện nay, ở ta, một số ban, ngành, một số địa phương đã bước đầu xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, và quy chế tuyển dụng, cử đi học, bổ nhiệm, miễn nhiệm các loại cán bộ. Một số nơi cũng đã lập ra các hội đồng để giúp người phụ trách trong việc xem xét, quyết định các vấn đề về công tác cán bộ và có những biện pháp cụ thể, thích hợp để tham khảo ý kiến của đông đảo cán bộ, đảng viên và người ngoài Đảng trong khi lựa chọn, cất nhắc cán bộ. Đó là những cách làm tốt, bước đầu khắc phục được tình trạng tùy tiện, ngang tắt, bè phái, cánh hẩu, v.v. trong việc lựa chọn cán bộ.

Hiệu quả sản xuất trên địa bàn huyện Hoàng-hóa

HỮU - HẠNH

I - GIẢI PHÁP LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM

Huyện Hoàng-hóa (Thanh-hóa) chỉ có 12.067 héc ta ruộng đất canh tác. Trong 20 năm qua, Hoàng-hóa đã có nhiều cố gắng, đưa trên 6 vạn dân (bằng một phần tư số dân trong huyện) đi xây dựng kinh tế mới ở các huyện bạn trong tỉnh và ở các tỉnh khác (1). Do đó, trong những năm qua huyện Hoàng-hóa mới giữ được mức bình quân ruộng đất canh tác tính theo đầu người 680m².

Trong điều kiện đất ít, người đông, Hoàng-hóa đã tổ chức chỉ đạo khai thác theo chiều sâu đồng ruộng bằng *tăng vụ*, mở rộng diện tích gieo trồng và *thâm canh* tăng năng suất cây trồng, đạt hiệu quả rõ rệt về sản xuất lương thực và thực phẩm trên địa bàn huyện.

Việc tăng vụ mở rộng diện tích gieo trồng trên từng loại ruộng đất ở đây được bố trí theo những công thức luân canh với cơ cấu cây trồng hợp lý. Có loại ruộng bố trí làm hai vụ lúa và một vụ màu. Có loại ruộng làm hai vụ màu và một vụ lúa. Có loại

ruộng làm một vụ lúa mùa và một vụ trồng cạn. Cách làm đó đã hình thành rõ nét trên đồng ruộng vùng lúa ở 21 xã có diện tích gieo trồng trên 11000 héc ta (bằng 61% diện tích gieo trồng cả năm của huyện). Vùng khoai lang ở 26 xã trồng lúa và vùng màu phía nam huyện có từ 2500 đến 4500 héc ta. Vùng khoai tây có từ 1500 đến 2000 héc ta. Vùng lạc tập trung ở 17 xã giữa huyện có từ 1000 đến 1500 héc ta. Với giải pháp tăng vụ quay vòng ruộng đất nhiều lần, ở Hoàng-hóa năm 1976 đã gieo cấy được 24000 héc ta cây trồng các loại (hệ số sử dụng ruộng đất đạt 1,98 lần); năm 1977 gieo trồng được 25031 héc ta (hệ số sử dụng ruộng đất đạt 2,08 lần); năm 1978 và 1979 mỗi năm gieo trồng được 25300 héc ta (hệ số sử dụng ruộng đất đạt 2,16 lần); các năm 1980, 1981 và 1982 mỗi năm gieo trồng được trên 27000 héc ta (hệ số sử dụng ruộng đất đạt 2,26 lần); việc sử dụng ruộng đất bằng tăng vụ và quay vòng ruộng đất có hiệu quả như vậy đã bảo đảm cho Hoàng-hóa, vốn chỉ có

(1) Nhiều năm liền huyện Hoàng-hóa vẫn giữ tỷ lệ phát triển số dân ở mức 1,5%.

khoảng 680m² đất canh tác tính theo đầu người, đạt 1400m² đất gieo trồng mỗi đầu người.

Song song với việc tăng vụ mở rộng diện tích gieo trồng, Hoàng-hóa đã coi trọng và thực hiện thâm canh các loại cây trồng, nhất là cây lương thực. Năng suất lúa mỗi vụ trong những năm không bị thiên tai phá hoại nghiêm trọng như năm 1976 đạt 21,55 tạ, năm 1979 đạt 21,9 tạ, năm

1981 đạt 26,4 tạ, năm 1982 đạt 29,1 tạ một héc ta. Năng suất khoai lang bình thường đạt 60,7 tạ, năm cao nhất (1981) đạt 86,6 tạ củ một héc ta. Khoai tây đạt từ 50 đến 100 tạ một héc ta...

Diện tích gieo trồng tăng và năng suất cây trồng cao bảo đảm cho Hoàng-hóa đạt được sản lượng cây trồng, nhất là sản lượng lương thực ngày một nhiều.

Năm	Tổng sản lượng lương thực (tấn)	Chỉ số phát triển	Sản lượng màu quy thóc (tấn)	Màu trong lương thực (%)
1975	44121	190	5440	12,3
1976	48393	109	5639	11,6
1977	45677	103	6719	14,7
1978	46033	104	10285	22,3
1979	51911	124	10003	18,2
1980 ⁺	39194	88	12405	31,6
1981	60779	137	16328	26,9
1982	63767	116	13305	21,0

(+) Vụ mùa năm 1980 mất trắng vì bão lụt.

Sự phát triển nhanh cả về diện tích (bằng tăng vụ), năng suất (bằng thâm canh) và sản lượng màu lương thực là giải pháp làm "một công đôi việc" có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với Hoàng-hóa.

Một là, màu tăng nhanh và chiếm tỷ trọng khá trong sản lượng lương thực của Hoàng-hóa đã góp phần giải quyết có kết quả vấn đề lương thực trên địa bàn huyện. Đặc biệt gặp những năm thiên tai làm mất mùa lớn (như năm 1978 úng lụt làm mất 12000 tấn thóc, năm 1980 bão lụt lớn phá hại mất 15000 tấn thóc trên đồng ruộng), tuy có thiếu gạo, nhưng nhờ có màu lương thực (nhất là màu vụ đông) người dân Hoàng-hóa vẫn no màu, đời sống được giữ vững, hơn nữa còn có thừa màu đem giúp các nơi khác.

Hai là, màu tăng là nhân tố quyết định đối với nhịp độ phát triển của đàn lợn trong huyện. Đàn lợn của

Hoàng-hóa phát triển theo chiều hướng tăng cả về số lượng (đầu con) và chất lượng (trọng lượng xuất chuồng). Với bình quân đầu lợn trên mỗi héc ta gieo trồng từ 1,7 đến 1,9 trong các năm từ 1976 đến 1978, tăng lên 2,4 lợn trong các năm từ 1980 đến 1982, đã có nhiều phân chuồng phục vụ có hiệu quả cho thâm canh trên diện tích gieo trồng ngày càng mở rộng. Hoàng-hóa có đàn lợn thuộc cỡ lớn của tỉnh Thanh-hóa, do đó có điều kiện giải quyết thuận lợi vấn đề thực phẩm cho đời sống nhân dân trong huyện, hằng năm đã bán từ 900 đến 1000 tấn thịt lợn hơi cho Nhà nước; hơn nữa còn có số dư thực phẩm không nhỏ để trao đổi hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống trong huyện.

Giải pháp lương thực và thực phẩm (bằng con đường đưa bớt đàn đi xây dựng kinh tế mới ở các nơi khác,

thực hiện sinh đẻ có kế hoạch để giữ tỷ lệ phát triển số dân ở mức 1,5% đồng thời tăng vụ và thâm canh) được thực hiện tích cực trong nhiều năm qua ở Hoàng-hóa đã mang lại hiệu quả rõ rệt: trên một héc ta canh tác ở đây, sản xuất được một khối lượng lương thực và thực phẩm đủ nuôi sống chừng 15 người dân trong huyện (với mức ăn lương thực hằng tháng từ 15 đến 17kg), cung cấp cho Nhà nước trên 550 kg thóc (riêng năm 1981 được 718kg và năm 1982 được 1140 kg) và trên 80 kg thịt lợn hơi. Thành công này cho thấy với cách làm của huyện Hoàng-hóa, tuy đất ít người đông vẫn hoàn toàn có thể giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm, bảo đảm ổn định và cải thiện đời sống nhân dân trong huyện, hơn nữa còn làm tốt việc cung cấp thóc gạo và bán nhiều thực phẩm cho Nhà nước (2)

Giải pháp lương thực và thực phẩm nói trên đến nay chưa phải đã được thực hiện đồng đều trên tất cả các vùng sản xuất nông nghiệp trong huyện. Các xã phía tây huyện có thủy lợi, chủ động về tưới nước, tiêu nước và đã hoàn chỉnh thủy nông đồng ruộng cho nên đã thực hiện tốt tăng vụ và thâm canh, tuy bình quân ruộng đất canh tác chỉ có từ 650 đến 800m² vẫn sản xuất được từ 400 đến 600 kg lương thực (quy thóc) tính theo đầu người, bảo đảm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực.

Các hợp tác xã ở vùng giữa huyện cũng đã thực hiện thâm canh đạt năng suất lúa và màu tương tự như vùng trên. Song việc tăng vụ mở rộng diện tích gieo trồng còn bị hạn chế do ở đây chưa có đủ hệ thống công trình tiêu úng. Việc xây dựng hai cống tiêu úng qua đê ở vùng này tốn khoảng 2 triệu đồng (tính theo giá cố định năm 1970), có thể bảo đảm cho vùng này hàng năm khỏi bị mất trắng hàng

nghìn tấn thóc vì ngập úng, phục hồi hàng trăm héc ta ruộng lúa vụ mùa bị bỏ hóa, thực hiện tăng vụ và thâm canh, bảo đảm thu hoạch an chắc. Như vậy, vùng này có khả năng khai thác ruộng đất theo chiều sâu và sớm đạt mục tiêu 400 - 500 kg lương thực (quy thóc) tính theo đầu người như vùng trên của huyện.

Các xã vùng ven biển Hoàng-hóa, đất cát, vốn là vùng màu trồng nhiều khoai lang, xưa nay người dân ở đây thường ăn khoai lang là chính, có thêm tôm cá và sản phẩm của tôm cá làm thức ăn. Trong những năm qua, các xã vùng này cố đưa cây lúa nước vào đồng ruộng đất cát; khoai lang không còn được đặt ở vị trí hàng đầu trong sản xuất và trong bữa ăn như trước kia. Để làm được điều đó, huyện Hoàng-hóa đã xây dựng hệ thống kênh mương, nhưng đến nay vẫn chưa có điện để bơm nước tưới cho lúa. Nước mưa trong ruộng đất cát thấm thấu quá nhanh. Lúa ở đây thiếu nước nghiêm trọng, năng suất thấp, thu hoạch kém. Thực tế cho thấy việc chuyển vùng màu chuyên canh ở đây sang trồng lúa và màu ít hiệu quả và không cho phép giải quyết tốt vấn đề lương thực cho người và thức ăn cho chăn nuôi. Giải pháp lương thực và thực phẩm ở vùng đất cát ven biển của huyện Hoàng-hóa là: nên trở lại con đường xây dựng vùng màu chuyên canh bằng tăng vụ, trồng xen, trồng gối, mở rộng diện tích gieo trồng và thâm canh cây màu đạt năng suất cao để tạo ra một khối lượng màu lương thực lớn, bảo đảm giải quyết một cách cơ bản và ổn định vấn đề lương thực bằng màu là chính (chứ không phải là chất độn) cho người dân ven biển.

(2) Hoàng-hóa là loại huyện đứng hàng đầu các huyện, thị trong tỉnh Thanh-hóa về bán lương thực và thực phẩm cho Nhà nước.

II - KHAI THÁC NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG VÀ XUẤT KHẨU

Trong những năm qua, hàng năm ở huyện Hoàng-hóa có trên dưới một vạn người làm nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu, ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện Hoàng-hóa vẫn duy trì nhịp độ phát triển bình thường.

Giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của Hoàng-hóa năm 1976 đạt 9,2 triệu đồng; năm 1977 đạt 12,6 triệu đồng; năm 1978 đạt 14,2 triệu đồng; năm 1979 đạt 15 triệu đồng; năm 1980 do bão làm thiệt hại lớn đến nguồn nguyên liệu cho nên chỉ đạt 10,7 triệu đồng; năm 1981 đạt 12 triệu đồng; năm 1982 đạt 13,5 triệu đồng (tính theo giá cố định). Trung bình hàng năm, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp Hoàng-hóa tăng khoảng 10% và chiếm khoảng 28% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp và tiểu công nghiệp huyện. Thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp phát triển khá hơn, hàng năm chiếm khoảng 70% giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn huyện (năm cao đạt 11,7 triệu đồng).

Sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của Hoàng-hóa hàng năm có khoảng 10% phục vụ sản xuất nông nghiệp, 52% là hàng tiêu dùng nội địa, 20% là hàng xuất khẩu, phần còn lại được bán ra ngoài huyện. Giá trị sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp xuất khẩu của Hoàng-hóa năm 1976 là gần 1,2 triệu đồng; năm 1977 trên 2,2 triệu đồng; năm 1978 trên 2,6 triệu đồng; năm 1979 gần 2,5 triệu đồng; năm 1980 trên 3,0 triệu đồng; năm 1981 trên 3,3 triệu đồng; năm 1982 đạt 3,5 triệu đồng.

Sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp hiện nay ở Hoàng-hóa như: vải màn, thảm thêu, chiếu cói, hàng đan mây tre... đều làm từ nguyên liệu ở bên ngoài huyện đưa về. Điều đó nói lên hoạt động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp Hoàng-hóa chưa vững chắc.

Nguyên liệu cho sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phải chăng không có điều kiện phát triển và khai thác ở địa phương Hoàng-hóa?

Đất Hoàng-hóa ở thôn xóm nào cũng có thể trồng được tre, mây. Tổ chức trồng theo quy hoạch và kế hoạch chung của cả huyện, hoàn toàn có thể bảo đảm cung cấp ổn định và lâu dài nguyên liệu cho việc mở rộng và phát triển nghề đan mây, tre ở đây.

Huyện Hoàng-hóa có trên 600 héc ta đất bãi bồi dọc sông Cung và sông Lạch-trường thích nghi với việc trồng cói. Vừa qua đã trồng được 200 héc ta cói. Tổ chức trồng cói cả 600 héc ta và tập trung đầu tư thâm canh cây cói ở đây, sẽ bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu để duy trì và mở rộng nghề làm sản phẩm hàng cói của Hoàng-hóa.

Hiện nay Hoàng-hóa có tới 10 vạn cây dừa có quả, hàng năm thu hoạch hàng triệu quả. Do đó, cùi dừa ở đây có số lượng khá lớn dùng làm nguyên liệu cho nghề ép dầu, làm xà phòng cao cấp, và chế biến bánh kẹo. Xơ dừa ở đây hàng năm có hàng nghìn tấn dùng làm nguyên liệu bện thảm và dây thừng xuất khẩu. Nếu huyện Hoàng-hóa biết sử dụng hệ thống hợp tác xã mua bán ở đây (vốn là lá có dầu nhiều năm liền của Bộ nội thương, lâu nay đã có nhiều kinh nghiệm và thành tích về hoạt động mua bán phục vụ sản xuất và đời sống trong huyện) thì hoàn toàn có khả năng tổ chức thu mua bằng nhiều hình thức thích hợp để thu về số nguyên liệu dừa hiện có trong nhân dân, cung cấp cho nghề làm sản phẩm từ dừa (nhất

là dây dờn xuất khẩu) hoạt động vững chắc, mang lại thu nhập khá lớn cho nền kinh tế huyện.

Hoàng hóa còn có nhiều nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có truyền thống lâu đời, có tay nghề thành thạo như sản xuất đồ gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng v.v. nhưng lâu nay phải dựa vào nguyên liệu của ngoài huyện. Gỗ cây mua về không đủ, có thể tổ chức lực lượng lao động cửa xẻ trong huyện lên các huyện miền núi liên doanh khai thác lấy gỗ thành khí (kể cả gỗ cảnh ngon) đưa về cho nghề mộc trong huyện sản xuất đồ dùng gia đình và các mặt hàng bằng gỗ phục vụ sản xuất, xây dựng và sửa chữa nhà cửa cho dân. Đá và than cung cấp cho nghề sản xuất vôi, gạch, ngói... có thể mua được một cách chắc chắn bằng tiền và đổi hàng nông sản, thực phẩm của Hoàng-hóa. Khối lượng vận chuyển sẽ lớn, nếu được tổ chức lại và tập trung điều hành vào cấp huyện, lực lượng vận tải (chủ yếu là vận tải thủy) của Hoàng-hóa hoàn toàn có đủ sức đảm đương công việc này...

Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở đây có vươn lên phát huy hết năng lực của mình để hình thành trong thực tế mô hình công nghiệp huyện trong bước đầu xây dựng cơ cấu kinh tế nông - ngư - công nghiệp trên đất Hoàng-hóa hay không là tùy thuộc ở trình độ tổ chức thực hiện không chỉ của cơ sở mà cả của cấp huyện nữa.

III - NHỮNG MẶT HẠN CHẾ CỦA HUYỆN

Cũng cùng một hoàn cảnh khó khăn như các huyện khác, nhưng trong những năm vừa qua Hoàng-hóa đã tìm được những giải pháp phát triển sản xuất có hiệu quả, cho nên hoạt động kinh tế và đời sống trong huyện chuyển biến theo chiều hướng tốt. Song, những giải pháp kinh tế đó chỉ

mới được thực hiện và mang lại kết quả tốt trong một số đơn vị sản xuất riêng lẻ và ở một đôi nơi có điều kiện kinh tế và cơ sở vật chất kỹ thuật thuận lợi, chứ chưa được thực hiện một cách rộng rãi ở tất cả các cơ sở sản xuất, ở tất cả các vùng kinh tế, và tất cả các ngành sản xuất trên địa bàn huyện. Do đó, nền kinh tế của Hoàng-hóa ngày nay vẫn đang ở trong tình trạng phát triển chật vật, chưa chuyển thành một nền kinh tế nông - ngư - công nghiệp có điều kiện tốt để tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Điều đó là do huyện đang thiếu những điều kiện vật chất cần thiết và chưa có thực lực để làm kinh tế.

Phong cách làm ăn xưa nay của con người Hoàng-hóa là làm ăn có tính toán kinh tế, nghĩa là làm bất cứ việc gì đều xem xét đến hiệu quả cuối cùng của nó để quyết định phương án tổ chức thực hiện. Việc thực hiện các chỉ thị 208 của Ban bí thư, chỉ thị 33 của Bộ chính trị, nghị quyết 33 của Hội đồng chính phủ (nay là Hội đồng bộ trưởng) về "tổ chức lại sản xuất và quản lý từ cơ sở và trên địa bàn huyện, xây dựng và tăng cường cấp huyện" ở Hoàng-hóa cũng được thực hiện theo phong cách tính toán hiệu quả kinh tế như vậy, chứ không phớt lờ hình thức vượt quá sức chịu đựng của thực lực kinh tế còn nghèo của huyện để tránh lãng phí và gây thiệt hại cho việc phát triển kinh tế và đời sống trong huyện.

Vừa qua, huyện Hoàng-hóa đã làm xong việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy cấp huyện theo mô hình 15 ban phòng theo đúng khuôn hình quy định của cấp trên. Nhưng thực tế, đến nay những điều kiện vật chất và thực lực kinh tế cần thiết cho hoạt động điều hành của bộ máy tổ chức mới này lại chưa được phân cấp quản lý một cách đồng bộ, cho nên không có hiệu lực trong việc tổ chức sản xuất, điều hành, quản lý đối với cơ sở sản xuất

và vẫn mang nặng tinh chất của một bộ máy tổ chức quản lý hành chính cồng kềnh.

Một số đơn vị sản xuất, kinh doanh, phục vụ vừa qua được tỉnh phân cấp về cho huyện Hoàng-hóa quản lý, phân lớn lại là những đơn vị xưa nay làm ăn phải bù lỗ, cho nên chưa có tác dụng trực tiếp tăng thêm thực lực kinh tế cho huyện. Sau khi phân cấp quản lý cho huyện, các ngành chủ quản cấp tỉnh thường buông lơi, chưa tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị được phân về cho huyện quản lý hoạt động bình thường, thậm chí có ngành còn gây trở ngại cho huyện (như phân cấp trại giống lợn cho huyện lại cắt kế hoạch cung cấp thức ăn...). Những cơ sở sản xuất kinh doanh có lãi lớn do địa phương xây dựng nên (như hợp tác xã vận tải thuyền Xuân-tiến) hoặc những cơ sở sử dụng người và đất của huyện để kinh doanh (như trại vịt) đến nay vẫn chưa được phân cấp cho huyện để tăng thêm thực lực kinh tế cho huyện.

Đến nay, huyện Hoàng-hóa vẫn chưa được phân cấp quản lý về tài chính và ngân sách. Do đó, việc xây dựng và quản lý tài chính ngân sách huyện chưa có tác dụng nâng thêm trình độ quản lý tài chính của huyện, tạo điều kiện cho huyện tăng thêm nguồn thu phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa trên địa bàn huyện và trợ cấp thêm vốn cho các cơ sở mở rộng kinh doanh sản xuất.

Quyền tự chủ và quyền tự chịu trách nhiệm của cấp huyện trong việc xây dựng huyện thành trung tâm trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hợp tác xã và cơ sở sản xuất khác trên địa bàn huyện Hoàng-hóa cũng không được tôn trọng, hơn nữa còn bị sức ép tác động làm chậm trễ và giảm hiệu quả phát triển của nền kinh tế trong huyện. Có những công trình huyện xét thấy cần tập trung

xây dựng trước để đưa nhanh vào sử dụng và khai thác mang lại hiệu quả lớn, thu hồi vốn nhanh, tăng thêm lực lượng vật chất kỹ thuật để phát triển kinh tế cho cả một vùng đồng ruộng rộng lớn của huyện (như kế hoạch xây dựng hai cống tiêu úng qua đê đã trình bày ở phần trên), lại bị các ngành chủ quản cấp trên trì hoãn trong việc giúp đỡ xây dựng. Ngược lại, có loại công trình khác huyện xét thấy không cần thiết xây dựng mới (phải đầu tư vốn tốn kém, thu hồi vốn chậm, hiệu quả phục vụ hạn chế), chỉ cần đầu tư bổ sung để nâng cấp trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho cơ sở hiện có là thu được hiệu quả kinh tế cao, thì lại không được chấp thuận, mà buộc phải làm theo kế hoạch xây dựng mới của ngành chủ quản cấp tỉnh. Đó là trường hợp xí nghiệp cơ khí quốc doanh huyện vừa được xây dựng chỉ có hình thức quy mô to lớn nhưng nội dung hoạt động sản xuất bên trong lại nghèo nàn, cho nên hiệu quả kinh tế thấp.

Danh bất cá biên là một ngành kinh tế có tiềm năng lớn trong cơ cấu kinh tế nông - ngư - công nghiệp của huyện Hoàng-hóa. Lâu nay cấp huyện ở đây không có quyền và cũng không buộc phải chịu trách nhiệm trong việc tổ chức và điều hành sản xuất, quản lý vật tư, quản lý thu mua và phân phối sản phẩm. Do đó, huyện Hoàng-hóa chưa tìm được giải pháp có hiệu lực để đưa ngành danh bất cá biên của mình ra khỏi tình trạng làm ăn tri tri và kém nát kéo dài, số tiền nợ đối với Nhà nước cứ ngày một nhiều thêm. (đến nay số dư nợ lên đến 10 triệu đồng), sản phẩm cá tuần ra thị trường « tự do » thì nhiều, bán cho Nhà nước được rất ít...

Tình hình nói trên cho thấy Hoàng-hóa đang bị hạn chế và trói buộc về nhiều mặt, chưa có thực lực cần và đủ cho huyện làm kinh tế.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN-ÁI-QUỐC VỚI CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 — 1931 VÀ XÔ VIẾT NGHỆ-TĨNH

THỂ-TẬP

Ngay sau khi ra đời, với đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, Đảng ta đã phát động được cao trào cách mạng 1930 — 1931, xây dựng được khối liên minh công nông và thành lập chính quyền xô viết, cờ đỏ búa liềm đã phấp phới tung bay ở nhiều địa phương thuộc Nghệ-tĩnh. Hồi đó đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc hoạt động ở nước ngoài, tuy bận trăm công ngàn việc do Quốc tế cộng sản giao phó, đồng chí vẫn cùng Trung ương Đảng theo dõi và lãnh đạo cách mạng Việt-nam.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm trước làn sóng cách mạng Đông-dương đang dâng lên cuộn cuộn, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã kịp thời căn dặn Trung ương Đảng ta: “Vô sản là đội quân của cách mạng phản đế và cách mạng ruộng đất ở nước ta. Hiện nay phong trào cách mạng đang lên mạnh, phải tránh làm sao cho vô sản khỏi phạm sai lầm có thể đưa cách mạng đến thất bại. Cho nên phương thức lãnh đạo quần

chúng là vô cùng quan trọng. Đảng phải hết sức quan tâm...” (1).

Với tinh cảm cách mạng sâu sắc, bằng mọi cách đề thu thập nhanh chóng những tin tức hằng ngày về các cuộc đấu tranh ở Đông-dương trong những năm 1930 — 1931, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc (có lúc lấy bút danh là K.V. hay K., V., v.v.) đã viết nhiều báo cáo gửi lên Quốc tế cộng sản. Quốc tế nông dân, Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản nói về cao trào cách mạng và Xô viết Nghệ-tĩnh, kèm theo số liệu thống kê, bằng so sánh phong trào từng tháng, từng năm: nêu rõ diễn biến cụ thể, khẩu hiệu đấu tranh, tính chất, quy mô, kết quả, ưu điểm và khuyết điểm của các cuộc đấu tranh; chỗ mạnh và chỗ yếu của phong trào ở Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Đồng chí đã khẩn thiết đề

(1) Nguyễn-Ái-Quốc: *Về những nghị quyết của Đảng cộng sản Đông-dương* (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng).

ngợi với Quốc tế cộng sản, các tổ chức trực thuộc Quốc tế cộng sản và các đảng anh em hãy quan tâm hơn nữa đến phong trào cách mạng Đông-dương. Đồng chí yêu cầu các tổ chức đó cần kịp thời viết thư động viên phong trào; góp ý kiến và trao đổi những kinh nghiệm đấu tranh, giúp đỡ về tinh thần và vật chất làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Đông-dương.

Khi phong trào bị địch khủng bố dữ dội, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã đề nghị Quốc tế cộng sản ra lời kêu gọi giai cấp vô sản toàn thế giới ủng hộ mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân Đông-dương, lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, chặn đứng bàn tay dẫm máu của bọn giết người. Theo đề nghị của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, Quốc tế cộng sản đã viết lời kêu gọi *Hãy cứu lấy những người cách mạng Đông-dương* trong đó có đoạn viết: « Bảo động! Nếu giai cấp công nhân quốc tế không kịp thời phản kháng quyết liệt để chặn tay bọn giết người lại, thì chúng sẽ hành hình các anh em cách mạng của chúng ta ở Đông-dương » (2), và kết luận: « Giai cấp công nhân quốc tế có nhiệm vụ ủng hộ những anh em mình ở Đông-dương đang đấu tranh để thoát khỏi ách thống trị của đế quốc Pháp và của giai cấp phong kiến trong nước và bằng những hành động kiên quyết, giúp đỡ họ mở cửa các nhà tù đế quốc để giành lại khỏi tay thần chết tất cả những người cách mạng bị kết án » (3).

Do có lời kêu gọi của Quốc tế cộng sản, những năm 1930 - 1931, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã hình thành một chiến dịch chống khủng bố trắng của đế quốc Pháp ở Đông-dương. Quốc tế cộng sản và các đảng anh em đã đánh giá cao cao trào cách mạng 1930 - 1931 và xô viết Nghệ-tĩnh ở nước ta.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã cổ vũ mạnh mẽ cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh. Đồng chí ca ngợi tinh thần đấu tranh anh dũng tuyệt vời của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong thời kỳ này. Đồng chí nhận định rằng, trong nước ta lúc ấy chưa có điều kiện khôi nghĩa giành chính quyền, đường lối chung của cách mạng Việt-nam trong những năm 1930 - 1931 là tập hợp, tổ chức, vận động nhân dân đấu tranh giành những quyền lợi hàng ngày, chứ không phải đề tiên hành một cuộc khôi nghĩa địa phương. Tuy vậy, khi Xô viết Nghệ-tĩnh được thành lập, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã cho đó là một sáng kiến vĩ đại của quần chúng. Ngày 19 tháng 2 năm 1931, đồng chí đã gửi lên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản một bản báo cáo đề là *Nghệ-tĩnh đỏ*, đánh giá cao truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất của nhân dân Nghệ-tĩnh: « Trong thời kỳ chinh phục của Pháp và trong phong trào cách mạng quốc gia (1905 - 1925), Nghệ-tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ-tĩnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của mình. Nghệ-tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu *Đỏ* » (4).

Cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh đã nâng cao uy tín của Đảng cộng sản Đông-dương; đồng đảo quần chúng bị áp bức căng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dân lao động thế giới cũng tỏ cảm tình với Đảng cộng sản Đông-dương và chính quyền xô viết. « Chính quyền xô viết ở miền Bắc Trung-kỳ kéo dài trong bốn tháng chính là một trang lịch sử vẻ vang trong lịch

(2), (3) Trích trong bài *Hãy cứu lấy những người cách mạng Đông-dương!* Đăng trong tạp chí *Thu tin quốc tế* (không ký tên) số 44, năm 1930, tr. 516, 517.

(4) Nguyễn-Ái-Quốc: *Nghệ-tĩnh đỏ*, 19-2-1931 (Tài liệu của Viện nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Viện Mác - Lê-nin).

sử phong trào cách mạng ở Đông-dương » (5).



Cao trào cách mạng 1930 - 1931 thực chất là cao trào cách mạng của công nhân và nông dân. Chính quyền xô viết là chính quyền của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân. Trong thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng ta, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã đặt nền tảng cho khối liên minh công nông. Trong cao trào cách mạng 1930-1931, khối liên minh kỳ diệu đó đã hình thành. « Về vàng thau ! Thực là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng xứ ta mà công nông bình bát tay nhau giữa trận tiền » (6). Với khí thế « xung thiên », công nông nước ta đã hòa chung những tiếng hét căm thù chống đế quốc và phong kiến tay sai, và đã hòa máu nhuộm thắm lá cờ đỏ búa liềm trong cao trào cách mạng 1930-1931.

Từ thực tiễn của phong trào công nhân và phong trào nông dân trong cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã có những ý kiến chỉ đạo kịp thời, cụ thể để tiếp tục xây dựng và củng cố khối liên minh công nông ngày càng vững chắc.

Về phong trào công nhân, rút kinh nghiệm cuộc bãi công ở nhà máy dệt Nam-dịnh, đồng chí chỉ rõ một số khuyết điểm của Đảng trong việc lãnh đạo phong trào công nhân. Đó là: Các tổ chức Đảng không hoàn toàn nhất trí. Cuộc bãi công không được chuẩn bị chu đáo và cũng không có tổ chức. Không giáo dục cho công nhân hiểu rõ mục đích cuộc bãi công cũng như phương pháp tổ chức đấu tranh về sau. Đảng viên không biết lãnh đạo và thiếu kiên quyết. Thời cơ bãi công chọn không đúng (sát ngày phát lương và ngay giữa vụ đói).

Trước khi bãi công, lại gửi thư cho bọn chức trách Pháp và chủ nhà máy, cho nên chúng biết trước và dễ dàng đàn áp cuộc bãi công. Cuộc đấu tranh kéo dài làm cho quần chúng mỏi mệt. Các đồng chí có trách nhiệm hành động quá lộ liễu, cho quần chúng biết kế hoạch đấu tranh sớm quá. Trước cuộc bãi công không bầu ủy ban đấu tranh; sau cuộc bãi công xem nhẹ việc giải thích cho công nhân hiểu rõ và rút được những kinh nghiệm bổ ích...

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc còn vạch rõ khuyết điểm hẹp hòi trong việc phát triển hội viên công hội. Đề uốn nắn lệch lạc đó, đồng chí đã giải thích rõ về tiêu chuẩn của hội viên công hội như sau: « ... Công nhân nào đã thấy rõ sự cần thiết phải có một tổ chức để bênh vực quyền lợi của mình cũng có thể vào công hội, mặc dầu người đó chưa có thể hiểu gì về các vấn đề khác. Công hội và đấu tranh sẽ giáo dục cho họ. Nếu có hội viên ít hoạt động hoặc tỏ ý dè dặt trong đấu tranh thì cũng không nên loại họ ra ngoài công hội. Tinh thần cách mạng là điều kiện duy nhất để một công hội có thể gia nhập Tổng công hội. Nhưng chúng ta cũng không vì thế mà kết luận rằng mỗi công nhân vào công hội đã là người cách mạng rồi. Có những công nhân đấu tranh chỉ vì quyền lợi trước mắt chứ chưa hiểu cách mạng là gì. Nhưng vì công hội là một tổ chức có đội tiên phong và có đường lối chính trị nên công hội là một tổ chức cách mạng » (7).

Về nhiệm vụ của công hội tham gia mặt trận phản đế, đồng chí Nguyễn-

(5) Nguyễn: *Kỷ niệm lần thứ tư ngày thành lập Đảng cộng sản Đông-dương* (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(6) Trích lời kêu gọi thợ thuyền, dân cày và binh lính của Trung ương Đảng tháng 6 năm 1930 (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng).

Ái-Quốc nói rõ: « Công hội phải tham gia Mặt trận phản đế như một hội viên tập thể. Có nhiều người tưởng tham gia mặt trận, công hội sẽ mất tính độc lập. Công hội vẫn độc lập và tiếp tục tiến hành những công việc của mình. Nếu công hội có gia nhập mặt trận thì chỉ để tham gia cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc mà thôi » (8).

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc còn căn dặn đại biểu các ban công vận phải họp lại nghiên cứu đề tiến hành có kết quả việc tổ chức công hội ở ngay địa phương mình (xứ, tỉnh, v.v.). Việc tổ chức các đại hội công nhân các cấp phải được chuẩn bị chu đáo. Vấn đề tổ chức đại hội phải bàn bạc kỹ trong mỗi tổ chức công hội. Mỗi công hội phải nghiên cứu kỹ tình hình công nhân để đề đạt trước những nguyện vọng chủ yếu. Báo chí cũng phải thảo luận về các đại hội của công nhân...

Về phong trào nông dân, rút kinh nghiệm các cuộc đấu tranh của nông dân tỉnh Thái-bình, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nêu rõ một số thiếu sót là: không tổ chức lực lượng dự bị để có thể tăng cường cho phong trào; không nói rõ cho quần chúng biết mục đích cuộc đấu tranh; để cho bọn tư sản và mặt tham trá trộn vào cuộc đấu tranh; quần chúng biết rõ tất cả những người lãnh đạo đấu tranh; không rút kinh nghiệm các cuộc đấu tranh của nông dân Nghệ-an. Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc còn nhận xét, phong trào đấu tranh của nông dân ở Bắc-kỳ chưa thu được kết quả tốt vì những lý do sau đây: Đảng chưa đủ lực lượng để lãnh đạo tốt phong trào đấu tranh của quần chúng; các tổ chức của Đảng chưa liên hệ thật mật thiết với nhau; thiếu sự liên hệ giữa Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ, xứ này không rút được kinh nghiệm của xứ khác.

Trong khi nghiên cứu phong trào nông dân Đông-dương, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã góp ý với Trung ương Đảng một vấn đề thuộc về chiến lược cách mạng: « Chưa đề cập đến vị trí quan trọng của cách mạng ruộng đất trong từng giai đoạn cách mạng. Mỗi quan hệ giữa vấn đề nông dân và ruộng đất với cách mạng đề ra chưa rõ lắm » (9). Đồng chí còn nói thêm: « Trong bản tuyên bố về vấn đề ruộng đất » có đoạn viết: « Giao ruộng đất lại cho trung nông và bán nông ». Cách viết, xếp trung nông trước bán nông như vậy có thể gây ra những sự hiểu lầm... » (10). Từ đó, đồng chí đã đề ra nhiều ý kiến chỉ đạo rất đúng đắn: Phải làm cho quần chúng nông dân nhận thức rõ tình cảnh của mình và thấy cần phải đấu tranh chống đế quốc, địa chủ và tư sản. Giáo dục quần chúng về ý nghĩa cuộc cách mạng ruộng đất, đồng thời cũng phải giải thích cho họ hiểu mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền. Giải thích cho quần chúng thấy cần thiết phải liên minh với giai cấp công nhân, cần phải được Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Phải tuyên truyền phản đối hội đồng cải lương, chống mọi cải cách, chống các nhóm và đảng phái có tính chất quốc gia. Tổng nông hội phải xuất bản một tờ báo và khuyến khích nông dân viết bài đăng báo. Phải tổ chức bán nông và trung nông vào nông hội. Trong thời kỳ đầu của phong trào cách mạng, có thể có những phú nông cùng đi với bán nông và trung nông, nhưng về sau họ sẽ chống lại cách mạng; cho nên ngay từ đầu không để họ tham gia nông hội và gạt bỏ ảnh hưởng của họ đối với bán nông

(7), (8) Nguyễn-Ái-Quốc: *Tín tức đấu tranh ở Trung-kỳ* (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(9), (10) Nguyễn-Ái-Quốc: *Phê bình những nghị quyết của Trung ương năm 1931* (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

và trung nông. Nông hội phải liên hệ chặt chẽ với công hội. Nông dân và công nhân chịu sự lãnh đạo tối cao về chính trị của Đảng, nhưng phải phân biệt Đảng với các tổ chức nông hội và công hội. Đảng tuyên truyền đường lối thông qua những cán bộ của mình. Khi tuyên truyền chính sách của Đảng, cán bộ phải dùng cách thuyết phục, chứ không được dùng mệnh lệnh, và phải ra sức làm cho quần chúng nông dân tin tưởng ở Đảng.

Rất quan tâm đến việc lãnh đạo nông dân đấu tranh, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nhắc nhở đảng viên phải căn cứ vào đường lối chung của Đảng mà lãnh đạo các cuộc đấu tranh của nông dân; phải kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, lợi dụng mọi cơ hội để phổ biến tư tưởng cách mạng ruộng đất và khuyến khích tổ chức đội tự vệ nông dân. Những yêu sách của nông dân: về chính trị, đòi tự do lập hội, tự do hội họp, tự do ngôn luận; phản đối khủng bố trắng, phản đối đưa nông dân đi làm phu đồn điền và sang các thuộc địa khác... Về kinh tế, đòi giảm sưu thuế, bỏ thuế thân, giảm tô ruộng đất, bỏ chế độ phát canh, bỏ chế độ lao dịch. Đòi với cổ nông; đòi tăng công xã, bớt giờ làm việc, đòi bảo hiểm xã hội, ngày nghỉ được trả công. Chuẩn bị đấu tranh trước hết phải tuyên truyền đề lôi cuốn được đa số quần chúng tham gia; khi có điều kiện phải tổ chức những cuộc đấu tranh lớn. Để chống sự đàn áp của địch, phải chuẩn bị thật chu đáo và lãnh đạo có kế hoạch mọi cuộc đấu tranh; phải phát triển và huấn luyện đội tự vệ nông dân. Cần làm cho nông dân nhận thức rõ lực lượng và vai trò của mình. Họ phải hiểu được rằng mỗi hành động cá nhân và mỗi xu hướng khủng bố đều trái với đường lối cách mạng của Đảng. Phải giải thích cho nông dân hiểu rằng chỉ có một lực lượng mạnh mẽ và có tổ chức mới có thể

đương đầu với sự khủng bố trắng của địch. Lãnh đạo nông dân có nghĩa là nghiên cứu kỹ tình hình địa phương để rồi phát động phong trào quần chúng. Mỗi cuộc đấu tranh đều nhằm mở rộng ảnh hưởng của Đảng và nông hội, và nhằm thu hút quần chúng vào nông hội...



Cũng từ thực tiễn của cao trào cách mạng 1930—1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc rất quan tâm đến việc chỉ đạo xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; bởi vì đó là nhân tố đặc biệt quan trọng bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.

Các cán bộ và đảng viên của Đảng được rèn luyện và thử thách trong cao trào cách mạng, nhưng chưa có điều kiện học tập một cách có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng. Vì thế, để nâng cao trình độ lý luận, chính trị và kinh nghiệm công tác cho các cán bộ, đảng viên, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đề nghị với Trung ương Đảng: thành lập một ban gồm 5 đồng chí phụ trách tuyên truyền và huấn luyện đảng viên; ra một tờ báo 4 trang xuất bản mỗi tuần hai kỳ, lấy tên là *Tiền phong*; tổ chức một trường huấn luyện, thời hạn học là 1 tháng, chương trình học như sau: danh từ chính trị, tình chất và mục đích của Đảng, chính cương chương trình của Đảng, tổ chức Đảng, chi bộ, phong trào công nông (dần dần có kinh nghiệm chương trình này có thể thay đổi). Mặt khác, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc còn đề nghị với Quốc tế cộng sản cho mở lớp huấn luyện đề bồi dưỡng và đào tạo cán bộ cho Đảng ta ở Hương-cảng (*). Để tăng cường tinh thần giải cấp công nhân của Đảng, cũng với việc chú trọng giáo

(*) Nơi đặt cơ quan làm việc của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc.

dục cán bộ, đảng viên, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc quan tâm đến việc phân công đảng viên hoạt động trong phong trào công nhân và khi phát triển Đảng phải chú ý đến thành phần công nhân.

Trong thư « Phê bình những nghị quyết của Trung ương » năm 1931, đồng chí nêu lên những ý kiến đúng đắn và sâu sắc : « ... Câu « Đảng là bộ tham mưu của công hội » nghĩa quá hẹp ; nên nói « Đảng là bộ Tổng tham mưu của giai cấp vô sản và của nhân dân lao động ».

Về vấn đề Nga xô, nên thêm « dưới sự lãnh đạo của Đảng bôn sê vích, vô sản Nga đã giành được chính quyền ».

Nói « sự ổn định kinh tế tạm thời » không đúng, phải nói như trong nghị quyết của Quốc tế cộng sản : « Sự ổn định bộ phận, bất bình và tạm thời ».

Phải giải thích rõ hơn nữa những mối quan hệ giữa cách mạng Đông-dương với cách mạng thế giới » (11).

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã phê bình Trung ương và các xứ ủy về lẽ lẽ làm việc bình thường, không thiết thực, không cụ thể, không sát với tình hình và công tác bí mật kém...

Về *phương pháp công tác*, đồng chí chỉ rõ : các xứ ủy phải gửi chỉ thị giải thích rõ ràng tại sao phạm khuyết điểm và định rõ phương pháp công tác từ nay về sau.

Các bí thư xứ ủy và tỉnh ủy không nên báo biện tất cả mọi công việc trong địa phương như trước đây. Mỗi cấp ủy phải quy định nhiệm vụ cho mỗi chi bộ, mỗi đảng viên. Có như vậy mỗi người mới có một trách nhiệm nhất định.

Chỉ thị gửi cho chi bộ phải dễ hiểu để các đồng chí có thể thảo luận và nghiên cứu thi hành ; phải chú ý kiểm tra công tác của các tổ chức Đảng cấp dưới.

Các ban chấp hành của các tổ chức Đảng phải có những đồng chí xung phong làm việc cho cấp ủy khi bị địch khủng bố hoặc có ai trong cấp ủy vắng mặt, các đồng chí đó sẵn sàng có thể thay thế.

Về *công tác trước mắt*, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc nhấn mạnh : phải giải thích cho đảng viên hiểu rõ những nghị quyết của Trung ương Đảng ; sửa chữa những khuyết điểm, đấu tranh chống những khuynh hướng sai lầm.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc cũng phê bình về cách khai hội của xứ ủy Trung-kỳ và xứ ủy Bắc-kỳ : « Trước khi khai hội, từ đảng viên đến các đồng chí phụ trách chưa nghiên cứu các vấn đề. Đến khi khai hội, mới đem ra bàn, thì chắc chắn thảo luận không kỹ. Thời giờ khai hội dài quá (xứ ủy Trung-kỳ 18 buổi, xứ ủy Bắc-kỳ 13 ngày...) tốn nhiều thì giờ, mà các vấn đề thì bàn không hết » (12).



Cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh tuy bị đế quốc Pháp dập tắt trong biển máu nhưng nó đã chứng tỏ tinh thần chiến đấu kiên cường và năng lực cách mạng dồi dào của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc. Quốc tế cộng sản và Ban chấp hành trung ương Đảng ta đánh giá rất cao công lao của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đối với phong trào cách mạng Đông-dương nói chung và phong trào cách mạng Việt-nam nói riêng trong thời kỳ ấy.

(11) Nguyễn-Ái-Quốc : *Phê bình những nghị quyết của trung ương năm 1931* (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(12) Trích thư của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết tháng 4-1931 gửi Ban chấp hành trung ương Đảng (Tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng trung ương Đảng).

MỘT CUỐN SÁCH QUÝ VỀ THANH NIÊN

TIỀN - HẢI

THANH niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (*) là một cuốn sách quý. Nó quý trước hết bởi đó là một tác phẩm mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc. Nó quý còn bởi đó là cả một tâm lòng triu mến, là sự quan tâm đặc biệt của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Đảng ta đối với thanh niên và phong trào thanh niên.

Với 150 trang, cuốn *Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa* đã đề cập và giải đáp nhiều vấn đề cơ bản về thanh niên và công tác đối với thanh niên. Từ việc khẳng định vai trò, vị trí của thanh niên trong cách mạng; đến việc chỉ ra những nhược điểm, khuyết điểm của thanh niên và phong trào thanh niên; vạch rõ phương hướng phấn đấu và rèn luyện của thanh niên; xác định rõ trách nhiệm của Đoàn thanh niên, của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đối với thanh niên và phong trào thanh niên... vấn đề nào cũng được trình bày một cách khoa học, ngắn gọn, sâu sắc, sinh động và cụ thể.



Nói tới thanh niên là nói tới một lực lượng xã hội đặc thù, có vai trò và vị trí rất quan trọng đối với cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, trong suốt hơn nửa thế kỷ qua, bốn thế hệ thanh niên Việt-nam đã nối tiếp nhau cùng với toàn dân lập nên biết bao kỳ tích: đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta, kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm, hoàn thành việc thống nhất nước nhà, sau đó lại đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Và, ngày nay đang cùng với nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, vai trò, vị trí của thế hệ trẻ chẳng những không hề giảm nhẹ đi, mà trái lại còn tăng lên gấp bội. Với số lượng hơn 11 triệu người,

(*) Tác phẩm của đồng chí Lê-Duẩn do Nhà xuất bản Sự thật, Hà-Nội, xuất bản năm 1982.

thanh niên có mặt khắp nơi và chiếm tỷ lệ rất cao trong các ngành kinh tế, kỹ thuật và quốc phòng: 65% trong công nghiệp nói chung (riêng trong các ngành công nghiệp hiện đại, tỷ lệ này lên đến 80%), 52% trong nông nghiệp, 60% trong đội ngũ cán bộ kỹ thuật trung cấp, 40% trong đội ngũ cán bộ kỹ thuật cao cấp, hơn 80% trong các lực lượng vũ trang.

Vấn đề thật đã rõ, nhưng cho đến nay vẫn còn không ít người rất coi thường thanh niên. Họ không thấy những mặt mạnh cơ bản của thanh niên, mà chỉ chú ý tới những nhược điểm và khuyết điểm của thanh niên, đề rồi đi đến kết luận, là thanh niên không đáng tin cậy, thanh niên thua kém xa lớp người lớn tuổi, v.v. Đồng chí Lê-Duẩn đã nghiêm khắc phê phán quan điểm lệch lạc đó. Đồng chí nói: "Hiện nay, nhiều người có ý nghĩ coi thường thanh niên, cho rằng thanh niên thua kém người lớn tuổi. Điều đó hoàn toàn không đúng. Theo quy luật tiến hóa của xã hội, thế hệ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn thế hệ trước" (★★) (tr. 126). Đồng chí Lê-Duẩn còn khẳng định: "Phải có lớp thanh niên đông đảo giàu lòng hăng hái, dám gánh vác trách nhiệm, không sợ khó khăn, nhạy cảm với cái mới và nhanh chóng tiếp thu cái mới thì sự nghiệp cách mạng mới được đẩy mạnh và tiếp tục tiến lên. Như vậy, thanh niên chẳng những là lực lượng xung kích mà còn đóng vai trò nòng cốt trong cách mạng nữa" (tr. 25). Và, "thanh niên có mạnh, dân tộc mới mạnh" (tr. 89).

Từ việc xác định đúng đắn vai trò, vị trí to lớn của thanh niên trong cách mạng, đồng chí Lê-Duẩn đánh giá rất cao những cống hiến và sự trưởng thành vượt bậc của thế hệ trẻ nước ta. Đó là thế hệ đã luôn luôn «biên hiện lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, với nhân dân, với Đảng, luôn luôn đi đầu trên mọi

trận tuyến cách mạng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, lập nên biết bao kỳ tích anh hùng, góp phần hết sức lớn lao vào những thắng lợi vĩ đại của dân tộc" (tr. 130).

Chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng, được chế độ mới tận tình chăm sóc, thế hệ trẻ đã tỏ rõ phẩm chất cách mạng tốt đẹp và năng lực sáng tạo dồi dào. Biết bao thanh niên đã trở thành những người con ưu tú của đất nước, làm nên những chiến công lừng lẫy và thành tích vẻ vang trên nhiều lĩnh vực, nêu cao bản lĩnh dũng cảm, thông minh của dân tộc, làm rạng rỡ non sông. Tở quốc Việt-nam.

Kể tục những chiến sĩ tiêu biểu cho lớp thanh niên trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ như Lý-Tự-Trọng, Nguyễn-Hoàng-Tôn, Trần-Văn-Ơn, Võ-Thị-Sáu, Cù-Chính-Lan, Mạc-Thị-Bưởi, Nguyễn-Văn-Trỗi, Lê-Thị-Hồng-Gấm, Trần-Thị-Tâm, Quách-Thị-Trang, Hồ-Thị-Kỷ..., ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lại có thêm những tấm gương sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng như Lê-Dinh-Chính, Nguyễn-Bá-Lại, Hoàng-Thị-Hồng-Chiêm, Đinh-Trọng-Lịch, Lê-Thê-Bùi... cùng hàng vạn cá nhân xuất sắc và tập thể thanh niên kiểu mẫu trong công nhân, nông dân, quân đội, học sinh, thầy giáo, những người làm công tác khoa học, kỹ thuật và văn hóa nghệ thuật.

Chính vì thế, với tất cả niềm tin sâu sắc và tấm lòng triu mến, đồng chí Lê-Duẩn đã khẳng định: "Đảng ta và nhân dân ta rất tự hào về thế hệ trẻ yêu quý của mình. Trung ương Đảng đánh giá cao những cống hiến lớn lao và trưởng thành vượt bậc của thế hệ trẻ nước ta, của Đoàn thanh

(★★) Những đoạn trong ngoặc kép có ghi số trang đều trích trong tác phẩm *Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*.

niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, và tin tưởng rằng thanh niên ngày nay sẽ luôn luôn phát huy bản chất cách mạng, không ngừng phấn đấu nâng mình lên ngang tầm của nhiệm vụ lịch sử, kể tục một cách xuất sắc truyền thống và sự nghiệp vẻ vang của Đảng, mãi mãi xứng đáng là con cháu của dân tộc Việt-nam anh hùng, của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại » (tr. 131).

Cùng với việc đánh giá cao vai trò, vị trí to lớn, những cống hiến và sự trưởng thành của thanh niên trong cách mạng, đồng chí Lê-Duẩn cũng chỉ rõ những khuyết điểm, nhược điểm của thanh niên và phong trào thanh niên. Đồng chí nói: « Mặc dù đã đạt được nhiều thành tích, phong trào thanh niên chúng ta hiện nay vẫn còn nhiều khuyết điểm và khó khăn. Nhìn chung phong trào chưa được thật đều và mạnh. Chúng ta cần kịp thời tổng kết kinh nghiệm, tìm ra thiếu sót, vạch rõ nguyên nhân để sửa chữa và đẩy mạnh phong trào tiến lên hơn nữa.

Nguyên nhân làm cho phong trào thanh niên chưa được đều và mạnh, có thể có nhiều. Nhưng vấn đề cần bản nhất là, tinh thần cách mạng của một số khá lớn đoàn viên và thanh niên chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng nặng nề hiện nay » (tr. 6).

Tinh thần cách mạng ở một số đoàn viên và thanh niên đang bị giảm sút. Đó là một thực tế. Và, đó chính là vấn đề mà đồng chí Lê-Duẩn rất quan tâm. Trong điều kiện chiến tranh gian khổ và khắc nghiệt trước đây, rất nhiều thanh niên đã hy sinh tất cả, ăn thiếu, mặc rách, không hề phân nan, đòi hỏi, « nhưng trong hoàn cảnh hòa bình hiện nay, ngay trong những người anh hùng ấy, cũng có người bằng khuâng về lương bạc, hưởng thụ, địa vị, tiền đồ, mà không thật an tâm công tác, Đảng lẽ đi vào cách

mạng xã hội chủ nghĩa tinh thần cách mạng của họ phải cao hơn trước, thì thực tế có người lại giảm sút ý chí đấu tranh » (tr. 9). « Trong đoàn quân băng hải tiến lên hàng đầu theo lời kêu gọi của Tổ quốc vĩ đại của chúng ta, vẫn còn có những bước đi chệnh choạc, có người chân bước đi mà lòng còn vương mắc, thậm chí có kẻ nửa đường bỏ cuộc vì sức quyến rũ của những tính toán cá nhân » (tr. 65). Và, đồng chí không hải lòng trước tình trạng « có một số thanh niên, khi hội họp, bàn bạc công việc lớn lao của Nhà nước, lại cảm thấy như là bị bắt buộc, trong sinh hoạt và công tác hằng ngày thì tỏ ra mệt mỏi, thiếu hứng thú » (tr. 11).

Ngoài ra, đứng trước những khó khăn về kinh tế và đời sống hiện nay, « bên cạnh số đông thanh niên và các tầng lớp nhân dân nhận thức đúng và hành động đúng, có một bộ phận nhìn nhận tình hình một cách lệch lạc, sinh ra dao động, bi quan, giảm sút lòng tin, giảm sút ý chí phấn đấu, một số ít chông chênh, nghi ngại ngả trước những đòn chiến tranh tâm lý của địch » (tr. 131).

Để thanh niên có thể hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình trong giai đoạn mới, luôn luôn xứng đáng là đội quân xung kích của cách mạng và của dân tộc, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ ra những việc phải làm một cách rất cơ bản và thiết thực:

Trước hết, đối với bản thân thanh niên, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « vấn đề quan trọng nhất đối với thanh niên chúng ta hiện nay là trau dồi tinh thần cách mạng » (tr. 10). « Tuổi thanh niên là tuổi dễ cống hiến. Nếu chúng ta nghĩ nhiều đến hưởng thụ, đặt hưởng thụ cá nhân cao hơn tinh thần phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc thì tức là chúng ta đã hạ thấp phẩm chất của người thanh niên cách mạng, đã sống hoài, sống ửng những ngày đẹp nhất của đời mình. Thanh

niên hãy lấy sự hy sinh phấn đấu cho cách mạng làm hạnh phúc cao cả nhất của đời mình, đừng để cho tình cảm cách mạng nguội lạnh vì những tình toán được mất cho cá nhân. Người nào chỉ nghĩ đến lợi ích vật chất, chỉ nghĩ đến lợi ích của riêng mình thì dù cho họ có ở lâu son gác tía, ăn mâm cao cỗ đầy họ cũng vẫn chỉ là một kẻ nghèo nàn, vì đầu óc họ trống rỗng, quả tim họ không đập cùng một nhịp với cách mạng » (tr. 83 - 84). Nâng cao tinh thần phấn đấu cách mạng là yêu cầu rất quan trọng đối với tất cả mọi người yêu nước. Nó càng đặc biệt quan trọng đối với thanh niên, bởi vì, « nếu không, thanh niên sẽ không làm tròn nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của mình trong giai đoạn mới » (tr. 10). Có tinh thần cách mạng cao thì không có khó khăn gì mà không vượt qua, không có việc gì mà không làm nổi.

Để có được một tinh thần cách mạng như thế hoàn toàn không phải là vấn đề đơn giản. Muốn có nó, mỗi đoàn viên và thanh niên phải: « Thường xuyên tu dưỡng, luôn luôn thực hiện tự phê bình và phê bình, vì tự phê bình và phê bình là quy luật của sự tiến bộ, là vũ khí tốt để rèn luyện tư tưởng » (tr. 76 - 77). « Phải hiểu rõ những điều cơ bản về chủ nghĩa cộng sản... phải học tập, kiên nhẫn học, học trong sách vở, báo chí chưa đủ, mà phải học trong thực tế đấu tranh cách mạng, trong lao động, trong sản xuất, trong việc gần gũi cuộc sống của công nông » (tr. 77). Phải khắc phục tư tưởng tiểu tư sản và chủ nghĩa cá nhân, bởi vì, « nếu không khắc phục tư tưởng tiểu tư sản thì nó sẽ làm nhụt ý chí cách mạng, làm lỏng lẻo đội ngũ chiến đấu, làm lu mờ đạo đức xã hội chủ nghĩa của thế hệ thanh niên cách mạng chúng ta » (tr. 76).

Cùng với việc rèn luyện lập trường giai cấp công nhân, nâng cao tinh thần

cách mạng, đồng chí Lê-Duẩn đòi hỏi thanh niên phải không ngừng phấn đấu đề nâng cao tri thức cách mạng. Đồng chí nói: « Làm cách mạng không chỉ đòi hỏi phải có tình cảm cách mạng mà còn đòi hỏi phải có hiểu biết về cách mạng, phải có tri thức cách mạng. Chỉ có tình cảm cách mạng mà thôi thì chưa đủ. Phải biết kết hợp nhiệt tình cách mạng sôi nổi, hăng hái với việc hiểu biết sự vật một cách khoa học, chính xác. Làm cách mạng là làm chủ sự vật, chỉ huy sự vật, buộc nó phải phát triển theo dự kiến của mình và phục vụ cho lợi ích của quần chúng nhân dân.

Tri thức cách mạng giúp chúng ta thấy rõ được mục tiêu chiến đấu, phương hướng hoạt động. Nếu chỉ hăng say mà đi không đúng đường thì sẽ bị rơi xuống hố, có khi gây tổn thất lớn cho cách mạng.

Tri thức cách mạng còn giúp cho tình cảm cách mạng được củng cố đầy đủ. Chỉ có tình cảm mà không thấy rõ mục tiêu chiến đấu, hoạt động cách mạng không kết quả thì tình cảm cách mạng không những không nâng lên mà có thể bị giảm sút » (tr. 13 - 14).

Để nâng cao được tri thức cách mạng, thanh niên không có con đường nào khác là phải ra sức học tập: học chủ nghĩa Mác - Lênin, học đường lối, chính sách của Đảng, học văn hóa và đặc biệt là học đề nắm vững khoa học, kỹ thuật. Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « Việc học tập đề nắm vững khoa học, kỹ thuật là một nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách của thanh niên; bởi vì nếu không chiếm lĩnh được trận địa khoa học, kỹ thuật thì không thể nói tới xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, một nền nông nghiệp hiện đại được. Đây là một nhiệm vụ nặng nề. Sản xuất ra của cải vật chất đòi hỏi phải lao động gian khổ; học tập để hiểu biết khoa học, kỹ thuật cũng không kém phần khó khăn. Phải siêng năng, cần mẫn,

quyết chí, bền gan, phải chịu gian khổ, khó khăn để học tập cho kỹ được. Có như thế thanh niên mới có điều kiện làm tròn nhiệm vụ đối với nước nhà (tr. 32). Đồng chí còn giao nhiệm vụ cho thanh niên « phải gánh vác trách nhiệm quan trọng và vẻ vang là nhanh chóng đi vào khoa học, kỹ thuật, để trong một thời gian tương đối ngắn, nắm được tri thức khoa học, kỹ thuật trong tất cả các ngành » (tr. 59).

Thanh niên là lớp người mới, vì vậy thanh niên phải đi đầu trong việc xây dựng và thực hiện một lối sống mới — lối sống có văn hóa, lối sống xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là yêu cầu của đồng chí Lê-Duẩn đối với thanh niên. « Thanh niên phải xây dựng cho mình ý thức và thói quen tôn trọng và thực hiện đúng pháp luật, xây dựng phong cách sống trong pháp luật và có kỷ luật » (tr. 118). « Hơn ai hết, thanh niên phải bảo vệ chính quyền Nhà nước, phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân như nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ học tập » (tr. 119). « Đối với nhân dân, thanh niên phải luôn luôn tỏ lòng thương yêu, kính trọng. Tình cảm ấy, ý thức ấy phải biểu hiện trong nếp sống, trong sự tiếp xúc hằng ngày với nhân dân » (tr. 122). « Trong quan hệ bè bạn, phải lấy tình thân ái đoàn kết thật sự để đối xử với nhau. Phải thật thà, thẳng thắn, cởi mở; không mảnh khảnh, lừa dối, đố kỵ nhau. Phải có sự thông cảm và thương mến lẫn nhau, chia sẻ niềm vui và lo lắng của nhau, giúp đỡ nhau để không ngừng tiến bộ » (tr. 124). « Thanh niên cần có quan điểm đúng đắn về tình yêu; trước hết, không nên đặt vấn đề yêu đương quá sớm, khi chưa có cuộc sống tự lập. Tình yêu thật sự bền vững, đẹp đẻ không phải là những tình cảm lãng mạn, bông bột, nhất thời, mà phải dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau, coi trọng tính tình và ý kiến của nhau, trên sự gần gũi với

nhau về lý tưởng để luôn luôn giúp đỡ nhau tiến bộ suốt đời và cô vũ nhau làm tròn nghĩa vụ đối với xã hội » (tr. 121). « Trong quan hệ với thiếu nhi, đoàn viên và thanh niên là người phụ trách... phải xứng đáng là những người dân anh hùng lòng chăm sóc, giáo dục, dìu dắt và bảo vệ các em. Trẻ em bao giờ cũng nhìn vào thanh niên, những người cao hơn mình một chút để học tập, để bắt chước. Thanh niên như thế nào thì các em như thế ấy. Bởi vậy, đoàn viên và thanh niên phải làm gương tốt cho thiếu niên, nhi đồng noi theo » (tr. 125).

Để thanh niên có thể hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình đối với cách mạng và dân tộc, đương nhiên bản thân thanh niên phải nỗ lực phấn đấu và rèn luyện. Song, như thế chưa đủ. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước, đồng chí Lê-Duẩn *yêu cầu các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và toàn xã hội phải có sự quan tâm đầy đủ đối với thanh niên và phong trào thanh niên*. Đồng chí nhận xét: « ngay từ lúc mới ra đời, Đảng ta đã rất coi trọng việc giáo dục thanh niên. Trong thời gian vừa qua, chúng ta đã làm tốt việc đó nhưng chưa đủ và chưa sâu sắc » (tr. 11f). Và, « có nơi, có lúc, sự quan tâm của các cấp bộ Đảng đối với công tác Đoàn chưa đầy đủ. Thiếu sót ấy cần được sửa chữa » (tr. 22).

Riêng đối với Đoàn thanh niên là tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp làm công tác vận động và giáo dục thanh niên cần phải nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, phải xây dựng, củng cố tổ chức của mình từ trung ương đến địa phương và cơ sở thật vững mạnh. Bởi vì, « tổ chức Đoàn có được củng cố vững mạnh thì mới bảo đảm làm cánh tay đắc lực của Đảng, mới đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Phong trào thanh niên là phong trào cách mạng của quần chúng, mà

quần chúng thanh niên thì ở ngay tại xã, xí nghiệp, cơ quan, trường học, đơn vị quân đội, v.v Người trực tiếp lãnh đạo quần chúng thanh niên, trước hết là tổ chức cơ sở của Đoàn tức là các chi đoàn. Muốn lãnh đạo được phong trào cách mạng của quần chúng thanh niên, trước hết phải củng cố chi đoàn, làm cho chi đoàn trở thành người đại biểu xứng đáng cho Trung ương Đoàn ngay tại mỗi địa phương, đơn vị đồng thời đại biểu được cho ý chí, nguyện vọng của quần chúng thanh niên ở cơ sở » (tr. 20). Về sự lãnh đạo của Trung ương Đoàn thì « điều quan trọng nhất là nắm sát được cơ sở, nắm sát được

phong trào cách mạng của quần chúng thanh niên, phát hiện kịp thời những kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, tổng kết, phổ biến và phát huy những kinh nghiệm đó để đẩy mạnh phong trào thanh niên tiến lên » (tr. 21).



Cùng với những tác phẩm đã xuất bản trước đây của đồng chí Lê-Đuẩn về thanh niên, cuốn *Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa* xuất bản lần này đã làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thật sự trở thành ánh sáng soi đường cho phong trào thanh niên nước ta.

Nghệ thuật đâu phải là hàng hóa ?

(Tiếp theo trang 54)

Thì lời sẽ sáng tác những bài ca để sống ».

Mác đã bảo: « Lời đe dọa này là một sự thủ nhận mỉa mai rằng nhà thơ sẽ chẳng còn là nhà thơ nữa » (2). Mác nói: « Dĩ nhiên là nhà văn phải kiếm tiền để có thể sống và viết, nhưng dù sao, nhà văn cũng không nên sống và viết để kiếm tiền » (3). Ngày nay, chúng ta đã dày công xây dựng được một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa mang bản sắc dân tộc khá phong phú, tác động khá sâu sắc vào đời sống tinh thần và tình cảm của nhân dân. Đó là một nền văn nghệ mới, cao đẹp ở đối tượng miêu tả và đối tượng phục vụ của nó, ở phương pháp thể

hiện và phong cách của nó, ở đội ngũ nghệ sĩ—chiến sĩ của nó bao gồm nhiều thế hệ và ngày càng lớn mạnh, ở những chủ đề tư tưởng và tình cảm lớn của nó gắn bó với đất nước, con người và sự nghiệp cách mạng Việt-nam—tóm lại là ở lý tưởng xã hội và lý tưởng thẩm mỹ cao quý của nó đang được thực hiện từng bước có hiệu quả ở Việt-nam. Không có lý gì chúng ta lại đề cho xu hướng nghệ thuật thương mại làm ô nhiễm nền văn nghệ ấy của chúng ta.

(2), (3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Về vấn đề học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1958, tr. 120.

Cuộc tiến công khải trương và rộng lớn cho hòa bình

THÀNH - TÍN

Đội ngũ rộng lớn của các chiến sĩ đấu tranh để bảo vệ hòa bình thế giới đã bước vào những cuộc chiến đấu mới của năm 1983.

Trong tháng 3 vừa qua, hơn 46 vạn chiến sĩ hòa bình ở Cộng hòa liên bang Đức đã thực hiện những cuộc « bao vây » các căn cứ Mỹ, các xí nghiệp sản xuất vũ khí hiện đại, các vị trí được chuẩn bị để tiếp nhận những tên lửa Pơ-sinh 2 và Cru-đơ của Mỹ... Hơn 20 vạn chiến sĩ hòa bình Anh đã nắm tay nhau « bao vây » các căn cứ không quân Mỹ Gra-ham Com-moir, « bao vây » nhà máy sản xuất đầu đạn hạt nhân Béc-phin, trung tâm nghiên cứu hạt nhân On-to-ma-xtôn và căn cứ tàu ngầm trên sông Clai-đơ. Trên khắp đất nước Nhật-bản đang diễn ra sôi nổi việc thu thập hàng chục triệu chữ ký đấu tranh cho hòa bình. Ở Hy-lạp một cuộc mít tinh khổng lồ của hơn 10 vạn chiến sĩ hòa bình nổ ra giữa thủ đô A-ten đòi triệt phá các căn cứ quân sự Mỹ trên đất nước này.

Tất cả chỉ là bước đầu. Cuộc đấu tranh cho hòa bình trong năm 1983 sẽ là một cuộc biểu dương lực lượng rộng lớn, sôi nổi nhất, kiên quyết nhất, với quy mô toàn thế giới, nhằm ngăn chặn bàn tay tội ác của những

thế lực hiếu chiến nhất, bảo vệ cuộc sống hòa bình trên hành tinh này.

Không một ai có thể ngủ yên.

Bất cứ ai theo dõi tình hình thế giới hiện nay cũng không thể ngủ ngon giấc - Có một nguy cơ thật sự đang đe dọa lên cuộc sống của hơn 4 tỷ nhân dân trên hành tinh này. Đó là nguy cơ nổ ra một cuộc chiến tranh hạt nhân; một cuộc chiến tranh hạt nhân dù nhỏ cũng theo hướng tất yếu leo thang thành một cuộc chiến tranh hủy diệt quy mô toàn thế giới.

Trên thế giới hiện nay có gần 5 vạn đầu đạn hạt nhân với hơn 1 vạn phương tiện phóng đi gồm tên lửa tầm trung bình và tầm xa, cùng máy bay chiến lược... Theo sự tính toán của các chuyên gia vũ khí, nếu quy toàn bộ số bom đạn thông thường và hạt nhân tích lũy trên trái đất hiện nay, sang sức mạnh của chất nổ thông thường TNT thì mỗi đầu người có đến hơn 4 tấn thuốc nổ! Các chuyên gia vũ khí Mỹ, Anh cũng như Liên-xô, Tiệp-khắc tình rằng nếu đem sử dụng toàn bộ số bom đạn đó trong một cuộc xung đột toàn cầu thì chẳng những sẽ tiêu diệt một cách kinh khủng phần lớn sự sống trên hành tinh này, mà còn gây hậu quả khủng khiếp cho mọi sinh vật còn sống sót

với môi trường nhiễm xạ tràn lan cả trên không, trên biển, trên đất liền.

Vũ khí giết người hàng loạt đã có quá nhiều trên trái đất rồi. Vậy mà các giới cầm quyền để quốc vẫn tận lực lao vào cuộc chạy đua vũ trang với quy mô rộng lớn hơn trước. Chính quyền Ri-gan dự định trong 5 năm tới sẽ chi cho ngân sách quốc phòng Mỹ 1800 tỷ đôla, nghĩa là gấp đôi 5 năm trước. Mỹ và các nước đế quốc khác vẫn không chịu thương lượng nghiêm chỉnh để đi đến thỏa thuận đình chỉ mọi cuộc thử vũ khí hạt nhân, đình chỉ sản xuất thêm vũ khí hạt nhân cả về thể loại và số lượng, sau đó phá hủy bớt rồi đi đến triệt bỏ toàn bộ vũ khí hạt nhân để cho cuộc sống trên hành tinh này được yên ổn hơn, như Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã nhiều lần đề nghị.

Những người sống trên trái đất này không thể ngủ ngon khi mà các nhà cầm quyền cùng với các nhà chiến lược Mỹ và phương Tây nói đến khả năng nổ ra một cuộc "chiến tranh hạn chế", một cuộc "chiến tranh hạt nhân chiến trường", và cả một cuộc "chiến tranh hạt nhân tổng lực" và dự định giành phần thắng trong những cuộc chiến tranh ấy! Họ nói đến những cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt hàng trăm triệu, hàng nghìn triệu con người với thái độ thần nhiên, lạnh lùng và vô trách nhiệm của những kẻ đã quá quen gây tội ác.

Ngay bây giờ hay là sẽ quá muộn mất rồi!

An ninh của cuộc sống hòa bình trên hành tinh này đang bị đe dọa nghiêm trọng. Trong cuộc đấu tranh kiên trì, bền bỉ, lâu dài để giữ vững hòa bình thế giới, năm 1983 này chiếm một vị trí quan trọng đặc biệt.

Năm 1983, nhân dân thế giới, trong đó có cả nhân dân Mỹ, cất lên tiếng nói danh thép, đồng loạt và dứt khoát chống lại cuộc chạy đua vũ trang quy mô lớn mà các thế lực hiếu

chiến ở Oa-sinh-tơn và Tây Âu đang ngoan cố rắp tâm lao vào nhằm phá vỡ thế cân bằng về lực lượng quân sự Đông - Tây hiện nay, với những hậu quả nghiêm trọng chưa lường hết được đối với cả loài người.

Năm 1983, nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân Tây Âu và Mỹ, cất lên tiếng nói danh thép, đồng loạt và dứt khoát chống lại ý đồ của Mỹ từ tháng 12-1983 bắt đầu đặt 572 tên lửa tầm trung bình ở các nước châu Âu, làm cho nguy cơ chiến tranh hạt nhân ở lục địa này tăng vọt lên, với những hậu quả rất nghiêm trọng đối với an ninh và hòa bình thế giới.

Năm 1983, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới cất lên tiếng nói danh thép, đồng loạt và dứt khoát chống lại một loạt mưu đồ chiến lược của tên đế quốc đầu sỏ Hoa-kỳ: sử dụng khoảng không vũ trụ nhằm những mục tiêu chiến tranh; đẩy mạnh sản xuất hàng loạt bom nơ tơ rôn, một loại bom hủy diệt cuộc sống triệt để mà hầu như không có cảnh đồ nát, được Mỹ trâng tráo gọi là "bom sạch"; đưa lực lượng quân sự Mỹ và bọn lính đánh thuê cho Mỹ can thiệp hoặc sẵn sàng can thiệp vào Trung Đông, vào Trung Mỹ và vùng biển Ca-ri-bê, vào Nam Phi; triển khai một cách điên cuồng cái chiến lược đẩy nguy hiểm của tổng thống Mỹ Ri-gan: chiến lược đối đầu trực tiếp ở mọi khu vực của thế giới.

Không thể do dự, chần chừ được nữa! Nếu không ngăn chặn kịp thời, để cho vũ khí hạt nhân phát triển bừa bãi, để cho các thế lực cực đoan hiếu chiến như bọn xi ô nít I-xra-en và chính quyền phân biệt chủng tộc Nam Phi có bom hạt nhân thì tình hình sẽ khó mà kiểm soát nổi.

Trong năm 1983 này, tinh thần trách nhiệm, ý chí đấu tranh của hàng trăm triệu người trên trái đất được phát huy đến mức cao nhất sẽ có khả năng tạo nên một tình thế

mới, một bước ngoặt mới, buộc các thế lực hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc cuối cùng phải chùn bước, đi đến mở ra một cục diện hòa hoãn mới, tạo nên một xu thế ngày càng có lợi cho các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới.

Cuộc đấu tranh đề bảo vệ hòa bình thế giới đang ở vào thời điểm hết sức gay go và nghiêm trọng. Các chiến sĩ hòa bình đang có cách nhìn tỉnh táo và chủ động. Không thể đề cho những kẻ hoạch tội ác do Oa-sinh-ton đề xướng được thực hiện rồi mới vùng dậy đấu tranh. Lúc ấy sẽ là quá muộn! Cần hành động ngay từ bây giờ. Hành động khẩn trương và kiên quyết, kiên trì và chủ động, với một niềm tin có cơ sở rằng nhất định các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới sẽ đạt được mục tiêu cao quý của mình.

Đội quân hùng hậu đầy khí thế.

Đội quân đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay hùng hậu hơn bao giờ hết. Quân chúng nhân dân các lực địa đã và đang thức tỉnh mạnh mẽ. Phong trào giải phóng dân tộc, chống mọi thế lực thực dân cũ và thực dân mới, mạnh hơn bao giờ hết. Năm 1982, hàng chục triệu công nhân, nông dân, trí thức ở Mỹ, Ca-na-đa, Nhật-bản, Anh, Pháp, Cộng hòa liên bang Đức, Ý... xuống đường đấu tranh cho hòa bình, đạt đến những kỷ lục mới. Năm 1983 này, chắc chắn cuộc đấu tranh còn mạnh mẽ hơn, lời cuốn động đảo các tầng lớp nhân dân hơn nữa.

Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, với biết bao biện pháp đấu tranh day sáng tạo. Từ những cuộc trao đổi, nói chuyện tay đôi, những cuộc hội thảo từng địa phương, từng ngành, từng giới, đến những cuộc hội nghị quốc tế lớn; từ việc xuất bản những cuốn sách, những bài báo trình bày có hệ thống từng vấn đề

lớn mà cả loài người đang quan tâm đến việc tổ chức những cuộc triển lãm tranh cổ động, phổ biến những bài hát, điệu múa, những cuốn phim tài liệu; từ việc lấy chữ ký rộng rãi đến những cuộc biểu tình mit tinh lớn biểu thị ý chí và quyết tâm đấu tranh cho hòa bình; từ việc tổ chức những cuộc đi bộ, đi xe đạp có hàng trăm hàng nghìn, hàng chục nghìn người tham gia đến những cuộc thả chim hòa bình, thả khinh khí cầu mang khẩu hiệu và biểu ngữ lớn; từ những cuộc dạo thuyền đông đảo với biểu tượng hòa bình lớn in trên hàng nghìn cánh buồm đến những cuộc "bao vây" các căn cứ tên lửa, căn cứ tàu ngầm hạt nhân của các thế lực hiếu chiến, với những đạo quân hòa bình gồm học sinh, sinh viên, các kỹ sư, nhà giáo, các bà nội trợ, các bà mẹ bé con hoặc đầy hàng trăm xe nôi...

Năm 1983 này, phong trào hòa bình đang vẫy gọi mọi người thuộc mọi ngành hoạt động, mọi giới tham gia hàng ngũ của mình. Hơn bao giờ hết mọi người trên trái đất hãy đứng dậy làm chủ cuộc sống của mình khi cuộc sống ấy đang bị đe dọa thất sự. Các bác sĩ đang cứu sống người bệnh dễ mổ xẻ, hoặc chăm sóc cho họ qua cơn bệnh hiểm nghèo; biết bao công sức phải bỏ ra để cứu sống một mạng người! Vậy thì có một nhân viên y tế nào có lương tâm trên thế giới này lại không cảm phần chống lại bọn trùm gây chiến luôn làm le bầm nút đề gây nên cái chết chớ hàng chục triệu, hàng trăm triệu sinh mạng trong một cuộc xung đột hạt nhân!

Bọn trùm sở để quốc rất coi thường cuộc đấu tranh của nhân dân. Thế nhưng chúng không thể không run sợ trước cuộc đấu tranh quyết liệt của hàng trăm triệu con người được triển khai đồng thời trên khắp các lực địa. với đủ mọi hình thức phong phú, với khí thế mạnh mẽ và tinh thần bền bỉ, cho kỳ đạt được mục tiêu đã định

Cuộc đấu tranh cho hòa bình hiện nay là cuộc đấu tranh vĩ đại chưa từng có trong lịch sử, bao gồm những lực lượng cơ bản của xã hội loài người: công nhân, nông dân, trí thức... liên minh với các tầng lớp và giai cấp khác mong muốn giữ vững hòa bình trên trái đất. Đội ngũ ấy gồm những người thuộc đủ các giới, các lứa tuổi, các ngành nghề, các tôn giáo, có màu da và tiếng nói khác nhau.

Đi đầu trong cuộc đấu tranh vĩ đại này là những người cộng sản, là những đảng mác-xít — là nền tảng chính, là hoài bão là giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột và khỏi chiến tranh xâm lược. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, với Liên-xô là trụ cột, là thành trì của hòa bình trên thế giới. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội gắn liền với hòa bình, với tình hữu nghị giữa các dân tộc. Sức mạnh quân sự hùng hậu của Liên-xô cùng với sức mạnh quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa anh em không ngừng được tăng cường đã có đủ sức đề răn đe những cái đầu hiếu chiến nóng bỏng nhất của chủ nghĩa đế quốc; đó là lực lượng đáng tin cậy đề bảo vệ công cuộc lao động sáng tạo của nhân dân toàn thế giới, chống lại có hiệu quả những thế lực hung hãn, phiêu lưu trong thời đại ngày nay.

Bộ máy chiến tranh tâm lý của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng bá quyền chuyên lừa bịp dư luận, xếp ngang hàng Liên-xô với Mỹ, xếp ngang hàng các nước xã hội chủ nghĩa với các nước đế quốc; chúng rêu rao rằng hiểm họa chiến tranh là do sự « đe dọa của Liên-xô », là do « tham vọng của chủ nghĩa cộng sản »; chúng đánh lạc hướng dư luận rằng phải đấu tranh chống lại cả Liên-xô và Mỹ là hai nước có lực lượng hạt nhân phát triển nhất, đồng thời vu khống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cản trở các

cuộc đàm phán về giảm vũ khí chiến lược, về chấm dứt chạy đua vũ trang...

Dư luận rộng rãi trên thế giới đánh giá rất cao những sáng kiến hòa bình của Liên-xô. Ở Liên hợp quốc Chính phủ Liên-xô đã long trọng cam kết không sử dụng vũ khí hạt nhân trước, và yêu cầu phía Mỹ và đồng minh của Mỹ cũng làm như vậy. Thế nhưng chính phủ Mỹ đã khước từ yêu cầu ấy. Điều đó nói rõ ai thật sự mong muốn hòa bình, ai cố tình đeo đuổi âm mưu gây chiến.

Tinh táo, đoàn kết và sáng tạo.

Tất cả những chiến sĩ hòa bình trên trái đất đang lao vào một cuộc tiến công rộng lớn nhằm bảo vệ cuộc sống tươi đẹp trên hành tinh này. Công tác tư tưởng trong phong trào quy mô toàn thế giới này trở nên rất hệ trọng.

Không thể nghĩ đơn giản rằng các lực lượng hòa bình đã mạnh hơn các thế lực hiếu chiến thì có thể loại lỏng cuộc đấu tranh. Giới cầm quyền đế quốc, quân phiệt và những công ty sản xuất vũ khí, nhất là vũ khí chiến lược, là số ít nhưng chúng nắm trong tay những bộ máy chiến tranh khổng lồ. Lòng tham lợi nhuận và đã tâm chinh phục thế giới của chúng là không có giới hạn. Do đó chúng ta không thể chần chờ nào loại lỏng cảnh giác. Trong điều kiện hiện nay, cảnh giác bao nhiêu cũng không thừa, khi mà chiến tranh hạt nhân có thể nổ ra do những tính toán sai lầm, mù quáng của bọn trùm sỏ đế quốc, đồng thời chiến tranh hạt nhân cũng có thể nổ ra do những trục trặc kỹ thuật, do báo động nhầm, do thông tin sai lạc... Chiến tranh hạt nhân được thực hiện theo kiểu bấm nút hàng loạt, với những máy tính điện tử cực nhanh, khi nổ ra sẽ lập tức trở thành cơn ngựa bất kham không kiểm soát nổi nữa.

Các nhà chiến lược Liên-xô còn nêu lên khả năng chiến tranh hạt nhân có thể nổ ra do một viên sĩ quan có trách

nhệm trong bộ máy chiến tranh để quốc lên cơn điên loạn, có thể vì nhiều lý do khác nhau, từ đó bấm nút phóng tên lửa mang đầu đạn hạt nhân và làm nổ ra chiến tranh quy mô lớn... Việc kiểm soát thần kinh, trạng thái tâm lý của những nhân viên quân sự trong bộ máy chiến tranh trở thành một vấn đề nghiêm chỉnh trong thời đại của vũ khí hạt nhân.

Không nên cho rằng trong phong trào hòa bình, các chiến sĩ đấu tranh trong tay không có vũ khí là thiếu sức mạnh rắn đơ, thiếu khả năng thuyết phục đối với bọn đế quốc đầu sỏ. Bọn chúng coi khinh quân chúng nhưng chúng lại rất lo sợ khi quần chúng vùng dậy đấu tranh, với một khi thế sôi nổi, bên bờ, trên quy mô rộng lớn. Do đó phong trào hòa bình phải trở thành một phong trào hành động sôi nổi của hàng trăm triệu con người ở khắp các lục địa, chia mũi nhọn vào giới cầm quyền đế quốc. Nó liên minh với mọi lực lượng có thể liên minh được, tranh thủ mọi lực lượng và cá nhân có thể tranh thủ được. Đã có hàng loạt tướng lĩnh, đó đốc của Pháp, Ý, Cộng hòa liên bang Đức, Hoa-kỳ, Tây-ban-nha, Hy-lạp, Bồ-đào-nha... tham gia cuộc đấu tranh cho hòa bình dưới nhiều hình thức khác nhau. Một số chính khách tư sản, nghị sĩ, thống đốc, nguyên bộ trưởng ở Mỹ và ở các nước phương Tây khác, cũng như một số nhà tư bản, chủ các công ty lớn sản xuất hàng tiêu dùng chống lại đường lối chạy đua vũ trang và đối đầu trực tiếp của chính quyền Ri-gân. Phong trào bảo vệ hòa bình, chống chạy đua vũ trang mang tính nhân đạo cao cả có tác dụng to lớn đối với mục tiêu xây dựng cuộc sống có an ninh và phồn vinh trên trái đất. Những số tiền khổng lồ chỉ cho chạy đua vũ trang được chuyển sang cho xây dựng

hòa bình sẽ tạo nên biết bao của cải cho xã hội loài người.

Đề phát huy tác dụng tích cực của nó, phong trào hòa bình phải có những hình thức và biện pháp đấu tranh phong phú, sáng tạo, mang tính quần chúng sâu sắc, thích hợp với từng nơi, từng lúc, từng giới.



Bọn đầu sỏ đế quốc, đặc biệt là giới cầm quyền Mỹ do Ri-gân cầm đầu hơn hai năm nay đã gạt hòa hoãn sang một bên, ráo tâm thực hiện một đường lối chính trị hiếu chiến cực đoan, chủ trương đối đầu trực tiếp với Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, mưu toan lao vào một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt nhằm thỏa mãn tham vọng điên cuồng của chúng.

Nhận rõ nguy cơ thật sự của chiến tranh hạt nhân, cả cộng đồng nhân loại đang huy động tiềm lực tinh thần và vật chất của mình để chặn tay bọn gây chiến, bảo vệ hòa bình trên trái đất.

Năm 1983 chắc chắn sẽ được lịch sử ghi nhận như một năm các lực lượng hòa bình hùng hậu trên trái đất có bước phát triển mới cả về lượng và về chất, phát huy được sức mạnh tổng hợp, ngăn chặn hành động hiếu chiến của bọn trùm xâm lược, tạo nên một bước ngoặt trong tình hình chính trị thế giới, cảnh một cái mốc tuyệt đẹp khởi đầu một thời kỳ hòa hoãn mới, với những thắng lợi mới của cuộc đấu tranh vĩ đại cho hòa bình trong thời gian tiếp theo.

Ngon cơ bảo vệ hòa bình thế giới đang được giương cao khắp các lục địa. Đó là ngọn cờ của lương tri thức tỉnh, ngọn cờ đoàn kết, ngọn cờ đấu tranh, ngọn cờ tất thắng của cả nhân loại tiến bộ.

ПЕРЕДОВАЯ — Построим Ханой достойным звания героического города страны. **ДО МЫОЙ** — Успешно упорядочить промышленное производство. **НГУЕН ВАН ЧАН** — Некоторые проблемы распределения инстанций в экономическом управлении в нынешней обстановке. **ТЕ ВЬЕТ ТАН** — Обновление работы по планированию и распределению инстанций в экономическом управлении. **ФАМ ХОНГ ШОН** — Военное учение К. Маркса и задача защиты родины на современном этапе. **ФАМ НЫ КЫОНГ** — Урок, извлеченный из научной деятельности К. Маркса. ★★ ★ Создать новый сдвиг в литературе и искусстве. **ФАН КЫ ДЕ** — Обзор работы по теории и художественно-литературной критике в последнее время. **ЛЕ СУАН ВУ** — Искусство — это не товар! **ТХАНЬ ТИН** — Ускоренное и широкое наступление за мир.

REVIEW OF COMMUNISM N° 6-1983

Editorial — Let us build Hanoi into a city worthy of its name: the heroic capital of Vietnam. **ĐỖ-MUỠI** — Reorganizing industrial production. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Some problems about division of responsibility in economic management in the present situation. **CHẾ VIỆT-TẤN** — Let us renew planning and division of responsibility in economic management. **PHẠM-HỒNG-SƠN** — Karl Marx's military theory and our present tasks of national defence. **PHẠM-NHU-CUÔNG** — Karl Marx's lesson on scientific labour. ★★ ★ — Bringing about a great change in literary and artistic creation. **PHẦN-CỰ-ĐỆ** — Theory on and criticism of literature and arts over the past few years. **LÊ-XUÂN-VŨ** — Art is no commodity! **THÀNH-TÍN** — Large — scale peace offensive: a matter of urgency.

REVUE DU COMMUNISME N° 6-1983

Editorial — Faire de Hanoi la capitale héroïque digne de notre pays. **ĐỖ-MUỠI** — Mener à bien le réaménagement de la production industrielle. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Quelques problèmes de la hiérarchisation de la gestion économique dans la situation actuelle. **CHẾ-VIỆT-TẤN** — Rénover le travail de planification et de hiérarchisation dans la gestion économique. **PHẠM-HỒNG-SƠN** — La théorie militaire de K.Marx et la défense de la Patrie à présent. **PHẠM-NHU-CUÔNG** — La leçon sur le travail scientifique de Karl Marx. ★★ ★ — Créer un grand changement dans la création littéraire et artistique. **PHẦN-CỰ-ĐỆ** — L'étude théorique et la critique dans la littérature et les arts au cours des dernières années. **LÊ-XUÂN-VŨ** — L'art n'est pas une marchandise! **THÀNH-TÍN** — Une prompte et large offensive pour la paix.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 6-1983

Editorial — Hacer de Hanoi la digna capital heroica del país. **ĐỖ-MUỠI** — Optimizar la reorganización de la producción industrial. **NGUYỄN-VĂN-TRẦN** — Algunas cuestiones en la jerarquización de la gestión económica en la actualidad. **CHẾ-VIỆT-TẤN** — Renovar la planificación y la jerarquización de la gestión económica. **PHẠM-HỒNG-SƠN** — La teoría militar marxista y nuestra actual tarea de defensa nacional. **PHẠM-NHU-CUÔNG** — El alocucionador trabajo científico de Carlos Marx. ★★ ★ — Promover un fuerte desarrollo en la creación literaria y artística. **PHẦN-CỰ-ĐỆ** — El trabajo teórico y crítico de arte y literatura en los últimos años. **LÊ-XUÂN-VŨ** — No, el arte no es mercancía. **THÀNH-TÍN** — Una apremiante y amplia lucha por la paz.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 6

1983

NĂM THỨ XXVIII (330)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯ
TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Xây dựng Hà-nội xứng đáng là thủ đô anh hùng của nước ta	1
ĐỎ-MUỖI — Thực hiện tốt việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp	9
NGUYỄN-VĂN-TRẦN — Mấy vấn đề về phân cấp quản lý kinh tế trong tình hình hiện nay	17
CHẾ-VIỆT-TẤN — Đổi mới công tác kế hoạch hóa và phân cấp quản lý kinh tế	25
PHẠM-HỒNG-SƠN — Lý luận quân sự của Mác và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay	31
PHẠM-NHƯ-CƯƠNG — Bài học về lao động khoa học của C. Mác	36
★★★ — Tạo một chuyên biên mạnh mẽ trong sáng tạo văn học nghệ thuật	42
PHAN-CỰ-ĐỆ — Công tác lý luận, phê bình văn nghệ mấy năm qua	46
LÊ-XUÂN-VŨ — Nghệ thuật đầu phải là hàng hóa?	51
TRẦN-TRỌNG-DẮNG-ĐẰN — Mấy vấn đề lý luận văn học, nghệ thuật tại miền Nam hiện nay	55
PHẠM-QUÁN — Lựa chọn cán bộ	60
HỮU-HẠNH — Hiệu quả sản xuất trên địa bàn huyện Hoàng-hóa	66
THẾ-TẬP — Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với cao trào cách mạng 1930 — 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh	72
Độc sách ★ TIẾN-HẢI — Một cuốn sách quý về thanh niên	78
THÀNH-TÍN — Cuộc tiến công khải trương và rộng lớn cho hòa bình	84

8103-A

Tìm đọc:

- **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Một số văn kiện chủ yếu của Đảng về công tác xây dựng Đảng

- **LÊ DUẬN**

Thất bại hơn nửa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ

- **LÊ ĐỨC THỌ**

Phấn đấu nâng cao tinh giản cấp công nhân, tinh tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức

- **NGUYỄN ĐỨC BÌNH**

Mấy vấn đề về tổ chức thực tiễn

- **NGUYỄN KHÁNH**

Xây dựng chế độ làm việc của cấp ủy Đảng

- **★ ★ ★**

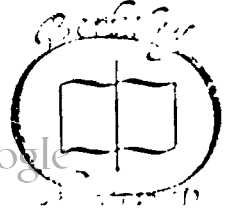
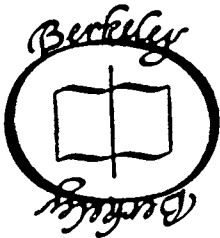
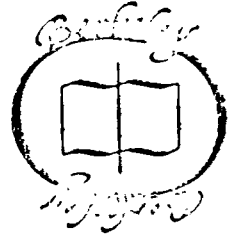
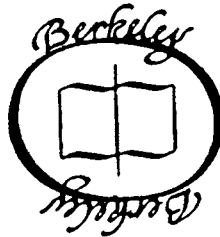
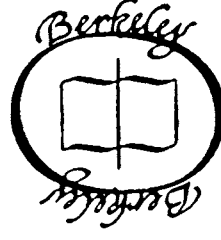
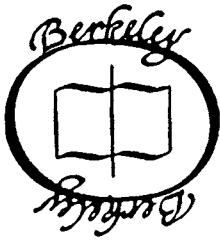
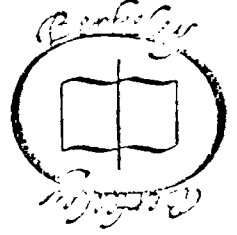
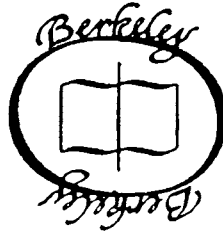
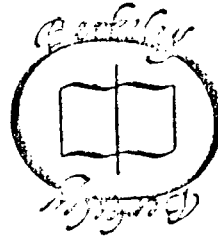
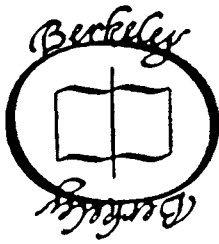
- Tìm hiểu công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng

- Hỏi và đáp về công tác Đảng - Tập I, II

- Sách hướng dẫn Bí thư tổ chức Đảng cơ sở



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT



GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY



8000280362

